

BẠCH DIỆN THƯ SINH

MẶT TRẬN
ĐẠI HỌC
THỜI VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Tủ Sách
HOÀNG SA

MẶT TRẬN ĐẠI HỌC
THỜI VIỆT NAM CỘNG HOÀ

UNIVERSITY BATTLEFRONT
NATIONALIST VS COMMUNIST STUDENTS
IN THE REPUBLIC OF VIETNAM

Bạch Điện Thư Sinh

Bìa và trình bày:
Huỳnh Ngọc Diệp

Tác giả xuất bản tại Hoa Kỳ

In lần thứ nhất 2014
Tái bản 2016 (có sửa chữa)

Tác giả giữ bản quyền
Copyright © 2014 – Trần Vinh

Liên lạc:
hoangsa4000@gmail.com

ISBN: 978-0-692-30765-6

- KÍNH TẶNG ÔNG NGUYỄN THÀNH LONG VÀ CÁC ĐỒNG ĐỘI
- VINH DANH HÀNG NGŨ SINH VIÊN QUỐC GIA

Đặc biệt là các cựu sinh viên can trường:

Ngô Vương Toại, Nguyễn Văn Tấn (Cao Sơn), Trần Lam Giang, Bùi Hồng Sĩ đã bị tổ vũ trang Thành đoàn Cộng sản mưu sát ngay trong khuôn viên Đại học.

- TƯỢNG NIỆM CÁC SINH VIÊN:

Lê Khắc Sinh Nhật (Luật khoa) đã bị ám sát tại trường dưới họng súng của Cộng sản.

Lê Quảng Lạc (Văn khoa), Trần Ngọc Diệp,

Lưu Trường Khương (Luật khoa) đã hi sinh trong ngục tù Cộng sản.

Ngô Đề Hiền (Luật khoa) đã bỏ mình trên biển cả.

Hứa Minh Chánh (Văn khoa), Nguyễn Thanh Nhàn (Khoa học) mang bệnh từ ngục tù Cộng sản về chết ở nhà, chỉ sau một thời gian ngắn.

“Lực lượng Sinh viên Quốc gia, tuy còn nặng nợ đèn sách, đã tự nguyện tham gia chiến đấu chống lại Thành đoàn Cộng sản trong Mặt Trận Đại Học...

Mặt Trận Đại Học diễn ra ngay trong khuôn viên các Phân khoa Đại học, đôi bên so găng bằng những đòn cân não, nhưng vẫn có đổ máu, có hi sinh tính mạng như các chiến sĩ ngoài mặt trận, bởi vì Cộng sản sẵn sàng dùng bất cứ phương tiện nào để đạt mục đích. Mỗi khi chúng yếu thế hoặc thất bại, chúng tổ chức ngay những vụ khủng bố hoặc ám sát các giáo sư và các sinh viên đối thủ.

Với bao gian nan, nguy khó, cuối cùng, Lực lượng Sinh viên Quốc gia đã thắng, đã kiểm soát được tất cả các tổ chức sinh viên công khai, hợp pháp...”

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	7
LỜI MỞ ĐẦU	9
Bài 1 - MẶT TRẬN ĐẠI HỌC	15
Bài 2 – TỔ CHỨC CỘNG SẢN TRONG GIỚI SINH VIÊN.....	28
Bài 3 – TRẦN BẠCH ĐĂNG	39
Bài 4 – SINH VIÊN VIỆT CỘNG HUỖNH TẤN MẮM.....	66
Bài 5 – PTT NGUYỄN CAO KỶ, ĐT DƯƠNG VĂN MINH	92
Bài 6 – SINH VIÊN VIỆT CỘNG GIẾT THẦY GIẾT BẠN.....	113
Bài 7 – NGUYỄN ĐĂNG TRÙNG VÀ LÊ HIẾU ĐĂNG.....	133
Bài 8 – VỀ NHÂN VẬT NGUYỄN NGỌC LAN	150
Bài 9 – ĐỐI DIỆN VỚI LM. CHÂN TÍN 1	176
Bài 10 – ĐỐI DIỆN VỚI LM. CHÂN TÍN 2.....	198
Bài 11 – VỀ NHÂN VẬT LÝ CHÁNH TRUNG	207
Bài 12 – LÊ H. ĐĂNG, ĐÀO HIẾU VÀ HẠ ĐÌNH NGUYỄN.....	222
Bài 13 – BAN A 17	235
Bài 14 – SINH HOẠT SINH VIÊN	248
Bài 15 – VIẾT CHO LẦN TÁI BẢN.....	278
PHỤ BẢN 1 – SƠ LƯỢC CÁI HỌC NHÀ NHO.....	291
PHỤ BẢN 2 – PHONG TRÀO VĂN THÂN	300
PHỤ BẢN 3 – TỔNG HỘI SINH VIÊN ĐÔNG DƯƠNG.....	330
PHỤ BẢN 4 – QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ	358
PHỤ BẢN 5 – GS. NGHIÊM THẨM	374
PHỤ BẢN 6 – CÁCH VIẾT I VÀ Y TRONG SÁCH NÀY.....	393

MẶT TRẬN ĐẠI HỌC
THỜI VIỆT NAM CỘNG HOÀ

LỜI GIỚI THIỆU

Tôi hân hạnh được Bạch Diện Thư Sinh có hảo ý cho xem bản thảo cuốn *Mặt Trận Đại Học*. Tôi đọc ngay và nhận thấy cuốn sách thật đặc sắc, sống động. Căn cứ vào dữ kiện cụ thể, tài liệu chính xác, tác giả đã phản ánh đúng thời kỳ rối ren mà VNCH phải đương đầu, nhất là đã dựng lại bức tranh tình hình xáo trộn liên tiếp xảy ra tại các Phân khoa Đại học Sài Gòn trong những năm 60, 70 thế kỷ trước, cụ thể là tại Văn khoa, nơi tôi giảng dạy nhiều năm.

Cuộc chiến khốc liệt do CSBV phát động hầu xâm chiếm Miền Nam tự do đã qua đi gần 40 năm, đến nay, chẳng còn bao nhiêu bí mật về cuộc chiến mà người quan tâm chưa biết.

Thế nhưng, riêng tôi, tôi vẫn ao ước biết sự thật ẩn nấp đằng sau biết bao cuộc xuống đường, bãi khoá, ám sát, triển lãm, văn nghệ đấu tranh, hát cho đồng bào tôi nghe. Tệ hại nhất là thảm cảnh ba đồng nghiệp của chúng tôi là Gs. Nguyễn Văn Bông, Gs. Lê Minh Trí, và Gs. Trần Anh đã bị sát hại trên đường từ giảng đường về nhà hoặc từ nhà tới sở làm, rồi một số sinh viên của chúng tôi bị bắn, bị sát hại ngay tại đây, ngay tại ngôi trường chúng tôi giảng dạy.

Tôi thật ngạc nhiên và vui mừng tìm được câu trả lời khá thoả đáng trong cuốn *Mặt Trận Đại Học*. Cuốn sách là tài liệu hiếm hoi,

cho thấy, hoá ra Cộng sản Việt Nam đã đánh VNCH bằng đủ mọi mặt trận. Đại học cũng biến thành mặt trận do Thành đoàn Cộng sản lãnh đạo, nghĩa là có giáo sư theo Việt Cộng, có sinh viên là cán bộ Thành đoàn Cộng sản. Họ là lực lượng gây xáo trộn tại các các Phân khoa Đại học. Cũng may mắn và đáng khen, trước tình hình trường ốc bị gây xáo trộn liên tục như thế, đã xuất hiện một tập thể sinh viên Quốc gia ý thức được trách nhiệm của người thanh niên thời chiến, vừa chăm chỉ học hành vừa tích cực hoạt động hầu đẩy lùi ảnh hưởng của tổ chức Thành đoàn Cộng sản ra khỏi học đường.

Ngoài ưu điểm kể trên, tôi cũng chăm chú theo dõi những khám phá khác của tác giả về một số nhân vật tiêu biểu có liên quan tới mặt trận tại đại học thời cận đại cũng như trong lịch sử trường ốc Việt Nam. Riêng phần tác giả coi các Nho sĩ thuở trước như là các sinh viên và Phong trào Văn Thân là phong trào sinh viên tranh đấu lại là một ý kiến mới mẻ.

Mặt trận tại Đại học là mặt trận đặc thù, không liên quan tới một số đông người như những mặt trận khác, nhưng tầm ảnh hưởng chính trị của mặt trận này trong nước và quốc tế không phải là nhỏ so với các mặt trận khác trong toàn cuộc chiến.

Vì thế, chắc chắn cuốn sách *Mặt Trận Đại Học* sẽ lôi cuốn sự chú ý của độc giả thường quan tâm tìm hiểu về cuộc chiến Quốc-Cộng trước 1975 tại Miền Nam Việt Nam.

Tôi hân hạnh giới thiệu tác phẩm cùng bạn đọc bốn phương, đồng thời thành thật cảm ơn tác giả.

Toronto, Canada. Mùa Thu 2014.

Gs. Đỗ Khánh Hoan

Trưởng Ban Anh văn, Đại học Văn khoa Sài Gòn

LỜI MỞ ĐẦU

Sau khi Cộng sản chiếm trọn Miền Nam vào ngày 30-4-1975, mọi con bài của cả kẻ thắng lẫn người thua đều lần lượt được lật ngửa. Các tác giả của hai bên đã công bố hầu như tất cả mọi hoạt động công khai cũng như bí mật của mình.

Riêng về những hoạt động của giới sinh viên thời chiến tranh, phía Cộng sản cũng đã công khai hoá các hoạt động của họ. Thật vậy, trong công tác mà người Cộng sản gọi là *Thanh vận*, tức là *Thanh niên, Sinh viên, Học sinh vận*, phía Đoàn (tức Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam hay Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng, nay là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) và Thành đoàn Cộng sản (tức Đoàn Thanh niên Cộng sản Thành phố Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ vận động thanh niên nội thành Sài Gòn - Gia Định) đã phổ biến rộng rãi trong nước nhiều cuốn sách, như: *Phong Trào Đấu Tranh Chống Mỹ Của Giáo Chức Học Sinh Sinh Viên Sài Gòn* (Hồ Hữu Nhựt. NXB Thành Phố HCM, năm 1984, 226 trang), *Theo Nhịp Khúc Lên Đàng* (Nhiều tác giả. NXB Trẻ, năm 1999, 1066 trang), *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Và Phong Trào Thanh Niên Việt Nam* (Nhiều tác giả. NXB Thanh Niên, 616 trang), *Trui Rèn Trong Lửa Đỏ* (Nhiều tác giả. NXB Trẻ, năm 2005, 504 trang), *Huyền Tấn Mãm Một Đồi Sôi Nổi* (Diệu Ân. NXB Lao Động, năm 2008, 290 trang)... Hầu như tất cả đều viết với giọng điệu khoe khoang hoặc tăng công cho nhau trong tư thế kẻ chiến thắng. Một điều dễ nhận thấy là họ chỉ thi nhau thuật lại thành tích “làm cách mạng lật đổ” tức là chuyện “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”. Đang khi đó, họ không nói họ có làm được cuộc cách mạng chính trị hay không và làm ra sao, tức là sau khi người Mỹ đã ra đi và Việt Nam Cộng Hoà (VNCH) sụp đổ rồi, thì họ có “xây dựng đất nước bằng mười”, có làm cho dân giàu nước mạnh, có bảo vệ văn hoá, bảo vệ thuần phong mỹ tục, bảo vệ danh dự dân tộc hay không; rồi chuyện giáo dục tụt hậu, mất phương hướng, chuyện quốc nạn tham nhũng và những chuyện xài luật rừng, hèn với giặc, ác với dân, v.v....; nhất

là chuyện có bảo vệ được sự toàn vẹn lãnh thổ hay không.

Tuy nhiên, trong mấy năm vừa qua, người ta thấy xuất hiện một số cán bộ Thành đoàn Cộng sản, xưa đã đấu tranh tích cực chống “Mĩ, Ngụy” trong Đại học, nay từ úp mở tới công khai, bắt đầu tỏ thái độ bất mãn, phản kháng chế độ hoặc tố cáo nhà cầm quyền Cộng sản phản bội lại “lí tưởng tốt đẹp” thời tuổi trẻ của họ. Tuy mỗi trường hợp còn ẩn chứa những vấn đề riêng, nhưng có thể kể ra một số tên tuổi quen thuộc như Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Công Giàu, Đào Hiếu, Hạ Đình Nguyên...; mạnh mẽ nhất là Lê Hiếu Đằng, mới đây đã công khai xé thẻ Đảng Cộng sản, đòi lập ra đảng mới!

Về phía những người Quốc gia từng có liên quan tới môi trường trường Đại học ở Miền Nam trước 1975, mới chỉ có một ít bài viết về các phong trào sinh viên tranh đấu ngày xưa, số và lượng chưa phơi bày được nhiều sự thật còn ẩn dấu trong những phong trào sinh viên này.

Nhận thấy những thế hệ sống dưới thời VNCH, nhất là giới cựu sinh viên xuất thân từ các trường Đại học Miền Nam, sắp qua đi, nhưng họ và những ai quan tâm, đặc biệt là các thế hệ mai sau cần có cơ hội nghe biết một tiếng nói thứ hai về các phong trào sinh viên tranh đấu trước 1975, nhất là trong khoảng thời gian 1966 tới 1971.

Để góp phần nhỏ nhoi trong việc gióng lên tiếng nói thứ hai ấy, chúng tôi gom lại trong cuốn sách này những bài viết của chúng tôi liên quan tới các phong trào sinh viên tranh đấu, mục đích là để chứng minh thật sự đã nổ ra một Mặt Trận Đại Học trước 30-4-1975, giữa một bên là Thành đoàn Cộng sản, bên kia là Lực lượng Sinh viên Quốc gia, và kết quả trận đánh này ra sao.

Về phía Thành đoàn Cộng sản, chúng tôi sẽ trình bày sơ lược các tổ chức của Cộng sản trong trường ốc, kèm theo là các cán bộ cốt cán phụ trách các tổ chức này. Sau đó, chúng tôi lựa chọn để khắc họa chi tiết về 3 nhân vật có thể coi là tiêu biểu cho 3 loại cán bộ Thành đoàn Cộng sản: Một là Trần Bạch Đằng, người chỉ huy trực tiếp và cao nhất bên phía Cộng sản trong mặt trận đô thị, bao gồm mặt trận Đại học; hai là Huỳnh Tấn Mẫm, tiêu biểu cho loại

sinh viên Việt Cộng nhiệt tình tranh đấu, lập nhiều thành tích, nổi đình đám, nhưng cuối cùng bị bỏ rơi; ba là Nguyễn Đăng Trưng, tiêu biểu cho loại cán bộ trung kiên, vừa khôn khéo thâm đạt địa vị, vừa có dư thủ đoạn để bám giữ lâu dài vị trí quyền hành.

Biết rõ về 3 cán bộ tiêu biểu này, quý độc giả sẽ có sự hiểu biết chung chung về các cán bộ Thành đoàn Cộng sản khác.

Về phía Lực lượng Sinh viên Quốc gia, chúng tôi đánh giá cao sự hi sinh thân tâm của các sinh viên Quốc gia, vừa miệt mài trả nợ đèn sách vừa ý thức bổn phận người sinh viên Quốc gia, hăng hái tham gia các hoạt động nhằm loại bỏ ảnh hưởng của các cán bộ Thành đoàn Cộng sản ra khỏi môi trường trường Đại học, đồng thời tích cực tham gia các sinh hoạt học đường lành mạnh, các chuyến đi công tác cứu trợ đồng bào tị nạn Cộng sản, đồng bào nạn nhân bão lụt, đi thăm các chiến sĩ trấn đóng tiền đồn...

Hoạt động của Lực lượng Sinh viên Quốc gia trong Mặt Trận Đại Học từ cuối năm 1971 được lợi thế hơn nhờ có sự nhập cuộc của Ban A 17 thuộc Phủ Đặc uỷ Trung ương Tỉnh báo; đây là đơn vị đặc biệt tinh nhuệ, có khả năng biết rõ đối phương và biết cách đánh thắng đối phương.

Ngoài ra, cuốn sách còn có một số bài về những nhân vật liên hệ xa gần với các phong trào sinh viên tranh đấu trong chủ đề Mặt Trận Đại Học. Đời tư của những nhân vật này không quan trọng, hành động chính trị của các nhân vật này mới là chủ đích của bài viết, bởi vì những hoạt động công khai của họ đã gây ảnh hưởng khá lớn tới nhiều người, tới số phận của Miền Nam tự do.

Chủ đề Mặt Trận Đại Học cũng là cơ hội thúc đẩy chúng tôi tìm hiểu thêm về những cuộc đấu tranh của giới sinh viên thời Nho học và thời Pháp thuộc. Từ đó, cho thấy mối liên hệ, điểm tương đồng và điểm dị biệt giữa những cuộc đấu tranh của các thế hệ sinh viên Việt Nam. Những sự việc trong các bài tìm hiểu thêm này xảy ra trước thời điểm của chủ đề Mặt Trận Đại Học Thời VNCH, vì thế chúng tôi sắp xếp các bài ấy vào phần Phụ bản. Riêng bài cuối cùng, *GS. Nghiêm Thẩm Vị Giáo Sư Anh Hùng Nhà Khoa Học Chân Chính*, là để tưởng niệm và tri ân vị giáo sư bảo trợ luận văn Cao học của chúng tôi.

Mặt Trận Đại Học diễn ra tại Thủ đô Sài Gòn, vì thế, nội dung đa số các bài viết cũng hạn chế trong phạm vi Sài Gòn – Gia Định.

Vì các bài được viết trong những thời điểm khác nhau, từ 2009 tới 2013, cho nên đôi khi có một vài chi tiết cần lặp lại để độc giả tiện theo dõi từng bài viết hơn, và có một số bài đã được phổ biến cũng cần nhuận sắc, trước khi đưa vào sách này.

Đồng thời, chúng tôi xin minh xác 4 điểm:

Thứ nhất, chủ đề này khá rộng lớn, còn cần sự đóng góp của nhiều người nữa mới tạm đầy đủ được.

Thứ hai, chúng tôi chỉ chú trọng tới tính chiến đấu chống lại Thành đoàn Cộng sản trong Mặt Trận Đại Học cho nên chúng tôi không đề cập tới những sinh hoạt văn hoá, văn nghệ và xã hội nổi bật thời đó của giới trí thức trẻ nói chung, của tập thể sinh viên Sài Gòn nói riêng. Chẳng hạn như *Chương Trình Phát Triển Quận 8*, *Chương Trình Công Tác Hè 1965*, *Giỗ Tổ và Hội Tết Làng Văn Khoa*, *Ban Trầm Ca* (1965), *Phong Trào Du Ca*, *Đoàn Văn Nghệ Sinh Viên Học Sinh Nguồn Sống* (1966), *Chương Trình Phát Triển Sinh Hoạt Thanh Niên Học Đường* (CPS, 1966), *Phong Trào Học Đường Phụng Sự Xã Hội...* Những tổ chức và những sinh hoạt ấy chủ trương “phi chính trị, phi tôn giáo, phi ý thức hệ, phi mọi thứ cạnh tranh của cái thời giao động, đấu đá...”, cho nên không mang tính chiến đấu trực diện với Thành đoàn Cộng sản.

Thứ ba, trong cuốn sách này, chúng tôi chỉ xoay quanh chủ đề Mặt Trận Đại Học, chưa bàn những chuyện liên quan tới các trường Trung học. Thực ra, tổ chức mật của Thành đoàn Cộng sản gồm có Đoàn uỷ Sinh viên và Đoàn uỷ Học sinh. Còn những tổ chức công khai mà họ muốn nắm lấy là Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, Tổng đoàn Học sinh Sài Gòn... Tổng đoàn Học sinh phát triển được tới 16 chi đoàn, nhưng chưa gây được tiếng vang bởi vì thủ lĩnh Lê Văn Nuôi, một đảng viên, bị bắt ngày 3-10-1971 và bị đưa ra toà án xét xử ngày 23-3-1972. Đảng khác, vào khoảng thời gian 1971- 75, phía Lực lượng Sinh viên Quốc gia cũng đã có nhiều hiểu biết về Tổng đoàn Học sinh và đang tiếp tục theo dõi các hoạt động của tổ chức này.

Thứ tư là về hình ảnh. Những tấm hình chụp các sinh hoạt của

hàng ngũ sinh viên Quốc gia trước ngày 30-4-1975 nay rất hiếm và rất quý. Tiếc rằng những tấm hình này cũng đã phải chịu chung số phận bầm dập như thân phận của tất cả mọi người Việt tị nạn Cộng sản, cho nên nhiều tấm không còn rõ nét.

Các phong trào sinh viên tranh đấu không là lực lượng giải quyết dứt điểm một cuộc cách mạng, một cuộc đổi đời chính trị, nhưng nó luôn luôn có thể đóng vai trò mũi nhọn tiến công tiên phong.

Hiểu biết và rút tĩa những bài học từ các phong trào sinh viên tranh đấu là điều giới sinh viên, học sinh, gia đình, học đường và nhất là những nhà lãnh đạo đất nước cần quan tâm.

Dù sao, đây mới chỉ là một nỗ lực cá nhân, chắc chắn còn thiếu sót rất nhiều. Chúng tôi thành thực mong mọi nhận được sự chỉ giáo hữu ích của quý độc giả.

Nhân đây, chúng tôi xin cảm ơn tất cả các tác giả mà chúng tôi đã trích dẫn để làm sáng tỏ luận điểm trong từng bài viết. Chúng tôi xin cảm ơn Gs. Đỗ Khánh Hoan đã viết Lời Giới Thiệu, bào huynh là Bs. Trần Hoàn đã đọc bản thảo và góp ý tổng quát. Chúng tôi cũng xin cảm ơn Ts. Trần An Bài, Giám đốc Nguyễn Trần Quý, Chủ tịch Tổng hội SVSG Lý Bửu Lâm đã viết nhận xét; các thân hữu Trần Văn Huyền, Nguyễn Long Thao, Trần Mạnh Trác, Bửu Uy, Nguyễn Hữu Tâm, Trương Văn Banh, Nguyễn Thế Viên, Lê Anh Kiệt, Phạm Minh Cảnh, Đỗ Hữu Phương, Biện Thị Thanh Liêm... đã đóng góp cho chúng tôi những ý kiến, những tài liệu và hình ảnh quý báu. Chúng tôi xin cảm ơn họa sĩ Huỳnh Ngọc Điệp đã bỏ nhiều công sức để thiết kế trang bìa và trình bày sách.

Sau hết, xin đặc biệt cảm ơn bà xã Thu Lan, các con Mandy - Quốc Tuấn, và Tommy đã luôn luôn khuyến khích và giúp đỡ chúng tôi trong việc thực hiện và ấn hành cuốn sách này. To my beloved grandchildren Teresa, Annie, and Emily.



Viện Đại học Sài Gòn trước 1975



*Lý Bửu Lâm
Chủ tịch Tổng hội SVSG
1970-71
Trưởng trường SV
Kiến trúc, 1969-72
(Hình 2011)*



*Bửu Uy
Chủ tịch Tổng hội SVSG
1972-73
Chủ tịch BDD SV
Văn khoa, 1972-73
(Hình 1973)*



*Phạm Minh Cảnh
Chủ tịch Tổng hội SVSG
1973-75
Chủ tịch BDD SV
Khoa học, 1973-74
(Hình 2011)*

Bài 1 - MẶT TRẬN ĐẠI HỌC

Trong thời Cộng sản Bắc Việt tiến hành cuộc chiến tranh ác liệt xâm chiếm Miền Nam tự do, họ đánh Việt Nam Cộng Hoà (VNCH) bằng ba mặt trận lớn là *chính trị, quân sự và binh vận* (“Ba mũi giáp công”). Dư luận quốc tế cũng như trong nước thường chỉ biết nhiều về hai mặt trận *chính trị và quân sự*, ít có ai để ý tới mặt trận *binh vận*. Người Cộng sản hiểu *binh vận* là hoạt động tuyên truyền, vận động nhằm lôi kéo người trong quân đội địch, hầu làm tan rã hàng ngũ của đối phương. Như thế, đối tượng của *binh vận* là các thành phần trong Quân Đội VNCH. Mặt trận *quân sự* rất dễ nhận biết. Mặt trận *chính trị* mang nội dung rộng lớn, bao trùm nhiều lĩnh vực, như *đoàn thể, tổ chức quần chúng, dân vận, Hoa vận, phụ vận, trí vận, thanh vận*; trong đó, công tác *ngoại giao* là hết sức quan trọng, nhất là từ khi diễn ra cuộc Hoà Đàm Paris (1968-1973). Đối tượng của *Hoa vận* là các cộng đồng người Hoa; *phụ vận* là giới phụ nữ; *trí vận* là các thành phần trí thức; còn *thanh vận* nhắm vào thanh niên, sinh viên và học sinh.

Nhằm các mục tiêu chính trị, Cộng sản đặc biệt chú trọng tới mặt trận diễn ra tại các thành phố lớn, nhất là tại Sài Gòn – Gia Định, thứ đến là Huế và Đà Nẵng, bởi vì đây là những trung tâm dư luận trong cả nước và quốc tế.

Cộng sản đánh giá lực lượng sinh viên, học sinh là mũi nhọn tiến công tiên phong trong mặt trận đô thị. Vì thế, để có thể gây xáo trộn hậu phương VNCH tối đa, họ đã sử dụng lực lượng xung kích này để phát động các cuộc đấu tranh, quen gọi là các phong trào sinh viên tranh đấu.

I. CÁC PHONG TRÀO SINH VIÊN TRANH ĐẤU

Ở Miền Nam, trước 30-4-1975, không phải phong trào sinh viên tranh đấu nào cũng do Cộng sản phát động. Nói cách khác, có hai giai đoạn sinh viên tranh đấu.

1. Từ 1963 tới 1965

Các cuộc tranh đấu của sinh viên trong giai đoạn này, nói

chung, đều do các sinh viên Quốc gia chống phá các chính quyền Quốc gia: Tranh đấu nhằm lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm và nền Đệ Nhất Cộng Hoà (1963); chống chính quyền Nguyễn Khánh trong vụ Hiến chương Vũng Tàu (25-8-1964); chống chính phủ Trần Văn Hương vì không chấp nhận việc Phật giáo (Viện Hoá Đạo) và sinh viên gây áp lực lên chính quyền (cuối năm 1964, đầu 1965).

“Lãnh tụ” cầm đầu các đợt tranh đấu dữ dội của tập thể sinh viên tại Thủ đô Sài Gòn trong khoảng thời gian giữa 1964 tới đầu 1965 là cặp bài trùng Bôi - Nho. Nho tức Nguyễn Trọng Nho, sinh viên Nông Lâm Súc, Trưởng ban Hành động của Tổng hội Sinh viên Sài Gòn (Tổng hội SVSG). Nho nổi tiếng là “Vua xuống đường”. Bôi tức Lê Hữu Bôi, sinh viên Quốc gia Hành chánh, Chủ tịch Tổng hội SVSG (Trong trận Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, Lê Hữu Bôi bị Việt Cộng chôn sống tại Huế).

Trong khoảng thời gian 1963 tới 1965, Thành đoàn Cộng sản (lúc đó có tên là Đoàn Thanh niên Lao động VN hoạt động nội Thành Sài Gòn – Gia Định) chưa thực sự lãnh đạo các cuộc tranh đấu của sinh viên, vì họ chưa xâm nhập đủ cán bộ, chưa nắm được các tổ chức sinh viên hợp pháp.

Suốt năm 1964 và đầu 1965, tại Thủ đô Sài Gòn, đang khi cặp bài trùng Bôi - Nho lãnh đạo sinh viên tham gia các đợt xuống đường chống chính quyền thì ngoài miền Trung, nhất là tại Huế và Đà Nẵng, TT. Thích Trí Quang cho thành lập ra tổ chức Hội đồng Nhân dân Cứu quốc do Bs. Lê Khắc Quyến làm chủ tịch (sau đổi thành Lực lượng Tranh thủ Cách mạng) mục đích là liên tục gây biến động chính trị để tiến tới cướp chính quyền. Họ dùng chiêu bài “Chống đàn áp Phật giáo”, “Cần Lao ngọc đầu dậy”, “Diệt Cần lao Thiên Chúa giáo”... để kích động quần chúng, nhất là tập thể sinh viên, học sinh trong tổ chức Lực lượng Thanh niên, Sinh viên, Học sinh Cứu quốc (Lực lượng TNSVHSCQ). Họ chiếm cứ Đại học Huế, các trường Trung học và đài phát thanh Huế; tổ chức bãi khoá, kích động bãi thị, bãi công, đốt phá hai phường Thanh Bờ, Đức Lợi của dân Công giáo (Đà Nẵng) và đang trên đà mở rộng hoạt động về phía Nam, tới Nha Trang, Phan Thiết. Những hành

động phi pháp ấy được chính quyền xu nịnh Nguyễn Khánh làm ngo, nhất là được sự yểm trợ của Tướng Nguyễn Chánh Thi, lúc ấy là Tư lệnh Sư đoàn I (01-1964), rồi Tư lệnh Quân đoàn I (10-1964).

Tình hình an ninh tổng quát căng thẳng, bất ổn, khiến cho dư luận hết sức lo lắng. Trước tình thế nguy biến ấy, một nhóm sinh viên Quốc gia thuộc nhiều Phân khoa Đại học Sài Gòn đã liên kết với nhau thành một tổ chức, lấy tên là Lực lượng Sinh viên Liên khoa Sài Gòn (Lực lượng SVLKSG). Các sinh viên hoạt động tích cực trong Lực lượng SVLKSG như: Nguyễn Phúc Liên (Văn khoa, nay là giáo sư Kinh tế tại Thụy Sĩ), Nguyễn Phúc Tài (QGHC, Bộ Nội vụ), Vũ Công (Văn khoa, QGHC, Dân biểu và Bộ trưởng VNCH), Nguyễn Duy Bảo (Văn khoa, Luật khoa, Chủ tịch Hội đồng tỉnh Gia Định), Nguyễn Trần Quý (Luật khoa, QGHC, Giám đốc tại Thượng Nghị viện), Trần Văn Cảo, (Y khoa, bác sĩ Quân y), Nguyễn Thế Linh (Sư phạm), Phạm Xuân Cảnh (QGHC, Tiến sĩ Kinh tế tại Thụy Sĩ), Trần Minh Công (Sư phạm), Phạm Hữu Đàm (Phủ TT)...

Lực lượng SVLKSG nhằm mục tiêu cấp bách là phê bỏ Ban Chấp hành Tổng hội SVSG do Bôi và Nho đang cố bám giữ, mặc dù đã mãn nhiệm kì từ lâu. Có như thế, Bôi – Nho mới không thể tiếp tục lợi dụng danh nghĩa Tổng hội SVSG để tổ chức những cuộc biểu tình gây bất ổn hậu phương và làm xáo trộn các trường học, nhằm phục vụ mưu đồ phe nhóm.

Để đạt mục tiêu đề ra, Lực lượng SVLKSG đã tập hợp hàng trăm sinh viên đến trụ sở Tổng hội SVSG số 4 Duy Tân để áp lực Bôi - Nho từ chức, nhưng Lê Hữu Bôi vắng mặt, còn Nguyễn Trọng Nho đã nhảy cửa sổ phía sau trốn qua cơ quan Thanh niên Đô thành. Sau đó, sinh viên Trần Quang Trí (QGHC 11) được bầu làm Chủ tịch Tổng Hội SVSG, kế tiếp là sinh viên Tô Lai Chánh (Luật khoa).

Tuy cặp Bôi – Nho không còn nắm Tổng hội SVSG, nhưng ảnh hưởng của phe Phật giáo đấu tranh còn khá mạnh trong giới sinh viên và học sinh Sài Gòn. Đang khi đó, ngoài miền Trung, Lực lượng Thanh niên, Sinh viên, Học sinh Cứu quốc của Bs. Lê

Khắc Quyến vẫn còn tung hoành ngang dọc.

Để đối phó với tình hình này, Lực lượng SVLKSG tự đổi tên thành Lực lượng Sinh viên, Học sinh Bảo vệ Giáo dục Thuần túy (Lực lượng SVHSBVGDTT). Lực lượng SVHSBVGDTT tổ chức lễ ra mắt tại Thảo cầm viên Sài Gòn, tổ chức biểu tình trước Viện Đại học Sài Gòn và tích cực vận động ban giám hiệu các trường trung học mở cửa trường và tìm hết cách bảo đảm cho sinh viên, học sinh được an tâm học tập. Nỗ lực hoạt động để vẫn giữ trật tự cho các trường học của Lực lượng SVHSBVGDTT được sự hưởng ứng của ban giám hiệu nhiều trường tại Sài Gòn – Gia Định, ra tới Đà Lạt, Nha Trang và Phan Thiết. Ngoài miền Trung, đã có những cuộc phản biểu tình. Những nỗ lực ấy đã chặn đứng được mưu đồ bành trướng thế lực về phía Nam của Lực lượng TNSVHSCQ.

Sau đó, dự kiến có thể hoạt động lâu dài và với mục tiêu rộng lớn hơn, Lực lượng SVHSBVGDTT lại đổi tên thành Phong trào Sinh viên Tự do Dân chủ, gọi tắt là Tự Dân.

2. Từ 1966 tới 1971

Khoảng cuối Tháng 02-1966, cuộc “Biến động miền Trung” bùng nổ dữ dội. Phe Phật giáo đấu tranh đòi dân chủ, đòi soạn thảo hiến pháp mới, “Đả đảo quân phiệt Thiệu - Kỳ” để bảo vệ đạo pháp, truy quét “Dư đảng Cần lao”... Tại Đà Nẵng, một vài đơn vị quân đội li khai, không phục tùng chính quyền trung ương. Ngoài Huế, một số lính Sư đoàn I, Địa Phương quân, Nghĩa quân bỏ hàng ngũ đi theo phe Phật giáo đấu tranh. Họ tập hợp thành Chiến đoàn Nguyễn Đại Thúc. Đồng thời, họ tái lập lực lượng xung kích, tức Đoàn Học sinh, Sinh viên Quyết tử (Đoàn HSSVQT). Thành phần nòng cốt của Đoàn HSSVQT, một số là những cán bộ Việt Cộng nội thành, một số là thành phần cốt cán của Lực lượng TNSVHSCQ trước đây. Người dân Huế còn nhớ tên của những người này, như: Vĩnh Kha (Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Huế, Trưởng Đoàn Sinh viên Phật tử), Nguyễn Đắc Xuân (Sư phạm), Trần Quang Long (Sư phạm), Hoàng Phủ Ngọc Phan (Y khoa), Phan Chánh Dinh (tức Phan Duy Nhân), Nguyễn Thiết (tức Hoàng Dung, Luật khoa), Hoàng Phủ Ngọc Tường (dạy tại Trường Quốc

Học), Nguyễn Hữu Châu Phan, Hoàng Thị Thọ (nữ sinh Đồng Khánh), Phạm Thị Xuân Quế (Y khoa), Tôn Thất Kỳ, Bửu Chi (hoạ sĩ)... Từ đó, họ kích động dân chúng liên tục xuống đường, bãi công, bãi thị, chiếm đài phát thanh Huế, chiếm Bộ Chỉ huy Cảnh sát tỉnh Thừa Thiên và thị xã Huế, cướp kho súng đạn, xe cộ, máy móc, rồi phân phát cho nhau đi tuần tiễu khắp nơi trong thành Phố Huế. Huế lúc này không còn thuộc chính phủ Sài Gòn mà là của TT. Thích Trí Quang. Tình hình miền Bắc Trung phần hết sức nguy nan. Cuối cùng, chính quyền trung ương phải đưa quân ra Đà Nẵng (15-5-1966) và Huế (19-6-1966) để dẹp loạn.

Khi Việt Cộng mở đợt tấn công bất ngờ và tạm chiếm Huế hồi Tết Mậu Thân 1968, bọn thành viên chủ chốt trong Đoàn Học sinh, Sinh viên Quyết tử lại xuất hiện với tên mới là Lực lượng Học sinh, Sinh viên Giải phóng Huế. Những tay chủ chốt của Lực lượng này, như Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Phan..., đã tổ chức ra Đoàn Thanh niên Võ trang Bảo vệ Khu phố với các Đội Tự vệ Thành. Chính bọn họ hung hăng nhất trong việc đi ruồng bắt và bắn giết nhiều người, trong đó có các sinh viên, học sinh và giáo sư ở Huế.

Tại Sài Gòn, Thành đoàn Cộng sản đã kịp thời chớp lấy cơ hội Miền Nam rối loạn này. Họ ráo riết cho cán bộ xâm nhập vào tập thể sinh viên Sài Gòn và tuyển mộ thêm những phần tử hiếu động và nhẹ dạ đi theo họ. Từ 1966, các cán bộ Thành đoàn Cộng sản dần dần nắm được Tổng hội SVSG, Tổng Đoàn Học sinh Sài Gòn, một số ban đại diện sinh viên các Phân khoa lớn và Đoàn Thanh niên Sinh viên Phật tử. Từ đó, họ liên tục mở ra các đợt tranh đấu làm rối loạn ngay tại Thủ đô Sài Gòn, gây tiếng vang rất lớn. Chi nguyên việc họ liên tục nắm giữ được tổ chức hợp pháp quan trọng là Tổng hội SVSG suốt 4 nhiệm kỳ đã là một thành tích đáng kể (Từ ngày 30-4-1967: Hồ Hữu Nhứt, 1967-68: Nguyễn Đăng Trùng, 1968-69: Nguyễn Văn Quỳ, 1969-70: Huỳnh Tấn Mẫm). Sở dĩ các cán bộ Thành đoàn Cộng sản có thể nắm được các tổ chức sinh viên công khai hợp pháp là vì thời ấy, ngoài những cơ quan có trách nhiệm về an ninh, dân Sài Gòn nói chung, khối đa số sinh viên thầm lặng nói riêng, có thái độ thờ ơ lãnh đạm, không

quan tâm, không tìm hiểu về những phong trào sinh viên, học sinh tranh đấu; lại càng không biết gì về hệ thống tổ chức cũng như thành phần cán bộ Cộng sản cốt cán lãnh đạo những tổ chức này. Thậm chí, một số đã có cảm tình hoặc đã tiếp tay, tham gia vào những phong trào tranh đấu do các cán bộ Cộng sản kích động.

Tuy nhiên cũng ghi nhận, trong khối đa số sinh viên thàm lạng, đã nổi lên một số sinh viên Quốc gia ý thức được nguy cơ môi trường đại học đang bị các cán bộ Thành đoàn Cộng sản khống chế. Họ liên kết với các sinh viên thuộc Chi bộ Việt Nam trong Liên minh Á châu chống Cộng, tạo thành một hàng ngũ sinh viên chống Cộng. Họ lập ra Ban Bảo vệ Tổ quốc và Dân quyền do sinh viên Trần Lam Giang làm chủ tịch và sinh viên Nguyễn Văn Tấn (Tấn “Mốc”, kí giả Cao Sơn) làm tổng thư kí; đồng thời, họ thành lập các liên danh ra tranh cử hầu nắm lại ban đại diện sinh viên tại các Phân khoa lớn. Thế là một cuộc đối đầu diễn ra tại Đại học Sài Gòn, giữa một bên là các cán bộ Thành đoàn Cộng sản và một bên là các sinh viên Quốc gia chống Cộng. Để đạt được mục tiêu là nắm cho bằng được các tổ chức sinh viên công khai, hợp pháp, các cán bộ Thành đoàn Cộng sản đã xử dụng bất cứ thủ đoạn nào, từ trực tiếp mời chào những lá phiếu bầu cử hợp pháp tới gửi thư nặc danh đe dọa đối thủ, như việc chúng gửi đi một danh sách gồm 20 sinh viên bị chúng lên án tử hình. Trong danh sách ấy, có tên các sinh viên Phạm Quân Khanh, Phạm Phúc Hưng, Phạm Tài Tấn (Thư Sinh), Nguyễn Văn Tấn, Phạm Bằng Tường, Nguyễn Tường Quý, Khổng Trọng Hình, Bùi Hồng Sĩ, Ngô Vương Toại, Phạm Quốc Bảo, Hồng Nguyên Sĩ, Ngô Thế Vinh...

Và cuối cùng, Cộng sản lộ nguyên hình là những tên “ác ôn côn đồ Việt Cộng” bằng cách dùng vũ lực hòng tiêu diệt đối thủ ngay tại các giảng đường, như trường hợp chúng toan đóng đinh vào đầu sinh viên Trần Lam Giang tại Dược khoa, bắn các sinh viên Ngô Vương Toại, Nguyễn Văn Tấn và Bùi Hồng Sĩ tại Đại học Văn khoa Sài Gòn (1967). Một số giáo sư bị Việt Cộng đánh giá là nguy hiểm, cũng bị chúng ra tay sát hại không hề nương tay, như trường hợp chúng ám sát Gs. Lê Minh Trí, Bộ trưởng Giáo dục và Gs. Trần Anh, Khoa trưởng Y khoa (1969).

Đặc biệt là từ cuối năm 1969, tình hình sôi động hẳn lên với sự xuất hiện của “Trùm sinh viên tranh đấu” Huỳnh Tấn Mẫm. Huỳnh Tấn Mẫm là một đảng viên Cộng sản hoạt động dưới nhãn hiệu một sinh viên Y khoa thuần tuý. Vào thời điểm đó, Mẫm nắm 3 chức vụ: Phó Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Y khoa, Chủ tịch Tổng hội SVSG và Chủ tịch Ban Đại diện Đại học xá Minh Mạng. Với vị thế công khai, hợp pháp, và dưới sự chỉ đạo của Thành đoàn Cộng sản, Huỳnh Tấn Mẫm cùng các cán bộ Thành đoàn đã khống chế các Phân khoa Đại học Sài Gòn và quây phá tung bừa trên các đường phố Thủ đô. Họ liên tục phát động các cuộc tranh đấu với đủ mọi hình thức, từ xuống đường, bãi thi, bãi khoá tới bạo loạn, đốt phá, ám sát và với đủ mọi khẩu hiệu: “Chống Mĩ, Ngụy”, chống chiến tranh, đòi hoà bình tức khắc, đòi thả sinh viên bị bắt, chống bầu cử, chống chương trình quân sự học đường, đòi quyền sống đồng bào, cải thiện chế độ lao tù, bảo vệ quyền phụ nữ, đốt xe Mĩ, hát cho đồng bào tôi nghe, nói với đồng bào, triển lãm tội ác chiến tranh...

Cảnh sát Quốc gia Đô Thành đã hoạt động tích cực và đã vô hiệu hoá được một số cán bộ Thành đoàn Cộng sản.

Trong số các cán bộ Thành đoàn từng bị bắt, có những tên tuổi được báo chí nhắc tới khá nhiều, như Huỳnh Tấn Mẫm, Chủ tịch Tổng hội SVSG 1969-70, Lê Văn Nuôi, Chủ tịch Tổng đoàn Học sinh Sài Gòn 1970-71... Thật ra, những tên tuổi này, lúc ấy, chỉ là cấp thấp, nằm trong hệ thống mặt nổi. Những cán bộ mặt chìm cao cấp hơn, mới thực sự nắm quyền chỉ huy. Một số những cán bộ lãnh đạo này còn nằm trong bóng tối. Một số khác đã bắt giữ, như: Lê Quang Vịnh, Lê Minh Quới (Bảy Tương, Bảy Lễ), Trần Quang Cơ (Tám Lượng), Hồ Hảo Hớn (Ba Lược, Hai Nghi), Nguyễn Ngọc Phương (Ba Triết), Phan Chánh Tâm (Năm Pha, Ba Vạn), Lê Hồng Tư (Năm Thợ Hồ), Phan Văn Dinh (Tám Bông, Chín Ké), Dương Văn Bảy (Bảy Không, Ba Niên) Trầm Khiêm (Hai Lâm), Trần Thị Ngọc Hảo (Tư Tín, cán bộ điều khiển Huỳnh Tấn Mẫm), Lê Công Giàu...

Tiếc thay, công lao của lực lượng an ninh VNCH kể trên chưa đem tới thành công triệt để, chưa có thể bảo đảm được sự ổn định

lâu dài cho học đường và an bình cho Đô thành. Qua xét xử, nhiều lần, quan toà đã thả những cán bộ Thành đoàn nòng cốt ra, một phần vì luật pháp Quốc Gia đòi hỏi phải có thêm bằng chứng; phần khác, vì chính quyền lúc đó chịu áp lực dư luận báo chí thiên tả trong nước và quốc tế rất nặng nề. Nhất là vì một số thành phần thiên Cộng, thiên tả trong Quốc hội, tôn giáo, báo chí, trí thức đã bênh vực ồn ào cho Huỳnh Tấn Mẫm và một nhóm nhỏ sinh viên là cán bộ cốt cán thuộc Thành đoàn Cộng sản đã bị bắt giữ để đem ra xét xử.

II. MẶT TRẬN ĐẠI HỌC

Tình hình các trường học tại Thủ đô Sài Gòn hết sức bất an sau những vụ ám sát do Việt Cộng thực hiện nhắm vào các sinh viên và giáo sư năm 1967 và 1969, cùng với những cuộc xuống đường tranh đấu liên tục suốt các năm 1969, 1970 và nửa đầu năm 1971. Tình hình an ninh trường ốc càng trở nên tồi tệ hơn khi Biệt động thành Cộng sản thi hành liên tiếp thêm 2 vụ khủng bố khác nữa: Ám sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật và Gs. Nguyễn Văn Bông ngay giữa ban ngày, ở nơi công cộng. Lê Khắc Sinh Nhật, Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa và Phó Chủ tịch Tổng hội SVSG, bị bắn chết tại trường Luật ngày 28-6-1971. Gs. Nguyễn Văn Bông, Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chánh, bị đặt chất nổ chết tại ngã tư Cao Thắng – Phan Thanh Giản ngày 10-11-1971.

Tình hình an ninh toàn Thành phố và Đại học Sài Gòn như thế là quá xấu. Đặc biệt là máu của giáo sư và sinh viên đã đổ ra. Đó là lí do khiến chính quyền ra lệnh cho các ban ngành có trách nhiệm phải gấp rút mở ra một chiến dịch nhằm giải toả áp lực của Thành đoàn Cộng sản trong các trường học, nhất là tại Đại học Sài Gòn; đồng thời phải đặc biệt bảo vệ an toàn cho hàng ngũ sinh viên Quốc gia để họ yên tâm trong nỗ lực giành lại quyền kiểm soát các tổ chức đại diện sinh viên.

Thế là một mặt trận đã thành hình, mệnh danh là **Mặt Trận Đại Học**.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi chiến dịch được phát động, một số khá lớn cán bộ thuộc Thành đoàn Cộng sản bị phát hiện. Lần

lượt, họ bị bắt giữ với đầy đủ bằng cứ có giá trị pháp lí chứng thực họ là những cán bộ Cộng sản và họ bị đưa ra toà xét xử. Số chạy thoát, phải trốn ra căn cứ hoặc là phải lặn thật sâu.

Tài liệu của Cộng sản xác nhận như sau: “... từ năm 1972, địch đã ra tay khủng bố, cần quét, hòng đè bẹp các phong trào đấu tranh. Hầu hết những trụ sở tập hợp công khai của thanh niên, sinh viên, học sinh đều bị chúng phá huỷ hoặc chiếm đóng... Tình hình im ắng, căng thẳng, không một cuộc đấu tranh công khai lớn nhỏ nào nổ ra được” (Hàng Chức Nguyên. Trui Rèn Trong Lửa Đỏ. NXB Trẻ, 2005. Trang 186).

Tài liệu Cộng sản trên mới chỉ nhìn nhận cái phần chúng bị các lực lượng an ninh VNCH khống chế. Trên thực tế, việc trấn áp và bắt giữ các sinh viên Việt Cộng thì các lực lượng an ninh VNCH đã từng làm từ nhiều năm trước, thế mà những cuộc tranh đấu gây rối loạn vẫn cứ tiếp tục xảy ra. Vậy tại sao bây giờ tình hình lại “im ắng... không một cuộc đấu tranh công khai lớn nhỏ nào nổ ra được”? Lí do là vì trước đây, tuy một số cán bộ Thành đoàn đã bị bắt giữ, nhưng Thành đoàn Cộng sản vẫn còn có các cán bộ khác tiếp tục nắm quyền kiểm soát Ban Chấp hành Tổng hội SVSG cũng như một số ban đại diện sinh viên các phân khoa đại học lớn và ra lệnh cho những tổ chức này tiếp tục phát động các cuộc đấu tranh.

Thế nhưng tình hình bây giờ khác trước ở một điểm quan trọng. Đó là sự xuất hiện Lực lượng Sinh viên Quốc gia, bao gồm một số khá đông sinh viên thuộc nhiều Phân khoa Đại học. Họ kết hợp với nhau thành một lực lượng chặt chẽ, hoạt động có kế hoạch, mạnh mẽ và tích cực hơn bao giờ hết.

Giới sinh viên Đại học Sài Gòn còn nhớ một số những tên tuổi nổi bật trong Lực lượng Sinh viên Quốc gia thời kì này như: Lý Bửu Lâm, Trần Nguyên Đôn, Võ Quang Minh (Kiến trúc), Bửu Uy, Nguyễn Hữu Tâm, Lê Quảng Lạc, Phan Nhật Tân, Biện Thị Thanh Liêm, Ngô Kim Cúc, Hứa Minh Chánh (Văn khoa), Lê Khắc Sinh Nhật, Trương Văn Banh, Nguyễn Ngọc Tân, Ngô Đề Hiển, Lưu Trường Khương, Trần Ngọc Diệp, Nguyễn Văn Hùng, Ngô Đề Thạnh, Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Văn Tấn, Huỳnh Quan Trọng (Luật), Lê Anh Kiệt, Phạm Minh Cảnh, Nguyễn Tường

Quang, Khiếu Hữu Đồng, Nguyễn Thanh Nhân (Khoa học)...

Sau một thời gian hoạt động tương đối ngắn, Lực lượng Sinh viên Quốc gia đã giành lại được quyền kiểm soát Tổng hội SVSG và ban đại diện sinh viên các Phân khoa lớn và Đại học xá Minh Mạng.

Phá vỡ hệ thống cán bộ Thành đoàn Cộng sản, đồng thời nắm lại được Ban Chấp hành Tổng hội SVSG và ban đại diện sinh viên các Phân khoa lớn là hai điểm mấu chốt căn bản, trong nỗ lực triệt tiêu tận gốc các cuộc đấu tranh do Thành đoàn Cộng sản phát động, nhằm gây xáo trộn tại các trường học và làm mất an ninh, trật tự công cộng.

Có thể nói, chiến dịch đặc nhiệm của các cơ quan hữu trách và nỗ lực của Lực lượng Sinh viên Quốc gia trong giai đoạn này là một sự phối hợp chưa từng có, đã đưa tới thắng lợi lớn lao cho Lực lượng Sinh viên Quốc gia. Thành quả tốt đẹp là tình hình trật tự, an ninh Thủ đô Sài Gòn được vẫn hồi. Phố phường lại tấp nập, an vui. Học đường đi vào kỉ cương, nền nếp. Các sinh hoạt học đường lành mạnh được tái lập.

III. VÀI NHẬN XÉT

1. Tập thể sinh viên có các ưu điểm là thành phần ưu tú, trẻ, đầy nhiệt huyết, cho nên họ thường là mũi nhọn đi tiên phong khởi phát những phong trào tranh đấu. Nhưng tập thể sinh viên cũng có những hạn chế vì họ chỉ là một lực lượng nhất thời, bởi vì không sinh viên nào muốn ở lại mãi trong trường. Họ phải tốt nghiệp và ra đời. Và vì còn trẻ tuổi, cho nên dù thế nào, các sinh viên vẫn thiếu nhiều kinh nghiệm và rất dễ bị những thế lực chính trị, tôn giáo, kích động hoặc lợi dụng.

2. Một thành phần sinh viên Miền Nam đã bị lôi kéo vào các trò chơi chính trị suốt từ 1963 cho tới 1971, có thể là do CIA, do một đảng phái hay do một số những kẻ lạm dụng tôn giáo, tệt hại nhất là do Cộng sản. Cảnh sát Quốc gia đã liên tục vất vả đối phó với các phong trào sinh viên tranh đấu. Thế nhưng, trên thực tế, Cảnh lực mới chỉ đánh “đàng ngọn” của các phong trào sinh viên tranh đấu, cho nên vừa vất vả vừa bị mang tiếng là đàn áp sinh

viên, rất bất lợi về mặt chính trị.

3. Khoảng thời gian từ 1966 trở về sau, Thành đoàn Cộng sản bắt đầu hoạt động mạnh tại môi trường Đại học thì khối đa số sinh viên Quốc gia thẳm lặng chỉ lo học hành. Họ không thích Cộng sản, nhưng cũng không tích cực tham gia chống hay tấy chay các hoạt động của Cộng sản trong nhà trường, nhất là không hăng hái dùng lá phiếu của mình để ngăn chặn Cộng sản xâm nhập vào học đường. Vì thế, một liên danh ứng cử ban đại diện sinh viên một Phân khoa do Thành đoàn Cộng sản đưa ra, chỉ cần đạt số phiếu rất nhỏ so với tổng số sinh viên thuộc Phân khoa là có thể đắc cử. Khi liên danh đó đắc cử, nghiễm nhiên có quyền đại diện ăn nói chính thức, hợp pháp. Họ bảo bẫy khoá, tức thì cả trường đóng cửa. Họ nhân danh toàn thể sinh viên để yêu sách, đòi hỏi, tố cáo... Họ liên kết với các thành phần thiên tả, thân Cộng để liên tục mở ra nhiều đợt, nhiều hình thức đấu tranh. Chẳng những khối sinh viên thẳm lặng mà ngay cả một số giáo sư và một số giới chức nhà trường cũng bị họ khống chế dễ dàng!

4. Luật pháp của một quốc gia tự do dân chủ rõ ràng đã trói tay chính quyền trong cuộc chiến đấu đầu với bọn Cộng sản quỷ quyết. Vì thế, các lực lượng an ninh Quốc gia tốn công sức rất nhiều mới thâu thập đủ bằng chứng để có thể giam giữ một cán bộ Cộng sản cốt cán. Ngược lại, khi Cộng sản nắm được chính quyền thì luật pháp đối với họ chỉ là cái bình phong, là công cụ của chính trị, là loại luật rừng “vừa đá banh vừa thổi còi”. Nghi ngờ: Bắt! Nhiều trường hợp bắt để đề phòng! Sau 30-4-1975, Cộng sản giam giữ hàng vạn người, không cần xét xử. Chỉ cần một tờ giấy hành chánh, họ đã nhốt hàng vạn sĩ quan, viên chức chính quyền VNCH vô thời hạn.

5. Ôn cố nhi tri tân. Từ bài viết trên đây, người Việt Quốc gia đang sống tại hải ngoại có thể rút ra một bài học. Đó là ở bất cứ nơi nào có cộng đồng người Việt, Cộng sản Việt Nam (CSVN) đều tìm cách cài người vào để hoạt động lũng đoạn, khuynh loát, và cuối cùng, chiếm lấy độc quyền lãnh đạo.

Từ khi Đảng CSVN được thành lập trong hội nghị tại Hong Kong (Ngày 3 tới 7 tháng 2, 1930) cho tới nay là 80 năm. Đảng

Cộng sản bao giờ cũng đặc biệt chú trọng đến công tác an ninh, tình báo. Suốt 80 năm qua, nhờ nắm được quyền lãnh đạo liên tục lâu dài, CSVN đã tích lũy được vốn liếng an ninh, tình báo rất đáng kể.

Khi xảy ra biến cố đồng bào Miền Bắc ồ ạt di cư vào Miền Nam để tị nạn Cộng sản sau Hiệp định Genève 1954, Cộng sản đã nhanh tay bố trí các điệp viên vào dòng người di cư. Bằng chứng là vào cuối năm 1969, đã nổ ra vụ án Cụm Tình Báo Chiến Lược A 22 làm xôn xao dư luận trong và ngoài nước. Chính quyền VNCH đã đem ra toà xét xử các điệp viên Cộng sản dính líu tới vụ án này, như Vũ Ngọc Nhạ, Nguyễn Xuân Hòe, Vũ Hữu Ruật, Nguyễn Xuân Đồng, Lê Hữu Thuý, Huỳnh Văn Trọng. Một số can phạm quan trọng trong vụ án là “dân Bắc Kỳ di cư 54.”

Tương tự, chắc chắn CSVN đã bí mật gửi điệp viên của họ ra hải ngoại theo các đợt người vượt biên, vượt biển và có thể cả trong các đợt HO. CSVN có toà đại sứ và 2 toà lãnh sự tại Hoa Kỳ thì những nơi này đảm trách chỉ huy mạng lưới tình báo của họ. Hiện nay, chắc chắn CSVN đã cài xong mạng lưới tình báo chiến lược tại hải ngoại và họ đang vận hành mạng lưới đó ở khắp nơi có cộng đồng người Việt cư ngụ. Mặc dù mắt dân thường không thấy, nhưng mạng lưới tình báo chính trị chiến lược này của CSVN tại hải ngoại vẫn là một sự thật hiển nhiên.

Tháng 11-2011



Đại học Văn khoa Sài Gòn trước 1975



Chủ tịch Nguyễn Hữu Tâm đọc diễn văn ra mắt BDD Sinh viên Văn khoa SG 1973-74 tại rạp Thống Nhất. Kế NH Tâm là Nguyễn Thị Thuỳ (Phó TTK), Nguyễn Văn Hùng (Phó Kế hoạch), Lê Quảng Lạc (Phó Nội vụ), Lê Tích Sơn (Phó Ngoại vụ), Đỗ Hữu Phương (TTK), Biện Thị Thanh Liêm (Thủ quỹ)

Bài 2 - SƠ LƯỢC TỔ CHỨC CỘNG SẢN TRONG GIỚI SINH VIÊN HỌC SINH SÀI GÒN TRƯỚC 1975 VÀ CÁC CÁN BỘ CỐT CÁN CỦA NHỮNG TỔ CHỨC NÀY

Để góp phần nhỏ bé vào việc giải mật cho những ai còn quan tâm tìm hiểu về các nguyên nhân tiềm ẩn của sự thành bại trong cuộc chiến Quốc - Cộng trước 1975; đồng khác, cũng hi vọng có thể cung cấp thêm chút ít tài liệu cho bài học lịch sử, sau đây, chúng tôi sẽ đúc kết tóm lược về các tổ chức Cộng sản trong giới học sinh, sinh viên Sài Gòn và các cán bộ chỉ huy cốt cán của những tổ chức này, đặc biệt là trong khoảng thời gian từ 1954 tới 30-4-1975. Lấy mốc thời gian này là vì năm 1954, chí sĩ Ngô Đình Diệm lên làm Thủ tướng; cũng là năm bùng nổ cuộc di cư tị nạn Cộng sản của gần một triệu đồng bào Miền Bắc, lôi cuốn theo 1.200 sinh viên, tức 2/3 tổng số sinh viên của Viện Đại học Hà Nội. Với số sinh viên này, hợp cùng số sinh viên thuộc chi nhánh Viện Đại học Hà Nội có từ trước tại Sài Gòn, chính quyền đã lập ra Viện Đại học Quốc gia Việt Nam. Tới 1957 (Đệ Nhất Cộng Hoà), đổi thành Viện Đại học Sài Gòn để phân biệt với Viện Đại học Huế vừa được thành lập. Khi Cộng sản chiếm được Sài Gòn ngày 30-4-1975, Viện Đại học Sài Gòn bị giải thể.

I. TỔ CHỨC

1. Thời gian trước 1954

Sau khi cuộc Thế chiến thứ Hai kết thúc năm 1945, người Pháp trở lại Việt Nam, nhiều học sinh bỏ trường đi chống Pháp. Trong số lớp trẻ xếp bút nghiên đi làm cách mạng này, một số đã gia nhập tổ chức Cộng sản. (1)

Năm 1947, Cộng sản lập ra *Hội Học sinh Việt Nam Nam bộ* (thực chất chính là Đoàn Học sinh Cứu quốc trong nội thành Sài Gòn Chợ Lớn). Hội đó chỉ có Viện Đại học Hà Nội, cho nên chưa có tập thể sinh viên ở Sài Gòn.

Tại một số trường Trung học, Cộng sản đã cấy vào được một vài cán bộ nòng cốt. Tất cả tạm thời gom lại thành *chi bộ ghép*.

Về hoạt động: Tuyển mộ thêm cán bộ, rải truyền đơn, phổ biến báo chí và tài liệu.

Năm 1949, Cộng sản lập ra *Ban Chấp hành Hội Học sinh Nội thành* gồm 5 uỷ viên. Hoạt động: rải truyền đơn, bãi khoá.

Thời gian này, nổ ra vụ trò Ôn, gây tiếng vang rất lớn. Ngày 09-01-1950, một số học sinh nội trú Trường Petrus Ký, do học sinh Nguyễn Minh Mãng cầm đầu, kéo nhau đi xin chính quyền thả 2 học sinh của trường bị bắt trước đây. Không có bằng chứng nào nói Cộng sản khởi động vụ này, nhưng Cộng sản đã mau lẹ chớp lấy thời cơ để cướp công. Xảo thuật cướp công lần này giống hệt vụ Việt Minh cướp chính quyền ở Hà Nội trước đó 5 năm (ngày 17-8-1945).

Mới đây, Bs. Nguyễn Minh Tân, hiện đang cư ngụ ở Pháp, là em ruột của học sinh Nguyễn Minh Mãng năm xưa đã xác nhận, chính ông lúc ấy cũng là học sinh nội trú Trường Petrus Ký và đích thân đã chứng kiến và tham gia vụ trò Ôn. Ông khẳng định như sau: “*Biển cổ Trần Văn Ôn do học sinh Petrus Ký có sáng kiến đi gặp chính quyền để xin khoan hồng cho hai học sinh của trường bị câu lưu. Lúc đó anh em không bao giờ nghe hai tiếng biểu tình. Phong trào đó được dân chúng ủng hộ tham gia và giúp đỡ, trong chiều hướng quốc gia chống Pháp. Một số người trong chánh quyền lúc đó cũng không có nặng tay đối với học sinh mà có thể cũng đã thâm kín giúp tay cho học sinh.*

Cộng sản đã tìm cách lòn vào chớp credit và tuyên truyền hầu dụ dỗ các học sinh vào khu.

Biển cổ bạo động sau đó, đốt xe đốt chợ là của CS, muốn thừa dịp tái bản vụ Trần Văn Ôn. Nhưng họ đã thất bại vì không được học sinh và dân chúng ủng hộ nên bị xẹp một cách nhanh chóng” (Bs. Nguyễn Minh Tân. Biển cổ Trần Văn Ôn. Người Việt Dallas Fort Worth. Số 763, Ngày 12-9-2008. Trang 4 D).

Năm 1950: Lập ra *Ban Cán sự* phụ trách công tác học sinh.

2. Khoảng thời gian 1954-1960

Để có thể tuyển mộ thêm thành viên, Đặc Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định chỉ đạo mở rộng tổ chức thành *Ban Cán sự Thanh niên, Học sinh, Sinh viên, Giáo chức và Kí giả*. Phụ trách: Võ Văn Tuấn (Hai Trúc), Bùi Văn Trạch (Bảy Kê), Trần Quang Cơ (Tám Lượng), Lê Minh Quới (Bảy Tương, Bảy Lễ), Hồ Hào Hớn (Hai Nghị), Trần Văn Nguyên (Thanh Giang). Họ lãnh đạo một số chi bộ học sinh và sinh viên nằm vùng tại các Trường Cao đẳng Vô tuyến điện, Hàng hải, Y-Dược, Luật... Giai đoạn này là giai đoạn *liên chi uỷ* lãnh đạo.

Các lớp huấn luyện tổ chức vào các kì nghỉ hè, tại Bến Dược, Củ Chi, Bà Trại, Đức Hoà (Long An), Long Tân (Ông Kèo) Huyện Long Thành, Mộc Hoá... Phát hành tờ *Học Sinh Cứu Nước*.

3. Khoảng thời gian 1960-1964

a. Tổ chức

Đầu năm 1960, Bí thư Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định Võ Văn Kiệt (Chín Dững, Sáu Dân), chỉ thị thành lập *Ban Vận động Học sinh, Sinh viên Sài Gòn – Gia Định* với chủ trương tích cực xây dựng và cài lực lượng bí mật, bán công khai và công khai vào các tổ chức học đường. Cán bộ chủ chốt: Phan Chánh Tâm (phụ trách), Lê Quang Vịnh (bị bắt tháng 8-1961 tại Củ Chi), Lê Văn Tân (Sáu Ninh, Ba Phú), Phạm Chánh Trực (Mười Dững, Ba Thạch, Năm Nghị).

Cộng sản cũng bắt đầu mở những khoá huấn luyện như Khoa Rừng Già tại Dương Minh Châu vào tháng 6-1960; Khoá Rừng Xanh cuối 1960 tại Nhuận Đức, Củ Chi. Khoá Đại Tây Dương tại Ba Thu, huyện Đức Hoà. Các khoá học huấn luyện cán bộ về 5 bước công tác: điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh. Các nguyên tắc hoạt động: bí mật, ngăn cách, quan hệ đơn tuyến hoặc tổ tam tam; tổ chức bí mật không được nhập nhằng với công khai; quan hệ không xé rào hoặc dính chùm; bị bắt phải giữ khí tiết cách mạng, không khai báo.

Cuối 1960, tại Khoá Rừng Xanh, Cộng sản tuyên bố thành lập

Ban Cán sự Thanh niên, Học sinh, Sinh viên khu Sài Gòn – Gia Định. Bí thư: Trần Quang Cơ (Tám Lược, Hai Lược), Lê Thanh Hải (Mười Nhóm, Mười Hải); Phó bí thư: Hồ Hảo Hớn (Ba Lược, Hai Nghị); Ủy viên thường vụ: Lê Minh Châu (Ba Cảnh), Phan Chánh Tâm (Ba Vạn), Nguyễn Đông Hà (Ba Lam), Nguyễn Thị Trâm (Ba Võ), Tăng Anh Dũng (Hai Minh, Sáu Thơ), Lê Hồng Tư (Năm Thơ Hồ), Nguyễn Văn Ty (Hai Thu).

b. Các ban phụ thuộc

Ban Cán sự Học sinh: Lê Minh Châu (Thường vụ), Phan Chánh Tâm (Năm Pha, Ba Tiên, Ba Vạn) phụ trách các trường vùng Gia Định, Tân Định, Phú Nhuận, Đa Kao; Lê Hồng Tư (Năm Thơ Hồ) phụ trách các trường vùng trung tâm Sài Gòn; Hồ Hảo Hớn (Ba Lược, Hai Nghị) phụ trách các vùng còn lại.

Ban Cán sự Sinh viên: Hồ Hảo Hớn, Nguyễn Thị Mỹ Diễm (Sáu Thanh), Nguyễn Thị Loan Anh (Năm Nga).

Mỗi cánh có căn cứ riêng để tiện lần tránh hoặc để học tập. Cánh Phan Chánh Tâm đặt căn cứ ở Thạnh Lộc thuộc xã An Phú Đông; cánh Lê Hồng Tư đặt dưới Long An; cánh Hồ Hảo Hớn đặt tại ấp Chánh, xã Tân Thông Hội...

c. Hoạt động

Trong giai đoạn này, Cộng sản mới chỉ xâm nhập lẻ tẻ vào hiệu đoàn một số trường Trung học và tham gia công khai các sinh hoạt học đường như báo chí, du ngoạn, thể thao, công tác xã hội. Họ chưa nắm được một ban đại diện sinh viên nào.

Tuy năm 1960 là năm Cộng sản phát động “Đông Khởi” khắp nơi ở Miền Nam, nhưng họ chưa đủ khả năng chủ động mở mặt trận trong học đường. Chính họ đã phải thú nhận: “*Nhớ lại thời kỳ Phật giáo đấu tranh 1963-1964, cơ sở cách mạng trong học sinh, sinh viên chưa đủ mạnh để có thể phát động độc lập các phong trào lớn trực diện đấu tranh chính trị với Chính quyền Sài Gòn, cho nên Khu uỷ chỉ đạo “Phải tập vô cùng đồng bào và Phật giáo đấu tranh”* (Theo Nhịp Khúc Lên Đảng... NXB Trẻ, 2000. Trang 19).

Về báo chí: Báo bí mật như *Cờ Giải Phóng*, *Suối Thép*, học

sinh có tờ *Lửa Thiêng*; báo công khai có *Hồn Trẻ*.

d. Các bộ phận trực thuộc khác

Xâm nhập vào một số tổ chức học đường, tổ chức Phật tử; Mặt trận Dân tộc Tự quyết; các nhóm “Sao Băng”, “Sao Xẹt”; một số cơ sở bí mật ở Đakao, Tân Định, quận 3; bộ phận công tác an ninh; lực lượng vũ trang.

Bề ngoài, các tổ chức Đảng phụ trách thanh niên, học sinh, sinh viên này mang tên một tổ chức có tính cách “mặt trận” là Hội Liên hiệp Thanh niên Sinh viên Học sinh Giải phóng Sài Gòn – Gia Định lập ra ngày 09-01-1961 để dễ tập hợp sinh viên, học sinh.

4. Khoảng thời gian 1965-1967

a. Tổ chức bí mật: Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng Đặc khu Sài Gòn – Gia Định

Ban chấp hành: Bí thư: Phạm Trọng Danh (tức Lê Thanh Hải, Mười Hải, Mười Nhóm), Phó bí thư: Hồ Hào Hớn (Ba Lược, Hai Nghị).

Thường vụ ban chấp hành: Lê Quang Thành (Tư Thành), Nguyễn Tuấn Giao (Năm Giang), Lê Minh Châu (Ba Cảnh), Tám Quang (bổ sung Tháng 6-1965).

Ủy viên ban chấp hành: Phan Chánh Tâm, Lê Thiết (Tư Kiếng), Lê Tấn Quốc, Nguyễn Đông Hà, Nguyễn Văn Minh (Ba Minh), Sáu Thắm. Tháng 6-1965, bổ sung thêm: Phạm Chánh Trực, Đỗ Hoàng Hải, Năm Lộc (Ba Thoại), Lê Mỹ Lệ (Năm Trang), Phạm Văn Hai.

Đoàn uỷ sinh viên: Bí thư: Lê Thiết, Phan Chánh Tâm lên thế vào Tháng 11-1965; Phó bí thư: Phạm Chánh Trực. Tháng 01-1966, Phạm Chánh Trực lên Bí thư, Phan Văn Dinh (Tám Bông, Chín Ké) lên Phó bí thư. Các Ủy viên: Hoàng Thị Kim Dung (Bảy Bích, Hai Cường), Nguyễn Thị Loan Anh (Năm Nga), Nguyễn Ngọc Phương (Ba Triết), Nguyễn Hữu Phước (Tư Hữu, Ba Thành), Võ Ngọc An (Bảy Cầu), Lê Thanh Văn, Đặng Thiệu.

Đoàn uỷ học sinh: Bí thư: Phan Chánh Tâm (Ba Vạn), Phó bí thư: Năm Lộc (Ba Thoại). Tháng 11-1965, Phan Chánh Tâm chuyển qua đoàn Ủy sinh viên, Năm Lộc lên làm Bí thư.

Các ban ngành khác: Ban Vận động Thanh niên Trí thức; Ban Quân sự và Lực lượng Biệt động khu Đoàn; Ban An ninh Vũ trang; Ban Tuyên huấn; các trường nữ và nữ thanh.

b. Tổ chức công khai

Sinh viên: Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn. Ban Đại diện Sinh viên các Phân khoa, các trường Đại học.

Học sinh: Tổng Đoàn Học sinh Sài Gòn và Ban Đại diện Học sinh các trường công và tư, Học sinh vụ thuộc Tổng Hội Sinh viên.

Thanh niên Công nhân: Đoàn Thanh niên Phụng sự Lao động (Chủ tịch: Nguyễn Văn Toàn).

Phân công cán bộ để nắm và lèo lái hoạt động của tổ chức Thanh niên Phật Tử. Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định cử Lê Thanh Hải đặc trách tổ chức Phong trào Dân tộc Tự quyết và Hoà bình, lôi kéo các nhân sĩ, trí thức tên tuổi và lấy lực lượng sinh viên, học sinh làm nòng cốt.

5. Khoảng thời gian 1967-1972

a. Tổ chức bí mật: Thành Đoàn Sài Gòn – Gia Định

Ban Chấp hành: Bí thư: Hồ Hảo Hớn (Bí thư tiên khởi của Thành Đoàn), Phan Chánh Tâm (lên thay khi Hớn bị bắt). Phó Bí thư: Phạm Chánh Trực, Lê Mỹ Lệ (chuẩn bị trận Tết Mậu Thân 1968). Năm 1970, Trang Văn Học (Năm Tranh) lên Bí thư thay Phan Chánh Tâm (bị bắt). Khi Phan Chánh Tâm vượt ngục thành công, đã nắm lại chức Bí thư, Phạm Chánh Trực và Lê Mỹ Lệ (Năm Trang) làm Phó Bí thư như trước.

Thường vụ Ban Chấp hành: Trương Mỹ Lệ (Tu Liêm), Nguyễn Văn Chí (Bảy Điền, Sáu Chí), Nguyễn Ngọc Phương (Ba Triết), Trang Văn Học.

Đoàn uỷ sinh viên: Nguyễn Ngọc Phương, Trầm Khiêm, Dương Văn Đây, Nguyễn Văn Sự, Lê Công Giàu, Trần Thị Ngọc Hào.

Đoàn uỷ học sinh: Lê Mỹ Lệ (Bí thư), Nguyễn Thị Nghĩa (Chín Ngân), Nguyễn Thị Thiên Bình.

b. Tổ chức bí mật trong “Chiến dịch tổng tấn công và nổi dậy”

Tết Mậu Thân 1968

Lực lượng 1: Lực lượng Vũ Trang Và Biệt Động: Chỉ huy: Lê Tấn Quốc. Phó: Trang Văn Học. Thành viên: Nguyễn Văn Minh (Mười Minh), Phan Thanh (Ba Tung), Bùi Thị Thanh (Tư Hoàn), Huỳnh Công Khanh (Sáu Vĩnh), Lê Văn Hưng (Mười Hưng), “Dì” Sáu Hoà.

Lực lượng 2: Lực Lượng Chính Trị Vũ Trang. Chỉ huy: Nguyễn Văn Dũng (Trung Ương Cục điều động bổ sung). Phó: Phạm Chánh Trực.

Lực lượng 3: Chính Trị Công Khai: Chỉ Huy: Phan Chánh Tâm (Ba Vạn). Phó: Phan Văn Dinh (Chín Kế) và Dương Văn Đây (Ba Niên).

Trong trận “Tổng tấn công và nổi dậy” hồi Tết Mậu Thân 1968, Cộng quân đã bị đánh bại thê thảm trong cả đợt 1 cũng như đợt 2, cho nên những lực lượng nằm vùng vừa kể trên đều mất liên lạc với Bộ Chỉ huy và đã không có bất cứ hành động nào đáng ghi nhận.

c. Tổ chức công khai và bán công khai

Ban Đại diện các trường học, trung tâm cứu trợ, Đoàn Sinh viên Phật tử (Đoàn trưởng là Nguyễn Xuân Lập. Hoạt động mạnh từ 1969 tới 1972. Thường tranh đấu qua các hình thức: ra tuyên cáo, kháng thư, thư ngỏ và tổ chức thuyết pháp, cầu an, cầu siêu, hội thảo tại các chùa Ấn Quang, Xá Lợi, Tịnh Xá Ngọc Phương..., để các lãnh tụ sinh viên tranh đấu lên phát biểu chống đủ thứ và hô hào Phật tử yểm trợ. Đoàn Sinh viên Phật tử còn đào tạo ra các cán bộ Thành Đoàn như: Trịnh Đình Ban, Trần Thị Lan, Trần Thị Huệ, Trần Văn Long, Nguyễn Thị Yên, Tô Thị Thủy, Nguyễn Hoàng Trúc, Đỗ Hữu Bút, Phan Thanh Đạm...); Thanh Lao Công (Thanh niên Lao động Công giáo Nhóm Vườn Xoài của Lm. Trương Bá Cần và Phan Khắc Từ).

6. Khoảng thời gian 1973-1975

a. Tổ chức bí mật: Thành Đoàn Sài Gòn – Gia Định

Ban Chấp hành: Bí thư: Phạm Chánh Trực, Phó Bí thư: Nguyễn Văn Nguyên (Mười Nguyên), Trương Mỹ Lệ (Mười

Trương).

Các bộ phận trực thuộc: Đoàn uỷ sinh viên, Đoàn uỷ học sinh, Đoàn uỷ các xí nghiệp trọng điểm, Ban Công tác Mặt trận Thanh niên, hệ thống Đoàn các cấp: Quận Đoàn và Huyện Đoàn, Ban Quân sự Thành Đoàn, Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức, Văn phòng Thành Đoàn.

Đảng uỷ các trường Đại học và Trung học trọng điểm: Thành uỷ chỉ thị thành lập ra Đảng uỷ các trường Đại học và Trung học trọng điểm với nhiệm vụ bám trụ nội thành để chỉ đạo trực tiếp phong trào sinh viên, học sinh. Bí thư: Phạm Chánh Trực; Phó Bí thư: Trương Mỹ Lệ. Đảng uỷ: Dương Văn Đầy.

b. Tổ chức công khai

Sinh viên: Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn, Tổng Hội Sinh viên Vạn Hạnh, Ban Đại diện Sinh viên các trường Đại học.

Học sinh: Tổng Đoàn Học sinh Sài Gòn (ra đời 15-10-1964, Nguyễn Chơn Trung, tức Tư Lý, Sáu Quang, là Chủ tịch đầu tiên; Trung là Chủ tịch Đoàn Học sinh Trường Petrus Ký. Sau Trung là Lê Văn Nuôi thuộc Đoàn Học sinh Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng), Văn Đoàn Học sinh Sài Gòn, Đội Thiếu niên Phù Đổng, Đội Thiếu niên khăn quàng đỏ.

Các tổ chức khác: Đoàn Văn nghệ Sinh viên Học sinh, Đoàn Công tác Xã hội Sinh viên Học sinh Sài Gòn, một phần trong Uỷ Ban vận động cải thiện chế độ lao tù, một phần trong Uỷ Ban đòi quyền sống đồng bào, một phần trong Mặt trận Nhân dân cứu đói.

II. VÀI NHẬN XÉT

1. Nhận xét chung

Cho đến bây giờ, thỉnh thoảng vẫn còn có người viết lách mắng mỏ Cộng sản là ngu dốt. Thiên nghĩ, nói như thế chỉ đúng một phần, bởi vì rõ ràng họ rất dở trong việc làm cho dân giàu nước mạnh, nhưng có thể khẳng định ngay một điều là Cộng sản rất thành thạo trong loại chiến tranh lật đổ, nhằm cướp chính quyền mà họ tiếm danh là làm cách mạng, bởi vì họ được huấn luyện thuần thục loại chiến tranh này.

2. Riêng về Thành Đoàn Cộng sản

Tổ chức: Có 2 mặt: chìm và nổi. Mặt chìm gồm hầu hết là những Đảng viên, chỉ một ít là Đoàn viên. Họ là thành phần cốt cán và chỉ huy phong trào sinh viên, học sinh từ trong bóng tối. Mặt nổi là mặt công khai gồm những sinh viên, học sinh được tuyển chọn để tranh lấy những vị trí trong các tổ chức học đường như Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn, Vạn Hạnh, Tổng Đoàn Học sinh Sài Gòn hay ban đại diện sinh viên các Phân khoa, các ban văn nghệ, các ban cứu trợ...

Tuyển mộ: Đối tượng tuyển chọn không thuộc gia đình quân nhân công chức cao cấp VNCH, có tư tưởng “tiến bộ”. Đầu tiên, đối tượng được xếp loại “quần chúng tốt” (2), rồi lên Hội viên (Hội Liên hiệp Thanh niên Sinh viên Học sinh Giải phóng khu Sài Gòn – Gia Định), tiếp theo là Đoàn viên (Thành Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng), cuối cùng mới được kết nạp Đảng.

Huấn luyện: Huấn luyện tại chỗ hoặc được giao liên bí mật đưa vào căn cứ để học tập. Học 5 bước: điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh. Hoạt động đơn tuyến hoặc “tổ tam tam”. Hoạt động bí mật không được lẫn lộn với công khai, không được xé rào khi tiếp xúc, tránh quan hệ dính chùm, bị bắt phải giữ khí tiết không khai báo, áp dụng công thức: “Nhất lí nhì lì tam suy tứ tử” (cãi lí, lì chịu đòn, giả bệnh, giả chết để tìm cơ hội vượt ngục).

Hoạt động: Về lí thuyết, khai thác tối đa ý chí bài ngoại, “Chống Đế quốc Mỹ xâm lược”, “Chính quyền VNCH chỉ là bù nhìn, tay sai”, còn “Cách mạng” là chính nghĩa, là dân tộc, hi sinh chiến đấu giải phóng Miền Nam, vì độc lập, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, cơm no áo ấm cho đồng bào.

Chiến thuật: Khi yếu, lợi dụng tối đa những nhân vật, tổ chức, hội đoàn tiến bộ hợp pháp, công khai và bán công khai để bảo toàn lực lượng và dần dần cài người vào. Khi đã nắm được quyền thì tiến công liên tục dưới mọi hình thức, làm cho Sài Gòn càng rối loạn bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Kết quả: Đã thành công giành được các Ban Chấp hành Tổng hội Sinh viên Sài Gòn (1967, 1967-68, 1968-69, 1969-70), Tổng

Hội Sinh viên Vạn Hạnh, Tổng Đoàn Học sinh Sài Gòn và một số ban đại diện các Phân khoa... Đã lôi kéo được một lớp sinh viên học sinh tạo thành phong trào sinh viên, học sinh tranh đấu sôi nổi trong một thời gian, ngay trong lòng Thủ đô Sài Gòn.

Tháng 01, 2011

Chú thích:

1. Để viết bài này, chúng tôi dùng sự hiểu biết riêng và tài liệu của Ban A 17 để đối chiếu với một số tài liệu do Thành Đoàn Cộng sản xuất bản sau 1975, như cuốn Theo Nhịp Bước Lên Đảng (Đoàn Thanh Niên Cộng sản Tp. HCM. của nhiều tác giả. NXB Trẻ, năm 2000) và cuốn Trui Rèn Trong Lửa Đỏ (Tập ký sự truyền thống Thành Đoàn của nhiều tác giả. Cũng do NXB Trẻ, năm 2005).

2. “Quần chúng tốt” là những sinh viên, học sinh đã được cán bộ Thành Đoàn chấm điểm “tốt”, đáng được “bồi dưỡng”, đáng được rèn luyện thêm để có thể trở thành Đoàn viên, rồi Đảng viên sau này. Những tiêu chuẩn căn bản cần có để được chấm định là một “quần chúng tốt” gồm có: gia đình phải thuộc thành phần lao động, không phải là quân nhân công chức trung hoặc cao cấp của chính quyền VNCH. Tư tưởng của đối tượng phải “tiến bộ” có nghĩa là căm thù các loại thực dân đế quốc, thích “làm cách mạng” hoặc là có “khuyh hướng xã hội”, đứng về phía tầng lớp bị áp bức, đối khổ... và thường xuyên tham gia, ủng hộ các các hoạt động tranh đấu tại học đường.



Trường Sư phạm Sài Gòn trước năm 1975. (Hình: suphamsaigon.com)



Đại học Sư phạm Sài Gòn trước 1975 (Hình Ts. Mai Thanh Truyết)

Bài 3 - TRẦN BẠCH ĐĂNG: NGƯỜI LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN ĐÔ THỊ



Trần Bạch Đằng

Trần Bạch Đằng là một đảng viên Cộng sản cao cấp, giữ vai trò lãnh đạo mặt trận đô thị thời chiến tranh Việt Nam. Quyền hạn và trách nhiệm của ông ta bao trùm nhiều lãnh vực: *Tuyên huấn, Mặt trận, Hoa vận, Trí vận, Thanh vận* tức là *Thanh niên Sinh viên - Học sinh vận và Ban Cán sự nội thành*. Trong đó, *Trí vận và Thanh vận* là những trọng điểm, mà mũi xung kích là phong trào sinh viên học sinh với những cuộc tranh đấu sôi nổi nổ ra thường xuyên ngay tại Thủ đô Sài Gòn vào khoảng từ 1966 tới 1972. Do đó, Trần Bạch Đằng là cấp lãnh đạo trực tiếp cao nhất của Thành Đoàn Cộng sản trong Mặt trận Đại học.

Cũng chính nhân vật Trần Bạch Đằng này là một trong những cấp chỉ huy cao cấp trong trận “Tổng Tấn công và Nổi dậy” Tết Mậu Thân năm 1968 đánh vào Thủ đô Sài Gòn. Ông ta đã cùng với Võ Văn Kiệt phụ trách Bộ Tư lệnh tiền phương Nam (Trần Văn Trà và Mai Chí Thọ phụ trách Bộ Tư lệnh tiền phương Bắc). Vào thời điểm đó, Trần Bạch Đằng đang là thường vụ Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định. Vì vị thế đặc biệt này, ông ta được giao nhiệm vụ soạn thảo phương án tấn công Sài Gòn - Chợ Lớn.

Sau trận Tết Mậu Thân, Trần Bạch Đằng nắm chức vụ bí thư Thành uỷ, rồi bí thư Đặc khu Sài Gòn – Gia Định. Đó là đỉnh cao nhất trong sự nghiệp chính trị của ông ta.

Vị trí của Trần Bạch Đằng quan trọng như thế, nhưng rất ít người nghe biết danh tính ông ta. Sau ngày 30-4-1975, không riêng gì dân Sài Gòn mà cả dân chúng Miền Nam và Miền Bắc mới biết nhiều tới tên tuổi Trần Bạch Đằng. Nhưng có lẽ quần chúng vẫn không biết nhiều đến vai trò quan trọng trong thời chiến của ông ta cho bằng biết tới ông ta qua những bài báo và bộ phim 8 tập *Ván Bài Lật Ngửa* mà ông là tác giả chuyện phim, bút hiệu Nguyễn Trương Thiên Lý.

Dân chúng ít biết đến Trần Bạch Đằng, nhưng người Mỹ biết rõ về ông ta và họ đã từng tìm cách giao tiếp với ông ta trước thời gian xảy ra trận đánh Tết Mậu Thân 1968.

Kể từ 1972, Trần Bạch Đằng bị hất ra khỏi những vị trí quyền lực. Và sau 30-4-1975, có thể nói, ông không còn hiện diện trên chính trường.

Những người am hiểu đều cho rằng Trần Bạch Đằng là “một người Cộng sản đa tài nhưng bất đắc chí cho đến khi nhắm mắt lìa đời”!

I. VÀI HÀNG VỀ THÂN THỂ

Trần Bạch Đằng tên thật là Trương Gia Triều, sinh năm 1926 tại Rạch Giá (Kiên Giang). Theo chính Trần Bạch Đằng kể, ông ta vốn dòng Nho gia, nhưng đến đời cha mẹ thì sa sút, khiến cho gia đình phải trôi dạt khắp Miền Nam.

1938-39: Học lớp Nhất Tiểu học (lớp 5 ngày nay) tại Bến Cá, Biên Hoà.

Lớn lên, khi tham gia hoạt động, đổi tên là Trần Bạch Đằng và lấy bí danh là Tư Ánh. Ngoài ra, ông ta có nhiều bút hiệu: Viết văn: Nguyễn Trương Thiên Lý, Nguyễn Hiểu Trường; làm thơ: Hường Triều (ghép tên vợ là Tôn Thị Hường với tên chồng là Trương Gia Triều); viết chính luận: Trần Quang, Đại Nghĩa; viết báo: Trương Chí Công, Lê Văn Ba và Văn Lê.

Về dung mạo, hình chụp Trần Bạch Đằng thời thanh niên có khuôn mặt dưới trung bình, một con mắt hí, miệng méo (cho nên có h绰 danh là Tư Méo)... Chính vợ ông ta là Nguyễn Thị Chon (1), đã xác nhận với bạn là nhà văn người Pháp Madeleine Riffaud rằng: “Tao có một ông chồng cực kỳ xấu trai”. (2)

Trần Bạch Đằng có khả năng viết nhiều thể loại: Văn, thơ, kịch, xã luận, nghiên cứu. Nổi bật là cuốn tiểu thuyết *Giữa Biển Gió Rừng Giuom* được đạo diễn Khôi Nguyên (tức Lê Hoàng Hoa) sửa chữa và đóng thành bộ phim *Ván Bài Lật Ngửa* (8 tập). Trần Bạch Đằng cũng cùng Trần Văn Giàu chỉ đạo biên tập bộ *Địa Chí Văn Hoá Thành Phố HCM* (Nhiều tác giả, 4 tập) và là tổng biên tập bộ *Lịch Sử Nam Bộ Kháng Chiến* (4 tập).

II. THỜI CHỐNG PHÁP

Năm 16 tuổi, 1942, Trần Bạch Đằng bỏ nhà đi theo “Cách Mạng”, từng làm phu cạo mũ cao su, dạy học, rải truyền đơn.

Năm 1943, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và lấy tên là Trần Bạch Đằng.

Thời gian sắp xảy ra cuộc cướp chính quyền tại Sài Gòn ngày 23-8-1945, Trần Bạch Đằng tham gia Thanh niên Tiền phong và Đoàn Thanh niên Cứu quốc.

Khi quân Pháp trở lại Sài Gòn, Trần Bạch Đằng theo Xứ uỷ Cộng sản Nam Bộ bỏ Sài Gòn và rút vào bưng biển.

Cuối tháng 12-1945, đang là bộ đội thì Xứ uỷ Nam Bộ ra lệnh cho ông ta về Sài Gòn lo xây dựng cơ sở Đảng, đoàn thể và tham gia vào công tác thành lập Thành uỷ lâm thời, lấy tên công khai là Uỷ ban Cán bộ Việt Minh Sài Gòn - Chợ Lớn.

Trần Bạch Đằng tập tễnh cầm bút vào khoảng đầu năm 1946. Vài tháng sau, được giao nhiệm vụ “vận động” báo chí công khai, cho nên ông ta có dịp tiếp xúc và hợp tác với Trần Tấn Quốc (bí danh Nguyễn Trần) và Nguyễn Văn Sinh. Nguyễn Văn Sinh và Trần Bạch Đằng từng sinh hoạt chung một chi bộ Đảng với nhau. Nguyễn Văn Sinh viết mục *Trớ Trêu* cho báo Điện Tín, kí tên Nam Quốc Cang.

Cuối năm 1946, Trần Bạch Đằng trở thành uỷ viên thường vụ Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, phụ trách *tuyên huấn*, bao gồm các công tác *mật trận*, *viên chức*, *thanh niên*, *báo chí công khai*.

Tháng 4 năm 1947, Trần Bạch Đằng được điều ra Đồng Tháp Mười. Lúc đó Lê Duẩn đã từ Côn Đảo về và đang nắm chức bí thư Xứ uỷ, ông ta giao cho Trần Bạch Đằng phụ trách Ban Thanh vận Xứ uỷ, bí thư Xứ đoàn Thanh niên Cứu quốc Nam Bộ, kiêm phó Ban Tuyên huấn Xứ uỷ, kiêm công tác ở văn phòng Xứ uỷ và Kỳ bộ Việt Minh, lại còn được nâng lên là uỷ viên dự khuyết của Xứ uỷ Cộng sản Nam Bộ. Thời gian này, Trần Bạch Đằng còn phụ trách các tờ báo của *Thanh Niên Cứu Quốc Nam Bộ*, *Liên Đoàn Thanh Niên Nam Bộ*. (3)

Đầu năm 1949, Trần Bạch Đằng được chọn tham gia đoàn đại

biểu Nam bộ ra Bắc dự Đại hội Đảng toàn quốc II tại Việt Bắc. Khi ra tới Đại Lãnh thì ông ta bị Pháp bắt giao vào Sài Gòn, rồi bị dẫn giải xuống đồn Chợ Giồng (Vĩnh Lợi, Gò Công). Tại đây, Trần Bạch Đằng tổ chức vượt ngục tập thể thành công.

Cuối năm 1951, mới 25 tuổi, Trần Bạch Đằng đã trở thành cán bộ cấp cao, phụ trách nhiều công tác: Xứ đoàn trưởng Thanh niên Cứu quốc Nam Bộ, phó Ban Dân vận, phó Đoàn Kiểm tra Trung ương Cục, phó Ban Tuyên huấn Trung ương Cục (Hà Huy Giáp làm trưởng ban), thay Lưu Quý Kỳ làm chủ bút tờ *Nhân Dân Miền Nam*. Lại nhận lệnh ra tờ *Tiểu Thuyết Nhân Dân* và chịu trách nhiệm tờ *Việt Xô!* Trần Bạch Đằng điều khiển thành công tờ *Nhân Dân Miền Nam*, báo bán, in tại nhà in Trần Phú đặt trong chiến khu. Tờ báo này đóng vai trò quan trọng trong mặt trận tư tưởng và chính trị khắp Tây Nam Bộ.

Ngày 15-3-1951, Trần Bạch Đằng cưới vợ tại Rạch Giá. Vợ ông ta là cán bộ Hội Phụ nữ Cứu quốc Nam Bộ, tên công tác là Nguyễn Thị Chơn (Xin xem chú thích 1).

Đến khoảng năm 1952 -1953, Cộng sản chuyển hoạt động sang giai đoạn chuẩn bị tổng phản công. Trần Bạch Đằng chỉ đạo Xứ Đoàn và các Tỉnh Đoàn Thanh niên Cứu quốc gia nhập các Đội Tuyên truyền Xung phong tại các tỉnh. Ông ta lập ra Tiểu Đoàn Thanh Niên Xung Kích riêng cho Xứ Đoàn. Tại đô thị, các Đội Tuyên truyền Xung phong kêu gọi giáo chức, sinh viên, học sinh bãi khóa; công nhân, viên chức bãi công; thương gia, tiểu thương bãi thị để yểm trợ cho chiến dịch tổng phản công được mau thắng lợi.

Ngày 5-3-1953, Stalin chết. Không phải chỉ có Tô Hữu khóc Stalin, Trần Bạch Đằng cũng khóc thương Stalin, ông ta viết: “*Lẽ truy điệu Stalin đã tổ chức trang trọng tại toà soạn báo Nhân Dân Miền Nam. Tôi đã phát biểu ứng khẩu những cảm xúc của mình trước tin này. Tôi nói trong nước mắt những điều tôi thấy đúng là mất mát. Anh Việt Hùng đã ghi lại bài nói đó và báo Nhân Dân Miền Nam đã đăng. Tôi không có gì phải “ân hận” về điều mình nói*”. (4)

III. SAU HIỆP ĐỊNH GENÈVE 1954

Sau Hiệp định Genève 1954, Trần Bạch Đằng nằm trong danh sách được lệnh lén ở lại Miền Nam và được Lê Duẩn giao cho nắm Ban Tuyên huấn, nhiệm vụ bố trí các cán bộ hoạt động công khai, hoặc nửa công khai trong lãnh vực văn học, nghệ thuật, báo chí, giáo dục, nhà in; đồng thời kết nạp vào “tổ chức” những thành phần mới.

Đây là vị trí và nhiệm vụ rất quan trọng của Trần Bạch Đằng. Để tiện chỉ đạo công tác, khoảng cuối tháng 11-1954, Trần Bạch Đằng giả làm phóng viên *Báo Đuốc Nhà Nam* của Trần Tấn Quốc để về Sài Gòn. Tại Sài Gòn, ông ta liên tục thay đổi chỗ ở, có lúc đã ở tại nhà của Gs. Dương Văn Thới, cha của Bs. Dương Quỳnh Hoa.

Văn phòng Ban Tuyên huấn của Trần Bạch Đằng đặt trên trần nhà của một “cơ sở” trên đường Gia Long (nay là Lý Tự Trọng).

Trần Bạch Đằng cho chuyển một phần máy móc của nhà in Trần Phú từ chiến khu vào Sài Gòn để thành lập cơ sở in ngay trong thành phố và cài đặt các tay biên tập từ chiến khu về để viết cho các tờ báo công khai: *Son Nam*, *Đặng Triều Dương* (báo Nhân Loại); Nguyễn Văn Hiếu (báo Tiếng Chuông); Thiều Sơn, Triệu Công Minh, Ái Lan, Dương Tử Giang xâm nhập vào các tờ báo khác; Trương Bình Tòng dạy ca vũ; Mộng Quyên (Phúc Vân) bán sách. Một số cán bộ từ nơi khác vào Sài Gòn làm báo, như Vũ Hạnh, Thu An, Thái Bạch... Các cán bộ Cộng sản nắm trọn các tờ *Nhân Loại*, *Phòng Thương Mại*, *Ban Mai* hoặc viết xã luận cho các tờ *Tiếng Chuông*, *Sài Gòn Mới*. Họ cũng gây nhiều ảnh hưởng trong các tờ *Dân Chủ*, *Thần Chung*. Tích cực trong làng báo nhất là Dương Tử Giang, Triệu Công Minh, Ái Lan, Nguyễn Văn Mại, Nguyễn Văn Tài, Thành Hương.

Thời gian này, Tư Ánh (bí danh của Trần Bạch Đằng) chỉ đạo lập ra Phong trào Đấu tranh Bảo vệ Hoà bình (Phong trào ĐTBVHB), mục tiêu là đòi hiệp thương tổng tuyển cử. Ls. Nguyễn Hữu Thọ lãnh đạo mặt nổi cho tổ chức này.

Mặc dù phía Việt Cộng đã cài đặt lực lượng như thế, nhưng

gặp đúng vào thời cực thịnh của nền Đệ Nhất Cộng Hoà, các nỗ lực “tố Cộng”, “diệt Cộng” rất thành công. Sau đợt tập kết ra Bắc, Cộng sản còn cài lại ở Miền Nam khoảng 60 ngàn cán binh, nay bị tiêu trừ chỉ còn lại 5 ngàn. Báo chí công khai, nửa công khai của Cộng sản dần dần bị tiêu tùng hết. Ls. Nguyễn Hữu Thọ và các trí thức tham gia Phong trào ĐTBVHB bị bắt (1956). Sở Nghiên cứu Chính trị của Bs. Trần Kim Tuyến đã biết Tư Ánh (Trần Bạch Đằng) là tay chủ chốt các hoạt động nội thành và ráo riết truy lùng nhân vật này.

Đầu 1957, để bảo tồn lực lượng, Xứ uỷ Cộng sản phải chạy lên Nam Vang ẩn náu.

Tháng 4-1957, Trần Bạch Đằng lên tới Nam Vang cùng với vợ con. Ban Tuyên huấn của ông ta đóng ở vùng Takhmau, Psar Xiláp. Từ Nam Vang, thỉnh thoảng ông ta lén về nước để làm công tác tại mấy tỉnh miền Đông.

Đại hội Xứ uỷ II do Lê Duẩn chủ toạ bàn đến “khả năng dùng bạo lực quần chúng chống lại bạo lực phản cách mạng”, rồi ông ta ra Bắc vào Ban Bí thư Trung ương Đảng. Tới Tháng 9 năm 1960, Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong Đại hội Toàn quốc III.

Năm 1958, Đại hội Xứ uỷ III vẫn chưa tìm ra đường lối chiến lược; đang khi đó, Thành uỷ Sài Gòn bị tổn thất nặng. Bí thư Thành uỷ Trần Quốc Thảo bị bắt và chết. Võ Văn Kiệt lúc đó đang là phó bí thư liên tỉnh miền Tây phải kiêm thêm tỉnh Gia Định vì bí thư tỉnh Gia Định Nguyễn Trọng Tuyển bị tử thương.

Đầu năm 1959, Đại hội Xứ uỷ IV chủ trương phải dùng bạo lực chống lại bạo lực, đưa tới cuộc “Đồng Khởi” nổ ra tại Bến Tre năm 1959.

Đầu năm 1960, cơ quan Xứ uỷ Nam Bộ trở lại đất Việt Nam, đóng ở miền Đông. Ban Tuyên huấn Xứ uỷ của Trần Bạch Đằng chọn địa điểm ở đầu nguồn sông Vàm Cỏ Đông làm căn cứ. Công tác báo chí bắt đầu sống lại.

Ban Tuyên huấn Xứ uỷ, gồm có các tiểu ban tuyên truyền, thông tấn xã, đài phát thanh (chưa phát được tiếng nói), huấn học, trường Đảng, giáo dục, văn nghệ, các tờ báo và tạp chí của Đảng.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam ra đời ngày 20-12-1960. Trần Bạch Đằng là uỷ viên chủ tịch đoàn Uỷ ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam, phụ trách thông tin, văn hoá, kiêm chủ tịch Hội đồng Văn học Nghệ thuật Giải phóng.

Mùa mưa 1961, Đài Giải phóng ra đời tại Mã Đà, Chiến khu Đ. Sau lại chuyển về Chiến khu Dương Minh Châu. Đài phát tiếng vào dịp Tết 1962. Trần Bạch Đằng phụ trách viết xã luận.

Cũng từ 1961, Xứ uỷ Cộng sản Nam Bộ lấy lại tên cũ là Trung ương Cục.

Tháng 4-1965, Trần Bạch Đằng được lệnh rời Ban Tuyên huấn về làm uỷ viên thường vụ Đặc khu Sài Gòn - Gia Định. Ông ta thuật lại như sau: *“Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định (T4) họp Hội nghị tháng 4.1965, bổ sung nhân sự theo quyết định của Trung Ương Cục và bầu ban lãnh đạo. Bí thư là đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Võ Văn Kiệt, Thường vụ gồm tôi, anh Nguyễn Thái Sơn, Trần Đình Xu và một số đồng chí nữa. Một thời gian sau, đồng chí Nguyễn Văn Linh trở về Trung Ương Cục, đồng chí Võ Văn Kiệt là Bí thư, Thường vụ Khu uỷ thêm đồng chí Mai Chí Thọ. Tôi được phân công phụ trách Tuyên huấn, Mặt trận, Trí vận, Hoa vận và Thanh niên, đồng thời phụ trách Ban Cán Sự Nội Thành (gồm các đồng chí Thường vụ và Khu uỷ viên chuyên trách nội thành). Nội thành, ngoài mười quận, thêm Thị xã Gia Định, Quận Phú Nhuận, Tân Bình và Gò Vấp. Ban Cán Sự Nội Thành phát triển lên thành Thành Uỷ từ sau Mậu Thân”*. (5)

Do vị trí này, Trần Bạch Đằng chỉ đạo các hoạt động tuyên mố, móc nối các trí thức Sài Gòn vào mặt khu tham gia Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam, như Ls. Trịnh Đình Thảo, Gs. Nguyễn Văn Kiệt, Bs. Dương Quỳnh Hoa, Ks. Trương Như Tảng, Gs. Bùi Thị Mè, nhà văn Thanh Nghị...

Trần Bạch Đằng tích cực vận động các chính khách, các tu sĩ thiên tả, giới sinh viên học sinh, giới tiểu thương, tín đồ các tôn giáo, nhất là nhóm Phật giáo Ấn Quang..., mục đích là dùng họ để làm rối loạn hậu phương, gây bất ổn chính trị, gây dư luận ác cảm của quốc tế đối với người Mỹ và chính quyền VNCH. Riêng phong

trào sinh viên học sinh tranh đấu tại Thủ đô Sài Gòn (Thành Đoàn Cộng sản lãnh đạo) là mũi nhọn xung kích trong mặt trận đô thị do Trần Bạch Đằng chỉ đạo trực tiếp ở cấp cao, thường phối hợp với các cuộc đình công bãi thị của thợ thuyền và tiểu thương...

Văn học nghệ thuật và nhất là báo chí cũng là một mặt trận có tầm ảnh hưởng lớn lao. Từ 1965 trở đi, Trần Bạch Đằng ráo riết vận động báo chí để thổi bùng lên cao trào quần chúng tranh đấu chống chiến tranh xâm lược, đòi Mỹ chấm dứt phá hoại Miền Bắc, đòi tự do, dân chủ, bảo vệ văn hoá dân tộc. Việt Cộng dùng cả 3 loại báo: Báo công khai hợp pháp, báo bán công khai và báo bí mật. Báo công khai hợp pháp: Cài đặt cán bộ cộng tác với các báo *Tin Sáng, Đại Dân Tộc, Thần Chung, Tiếng Dội*... Báo bán công khai được lưu hành hợp pháp: Các báo của Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn, Tổng Đoàn Học sinh Sài Gòn, báo của các Phân khoa Đại học và Trung học, dùng cán bộ chưa bị lộ để ra báo *Hồn Trẻ* (của Thành Đoàn), *Tin Văn* (của Đảng uỷ Văn hoá - Văn nghệ). Báo bí mật: *Tri Thức Mới, Ngọn Cờ Gia Định* (cơ quan ngôn luận của Mặt trận Dân tộc Giải phóng khu Sài Gòn-Gia Định).

Trần Bạch Đằng còn chỉ đạo các nghiệp đoàn, các tổ chức phụ nữ, các tổ chức văn hoá ra báo; chỉ đạo các tổ chức chính trị như Mặt trận Quốc gia Tiến bộ, Lực lượng bảo vệ Văn hoá Dân tộc ra tuyên cáo hoặc thông cáo đòi hỏi, phản đối, tố cáo Hoa Kỳ và Chính quyền VNCH và dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp để phổ biến rộng rãi.

Về quân sự, trong trận “Tổng công kích và nổi dậy” đánh vào Sài Gòn hồi Tết Mậu Thân 1968, Trần Bạch Đằng đã cùng với Võ Văn Kiệt phụ trách Bộ Tư lệnh tiền phương Nam. Trận tổng tấn công này nhằm 2 mục tiêu: Chiến thắng quân sự kết hợp với tổng nổi dậy để cướp chính quyền. Thế nhưng, cả hai mục tiêu ấy đều thất bại.

Đầu Tháng 11-1969, khi vừa được giao phụ trách Đặc Khu Sài Gòn thay cho Võ Văn Kiệt để Ông Kiệt đi nhận chức bí thư Khu 9 thì Lê Duẩn gọi Trần Bạch Đằng ra Hà Nội để báo cáo tình hình Miền Nam và Sài Gòn. Ông ta đã cùng đi với Phạm Hùng, uỷ viên Bộ Chính trị, bí thư Trung ương Cục, qua ngã Nam Vang - Thượng

Hải - Hà Nội. Tại Hà Nội, Trần Bạch Đằng “làm việc” nhiều với Lê Duẩn và Lê Đức Thọ.

Nhân chuyến đi “làm việc” này, Trần Bạch Đằng có dịp khóc “Bác” (Hồ Chí Minh chết ngày 02- 9-1969). Ông ta viết: “Đến Hà Nội, chúng tôi được đưa vào Bệnh viện 108 để nhìn Bác, các nhà khoa học Liên Xô đang thực hiện công đoạn chót bảo trì di hài của Bác. Chúng tôi anh Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh, Hoàng Văn Thái và tôi - không thể cầm được nước mắt. Bác thanh thản nằm đó. Tôi chỉ có thể nắm bàn tay và bàn chân giá lạnh của Bác”. (6)

Tại Hà Nội Trần Bạch Đằng gặp lại vợ sau 2 năm xa cách, gặp lại 2 con sau 9 năm xa cách. Sau đó lại theo đường bay Hà Nội Thượng Hải - Nam Vang để trở lại chiến khu.

Sau chuyến đi Hà Nội về, trong Hội nghị Bình Giả 5 (tên là Bình Giả nhưng họp tại một mật khu trên đất Campuchia) do Nguyễn Văn Linh là phó bí thư Trung ương Cục chủ tọa, Trần Bạch Đằng đã xung khắc tư tưởng chỉ đạo chiến lược với Nguyễn Văn Linh. Trần Bạch Đằng nêu 2 điểm: Một là trong mặt trận đô thị, lực lượng trí thức, tôn giáo, sinh viên, học sinh mới là chính yếu chứ không phải là giai cấp công nhân, vì giai cấp này đã bị chế độ tư bản làm cho biến chất. Hai là tư tưởng “Lấy nông thôn bao vây thành thị” của Mao Trạch Đông không còn đúng cho chiến trường Miền Nam vì vào thời điểm 1969-1970, VNCH đã làm chủ hầu hết nông thôn, các căn cứ Cộng sản phải chuyển sang đất Campuchia. Ông ta chủ trương hai mặt trận đô thị và mặt trận nông thôn phải kết hợp với nhau. Đang khi đó, Nguyễn Văn Linh bác bỏ cả hai quan điểm của Trần Bạch Đằng và quy chụp cho Trần Bạch Đằng là hữu khuynh và sai lầm nghiêm trọng vì 3 điểm: Đề cao trí thức, tôn giáo, sinh viên, học sinh là thành phần không có lập trường kiên định; coi thường giai cấp công nhân; coi thường tư tưởng chỉ đạo chiến lược kinh điển là “Lấy nông thôn bao vây thành thị”.

Hậu quả cuộc tranh cãi là Trần Bạch Đằng bị Trung ương Cục cách chức bí thư Đặc Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định, xuống làm phó bí thư thứ hai. Rồi đầu năm 1972, ông ta mất luôn chức phó bí thư thứ hai và bị gọi về Trung ương Cục để viết bản kiểm điểm do tư

trưởng hữu khuynh thời làm bí thư Khu Ủy Sài Gòn – Gia Định.

Đầu 1974, Trần Bạch Đằng được lệnh trở lại công tác ở Ban Tuyên huấn Trung ương Cục.

IV. SAU 30-4-1975

Ngày 30-4-1975, Cộng sản chiếm trọn Miền Nam, với tư cách uỷ viên thường trực Ban Tuyên huấn Trung ương Cục, Trần Bạch Đằng nắm ngay ngành báo chí, cho ra tờ *Giải Phóng*, rồi *Sài Gòn Giải Phóng*; thay Đài Phát thanh Sài Gòn bằng Đài Phát thanh Giải phóng, thay Việt tấn xã bằng Thông tấn xã Giải phóng, cho đài truyền hình tiếp tục hoạt động. Ông ta viết khá nhiều cho các báo *Sài Gòn Giải Phóng*, *Đại Đoàn Kết*, *Văn Nghệ*, *Tin Sáng*, *Công Giáo và Dân Tộc*, *Tuổi Trẻ*, *Công An*. Trần Bạch Đằng còn thường xuyên chủ tọa và phát biểu trong các đại hội văn học nghệ thuật, nhà giáo, nhà báo; nói chuyện với các tu sĩ Phật giáo, Công giáo, các chủng viện và tiếp xúc với các phóng viên ngoại quốc. Khi xảy ra vụ nhà thờ Vinh Sơn, lãnh đạo Cộng sản giao cho Trần Bạch Đằng lấy tư cách là uỷ viên đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng để mở cuộc họp báo.

Đầu năm 1977, khi Hà Nội đã nắm mọi vị trí quyền hành khá vững chắc ở Miền Nam thì cũng là lúc Trần Bạch Đằng được gọi ra Hà Nội học Trường Nguyễn Ái Quốc trong 9 tháng, rồi lại đi nghỉ chữa bệnh ở Liên Xô, Hung và Đông Đức.

Hai năm sau, vào cuối năm 1978, Trần Bạch Đằng được trở lại Sài Gòn làm phụ tá cho Nguyễn Văn Linh và viết cho các báo *Sài Gòn Giải Phóng*, *Tin Sáng*. Rồi lại được giao nhiệm vụ uỷ viên thường trực Ban Dân vận Trung ương; vẫn tiếp tục viết báo, biên khảo, viết kịch và viết tiểu thuyết.

Năm 1985, Nguyễn Văn Linh nắm Tổng Bí thư Trung ương Đảng, Trần Bạch Đằng chuyển sang nghiên cứu và đi thăm nhiều nước, trong đó có Hoa Kỳ.

Trần Bạch Đằng qua đời lúc 10 giờ 50 ngày 16 tháng 4 năm 2007 tại Bệnh viện Chợ Rẫy, thọ 81 tuổi, an táng tại nghĩa trang Thành phố.

V. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ NHÂN VẬT TRẦN BẠCH ĐĂNG

1. “Thằng Trời Đánh”

Trần Bạch Đằng được học ít tại trường lớp, nhưng học nhiều trong thực tiễn những năm dài kháng chiến, cho nên đã tích lũy được kiến thức khá rộng rãi về nhiều phương diện. Thêm vào đó, ông ta được đề bạt những chức vụ quan trọng khi còn rất trẻ, lại có khả năng viết lách. Tất cả đã ảnh hưởng một phần tới cá tính cao ngạo và tác phong “ba gai” của ông ta. Trần Bạch Đằng đã tự nhận: *“Bấy giờ, tôi khá ‘nổi tiếng’ trong hàng ngũ cán bộ bởi tính hơi ngang, hay nói thẳng...”*. Vì thế, Lê Đức Thọ gọi Trần Bạch Đằng là “Thằng Trời Đánh”. (7)

2. Cấp tiến

Trần Bạch Đằng thường xuyên công tác trực tiếp với các trí thức, giới báo chí, giới tôn giáo, sinh viên, học sinh thiên tả, thiên Cộng nhưng được đào tạo ở Miền Nam tự do và các nước Âu Mỹ cho nên tư tưởng ông ta có phần “cấp tiến” hơn và đã bị phe giáo điều cực đoan trong Đảng lên án là sai lầm và hữu khuynh.

3. Bị trừ ếm và thất sủng

Đọc bài trên đây, độc giả thấy Trần Bạch Đằng là một cán bộ đầy công nghiệp với Đảng Cộng sản, và trong thời chiến tranh ác liệt, ông ta là một ngôi sao sáng, đã leo lên tới chức bí thư Đặc Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định, thế mà tại sao ngôi sao ấy vụt tắt sau 1972. Trong số những cán bộ Cộng sản lãnh đạo từng hoạt động ở Miền Nam, Trần Bạch Đằng chỉ đứng sau Lê Duẩn, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt. Những tay này, trước và sau 30-4-1975, đều lần lượt nắm giữ những vị trí chóp bu, đầy quyền lực, đang khi Trần Bạch Đằng chưa bao giờ bắt nổi cái chân uỷ viên Trung ương Đảng, lại còn bị hất khỏi những vị trí có thực quyền. Đọc cuốn hồi kí *Cuộc Đời và Ký Ước* (NXB Trẻ, 2006) của Trần Bạch Đằng và *Tuyển Tập Trần Bạch Đằng* (NXB Quân Đội Nhân Dân, 2007, dày 982 trang, gồm 439 bài báo) không thấy Trần

Bạch Đằng đã động gì tới việc ông ta bị thất sủng và bị tước mất quyền lực.

Trần Bạch Đằng không nói tới, nhưng tác giả Lê Tùng Minh đã kể rất rõ chuyện Trần Bạch Đằng bị trừ ếm trong bài *Trần Bạch Đằng người Cộng sản đa tài, nhưng bất đắc chí cho đến khi nhắm mắt lià đời* (Cánh én Online). (8)

Bài viết của Lê Tùng Minh công bố nhiều điều xưa nay ít ai biết. Tác giả sưu tầm các tài liệu lưu trữ của Đảng CSVN và thuật lại lời của các nhân chứng sống đã từng hoạt động với Trần Bạch Đằng, để phanh phui chuyện Trần Bạch Đằng liên tục bị “Sáu Búa” Lê Đức Thọ đi sát ván, không ngóc đầu lên được. (9)

Đại để là Lê Đức Thọ, phó bí thư Xứ uỷ Cộng sản ở Nam Bộ, tuy biết Trần Bạch Đằng có tài và làm công tác có hiệu quả, nhưng một phần vì tính khí “ba gai” của Trần Bạch Đằng, phần khác là vì quan điểm tư tưởng và lập trường hai người xung khắc nhau, cho nên Lê Đức Thọ luôn luôn đố kị Trần Bạch Đằng. Ít nhất đã 4 lần Lê Đức Thọ ngăn cản con đường tiến thân của Trần Bạch Đằng. Hai lần với tư cách phó bí thư Xứ uỷ Cộng sản Nam Bộ, Lê Đức Thọ không đồng ý cho Trần Bạch Đằng làm xứ uỷ viên chính thức (Hội nghị Xứ uỷ tháng 12-1950 và Hội nghị Xứ uỷ Tháng 12-1952). Rồi Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng Lê Đức Thọ, với sự cộng tác của Nguyễn Văn Linh và Mai Chí Thọ, cũng đã hai lần ngăn cản không cho Trần Bạch Đằng được đề cử làm uỷ viên Trung ương Đảng (Đại hội Đảng Toàn quốc III vào tháng 9-1960 và Đại hội Đảng Toàn quốc IV giữa tháng 12-1976), mặc dù Lê Duẩn vẫn luôn quý mến Trần Bạch Đằng.

4. Lê trái

Sau 30-4-1975 và nhất là khoảng 20 năm cuối đời, tức là vào lúc bắt đầu thời kì “cởi trói”, “đổi mới” (1985), Trần Bạch Đằng viết nhiều bài báo phê bình những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, và đưa các ý kiến về đổi mới, góp lại thành tuyển tập *Đổi Mới Đi Lên Từ Thực Tế*, 1100 trang, in năm 2000.

Năm 2007, Nhà Xuất bản Quân đội Nhân dân lại phát hành một *Tuyển Tập Trần Bạch Đằng* khác, dày 982 trang, gồm 439 bài báo.

Nhận xét chung các bài báo của Trần Bạch Đằng thấy có 2 loại: Loại bài “lề trái” và loại bài “lề phải”.

Trong các bài viết theo “lề trái”, Trần Bạch Đằng đã nói rất thật, nói rất chính xác về đủ mọi thứ tệ trạng đang xảy ra trong cái xã hội “Xã hội Chủ nghĩa”. Dưới gọng kìm Cộng sản, hiếm có người nào dám viết như vậy. Nói đúng hơn, chỉ có ông ta viết như vậy mà vẫn có báo dám đăng, và cả ông lẫn báo đăng bài của ông đều không bị ghép tội “âm mưu lật đổ chính quyền!”.

Riêng vấn đề tham ô những lạm, Trần Bạch Đằng tỏ ra đặc biệt cay cú và đã viết nhiều bài tố cáo. Ông ta gọi những tên tham nhũng là những “con hạm... bọ gì tấp náy”, chúng “chẳng từ thứ gì: gạch lót vỉa hè, bột dinh dưỡng cho trẻ em thiếu dinh dưỡng, tiền cho ‘xoá đói giảm nghèo’...” (Tuyển Tập. Bài 132, trang 435). Về nạn giải toả, ăn cướp đất đai của dân, ông ta cho đó là tội “trời không dung, đất không tha”. Theo ông, lấy cứ giải toả các khu ổ chuột để chỉnh trang mà làm tắc trách thì sẽ “...để ra nhiều khu ổ chuột mới, thậm chí tăng dân số lang thang, vỉa hè” (Tuyển Tập. Bài 94, trang 384).

Vì quá bức tức, Trần Bạch Đằng lên án tội “*Ấn xén quỹ cứu trợ một trọng tội đáng tử hình*” (Tuyển Tập. Bài 187, trang 502). Thậm chí ông ta còn dám đề nghị: “*Hãy ‘học’ chế độ cũ: Pháp trường cát!*” (Tuyển Tập. Bài 160, trang 474). (10)

Cứ theo những dẫn chứng trên, xem ra Trần Bạch Đằng cũng phải có lúc nói thật! Tự sâu thẳm trong tâm trí, ông ta cũng phân biệt thiện ác, cũng thương dân nghèo, cũng muốn trừ gian diệt bạo, cũng muốn sự công bằng, cũng muốn an bình thịnh trị.

Thế nhưng khi đề nghị phương pháp diệt tham nhũng thì ông ta lại trở thành một kẻ mộng du.

Trần Bạch Đằng nhận xét thấy những chuyện tích cực thì rất ít, những chuyện tiêu cực thì quá nhiều và những lời hô hào chống tham nhũng, nghị quyết, chỉ thị đã bị “lạm phát” còn tham nhũng thì không giảm mà cứ gia tăng. Ông ta lo ngại “*Những tệ nạn đã biến thành tai họa cho Đảng, cho dân tộc*” (Tuyển Tập. Bài 122, trang 423).

Vẫn là nghĩ tới Đảng trước tiên. Lo cho Đảng trước dân tộc.

Đảng hơn dân!

Trần Bạch Đằng yêu cầu Quốc hội phải làm ra luật chống tham nhũng: “*Đạo luật chống tham nhũng - tại sao không?*” (Tuyển Tập. Bài 195, trang 510). Và ông ta tin tưởng Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn đủ khả năng thực hiện phong trào “*bàn tay sạch*”, “*toàn dân ủng hộ Đảng với tất cả tấm lòng*” (Tuyển Tập. Bài 122, trang 423).

Thật là lẩn quẩn. Quốc hội là Đảng. Tất cả đều là đồng chí. Hầu hết các uỷ viên Bộ Chính trị, các uỷ viên Trung ương Đảng, các quan chức chính phủ, quân đội và công an, các viên chức lớn các ban ngành, đều là đại biểu quốc hội. Nguyên tắc phân quyền ở Việt Nam hiện nay chỉ là đóng kịch. Một quốc hội như thế, làm sao có thể đại diện dân một cách trung thực để làm ra luật có khả năng chế tài bọn tham ô nhũng lạm. Ai cũng biết rõ tất cả các cán bộ Đảng viên có chức có quyền, từ chóp bu xuống tới địa phương hiện nay đều là những tên ăn cướp có vũ khí, có nhà tù. “Cướp đêm là trộm, cướp ngày là quan”. Mà dù có luật chống tham nhũng đi chăng nữa, người dân nào dám tố cáo băng đảng trộm cướp này? Mà có tố cáo thì công an, cảnh sát, giám sát viên (công tố) và chánh án đều là Đảng viên với nhau cả. Con kiến mà kiện củ khoai! Với tình trạng này, làm sao có công lí cho người dân thấp cổ bé họng? Tất cả hệ thống pháp luật trong tay người Cộng sản thì nạn nhân sẽ biến thành tội phạm. Chuyện này xảy ra nhan nhản ở trong nước.

Trần Bạch Đằng còn đề nghị một cách chống đỡ hơi khác, ông ta viết: “*Tại sao Quốc hội không ban hành một sắc lệnh (đạo luật?) chống tham nhũng, với phương pháp và lực lượng hành động cụ thể, đưa tận cơ sở và bắt đầu từ cơ sở?*” (Tuyển Tập. Bài 150, trang 460).

Ông bà mình có câu “Thượng bất chánh, hạ tắc loạn” và “Đánh rắn phải đánh ngay đầu”. Cách chống tham nhũng của Trần Bạch Đằng chỉ như cắt tia hoa lá cành, không dám động chạm tới cái gốc rễ thì làm sao diệt trừ được tham nhũng. Dù biết tham nhũng là tai hoạ cho dân cho nước, nhưng Trần Bạch Đằng không hề dám động chạm tới nguyên nhân là sự cai trị độc đoán của Đảng Cộng sản, không dám động chạm tới các cấp lãnh đạo vô tài bất đức của

Đảng.

Một nhận xét nữa là Trần Bạch Đằng mới chỉ bực tức về những cái xấu, cái tiêu cực trong lãnh vực kinh tế, xã hội, chứ ông ta không bao giờ dám nhắc tới những tội lỗi “Trời không dung đất không tha” của Đảng Cộng sản, như tội “buôn dân, bán nước” (bán nước cho Tàu Cộng và bao che, tiếp tay cho “kĩ nghệ” xuất khẩu lao động và buôn bán phụ nữ, trẻ em). Thực ra đâu phải ông ta không biết. Ông biết, nhưng không dám nói tới chỉ vì tính chất đặc biệt nghiêm trọng của loại tội ác này có ảnh hưởng tới sự tồn vong của Đảng Cộng sản. Ông ta sợ mất Đảng cho nên chỉ phê phán những tiêu cực thuộc loại “đời thường” để cứu Đảng, để chấn chỉnh Đảng mà thôi.

Nói cho bằng cùng, tất cả những phê phán xã hội của Trần Bạch Đằng chỉ như nước đổ lá khoai, bởi vì chỉ có tự do dân chủ mới có thể chống tham nhũng hữu hiệu. Chưa nói tới các quyền tự do căn bản khác, chỉ cần cho dân được một chút tự do báo chí thôi, cũng đã có thể làm giảm bớt các tệ nạn trong nước. Nhưng Trần Bạch Đằng dư hiểu là nếu cho dân hưởng tự do báo chí thì sẽ gây ra xáo trộn chính trị. Ông ta sợ Đảng lung lay cho dù đã bị Đảng “vắt chanh bỏ vỏ” và phe lãnh đạo cực đoan, giáo điều trong Đảng đã trù dập và hãm hại ông ta nhiều lần.

5. Lề phải

Trái với loại bài viết theo “lề trái”, những bài viết theo “lề phải” của Trần Bạch Đằng trong *Tuyển Tập* hết sức giáo điều, tự cao tự đại và quá khích đến độ mù quáng.

Giáo điều

Có thể lấy vài bài làm thí dụ: Trong bài *Nhân ngày Cách mạng Tháng Tám*, Trần Bạch Đằng viết: “... thế hệ bây giờ và sắp tới không thể làm được bất cứ điều gì có ý nghĩa nếu không có Cách Mạng Tháng Tám - niềm tự hào của Việt Nam, sản phẩm của lịch sử Việt Nam, của giá trị Việt Nam” (Bài 100, trang 391). Nhân kỉ niệm lần thứ 104 ngày sinh của Hồ Chí Minh, Trần Bạch Đằng viết bài *Tư Tưởng Hồ Chí Minh - Niềm Hạnh Phúc Của Dân Tộc* (Bài 87, trang 373)... Viết lách một cách bài bản, giáo điều như thế

khiến người ta không lấy làm ngạc nhiên vì sao Trần Bạch Đằng đã khóc thương Stalin và Hồ Chí Minh.

Tự cao và quá khích

Trên BBCvietnamese.com/16-4-2007, một độc giả kí tên là Lunettes 75, Sài Gòn, kể lại rằng, khi vụ án trùm du đảng Năm Cam xảy ra, Đài BBC có phỏng vấn Trần Bạch Đằng và nêu ra sự dính líu của một số cán bộ cấp cao thì Trần Bạch Đằng đùng đùng nổi giận thành ra mất khôn, ông ta nói: “*Bộ mấy ông (BBC) còn muốn lôi thêm một vài ông ở Trung ương Đảng ra xử mới hả dạ sao?*”. Cuối cùng, “vua” (ám chỉ Trần Bạch Đằng là “vua” báo chí) hẳn học kết luận: “*Mấy ông (BBC) ở bên Anh biết gì về Việt Nam mà bình luận?*”. Và vị độc giả Lunettes 75 đã phê bình cung cách trả lời phỏng vấn của Trần Bạch Đằng là “xác xược”, là “mục hạ vô nhân”. Thiển nghĩ, chẳng lẽ mấy ông lớn trên Trung ương là bất khả xâm phạm sao, có thể ngồi xồm trên pháp luật sao. Chẳng lẽ mấy ông bà kí giả BBC chỉ có khả năng biết chuyện ở nước Anh thôi sao. Người cầm bút mà để cho lương tâm đi vắng thì mọi tội ác đều được cho phép. Giọng điệu tự cao tự đại ấy cũng đã biểu hiện trong một bài viết khác của Trần Bạch Đằng, nhan đề là *Ra Khỏi Ngõ Gặp Anh Hùng!* (Bài 4, trang 28).

Mù quáng

Một độc giả khác kí tên Huỳnh nhận xét thêm như sau: “... Ông (tức Trần Bạch Đằng) công tác Tuyên huấn, nhiều khi trong thực tế ông thấy con mèo, nhưng Đảng Cộng sản của ông nói là con chó ông cũng phải nói theo. Sau này ông không làm Tuyên huấn nữa, nhưng những bài viết của ông nhiều khi... trệt lất (đáng buồn thay!). Chẳng hạn, vài tháng trước khi Liên Xô sụp đổ mà ông vẫn còn viết trên báo Tuổi Trẻ rằng ông vẫn tin tưởng vào sự bền vững của chế độ Xô Viết. Tin hay không là quyền của ông, nhưng là một nhà nghiên cứu, hiểu theo đúng nghĩa của từ này, lẽ ra ông phải thấy trước thiên hạ mới đứng chữ. Đẳng này...” (Doi-Thoai.com 16.4.2007).

Với những nhận xét trên đây, đúng là Trần Bạch Đằng viết nhiều, viết đủ mọi thể loại, nhưng luận điệu một chiều, tự cao, quá khích, không cần biết đến thiên hạ thì cũng như con ngựa chạy

khỏe nhưng bị che chắn hai bên mắt, chỉ biết chạy thẳng một mạch, không còn có khả năng dòm chừng hai bên đường. Có thể là Trần Bạch Đằng “cấp tiến” hơn thành phần cực đoan và giáo điều trong Đảng. Song trên thực tế, ông ta chỉ biết có Đảng giống như các Nho sĩ Văn Thân hồi thế kỉ 19 đã đọc tôn Nho học và coi cái gì của Tàu cũng là mẫu mực, không chịu học hỏi tư tưởng và khoa học tiên bộ của Tây Phương. Hậu quả là giới sĩ không đóng nổi vai trò dẫn lối, chỉ đường một cách sáng suốt và đúng đắn của mình.

6. Nỗi sợ hãi của “Thằng Trời Đánh” Trần Bạch Đằng đối với “Sáu Búa” Lê Đức Thọ

Trần Bạch Đằng bị Lê Đức Thọ đi sát ván, đi suốt cả cuộc đời. Mỗi lần bị Lê Đức Thọ trừ ếm, Trần Bạch Đằng cảm thấy vô cùng uất ức, nhưng vẫn phải nén giận để được yên thân.

Lấy thí dụ như trường hợp lần thứ hai Lê Đức Thọ ngăn cản Trần Bạch Đằng trở thành uỷ viên Xứ uỷ. Đó là thời gian chống Pháp 1952 – 1953, Xứ uỷ chuyển sang giai đoạn chuẩn bị tổng tấn công. Trần Bạch Đằng vận động Thanh niên Cứu quốc gia nhập các Đội Tuyên truyền Xung phong. Các đội này hoạt động trong thành phố nhằm kêu gọi giáo chức, học sinh, sinh viên bãi khoá; công nhân, viên chức bãi công; thương gia, tiểu thương bãi thị để yểm trợ cho Chiến dịch tổng phản công mau thắng lợi.

Những sáng kiến của Trần Bạch Đằng có chút hiệu quả, cho nên Hội nghị Xứ uỷ Cộng sản Nam Bộ, mở vào tháng 12-1952, lại đề bạt Trần Bạch Đằng lên làm xứ uỷ viên chính thức, nhưng vẫn bị Lê Đức Thọ cản trở. Lê Đức Thọ phê bình Trần Bạch Đằng là: *“Có thái độ coi thường công tác Thanh vận, có tư tưởng đứng núi này trông núi nọ, chứng tỏ còn mang nặng tính chất tiểu tư sản, nên cần phải tự tu và rèn luyện nhiều hơn nữa”*. (Theo hồ sơ biên bản các cuộc họp của Xứ uỷ Nam Bộ. Trích dẫn của Lê Tùng Minh. Bđd).

Bị Lê Đức Thọ “chơi” vô đầu, Trần Bạch Đằng đã thổ lộ tâm sự với người đồng chí tín cẩn tên là Mai Thế Đồng như sau: *“Lúc ông Sáu Thọ chụp mũ tôi, nói thật là tôi tức muốn ói máu, định cự thẳng với ông ta một mạch, rồi ra sao thì ra, nhưng nhớ lại lời anh*

khuyên ‘chớ nên đụng thẳng với thằng cha Sáu Búa, chỉ có hại chớ không được cái giải gì hết!’ , nên tôi đành nuốt sự tức giận vào trong bụng... Vì vậy mà cả ngày hôm sau, tôi không cần ăn cơm cũng thấy no.” (Theo cuốn Hồi Ký “Vui Buồn Kháng Chiến” của Mai Thế Đồng, chưa xuất bản, hiện lưu trữ tại tủ sách gia đình. Trích dẫn của Lê Tùng Minh. Bđd.).

Thời quyền uy của Lê Đức Thọ, Trần Bạch Đằng đành “nín thở qua sông”. Đến khi Lê Đức Thọ hết quyền, Trần Bạch Đằng vẫn phải cẩn trọng, bởi vì phe cánh của Lê Đức Thọ còn đó. Nhất là Lê Đức Thọ còn người em ruột tiếp nối. Đó là Mai Chí Thọ, Bộ trưởng và Đại tướng Công An, cũng là một nhân vật “chuyên chính” khét tiếng và đầy quyền lực một thời. (11)

Trong bài *Dừng để khi quá muộn, trường hợp Ông Lê Đức Thọ* (google.com), tác giả Minh Diệm thuật lại như sau: “Ông Trần Bạch Đằng có lần kể lại câu chuyện sau đây với tôi và nhà thơ Văn Lê: Một buổi sáng tao đang ngồi viết trên lầu thì con cháu vào nói: ‘Chú Tư có bác Sáu Thọ tới thăm!’. Tao nghĩ chắc con nhỏ nhầm. Xưa nay người ta tìm tới Sáu Thọ quy lụy chớ cha áy thêm tới ai?

Nhưng khi xuống thì thấy đúng là Sáu Thọ. Cha đứng ngoài cửa, không vô nhà. Tao giữ mình vì mặt Sáu Thọ nhợt nhạt không còn thần sắc. Kiểu này chắc không được bao lâu nữa!?

Sáu Thọ nhích mép cười, nói:

Tôi biết cậu là người có tài. Ngày đó nếu cậu đến tôi, nói với anh Sáu vài lời, thì cậu chắc chắn là Ủy viên Trung ương khóa IV, là Ủy viên Bộ Chính trị. Nhưng cậu là con ngựa bất kham, không điều khiển được.

Dừng một khá lâu, ông Lê Đức Thọ mới nói tiếp, không suồng sã thân mật như trước mà giọng trầm xuống, khách sáo và như nhắc nhở:

Tôi được biết anh đang viết một quyển sách nói nhiều chuyện về tôi. Hôm nay tôi tới xin anh một điều, khi tôi còn sống anh đừng xuất bản quyển sách đó. Sau khi tôi chết, con người tôi lịch sử sẽ phán xét.

Nghe Sáu Thọ nói vậy, tao trả lời ông:

Quyển sách đã in rồi, nhưng anh nói vậy, tôi sẽ huỷ!”

Nếu không phải vì sợ hãi thì làm sao Trần Bạch Đằng đành phải hi sinh đứa con tinh thần của mình dễ dàng và mau lẹ đến thế.

Sở dĩ Trần Bạch Đằng sợ hãi Lê Đức Thọ bởi vì, hơn ai hết, ông ta biết rõ “Sáu Búa” Lê Đức Thọ có thể “làm phiền” bất cứ ai trong Đảng.

Trong bài *Những Sự Thật Cần Phải Biết* (Phần 22). *Tội đồ Lê Đức Thọ* (Danlambaovn.blogspot.com), tác giả Đặng Chí Hùng viết: “*Lê Đức Thọ nắm toàn quyền thực sự trong Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội 3 năm 1960 với sự đồng tình của Tổng Bí thư Lê Duẩn. Không ai có thể ngờ vực uy quyền tuyệt đối của Thọ, được gọi một cách kính sợ là Sáu Búa. Cũng theo hồi ký ‘Viết cho Mẹ và Quốc Hội’ của ông Nguyễn Văn Trấn (xuất bản năm 1993), uy quyền của Thọ lớn đến nỗi ông ta có thể cấm cả Hồ Chí Minh phát biểu trong một hội nghị mà ông Hồ Chí Minh cũng đành chịu. Được ông Trấn hỏi về Lê Đức Thọ, thì Tôn Đức Thắng, Chủ tịch nước, thú nhận một cách mộc mạc: ‘Đ.M., tao cũng sợ nó!’. Theo nhiều nhân chứng, Thọ từng xác quyết nhiều lần: ‘Đảng là tao!’. Lê Đức Thọ không chính thức là nhân vật số 1 trong đảng, trong danh sách Bộ Chính trị chỉ đứng hàng thứ năm, sau Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Hùng, Phạm Văn Đồng. Nhưng Thọ lại nắm bộ máy đảng và là nhân vật quyền lực nhất. Thọ có thể bắt giam những cộng sự viên của các nhân vật này mà không ai dám chống lại”.*

Quyền uy tốt đỉnh như Lê Duẩn, thế mà về cuối đời cũng bị Lê Đức Thọ dẫn vật, uy hiếp (chuyện vợ bé của Lê Duẩn) đòi Lê Duẩn trời trăng cho Thọ làm tổng bí thư. Có nghị án Thọ mật chỉ đàn em xô Trường Chinh té cầu thang đến toi mạng (Vũ Thư Hiên. *Đêm Giữa Ban Ngày*. Trang 293, 294). Sách *Bên Thắng Cuộc* của Huy Đức kể chuyện Gs. Hồ Ngọc Đại là rể của Lê Duẩn nói: “*Có lần ông Thọ nói ông còn để cái đầu ông Giáp trên cổ là may lắm”*. Nhiều phần chắc Thọ cho người giết chết 2 viên Đại tướng Hoàng Văn Thái và Lê Trọng Tấn. Thọ thanh trừng thẳng tay trong vụ án “chống xét lại”, khiến nhiều Đảng viên cỡ bự bị điều đứng. Những tay Cộng sản gộc Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Vịnh, Bùi Công Trừng, Lê Liêm, cha con Vũ

Đình Huỳnh... đều là nạn nhân của Lê Đức Thọ. Tóm lại, nhiều Đảng viên đồng ý cho rằng Lê Đức Thọ là “Đệ nhất hung thần trong lịch sử nước nhà!”. Khi Lê Đức Thọ chết, chôn tại nghĩa trang Mai Dịch (Hà Nội), sáng nào cũng có người liệng phân lên mộ hắn. Sau, gia đình phải cải táng về quê ở Nam Định.

Tuy nhiên, xưa nay từng xảy ra cảnh chó bị dồn tới đường cùng tất cắn lại. Từ khi bị thất sủng vào khoảng thời gian 1971-1972, đã ghi nhận Trần Bạch Đằng “cắn lại” Lê Đức Thọ được một lần. Đó là lần Trần Bạch Đằng dám cãi tay đôi với “Sáu Búa” Lê Đức Thọ về chủ trương thống nhất.

Sau ngày 30-4-1975, các lãnh tụ Cộng sản chớp bu Miền Bắc muốn thống nhất về mọi mặt ngay, tức là về chính trị, hành chính và kinh tế.

Đang khi đó, một số tay lãnh đạo Cộng sản Miền Nam cũng muốn thống nhất chính trị ngay, nhưng về kinh tế thì còn cần có thời gian để gạn lọc để giữ lấy cái hay và loại bỏ dần cái dở. Thậm chí, có một số muốn tạm thời duy trì một chính phủ “ba thành phần” để thể hiện “hoà hợp hoà giải” như tuyên bố của Mặt trận Dân tộc Giải phóng với dân Miền Nam hồi còn chiến tranh.

Diễn hình là phát biểu của Phó Bí thư Trung ương Cục Nguyễn Văn Linh. Trong cuốn *Bên Thắng Cuộc*, tác giả Huy Đức thuật lại như sau: “*Trước đó, theo ông Nguyễn Thành Thơ (Lúc ấy là Phó Bí thư Sài Gòn – Gia Định): Tại Hội nghị cán bộ toàn quốc do ông Lê Duẩn chủ trì, tổ chức sau Hội nghị Trung ương 24 tại trường Công an Thành phố ở Thủ Đức, Phó Bí thư Trung ương Cục Nguyễn Văn Linh nói: ‘Nên tiến hành ngay thống nhất lãnh thổ, thống nhất đảng, đoàn thể, mặt trận, nhà nước, quân đội. Nhưng về kinh tế, đề nghị để nó phát triển như nó có, ta xem ưu khuyết, cái gì phát huy, cái gì bỏ’*”.

Chủ trương kiểu này đã bị Trường Chinh, chủ tịch Quốc hội Cộng sản, quy chụp: “*Có một số cán bộ đảng viên không muốn thống nhất để hưởng thụ!*”

Không có dịp ăn nói chính thức như Nguyễn Văn Linh, tay “ba gai” Trần Bạch Đằng đã dám chơi nước liêu tới tận nhà “Sáu Búa” Lê Đức Thọ để cãi tay đôi. Huy Đức cho biết: “*Sau hội nghị đó,*

ông Nguyễn Thành Thơ cùng ông Trần Bạch Đằng tới nhà ông Lê Đức Thọ, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Theo ông Thơ, ông Đằng và ông Thọ cãi nhau đến mức, phải ‘đứng lên, ngồi xuống, quơ tay nhiều lần’. Ông Lê Đức Thọ nói: ‘Kinh tế là nền tảng, không thống nhất kinh tế, tất cả vấn đề khác thống nhất không có ý nghĩa’” (Huy Đức. Bên Thắng Cuộc. Quyển I. Giải phóng. Chương VIII Thống nhất. chauxuannguyen.org).

Trần Bạch Đằng dám “mó dái ngựa” hung thần Lê Đức Thọ, nếu số phận không “điều hiu” mới là chuyện lạ!

Vào thời điểm sau 30-4-1975, không có một lực nào cản nổi ý chí của các “đỉnh cao trí tuệ” trong Bộ Chính trị ở Hà Nội.

Hậu quả tới riêng cho Trần Bạch Đằng về tội dám cự cãi với Lê Đức Thọ là, khi Đại hội Đại biểu toàn quốc họp từ ngày 14 tới 2012-1976, Lê Đức Thọ gạc tên Trần Bạch Đằng ra khỏi danh sách tham dự Đại hội, bắt phải đi “thăm” nước anh em Cuba. Đường vào Trung ương Đảng của Trần Bạch Đằng vô cùng mờ mịt, xa xăm!

Chuyện dài giữa “Thắng Trời Đánh” Trần Bạch Đằng và “Sáu Búa” Lê Đức Thọ chấm dứt vào ngày 13-10-1990 khi Lê Đức Thọ xuôi tay nhắm mắt. Trần Bạch Đằng đã chọn phản ứng về nhân vật suốt đời trù ếm mình bằng cách yên lặng trước cái chết của Lê Đức Thọ. Trần Bạch Đằng đã không viết một bài nào để tiễn đưa “Sáu Búa” Lê Đức Thọ như ông ta thường làm mỗi khi có một nhân vật tiếng tăm qua đời (Xin coi Tuyển Tập Trần Bạch Đằng. Sdd.). Thiên nghi, sự chọn lựa yên lặng của Trần Bạch Đằng có thể hiểu được, bởi vì chẳng lẽ lại viết ca tụng “Sáu Búa” Lê Đức Thọ, mà chê thì không dám!

7. Đối với Nguyễn Văn Linh

Riêng đối với Nguyễn Văn Linh, người đã từng phê phán Trần Bạch Đằng nặng nề khiến cho ông ta bay mất chức bí thư Đặc Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định (T 4). Nguyễn Văn Linh cũng cùng với Lê Đức Thọ đã chặn đứng con đường vào Trung ương Đảng của Trần Bạch Đằng. Vậy mà khi Nguyễn Văn Linh chết, Trần Bạch Đằng viết tiễn đưa tới 3 bài, lời lẽ đầy kính trọng, đầy tình cảm, và chỉ

nhắc tới vụ án Hội nghị Bình Giả 5 một cách sơ sài, Trần Bạch Đằng viết: “Với anh Linh, ba người trong chúng tôi (tức Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ và Trần Bạch Đằng) đều xem như người anh, người thầy, tín nhiệm và tôn trọng, dầu mỗi người có cá tính riêng, và dầu từng xảy ra những tranh luận “nảy lửa” về nhiều vấn đề chưa nhất trí” (Tuyển Tập Trần Bạch Đằng. Anh Nguyễn Văn Linh Và Chúng Tôi. NXB Quân Đội Nhân Dân. Trang 299).

Có thật là Trần Bạch Đằng đã dễ dàng quên đi những ân oán với Nguyễn Văn Linh hay lại là “lựa lời mà nói” để còn có thể duy trì con đường sống cho mình và cho gia đình? Hoặc giả có “tròn trịa” như vậy, bài vở mới được phép in ra?

8. Trần Bạch Đằng trung với Đảng hay là một thằng hèn, bỏ rơi các đồng chí kháng chiến Nam Bộ cũ?

Năm 1983, Nguyễn Hộ đứng ra lập Hội Truyền thống Kháng chiến Thành phố HCM. Chủ tịch: Nguyễn Hộ. Phó Chủ tịch: Tạ Bá Tòng, Phạm Chánh Trực, Huỳnh Văn Tiêng. Ban cố vấn: Thượng tướng Trần Văn Trà và Trần Bạch Đằng. Các uỷ viên như: Lm. Chân Tín, Hoà thượng Thích Thiện Hào, Ni sư Huỳnh Liên, bà Ngô Bá Thành, Bs. Võ Cương, Ls. Trần Ngọc Liêng... Mới đầu, Hội được các lãnh đạo kháng chiến cũ ủng hộ; trong đó có Nguyễn Văn Linh (Bí thư Thành uỷ), Võ Văn Kiệt (Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng), Nguyễn Hữu Thọ (Chủ tịch Quốc hội), Huỳnh Tấn Phát (Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng).

Vào năm 1988, Hội có tới 10 ngàn hội viên. Mục đích của Hội là: Đổi mới, chống tệ nạn quan liêu và tham nhũng... Rồi hội họp. Rồi ra kiến nghị đòi “Kiểm điểm Bộ Chính trị và Ban Bí thư!”; đòi hỏi những quyền căn bản theo Hiến pháp.

Thủ tục xin phép chính thức lập Hội đầy đưa lên tới Lê Đức Thọ.

Mãi 3 năm sau, Lê Đức Thọ mới cho phép, nhưng bắt đổi tên từ Hội thành Câu lạc bộ, tức Câu lạc bộ Những Người Kháng chiến cũ Thành phố HCM với mục đích, nhiệm vụ thu hẹp là “...thực hiện mọi nhiệm vụ, mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung và Thành phố nói riêng”. Cặp mắt cú vọ của Lê

Đức Thọ mà chiếu cố tới Câu lạc bộ này thì ắt nó sẽ gặp rắc rối.

Thật vậy, Câu Lạc Bộ sinh hoạt được một thời gian ngắn thì bị Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Bí thư Thành uỷ Võ Trần Chí cùng nhiều cán bộ cáo cấp như Mai Chí Thọ, Trần Trọng Tân, có cả Trần Văn Trà và Trần Bạch Đằng, đã họp bàn kế hoạch đàn áp Câu lạc bộ. Đặc biệt là *“Ý kiến phát biểu, lên án, buộc tội câu lạc bộ kháng chiến thành phố của Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng trong cuộc họp nói trên được in ra và phát hành khắp cả nước”* (Hồi Ký Nguyễn Hộ. wordpress.com).

Thế là ban chủ nhiệm bị thay thế. Cá nhân Nguyễn Hộ bị quy chụp tội “phản động, gián điệp, lật đổ Đảng CSVN và nhà nước”. Rồi những thành viên ban chủ nhiệm lần lượt bị bắt và bị khai trừ khỏi Đảng. Nguyễn Hộ bị bắt và bị khai trừ năm 1990. Đỗ Trung Hiếu (Mười Anh) bị bắt 1990 và bị khai trừ 1992. Tạ Bá Tòng (Năm Càn) bị bắt 1990, khai trừ 1992.

Qua vụ này, các cựu cán bộ kháng chiến Nam Bộ chê Trần Bạch Đằng là “cầu an, hưởng lạc”. Khách bàng quan thì nhận thấy rõ Trần Bạch Đằng, trước sau, vẫn một lòng trung thành với Đảng Cộng sản và hèn hạ, sẵn sàng bỏ rơi các đồng chí cũ để bảo vệ quyền lợi bản thân và gia đình.

Bản lãnh Trần Bạch Đằng như thế đó, không thể là “một lãnh tụ Cộng sản cấp tiến” được.

9. Ngày 16-4-2007, Trần Bạch Đằng qua đời, nhà phê bình Đặng Tiến phát biểu trên Đài BBC như sau:

“Trần Bạch Đằng là người thiện chí có tâm huyết, tài năng và uy tín. Tiếc rằng người đọc chưa thấy ông sử dụng uy tín và tài năng ấy để vận động tích cực cho một đất nước tự do, một chế độ dân chủ”.

Chúng tôi nghĩ khác với nhà phê bình Đặng Tiến. Thiện chí, tâm huyết, tài năng, uy tín mà làm gì, khi Trần Bạch Đằng bị lột sạch sẽ chức tước, địa vị, bị đi sói trần; đến nỗi, ông ta đã phải nhũn như con chi chi để bảo toàn được sinh mạng, vợ con và cái biệt thự đường Mạc Đĩnh Chi để ở. Trong hoàn cảnh ấy còn làm được gì? Đây là chưa nói tới, dù bị “đánh” cho bầm dập, Trần Bạch

Đảng vẫn một lòng trung với Đảng, vẫn muốn cứu Đảng, muốn củng cố Đảng. Ông ta chưa bao giờ có ý tưởng tranh đấu cho một nước Việt Nam tự do, dân chủ đích thực.

Tháng 12-2009

Chú thích:

1. *Vợ Trần Bạch Đằng là Nguyễn Thị Chơn, tên thật Tôn Thị Hương, còn có tên công tác là Mai Thị Vàng, cưới năm 1951 tại Rạch Giá. Bà này từng hoạt động trong Ban Phụ vận nội thành. Bị bắt, nhưng người Mỹ tìm cách thả bà ta ra mật khu. Năm 1969, được Hà Nội cho tham gia phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam đi dự Hoà đàm Ba Lê. Năm 1977, làm chánh án toà phúc thẩm ở Sài Gòn rồi thăng lên Thứ trưởng Bộ Tư pháp. Chết năm 2000.*

2. *Trần Bạch Đằng. Cuộc Đời Và Ký Ức. NXB Trẻ, 2006. Trang 266.*

3. *Xứ uỷ Cộng sản Nam Bộ hay Trung ương Cục Miền Nam (Cục R) là cơ quan cao nhất, đại diện cho Trung ương Đảng Cộng sản VN, có nhiệm vụ trực tiếp lãnh đạo cuộc xâm chiếm Miền Nam. Lê Duẩn làm Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ từ 1946. Năm 1951, Đại hội Đảng kỳ II ở Việt Bắc đổi tên Xứ uỷ Nam Bộ thành Trung ương Cục Miền Nam. Thành phần đầu não gồm có Bí thư Lê Duẩn, Phó Bí thư Lê Đức Thọ, các uỷ viên: Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kinh. Tháng 9-1954, đổi tên Trung ương Cục thành Xứ uỷ Nam Bộ. Hội Nghị Trung ương Đảng họp ngày 23-01-1961, lại đổi tên Xứ uỷ Nam Bộ thành Trung ương Cục Miền Nam.*

4. *Trần Bạch Đằng. Sđd. Trang 231.*

5. *Trần Bạch Đằng. Sđd. Trang 247, 246.*

6. *Trần Bạch Đằng. Sđd. Trang 199.*

7. *Trần Bạch Đằng. Sđd. Trang 261.*

8. *Lê Tùng Minh là tác giả bài “Trần Bạch Đằng Người Cộng sản Đa Tài Nhưng Bất Đắc Chí Cho Đến Khi Nhắm Mắt Là Đời”. Viết tại Đông Bắc Mỹ, ngày 15-6-2007. Phổ biến rộng rãi trên Cánh én Online.*

Về bài viết của Lê Tùng Minh có 2 điểm đáng chú ý:

Một là tác giả có điều kiện truy cập nguồn sử liệu của Đảng Cộng sản và các tổ chức do Đảng lãnh đạo, đồng thời tác giả còn quen biết cả với những nhân vật kháng chiến đồng thời với Trần Bạch Đằng.

Hai là tác giả đề cao Trần Bạch Đằng quá đáng, chẳng hạn như Lê Tùng Minh cho là vì Trần Bạch Đằng đã góp ý kiến kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị mà những đơn vị vũ trang đầu tiên của Quân Giải phóng Miền Nam ra đời và nhất là ý kiến ấy trở thành tư tưởng chiến lược làm xoay chuyển cuộc “Cách mạng giải phóng Miền Nam”. Ý kiến kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang đã được Lê Duẩn triển khai trong bản Báo cáo Chính trị đem ra đọc trước hội nghị tại Hà Nội. Bản Báo cáo Chính trị của Lê Duẩn đã đưa ông ta lên vị trí lãnh đạo tối cao của Đảng trong suốt thời kỳ chiến tranh ác liệt nhằm nhuốm đò Miền Nam.

Lê Tùng Minh còn cho rằng Trần Bạch Đằng là người “Nuôi chí lớn để trở thành lãnh tụ Cộng sản cấp tiến”. Lê Tùng Minh viết: “Thế là... Trần Bạch Đằng lại quay trở về Sài Gòn, sống một cuộc đời của một cán bộ Cộng sản, đang bị Đảng CSVN vùi dập theo chính sách “vắt chanh bỏ vỏ”, mà những kẻ có quyền thực hiện thủ đoạn này là Lê Đức Thọ (trưởng Ban Tổ chức Trung ương) và Nguyễn Văn Linh (Bí thư Thành uỷ TP HCM) cấu kết với nhau, vứt bỏ một tài năng lãnh đạo, có khả năng vượt qua đầu của họ, nếu Trần Bạch Đằng được vào Trung ương Đảng khoá V”.

Cũng vì 2 điểm trên khiến chúng tôi nghi tác giả Lê Tùng Minh chính là Tô Minh Trung, Phó Tiến sĩ Sử, từng là bí thư của Trần Bạch Đằng khi ông ta nắm chức Bí thư Đặc Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định. Có lẽ vì Trần Bạch Đằng bắt đầu bị thất sủng sau Hội nghị “Bình Giả 5” vào năm 1970 và bị hạ bệ vào năm 1972, cho nên Tô Minh Trung đã ra hồi chánh và được VNCH đối xử tử tế. Tô Minh Trung đã từng được Trung tâm Thẩm vấn Quốc gia đặt tại số 3, Bạch Đằng (cạnh Toà án Quân sự Mặt trận Vùng 3, bến Bạch Đằng) mượn về để khai thác tin tức.

9. Thời hoạt động kháng Pháp ở Nam Bộ, có lúc Lê Đức Thọ

được xếp hàng thứ 6 trong Bộ Chính trị, tính tình ông ta thủ đoạn, tàn ác, cho nên dân vùng kháng chiến cũng như các thuộc cấp đặt cho hỗn danh là “Sáu Búa”.

10. Nội các Chiến tranh Nguyễn Cao Kỳ thành lập ngày 19-6-1965. Đó là thời kì tình hình Miền Nam Việt Nam hết sức rối ren, các cuộc biểu tình chống chính phủ diễn ra thường xuyên; đồng thời gian thương đục nước béo cò đã lũng đoạn thị trường bằng các thủ đoạn đầu cơ, tích trữ. Để đối phó tình hình này, chính phủ Nguyễn Cao Kỳ đã dùng biện pháp mạnh, cụ thể là cho dựng một “pháp trường cát” (xếp các bao cát lên để làm pháp trường xử bắn tội phạm) ngay phía trước chợ Bến Thành để hành quyết công khai các phạm nhân nhằm mục đích răn đe. Người Miền Nam lúc đó còn nhớ những vụ hành hình tội phạm tại pháp trường này, như vụ xử bắn 3 phạm nhân ngày 06-10-1965, vụ xử gian thương Tạ Vinh ngày 14-3-1966 và vụ hành quyết Lê Văn Khuyên ngày 29-1-1965.

Pháp trường cát bị truyền thông quốc tế lên án mạnh mẽ, cho nên chính phủ Nguyễn Cao Kỳ phải dẹp bỏ sau một thời gian ngắn.

11. Mai Chí Thọ (1922-2007), bí danh Năm Xuân, tên thật là Phan Đình Đống. Khoảng 1972-75: Khi Trần Bạch Đằng mất chức bí thư Thành uỷ xuống phó bí thư thứ hai thì Mai Chí Thọ lên phó bí thư thứ nhất rồi lên bí thư Thành uỷ. Thời gian 1975-76: Giám đốc Sở Công An Thành phố HCM. Thời gian 1979-85: Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân Thành phố HCM. Năm 1986: Bí thư Thành uỷ Tp. HCM, uỷ viên Bộ Chính trị. Năm 1987: Bộ trưởng Bộ Công an. Năm 1989: Thăng đại tướng đầu tiên trong ngành. Năm 1991: Về hưu. Năm 2007: Mai Chí Thọ chết, cùng năm với Trần Bạch Đằng.



Hình không theo thứ tự và không nhớ hết tên mọi người: Trần Nguyên Đôn, Nguyễn Thanh Cản, Dương Minh Mẫn, Dương Mạnh Tiến, Vương Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Thị Năng, Nguyễn Thị Hải, Diệp Ngọc Tiếp, Nguyễn Ngọc Thắng, Nguyễn Văn Thảo, Trần Anh Tuấn, Phan Liêu, Lý Bửu Lâm

Bài 4 - TRÙM SINH VIÊN TRANH ĐẤU HUỲNH TẤN MÃM QUẢ CHANH BỊ VẮT CHO HẾT NƯỚC



Huỳnh Tấn Mẫm

Phong trào sinh viên tranh đấu do Thành Đoàn Cộng sản lãnh đạo tại Miền Nam (phân biệt với phong trào sinh viên tranh đấu ngoài Huế và Đà Nẵng được chỉ đạo do một tổ chức khác của Cộng sản) bùng lên khá sôi nổi từ khoảng 1966 tới 1972.

Có thể nói, trong số những sinh viên Việt Cộng hoạt động tranh đấu công khai thời đó, Huỳnh Tấn Mẫm là khuôn mặt nổi bật nhất.

Mẫm là đảng viên Đảng Cộng sản, nhưng khôn khéo núp dưới nhãn hiệu một sinh viên Y khoa thuần túy để hoạt động. Có lúc Mẫm nắm tới 3 chức vụ hàng đầu trong các tổ chức sinh viên. Chẳng những Mẫm trở thành lãnh tụ phong trào sinh viên tranh đấu nổi đình đám trong nước mà còn được cả một số phong trào sinh viên phản chiến bên Âu, Mỹ đề cao.

I. KẾT NẠP ĐẢNG

Mẫm học Trung học Petrus Ký; sau khi đậu Tú tài, thi vào Đại học Y khoa Sài Gòn. Mẫm học khá cho nên được Bộ Y tế cấp học bổng. Mẫm được Miền Nam tự do cho học hành ở những ngôi trường tốt nhất và hoàn toàn miễn phí; để đáp lại, y đã đem hết sức mình tranh đấu để tiêu diệt chế độ tự do ấy.

Năm 1958, lên 15 tuổi, đang học lớp đệ Ngũ (lớp 8) Trường Pétrus Ký, Mẫm được kết nạp vào tổ chức bí mật và được giao công tác rải truyền đơn. Năm 1960, được kết nạp vào Hội Liên hiệp Thanh niên Giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Vì đã được kết nạp vào tổ chức của Cộng sản nên thời kỳ xáo trộn 1963, Mẫm luôn luôn có mặt và hành động táo bạo trong hầu hết các cuộc biểu tình chống chính quyền và đã từng bị bắt. Do quá trình tranh đấu, năm 1965, Mẫm được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng.

Ngày 19-6-1965, Nội các Chiến tranh Nguyễn Cao Kỳ ra mắt. Nội các này không được sự ủng hộ của phe Phật giáo Ấn Quang do Thượng toạ Thích Trí Quang lãnh đạo. Đó là nguyên do chính làm nổ ra cuộc “Biến Động Miền Trung” bắt đầu từ khoảng tháng 2-1966. Cuộc “Biến Động Miền Trung” cũng được một số thành phần tiếp tay hưởng ứng ngay tại Thủ đô Sài Gòn. Cho tới giai đoạn này, Thành Đoàn CS chưa nắm được các tổ chức công khai tại các Phân khoa Đại học và Tổng hội SVSG, nhưng nhân có cuộc đấu tranh của Phật giáo do phe Ấn Quang lãnh đạo, Thành Đoàn CS mau chóng chớp thời cơ. Họ chỉ thị cho các sinh viên, học sinh thuộc tổ chức của họ phải tìm cách len lỏi trà trộn vào mọi hoạt động chống chính quyền, quây phá làm cho tình hình nát bấy ra bao nhiêu hay bấy nhiêu. Một trong những cuộc biểu tình phát xuất từ trường Đại học Y khoa (lúc ấy còn ở số 28 Trần Quý Cáp, nay là Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh, đường Võ Văn Tần, Quận 3). Trên đường tuần hành, Mẫn và Nguyễn Tấn Á hành động hung hãn nổi bật. Phía công lực chấm định hai đương sự là đối tượng hàng đầu cho nên đã bắt Mẫn và Á cùng với một số đối tượng đi tiên phong khác như Hồng Khắc Kim Mai, Tôn Nữ Quỳnh Trân, Phạm Đình Vy... (Nguyễn Tấn Á là học sinh cầm đầu nhóm tranh đấu bạo động thuộc trường Trung học kỹ thuật Cao Thắng. Tiếp nối vị trí của Á sau này là Lê Văn Nuôi).

Trong giai đoạn này, chính quyền chưa nắm đủ yếu tố buộc tội bọn này, cho nên chỉ sau một thời gian ngắn, tất cả đều được thả ra.

Do những thành tích tranh đấu, ngày 03-02-1966, Mẫn được kết nạp làm đảng viên dự bị Đảng Nhân dân Cách mạng VN. (1)

Sau khi được kết nạp Đảng, Mẫn càng hoạt động tích cực hơn. Trong cuộc bầu cử ngày 20-12-1968, liên danh Nguyễn Đình Mai (chủ tịch) và Huỳnh Tấn Mẫn (phó ngoại vụ) đắc cử Ban Đại diện Sinh viên Đại học Y khoa Sài Gòn.

Thành Đoàn CS đánh giá cao khả năng của Mẫn cho nên đã tuyển chọn Mẫn làm Bí thư chi bộ Đảng Đoàn Tổng hội SVSG, mang bí số L.71 với nhiệm vụ: bằng mọi cách phải nắm được những vị trí hợp pháp công khai trong tập thể sinh viên để đẩy lên

mạnh mẽ phong trào sinh viên tranh đấu tại Thủ đô Sài Gòn (2).
Mẫn được kết nạp làm đảng viên chính thức năm 1971.

II. THỜI HOẠT ĐỘNG SÔI NỔI

Sau đây là những hoạt động tiêu biểu mà Huỳnh Tấn Mẫn tham dự hoặc đóng vai chủ chốt. Những hoạt động tranh đấu xảy ra cùng thời gian này mà không có sự tham dự của Mẫn (vì lí do anh ta bị giam giữ chẳng hạn), sẽ không được đề cập trong bài này.

1. Năm những chức vụ sinh viên hợp pháp

Do xảy ra cuộc Tổng công kích Tết Mậu Thân 1968 của Cộng quân, cuộc bầu cử Ban Chấp hành Tổng hội SVSG niên khoá 1968-69 bị trì hoãn 6 tháng, mãi tới ngày 02-8-1969 mới tổ chức được. Trong cuộc bầu cử này, liên danh Nguyễn Văn Quý (Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Nông Lâm Súc) đắc cử, đánh bại liên danh Đoàn Kinh (Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Khoa học). Liên danh đắc cử gồm có 7 thành viên thì 4 là cán bộ Thành Đoàn CS. Đó là: Chủ tịch Nguyễn Văn Quý (Chủ tịch Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp, còn gọi là Nông Lâm Súc), Phó Nội vụ Huỳnh Tấn Mẫn (Phó Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Y khoa), Phó Tổng Thư kí Nguyễn Hoàng Trúc (Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Cao đẳng Thú y và Chăn nuôi thuộc Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp), Thủ quỹ Nguyễn Thị Yến (Phó Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa). Ba thành viên khác là Phó Chủ tịch Ngoại vụ Đoàn Văn Toại (Phó Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Dược khoa), Tổng Thư kí Nguyễn Văn Thắng (Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Sư phạm), Phó Chủ tịch Kế hoạch Nguyễn Khắc Dỡ (Chủ tịch Ban Đại diện sinh viên Cao đẳng Công chánh/Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ). Tổng hội SVSG còn có 7 uỷ viên thì Thành Đoàn CS nắm được uỷ viên văn nghệ (Nguyễn Văn Sanh), uỷ viên báo chí - phát thanh (Tô Thị Thủy) và uỷ viên liên lạc (Nguyễn Tuấn Kiệt).

Hai tháng sau, Chủ tịch Nguyễn Văn Quý tốt nghiệp và ra trường nên Huỳnh Tấn Mẫn lên làm quyền Chủ tịch Tổng hội SVSG.

Cùng thời gian ấy, Mẫn còn được bầu vào chức chủ tịch Ban

Đại diện Sinh viên Đại học xá Minh Mạng (nay là Ký túc xá Ngô Gia Tự). Với chức Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Đại học xá, Mẫn tìm cách đưa về đây những sinh viên đã là đảng viên, đoàn viên, những sinh viên thân Cộng, khuynh tả hoặc là những sinh viên nghèo, gia đình ở xa để dễ dụ dỗ hoạt động chống Chính phủ.

Từ đây, Mẫn nắm được những chức vụ hợp pháp công khai và qua trung gian của Dương Văn Đây (Bảy Không, đảng viên từ tháng 9-1966) và Trần Thị Ngọc Hào (Tư Tín), Mẫn nhận chỉ thị của Thành Đoàn CS phải dẫn thân tích cực để lôi lái tập thể sinh viên Sài Gòn tham gia vào nhiều hình thức đấu tranh chống chính quyền, phá rối hậu phương.

2. Phong trào Hát cho đồng bào tôi nghe

Phong trào *Hát cho đồng bào tôi nghe* được thành lập vào năm 1965. Sinh viên Y khoa Trương Thìn làm trưởng đoàn đầu tiên; từ 1969 là Tôn Thất Lập; từ 1973 là Trần Xuân Tiến. Năm 1969, khi Huỳnh Tấn Mẫn làm quyền Chủ tịch Tổng hội SVSG, Phong trào *Hát cho đồng bào tôi nghe* được phát động mạnh mẽ với chủ lực là Đoàn Văn nghệ SVHS Sài Gòn do Tôn Thất Lập làm trưởng đoàn.

Sang năm 1970, Đoàn Văn nghệ Sinh viên Đại học Vạn Hạnh ra đời do Kim Hạnh (nguyên Tổng Biên tập báo Tuổi Trẻ) làm trưởng đoàn, tăng cường lực lượng cho Phong trào này.

Nhóm chuyên sáng tác của Phong trào gồm có: Tôn Thất Lập, Miên Đức Thắng, La Hữu Vang, Nguyễn Văn Sanh, Nguyễn Tuấn Kiệt, Trương Quốc Khánh, Trần Long Ẩn, Trần Xuân Tiến, Trương Thìn...

Nhóm này đã sáng tác những bài ca đấu tranh như: *Hát Cho Dân Tôi Nghe*, *Hát Trong Tù* (Tôn Thất Lập), *Dậy Mà Đi* (Nguyễn Xuân Tân cũng chính là Tôn Thất Lập), *Tự Nguyện* (Trương Quốc Khánh) *Hát Từ Đồng Hoang* (Miên Đức Thắng), *Non Nước Tôi* (Nguyễn Văn Sanh)...

Đêm văn nghệ *Hát cho đồng bào tôi nghe* tổ chức tại Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (Nông Lâm Súc) ngày 27-12-1969 dẫn tới quá khích, có nguy cơ bùng nổ bạo loạn, cho nên Cảnh sát quận

I phải can thiệp, bắt một số những phần tử chủ chốt, trong đó có Huỳnh Tấn Mẫm, Trần Thị Lan... Nhưng tất cả chỉ bị tạm giam một thời gian ngắn rồi lại thả ra.

3. Vụ Mông 10 Tháng 3

Khoảng thời gian này, phía công lực đã bắt giữ một số sinh viên là cán bộ Thành Đoàn CS, khai thác được nhiều tang chứng, như Dương Văn Đầy (3), Đỗ Hữu Bút, Nguyễn Ngọc Phương và người yêu của Phương là Cao Thị Quế Hương... Rồi đến lượt Mẫm bị bắt tại Đại học xá Minh Mạng sáng ngày 10-3-1970.

Lập tức nhóm các sinh viên, học sinh thuộc phe tranh đấu đã cùng với một số ít dân biểu, giáo sư, trí thức và báo chí đối lập, thiên tả hoặc thân Cộng phát động một đợt biểu tình, tuyệt thực, đòi thả sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm và các sinh viên bị bắt. Các thành phần tranh đấu mệnh danh đợt bắt giữ này là *Vụ mông 10 tháng 3*.

Phía sinh viên: Ngày 29-3-1970, Hội đồng Đại diện SVSG lập ra Ủy ban tranh đấu chống đàn áp SVHS do sinh viên Đoàn Kinh (Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Khoa học) làm chủ tịch và 4 ủy viên là Nguyễn Văn Lang (Phó Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Y khoa), Đoàn Văn Tân (Luật), Đoàn Văn Toại (Phó Chủ tịch ngoại vụ Tổng hội SVSG), Hạ Đình Nguyên (sinh viên Văn Khoa) và Nguyễn Đình Mai (Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Y khoa) làm phát ngôn viên của Ủy ban.

Ngoài ra, Ủy ban Giáo chức và Phụ huynh chống đàn áp SVHS cũng được thành lập do Gs. Lý Chánh Trung làm chủ tịch, bao gồm một số tu sĩ, trí thức, giáo chức và dân biểu đối lập hoặc thân Cộng.

Những nhóm tranh đấu kể trên được sự hỗ trợ tích cực của các tờ báo thiên tả *Tin Sáng, Tia Sáng, Điện Tín, Duốc Nhà Nam* với những tên tuổi như Nguyễn Ngọc Lan, Lý Chánh Trung, Hồ Ngọc Nhuận, Hồ Ngọc Cứ, Nguyễn Văn Bình, Kiều Mộng Thu... Tất cả đã làm cho *Vụ mông 10 tháng 3 năm 1970* trở nên có tiếng vang tại Sài Gòn và được giới phản chiến ngoài nước làm ồn ào lên.

Ngày 20-4-1970, Tòa Quân sự Mặt trận xử 21 sinh viên tranh đấu. Ngày 24-4-1970, Tòa phóng thích 10 đối tượng: Cao Thị Quế

Hương, Đỗ Hữu Bút, Võ Ba, Trương Hồng Liên, Võ Thị Tố Nga, Trương Thị Kim Liên, Hồ Nghĩa, Đoàn Chiến Thắng, Lưu Hoàng Thao, và Lê Anh.

Phiên tòa ngày 13-6-1970 lại thả ra 6 đối tượng, gồm có: Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Thành Yên, Đỗ Hữu Ứng, Phùng Hữu Trân, Dương Văn Đầy và Trầm Khiêm (Hai Lâm). Đầy và Khiêm là Đoàn ủy sinh viên thuộc Thành Đoàn CS. Tòa còn giữ lại 5 đối tượng là: Nguyễn Ngọc Phương (Bí thư Đoàn ủy Sinh viên), Nguyễn Tấn Tài, Nguyễn Thanh Công, Lê Văn Hoa và Nguyễn Văn Sơn.

Được thả về, Mẫm học năm thứ năm Y khoa và tiếp tục tranh đấu.

4. Chống Chương trình quân sự học đường

Ngày 01-7-1970, một “Đại hội SVHS miền Nam” được triệu tập tại Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp, mục đích là chống *Chương trình quân sự học đường*, chống sưu cao thuế nặng, đòi trả tự do cho các SVHS bị bắt. Đoàn chủ tịch, ngoài Mẫm ra, còn có Đoàn Văn Toại, Nguyễn Hoàng Trúc (Tổng hội SVSG), Phạm Văn Xinh (Tổng hội Sinh viên Cần Thơ), Trần Hoài (Hội đồng Đại diện Sinh viên Huế), Đại đức Thích Quảng Trí (Ủy ban Sinh viên Tranh đấu chống quân sự học đường Đại học Vạn Hạnh), Lê Văn Nuôi (Tổng Đoàn Học sinh Sài Gòn). Sau hội thảo, tất cả kéo nhau tới Nha quân sự học đường, nhưng bị Cảnh sát ngăn chặn kịp thời.

5. “Đại hội Sinh viên Thế giới kì I” ngày 11-7-1970 tại Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp

Thời điểm này, phong trào chống chiến tranh Việt Nam ở Hoa Kỳ và một số nước khác bùng lên khá sôi nổi. Sinh viên phản chiến người Mỹ tên là Charles Palmer cùng vài sinh viên phản chiến Âu châu và Úc châu hẹn nhau “du lịch” tới Sài Gòn. Mẫm đi gặp các sinh viên ngoại quốc này và bàn tính với họ về việc tổ chức “Đại hội Sinh viên Thế giới kì I”, dự định diễn ra tại Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (Nông Lâm Súc). Tối hôm trước, tất cả tụ họp tại chùa Ấn Quang để chuẩn bị cho “Đại hội” khai diễn vào sáng hôm

sau, ngày 11-7-1970. Đến ngày “Đại hội”, trên bàn chủ tọa có Nguyễn Văn Quỳnh (cựu Chủ tịch Tổng Hội SVSG), Huỳnh Tấn Mẫm (quyền Chủ tịch Tổng hội SVSG), Lê Văn Nuôi (Chủ tịch Tổng Đoàn Học sinh Sài Gòn), Nguyễn Thị Yên (Thủ quỹ Tổng hội SVSG), Phạm Văn Xinh (Chủ tịch Tổng Hội Sinh viên Cần Thơ). Mẫm đọc diễn văn khai mạc chống leo thang chiến tranh, đòi Mỹ rút quân, đòi Tổng thống Nixon thôi ủng hộ Tổng thống Thiệu, đòi hoà hợp hoà giải dân tộc. Sau đó, hô khẩu hiệu “Đả đảo Nixon”, “Đả đảo chiến tranh xâm lược Mỹ”, “Hoà bình cho Việt Nam”. Bên ngoài, 6 toán biểu tình đã sẵn sàng cuộc tuần hành cầm đầu bởi Nguyễn Hoàng Trúc, Hạ Đình Nguyên (Văn khoa, trưởng Ban hành động Tổng hội SVSG), Trương Tấn Nghiệp, Nguyễn Văn Thắng (Sư phạm), Lâm Thành Quý và Nguyễn Xuân Hàm. Mẫm và Charles Palmer đi đầu, cùng giơ cao con chim bồ câu trắng. Theo sau là 2 sinh viên nước ngoài khiêng một cỗ quan tài đỏ ghi 2 câu thơ của Tố Hữu: “*Cắm hờn lại giục cắm hờn, Máu kêu trả máu, đầu van trả đầu*”. Đoàn người mang các biểu ngữ “Stop war”, “Peace now” và hát bài *Dậy mà đi* (Nguyễn Xuân Tân) và những bài ca đấu tranh (4). Đoàn tuần hành chia 2 ngã tiến về Tòa Đại sứ Mỹ để trao cho Đại sứ Bunker bản tuyên bố của “Đại hội”. Nhưng các cánh biểu tình nhanh chóng bị nhân viên công lực dẹp tan ngay trên đường Thống Nhất ngang hông Trường Dược (nay là Lê Duẩn) và trên đường Hồng Thập Tự gần Ty CSQG quận I (nay là Nguyễn Thị Minh Khai). Huỳnh Tấn Mẫm trốn thoát. Các sinh viên ngoại quốc bị tổng xuất ngay ra khỏi nước.

6. Tiếp tục chống Chương trình quân sự học đường

Ngày 30-8-1970, bọn Mẫm lại tổ chức chống *Quân sự học đường* tại Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp. Cảnh sát quận I ập tới giải toả cuộc tụ họp và bắt đi một số. Sau khi lập xong hồ sơ, tất cả được thả, chỉ giữ lại 3 đối tượng Huỳnh Tấn Mẫm, Trần Hoài (Đại học Huế) và Lê Văn Nuôi (học sinh Cao Thắng).

Ngày 30-9-1970, Gs. Lý Chánh Trung cầm đầu cuộc tuyệt thực chống “Đàn áp SVHS” tại Viện Đại học Sài Gòn, gồm một số giáo chức và phụ huynh, một ít sư cô thuộc tịnh xá Ngọc Phương của

Ni sư Huỳnh Liên, bà Thơm (má của Huỳnh Tấn Mẫm), một số sinh viên học sinh, Ls. Nguyễn Long (Chủ tịch Phong trào Dân tộc Tự quyết), Ls. Trần Ngọc Liễng (Chủ tịch Lực lượng Quốc gia Tiến bộ), Nguyễn Văn Cước (Chủ tịch Nghiệp đoàn Hoả xa), Thượng toạ Thích Mãn Giác, Thượng toạ Nhật Thường...

Cuối cùng, khi ra toà, cả ba đối tượng Mẫm, Hoài và Nuôi đều được thả tự do!

7. Đắc cử chủ tịch Tổng hội SVSG niên khoá 1969-70

Ngày 15-10- 1970, liên danh Huỳnh Tấn Mẫm thắng liên danh Phạm Hào Quang (Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Khoa học) trong kì bầu cử Ban Chấp hành Tổng hội SVSG niên khoá 1969-1970. Liên danh thắng cử Huỳnh Tấn Mẫm còn có Phó Chủ tịch Nội vụ Phạm Trọng Hàm (Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Nha khoa), Phó Ngoại vụ Trần Văn Dương (Phó Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Sư phạm), Phó Kế hoạch Lưu Văn Tấn (Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Cao đẳng Điện học), Tổng Thư kí Nguyễn Hoàng Trúc (Chủ tịch Cao đẳng Thú y), Phó Tổng Thư kí Nguyễn Văn Thắng (Tổng Thư kí Ban Đại diện Sinh viên Khoa học), Thủ quỹ Nguyễn Thị Yên (Phó Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa).

8. Chiến dịch đốt xe Mĩ

Viện cơ để trả đũa vụ học sinh Nguyễn Văn Minh bị lính Mĩ bắn chết ở Quy Nhơn, ngày 07-12-1970, Ủy ban đòi quyền sống đồng bào thuộc Tổng hội SVSG xách động chiến dịch đốt xe Mĩ tại Sài Gòn – Gia Định. Cầm đầu chiến dịch đốt xe Mĩ là Nguyễn Xuân Thượng, Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Đại học xá Minh Mạng, niên khoá 1970-1971 (sau 30-4-1975, Thượng làm Phó Giám đốc Công ty ăn uống quận Bình Thạnh). Kế nhiệm Nguyễn Xuân Thượng là Võ Thị Bạch Tuyết (sau 30-4-1975, Tuyết làm Giám đốc nông trường Đỗ Hoà ở Duyên Hải, rồi Giám đốc Sở Thương binh Xã hội Tp. HCM, về hưu năm 2005). Chiến dịch còn có những tay chủ chốt như Lâm Thành Quý (Phó Chủ nhiệm hành động), Ngô Thanh Thuỷ (Tư Thanh, Thủ quỹ), Phan Nguyệt Quờn

(Ba Liễu, uỷ viên tổ chức).

9. Sát hại sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật và tổ chức “ma” Tổng hội Sinh viên Việt Nam



*Sinh viên
Lê Khắc Sinh Nhật*

Sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật cầm đầu liên danh khuynh hướng Quốc gia đánh bại liên danh Trịnh Đình Ban (Bảy Điểm) do Thanh Đoàn Cộng sản lãnh đạo trong cuộc tranh cử Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa niên khoá 1970-1971. Sau khi đắc cử Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa, Lê Khắc Sinh Nhật lại tham gia liên danh Lý Bửu Lâm với chức vụ Phó Chủ tịch Nội vụ trong cuộc bầu cử Tổng hội SVSG.

Ngày 20-6-1971, liên danh Lý Bửu Lâm (Trưởng tràng Sinh viên Kiến trúc) thắng cuộc bầu cử Ban Chấp hành Tổng hội SVSG niên khoá 1970-1971, tổ chức tại Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (Nông Lâm Súc), giành lại Tổng hội SVSG từ tay các sinh viên Việt Cộng. Giới sinh viên Sài Gòn và những người quan tâm còn nhớ Tổng hội SVSG đã bị cán bộ của Thành Đoàn CS khống chế qua 4 nhiệm kỳ (Hồ Hữu Nhật 1967, Nguyễn Đăng Trùng 1967-1968, Nguyễn Văn Quý 1968-1969 và Huỳnh Tấn Mẫm 1969-1970).

Bị thất bại trong cuộc bầu cử Tổng hội SVSG, Thành Đoàn CS hết sức cay cú. Họ đưa ra hai quyết định.

Một là ra lệnh sát hại sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật ngay tại Đại học Luật khoa Sài Gòn ngày 28-6-1971, vừa để trả đũa sự thất bại vừa để răn đe các sinh viên Quốc gia muốn dấn thân hoạt động trong môi trường Đại học. Quyết định hạ sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật là một quyết định tàn ác, đê tiện của Thành Đoàn CS. Vì thế, sau 30-4-1975, mặc dù họ tung ra nhiều tài liệu và sách báo khoe khoang thành tích đấu tranh của các tổ chức Thành Đoàn CS, nhưng đặc biệt, họ không hề dám công khai nhắc tới “thành tích” ám sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật. (5)

Hai là Thành Đoàn CS chỉ thị Huỳnh Tấn Mẫm tập họp một số sinh viên tại trụ sở Tổng vụ Thanh niên Phật Tử số 294 đường

Công Lý vào ngày 28-7-1971 để bầu ra một tổ chức chưa bao giờ có. Đó là “Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam”, gồm có Chủ tịch Huỳnh Tấn Mẫm, Tổng Thư kí Nguyễn Thị Yên, Phó Chủ tịch Ngoại vụ Lê Văn Thuýn (Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Huế), Phó Chủ tịch Nội vụ Phạm Văn Xinh (Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Cần Thơ). Tổng hội Sinh viên Việt Nam là một tổ chức “ma”. Chỉ có những kẻ nặn ra nó công nhận nó. Trên thực tế, tổ chức này không đại diện cho ai vì lúc đó Huỳnh Tấn Mẫm không còn tư cách pháp nhân để đại diện cho tập thể sinh viên Sài Gòn. Sinh viên Lý Bửu Lâm mới là Chủ tịch Tổng hội SVSG từ cuộc bầu cử ngày 20-6-1971.

10. Huỳnh Tấn Mẫm “tranh thủ” Phó TT. Nguyễn Cao Kỳ

Đánh giá có sự rạn nứt và tranh chấp quyền lực trầm trọng giữa ông Thiệu và ông Kỳ, đầu Tháng 9-1971, Thành Đoàn CS chỉ đạo Mẫm phải tìm cách “tranh thủ” ông Kỳ. Với sự môi giới của dân biểu thân Cộng Hồ Ngọc Nhuận, ông Kỳ chịu tiếp kiến phái đoàn Huỳnh Tấn Mẫm. Hai bên đều muốn lợi dụng nhau. Ông Kỳ muốn dùng lực lượng của bọn Mẫm để phá ông Thiệu, cho nên đã hứa cho bọn họ mượn Dinh Quốc Khách của Phó Tổng thống để làm trụ sở vì trụ sở Tổng hội SVSG tại số 207 Hồng Bàng đã bị phong tỏa. Sau cuộc yết kiến đó 2 ngày, để phô trương lực lượng với ông Kỳ, bọn sinh viên, học sinh tranh đấu đã tổ chức một cuộc xuống đường đôi co với Cảnh sát dã chiến ngay trên đường Cường Để. Ngày hôm sau, ông Kỳ ra lệnh giao một phần Dinh Quốc Khách số 4 Tú Xương với đầy đủ văn phòng phẩm, xe cộ và cả lựu đạn MK3 cho bọn Huỳnh Tấn Mẫm để chúng phá cuộc bầu cử tổng thống (6). Từ khi có trụ sở an toàn với đầy đủ phương tiện và vũ khí, bọn Mẫm đã tổ chức được một số cuộc biểu tình chống phá cuộc bầu cử tổng thống, làm rối loạn đường phố ở một số khu vực. Việc làm tắc trách của ông Kỳ và bộ hạ khoét sâu thêm hố chia rẽ giữa các cấp lãnh đạo Quốc gia và tiếp tay cho bọn SVHS Việt Cộng phá rối trị an.

Một trong những cuộc biểu tình phá rối trị an đã diễn ra ngày 19-9-1971 tại Đại học Vạn Hạnh. Đây cũng là lần đầu tiên bọn

Mã dùng lựu đạn MK3. Hôm ấy, bọn Mã kết hợp với Tổng hội Sinh viên Đại học Vạn Hạnh và Tổng Đoàn Học sinh Sài Gòn tổ chức cuộc biểu tình bạo động chống bầu cử. Cuộc biểu tình phát xuất từ khuôn viên Đại học Vạn Hạnh rồi lan ra đường Trương Minh Giảng, khiến cả một khúc đường trước công trường bị tắc nghẽn. Đang khi đó, các phần tử xung kích liệng lựu đạn MK3 phá các phòng phiếu, bôi xoá và sửa chữa các bích chương tranh cử bằng những lời lẽ xé rách mé. Cảnh sát được điều tới để vãn hồi trật tự, an ninh.

Cơ quan trách nhiệm nhận thấy không thể để cho Mã tiếp tục cầm đầu phá rối trị an thêm nữa. Đã đến lúc phải vô hiệu hoá vai trò của Mã. Vì thế, cuối tháng 9 năm đó, khi từ khách sạn Caravelle trở về trụ sở Tổng vụ Thanh niên Phật tử số 294 đường Công Lý (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa), Mã bị Cảnh lực bao vây. Thấy nguy, đồng bọn đã nhờ Hồ Ngọc Nhuận kêu cứu với Phó TT. Nguyễn Cao Kỳ. Ông Kỳ phái người tới giải thoát cho Mã. Sau đó, Mã lại được Tướng Dương Văn Minh cho sĩ quan tùy viên tới đón về ăn náu 6 tháng trời tại tư dinh của ông, tức Dinh Hoa Lan. (7)

Đến đầu Tháng 01-1972, Mã mới rời Dinh Hoa Lan của Tướng Minh để ra chuẩn bị cho cuộc bầu cử Ban Đại diện Sinh viên Y khoa niên khoá 1971-1972.

Ngày 05-01-1972, sau một cuộc họp ở Đại học Y khoa, Mã được Nguyễn Văn Lang (Phó Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Y khoa) chở về Đại học xá Minh Mạng, tới ngang cổng Bệnh viện Hồng Bàng (nay là Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch) thì bị bắt.

Tới đây, coi như chấm dứt một thời hoạt động sôi nổi của sinh viên Việt Cộng Huỳnh Tấn Mã.

III. MÃ TIẾP TỤC LÀ TÙ NHÂN CỦA CHÍNH ĐỒNG CHÍ MÌNH

Theo luật pháp VNCH, không thể giữ một nghi can lâu quá thời hạn cho phép, nếu không có bằng chứng, cho nên bọn sinh viên Việt Cộng bảo nhau bất cứ giá nào cũng không nhận tội,

không khai điều gì có liên quan tới Cộng sản thì chắc chắn sẽ được xét thả ra. (8)

Một sinh viên Việt Cộng dù kiên quyết áp dụng công thức “Nhất lí, nhì lì, tam suy, tứ tử” (cố mà cãi lí hoặc phản cung, cãi lí không xong thì dờ chiêu li đòn, lì không được thì giả đờ bệnh hoặc tự làm cho ra bệnh để được đi bệnh viện, cuối cùng, giả làm như chết đến nơi, cũng là để được đi bệnh viện, đi bệnh viện mới có nhiều cơ hội đào thoát), nhưng do đồng bọn khai báo về y thì chính quyền vẫn có bằng chứng để giam giữ đối tượng Việt Cộng ấy và Ủy ban An ninh Đô thành (gồm đại diện ông Đô trưởng, đại diện ông Chương lí và đại diện Tổng Giám đốc Cảnh sát Đô thành) không thể thả y ra như lúc trước được nữa.

Huỳnh Tấn Mẫm bị giam giữ lần sau cùng này nằm trong trường hợp ấy.

Theo tiến trình thi hành Hiệp định Paris (27-01-1973), ngày 20-02-1974, Mẫm được đưa lên Lộc Ninh trao trả cho phía Việt Cộng. Vì còn muốn lợi dụng Mẫm ở thế hợp pháp cho nên phía Việt Cộng ra lệnh cho Mẫm phải nêu lí do Mẫm là sinh viên, không phải là tù binh và yêu cầu được trả về gia đình theo Điều 8c Hiệp định Paris 1973 và Điều 21 Hiệp định Genève 1954. Mặc dù không muốn, nhưng không dám cưỡng lệnh cấp trên, Mẫm đành phải tuân theo. Sự việc này chứng tỏ Mẫm như một quả chanh mà cấp chỉ huy muốn vắt cho hết nước. Mẫm cắn đắng phải chấp nhận tiếp tục ngồi tù do chính các đồng chí của mình. Trong cuốn *Huỳnh Tấn Mẫm Một Đồi Sôi Nổi* của Diệu Ân, Mục Đồng Đội Nói Về Anh, trang 247, Ngô Đa đã viết: “*Anh Mẫm có tâm sự với tôi: Năm 1974, thực hiện Hiệp Định Paris về trao trả tù binh, thật lòng mình muốn trao trả về Lộc Ninh, về “phe ta” cho sớm để được thoát cảnh địa ngục trần gian, thoát những trận đòn tra khảo tàn khốc không thể tưởng tượng nổi... Nhưng do yêu cầu của tổ chức lúc bấy giờ, với tư cách là lãnh tụ phong trào sinh viên học sinh đấu tranh công khai, tôi phải đòi địch trả tự do cho tôi về với gia đình tại Sài Gòn*”. (9)

Phái đoàn VNCH chấp nhận đưa Mẫm trở về, nhưng biết chắc nếu thả Mẫm ra, y sẽ lại cầm đầu phá rối trị an, cho nên giới hữu

trách đã giam giữ y vào Khám Chí Hoà, rồi Tổng nha Cảnh sát. Hai tháng sau, ngày 21- 4-1974, Mẫn được chuyển ra Trại Chiêu Hồi tại eo biển Lagi, Hàm Tân.

Tối cuối Tháng 4-1975, tình hình biến chuyển mạnh. Quân Đội VNCH “di tản chiến thuật”. Viên sĩ quan phụ trách Mẫn dùng ghe đưa y vào Nam, nhưng không tìm được bót Cảnh sát nào chịu nhận. Cuối cùng, viên sĩ quan áp tải đưa Mẫn tới một bót Cảnh sát gần Thảo Cầm Viên để ngủ qua đêm. Sáng hôm sau, ngày 29- 4-1975, “Thủ tướng hai ngày” Vũ Văn Mẫu tuyên bố người tù chính trị đầu tiên được thả là Huỳnh Tấn Mẫn. Khoảng 10 giờ sáng, Chuẩn tướng Cảnh sát Bùi Văn Nhu đích thân chở Mẫn tới Dinh Hoa Lan giao cho Thiếu tá Trịnh Bá Lộc (tuỳ viên của ông Dương Văn Minh). Tại đây, Mẫn yêu cầu Lý Quý Chung (tân Bộ trưởng Bộ Thông tin trong chính phủ Vũ Văn Mẫu) sắp xếp cho y được lên tiếng trên Đài truyền hình Sài Gòn vào tối 29-4-1975. Mẫn ngỏ lời cảm ơn những người đã ủng hộ y và yêu cầu thả hết tù chính trị, yêu cầu đồng bào đừng nghe lời “kẻ xấu” mà di tản ra nước ngoài. Trong buổi phát hình sáng 30-4-1975, Mẫn lặp lại như tối hôm trước và thêm vào lời kêu gọi sinh viên, học sinh, các nhân sĩ, trí thức và các “ba má” phong trào tham dự buổi họp mặt lúc 9 giờ sáng 01-5-1975 tại trụ sở cũ của Tổng hội Sinh viên số 4 Duy Tân (nay là Phạm Ngọc Thạch). Khoảng 10 giờ 45 sáng ngày 30-4-1975, Huỳnh Tấn Mẫn đeo băng đỏ và cùng với Nguyễn Hữu Thái, có mặt tại Đài phát thanh Sài Gòn vào giờ phút lịch sử, khi Dương Văn Minh đọc văn kiện đầu hàng.

IV. SAU 30-4-1975, MÃM KHÔNG NGÓC ĐÀU LÊN ĐƯỢC

Trong cuốn tự truyện *Lạc Đường* (Chương 10. Trí thức nằm vùng), tác giả Đào Hiếu, một cựu sinh viên Việt Cộng hoạt động trong phong trào sinh viên tranh đấu trước 1975, đã nhận xét: *“Trong những ngày đầu giải phóng, người ta chia cách mạng ra thành nhiều loại: Cán bộ A là người ở Miền Bắc vô, cán bộ B là người ở rừng về và cán bộ tại chỗ là những người hoạt động nội*

thành”.

Theo đó, sau khi Cộng sản chiếm được Miền Nam, Huỳnh Tấn Mẫm chỉ thuộc loại cán bộ xếp hạng C, nhưng có thể là để tiếp tục lợi dụng tên tuổi Mẫm với ý đồ đánh lừa dư luận trong và ngoài nước trong buổi giao thời, cho nên Cộng sản đã cho Huỳnh Tấn Mẫm và Lê Văn Nuôi được làm đại biểu Quốc hội Cộng sản khoá VI. Thực ra, chính cái Quốc hội của Cộng sản đã là tổ chức hữu danh vô thực, là một phường tuồng thì một đại biểu thành viên của cái Quốc hội ấy cũng chỉ là một tay diễn tuồng không hơn không kém.

Ngoài ra, Mẫm còn được giao cho vài hư vị khác nữa.

Năm 1976, Mẫm là uỷ viên Ban Chấp hành Thành Đoàn, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên TP. HCM., Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc TP. HCM.

Thành Đoàn CS và Trung ương Đoàn cũng cử Mẫm đi thăm một số nước. Chính trong những cuộc đi thăm các nước đã giúp cho Mẫm có tầm nhìn rộng hơn, những nhận xét cụ thể chính xác hơn về giấc mơ xã hội xã hội chủ nghĩa và giấc mơ thiên đàng Cộng sản của mình. Mẫm đã bị những nhận xét ấy đánh gục. Anh ta đã tâm sự cùng bạn bè, đã dàn trải những u uẩn trên những trang báo, để rồi bị “xếp vào sổ đen” đến nỗi không góc đầu lên được.
(10)

Năm 1977, từ Thành Đoàn, Mẫm được điều về công tác ở Trung ương Đoàn.

Niên khoá 1976-77, Mẫm trở lại trường học năm chót Y khoa, nhưng Trung ương Đoàn cử Mẫm đi tham dự Festival Thanh niên Thế giới tại Cuba năm 1976. Khi trở lại trường, Hiệu trưởng Trương Công Trung lấy cớ Mẫm ham làm chính trị nên đã không cho Mẫm thi tốt nghiệp.

Thực ra, lúc này Mẫm bắt đầu bị trừ ếm, lại xảy ra vụ vợ của Mẫm bê bối tiền bạc càng làm cho anh ta mất uy tín. Mãi sau, nhờ sự can thiệp của một số viên chức cao cấp trong Bộ Y tế, Mẫm mới được thi tốt nghiệp.

Năm 1978-1980, Mẫm được cử đi học Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc tại Hà Nội.

Năm 1980, lại được gửi đi làm nghiên cứu sinh 4 năm tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội tại Liên Xô. Năm 1984, Mẫn tốt nghiệp với bằng Phó Tiến sĩ Triết học.

Sau đó, Mẫn về nước công tác tại Trung ương Đoàn với chức vụ Trưởng ban Mặt trận Thanh niên và Phó Tổng Thư kí Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên VN. Trong thời gian này, Mẫn cùng Lê Quang Vịnh (Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên VN) xin phép ra tờ *Thanh Niên*. Mãi năm 1986 mới xong thủ tục. Mẫn là tổng biên tập đầu tiên của tờ báo.

Đến 1990, Mẫn mất chức tổng biên tập. Mẫn cũng vừa xin được phép ra tờ *Thanh Niên Chủ Nhật* thì phải chuyển về làm uỷ viên Ban Chấp hành Hội Chữ Thập Đỏ (Hội Hồng Thập Tự), phụ trách *Lực lượng thanh thiếu niên xung kích Chữ Thập Đỏ*.

Từ 1994, nhất là sau khi nghỉ hưu vào năm 2004, Mẫn tham gia một số công tác từ thiện và mở phòng mạch riêng, chuyên “săn sóc da, điều trị mụn nam nữ”. (11).

V. VÀI NHẬN XÉT

Trên đây là cái nhìn tổng quát về sinh viên Việt Cộng Huỳnh Tấn Mẫn. Sở dĩ chúng tôi viết khá chi tiết về Huỳnh Tấn Mẫn vì anh ta là sinh viên tranh đấu nổi đình đám nhất, đồng thời là tiêu biểu cho thành phần sinh viên một thời trót nghe theo Đảng, tranh đấu sôi nổi và một thời bị Đảng trừ ếm, bỏ rơi.

Trước hết, nhà văn Đào Hiếu, người bạn sinh viên tranh đấu năm xưa của Huỳnh Tấn Mẫn, đã nhận xét về Mẫn như sau: “*Tội nghiệp cho anh Mẫn. Anh là người hiền lành, học giỏi, nhiệt tình... nhưng sau giải phóng vì đố kỵ, ganh ghét sự nổi tiếng của anh mà có người đã dìm anh khiến anh không ngóc đầu lên nổi. Tiếp theo là những rủi ro tiền bạc do bà vợ gây ra khiến anh tuột dốc. Hồi còn sinh viên tôi và anh ở chung phòng 4/6 Đại Học Xá Minh Mạng. Lúc ấy anh học phụ khoa (gynécologie) năm thứ tư, vào Đảng năm 1968. Năm 1970 anh nổi tiếng khắp thế giới nhờ vụ bắt bớ quy mô lớn mà tôi vừa thuật lại ở trên. Vai trò của anh lúc bấy giờ là vai trò công khai. Anh hoạt động cách mạng ở góc độ công khai có nghĩa là với bất cứ danh nghĩa nào: Phật Giáo, Công*

giáo hay Lực lượng thứ Ba tùy theo sự chuyển biến của tình hình, tùy theo nhiệm vụ chính trị của từng lúc. Nhưng không hiểu sao có tin đồn là anh lừng khừng, không dứt khoát tư tưởng và người ta để anh ngồi chơi xơi nước. Cuối cùng anh bị đẩy đi Liên Xô học ba cái thứ vớ vẩn gì đó. Rồi anh về nước giữ chức Phó Chủ tịch Hội Chữ Thập Đỏ TP HCM.

Còn bây giờ anh là bác sĩ khoa thẩm mỹ hình như có phòng mạch ở đâu đó trên đường Cách Mạng Tháng Tám. Có lẽ anh nghèo và trong sạch” (Đào Hiếu. Lạc Đường. Chương 5: Vụ Huỳnh Tấn Mẫm).

Người đồng chí năm xưa của Mẫm nói Mẫm “không góc đầu lên nổi” là vì bị ganh ghét về sự nổi tiếng của anh và vì vụ bê bối tiền bạc của bà vợ. Không sai, nhưng thiện nghĩ đó không phải là nguyên nhân chính, bởi vì ai cũng biết hầu như tất cả các đảng viên làm quan to quan nhỏ đều có “thành tích” bản thủ hơn nhiều! Còn sự nổi tiếng của Mẫm chỉ là hào quang bên ngoài, kì thực trong tổ chức, trước và sau 30-4-1975, Mẫm đóng vai một thành viên hoạt động nổi, vị trí là cấp thừa hành. Cấp chỉ huy có thực quyền chỉ đạo mọi hoạt động của Mẫm trước 30-4-1975 vẫn nằm trong bí mật; sau khi chiếm xong Miền Nam, họ xuất hiện và nắm giữ những vị trí then chốt đầy quyền lực. Nhân việc Mẫm và đồng bọn bị bắt trong “Vụ Mông 10 Tháng 3”, các lực lượng nội Thành của Cộng sản nhận được lệnh phải thổi bùng lên một làn sóng đấu tranh sôi sục. Đợt đấu tranh này đã làm cho Mẫm nổi tiếng trong và ngoài nước. Tất cả đều nằm trong kế sách của cấp lãnh đạo Thành Đoàn CS dưới quyền điều động của Trung ương Cục Miền Nam, nhằm kích động phong trào phản chiến, gây sức ép đòi Mỹ rút quân và chấm dứt can thiệp vào chiến tranh Việt Nam. Mẫm nổi tiếng là một thành công của kế sách chiến tranh tâm lí chính trị ấy thì không lẽ lại vì thế mà họ “đổ ky, ganh ghét” anh ta.

Thực ra, đối với Cộng sản, lí do quan trọng nhất vẫn là vì tư tưởng. Đúng là tư tưởng của Mẫm có vấn đề. Một khi đã bị ghi nhận là “lừng khừng, không dứt khoát tư tưởng” thì làm sao còn được tin tưởng cất nhắc lên những vị trí có thực quyền.

Tại Sở Cảnh sát đặc biệt F5 thuộc Tổng nha Cảnh sát Đô thành

(F5 do Thiếu tá Dương Văn Chân phụ trách), lúc đầu, Mẫn chỉ khai anh ta là sinh viên tranh đấu vì độc lập dân tộc, vì tự do hạnh phúc, cơm no áo ấm cho đồng bào. Vì thế, nếu không có lời khai của đồng bọn về Mẫn thì Mẫn đã có thể bảo vệ được bản thân, bảo toàn được an ninh tài liệu, an ninh cơ sở và an ninh nhân sự của Thành Đoàn CS. Điều đó chứng tỏ Mẫn là một đảng viên trung kiên, có lí tưởng và sẵn sàng hi sinh vì lí tưởng.

Tiếc thay, Mẫn là chiến sĩ chiến đấu cho một lí tưởng không có thật.

Trong cuộc chiến Việt Nam, nhiều người trẻ, vì những hoàn cảnh riêng, đã đi theo Cộng sản một cách rất tự nhiên, bởi vì tuổi trẻ chưa đủ kiến thức và kinh nghiệm để hiểu nổi chủ nghĩa Cộng sản và bộ mặt thật của Đảng Cộng sản. Khi Cộng sản thắng lợi rồi, bộ mặt thật của họ mới hiện nguyên hình. Đến khi đó, một số người trẻ đầy nhiệt huyết năm xưa đã chiến đấu miệt mài mới vỡ lẽ ra rằng, lí tưởng tốt đẹp vì dân vì nước vì cách mạng xã hội với những khẩu hiệu, những mỹ từ, nay đã sụp đổ, đã bị phản bội. Tất cả những cái xấu xa, những tội ác mình hi sinh đấu tranh để loại bỏ, nay chẳng cái nào bị loại bỏ, trái lại còn bị chính quyền Cộng sản vi phạm tất cả gập trăm, gập ngàn lần hơn.

Lúc này mới lộ diện ai là người có lí tưởng thật sự, ai là kẻ cách mạng nửa mùa, ai là kẻ phản bội cách mạng. Khi đã đánh đổ hệ thống chính quyền cũ mà thấy rõ chính quyền mới không đem lại được điều gì tốt đẹp cho đất nước thì những người làm cách mạng thiệt sự phải tiếp tục làm cách mạng, tiếp tục chiến đấu. Trên thực tế, đa số những tên sinh viên học sinh tranh đấu năm xưa, hiện nay đã chọn làm những con “giò”, những “con ma vú dài”, những “ông quan cách mạng”, những tên “tư bản đỏ”, mặc kệ dân, mặc kệ nước (những từ trong ngoặc kép là những từ nhà văn Đào Hiếu sử dụng trong cuốn Lạc Đường của ông để chỉ những tên sinh viên học sinh “đồng chí” cũ của ông trong phong trào sinh viên tranh đấu trước 1975).

Lí ra, kẻ phá đổ một công trình cũ mà không xây dựng được một công trình mới tốt đẹp hơn thì chỉ là kẻ phá hoại.

Có thể khẳng định Huỳnh Tấn Mẫn không thuộc loại thứ hai.

Nhưng anh có thuộc loại thứ nhất, tức là anh có chọn lựa tiếp tục làm cách mạng không (cứ giả định là trước năm 1975 anh ta đi làm cách mạng)? Có tiếp tục chiến đấu chống bọn cầm quyền bất xứng không. Có tiếp tục tranh đấu cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc cho đồng bào không? Bởi vì hiện nay, những mục tiêu ấy còn trở thành khẩn thiết hơn hồi trước 1975 bội phần. Đây là sự toàn vẹn lãnh thổ, độc lập dân tộc? Đây là đạo đức, danh dự, văn minh, văn hoá dân Việt? Đây là cơm no áo ấm cho đồng bào? Đây là quyền được nói lên tiếng nói xây dựng chân chính? Rồi quốc nạn tham nhũng và sự băng hoại của nền giáo dục, v.v....

Thiên nghĩ, sau 1975, nhiều SVHS tranh đấu trước 1975 dư sức nhận ra bộ mặt thật của Cộng sản, nhưng Mẫn là một trong rất ít trường hợp hiếm hoi đã dám có phản ứng, dù mới ở mức độ nhẹ nhàng nhất. Dưới “triều đại” độc tài đảng trị, bất cứ cá nhân nào, dù có công trạng, dám có phản ứng, dám không “nhất trí”, đương nhiên có nghĩa là dám từ chối “ngồi cùng bàn”, dám chấp nhận từ bỏ công danh sự nghiệp cùng tiền tài, bổng lộc.

Bạn bè của Mẫn nói “có tin đồn Mẫn lừng khừng” và “không dứt khoát tư tưởng” là rất có “cơ sở” vì ít ra đã ghi nhận được một số sự việc như sau:

Thứ nhất là anh ta không được giao cho một vị trí nào có thực quyền, cuối cùng đã trở về ngành Y và tham gia công tác từ thiện.

Thứ hai, như đã có đề cập tới trên đây, ngay sau thắng lợi 30-4-1975, Mẫn được cử đi tham dự Festival ở vài nước Cộng sản như Cuba, Bắc Hàn. Khi trở về, “*Anh đã viết một bài báo nói về bóng tối, sự lạnh lẽo thiếu vắng nụ cười trên môi người dân Bắc Hàn. Huỳnh Tấn Mẫn đã tâm sự nhiều với bạn bè trước khi anh bị cách chức Tổng Biên Tập báo Thanh Niên và sự nghiệp của anh đã xếp vào sổ đen*” (Phong Thu. Xin xem chú thích số 10). Nghĩa là Mẫn đã hiểu ra, đã “vỡ mộng” về cái gọi là thiên đường Cộng sản, nhưng ngoài việc “viết một bài báo” ra, anh chỉ biết “tâm sự” với bạn bè trong chỗ riêng tư về những nhận xét và cảm nghĩ của mình.

Hơn thế nữa, theo tác giả Nguyễn Văn Lục trong bài viết Nhật Ký Cửa Im Lặng thì “... *Huỳnh Tấn Mẫn bị quản chế cùng với*

những người như Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng, vì cái tội đã tiếp xúc với báo chí ngoại quốc, hay phê bình và đòi hỏi cải tổ nhanh guồng máy kinh tế và chính trị. Những vụ quản chế này không được loan báo công khai và nơi quản chế cũng vậy...” (DCVOnline.net).

Ngoài ra, Mẫn còn là một trong số những trí thức Miền Nam ủng hộ chủ trương đổi mới “cả hai chân” của ông Trần Xuân Bách, tức đổi mới cả kinh tế lẫn chính trị (ông Trần Xuân Bách là uỷ viên Bộ Chính Trị từ 1986 tới 1990 thời Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh).

Tư tưởng của Mẫn như thế là “có vấn đề”, hậu quả là Mẫn bị làm khó dễ khi trở lại Trường Y, bị cho đi “học ba cái vớ vẩn gì đó”, bị để “ngồi chơi xơi nước”, bị mất chức tổng biên tập tờ Thanh Niên (1990). Vợ của Mẫn bị bắt vì bị quy kết “úp hui” trị giá hàng trăm cây vàng (?). Cuối cùng, Mẫn bị đá bật ra khỏi mọi cơ hội tham chính. Mẫn đã chỉ có thể cùng chiến đấu chứ không thể ngồi cùng bàn với bọn Cộng sản cầm quyền độc tài và bất xứng khi đã thắng lợi.

Mặc dù ghi nhận như thế, Huỳnh Tấn Mẫn vẫn chưa bao giờ nhận là mình “Lạc Đường” như nhà văn Đào Hiếu (Sđd) hay nói lên lời hối hận như cha con ông Vũ Đình Huỳnh (12) hoặc nhận là đã chọn lầm đường như ông Nguyễn Hộ (13)... vì đã góp công khuyến mãi giúp cho bọn buôn dân bán nước nắm trọn quyền hành để rồi chúng biến đất nước trở thành hèn yếu như ngày nay.

Dư luận có thể giải thích trường hợp của Mẫn như sau: Một phần vì anh ta đã trót được đưa lên quá cao, đã trót cỡi lưng cọp, không dễ gì leo xuống mà không bị cọp ăn thịt. Cái gương Bs. Dương Quỳnh Hoa, Gs. Nguyễn Ngọc Lan, Lm. Chân Tín còn rành rành ra đó... (14). Hơn nữa, đã qua rồi cái thời sinh viên tràn đầy nhiệt huyết, say mê lí tưởng cách mạng, nay mới vỡ lẽ ra lí tưởng Cộng sản chỉ là hão huyền, chính trị theo kiểu Cộng sản là thủ đoạn, là tàn độc, là bản thù. Càng hiểu thêm Cộng sản, Mẫn càng ý thức rằng, muốn sống còn trong chế độ Cộng sản, dù là cấp cao như cựu Chủ tịch Tôn Đức Thắng (15) hay cao ngạo như nhà văn Nguyễn Tuân cũng phải biết sợ (16), cũng phải biết ăn “*Bánh Vẽ*” như nhà thơ Chế Lan Viên (17) hay là phải trở thành “*Một Thằng*

Hèn” như nhạc sĩ Tô Hải... (18)

Cuối cùng, sau ngày 30-4-1975, khi điểm mặt những tên sinh viên học sinh tranh đấu trước 1975 đã gây ảnh hưởng khá lớn đến sự mất còn của Miền Nam tự do, người ta thấy đa số những tên này dần dần biến thành những con “giò”, những “ông quan cách mạng”, những tên “tư bản đỏ”. Đang khi đó, ngoài những động thái chuyên biến chính trị như đã thấy trên đây, nếu thật sự Huỳnh Tấn Mẫm “vẫn nghèo và trong sạch” (hiểu theo nghĩa đồng tiền Mẫm làm ra không phải là đồng tiền bản thủ, không phải là đồng tiền do bóp cổ dân mà có) và tận tâm làm việc phước thiện thì mặc dù tính đến nay, Mẫm chưa làm được gì đáng kể để đền bù lại những thiệt hại to lớn đã gây nên cho Miền Nam tự do trước đây, song cũng chưa thấy Mẫm tiếp tục gây nên những tội lỗi mới. Vì thế, công luận có thể đánh giá anh ta là một trong số rất ít những sinh viên tranh đấu ngày xưa, nay còn giữ được chút tư cách và tác phong của một người có ăn có học.

Xin cảm ơn các bạn sau đây, đã vui lòng xác nhận một số chi tiết trong bài viết:

- Lý Bửu Lâm, Chủ tịch Tổng hội SVSG niên khoá 1970-71, Trưởng trường Sinh viên Kiến trúc Đại học Sài Gòn từ 1969-1972

- Bửu Uy, Chủ tịch Tổng hội SVSG niên khoá 1972-73, Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa Đại học Sài Gòn niên khoá 1972-73, Chủ tịch Liên đoàn Sinh viên Công giáo Đại học Sài Gòn niên khoá 1971-72

- Phạm Minh Cảnh, Chủ tịch Tổng hội SVSG từ 1973-4/1975, Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Khoa học Đại học Sài Gòn niên khoá 1973-74

- Nguyễn Thế Viên, Chủ tịch Liên Đoàn Sinh viên Công giáo Đại học Sài Gòn niên khoá 1971-72

- Trương Văn Banh, Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa Đại học Sài Gòn niên khoá 1971-72

- Nguyễn Hữu Tâm, Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa Đại học Sài Gòn niên khoá 1973-74

Tháng 05-2009, nhuận sắc 12-2013

Chú thích:

1. *Bài “Gặp lại thủ lĩnh Sinh viên Sài Gòn trước 1975 Huỳnh Tấn Mẫm. baogialai.com.vn.

*Diệu Ân. *Huỳnh Tấn Mẫm Một Đời Sôi Nổi*. NXB Lao Động, Hà Nội, 2008. Trang 38, 39.

2. Từ trụ sở đặt tại Dinh Quốc Khách do Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ cho tạm sử dụng, Huỳnh Tấn Mẫm lên viết thư báo cáo cho Trần Bạch Đằng ngoài mật khu: “Xin đoàn thể yên tâm, quyết làm tròn nhiệm vụ” và Mẫm kí là L.71 (Trui Rền Trong Lửa Đỏ. Trang 19).

3. Sau 30-4-1975, Dương Văn Đầy làm Chủ tịch UBND quận 1, rồi Tổng Giám đốc Công ty Du lịch Sài Gòn, và “có cái chết bất ngờ đầy nghi vấn”. Tác giả Trần Thị Hồng Swong, trong bài *Không Thể Nói Trịnh Công Sơn Không Có Nhảm Lẫn*, viết như sau: “Những người bạn như Huỳnh Tấn Mẫm hay là người bạn khá thân của tôi (cùng học chung từ lớp nhì trường Huyện đến hết trung học ở trường Phan Thanh Giản Cần Thơ) là Dương văn Đầy còn dám dấn thân dù... sai. Sau này cũng đành im tiếng chứ không đến đổi nếm cơ hội thân nhiên leo cao như một vài trí thức cách mạng 30!

Dương Văn Đầy có cái chết bất ngờ đầy nghi vấn sau khi bị kiểm điểm nặng lúc sang Mỹ đàm phán du lịch và tự ý có các cuộc gặp thân nhân riêng và anh luôn muốn làm ăn lương kiểu khoán doanh số chứ không chịu làm chuyện... tham ô như hiện nay! Người cầm đèn đi trước ô tô nên bị cán chết chăng?” (Cơ Sở Thi Văn Cội Nguồn/coinguon.us).

4. Lời bài hát *Dậy Mà Đi* của Nguyễn Xuân Tân (tức Tôn Thất Lập): “Dậy mà đi. Ai chiến thắng, không hề chiến bại. Ai nên khôn, không khôn một lần. Dậy mà đi, dậy mà đi, dậy mà đi hồi đồng bào ơi. Bao nhiêu năm qua, dân ta sống không nhà. Bao nhiêu năm qua, dân ta chết xa nhà. Dậy mà đi, dậy mà đi, dậy mà đi hồi đồng bào ơi!”

5. Ban Ám sát thuộc Thành Đoàn CS cũ 2 tên tôi Đại học Luật Khoa số 4, Duy Tân, nhận là người nhà của Lê Khắc Sinh Nhật và muốn gặp anh có việc cần. Lúc đó sắp tới mùa thi cuối niên học,

Nhật đang hướng dẫn sinh viên năm thứ nhất về cách thi cử tại một giảng đường. Nghe báo có người nhà tìm, Nhật đi ra. Vừa tới hành lang trước phòng Ban Đại diện Sinh Viên, tên ám sát nhận diện đúng là Lê Khắc Sinh Nhật, hấn mau lẹ móc súng từ trong áo jacket ra bắn liền 3 phát trúng ngực Lê Khắc Sinh Nhật. Sau đó, tên sát nhân vội vàng phóng ra ngoài và nhảy lên xe do một tên khác lái, đang nổ máy chờ sẵn. Viên cảnh sát đứng gác bên ngoài bắn mấy phát chỉ thiên. Vừa nghe tin Lê Khắc Sinh Nhật bị ám sát, nhạc sĩ Vũ Thành An đã sáng tác ngay một bài hát tưởng niệm, mở đầu như sau: “Anh sinh ngày sinh của Chúa, Chúa gọi anh về giữa tuổi đôi mươi. Anh sinh ngày sinh của Trời...”

6. Lê Văn Nuôi. Dùng vũ khí Nguyễn Cao Kỳ phá bầu cử tổng thống. Theo Nhịp Khúc Lên Đàng. NXB Trẻ. Trang 433.

7. *Xin đọc thêm Diệu Ân. Sđd. Trang 117, 128.

*Trong cuốn hồi kí Đồi, chưa xuất bản, trang 142, cựu dân biểu thân Cộng Hồ Ngọc Nhuận cũng viết về chuyện Nguyễn Cao Kỳ “xót” Huỳnh Tấn Mẫm (Nguyễn Văn Lục. Mặt Trận Văn Hoá và Những Thủ Tiêu Trí Thức Miền Nam. Motgoctroi.com).

8. Bài này viết Tháng 5-2009 có đề cập tới Ban A 17 ở đây, nhưng khi nhuận sắc vào Tháng 12-2013 đã cắt bớt khúc này để chuyển sang một bài riêng về Ban A 17.

9. Ngô Đa học Triết Đông tại Đại học Văn khoa Sài Gòn, Tổng Thư kí Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa, Chủ nhiệm chiến dịch Nói Với Đồng Bào.

10. “... Huỳnh Tấn Mẫm đã bị đánh gục sau khi đến Bình Nhưỡng dự “Festival” của nước Cộng sản sắt thép này tổ chức. Anh đã viết một bài báo nói về bóng tối, sự lạnh lẽo thiếu vắng nụ cười trên môi người dân Bắc Hàn. Huỳnh Tấn Mẫm đã tâm sự nhiều với bạn bè trước khi anh bị cách chức Tổng Biên tập báo Thanh Niên và sự nghiệp của anh đã xếp vào sổ đen. Người kế tiếp giữ chức vụ Tổng Biên tập báo Thanh Niên là Nguyễn Công Khế, một người khôn ngoan và biết giữ kẽ... Sau này, người theo gót chân Huỳnh Tấn Mẫm là Võ Kim Hạnh, cựu Tổng Biên tập báo Tuổi Trẻ, người phụ nữ đầu tiên trong làng báo CHXHCNVN đã khởi xướng đánh Đường Sơn Quán, nơi mà các người con “ru tú,

hoàn thiện” của Đảng đến du hí để mở ra Vườn Địa Đàng trên hạ giới. Khiến cho một số cán bộ phải bị lột chức và con gái của một tên công an cỡ “cá mập” đã nhục nhã nháy lâu tự sát”. (Phong Thu. *Kỷ Niệm Về Một Bài Hát*. Khanhly.net/phoxua).

11. Thượng Tùng. Bài phỏng vấn Bác sĩ Huỳnh Tấn Mẫm nhan đề *Tôi May Mắn Được Nhiều Người Yêu Thương trên Doanh Nhân Cuối Tuần*. *QuanPHP.net* ngày 30-8-2008.

12. Vũ Thư Hiên. *Đêm Giữa Ban Ngày*. NXB Văn Nghệ, California, 1997. Trang 12: “... tôi không đơn thuần là nạn nhân. Về mặt nào đó, trong chừng mực nào đó, tôi còn là thủ phạm... Xin hãy coi cuốn sách này là lời sám hối trước đồng bào của cha tôi nay đã không còn. Nó được thực hiện theo lời trăng trối của người”. Và trang 306: “... cha tôi buồn rầu nói *Bố nhớ làng xóm lắm. Nhưng bố xấu hổ. Sau này con về, nhớ nói bố xin lỗi bà con*”.

13. Nguyễn Hộ, 56 tuổi Đảng, có vợ là Trần Thị Thiết và anh là Đại tá Nguyễn Văn Bảo đều là “liệt sĩ”, cuối cùng đã thốt lên: “*Nhưng phải thú nhận rằng chúng tôi đã chọn sai Lý tưởng: Cộng sản chủ nghĩa, bởi vì suốt hơn 60 năm trên con đường cách mạng Cộng sản ấy, nhân dân Việt Nam đã chịu sự hi sinh quá lớn lao, nhưng cuối cùng chẳng được gì, đất nước vẫn nghèo nàn, lạc hậu, nhân dân không có ấm no hạnh phúc, không có dân chủ tự do. Đó là điều sỉ nhục*”. (*Quan điểm và cuộc sống của anh Năm Hộ*. Nguyễn Văn Trấn. *Viết Cho Mẹ Và Cho Quốc hội*. TP. HCM, 1995. Trang 483).

14. Năm 1975, Bs. Dương Quỳnh Hoa, khi gặp Phạm Văn Đồng, đã xin trả thẻ đảng. Phạm Văn Đồng bảo phải bàn bạc lại với ban lãnh đạo. Mãi tới 1979, họ mới chấp thuận cho bà ra khỏi đảng với điều kiện phải giữ kín chuyện này trong 10 năm. Còn Gs. Nguyễn Ngọc Lan vì 3 tập hồi kí và Lm. Chân Tín vì 3 bài giảng sám hối (4-1990) mà kẻ bị quản thúc tại gia, người bị phát văng ra Cửa Cần Giờ và tới Tháng 5 năm 1998 thì cả hai bị mưu sát (chết hụt, riêng Gs. Nguyễn Ngọc Lan bị thương nặng) bằng xe Honda trên đường đi dự tang lễ nhà cựu kháng chiến phản kháng Nguyễn Văn Trấn.

15. Đảng viên kì cựu Nguyễn Văn Trấn kể trong cuốn *Viết Cho*

Mẹ Và Cho Quốc Hội: “Nè nghe má. Có lần anh chị em Nam Bộ biểu tôi đến gặp ông già Tôn mà hỏi, tại sao ông để cho cái cách ruộng đất giết người như vậy? Bác Tôn đang ngồi, nghe tôi hỏi, liền đứng dậy bước ra khỏi ghế, vừa đi vừa nói. - Đụ mẹ, tao cũng sợ nó, mày biểu tao còn dám nói cái gì?” (Nguyễn Văn Trấn. Viết Cho Mẹ Và Cho Quốc hội. Tp. HCM, 1995. Trang 303).

16. Khi bác (tức Nguyễn Tuân) ra người thiên cổ, Nguyễn Minh Châu kể, một hôm râu tóc run rẩy, nước mắt tràn ra trên má trên môi, bác vừa khóc vừa nói “... mình tồn tại được cho tới nay là bởi biết sợ!” (Nam Dao. Bác Nguyễn. www.x-cafevn.org)

17. Bài Bánh Vẽ của Chế Lan Viên làm vào cuối đời ông:

*Chưa cần cầm lên ném, anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhám nháp
Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh phá rối
Đêm vui*

*Bảo anh không còn có khả năng nhai
Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc ...
Thế thì còn dịp đâu nhai thứ thiệt?
Rớt cuộc anh lại ngồi vào bàn
Như không có gì xảy ra hết
Và những người khác thấy anh ngồi
Họ cũng ngồi thôi*

Nhai nhồm nhoàm

(Prométhée 86, Văn học và Dư luận, 8-1991)

Cảm tác trong đêm Đà Lạt

(Đọc di cảo thơ Bánh vẽ của Chế Lan Viên)

Phamxuannguyen.vnweblogGS.com

18. Tô Hải. Hồi Ký Của Một Thằng Hèn. Tiếng Quê Hương, Virginia.



Đường Duy Tân trước 1975

*“Trả lại em yêu, khung trời đại học,
Con đường Duy Tân, cây dài bóng mát” (Phạm Duy)
“Khung trời đại học” đường Duy Tân bao gồm Viện Đại học Sài Gòn, Đh Luật
khoa, kế bên là Đh Kiến trúc*



Đại học Luật khoa Sài Gòn



Ban Đại diện SV Luật khoa 1971 (từ phải sang trái): Lê Khắc Sinh Nhật (Chủ tịch BDD), Nguyễn Minh Việt (Phó Ngoại vụ), Trương Văn Banh (Phó Nội vụ), Trần Đình Lương (TTK), Nguyễn Như Phụng (Phó TTK), Nguyễn Thuý Nga (Thủ quỹ)

BÀI 5 - PHÓ TỔNG THỐNG NGUYỄN CAO KỲ, ĐẠI TƯỚNG DƯƠNG VĂN MINH VÀ SINH VIÊN VIỆT CỘNG HUỲNH TẤN MÃM

I. PHÓ TT. NGUYỄN CAO KỲ ĐÃ CỨU SINH VIÊN VIỆT CỘNG HUỲNH TẤN MÃM NHƯ THẾ NÀO

1. Bối cảnh lịch sử

a. Trường hợp hai Tướng Thiệu, Kỳ lên nắm chính quyền

Chính phủ Phan Huy Quát chấp chính ngày 18-02-1965.

Cuối tháng 5, đầu Tháng 6, có sự bất đồng lớn giữa Quốc trưởng Phan Khắc Sửu và Thủ tướng Phan Huy Quát. Cuối cùng, ông Phan Huy Quát tuyên bố từ chức, giải tán chính phủ và giao quyền lãnh đạo đất nước vào tay giới quân nhân một lần nữa.

Ngày 12-6-1965, các tướng lãnh cử Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia (coi như Quốc trưởng) và Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương (coi như Thủ tướng).

Ngày 19-6-1965, Tướng Nguyễn Cao Kỳ ra mắt Nội các Chiến tranh.

Cuối tháng 2-1966, nổ ra “Cuộc Biến Động Miền Trung”. Nguyên do là sự bất hoà giữa Tướng Nguyễn Chánh Thi và các tướng lãnh khác trong Hội đồng Quân nhân, cùng với sự chống đối của Phật giáo miền Trung do Thượng toạ Thích Trí Quang cầm đầu. Họ phát động đấu tranh bạo loạn tại Huế và Đà Nẵng, kéo theo cả một số quân nhân vô kỉ luật, quyết lật đổ chính quyền của hai Tướng Thiệu - Kỳ.

Đề đối phó với tình hình đã trở nên quá tồi tệ, chính phủ trung ương phải đưa quân ra miền Trung.

Mãi đến cuối tháng 5-1966, trật tự an ninh mới được vãn hồi tại Đà Nẵng. Hết Tháng 6-1966, tình hình tại Huế trở lại yên tĩnh.

VNCH đang dần dần đi vào ổn định.

Cuối Tháng 2-1967, quốc hội lập hiến soạn thảo xong và biểu quyết chấp thuận bản dự thảo hiến pháp mới, còn gọi là Hiến pháp Đệ Nhị Cộng Hoà.

Ngày 10-3-1967, Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia duyệt bản dự thảo Hiến pháp lần chót và chấp thuận. Hiến pháp mới tôn trọng nguyên tắc phân quyền.

Tuân thủ hiến pháp, cuộc bầu cử quốc hội lập pháp và tổng thống bắt đầu được tiến hành.

b. Liên danh Thiệu - Kỳ

Cuộc vận động bầu cử tổng thống bắt đầu vào tháng 7-1967. Dư luận bên ngoài đã biết ông Thiệu và ông Kỳ đều nhất quyết sẽ ra tranh chức vị tổng thống.

Xét về hi vọng đắc cử thì ông Kỳ có ưu thế vì ông là Thủ tướng đương nhiệm, cho nên ông nắm được guồng máy chính quyền từ trung ương xuống tới xã ấp toàn quốc, đồng thời được nhóm tướng tá trẻ đang nắm giữ những vị trí quyền lực then chốt ủng hộ. Đang khi đó, ông Thiệu với cá tính chín chắn, thâm trầm, nên được nhiều người cho là đáng tin cậy hơn. Và lại, dân miền Nam dễ thiên về ông Thiệu hơn vì ông là người Phan Rang, ở giáp ranh với “Lục Tỉnh Nam Kỳ”; còn ông Kỳ là dân “Bắc Kỳ di cư”.

Dư luận lúc đó biết rõ phía dân sự sẽ có nhiều liên danh ra ứng cử tổng thống, chẳng hạn như liên danh Trần Văn Hương, liên danh Trương Đình Du... Vậy nếu phía quân nhân, hai ông Thiệu và Kỳ đều ra ứng cử tổng thống thì có thể bị một liên danh nào đó bên phía dân sự đánh bại. Để có thể thắng, các tướng lãnh phải tìm cách để chỉ có một liên danh quân nhân. Giữa lúc dư luận đồn đoán về ưu thế của Tướng Kỳ thì trong cuộc họp tướng lãnh vào ngày 30-6-1967, chỉ một ngày trước khi hết hạn nộp đơn ứng cử, bất ngờ ông Kỳ tuyên bố nhường cho ông Thiệu ra ứng cử chức vị tổng thống. Thế là liên danh Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ ra đời. Chẳng những ông Thiệu không rút lui mà ông Kỳ còn chịu đứng phỏ trong liên danh của ông Thiệu.

Theo tác giả Võ Long Triều trong hồi kí *Cái Móc Lịch Sử* kể

lại thì chính ông Nguyễn Cao Kỳ đã xác nhận với ông trong một bữa cơm tại nhà ông Kỳ ở Hacienda, Los Angeles, về biến cố này như sau: “*Moa cho triệu tập tất cả tướng lãnh về Tổng tham mưu họp để bàn về việc của moa và ông Thiệu cùng tranh cử chức vị tổng thống. Mọi việc được sắp xếp trước hết rồi. Chiều hôm trước anh em thoả thuận để cho ông Thiệu ra ứng cử với tư cách tư nhân và dân sự. Có nghĩa là phải giải ngũ để ra ứng cử tổng thống. Điều này chắc chắn đã lọt vào tai ông ta rồi. Ngày hôm sau các tướng lãnh họp tại Tổng tham mưu, moa ngồi ngoài không tham dự để cho anh em thảo luận không phải ngại ngùng vì sự có mặt của moa. Mục đích phiên họp là giao quyền lãnh đạo Quốc gia lại cho Cao Văn Viên xử lý thường vụ. Có biên bản đường hoàng. Vì biết trước kết quả rồi nên Nguyễn Văn Thiệu chần chừ không đến, đợi phải có người mời đến ghi nhận kết quả thì “luy” mới chịu đến (tiếng Pháp: “Luy” nghĩa là nó, ông ta). Trước mặt moa ông ta nói mà rơm rớm nước mắt, anh em quyết định sao thì ông ta chịu vậy. Ông ta xin anh em cho phép ở lại với quân đội”. Cao Văn Viên sắp đọc biên bản, Kỳ ngang nhiên khoát tay bảo: “Không cần, tôi nhường cho anh Thiệu ứng cử lần này, kỳ sau sẽ đến lượt tôi. Nhưng tôi yêu cầu anh Thiệu phải duy trì Hội đồng Quân nhân. Mọi quyết định quan trọng yêu cầu anh phải tham khảo ý kiến của các tướng lãnh”.*

Có năm mơ, ông Thiệu cũng không thể ngờ rằng ông Kỳ nhường vị trí ứng cử tổng thống cho ông dễ dàng đến thế, vì vậy bây giờ ông Kỳ đưa ra bất cứ điều kiện gì thì ông Thiệu cũng chấp nhận ngay. Thật ra, các tướng ủng hộ ông Kỳ còn đưa ra 2 điều kiện nữa là chức vị thủ tướng sẽ do ông Kỳ chọn lựa (đó là Thủ tướng Nguyễn Văn Lộc sau này) và nếu muốn bổ nhiệm một vị tư lệnh quân đoàn, ông Thiệu phải bàn thảo với ông Kỳ. Khi kể lại chuyện này, ông Kỳ không dấu diếm: “*Điều moa hối hận nhất trong đời là nhường quyền ứng cử và chịu đứng phó cho Nguyễn Văn Thiệu*” (Võ Long Triều. *Sđđ. Tập II, Kỳ 3*).

Ông Kỳ nói ông “*hối hận nhất trong đời*” là phải, bởi vì ông đã đem tình cảm vào để giải quyết chuyện chính trị hệ trọng tầm cỡ quốc gia đại sự. Khi ông “*quân tử Tàu*” chịu đứng phó cho ông

Thiệu, ông đâu có ngờ những điều kiện ông đưa ra để “thủ thế” sẽ không có cái nào thực hiện được hầu bảo vệ ông. Bởi vì từ khi đắc cử tổng thống, ông Thiệu đã dựa vào Hiến pháp mà làm việc. Trong “mọi quyết định quan trọng”, ông Thiệu không cần bàn thảo trước với ông Kỳ, cũng không cần phải hỏi ý “Hội đồng Quân nhân” nào cả, và rồi ra sẽ thấy ông Kỳ không đương nhiên được “đến lượt” ra ứng cử lần sau. Nếu ông Kỳ muốn ứng cử thì cứ chiếu theo luật pháp mà ứng cử. Còn vị thủ tướng do ông Kỳ tuyển chọn là Ls. Nguyễn Văn Lộc thì không có thành tích, không đủ tài cán, cho nên vị thủ tướng này chỉ tồn tại được trong một thời gian rất ngắn.

Ngày 3-9-1967, là ngày bầu cử. Trong số 6 triệu cử tri thì 5 triệu đi bỏ phiếu, đạt tỉ lệ 80%. Hai ngày sau, tổng kết số phiếu: Liên danh Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ đắc cử với 35% tổng số phiếu, về nhì là liên danh Trương Đình Du được 17% số phiếu.

c. Rạn nứt lớn

Quyền hạn của một tổng thống do Hiến pháp quy định đã cho phép ông Thiệu dần dần củng cố được quyền lực, loại bỏ tay chân của ông Kỳ và khi ở thế mạnh, ông ta không ngần ngại chèn ép ông Kỳ. Cả Miền Nam lúc đó biết rõ rằng có sự rạn nứt trầm trọng trong hàng ngũ lãnh đạo cao nhất.

Sự rạn nứt ấy làm suy yếu nội lực quốc gia. Theo Ks. Võ Long Triều, nhân vật từng có mối giao hảo đặc biệt với ông Kỳ, thì đã 2 lần Tướng Kỳ muốn đảo chánh lật đổ ông Thiệu: Một lần sau Tết Mậu Thân 1968, lần thứ là hai sau khi Tướng Kỳ tham dự Hoà đàm Paris trở về (Võ Long Triều Sđd. Tập I, Kì 5 và 6). Dĩ nhiên, ông Kỳ đã không làm được điều ông muốn. Những toan tính loại này chỉ biểu lộ cá tính hay “bốc” của ông. Muốn lật ông Thiệu phải coi xem ông có bản lĩnh hơn ông Thiệu không và phe ông có còn mạnh hơn phe ông Thiệu như trước nữa không. Và lại, còn một yếu tố hết sức quan trọng, đó là người Mĩ muốn cái gì và chọn ai để có thể thực hiện kế hoạch của họ. (1)

Tóm lược bối cảnh lịch sử trên đây sẽ giúp người đọc hiểu rõ

nguyên do câu chuyện đau lòng có liên quan tới phong trào sinh viên tranh đấu xảy ra vào năm 1971. Đó là chuyện ông Kỳ, vì thù ghét ông Thiệu cho nên muốn lợi dụng bọn sinh viên Việt Cộng để “chơi” ông Thiệu. Ông Kỳ đã ra tay giải thoát cán bộ Việt Cộng Huỳnh Tấn Mẫm và cho bọn Mẫm dùng một phần Dinh Quốc Khách của Phó tổng thống để làm trụ sở hoạt động chống phá bầu cử.

2. Phó TT. Nguyễn Cao Kỳ đã cứu sinh viên Việt Cộng Huỳnh Tấn Mẫm như thế nào

Ngày 20-6-1971, liên danh Lý Bửu Lâm (khuynh hướng Quốc gia) đắc cử trong cuộc bầu cử Ban Chấp hành Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, đánh bại liên danh của nhóm sinh viên Việt Cộng Huỳnh Tấn Mẫm, chấm dứt một thời gian dài Tổng hội Sinh viên Sài Gòn bị Thành Đoàn Cộng sản khống chế.

Bị thất bại trong cuộc bầu cử Tổng hội SVSG, ngày 28 tháng 7 năm 1971 tại trụ sở Tổng vụ Thanh niên Phật tử số 294 đường Công Lý, Thành Đoàn Cộng sản chỉ đạo lập ra cái gọi là Ban Chấp hành Lâm thời Tổng hội Sinh viên Miền Nam Việt Nam (xưa nay chưa từng có tổ chức này), gồm có Huỳnh Tấn Mẫm làm Chủ tịch, Tổng Thư kí là Nguyễn Thị Yến, Phó Chủ tịch Ngoại vụ là Lê Văn Thuyên (Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Huế), Phó Chủ tịch Nội vụ là Phạm Văn Xinh (Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Cần Thơ). Lễ ra mắt tổ chức tại Huế, kết thúc bằng một cuộc biểu tình tuần hành phá phách, chống chương trình quân sự học đường, chống bầu cử độc diễn, đòi Mỹ rút hết quân về nước, đòi hoà bình tức khắc cho Việt Nam.

Trong phần trình bày sơ lược bối cảnh lịch sử trên đây, chúng ta đã thấy sự rạn nứt trầm trọng giữa hai ông Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ, đến nỗi ông Kỳ có lúc đã muốn lật đổ ông Thiệu.

Lẽ tất nhiên Thành Đoàn Cộng sản biết rất rõ sự rạn nứt này. Nhất là với sự hiện diện của dân biểu thân Cộng Hồ Ngọc Nhuận trong buổi họp bàn chuyện đảo chánh của ông Kỳ tại Trại Phi Long (Hội kí Cái Mốc Lịch Sử của Võ Long Triều. Tập I, kỳ 6) thì chắc

chấn qua ông dân biểu này, họ càng biết rõ ông Kỳ thâm thù ông Thiệu đến đâu, hơn nữa, họ còn biết cả những gì ông Kỳ đang âm mưu. Vì thế, Thành Đoàn Cộng sản đã chỉ thị cho bọn Huỳnh Tấn Mẫm phải “tranh thủ” ông Kỳ. Họ không gặp khó khăn gì vì cũng chính dân biểu thân Cộng Hồ Ngọc Nhuận đã giúp cho họ được ông Kỳ tiếp kiến tại tư dinh trong trại Phi Long. (2)

Cuộc tiếp kiến diễn ra vào khoảng đầu tháng 9-1971. Phái đoàn sinh viên học sinh Việt Cộng do Huỳnh Tấn Mẫm cầm đầu còn có Nguyễn Thị Yến (Văn khoa), Hạ Đình Nguyên (Văn khoa), Võ Như Lanh (sinh viên Vạn Hạnh), Lê Văn Nuôi (học sinh Cao Thắng), Phạm Văn Xinh (sinh viên Cần Thơ) và Trần Hoài. (3)

Chắc chắn ông Kỳ đã từng được báo cáo về các hoạt động phá rối của bọn Huỳnh Tấn Mẫm, cho nên mở đầu ông hỏi ngay: “Các anh chị có phải là Việt Cộng không?”. Mẫm thấy khó trả lời cho nên y đặt ngược một câu hỏi thăm dò: “Thưa Phó Tổng thống, theo Phó Tổng thống thì chúng tôi có phải là Việt Cộng không?”. Ông Kỳ hỏi chỉ là để hỏi, ông không cần câu trả lời. Lúc này đối với ông, bọn Huỳnh Tấn Mẫm là ai không quan trọng cho bằng bọn chúng có khả năng quấy phá đối thủ của ông là Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

Thấy ông Kỳ vui vẻ và không theo đuổi câu hỏi, Huỳnh Tấn Mẫm chớp thời cơ nêu kiến nghị bãi bỏ chương trình quân sự học đường, viện cớ nay chiến sự đã lùi xa khỏi Thủ đô và sinh viên cần thời giờ học thi. *Chương trình quân sự học đường* do ông Kỳ thành lập cho nên ông không chấp nhận bãi bỏ, nhưng để lấy lòng bọn Huỳnh Tấn Mẫm, ông hứa sẽ cho hoãn chương trình này trong mùa Hè là mùa thi cử để sinh viên có thời giờ ôn luyện bài vở.

Mặc dù liên danh Lý Bửu Lâm đã đắc cử Ban Chấp hành Tổng hội SVSG mãi từ ngày 20-6-1971, nhưng ông Kỳ vẫn rút ra tờ truyền đơn tranh cử của liên danh Lý Bửu Lâm - Lê Khắc Sinh Nhật và nói ông không ủng hộ liên danh này vì là liên danh thân Nguyễn Văn Thiệu và không có thực lực bằng bọn Huỳnh Tấn Mẫm cho nên ông vẫn tiếp tục ủng hộ nhóm Huỳnh Tấn Mẫm.

Biết được thâm ý muốn lợi dụng của ông Kỳ, Mẫm đưa yêu sách xin ông cấp cho bọn họ một trụ sở, bởi vì trụ sở Tổng hội

SVSG số 207 đường Hồng Bàng, Chợ Lớn đã bị Cảnh sát quận 5 phong toả. Ông Kỳ bảo ông không có nhà để cấp cho bọn Mẫn, nhưng ông có thể cho họ mượn một phần trong Dinh Quốc Khách toạ lạc tại số 4 đường Tú Xương thuộc quyền xử dụng của Phó Tổng thống (ngày nay là Nhà Văn Hoá Thiệu Nhi Thành Phố) để họ xử dụng làm trụ sở.

Thành Đoàn Cộng sản đánh giá họ đã đạt được thắng lợi trong cuộc gặp gỡ với ông Kỳ. Để chứng tỏ họ có sức mạnh, 2 ngày sau cuộc hội kiến, Thành Đoàn chỉ thị cho bọn Huỳnh Tấn Mẫn tổ chức một cuộc xuống đường và đã xảy ra xô xát mạnh với Cảnh sát dã chiến trên đường Cường Để. Ngay ngày hôm sau, ông Kỳ giao một phần Dinh Quốc Khách cho bọn Mẫn, lại còn cung cấp máy đánh chữ và giấy in truyền đơn. Một điều hết sức nguy hiểm là, theo yêu cầu của họ, nhóm tham mưu của ông Kỳ còn cấp cho họ cả lựu đạn MK3 để phá các thùng phiếu (lựu đạn MK3 thường được dùng để huấn luyện, gây tiếng nổ lớn, nhưng không gây sát thương).

Ngày 19-9-1971, bọn Mẫn phối hợp với Tổng hội Sinh viên Vạn Hạnh và Tổng Đoàn Học sinh Sài Gòn tổ chức cuộc biểu tình xuất phát từ trong khuôn viên Đại học Vạn Hạnh trên đường Trương Minh Giảng. Toán xung kích ném lựu đạn MK3 vào địa điểm bầu phiếu, dùng bút lông sửa các bích chương liên danh "1" của hai Ông Nguyễn Văn Thiệu - Trần Văn Hương thành liên danh "li", "dân chủ" thành "dân chủi" và "Thiệu" thành "Thẹo". Bọn chúng còn đốt vỏ xe, dựng lên những bàn chông, cắm bảng vẽ hình đầu lâu và lựu đạn với hàng chữ cảnh cáo "nguy hiểm chết người không vượt qua", làm cho giao thông bị tắc nghẽn.

Để văn hồi trật tự, Cảnh sát Đô thành được điều tới để dẹp cuộc biểu tình. Tuy biết những trò chơi nguy hiểm của ông Kỳ, nhưng vì gần tới ngày bầu cử, phía chính quyền không muốn gây thêm chuyện với ông. Cảnh sát chỉ muốn bắt giữ tên đầu xỏ Huỳnh Tấn Mẫn.

Cuối tháng 9-1971, Huỳnh Tấn Mẫn tới khách sạn Caravelle trên đường Tự Do để trả lời phóng vấn Đài BBC. Sau đó, Mẫn trở về trụ sở Tổng vụ Thanh niên Phật tử số 294, đường Công Lí (nay

là Nam Kỳ Khởi Nghĩa). Vì biết đang bị theo dõi, cho nên vừa về tới trụ sở Tổng vụ, Mẫn vội vàng chạy lên tầng cao nhất, nhưng Cảnh sát đã kịp thời bao vây chung quanh trụ sở Tổng vụ. Mẫn đang lúng túng tìm cách thoát thân thì Ngô Thế Lý, đoàn trưởng Đoàn Sinh viên Phật tử Đà Lạt, tới đưa Mẫn vào một căn phòng, rồi khoá kín cửa lại.

Thấy nguy cho Mẫn, tên sinh viên Việt Cộng Nguyễn Thị Yến vội gọi điện thoại cầu cứu Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận và Dân biểu Kiều Mộng Thu. Hồ Ngọc Nhuận gọi ngay cho Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ xin giúp giải vây cho Mẫn. Ông Kỳ liền phái 2 sĩ quan lái 2 xe “jeep” tức tốc tới trụ sở Tổng vụ Thanh niên Phật tử. Dân biểu Nhuận cũng đi xe LaDalat tới.

Cảnh sát không dám ngăn cản xe quân đội của hai viên sĩ quan và xe của một vị dân biểu, cho nên cả ba đã vào được bên trong trụ sở của Tổng vụ.

Hai sĩ quan lên lầu tìm Mẫn. Ngô Thế Lý mở khoá phòng, nơi Mẫn đang trốn. Một sĩ quan khoác vội cho Mẫn một cái áo nhà binh rồi đưa y và một số sinh viên lên chiếc xe “jeep”. Xe của Dân biểu Nhuận che kín làm kẻ nghi binh để như Cảnh sát đuổi theo, kì thực trên xe không có sinh viên nào. Cả ba chiếc xe vội vã ra đi. Xe ông Nhuận ra trước, kế là chiếc “jeep” chở Mẫn, cuối cùng là chiếc “jeep” thứ hai. Họ chạy về hướng phi trường Tân Sơn Nhất. Xe Cảnh sát hụ còi bám sát. Tới ngã tư Trương Tấn Bửu (nay là Trần Huy Liệu, rồi Đỗ Tấn Phong), chỉ mình xe Dân biểu Nhuận tiếp tục chạy về hướng Lăng Cha Cả, còn 2 xe “jeep” rẽ trái về hướng Trương Minh Giảng (nay là Lê Văn Sĩ), rồi chạy thẳng về trung tâm thành phố. Đoàn xe Cảnh sát cũng chia hai đuổi theo.

Trời sắp tối, chiếc “jeep” đi sau cố ý lạng qua lạng lại để cản, không cho xe Cảnh sát vượt lên. Chiếc “jeep” đi trước, trên có chở Mẫn, vội lẹ, bỏ xa chiếc xe sau. Tới khu chợ Bến Thành đông người, viên sĩ quan thả Mẫn xuống. Mẫn mau chóng len lỏi giữa chợ và tìm tới nấp vào trong quây bán trái cây của “Má” Tám Ảnh ở khu phía Bắc chợ Bến Thành (xin coi chú thích 2 và 4).

“Má” Tám liền phái người đi báo cho “Má” Văn Hoa là chủ tiệm may Văn Hoa số 100, đường Lê Thánh Tôn để chuẩn bị cho

Mắm được tá túc qua đêm ở đây.

II. ĐẠI TƯỚNG DƯƠNG VĂN MINH ĐÃ CỨU MANG HUỲNH TẤN MẮM 6 THÁNG TRỜI

1. Dẫn tiên



Huỳnh Tấn Mắm (trái) và Trịnh Bá Lộc, nguyên là thiếu tá tùy viên của Tướng Dương Văn Minh (ảnh của Trịnh Bá Lộc)

Tại tiệm may Văn Hoa, Mắm gọi điện thoại kêu sinh viên Việt Cộng Nguyễn Thị Yên nhờ Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận tìm chỗ trú ẩn cho y. Ông Nhuận vội vàng gọi văn phòng Tướng Dương Văn Minh. Đến trưa hôm sau, Tướng Minh phái tùy viên của mình tới đón Mắm tại điểm hẹn ở ngã tư Nguyễn Trung Trực – Lê Thánh Tôn, cách nhà may Văn Hoa độ 100 mét và đưa Mắm về Dinh Hoa Lan của Tướng Minh số 3, Trần Quý Cáp. Tướng Minh cho Mắm ở trong một căn phòng tương đối đầy đủ tiện nghi, có cả điện thoại và nhà vệ sinh. Để bảo mật, Mắm không tiếp xúc với bất cứ ai trong dinh, ngoại trừ Thiếu tá Trịnh Bá Lộc là người “cung cấp thực phẩm” cho y. Trong bài *Huỳnh Tấn Mắm và Cái Gọi Là “Saigon et Moi”*, Thiếu tá Trịnh Bá Lộc xác nhận: “Về sinh viên Huỳnh Tấn Mắm: Tôi được biết anh Mắm vào thời gian ở Việt Nam đang chuẩn bị vận động bầu cử Tổng thống VNCH nhiệm kỳ II, năm 1971. Lúc đó anh là Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn. Anh hoạt động chống chánh quyền của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Anh bị truy nã. Một nhân vật trong Bộ Tham mưu chánh trị của ĐT. Dương Văn Minh giới thiệu anh và xin cho anh được lánh nạn trong căn nhà dùng làm văn phòng trong thời gian hoạt động tranh cử của ĐT. Dương Văn Minh. Đề nghị được chấp thuận với điều kiện anh không được đi ra ngoài và không được liên lạc với bên ngoài khu vực số 3 Trần Quý Cáp Sài Gòn. Vì nhà tôi cũng ở trong khu vực

này nên tôi được yêu cầu của cấp trên cung cấp thực phẩm cho anh. Do đó, chúng tôi có dịp tiếp xúc hằng ngày trong các bữa cơm gia đình”. (5)

Nhờ có điện thoại riêng, Mẫn dùng nguy danh là Hoàng để tiếp xúc với đồng bọn bên ngoài. Tướng Minh chứa chấp Huỳnh Tấn Mẫn gần 6 tháng. Mẫn chỉ bí mật rời Dinh Hoa Lan vào đầu tháng 01-1972 để ra ngoài chuẩn bị cho cuộc bầu cử Ban Đại diện Sinh viên Y khoa niên khoá 1971-1972.

Ngày 05-01-1972, sau phiên họp tại Y khoa, Nguyễn Văn Lang (Phó Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Y khoa) chở Mẫn về Đại học xá Minh Mạng. Vừa tới ngang cổng bệnh viện Hồng Bàng (nay là bệnh viện Phạm Ngọc Thạch), Mẫn bị nhân viên công lực chặn bắt được.

Mẫn bị giam giữ cho tới khi có Hiệp định Paris 1973 thì được đưa lên Lộc Ninh để trao trả cùng với Huỳnh Văn Trọng, Nguyễn Long, Cao Thị Quế Hương, Trần Thị Lan, Trần Thị Huệ, Nguyễn Thành Công. Nhưng do Việt Cộng còn muốn lợi dụng Mẫn hoạt động với tư thế hợp pháp công khai, cho nên họ không nhận Mẫn, lấy lí do Mẫn không thuộc thành phần quân sự, không là tù binh. Riêng Mẫn phải miễn cưỡng chấp hành mệnh lệnh, cho nên y đã nài ra lí do chỉ là sinh viên thuần tuý và kiên quyết đòi được thả về với gia đình. Phái đoàn VNCH bằng lòng để Mẫn ở lại, nhưng không muốn y tiếp tục hoạt động gây rối, cho nên vẫn giam giữ y. Mẫn chỉ thật sự được tự do vào sáng ngày 29-4-1975 khi chính Tướng Cảnh sát Bùi Văn Nhu đích thân lái xe đưa Mẫn tới tư dinh Tướng Dương Văn Minh.

2. Động lực nào khiến Ông Dương Văn Minh chứa chấp Huỳnh Tấn Mẫn?

Lí do Tướng Kỳ cứu Huỳnh Tấn Mẫn là vì thù ghét và muốn “phá đám” ông Nguyễn Văn Thiệu. Lí do khiến Tướng Minh cur mang Huỳnh Tấn Mẫn chẳng những vì muốn chống ông Nguyễn Văn Thiệu, mà còn vì ông Minh ngả sang tả, tin vào giải pháp hoà giải dân tộc lừa đảo của Cộng sản và sẵn sàng bắt tay với họ.

Ngày 01-11-1963, Hội đồng Quân nhân Cách mạng do Trung

tướng Dương Văn Minh cầm đầu đảo chánh giết chết TT. Ngô Đình Diệm (02-11-1963).

Ngày 30-01-1964, khi Tướng Nguyễn Khánh từ Vùng II về làm cuộc “chính lí” thành công thì “Tam đầu chế” xuất hiện ở cấp lãnh đạo Miền Nam, gồm có Tướng Nguyễn Khánh, Tướng Trần Thiện Khiêm và Tướng Dương Văn Minh.

Vì tham vọng nắm trọn quyền lực cho nên ngày 01-10-1964, Tướng Khánh tìm cách ép buộc Tướng Khiêm phải đi làm đại sứ tại Hoa Kỳ. Ngày 12-11-1964, đến lượt Tướng Minh phải rời Sài Gòn để đi “công cán ngoại quốc”, thực ra là đi lưu vong tại Thái Lan.

Trong cuốn *Hồi Ký Không Tên*, tác giả Lý Quý Chung kể lại, nhân chuyến đi Bangkok (Thái Lan) để dự Hội nghị APU (Hiệp hội Dân biểu Nghị sĩ Á châu), ông đã gặp Tướng Dương Văn Minh để chuyển lời của cụ Trần Văn Hương yêu cầu Tướng Minh lên tiếng ủng hộ liên danh ứng cử Tổng thống Trần Văn Hương – Mai Thọ Truyền (Lý Quý Chung là đại diện báo chí cho liên danh Trần Văn Hương trong kì bầu cử này).

Có lẽ vì ơn nghĩa đó cho nên năm 1969, Phó TT. Trần Văn Hương mới can thiệp để Tướng Dương Văn Minh được hồi hương. Tướng Minh cư ngụ tại tư dinh có biệt hiệu là Dinh Hoa Lan. Về đây, ông Minh tiếp tục mê 3 thứ: hoa lan, cá kiểng và chơi quần vợt.

Từ 1970, nơi đây trở thành trung tâm quy tụ những nhân vật mang lập trường phản chiến, chủ hoà không tưởng, mĩ danh là “Hoà hợp hoà giải dân tộc”. Nhóm này đề nghị Tướng Minh ra tranh cử tổng thống vào năm 1971 và ông đã chấp nhận.

Nhóm ông Minh công khai đối lập với TT. Nguyễn Văn Thiệu, chống sự can thiệp của Mĩ ở Việt Nam, chủ trương hoà hợp hoà giải dân tộc, đòi thi hành Hiệp định Paris.

Nhóm này gồm có những nhân vật chính yếu như sau: Ls. Trần Ngọc Liễng, Gs. Vũ Văn Mẫu, Tướng Mai Hữu Xuân, Gs. Lý Chánh Trung (6), Bs. Hồ Văn Minh, Lm. Nguyễn Ngọc Lan (7), Dân biểu Lý Quý Chung, Dân biểu Nguyễn Hữu Chung, Dân biểu Dương Văn Ba, Nguyễn Văn Cước, sinh viên Nguyễn Hữu Thái...

(8)

Về chủ trương và gốc gác thành phần của nhóm được Lý Quý Chung thuật lại như sau: “*Xét về ‘gốc tích’ thành phần của nhóm ông Minh... lộ ra sau 1975, chúng ta sẽ không ngạc nhiên về sự chuyển dịch lập trường của nhóm ông Minh từ ‘ở giữa’ chuyển sang tả, rồi hướng đến sự sẵn sàng thoả hiệp, liên kết với Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam (MTDTGPMN) và Hà Nội. Gần phân nửa thành viên trong nhóm có quan hệ với MTDTGPM như ông Cước, anh Nhuận, giáo sư Trung, linh mục Lan, luật sư Liễn... khi Hiệp định Paris được ký kết, nhóm ông Minh ủng hộ triệt để sự thi hành Hiệp định. Bản thân tôi cũng tham gia Lực lượng Hoà giải Dân tộc (HGDT) do luật sư Vũ Văn Mẫu đứng đầu; lực lượng này được Phật giáo Ấn Quang hậu thuẫn và có chủ trương đòi tổng thống Thiệu tôn trọng và thi hành Hiệp định. Lực lượng HGDT tổ chức nhiều cuộc hội thảo và thuyết trình về Hiệp định Paris tại chùa Ấn Quang và tại nhiều địa điểm khác tại miền Trung như Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi... Luật sư Liễn thì thành lập Tổ chức đòi thi hành Hiệp định Paris với sự tham gia của linh mục Nguyễn Ngọc Lan, thẩm phán Triệu Quốc Mạnh, nhà văn Thế Nguyên (báo Trình Bày), nhà hoạt động công đoàn Nguyễn Văn Cước v.v....” (Lý Quý Chung. Hồi Kí Không Tên. Trang 270).*

Với lập trường chính trị chủ hoà thiên tả và thân Cộng, đương nhiên ông Minh phải cư mang sinh viên Việt Cộng Huỳnh Tấn Mẫm, một “người anh em”, một “đồng chí” của ông. Thực ra, lúc đó ông Minh không chỉ chứa chấp Huỳnh Tấn Mẫm, ông còn cho 2 cựu dân biểu thân Cộng Dương Văn Ba và Phan Xuân Huy, kí giả Kỳ Sơn (Nguyễn Đình Nam) đang bị truy nã và cán bộ Cộng sản hoạt động công đoàn Nguyễn Văn Cước ẩn náu tại tư dinh của ông.

III. NHẬN XÉT

Nói chung, cả hai ông Kỳ và Minh đều là những nhân vật chức cao quyền trọng một thời, thuộc hàng lãnh đạo quốc gia. Tư tưởng và hành động của hai ông có ảnh hưởng tới nhiều người, có thể là nhiều thế hệ. Vấn đề là cả hai ông này dường như không có lập

trường chính trị vững chắc, giai đoạn sau trái ngược hẳn giai đoạn trước.

Hai câu chuyện về ông Nguyễn Cao Kỳ và ông Dương Văn Minh vừa kể trên, phần nào phản ánh tính khí, bản chất và tinh thần trách nhiệm ra sao của hai ông đối với quân dân Miền Nam tự do.

1. Về ông Nguyễn Cao Kỳ

Việc ông Kỳ giải cứu và cho bốn sinh viên Việt Cộng xử dụng Dinh Quốc Khách làm trụ sở hoạt động quây phá tuy là chuyện nhỏ, nhưng ý nghĩa của nó không nhỏ, bởi vì đó là hành động hết sức tặc trách của một đương kim phó tổng thống và cũng là người đã từng giữ chức thủ tướng VNCH; đồng thời, câu chuyện cũng cho thấy tính khí “bóc đồng” và đôi khi hành động “bạt mạng” của ông Kỳ.

Sau khi TT. Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Miền Nam lâm vào tình trạng hỗn loạn, tạo cơ hội cho một số “anh hùng” xuất hiện. Trong số đó có ông Nguyễn Cao Kỳ. Chỉ trong vòng 3 năm, từ một viên trung tá lái máy bay vận tải, ông Kỳ leo lên tới cấp thiếu tướng nắm chức tư lệnh Không quân. Nhờ vị thế này, cộng với tác phong “dám nói, dám làm” và thời cơ, đã đưa đẩy ông tiến cao hơn nữa tới chức Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương (thủ tướng), rồi Phó Tổng thống VNCH.

Trong cuốn hồi kí *Cái Mốc Lịch Sử* (motgoctroi.com), tác giả là ông Võ Long Triều, người từng sát cánh với ông Nguyễn Cao Kỳ, đã nhận xét một cách tổng quát về ông Kỳ như sau: “*Những gì tôi biết, hình như có hai Nguyễn Cao Kỳ, một Nguyễn Cao Kỳ phản bội đồng đội, phản bội chính mình... Và một Nguyễn Cao Kỳ, từ 1966 đến 1975, có lòng với đất nước, muốn đội đá và trời nhưng không thành, vì thiếu hiểu biết việc quốc gia đại sự, biến chuyển quốc tế, thế chiến lược toàn cầu, vai trò của Việt Nam trong hoàn cảnh đó và nhứt là vì những đàn em dựa hơi phá bình hay nhóm “Lương Sơn Bạc” cùng ăn thề uống máu với ông ý thế làm hư việc*” (Võ Long Triều. Sđd. Tập II, 44). (9)

Ông Võ Long Triều nói “hình như có hai Nguyễn Cao Kỳ” là

ông muốn nói đến mặt tích cực và mặt tiêu cực của ông Kỳ.

Về mặt tích cực, ông Võ Long Triều đã nhận xét chính xác về “một Nguyễn Cao Kỳ, từ 1966 đến 1975, có lòng với đất nước”.

Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ chỉ nắm thực quyền như một vị thủ tướng trong hơn 2 năm ngắn ngủi, từ 1965 tới 1967. Trong hơn hai năm đó, đã xảy ra 2 biến cố lớn: “Cuộc biến động Miền Trung” và việc thành lập Hiến pháp Đệ Nhị Cộng Hoà. Việc dẹp loạn miền Trung năm 1966 đã giúp văn hồi trật tự cho miền địa đầu đất nước. Sự ra đời của bản Hiến pháp VNCH 1967, dựa trên tam quyền phân lập, tạo dựng căn bản cho một nền pháp trị khá tốt đẹp ở Miền Nam tự do. Có thể người Mỹ đã nhúng tay vào cả 2 biến cố ấy, song không thể phủ nhận nỗ lực lớn lao có tính quyết định của quân, cán, chính Việt Nam Cộng Hoà trong giai đoạn này.

Riêng những chuyện lớn lao như ông Kỳ “muốn đội đá vá trời” hoặc là ông Kỳ “thiếu hiểu biết việc quốc gia đại sự, chuyển biến quốc tế, thế chiến lược toàn cầu...”, trộm nghĩ, chẳng riêng gì ông Nguyễn Cao Kỳ mà ngay cả những chính khách khác, cỡ như ông Võ Long Triều, cũng chưa có khả năng vươn tới tầm vóc đó.

Cũng nên ghi nhận thêm điều này, trên thực tế, từ khi ông Nguyễn Văn Thiệu lên làm tổng thống, ông Nguyễn Cao Kỳ dần dần bị loại ra khỏi chính trường. Vì thế, ông Kỳ không chịu trách nhiệm gì về những ngày tháng bi thảm cuối cùng của Miền Nam tự do.

Về mặt tiêu cực, đa số người Việt Quốc gia cho rằng ông Kỳ không có lập trường chính trị vững chắc, đúng như nhận xét của ông Võ Long Triều về “một Nguyễn Cao Kỳ phản bội đồng đội, phản bội chính mình...”. Thật vậy, những năm gần đây, người ta thấy ông Nguyễn Cao Kỳ đột nhiên thay đổi hoàn toàn chính kiến. Tuy ông vẫn xác nhận việc chống Cộng sản trước 1975 là đúng đắn, song ông lại cho rằng, ngày nay tình thế đã thay đổi, người Việt nên xoá bỏ hận thù để cùng nhau chống Tàu Cộng xâm lược và xây dựng tương lai đất nước. Người ta đặt nghi vấn không biết có thể lực nào thúc đẩy hay là do chính ông muốn chứng tỏ thiện chí hoà giải? Nếu như do thiện chí hoà giải thì thực tế chứng minh thiện chí của ông Kỳ không hề có chút tác động nào đối với bức

tường sắt là chế độ Cộng sản độc tài, độc đảng và toàn trị ở Việt Nam. Trên sách vở, báo chí, người Việt hải ngoại đã chỉ ra cái sai lầm của ông Kỳ. Chứng minh rõ ràng nhất về cái sai lầm của ông Kỳ chính là thực tiễn Cộng sản Hà Nội vẫn tiếp tục “hèn với giặc, ác với dân”, chưa thấy một dấu hiệu biến chuyển khả quan nào từ phía Hà Nội. Điều đáng thất vọng là một chính khách VNCH đã từng nắm trọng trách như ông Nguyễn Cao Kỳ mà đến cuối đời vẫn không hiểu bản chất của người Cộng sản, lại tin là có thể hoà giải được với họ.

Tổng thống Nga Vladimir Putin đã phát biểu: "Kẻ nào tin những gì CS nói là không có cái đầu. Kẻ nào làm theo lời của CS là không có trái tim".

Ngoài lập trường chính trị chao đảo ra, tác phong của ông Kỳ cũng không tương xứng với một nhà lãnh đạo ở cấp cao. Người dân Miền Nam trước đây chẳng lạ gì cá tính của ông Kỳ. Ở những vị trí rất cao, thế mà ông vẫn hay “bốc”, hay phát biểu bạt mạng, hay dọa “bắn bỏ” người này người kia, dù đó là linh mục hay thượng toạ, thậm chí còn vô kỉ luật đến nỗi dùng cả phi cơ quân sự để đi tán gái.

Với tính khí và tác phong ấy, câu chuyện ông Kỳ dung dưỡng bọn sinh viên Việt Cộng Huỳnh Tấn Mẫm trên đây không làm ai cảm thấy quá ngạc nhiên mà chỉ làm cho dư luận có thêm một bằng chứng, có thêm một sự thất vọng khác nữa về về con người ông Kỳ mà thôi.

Tóm lại, ông Kỳ có thể là người hùng của một giai đoạn ngắn, ông không phải là một nhà chính trị, một nhà lãnh đạo quốc gia có bản lãnh, có lập trường và có tác phong nghiêm cẩn.

2. Về ông Dương Văn Minh

H. Kissinger đã từng phê bình ông Minh “là con người yếu mềm nhất trong các bộ mặt chính trị”; TT. Thích Trí Quang thì lại bảo “Ông Minh không phải là một người làm chính trị sắc bén. Nhưng ông là người cần thiết lúc này, trao cho ông ngọn cờ tập hợp cũng được” (Lý Quý Chung. Sđd. Trang 305).

Còn người dân Miền Nam tự do thấy mỗi lần ông Dương Văn

Minh xuất hiện là một lần Quốc gia nghiêng ngả. Năm 1963, khi người Mĩ muốn thay ngựa giữa dòng, ông Minh là người đứng ra cầm đầu các tướng lãnh phản loạn lật đổ nền Đệ Nhất Cộng Hoà, xé bỏ Hiến pháp, triệt hạ *Quốc sách áp chiến lược* và làm đao phủ cho Mĩ giết chết anh em Tổng thống Ngô Đình Diệm một cách tàn ác và mờ ám. Thế là thế và lực của Miền Nam tự do suy sụp thê thảm một cách mau chóng. Tiếp theo là 4 năm chính trường hỗn loạn. Cuộc đảo chính 01-11-1963 là món quà cực kì to lớn và bất ngờ đối với Cộng sản Bắc Việt. Biến cố ấy đã củng cố và kích thích dã tâm nhuộm đỏ Miền Nam của chúng. Tình thế Miền Nam trở nên nguy nan, khiến Mĩ phải đổ hàng chục vạn quân vào cứu nguy. Cộng sản có lí do để hô hoán lên khẩu hiệu “Chống Mĩ Cứu Nước”. Từ đó, với sự tiếp tay của bọn phản chiến, Cộng sản cướp mất chính nghĩa chiến đấu tự vệ của quân dân Miền Nam.

Lần thứ hai Ông Minh xuất đầu lộ diện là thời kì sau Hiệp định Paris 1973, khi người Mĩ bắt đầu kế hoạch bỏ rơi Miền Nam và tháo chạy. Cộng sản Hà Nội, Toà Đại sứ Pháp và bộ tham mưu của ông Minh gồm những chính khách hoạt đầu, những tay thân Cộng và cả những “cơ sở” Cộng sản nằm vùng, đã làm cho ông ta tin là chỉ có ông mới có thể nói chuyện được với “phía bên kia”. Vì vậy, trong tình thế tuyệt vọng của VNCH, khi hàng chục sư đoàn bộ đội Cộng sản Bắc Việt áp sát Sài Gòn, Ông Minh lại ra nhận chức tổng thống.

Tính toán có thể nói chuyện với “phía bên kia” của ông Minh chỉ là một ảo tưởng. Cộng sản không bao giờ thương lượng chính trị với kẻ yếu thế về quân sự. Tất cả những yêu sách chính trị của Cộng sản (Một: Trần Văn Hương, bù nhìn của Nguyễn Văn Thiệu phải ra đi. Hai: Mĩ phải rút khỏi VN. Ba: Không chấp nhận các cơ cấu của VNCH hiện tại) chỉ là những chiêu thức nằm trong sách lược loại bỏ hết những trở lực cuối cùng mà thôi.

Đúng vậy, cho đến ngày 29-4-1975, chính phủ của ông Minh chưa hề tiếp xúc được với “phía bên kia”. Ông Minh vừa nhận chức buổi chiều ngày 28-4-1975 thì tối hôm đó, ông gửi các sứ giả Ls. Trần Ngọc Liễn, Lm. Chân Tín và Gs. Châu Tâm Luân vào Trại Davis (Tân Sơn Nhất) để thông báo cho Cộng sản là ông không

chống cự và xin Cộng sản đừng pháo kích vào Sài Gòn. Ba vị sứ giả này đã bị Võ Đông Giang, phó trưởng đoàn Việt Cộng, dẫn mặt: “Giờ tấn công đã sẵn sàng, nên Dương Văn Minh chỉ có 2 điều kiện: Đầu hàng hay không đầu hàng” và cả ba sứ giả bị giữ làm con tin.

Cuối cùng, ngày 30-4-1975, dưới họng súng của bộ đội Cộng sản Bắc Việt, Dương Văn Minh phải đầu hàng vô điều kiện.

Thiên nghi, trong tình thế khốn cùng, không trách Ông Minh đầu hàng quân Cộng sản là loại giặc sẵn sàng phạm bất cứ tội ác nào để đạt chiến thắng. Làm thế, ông Minh tránh được tổn thất nhân mạng một cách vô ích và tránh cho Sài Gòn khỏi bị tàn phá.

Thế nhưng, người ta đánh giá ông Minh không xứng tầm cỡ lãnh đạo Quốc gia mà đã hai lần đứng ra “nhận lãnh trách nhiệm lịch sử” làm con cờ thí cho người Mỹ và cho Cộng sản Bắc Việt. Lần thứ nhất, Mỹ bật đèn xanh cho ông đứng lên lật đổ nền Đệ Nhất Cộng Hoà, mang tội với lịch sử; lần thứ hai, ảo tưởng là chỉ ông mới có thể nói chuyện với “phía bên kia”. Kết quả, ông bị chúng bắt phải đầu hàng vô điều kiện, rước lấy cái nhục vào thân.

Quân dân Miền Nam có bằng chứng để trách cứ ông Minh là một tướng lãnh vai vế trong Quân lực VNCH mà phản bội lại phía Quốc gia. Ông dung dưỡng đám cận thân cơ hội, thiên tả, thân Cộng và cả cán bộ Cộng sản nữa, trong đó có Huỳnh Tấn Mẫm. Vì thiếu bản lãnh chính trị và thiếu hiểu biết về người Cộng sản cho nên ông đã tin vào kế sách “hoà hợp hoà giải” và sẵn sàng giao Miền Nam tự do cho Cộng sản.

Ls. Trần Ngọc Liễn trong bộ tham mưu của Ông Minh đã thuật lại: *“Tôi nhớ thời gian trước khi ông Dương Văn Minh làm Tổng thống kì chót, một hôm, có anh Hạnh, anh Lý Quý Chung, anh Nguyễn Hữu Chung, khi nói chuyện về ông Kỳ muốn đảo chánh, ông Minh nói: ‘Thà giao chính quyền cho cho Cộng sản còn hơn là giao cho Nguyễn Cao Kỳ’”*. (10)

Một người như vậy mà hoàn cảnh nghiệt ngã của đất nước đã mấy phen đưa ông lên làm kẻ phát cờ, kẻ cầm lái, mặc dù ông không biết phát cờ, cũng không biết bến bờ con thuyền quốc gia phải tới! Thậm chí, ngay cả khi ông không còn quyền lực, ông vẫn

hưởng “đặc miễn” là kẻ bất khả xâm phạm, bất chấp luật pháp quốc gia. Đúng như Lý Quý Chung, kẻ thân tín của ông, đã viết: “Dù biết rất rõ Dinh Hoa Lan đã trở thành trung tâm hoạt động nhằm lật đổ mình, nhưng Ông Thiệu và tay chân vẫn không làm gì để vô hiệu hoá trung tâm này. Ông Thiệu có thể tố cáo Dinh Hoa Lan chứa chấp nhiều phần tử đang bị chính quyền truy nã và có thể xin lệnh toà án lục soát Dinh Hoa Lan để làm ‘bể mặt’ ông Minh. Nhưng ông chẳng làm gì hết. Tại sao? Sự im lặng của Ông Thiệu có thể được giải thích: Ông Minh là tướng lãnh đàn anh của Ông Thiệu dù gì ông vẫn phải nhân nhượng; mặt khác ‘tấn công’ vào Dinh Hoa Lan là một xi căng đàn chính trị hoàn toàn bất lợi cho ông. Ông Thiệu biết rằng “đụng” vào Dinh Hoa Lan sẽ không được toà đại sứ Mỹ tán đồng và làm bùng nổ sự chống đối ông mạnh mẽ hơn” (Lý Quý Chung. Sdd. Trang 306).

Miền Nam tự do mất đã lâu, nhưng mỗi khi có dịp nhắc lại những chuyện khó tin nhưng có thật này, bản thân “thất phu” chỉ còn biết thốt lên lời tuyệt vọng, bi phẫn:

Ôi! Phận nước sao điêu linh, khốn khổ, đến nỗi vận mạng toàn dân, toàn quân Miền Nam lại bị rơi vào tay những cấp lãnh đạo như thế này!

Tháng 2-2010, bổ túc Tháng 12-2013

Chú thích:

1. Theo cựu dân biểu đối lập Lý Quý Chung, đến “giờ thứ 25” của Miền Nam, ông Kỳ còn tính đảo chánh ông Thiệu một lần nữa (Lý Quý Chung. Hồi Ký Không tên. NXB Trẻ. Trang 341.)

2. * Xem Điều Án. Huỳnh Tấn Mẫm Một Đời Sôi Nổi. NXB Lao Động, Hà Nội, 2008. Trang 116-130. Tham gia biên soạn cuốn sách này còn có 24 tên tuổi quen thuộc khác như: Gs. Lý Chánh Trung, dân biểu thân Cộng Hồ Ngọc Nhuận, Ni Sư Ngoạt Liên, nhạc sĩ Miên Đức Thắng và các cán bộ Thành Đoàn Cộng sản Hạ Đình Nguyên, Nguyễn Thị Yến, Cao Thị Quế Hương, Phạm Nguyệt Quòn, Ngô Đa, Nguyễn Kim Ngân, Nguyễn Tuấn Kiệt, Nguyễn Xuân Lập, Nguyễn Hoàng Trúc, Đỗ Hữu Bút, Lâm Thành Quý....

* Lê Văn Nuôi. Dừng Vũ Khí Nguyễn Cao Kỳ phá bầu cử Tổng

Thống. Theo Nhịp Khúc Lên Đàng. NXB Trẻ. Trang 433.

3. Năm 1970 tròn 18 tuổi, Nuôi được Thành Đoàn đưa ra chiến khu ở Mĩ Tho để kết nạp vào Đảng CS. Sau 30-4-1975, Nuôi được bầu làm đại biểu Quốc hội CSVN Khoá VI, đồng khoá với Huỳnh Tấn Mẫm, rồi bí thư Thành Đoàn CS.

4. “Má” là danh xưng sinh viên học sinh tranh đấu dùng để gọi các phụ nữ lớn tuổi trong tổ chức, hoặc là các cảm tình viên, đã cung cấp thực phẩm cho họ trong thời gian tranh đấu hoặc trong thời gian bị giam giữ. Các “má” còn có thể là những phụ nữ làm công tác giao liên, tàng trữ vũ khí, tài liệu, truyền tin hoặc cùng tham gia biểu tình, tuyệt thực, v.v... Các “má” tiêu biểu như: “Má” Ni Sư Huỳnh Liên, “Má” Tư Điền (mẹ của 2 sinh viên Việt Cộng Trần Thị Lan và Trần Thị Huệ), “Má” Ngọc Điền, “Má” Tâm Anh, “Má” Mười (tức “Má Mười 36 Chợ”), “Má” Năm Đình, “Má” Thái Hoà, “Má” Phùng Đình, “Má” Văn Hoa, “Má” Ngọc Hoa, “Má” Tư Nguyễn Trãi, “Má” Văn Vân (chủ tiệm ảnh Văn Vân Đường Bùi Thị Xuân), “Má” Nguyễn Thị Chúc, “Má” Chín Bình, “Má” Nguyễn Long (vợ LS. Nguyễn Long), “Má” Liên (vợ nhà văn VC Vũ Hạnh), “Má” Hai Bàn Cờ... Ngoài ra, còn có các “ba”, các “ngoại” nữa.

5. * Thiếu tá Trịnh Bá Lộc là tùy viên của Tướng Dương Văn Minh từ 1958-1964 và từ 1968 tới chiều 29 tháng 4 năm 1975. Chiều 29-4-1975, ông Lộc di tản sang Mĩ. Năm 2005, ông Lộc đã về VN liên lạc lại với Huỳnh Tấn Mẫm. Trong một bài viết, ông Lộc làm như không biết Mẫm là một Việt Cộng thuộc Thành Đoàn Cộng sản, có nhiệm vụ hoạt động nội thành trong môi trường đại học. Thật là xót xa, đang khi quân dân Miền Nam hi sinh xương máu bảo vệ Miền Nam thì Thiếu tá Lộc ăn cơm Quốc gia lại hằng ngày cơm bưng nước rót cho tên sinh viên Việt Cộng Huỳnh Tấn Mẫm! (Xin đọc bài Sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm và Cái Gọi Là ‘Saigon et Moi’ của Trịnh Bá Lộc trên Calitoday.com).

* Diệm Án. Sđd. Trang 128, 129.

* Trong bài Mặt Trận Văn Hoá Và Những Thủ Tiêu Âm Sát Trí Thức Miền Nam (motgoctroi.com), tác giả Nguyễn Văn Lục cho biết trong bản thảo hồi kí Đời của cựu dân biểu thân Cộng Hồ

Ngọc Nhuận (chưa được phép xuất bản, trang 142) cũng kể chuyện “Nguyễn Cao Kỳ ‘xót’ Huỳnh Tấn Mẫm”, rồi ông Nhuận quy kết: “Tiếp tay cho Cộng sản, như vậy, không chỉ có mình tôi. Và lần này vai chánh không là tôi, mà là tướng Nguyễn Cao Kỳ”. Viết như vậy, có lẽ ông Nhuận muốn lôi kéo Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ nhập bọn, theo chiến thuật “cào bằng”, để “xuê xoa” cái tội đã tiếp tay cho Cộng sản ngày xưa của quý ông ấy.

6. Trong loạt bài 20 Năm Giới Trẻ MNVN, tác giả Nguyễn Văn Lục cho biết, trong một lần gặp gỡ vào năm 2005, chính Lý Chánh Trung tiết lộ hồi 1968 ông Trung đã được bí mật đưa vào mật khu để gặp Huỳnh Tấn Phát và từ đó ông Trung tích cực hoạt động mật nổi cho Mặt Trận DTGPMNVN.

7. Nguyễn Ngọc Lan (cửu linh mục) vào khu năm 1968 để gặp Trần Bạch Đằng cùng đợt với Gs. Châu Tâm Luân, Cao Hoài Hà, nhà văn Thiếu Sơn, Gs. Nguyễn Văn Chì, Lê văn Chí... (Trần Bạch Đằng. Cuộc Đời Và Ký Ức. NXB Trẻ. Trang 186). Khi ông Lan chết, Trần Bạch Đằng viết diếu văn tuyên dương công trạng như sau: “Từ năm 1968 cho đến 30 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Ngọc Lan trước sau vẫn có mặt trong đội ngũ xung kích của những người yêu nước tại thành phố”.

8. Trong bài “30/4/1975, Ông Dương Văn Minh Và Tôi”, tác giả Nguyễn Hữu Thái xác nhận mình là người Mặt Tận Giải Phóng đưa ra tranh cử dân biểu Quảng Nam, nhưng thất cử.

9. Trong nhận xét về Tướng Kỳ trên đây, khi ông Võ Long Triều dùng những cụm từ “những đàn em dựa hơi phá bình” và “nhóm Lương Sơn Bạc” là ông muốn nhắm tới Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan. Nếu ai đã đọc cuốn hồi kí Cái Móc Lịch Sử của ông Võ Long Triều, sẽ thấy tác giả rất đố kỵ Tướng Nguyễn Ngọc Loan. Song, trái với quan cảm của ông Võ Long Triều, nhiều người Miền Nam tự do cho rằng Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan là một vị tướng có công đích thân dẹp loạn miền Trung năm 1966 và chiến đấu anh dũng quét sạch Cộng quân ra khỏi Đô thành hồi Tết Mậu Thân 1968. Vì thế, công luận đòi hỏi ông Võ Long Triều nên phê phán công bằng hơn đối với Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan. Đàng khác, khi kết án Tướng Loan, ông Võ Long Triều cũng cần nhìn lại

mình, “Chân mình thì lấm bê bê, Lại cầm bó đuốc mà rê chân người”. Bởi vì, chính cuốn hồi kí *Cái Móc Lịch Sử* của Võ Long Triều cho thấy ông đã quy tụ và giúp đỡ một nhóm thanh niên trẻ người Miền Nam, như Hồ Ngọc Nhuận, Lý Quý Chung, Ngô Công Đức, Dương Văn Ba... để họ làm báo thiên tả và đả kích vào Quốc hội VNCH. Từ hai diễn đàn quan trọng này, nhóm trẻ đó đã quây nát chính trường Miền Nam và tiếp tay đắc lực cho Cộng sản Bắc Việt.

10. Ls. Trần Ngọc Liễng phát biểu trong cuộc họp ngày 31-10-2006 do Võ Văn Kiệt mời, để lấy tài liệu thực hiện cuốn *Lịch Sử Nam Bộ Kháng Chiến*. Những người được mời dự cuộc họp này là: Nguyễn Hữu Hạnh, cựu chuẩn tướng VNCH, quyền tổng tham mưu trưởng cuối cùng, Ls. Trần Ngọc Liễng, Chủ tịch Lực lượng Quốc Gia Tiến Bộ, Đinh Văn Đệ, Chủ tịch Ủy ban Quốc phòng Hạ viện VNCH, Triệu Quốc Mạnh, Chỉ huy trưởng Cảnh sát cuối cùng, Dương Văn Ba, cựu dân biểu VNCH, Huỳnh Tấn Mẫm, cựu Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn... (nguoicaotuoai.org.vn)



*Hoàng Xuân Giang-Phạm Nhuệ Giang-Khánh Ly-
Hoàng Xuân Sơn (tờ báo che mặt)-Trịnh Công Sơn-
Hoàng Ngọc Tuấn-Ngô Vương Toại (người đứng
sau HXS là Trần Tiến Tư)*

Bài 6 - BỌN SINH VIÊN VIỆT CỘNG GIẾT THẦY GIẾT BẠN

Xưa nay, câu nói “Đồ lừa thầy phản bạn” là một lời mắng chửi thậm tệ. Vậy mà bọn sinh viên Việt Cộng còn tệ hơn thế nữa. Vì cuồng tín theo Đảng Cộng sản, bọn này sẵn sàng giết thầy, giết bạn một cách tàn ác.

I. HỒI TẾT MẬU THÂN 1968 TẠI HUẾ

Đêm mùng Một Tết Mậu Thân 1968, Cộng quân tràn vào Thành phố Huế và làm chủ Huế suốt 25 ngày đêm. Trong thời gian này, bọn Cộng sản đã biến Huế thành địa ngục trần gian. Nhiều ngàn người dân Huế bị thảm sát, trong đó có những nạn nhân là thanh niên, sinh viên, học sinh và cả trẻ em, phụ nữ. Chúng giết người bằng nhiều cách: đâm bằng lưỡi lê, dùng cuốc đập bẻ sọ, dùng súng bắn, chôn sống tập thể đang khi nạn nhân bị trói bằng dây điện hoặc lạt tre... Sau khi Cộng quân bị đánh bật khỏi Huế, lần lượt các nấm mồ tập thể đã được tìm thấy ở trường Gia Hội, Bãi Dâu, chùa Therevada, phía sau Tiểu Chung viện, gần cửa Đông Ba, Cồn Hén, Nam Giao, Phú Xuân, cạnh lăng các vua, khu vực Dòng Thiên An, Phú Xuân, Phú Lương, làng Châu Chử, cầu An Ninh, trường An Ninh Hạ, Chợ Thông, gần chùa Linh Mục, trường Văn Chí, Phú Thứ, Tiên Nộn, Đồng Di, Tây Hồ, khe Đá Mài, khe Lụ, sau làng Đình Môn.

Người dân Huế đã nhận diện trong số những đao phủ thủ, có những tên vốn là giáo chức, là sinh viên, học sinh ở Huế. Hầu hết những tên này đã từng tham gia vào Lực lượng Học sinh, Sinh viên Quyết tử hồi Phong trào Phật giáo 1966. Nguy hiểm nhất là các tên Hoàng Phủ Ngọc Tường (dạy Việt văn), Hoàng Phủ Ngọc Phan (sinh viên Y khoa năm 2), Nguyễn Đắc Xuân (sinh viên Sư phạm), Trần Quang Long (sinh viên Sư phạm), Phan Chánh Dinh tức Phan Duy Nhân (sinh viên), Nguyễn Thị Đoàn Trinh (sinh viên Dược khoa, Sài Gòn)...

1. Tội ác của Hoàng Phủ Ngọc Tường



Hoàng Phủ
Ngọc Tường

Hoàng Phủ Ngọc Tường là một thầy giáo trẻ, dạy Văn giỏi, được giới học sinh Huế ngưỡng mộ, nhưng Tường đi theo Cộng sản và trở nên một thành phần cực đoan và tàn bạo. Đến nỗi, một số nhà cầm bút gốc Huế xếp Hoàng Phủ Ngọc Tường đứng hàng đầu trong danh sách những đao phủ thủ sát hại dân Huế hồi Tết Mậu Thân 1968. Trong cuốn *Biến Động Miền Trung* (Trang 110 – 112), tác giả Liên Thành trưng ra 6 bằng chứng để khẳng định:

“Bằng vào một số chứng cứ rõ ràng, minh bạch, tôi xác nhận Hoàng Phủ Ngọc Tường là người chủ tọa phiên tòa án Nhân Dân của chính quyền Cách Mạng, và ra lệnh sát hại 204 người tại trường học Gia Hội thuộc Quận II, thị xã Huế trong Tết Mậu Thân 1968” (Liên Thành. *Biến Động Miền Trung*. Tập san Biệt Động Quân xuất bản. Trang 110). Trong sách, tác giả Liên Thành sung sướng khen ngợi thầy Tường của mình có *“khuôn mặt hiền từ”, “thầy còn giảng dạy cho chúng tôi những lẽ phải, trái, tư cách làm người, đạo đức, và tấm lòng nhân hậu thương yêu mọi người...”* (Sđd. Trang 107). Ngay sau đó, tác giả Liên Thành thắc mắc hỏi cái gì làm thầy Tường của ông *“mù quáng say mê chủ nghĩa Cộng sản”,* để trở *“thành một tên ác quỷ giết người không góm tay, say máu người còn hơn quỷ dữ”* (Sđd. Trang 108). Thêm vào đó, trong bữa tiệc họp mặt sau 1975, bạn của Tường là Gs. Bửu Ý chỉ mặt Tường mà nói: *“Tường, mi là một thằng trí thức sát máu, hèn hạ, giờ này mi chưa sáng mắt, còn chạy theo liếm đít Đảng nữa hay sao?”* (Sđd. Trang 109).

Trong bộ phim 10 tập *Vietnam History* do một đài truyền hình Anh quốc thực hiện năm 1982 (Roll 29 of Vietnam Project- Feb. 29, 1982- Interview with Hoang Phu Ngoc Tuong, writer), Hoàng Phủ Ngọc Tường đã được hỏi như sau: *“Ông có thể mô tả biến cố về cuộc nổi dậy tại Huế và đặc biệt liên quan đến cuộc thảm sát từ khi ông có mặt tại đây?”*. Để trả lời, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã

đồ tội cho đế quốc Mỹ cố tình dựng nên câu chuyện “Thăm sát Mậu Thân Huế”. Tường xác nhận có một số bị giết vì: Một là họ bắn vào lực lượng cách mạng; hai là vì họ đã phạm tội bắt bớ, tra tấn, bỏ tù người theo cách mạng cho nên nay bị trả thù. Nhưng Tường cáo giác đa số những xác chết sau này khai quật được ở Huế là nạn nhân đạn bom của Mỹ, cộng với những xác chết bộ đội giải phóng. Tường nói tiếp: *“Chẳng hạn, nó đã bỏ bom rơi vào một bệnh viện nhỏ, gần chợ Đông Ba. Nó thả bom làm 200 người vừa chết vừa bị thương. Tôi đã đi trên con đường hẻm vào ban đêm, và tôi tưởng rằng tôi đang dẫm trên đồng bùn. Thế mà khi tôi bật cái đèn pile lên, máu khắp mọi nơi. Cả một khu vực bị bỏ bom bởi bom đạn Mỹ bắn phá. Và thế rồi, những ngày cuối cùng khi chúng tôi triệt thoái ra khỏi thành phố, kẻ thù của chúng tôi đã thu lại và đem đi chôn”*. Xin chú ý trong câu trả lời này, Tường xác nhận y có mặt tại Huế trong Tết Mậu Thân 1968. Trong bài *Thăm Sát Mậu Thân 1968 Và Luận Điều Gian Dối Của Hoàng Phủ Ngọc Tường*, nhà văn Huy Phương cũng đặc biệt nhấn mạnh 2 điểm đáng chú ý về câu trả lời trên đây của Hoàng Phủ Ngọc Tường, ông viết: *“Chính câu hỏi của phóng viên đài truyền hình ở đầu bài đã xác nhận sự thật, vì nếu Tường không có mặt ở Huế, sẽ không có cuộc phỏng vấn này cũng như nội dung câu hỏi được đặt ra ở trên. Mặt khác, sau này chính y không nhớ là mình đã thú nhận chuyện có mặt ở Huế vào phút thứ 6 của đoạn phim này, vào năm 1982, khi Tường mô tả chuyện y đang đi trong những con đường hẻm vùng Đông Ba và đã nói những câu ‘khi chúng tôi rút lui’ hay ‘tôi là một chứng nhân’ nghe rất rõ ràng”* (bacaytruc.com). Nhưng qua năm 1997, Hoàng Phủ Ngọc Tường trả lời bà Thụy Khuê trên đài RFI thì thấy có 2 điểm quan trọng khác hẳn câu trả lời phỏng vấn năm 1982. Một là Tường chối không có mặt tại Huế khi đang diễn ra cuộc thăm sát. Hai là Tường xác nhận có “những tang tóc thê thảm” ở Huế do “quân nổi dậy” và nhìn nhận đó là “một sai lầm không thể nào biện bác được”. Nguyên văn câu trả lời của Tường như sau: *“Người ta cho tôi là một tên đồ tể Mậu Thân ở Huế thì đó là một sự bịa đặt mang ý định vu khống hoàn toàn. Sự thực là tôi đã từ già Huế lên rừng tham gia kháng chiến vào mùa hè năm 1966 và*

chỉ trở lại Huế sau ngày 26 tháng 3 năm 1975. Như thế nghĩa là trong thời điểm Mậu thân 1968, tôi không có mặt ở Huế. Điều quan trọng còn lại, tôi xin tỏ bày ở đây, với tư cách là một đứa con của Huế, đã ra đi và đã trở về; ấy là nỗi thống thiết tận đáy lòng mỗi khi tôi nghĩ về những tang tóc thê thảm mà nhiều gia đình người Huế đã phải chịu cho hành động giết oan của quân nổi dậy trên mặt trận Huế vào năm Mậu Thân. Đó là một sai lầm không thể nào biện bác được, nhìn từ lương tâm dân tộc và nhìn từ quan điểm chiến tranh cách mạng” (Bằng Phong Đặng Văn Âu. Thư gửi Nguyễn Đắc Xuân. Batkhuat.net).

Rõ ràng là tiền hậu bất nhất.

2. Tội ác của Hoàng Phủ Ngọc Phan



Hoàng Phủ
Ngọc Phan

Hoàng Phủ Ngọc Phan, em của Hoàng Phủ Ngọc Tường, sinh viên Y khoa năm 2 Huế, đã phạm tội đồng lõa giết chết các giáo sư bác sĩ người Đức (Bs. Alois Altekoster, Bs. Raimund Discher, Bs. Horst Gunther Krainick và vợ cũng là một bác sĩ) là thầy của y.

Chính tên Hoàng Phủ Ngọc Phan bắn chết 3 anh em ruột Nguyễn Xuân Kính (sinh 1942, Y khoa Huế, bị bắn chết tại nhà ông nội), Nguyễn Xuân Lộc (sinh 1946, sinh viên Luật, bị bắn chết tại nhà ông nội), Nguyễn Thanh Hải (sinh 1949, sinh viên Văn khoa, bị bắn chết tại trường Văn khoa). Giết các cháu xong, Phan còn đang tâm bắn chết cả ông nội của 3 sinh viên này là cụ Nguyễn Tín, 70 tuổi. Sau khi bắt sinh viên Lê Tuấn Văn (sinh viên Văn khoa, là bạn của sinh viên Hải) đào huyệt tại vườn sau nhà Cụ Nguyễn Tín để chôn cụ và 3 người cháu của cụ (xác sinh viên Hải đã được em gái là sinh viên Ban Cán sự Điều dưỡng Nguyễn Thị Thái Hoà đưa về đây), tên Hoàng Phủ Ngọc Phan hành quyết nốt sinh viên Văn (Theo bài Mậu Thân Huế. Câu Chuyện Của Nguyễn Thị Thái Hoà. Wordpress.com).

3. Tội ác của Nguyễn Thị Đoàn Trinh

Nguyễn Thị Đoàn Trinh, con gái của Nguyễn Đoá, là sinh viên

Dược khoa Sài Gòn, về Huế ăn Tết. (Hiện nay, Đoàn Trinh là nữ đại gia tại Sài Gòn). Nguyễn Thị Đoàn Trinh được mô tả là “nhất hạng... nữ sát nhân, nữ sát thủ..., y thị cỡi xe Honda, vai mang AK, bất kỳ ai y thị chặn hỏi, nếu trả lời là lính, là cảnh sát hoặc là cán bộ chính quyền, không cần một câu trả lời thứ hai, y thị nổ súng bắn chết ngay” (Liên Thành. Sđd. Trang 114).

4. Tội ác của Nguyễn Đắc Xuân



Nguyễn Đắc Xuân

Xuân nổi bật lên trong Đoàn Học sinh, Sinh viên quyết tử với hàng ngàn đoàn viên hồi Phong trào Phật giáo Huế 1966. Sau đó, Xuân “nhảy núi” hay “lên xanh”, tức là thoát li vào mật khu theo Việt Cộng. Tết Mậu Thân 1968, Xuân trở về chỉ huy Lực lượng Học sinh, Sinh viên giải phóng Huế. Đồng thời Xuân cùng với Hoàng Phủ Ngọc Phan chỉ huy các Đoàn Thanh niên võ trang an ninh bảo vệ khu phố (các Đội Tự vệ Thành). Lực lượng này đã gieo tang tóc kinh hoàng cho dân Huế trong 3 tuần lễ Cộng quân tạm chiếm thành phố này. Xuân và Phan còn dự phần xét xử trong Tòa án nhân dân do Hoàng Phủ Ngọc Tường chủ tọa và chúng đã kết án tử hình 204 người dân Huế. Trong cuốn *Giải Khăn Sô Cho Huế*, tác giả Nhã Ca đã kể về tội ác giết bạn của Nguyễn Đắc Xuân như sau: “Nguyễn Đắc Xuân, một sinh viên Huế. Thập niên 60 trong phong trào thanh niên sinh viên bị Việt Cộng nắm vùng giết giây, Nguyễn Đắc Xuân làm thơ, tranh đấu, rồi bỏ vào khu theo Việt Cộng. Để rồi MÙA XUÂN 1968 theo Việt Cộng trở lại Huế có mặt trong những phiên tòa nhân dân, kêu án tử hình hàng loạt người dân Huế với tội “phản cách mạng”. Địch thân Xuân đào một cái hố, bắt một bạn học cũ có xích mích với Xuân từ trước, ra đứng bên hố, để xử tử... Cậu bạn của Nguyễn Đắc Xuân, tên Tý, dơ cái băng đồ dấu hiệu giải phóng quân lên cao, lạy van Nguyễn Đắc Xuân:

- Em lạy anh. Bây giờ em theo các anh rồi mà. Em có mang băng đồ rồi mà. Cách mạng muôn năm... Hồ Chủ Tịch muôn năm...

Nhưng mặc Tý năn nỉ, hoan hô, Nguyễn Đắc Xuân vẫn lạnh lùng nổ súng vào người bạn nhỏ của mình không chút đắn đo...”

Mấy năm trước đây, Nguyễn Đắc Xuân đã viết bài *Nguyễn Đắc Xuân Đọc Hồi Ký Nhã Ca* để phản bác mọi cáo buộc tội giết dân, giết bạn của y. Trong đó có đoạn như sau: “... bà đã biết rõ không có chuyện tôi giết người, không có chuyện tôi ngồi xử án ai vậy tại sao bà còn hạ bút viết trong hồi ký những điều ác nhơn đến như thế? Nếu bà sống với tôi cùng trong một nền pháp luật tôi sẽ đưa bà ra toà về tội vu khống” (Nguyễn Đắc Xuân đọc hồi ký Nhã Ca. lethieunhon.com).

Thế nhưng, từ Houston, tác giả Bằng Phong Đặng Văn Âu, xưa là bạn “ngồi cùng bàn, cùng lớp” của Nguyễn Đắc Xuân, đã gửi emails qua lại với Xuân. Hai bên trao đổi quan điểm lập trường thẳng thắn với nhau. Trong thư thứ 2 viết ngày 14-01-2011, tác giả Đặng Văn Âu nói với Nguyễn Đắc Xuân: “*Này Nguyễn Đắc Xuân,*

Lẽ ra mày phải tỏ ra ăn năn, hối hận về việc mày gây tang tóc cho đồng bào ở Huế để nghiệp chướng của mày vơi đi. Mày đã không làm, mày lại càng gây thêm nghiệp chướng. Mày muốn được người ta gọi là nhà sử học, nhà Huế học phải không? Cộng sản là một tuồng nói dối từ trên xuống dưới, ai dám nói thật thì bị bỏ tù. Mày có đủ cái dũng để viết SỰ THẬT không, mà đòi viết sử? ...

Nguyễn Đắc Xuân à! Tao không thèm chửi mày đâu! Mày là thứ Cộng sản tép riu. Mang tiếng giết bạn bè (Trần Mậu Tý) mà mày chỉ được Cộng sản thí cho cái chức hội viên Hội Văn Nghệ Sĩ Thừa Thiên thì danh giá gì?! Hãy sám hối đi! Đừng huyênh hoang cái giọng “chưa biết con ngựa nào tới đích”, nghe lố bịch lắm! Những “trí tuệ hàng đầu” còn chưa biết đàng trước hình thù cái đích ra sao. Cỡ mày mà đòi thách thức thì chú Ba Trương Tấn Sang lên làm Chủ tịch Nước cũng chẳng có gì lấy làm lạ!” (danchimviet.info).

5. Tội ác của bọn sinh viên, học sinh trong Lực lượng Học sinh, Sinh viên giải phóng Huế (Lực lượng HSSVGP Huế)

Trước khi tấn chiếm Huế vào dịp Tết Mậu Thân 1968, để chuẩn bị cho công tác tạm quản thành phố này, Cộng sản đã lập ra cái gọi là Lực lượng Liên minh Dân tộc Dân chủ Hoà bình. Đứng đầu là Gs. Lê Văn Hảo, Chủ tịch, kiêm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách

mạng Thành phố Huế; Thích Đôn Hậu, Phó Chủ tịch; Hoàng Phủ Ngọc Tường, Tổng Thư kí; Nguyễn Đắc Xuân, phụ trách Lực lượng HSSVGP Huế, kiêm trưởng *Đoàn Thanh niên võ trang an ninh bảo vệ khu phố*; Đào Thị Xuân Yến tức Bà Tuần Chi, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng Thành phố Huế. Ngoài ra còn có những thành viên cốt cán như: Tôn Thất Dương Tiềm, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đoá và con gái là Nguyễn Thị Doan Trinh...

Chính bọn học sinh viên, sinh viên trong Lực lượng HSSVGP Huế đã hết sức hung hăng trong việc chỉ điểm giúp Cộng quân lùng bắt và giết hại các bạn học của mình. Sau này, khi khai quật những mồ chôn tập thể, người ta đã tìm thấy nhiều nạn nhân là học sinh, sinh viên của Huế. Chẳng hạn như bọn chúng đã dắt bộ đội Cộng sản vào nhà thờ Phú Cam và nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, rồi gọi tên các sinh viên theo một danh sách và bắt họ mang đi biệt tăm. Lê Hữu Bôi, cựu Chủ tịch Tổng hội SVSG về Huế ăn Tết cũng bị giết trong dịp này. Trong bài *Mậu Thân Huế*, cựu Dân Biểu Nguyễn Lý Tường thuật lại như sau: “*Có hơn 300 người đã bị bắt trong đó có Lê Hữu Bôi, Lê Hữu Bá... hai người này từ Nam Giao chạy về Phú Cam hy vọng nơi đây không có VC. Họ đã trốn trong nhà thờ để tránh bom đạn. Những người Phú Cam bị bắt, bị giết tập thể tại khe Đá Mài thuộc vùng núi Đình Môn, Kim Ngọc quận Nam Hoà, Thừa Thiên. Xác chết nằm dưới khe, thịt thối rữa bị nước cuốn trôi đi, chỉ còn sọ và xương lẫn lộn. Tháng 10-1969, sau gần hai năm mới tìm được chỗ đó. Thân nhân đến nhận các dấu vết như thẻ căn cước bọc nhựa, quần áo, đồ dùng, tràng hạt, tượng ảnh. Trong số các di vật này có thẻ căn cước của Lê Hữu Bôi (Bôi là Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, năm 1963 nổi tiếng qua phong trào tranh đấu của Phật tử chống TT. Ngô Đình Diệm). Có những em học sinh bị bắt trong nhà thờ Phú Cam, cũng bị giết chết tập thể bằng đại liên, bằng mìn tại Khe Đá Mài như Bùi Kha (16 tuổi), Phan Minh (16 tuổi), Nguyễn Duyệt (17 tuổi), v.v....” (Nguyễn Lý Tường. *Mậu Thân Huế*. Những Hành Động Dã Man của Việt Cộng. toquocvietnam.org).*

II. TỘI ÁC CỦA SINH VIÊN VIỆT CỘNG TẠI SÀI GÒN

Như trên đã thấy, tại Huế, nơi mà hầu hết những tội ác giết thầy, giết bạn mà bọn sinh viên theo Việt Cộng đã phạm phải đều diễn ra công khai, trong thế mạnh của những kẻ đang tạm nắm được quyền hành (khoảng 3 tuần lễ).

Khác với Huế, tại Sài Gòn, bọn sinh viên, học sinh Việt Cộng cũng giết thầy giết bạn, nhưng giết riêng lẻ, theo từng trường hợp có tính toán và do lệnh của cấp chỉ huy từ mật khu và dĩ nhiên giết bằng cách ám sát vì chúng còn ở thế hoạt động bí mật.

Trước khi đề cập các vụ ám sát sinh viên và giáo sư tại Sài Gòn do Thành Đoàn Cộng sản chủ trương, xin mời độc giả xem một đoạn hồi tưởng của Bs. Ngô Thế Vinh, Tổng Thư kí nguyệt san Tình Thương của sinh viên Y khoa Đại học Sài Gòn (1964), viết tóm tắt về giai đoạn sôi động này: *“Cũng nên ghi lại một số sự kiện nay đã thuộc về lịch sử: chỉ riêng với trường Y Khoa, đã có hai giáo sư bị sát hại (GS. Trần Anh, Cơ Thế học và GS. Lê Minh Trí chuyên khoa Tai Mũi Họng), rồi đến sinh viên Y khoa II Trần Quốc Chương (con của Thẩm phán Trần Thúc Linh) có một giai đoạn vào bụng, sau trở về học lại thì bị trói tay bịt miệng ném từ lầu ba xuống đất ngay trong vòng thành trường Y Khoa trên đường Hồng Bàng, một cái chết rất thảm khốc. Sinh viên Luật Khoa Lê Khắc Sinh Nhật cũng bị bắn chết. Hai sinh viên khác bên Văn Khoa cũng bị nhóm Biệt Động Thành bắn trọng thương nhưng may mắn sống sót là Ngô Vương Toại, Bùi Hồng Sĩ, hai anh ấy hiện đang sống ở Mỹ.*

Rõ ràng có một cái giá phải trả của giới làm báo kể cả làm báo sinh viên trong suốt giai đoạn đó (nói tới sinh hoạt báo chí của Miền Nam 1954- 1975, không thể không nhắc tới sự hy sinh của các nhà báo như Từ Chung ký giả nhật báo Chính Luận 1965, một nạn nhân nổi tiếng khác bị ám sát nhưng thoát chết là nhà văn Chu Tử, chủ nhiệm nhật báo Sống 1966...” (Ngô Thế Vinh. Nguyệt san Tình Thương 1963 – 1967. Gửi Nghiêm Sỹ Tuấn và Các Bạn Nhóm Tình Thương. Diễn đàn Cựu Sinh viên Quân Y.

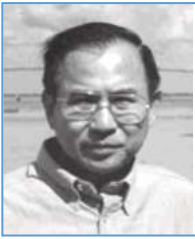
1. Tính mạng của sinh viên Lê Hữu Bôi và sinh viên Nguyễn Trọng Nho đã từng được đưa ra thảo luận trong mật khu của Cộng sản

Sinh viên Lê Hữu Bôi (Khoá 10 Quốc gia Hành chánh, Chủ tịch Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn) và sinh viên Nguyễn Trọng Nho (Nông Lâm Súc, Trưởng Ban Hành động của Tổng hội Sinh viên Sài Gòn) nắm Tổng hội SVSG từ 1963 tới 1965. Cặp bài trùng Bôi – Nho này xúi giục và cầm đầu nhiều cuộc biểu tình chống chính quyền suốt hơn hai năm liền. Mặc dù hai sinh viên này ngả theo khuynh hướng Phật giáo đấu tranh chống các chính quyền Quốc gia, nhưng họ không phải là Cộng sản. Do đó, họ trở thành chương ngại cho ý đồ nắm lấy quyền lãnh đạo sinh viên Sài Gòn của Thành Đoàn Cộng sản. Cũng vì vậy mà tính mạng của họ đã từng được đưa ra thảo luận trong mật khu của Cộng sản.

Trần Bạch Đằng kể lại: *“Chị Ba Võ - mang bầu sắp đẻ - nằng nặc đòi diệt các tên lính kín cầm đầu các tổ chức công khai như L.H.B (Lê Hữu Bôi), N.T.N. (Nguyễn Trọng Nho). Thuyết phục chị thật vất vả! Anh Chín Dũng (tức Võ Văn Kiệt) bảo tôi: Bà ‘bầu’ này dữ thiệt!”* (Trần Bạch Đằng. Trui Rèn Trong Lửa Đỏ. NXB Trẻ. Tái bản lần thứ nhất. Trang 14).

2. Sinh viên Ngô Thế Vinh và danh sách 17 sinh viên nằm trong sổ bia đen

Bs. Ngô Thế Vinh, khi còn là sinh viên sinh hoạt báo chí tại Y khoa Sài Gòn, cũng đã bị ghi vào “sổ bia đen”. Gs. Nguyễn Văn Trung kể lại: *“Tôi vẫn còn giữ một danh sách của đội quyết tử cảnh cáo một số sinh viên thuộc các phân khoa như Ngô Thế Vinh (Y Khoa)”* (Nguyễn Văn Trung. Đồi điều trao đổi với nhà văn Mai Kim Ngọc. Văn Học số 124, Hoa Kỳ. Trang 68). Sau khi ra trường, Bs. Ngô Thế Vinh phục vụ tại Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Hiện nay, ông điều trị và giảng dạy tại Nam California. Ông còn là tác giả cuốn *Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng* (Văn Nghệ, 2001) và khoảng 6 cuốn tiểu thuyết.



BS Ngô Thế Vinh

Trong lần tái bản cuốn *Nửa Thế Kỷ Việt Nam*, nhà văn Song Nhị đã bổ túc thêm một số sinh viên cũng nằm trong danh sách bị lên án tử hình: “Ngoài những sinh viên đã bị “thi hành án”, đã bị giết như SV. Lê Khắc Sinh Nhật; đã lãnh đạn như Ngô Vương Toại, Bùi Hồng Sĩ, Nguyễn Văn Tấn, một danh sách gồm 17 người bị Cộng sản lên án tử hình còn có: Phạm Quân Khanh, Phạm Phúc Hưng, Phạm Tài Tấn (Thư Sinh), Phạm Bằng Tường, Nguyễn Tường Quý, Khổng Trọng Hình, Nguyễn Văn Tấn (Cao Sơn), Hồng Nguyên Sĩ” (Song Nhị. *Nửa Thế Kỷ Việt Nam*. Cội Nguồn, ấn bản lần thứ hai, 2010. Tr. 98. Song Nhị ghi chú về tài liệu nêu trên: “Tài liệu bổ túc do các nhân chứng trong cuộc: Phạm Tài Tấn, Phạm Bằng Tường, Nguyễn Văn Tấn cung cấp trong một cuộc phỏng vấn có thu âm tại San Jose ngày 20-3-2010 cùng tham chiếu bài viết “Chạm Mặt Tử Thần”, Hoàng Xuân Sơn, Sài Gòn Nhỏ tuần báo số 961, 23-4-2010, tr A6-A7”).

3. Việt Cộng bắn sinh viên Ngô Vương Toại và Nguyễn Văn Tấn



Cựu sinh viên
Ngô Vương Toại

Để chuẩn bị cho mùa bầu cử Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa, một chương trình Nhạc Trịnh Công Sơn – Khánh Ly được tổ chức tại Văn khoa Sài Gòn vào đêm 20-12-1967. Giữa lúc tạm nghỉ, hai tên thuộc tổ vũ trang của Thành Đoàn Cộng sản nhảy lên cướp diễn đàn, tuyên bố kỉ niệm 7 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam (Mặt trận DTGPMNVN).

Sinh viên Ngô Vương Toại, trong ban tổ chức, vội giật lại micro, và lập tức anh bị bắn trọng thương vào bụng. Nhà thơ Hoàng Xuân Sơn thuật lại biến cố này như sau: “Giờ giải lao, xuất hiện một đôi nam nữ ăn bận khá lịch sự từ từ tiến lên diễn đàn. Nam: quần màu sậm, sơ mi trắng, tay thọc túi quần. Nữ: áo dài xanh lá mạ, đeo kính gọng xéch mắt mèo, tay ôm một chiếc cặp lớn, căng phồng. Ngô Vương Toại đang ở trên sân khấu nói qua về công việc bầu

bán Ban Đại Diện Sinh Viên văn khoa sắp tới.



Ngày 19-12-1967, báo Tự Do ở Sài Gòn loan tin sinh viên Ngô Vương Toại bị Việt Cộng bắn trọng thương (Hình: Dân Huỳnh/Người Việt)

Nam ngờ ý xin được góp lời. Nữ đứng sát bên kéo khoá mở cặp. Và rồi trò tới. Trò tới nguyên văn: “Xin tất cả anh chị em yên chí. Chúng tôi đã bố trí chung quanh cả rồi – Hôm nay, nhân ngày kỷ niệm 7 năm thành lập Mặt trận Giải phóng Miền Nam...” Cái gì mặt trận!? Nam nói chưa dứt câu, Toại phản ứng lẹ như chớp; nhanh tay giật lại micro: “Ấu nà, cầm mồm!”

Quát: “Đứng im!” Và đoànng đoànng, hai phát súng nổ liên tiếp. Tôi hoa mắt thấy thân hình Toại văng bật vào tường dưới bảng đen. Nhiều phát súng nổ liên tiếp sau đó. Nguyễn Văn Tấn tự Tấn Mốc cầm chiếc ghế nhào lên cứu bạn. Và rồi cũng ăn đạn vào chân té quy xuống bục sau đó” (Hoàng Xuân Sơn. Chạm Mặt Tử Thần. damau.org).



Cựu sinh viên Nguyễn Văn Tấn (“Tấn Mốc”, Cao Sơn)

Sinh viên Nguyễn Văn Tấn, tức Tấn Mốc (nay là nhà báo Cao Sơn, Chủ biên tuần báo Tin Viet News), trước khi xảy ra biến cố Ngô Vương Toại, đã từng lặn lưng 2 con chủy thủ, “một mình một ngựa”, liều mạng tới cứu bạn Trần Lam Giang đang bị bọn sinh viên Việt Cộng mưu toan xử tử bằng cách thuê bọn du đảng đóng đinh vào đầu vì phản đối chúng trong cuộc hội thảo chuẩn bị xuống đường chống chính phủ tại trường Dược. Trên vantholacviet, trong *Lời Giới Thiệu* bài *Chạm Mặt Tử Thần*, Chu Long Hoa kể về tác phong anh hùng của Tấn Mốc như sau: “Từ trụ sở Tổng Hội Sinh Viên Saigon ở số 4 Duy Tân, Tấn hay tin do Lê Thành Khôi tức Khôi què, cũng là Sinh Viên Văn Khoa báo, vội một mình lặn theo 2 lưỡi lê chạy đến hiện trường để cứu Trần Lam Giang. Trước một rừng du đảng do nhóm Sinh Viên thân Cộng thuê, Nguyễn Văn Tấn phải dùng dao đâm hai

tên du đảng phụ trách đóng đinh vào đầu anh Trần Lam Giang trên sân khấu để cảnh cáo những người khác trong hội trường rồi dìu Trần Lam Giang ra tận đường Cường Để dưới làn mưa đá do nhóm sinh viên thân Cộng ném vào hai người. Nhưng họ không dám xấp lại gần để tấn công vì Tấn từng tuyên bố ở trong Hội Trường là “chỉ muốn đưa Trần Lam Giang đi cấp cứu, còn ai muốn ngăn cản thì phải chấp nhận “mạng đổi mạng” (Chu Long Hoa. Lờ giới thiệu bài Chạm Mặt Tử Thần. vantholacviet).

4. Bắt sinh viên Bùi Hồng Sĩ



Bùi Hồng Sĩ
(Hình 2010)

Sinh viên Bùi Hồng Sĩ, Ban Triết Đông, là Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa Sài Gòn, cũng đã bị thanh toán ngay tại Đại học Văn khoa. Cũng trong tài liệu trên, nhà văn Song Nhị thuật lại: “Một biến cố khác, cũng năm 1967, nhóm Sinh viên Quốc Gia tổ chức một đại hội Thanh Niên, Sinh Viên Thế Giới Chống Cộng họp tại Vũng Tàu. Trong khi đang tham dự đại hội này, nhóm sinh viên Văn Khoa được báo tin văn phòng của Nhóm Sư Địa tại đại học Văn Khoa đã bị nhóm sinh viên VC vào chiếm giữ. Bùi Hồng Sĩ liền lên xe đò đi thẳng về đại học Văn Khoa. Sĩ vừa bước vào cửa văn phòng liền bị bắn một phát, đạn xuyên qua cổ, nhưng không chết.

Tại đại hội Thanh Niên, Sinh Viên Thế Giới Chống Cộng ở Vũng Tàu, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu khi lên đọc diễn văn không rõ do ai đưa tin, Tổng Thống lên án Cộng sản đã bắn chết SV Bùi Hồng Sĩ tại đại học Văn Khoa, Sài Gòn. Cả hội trường đứng dậy mặc niệm nạn nhân. Từ ngày đó Bùi Hồng Sĩ không bao giờ được đi ra ngoại quốc, vì Tổng thống đã “khai tử” anh SV này!” (Song Nhị. Sđd. Tr.98).

5. Cái chết đầy nghi vấn của sinh viên Y khoa Trần Quốc Chương

Trưa ngày 20-7-1967, sinh viên Y khoa Trần Quốc Chương rơi từ tầng lầu 3 xuống sân trường và chết ngay tại chỗ. Trần Quốc

Chương là con trai của Thẩm phán Trần Thúc Linh. Trần Thúc Linh là Tổng Thư kí Liên minh các Lực lượng Dân tộc Dân chủ và Hoà bình Việt Nam của Luật sư Trịnh Đình Thảo, là lực lượng do Cộng sản giật dây.

Chưa có tài liệu nào “trung lập” về nguyên do cái chết của sinh viên Trần Quốc Chương. Chỉ thấy một bài viết của Hoàng Phủ Ngọc Phan nhan đề “Vì sao sinh viên Trần Quốc Chương bị sát hại?” trong cuốn sách *Theo Nhịp Bước Lên Đàng* của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố HCM (NXB Trẻ, 2000. Trang 301). Trong đó, Hoàng Phủ Ngọc Phan thuật lại theo sự tiết lộ của Huỳnh Tấn Phát (Chủ tịch Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam thuộc Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam), thì sinh viên Trần Quốc Chương là “*cơ sở cách mạng thuộc cánh Trí vận*” và cái chết của Chương là “*thủ đoạn của CIA Mỹ, một mũi tên mà bắn hai con chim. Giết con đồng thời cảnh cáo cha*”.

Tác giả là một anh Cộng sản, viết bài theo lời kể của một anh Cộng sản khác, thử hỏi bài viết ấy có bao nhiêu giá trị? Do đó, có thể coi đây chỉ là một trong các giả thuyết về cái chết của sinh viên Trần Quốc Chương mà thôi.

Giả thuyết một: CIA giết Chương để dẫn mặt cha là Thẩm phán Trần Thúc Linh vì ông Linh đang làm công cụ cho Cộng sản. Giả thuyết này không vững, vì thiếu gì trí thức Miền Nam làm tay sai đắc lực cho Việt Cộng, vậy mà bản thân họ, chứ đừng nói tới con cái họ, đang khi hưởng bổng lộc Quốc gia mà vẫn thoả mái chống chính quyền Quốc gia! Vậy không lẽ CIA lại chỉ thanh toán con ông Trần Thúc Linh?

Giả thuyết hai: Việt Cộng thanh toán Trần Quốc Chương. Chương “có một giai đoạn vào bụng” (“bụng” là mật khu của Việt Cộng), nay về thành đi học lại. Việc bỏ bụng biên về thành của Chương có được sự chấp thuận của bung biên hay là một sự đào thoát? Nếu mà đào thoát, tức là phản bội. Hoặc giả, trong bung giao công tác hoạt động trong môi trường Đại học mà Chương không chấp hành. Như thế là bất tuân lệnh của “tổ chức”. Đó là những tội phải bị trừng trị để làm gương.

Giả thuyết ba: Có thể trong bụng biển ra lệnh giết Chương, và tìm cách đổ tội cho chính quyền Quốc gia, để Trần Thúc Linh không còn lựa chọn nào khác hơn là căm thù chính quyền Quốc gia và riu ríu nghe theo sự sai bảo của Cộng sản.

6. Giết sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật

Ngày 28-6-1971, Biệt động Thành Cộng sản bắn chết sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật ngay tại hành lang trường Luật Sài Gòn. Ban Ám sát thuộc Biệt động Thành Cộng sản cử 2 tên tới Đại học Luật số 17, Duy Tân. Chúng nhận là người nhà của Lê Khắc Sinh Nhật và muốn gặp anh có việc cần. Lúc đó, sắp tới mùa thi cuối niên học, Nhật đang hướng dẫn sinh viên năm thứ nhất về cách thi cử tại một giảng đường. Nghe báo có người nhà tìm, Nhật đi ra. Vừa tới hành lang trước phòng ban đại diện sinh viên, tên ám sát nhận diện đúng là Lê Khắc Sinh Nhật, hấn mau lẹ móc súng từ trong áo jacket ra bắn liền 3 phát trúng ngực Lê Khắc Sinh Nhật. Sau đó, hấn vội vàng phóng ra ngoài và nhảy lên xe, do một tên khác lái, đang nổ máy chờ sẵn. Viên cảnh sát đứng gác bên ngoài chỉ kịp bắn mấy phát súng chỉ thiên.

Vừa nghe tin Lê Khắc Sinh Nhật bị ám sát, nhạc sĩ Vũ Thành An đã sáng tác ngay một bài hát tưởng niệm, mở đầu như sau: *“Anh sinh ngày sinh của Chúa, Chúa gọi anh về giữa tuổi đôi mươi. Anh sinh ngày sinh của Trời...”*

Thành Đoàn CS giết Lê Khắc Sinh Nhật vì 2 lí do: Một là để răn đe các sinh viên thuần tuý có tinh thần Quốc gia; hai là để trả mối hận gây nên do liên danh Lê Khắc Sinh Nhật đã thắng liên danh Việt Cộng Trịnh Đình Ban (Bảy Điểm) trong cuộc bầu cử Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa niên khoá 70-71; đồng thời, Nhật còn đứng phò nội vụ trong liên danh Lý Bửu Lâm (Kiến trúc) thắng cử trong cuộc bầu Ban Chấp hành Tổng hội SVSG, giành lại Tổng hội SVSG từ tay Thành Đoàn Cộng sản. Cuộc bầu cử này tổ chức tại Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (Nông Lâm Súc) vào ngày 20-6-1971. Sau khi biết kết quả kiểm phiếu nghiêng về liên danh Lý Bửu Lâm, bọn sinh viên Việt Cộng dờ ngay bản tính côn đồ, chúng nhảy lên bục đá thùng phiếu hồng huỷ bỏ kết quả bầu

cử và ầu đã hỗn loạn.

Bị thất bại trong cuộc bầu cử Tổng Hội SVSG, Thành Đoàn Cộng sản hết sức cay cú. Họ đưa ra 2 quyết định: Một là sát hại Lê Khắc Sinh Nhật; hai là chỉ thị Huỳnh Tấn Mẫm tập hợp một số sinh viên tại trụ sở Tổng vụ Thanh niên Phật Tử, số 294, đường Công Lý vào ngày 28-7-1971 để bầu ra một tổ chức ma, chưa bao giờ có. Đó là “Tổng hội Sinh viên Việt Nam” do Huỳnh Tấn Mẫm làm Chủ tịch và Nguyễn Thị Yến làm Tổng Thư kí.



Sinh viên Luật khoa Sài Gòn lên án Thành Đoàn Cộng sản sát hại sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật, Chủ tịch BDD Sinh viên Luật khoa Sài Gòn

Quyết định hạ sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật là một quyết định tàn ác, đê tiện của Thành Đoàn Cộng sản. Vì thế, sau ngày 30-4-1975, mặc dù Việt Cộng tung ra nhiều tài liệu và sách báo khoe khoang thành tích đấu tranh của các tổ chức Thành Đoàn, nhưng họ không hề dám công khai nhắc tới “thành tích” ám sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật.

7. Giết Gs. Nguyễn Văn Bông

Ngày 10-11-1971, sinh viên Việt Cộng Vũ Quang Hùng (bí danh Ba Điệp, năm 3 Khoa học) và tên Lê Văn Châu dùng mìn DH và lựu đạn ám sát chết Gs. Nguyễn Văn Bông, Viện trưởng Học



Giáo sư
Nguyễn Văn Bông

viện Quốc gia Hành chánh, tại ngã tư Cao Thắng – Phan Thanh Giản. Hai tên Hùng và Châu thuộc Đội Trinh sát Võ trang / Ban An ninh T4, mang bí số S1 hoạt động nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn. Hùng và Châu đều bị bắt, ra toà và thụ án tại Côn Đảo. Sau 30-4-1975, tên sát nhân Hùng đã viết bài

“Tôi ám sát người sắp làm thủ tướng Sài Gòn”, hãnh diện kể về thành tích ám sát của mình và

đăng trên một số tờ báo; trong đó, có báo *Đứng Dậy* (Đổi Diện, Đồng Dao) của Lm. Chân Tín. Tác giả Khánh Dung viết: “‘Chiến công’ của Vũ Quang Hùng đã được chính ông ta kể lại trong một

bài đăng trên tạp chí *Đứng Dậy* của Linh Mục Chân Tín năm 1976. Đến tháng 4/2000, trong dịp kỷ niệm 25 năm ngày chiến thắng 30 tháng 4, nhà báo chuyên về các đề tài tình báo Nam Thi của báo *Thanh Niên* cũng kể lại chuyện này, trong đó có ghi rõ vai trò trợ giúp đắc lực của Nguyễn Hữu Thái” (Khánh Dung. Những người giết Gs. Nguyễn Văn Bông bây giờ ở đâu? vantuyen.net).



Xe chở Gs Nguyễn Văn Bông bị hư hại sau khi trúng chất nổ của bốn khủng bố VC ngày 10-11-1971 (Reuters)

Cũng trong bài báo của mình, tên Hùng đã giải thích lí do ám sát Gs. Nguyễn Văn Bông như sau:

“Tôi nhớ dặn dò của đồng chí Tám Nam - Phó ban An ninh T4 (tức khu vực Sài Gòn - Gia Định): Để bảo đảm bí mật, chúng ta sẽ đặt cho mục tiêu bí số G.33. Cần giữ bí mật đến phút chót và theo tin tức tình báo, G.33 đang chuẩn bị lên nắm ghế thủ tướng. Nếu G.33 đã nắm chức, sẽ rất khó hành động vì khi ấy việc bảo vệ ông ta sẽ khác hẳn. Và nếu tình huống này xảy ra, cách mạng có thể gặp khó khăn hơn bởi Nguyễn Văn Bông là một trí thức có uy tín và chính quyền nguy chuyển từ quân sự sang dân sự mọi diễn tiến sẽ



Vũ Quang Hùng

có lợi cho địch”.

Sau 30-4-1975, Hùng nắm chức Phó Tổng Biên tập báo Công an Thành phố HCM, Tổng Biên tập tạp chí *Người Du Lịch* và cộng tác với báo *Pháp Luật Thành phố HCM*.

8. Giết Gs. Lê Minh Trí và Gs. Trần Anh

Ngày 06-01-1969, lúc 7:50 sáng, 2 tên thuộc Ban Quân sự Thành Đoàn Cộng sản liệng lựu đạn M6 vào xe của Bs. Lê Minh Trí, bộ trưởng Bộ Giáo dục và Thanh niên và đã giết chết ông tại khúc đường Nguyễn Du rẽ sang Hai Bà Trưng.

Sau đó 2 tháng, ngày 04-3-1969, đến lượt Bs. Trần Anh, Giám đốc Viện Cơ thể học Sài Gòn kiêm tân Viện trưởng Viện Đại học Sài Gòn (thay Viện trưởng Trần Quang Đệ bị cách chức vì đào nhiệm) cũng bị bọn Biệt động Thành Cộng sản đi xe gắn máy bám sát và bắn chết ông ngay trước cổng trường Chu Văn An, trên đường ông thường đi bộ từ Đại học Y khoa về nhà, sát bên Đại học xá Minh Mạng và ngang hông nhà thờ Ngã Sáu, Chợ Lớn. Trước đó, Gs. Trần Anh đã nhận được thư hăm dọa của Biệt đội cảm tử Việt Cộng.



BS Lê Minh Trí, bộ trưởng Giáo Dục, đang nằm trên mặt đường và vệ sĩ của ông bị thương đang ngồi trên lề đường sau khi xe chở ông bị VC đánh bằng lựu đạn M6 ngày 6-01-1969 (Reuters)

Về cái chết của Gs. Lê Minh Trí thì sau 30-4-1975, Thành Đoàn Cộng sản ra sách xác nhận và kể lại “thành tích” vụ ám sát ông như sau: “*Đến năm 1968 lại xuất hiện một tên tay sai có tâm cỡ hơn: Bộ trưởng giáo dục và thanh niên L.M.T. (Bác sĩ Lê Minh Trí, giáo sư chuyên khoa Tai Mũi Họng). Là một trí thức tay sai để quốc Mỹ, T. có nhiều bản lĩnh trong việc*

đem văn hoá truy lạc, ngoại lai đầu độc thanh niên thành phố. Hắn đòi giải tán các tổ chức hợp pháp của sinh viên, học sinh. Hắn cũng đã chủ trương chiếm và tiến tới dẹp bỏ trụ sở Tổng hội Sinh

viên ở số 4 Duy Tân. Trùng trị kịp thời con rắn độc này là một nhiệm vụ chính nghĩa, quang vinh. Ban quân sự Thành đoàn được Thành uỷ giao cho nhiệm vụ vinh quang ấy. Đồng chí Ba Tung, phó ban, đội trưởng đội ba trực tiếp đánh...” (Hàng Chức Nguyên. Những Tiếng Nổ Trong Lòng Sài Gòn. Trui Rèn Trong Lửa Đỏ. NXB Trẻ. Tái bản lần thứ nhất. Trang 160).

III. VÀI NHẬN XÉT

Chiến tranh để lại những vết thương mà thời gian không thể xoá mờ và những mất mát không bao giờ có thể bù đắp. Những vụ sinh viên Việt Cộng giết thầy giết bạn xảy ra đã trên 40 năm.

Đã hơn 40 năm mà tôi vẫn còn nhớ như in cặp mắt lộ hung tinh của sinh viên Việt Cộng Nguyễn Thị Yến, vẫn còn nhớ thị gọi Bùi Hồng Sỹ là “con dê núi”... Và hình ảnh sinh viên Ngô Vương Toại vui vẻ, hoạt bát vào các giảng đường vận động bầu cử vẫn còn sinh động như mới hôm qua! Rồi quang cảnh hỗn loạn tại Giảng Đường 4 Văn Khoa đêm hôm xảy ra vụ Tổ Vũ trang Tuyên truyền Việt Cộng cướp diễn đàn và bắn sinh viên Ngô Vương Toại và sinh viên Nguyễn Văn Tấn...

Đã hơn 40 năm, bà Lê Thị Thu Vân (bà Jackie Bông), phu nhân của cố Gs. Nguyễn Văn Bông, chắc chưa quên nỗi biền cố bị thương bồng ập xuống cuộc đời bà và các con nhỏ dại của bà năm xưa. Thế nhưng, bà đã lấy tâm Phật mà “cầu nguyện cho ông ấy (tức tên Hùng, kẻ đã giết chồng bà)” và mong nhà cầm quyền Hà Nội “mở mắt ra”, “mở tấm lòng ra” (Kí giả Mạc Lâm, RFA, phỏng vấn bà Lê Thị Thu Vân. Viettop10.com ngày 05-05-2011).

Đang khi đó, sau 30-4-1975, với tư thế của kẻ thắng trận, Thành Đoàn Cộng sản ra sách, vẫn hãnh diện khoe khoang những tội ác giết người của chúng. Đến bây giờ mà chúng vẫn còn ghép tội chết cho Bộ trưởng Giáo dục Lê Minh Trí (bác sĩ, giáo sư) là “tay sai đế quốc Mỹ”, “đem văn hoá truy lạc, ngoại lai đầu độc thanh niên thành phố” và “Trùng trị con rắn độc này là một nhiệm vụ chính nghĩa, quang vinh”! Với lối kết án và hành xử như thế, trước những quốc nạn tày trời mà bọn lãnh đạo Cộng sản Hà Nội gây ra cho đất nước, cho đồng bào ngày nay, thì chúng phải bị

trùng trị như thế nào cho công bình, cho cân xứng?

Riêng tên sinh viên Vũ Quang Hùng là can phạm chủ chốt đã sát hại Giáo sư Nguyễn Văn Bông, đến nay vẫn không chút ân hận. Tên Hùng đã giết người mà không chịu rửa sạch bàn tay vấy máu. Giữa thời đại khắp thế giới lên án khủng bố mà tên Hùng vẫn nhiều lần đưa bài *Tôi Ám Sát Người Sắp Làm Thủ Tướng Sài Gòn* lên một số tờ báo trong nước. Coi như hắn muốn tiếp tục giết chết nạn nhân của hắn nhiều lần nữa cho thoả thú tính. Không biết ngày nay có ai đọc bài viết của Vũ Quang Hùng mà còn khen y là “anh hùng” hay không, nhưng đã có những bài viết, những phản hồi, cả ở trong nước lẫn ở ngoài nước, phê phán bài viết của tên Hùng là “phản cảm”, là “khó nuốt... distasteful” (Ts. Nguyễn Văn Tuấn. Ám sát Gs. Nguyễn Văn Bông: Chuyện cũ, Ý nghĩa mới. ngoclinhvugia.wordpress.com).

Cuộc chiến Quốc - Cộng dù giải thích nguyên nhân ra sao, thực tế vẫn là một thảm họa nòi da xáo thịt của người Việt Nam.

Nhìn ngắm cuộc nội chiến Nam Bắc Mĩ (1861-1865) và cuộc giải thể chế độ Cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô (1989-1991) được giải quyết tốt đẹp trong tình dân tộc, có người Việt Nam yêu nước nào không tiếc xót cho vận nước? Thật vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã gây nên biết bao đau thương, mất mát trên quê hương đất nước trong suốt 80 năm qua và hệ lụy có thể sẽ còn kéo dài thêm nữa. Đảng Cộng sản Việt Nam đã dùng bạo lực và xúi giục hận thù để cướp chính quyền; cướp được chính quyền rồi, họ tiếp tục dùng bạo lực và kích động căm thù để củng cố quyền lực. Đảng Cộng sản Việt Nam dứt khoát không thực tình hoà giải dân tộc.

Cộng sản Hà Nội còn nắm được quyền cho tới nay, không phải vì họ có chính nghĩa, có công hoặc là có tài làm cho dân giàu nước mạnh mà chính là vì họ là bậc thầy về nói dối và sẵn sàng dùng bạo lực. Thật đúng như câu nói: *“Cộng sản sinh ra từ đói nghèo và ngu dốt, lớn lên bằng dối trá và bạo lực, chết đi trong sự khinh bỉ và nguyền rủa của toàn thể nhân loại”*.

Tháng 01-2012



Đại học Khoa học Sài Gòn trước 1975



Đoàn sinh viên Khoa học SG đi thăm trường Tiểu học Song Phú, quận Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1972, Việt Cộng đã phá kích bờ bãi vào trường này, giết chết nhiều học sinh thơ dại

Bài 7 - NGUYỄN ĐĂNG TRÙNG VÀ LÊ HIẾU ĐĂNG

I. NHÂN ĐỌC BÀI “GẶP LẠI BẠN CŨ”

Mới đây, bài *Gặp Lại Bạn Cũ* của tác giả Đỗ Thái Nhiên được phổ biến rộng rãi trên một số trang mạng.

Ngày đầu bài, tác giả nói ông có nhiều bạn. Trong số đó, có hai người bạn đặc biệt là Nguyễn Đăng Trùng và Lê Hiếu Đăng vì cùng là người có chung trời Quảng Nam, tâm tình Quảng Nam, chung mái trường Phan Chu Trinh, Đà Nẵng, chung Đại học Luật khoa Sài Gòn. Nhưng đáng buồn cho tác giả vì ông và hai ông bạn Trùng, Đăng đã phải li biệt nhau tới 3 lần rồi. Lần thứ nhất là hồi 1967, 1968, sau khi đấu Cử nhân Luật, tác giả làm việc trong hệ thống toà án VNCH còn Trùng và Đăng ra khu theo Cộng sản. Lần thứ hai là khi biến cố 30-4-1975 xảy ra, Trùng và Đăng từ khu về để “bước lên sân khấu chính trị Việt Nam”, còn tác giả lại bị bắt bỏ tù vì tội “âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng”. Lần thứ ba tác giả phải xa bạn là vào năm 1985 khi ông vượt biên và tới Mỹ vào năm 1986.

Mặc dù đã 3 lần li biệt, nhưng tác giả xác định: *“Biệt ly ba lần hay biệt ly nhiều lần hơn nữa, tôi vẫn không bao giờ quên các bạn Quảng Nam của tôi...bao giờ cũng ấp ủ trong lòng một mơ ước. Ước mơ mai một nọ, Quảng-Nam-Trùng và Quảng-Nam-Đăng sẽ làm điều gì đó khiến cho khí phách Quảng Nam bùng bùng sống dậy”* Theo tác giả: *“Giờ đây mơ ước kia đã thành hiện thực”*.

Hai ông Trùng và Đăng đã làm gì mà khiến cho tác giả cảm thấy sung sướng và công khai lên tiếng nhận bạn bè như vậy?

Về ông Nguyễn Đăng Trùng: Theo tác giả Đỗ Thái Nhiên, trong phiên họp Quốc hội CSVN ngày 02-10-2010, Nguyễn Đăng Trùng, đã “bùng bùng khí phách Quảng Nam” khi ông ta “đồng dục” lên án cách chi tiêu bừa bãi và không hiệu quả trong các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước. Ông Trùng nêu ra việc làm ăn thua lỗ cực kì lớn của Vinashin làm điển hình và gán “trách

nhệm đó thuộc về chính phủ, thuộc về thủ tướng”.

Về ông Lê Hiếu Đằng: Tác giả Đỗ Thái Nhiên trưng ra 2 thành tích của ông Đằng:

Ngày 11-11-2010, ông Đằng đã gửi cho boxitvn.net bài viết nhan đề “*Kiến nghị dừng khai thác bauxit do các nhà trí thức khởi xướng phải được công bố cho toàn dân và Quốc hội*”.

Ngày 15-11-2010, Lê Hiếu Đằng lại gửi cho boxitvn.net bài viết nhan đề: “*Dân chủ là giải pháp cho các vấn đề của đất nước*”.

Việc tác giả Đỗ Thái Nhiên nhận bạn bè, đề cao bạn bè và hãnh diện về Quảng Nam địa linh nhận kiệt là quyền của ông.

Và lại, nếu đọc hết bài *Gặp Lại Bạn Cũ*, độc giả sẽ hiểu thêm thiện chí của tác giả, đồng thời hiểu cái ý nghĩa hết sức nghịch thường của tình bạn ở đây. Tác giả viết: “*Và ba chúng tôi đã gặp lại nhau. Gặp lại ở đây không có nghĩa là Trùng và Đằng theo tôi hay ngược lại. Gặp lại ở đây chỉ có nghĩa là: Trong hiện tình đất nước, người Việt Nam không có chọn lựa nào khác hơn là hãy cùng nhau đi chung một con đường. Con đường khi phách làm người Việt Nam. Con đường của tự do dân chủ*”. Nghĩa là tác giả làm một chọn lựa thực tế, tuy xác nhận ông và hai người bạn học cũ vẫn còn khác chính kiến, nhưng vì quyền lợi của đất nước, tác giả sẵn sàng đi “chung đường”. Tác giả tin là hai người bạn cũ, tuy là Cộng sản, nhưng đang tranh đấu chống tham ô, tặc trách, tranh đấu cho tự do dân chủ?

Thiền nghĩ, tự do, dân chủ là điều kiện cần hẵn để có chính quyền xứng đáng lãnh đạo đất nước, phục hồi đạo đức dân tộc, chấn hưng văn hoá giáo dục, làm cho dân giàu nước mạnh, đoàn kết toàn dân bảo vệ bờ cõi giang sơn. Trong hiện tình nguy nan của đất nước, bất cứ tiếng nói hoặc hành động nào thật lòng tranh đấu cho tự do, dân chủ và sự toàn vẹn lãnh thổ đều đáng được cổ vũ.

Tin tức cho biết, có một số rất ít đảng viên Cộng sản còn đang làm việc, hoặc đã về hưu, hoặc vừa ra khỏi chính quyền, đã lên tiếng tố cáo giới cầm quyền vô tài bất đức, đòi hỏi dân chủ hoặc chống giặc Tàu. Cứ tạm coi Nguyễn Đăng Trùng và Lê Hiếu Đằng cũng nằm trong số đảng viên này. Thế nhưng với nhiều kinh nghiệm đau thương, những tiếng nói đòi dân chủ hoặc chống giặc

phương Bắc hiểm hoi của các đảng viên Cộng sản này vẫn bị người Quốc gia ghi nhận một cách hết sức dè dặt.

Nguyễn Đăng Trưng và Lê Hiếu Đăng là hai sinh viên Việt Cộng hoạt động tích cực trong Mặt Trận Đại Học thời chiến tranh Quốc Cộng và là hai cán bộ Cộng sản có chức tước địa vị tại Thành phố Sài Gòn (HCM) sau ngày Cộng sản Bắc Việt chiếm được Miền Nam. Nay ông Đỗ Thái Nhiên, một người Quốc gia, công khai hãnh diện nhận bạn bè với Trưng và Đăng. Đây là chuyện hi hữu ở hải ngoại. Thử hỏi, có đáng phải làm như vậy hay không?

II. LÊ HIẾU ĐĂNG



Lê Hiếu Đăng

Nhận thấy Lê Hiếu Đăng trước đây chỉ nắm chức Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Tp. HCM và nay nắm chức phó một hội đồng tùy phụ của Mặt trận Tổ quốc VN. Thời gian gần đây, ông chống giặc Tàu công khai. Ở hải ngoại, ông được đồng môn Đỗ Thái Nhiên đề cao qua bài *Gặp Lại Bạn Cũ*; ở trong nước, ông cũng được Gs. Hà Sĩ Phu ca ngợi với bài viết *Cảm Ơn Ông Lê Hiếu Đăng* (viết ngày 11-11-2010. thongluan.com). Gs. Hà Sĩ Phu là tác giả của những bài luận thuyết nổi tiếng *Dắt Tay Nhau, Đi Dưới Tám Biển Chỉ Đường Của Trí Tuệ*, 1988 và *Chia Tay Ý Thức Hệ*, 1995...

Mới đây nhất, ngày 27-7-2011, người ta thấy Lê Hiếu Đăng và Huỳnh Tấn Mẫm cùng một số nhân sĩ trí thức tới Câu lạc bộ Phaolô Nguyễn Văn Bình, số 43 Nguyễn Thông (trước 1975, nơi đây là Cư xá Phục Hưng của các linh mục Dòng Đa Minh, chi Lyon) để tham dự “Lễ tưởng niệm đồng bào, chiến sĩ hi sinh trong chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, Tây Nam, Hoàng Sa và Trường Sa”. Khi trả lời phỏng vấn của báo chí, ông Đăng có nhắc tới 74 chiến sĩ Hải quân QLVNCH đã hi sinh bảo vệ Hoàng Sa trong trận đánh với Hải quân Trung Cộng ngày 19-01-1974 (con số 74 chiến sĩ hi sinh là con số trong bài *Tưởng Niệm Chiến Sĩ Hoàng Sa 19-01-1974* đăng trên danchimviet.info). Trong hội trường Câu lạc bộ Phaolô Nguyễn Văn Bình người ta thấy những người tham dự cảm

hiều tâm biển ghi nội dung rất “chiến đấu”, như: “Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam”, “Yêu cầu nhà cầm quyền không đàn áp biểu tình yêu nước của nhân dân”, “Ủng hộ Kiến nghị 10-7-2011 của nhân sĩ, trí thức gọi Quốc hội & Bộ Chính trị”...

Có thật ông Lê Hiếu Đằng đang đi theo tiếng gọi của Tổ quốc không hay ông lại đang được lệnh đóng một vở kịch của Đảng CSVN để mị dân, để đánh lừa dư luận, để cứu đảng? Tại sao ông “được” chống Tàu Cộng xâm lược, đang khi các nhà tranh đấu cho dân chủ cũng muốn chống thì bị canh gác nghiêm ngặt, không cho ra khỏi nhà; còn thanh niên, sinh viên, học sinh đi biểu tình thì bị đàn áp thẳng tay, thậm chí có người bị đập thẳng vào mặt? Hay là tại vì đảng sợ diễn biến “Cách Mạng Hoa Lài”?

Thực hư ra sao, có lẽ còn phải quan sát thêm nữa. Do đó, về ông Lê Hiếu Đằng, xin “hạ hồi phân giải”.

III. NGUYỄN ĐĂNG TRÙNG

1. Nguyễn Đăng Trùng là ai?



Nguyễn Đăng Trùng

Về Nguyễn Đăng Trùng, từ khi theo Đảng, ông ta luôn nắm được những vị trí then chốt, đây quyền lực; chúng tỏ ông ta là một đảng viên trung kiên, được “trên” đánh giá cao. Nay nhân có người bạn học cũ đề cao ông, thiện nghĩ, nên nói đầy đủ hơn về ông, để độc giả rộng đường dư luận.

Hiện nay, Nguyễn Đăng Trùng hành nghề luật sư tại Sài Gòn, đồng thời nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Đảng và nhà nước CSVN: Đại biểu Quốc hội CS, chủ nhiệm Đoàn Luật sư Tp. HCM, nhưng quan trọng nhất là chức vụ Bí thư Đảng Đoàn Đoàn Luật sư Tp. HCM.

Thời đi học: Trùng là người Quảng Nam, sinh 1942. Học trường công lập Phan Châu Trinh, Đà Nẵng, rồi vào học Luật khoa Đại học Sài Gòn. Năm 1965, Trùng bị lao phổi, phải vào bệnh viện bài lao Hồng Bàng (nay là bệnh viện Phạm Ngọc Thạch), khu dành riêng cho sinh viên. Nghĩa là thời sinh viên học sinh, Trùng được

VNCH đào tạo nhiều năm và được chữa bệnh miễn phí. Công lao đào tạo và chữa bệnh cho Trùng của VNCH coi như là nuôi ong tay áo. Khi đủ nanh vuốt, Trùng sẽ cắn vào cổ VNCH.

Thật vậy, ngay từ những năm 1967, 1968, Trùng đã tham gia tích cực vào phong trào sinh viên thân Cộng chống chính quyền VNCH. Vì có thành tích cho nên Trùng được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cách mạng Việt Nam và được chỉ định ra tranh cử chức Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa 1967-1968, rồi Chủ tịch Ban Chấp hành Tổng hội Sinh viên Sài Gòn niên khoá 1967-1968, kiêm Chủ nhiệm báo *Sinh Viên* của nhóm sinh viên thân Cộng. Năm 1968, sau khi quân dân VNCH đánh bại cuộc Tổng Công kích và Nổi dậy do Cộng sản Hà Nội phát động vào dịp Tết Mậu Thân ít lâu, Trùng thoát li ra “khu”.

Khoảng thời gian từ 1968 tới 1969: Trùng được cử làm uỷ viên Liên minh các Lực lượng Dân tộc Dân chủ và Hoà bình Việt Nam khu Sài Gòn – Gia Định, rồi uỷ viên Chủ tịch Đoàn Đại hội Đại biểu Quốc dân Cộng hoà Miền Nam Việt Nam để bầu ra cái gọi là Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam. Cả hai đều là những tổ chức của CSVN trá hình để đánh lừa dư luận trong và ngoài nước.

Khoảng thời gian từ 1969 tới 1972: Trùng được điều về Ban Thanh vận Trung ương Cục Miền Nam và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 12-4-1971.

Khoảng thời gian từ 1972 tới 1975: Trùng là cán bộ Ban An ninh T 4 trực thuộc Đặc khu Sài Gòn – Gia Định.

2. Sau 30-4-1975

Khi Cộng sản Hà Nội chiếm trọn Miền Nam, từ mật khu trở về, Nguyễn Đăng Trùng được giao cho làm Phó Phòng Bảo vệ Chính trị 3 thuộc Công an Thành phố (tiền thân của nó là Ban An ninh T 4 khi còn ở ngoài mật khu).

Khoảng thời gian từ 1982 tới 1989: Nguyễn Đăng Trùng là bí thư chi bộ Sở Tư pháp Tp. HCM.

Khoảng thời gian từ 1989 tới 1995: Trùng là Phó Chủ nhiệm thường trực Đoàn Luật sư Tp. HCM. (Ngành luật sư tại nước ta có

từ năm 1867. Khi Cộng sản chiếm được Miền Nam, ngành luật sư bị bãi bỏ và chỉ cho tái lập ngành này vào năm 1989).

Khoảng thời gian từ 1995 cho tới nay: Nguyễn Đăng Trùng là chủ nhiệm kiêm bí thư Đảng Đoàn Luật sư Tp. HCM. Hiện nay Đoàn có 4.230 thành viên, 2.881 luật sư và 1.349 luật sư tập sự.

Về huân chương, Nguyễn Đăng Trùng đã được tặng thưởng Huân chương Quyết thắng hạng 1 và Huân chương Kháng chiến hạng 3.

Trùng đã từng là đại biểu Quốc hội Cộng sản; hiện là đại biểu Quốc hội khoá 13.

3. Một số ghi nhận khác

Ghi nhận một

Hồi còn trong tù cải tạo, lúc bên ngoài sắp tổ chức bầu cử Quốc hội CS, tôi tình cờ thấy trên báo một bài viết kí tên Nguyễn Đăng Trùng. Vì tôi và Trùng đã từng biết nhau cho nên tôi đọc một hơi. Thời gian quá lâu, tôi không còn nhớ hết nội dung bài viết, nhưng tôi không bao giờ quên cái đỉnh của bài viết, đó là Trùng khẳng định chỉ có chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mới có sự bầu cử tự do thực sự, tự cổ chí kim chưa có chế độ nào được như thế. Điều Trùng khẳng định quá trơ trẽn, trơ trẽn đến độ khôi hài. Mặc dù ngày xưa Trùng lo tranh đấu hơn là lo học, nhưng chắc chắn anh ta không thể nào quên được lí thuyết phân quyền danh tiếng của Montesquieu được dùng làm nền tảng hiến pháp của các nước văn minh tiên bộ trên thế giới. Tại các nước Cộng sản, tuy độc tài, toàn trị, nhưng vẫn phải đóng kịch trình diễn một bộ mặt chính quyền dựa trên tam quyền phân lập. Kì thực, tất cả quyền hành đều tập trung trong tay Đảng Cộng sản, thực tế là trong tay một số các uỷ viên trong Bộ Chính trị. Cho nên, đối với một đảng viên trung kiên như Trùng, tính hồng vẫn hơn chuyên, nghĩa là luật là thứ yếu, Đảng trên hết. Khi Đảng trên luật pháp, thì cái gọi là luật chỉ là luật rừng. Làm sao có tự do bầu cử, khi dân chỉ được bầu cho những người do Đảng cử?

Ghi nhận hai

Vào khoảng 1989, sau khi mới ra khỏi tù Cộng sản ít lâu, trong bữa tiệc mừng tân gia của người bà con, tôi gặp lại một anh bạn cùng trường, cùng nghề nghiệp, cùng đi cải tạo dài hạn. Anh bạn kể, anh mới tới văn phòng của bạn học cũ là Nguyễn Đăng Trùng. Trùng bảo anh: “Về lo làm ăn chân chính. Đừng chống. Chống không nổi đâu!”

Nghe xong, tự nhiên tôi nghĩ đến câu chuyện Sào Phủ - Hứa Do trong sách giáo khoa thuở xưa. Hứa Do được tiếng là người hiền, vua Nghiêu vời vào để truyền ngôi. Hứa Do từ chối, cười mà về, rồi ra suối rửa tai. Khi đó, Sào Phủ dắt trâu ra suối uống nước, thấy Hứa Do rửa tai, bèn hỏi tại sao. Hứa Do trả lời: “Ông Nghiêu gọi tôi vào, bảo tôi làm vua”. Nghe xong, Sào Phủ dắt trâu lên dòng nước phía trên cho uống nước. Hứa Do hỏi tại sao, Sào Phủ bảo: “Anh rửa tai anh xuống đó, tôi sợ trâu tôi uống phải nước dơ”. Sào Phủ nói tiếp: “Anh đi đâu cho người ta biết mà muốn truyền ngôi cho anh, ấy là tại bụng anh vẫn còn danh lợi”. Nhà văn hoá Huỳnh Tịnh Của phê: “Nghe mà rửa, chi bằng giữ vẹn đừng nghe”.

Cả câu chuyện của hai bậc hiền nhân không ăn nhập gì với câu chuyện của anh bạn tôi, ngoại trừ câu phê bình của nhà văn hoá Huỳnh Tịnh Của. Có lẽ anh bạn tôi tưởng bạn bè là bạn bè, chính trị là chính trị. Tiếc là người Cộng sản lại đặt Đảng lên trên tất cả.

Ghi nhận ba: Ls. Nguyễn Đăng Trùng và việc thành lập Hội đồng lâm thời Luật sư toàn quốc

Hồi 2008, nhằm khống chế các đoàn luật sư trong cả nước, Đảng CSVN đã ra lệnh cho Bộ Tư pháp CSVN chuẩn bị thành lập Liên đoàn Luật sư toàn quốc, khởi đầu bằng lập ra Hội đồng lâm thời Luật sư toàn quốc. Bộ Tư Pháp CSVN đã cử ra một người không xuất thân luật sư là cựu Thẩm phán Lê Thúc Anh làm chủ tịch.

Thấy vậy, ngày 11-6-2008, lấy cớ đây là một hội nghề nghiệp của giới luật sư, không phải là cơ quan nhà nước, Ls. Nguyễn Đăng Trùng, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Tp. HCM, đã gửi thư lên Bộ trưởng Bộ Tư pháp xin rút tên ra khỏi Hội đồng lâm thời, nguyên văn mở đầu như sau: “*Kính gửi: Đồng chí Hà Hùng Cường, Bộ Trưởng Tư pháp, Trưởng Ban Chỉ đạo Đại hội Đại Biểu Luật sư*

toàn quốc lần thứ nhất. Trích yếu: V/V thông báo rút tên ra khỏi Hội đồng Lâm thời Luật sư toàn quốc” (hcmbar.org). Xin đọc giả lưu ý: Bộ trưởng Tư Pháp là đồng chí, chánh án là đồng chí và chủ nhiệm đoàn luật sư cũng là đồng chí, mà lại còn là bí thư Đảng uỷ Đảng đoàn Đoàn Luật sư Thành phố. Vậy còn nói chi tới nguyên tắc “Pháp bất vị thân” hay là tính dân chủ và quyền tự quản của nghề luật sư.

Mặc dù đây là câu chuyện giữa các “đồng chí” với nhau, nhưng bên ngoài có dư luận cho đây là hành động “mang tính li khai chưa từng xảy ra ở Việt Nam”; ngược lại có người lại bảo chẳng qua vì ông Trùng không được chia ghế trong Hội đồng lâm thời của tổ chức luật sư toàn quốc và trong Liên đoàn Luật sư toàn quốc trong tương lai, cho nên mới ra nông nổi. Nếu như Bộ Tư pháp mời ông Trùng một chân coi được được một chút thì chắc ông ta đã không xin rút tên như vậy.

Mặc dù Ls. Trùng đã chính thức xin rút tên, nhưng “Ban Chỉ đạo” lại không chấp thuận, lấy lí do việc rút tên “không chính đáng”. Có kẻ hiểu biết đòn phép Cộng sản đầy mình đã tiên đoán việc “Ban Chỉ đạo” không cho Nguyễn Đăng Trùng rút tên lúc này không phải là điềm may mà là điềm gở cho tương lai của ông ta: *“Phải giữ Ls. Trùng lại mới ‘kiểm soát’ được chứ. Một thời gian sau, ta sẽ vạch lá tìm sâu, rồi đuổi Ls. Trùng ra khỏi tổ chức. Lúc đó Ls. Trùng mới biết chóng lại Đảng là có hậu quả như thế nào”.*

(1)

Ngày 10-5-2009 khai mạc Đại hội Đại biểu Luật sư toàn quốc, ông Trùng còn lên diễn đàn đòi chức chủ tịch Liên đoàn Luật sư VN phải do tất cả các đại biểu bầu trực tiếp để bảo đảm nguyên tắc tự quản, độc lập và dân chủ. Nhưng vô vọng, vì mọi chức vụ đã có “trên” lo xong cả rồi. Tất cả là một kịch bản soạn sẵn. Chẳng lẽ ông Trùng là đảng viên mà không biết cách làm việc “đơn giản, gọn nhẹ” cố hữu của Đảng sao. Nhà văn Nguyễn Ngọc, một đảng viên kì cựu đã từng nhận xét: *“... Các hội chúng ta đang có, tất cả, đều thực chất là một kiểu cơ quan nhà nước không hơn không kém, việc chúng đều được nhà nước trả lương là một bằng chứng không thể chối cãi. Và như vậy thì tất yếu không có xã hội dân sự. Chỉ*

còn có độc quyền, ‘độc điều hành’, ‘độc chỉ huy’ của nhà nước...”
(Nguyễn Ngọc. Hộp vuông và khối tròn. x-cafevn.org).

Ghi nhận bốn: Nguyễn Đăng Trùng và vụ án Ls. Lê Công Định

Bắt đầu từ Tháng 6-2009, vụ án Ls. Lê Công Định nổ ra, làm xôn xao dư luận trong và ngoài nước. Vụ án này không là chủ đề của bài viết, cho nên, sau đây, chúng tôi chỉ đề cập tới những chi tiết liên quan tới nhân vật Nguyễn Đăng Trùng.

Ls. Lê Công Định là Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật Sư Tp. HCM nhiệm kỳ 2005 - 2008 mà chủ nhiệm là Ls. Nguyễn Đăng Trùng. Hai người đã từng sát cánh trong một số hoạt động đáng chú ý; chẳng hạn như ngày 05-01-2008, Ls. Lê Công Định và Ls. Nguyễn Đăng Trùng đã cùng hơn 2.000 thành viên trong Đoàn Luật Sư Tp. HCM đứng lên giơ tay biểu đồng tình một Bản Tuyên bố lên án Quyết định thành lập Thành phố Tam Sa của Trung Cộng. Bản Quyết định do chính Ls. Lê Công Định thảo ra.

Ngày 13-6-2009, Ls. Lê Công Định bị công an bắt khẩn cấp với lí do “có các hành vi cấu kết với bọn cầm đầu phản động nước ngoài chống nhà nước CHXHCN Việt Nam”. Công an nói họ đã thu được rất nhiều tài liệu, chứng cứ âm mưu lật đổ nhà nước Việt Nam của Ls. Định.

Ls. Lê Công Định bị bắt được 5 ngày (bắt 13-6-2009), mới chỉ có lời công bố tội trạng của công an (18-6-2009), còn lâu tòa mới xét xử (xử 2-01-1010) thì ngay chiều ngày 22-6-2009, Nguyễn Đăng Trùng, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Tp. HCM, thay mặt Ban Chủ nhiệm kí quyết định xoá tên Ls. Lê Công Định ra khỏi Đoàn Luật sư Tp. HCM. Lí do đưa ra là Ls. Lê Công Định “*đã có hành vi vi phạm pháp luật, bị cơ quan an ninh điều tra khởi tố và bắt tạm giam, vi phạm điểm g, khoản 1, điều 9 Luật luật sư; điều 1 và điều 2 Quy tắc đạo đức nghề nghiệp luật sư*”.

Ngao ngán thay cho tình đồng nghiệp (có thể có cả tình bạn) của Nguyễn Đăng Trùng. Xin nhắc lại, Ls. Lê Công Định là Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Thành phố nhiệm kỳ 2005-2008, mà Ls. Trùng là Chủ nhiệm.

Đường đường là một chủ nhiệm luật sư đoàn mà lúc nào cũng

sẵn sàng tuân theo lệnh Đảng, thì đề nghị Ls. Nguyễn Đăng Trường hãy từ bỏ nghề luật sư và trở về với Ban An ninh T 4, với Phòng Bảo vệ Chính trị của Công an cũ của ông. Như thế có lẽ hợp với khả năng của ông hơn. Đồng nghiệp vừa mới bị công an bắt giam, thay vì tìm cách biện hộ, lại vội vàng đi trước pháp luật, xoá tên người đồng nghiệp ra khỏi luật sư đoàn. Với lối hành xử này, coi như Nguyễn Đăng Trường đã biến công an thành công tố, biến công tố thành xử án và như thế có phải là tự huỷ đi vai trò biện hộ của mọi luật sư trong cả nước không?

Thẩm phán Phan Quang Tuệ, Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam Nam California phê bình về quyết định xoá tên Ls. Lê Công Định ra khỏi Đoàn Luật sư Thành phố HCM như sau: *“Với quyết định này, mà theo tôi, không cần phải có, Ban Chủ Nhiệm đã khai tử ngành biện hộ vừa chớm nở, tự tạo thêm những khó khăn cho chính giới luật sư. Khi rút giấy phép hành nghề của đồng nghiệp Lê Công Định, vô tình quý vị đã tự thu hẹp lãnh vực hành nghề của tất cả các luật sư Việt Nam vốn đã vất vả trong đời sống nghề nghiệp hàng ngày dưới chế độ luật pháp hiện nay trong nước”* (Thư ngỏ kính gửi Luật sư Nguyễn Đăng Trường Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Tp. HCM. Thẩm phán Phan Quang Tuệ. July 17, 2009. viettribune.com).

Ghi nhận năm: Bauxit và biển đảo

Đây là chuyện sống chết của cả dân tộc. Mặc dù Đảng CSVN đã phạm tội tày trời buôn dân bán nước, nhưng thời gian vừa qua, cũng thấy có một số ít đảng viên của cái Đảng ấy đã lên tiếng cảnh báo nguy cơ bị giặc Tàu xâm lấn bờ cõi nước ta. Không biết họ lên tiếng do động cơ yêu nước thật tình hay chỉ là để tránh né phần nào mũi dùi dư luận và sự căm phẫn của đồng bào cả nước và để còn dám mở miệng nói hai chữ Tổ quốc thiêng liêng. Cứ cho là Nguyễn Đăng Trường là loại đảng viên đó, vì đã ghi nhận một số lần Đoàn Luật sư Thành phố HCM và cá nhân ông Trường lên tiếng trên báo chí và trên diễn đàn Quốc hội CSVN về chủ quyền biển đảo nước ta. Chẳng hạn như Tuyên bố ngày 28-01-2008 của Đoàn Luật sư Tp. HCM rằng Việt Nam có chủ quyền bất khả xâm phạm đối với Hoàng Sa và Trường Sa. Ông Trường cũng lên tiếng tại Quốc hội

CSVN ngày 29-4-2009 yêu cầu Quốc hội CSVN “không thể trì hoãn ban hành luật biển”...

Thế nước nguy biến, chúng ta phải ghi nhận bất cứ hành động nào nhằm bảo vệ chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của bất cứ ai, không phân biệt người đó thuộc thành phần nào.

Song chúng ta cũng nhắc nhở ông Nguyễn Đăng Trìùng về 3 tội tày trời mà Đảng CSVN đã phạm phải về vấn đề biển đảo của nước ta như sau:

Một: Ngày 14-9-1958, Thủ tướng CS Bắc Việt Phạm Văn Đồng gửi công hàm cho Thủ tướng Trung Cộng Chu Ân Lai xác nhận “tán thành” và “tôn trọng” quyết định của Trung Cộng về hải phận của họ theo tham vọng bành trướng của họ.

Hai: Hai ngày 03 và 04-9-1990, Tổng Bí thư Đảng CSVN Nguyễn Văn Linh, Thủ tướng Đỗ Mười, cố vấn Phạm Văn Đồng đã bí mật sang Trung Cộng gặp gỡ Tổng Bí thư Đảng CSTQ Giang Trạch Dân và Thủ tướng Lí Bằng tại Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, theo sáng kiến của Đặng Tiểu Bình. Gặp để làm gì mà phải gạt cả Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch ra, không cho tham dự, đến nỗi Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch phải than: “*Thế là một cuộc Bắc thuộc mới rất nguy hiểm đã bắt đầu!*” Sau đó, ông Thạch bị mất chức và bị đá văng ra khỏi mọi chức vụ. Từ đó, đất nước Việt Nam chịu biết bao nhiêu điều cay đắng tủ nhục vì tham vọng cướp đất cướp biển của bọn bá quyền Bắc Kinh (Xin đọc Bùi Tín. Thời kỳ ‘Bắc thuộc mới’. diendanngoidanvietnam.com).

Ba: Ngày 25-6-2011, Thứ trưởng Ngoại giao CSVN là Hồ Xuân Sơn đi Bắc Kinh gặp Thứ trưởng Ngoại giao Trung Cộng là Trương Chí Quân. Sau cuộc họp này, vào ngày 28-6-2011, Tân Hoa xã của Trung Cộng công khai kêu gọi Việt Nam thi hành Thỏa thuận song phương Về Vấn đề Biển Nam Trung Hoa mà 2 bên vừa đạt được.

Cùng ngày 28-6, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Trung Cộng là Hồng Lỗi họp báo, cột chặt phía Việt Nam vào cái gọi là “Hiểu biết chung về thỏa thuận đã đạt được”, mà 2 nội dung quan trọng nhất là “Giải quyết tranh chấp bằng tham khảo hữu nghị song phương”, tránh các động thái có thể làm cho tình hình trầm trọng

hay phức tạp thêm, và “Hai bên phản đối những thế lực bên ngoài can dự vào cuộc tranh chấp giữa Trung Quốc và Việt Nam”. Điều này có nghĩa là muốn loại hẳn Hoa Kỳ ra khỏi vùng biển chiến lược, để cho Trung Cộng vùng vẫy một mình một cõi!

Trước sự yên lặng có vẻ vụng trộm của chính quyền CSVN, 15 trí thức trong nước, vào ngày 04-7-2011, đã gửi kiến nghị yêu cầu Bộ Ngoại giao CSVN phải cung cấp tin tức về cuộc gặp gỡ này. Các vị trí thức ấy muốn biết xem có đúng như phía Trung Cộng tuyên bố không. Bộ Ngoại giao CSVN vẫn chưa dám xác nhận điều gì.

Dư luận còn thắc mắc tại sao Trương Chí Quân đưa Hồ Xuân Sơn tới gặp Đới Bình Quốc là một trong 5 uỷ viên Quốc vụ viện Trung Quốc, người có cương vị về ngoại giao còn cao hơn cả Bộ trưởng Ngoại giao Trung Cộng là Dương Khiết Trì. Chắc là không phải để đi chào xã giao, cũng không phải để bàn bạc tay đôi, mà là để nhận chỉ thị.

Hậu quả của những cuộc đi đêm tại Bắc Kinh có tính cách “triều yết” đó có thể thấy được phần nào qua những dấu chỉ như sau: Cuộc xuống đường chống bá quyền Trung Cộng vào ngày Chủ nhật 10-7 đã bị đàn áp mạnh tay hơn trước. Các phương tiện truyền thông trong nước đồng loạt dụ giọng: “*Hãy để cho chính phủ thương lượng song phương giải quyết mọi sự, giữ tình hữu nghị truyền thống, tránh gây thêm phức tạp...*”. Cuộc họp lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng CSVN khoá XI diễn ra suốt 7 ngày, không có một ai đề cập tới tình hình Biển Đông, và về quan hệ Việt – Trung, quan hệ Việt – Mỹ (Xin đọc Bùi Tín. Hoài nghi về cuộc gặp giữa ông Hồ Xuân Sơn và ông Đới Bình Quốc tại Bắc Kinh. wordpres.com).

Ghi nhận sáu: Quốc nạn tham những

Xin trở lại với đoạn văn trong bài *Gặp Lại Bạn Cũ*: Trong phiên họp Quốc hội CSVN ngày 02-10-2010, Nguyễn Đăng Trưng, đã “bùng bùng khí phách Quảng Nam” khi ông ta “đồng dạc” lên án cách quản trị doanh nghiệp tại các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước đã chi tiêu bừa bãi, không hiệu quả. Ông Trưng nêu ra việc làm ăn thua lỗ cực kì lớn của Vinashin làm điển hình và gán

“trách nhiệm đó thuộc về Chính phủ, thuộc về Thủ tướng”.

Chỉ bấy nhiêu thôi, có đủ để ông Nguyễn Đăng Trùng được tung hô là “bùng bùng khí phách Quảng Nam” không?

Thực sự thì ông Trùng chỉ chống tham nhũng mới đây thôi. Theo châm ngôn “ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau”, ông lên tiếng chống tham nhũng sau nhiều nhân vật lãnh đạo Đảng và nhà nước, sau nhiều Đại hội Trung ương Đảng. (Ở đây không cần kể tới các nhà tranh đấu dân chủ ngoài Đảng khác). Ông xếp lớn cũ của Trùng là Trần Bạch Đằng (khi Trùng mới là Đoàn viên thì Trần Bạch Đằng đã là Bí thư Đặc Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định) đã lên tiếng chống tham nhũng từ lâu, chống nhiều lần, ngay từ những năm 1990. Khoảng 20 trong số 439 bài viết của Trần Bạch Đằng trong cuốn *Tuyển tập Trần Bạch Đằng* (gần ngàn trang, do NXB Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 2007) là để chống nạn tham nhũng, tệ nạn quan liêu, thu tiền mãi lộ, hối mại quyền thế... Nhưng Trần Bạch Đằng chỉ nói mồm, mục đích để chửi Đảng, cứu Đảng. Muốn đổi mới mà sợ xáo trộn, sợ “thế lực thù địch” lợi dụng. Cho nên cũng như nước đổ lá khoai, như tiếng kêu trong sa mạc. Trần Bạch Đằng chỉ lên tiếng để được tiếng “đời nay chỉ mình ông thứ”!

Chính Nguyễn Đăng Trùng, với tư cách đại biểu Quốc hội, trong bản *Góp Ý Dự Thảo Văn Kiện* trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, đã ví von như sau: “*Chống tham nhũng ở nước ta giống như dòng văn học cuối thế kỷ 19 - hiện thực phê phán - thấy hiện trạng nhưng không có giải pháp tháo gỡ*”.

Thưa có chứ, có giải pháp chứ, nhưng Đảng CSVN không dám và không muốn làm. Bởi vì tham nhũng làm mất uy tín của Đảng, nhưng diệt tham nhũng coi như là giết Đảng. Tất cả những chế độ độc tài đều phải nắm lấy các nguồn lợi kinh tế tài chánh, và dùng các nguồn lợi này để chia chác cho những lực lượng có khả năng bảo vệ cái chế độ độc tài đó. Cho nên nếu trong sạch, trong sáng, công bình, thượng tôn pháp luật thì “bỏ mẹ” Đảng!

Lịch sử đang lặp lại. Hồi giữa thế kỉ 19, vua Tự Đức và triều đình nhà Nguyễn có nghe biết, nhưng không chịu quyết tâm đổi mới kịp thời, cho nên không đủ sức bảo vệ đất nước thoát khỏi tay

bọn thực dân Pháp. Ngày nay, đảng CSVN còn biết rõ hơn nữa rằng đất nước đang cần tự do, dân chủ để có lãnh đạo tài đức, hầu cứu nguy dân tộc trước kẻ thù hung hãn truyền kiếp phương Bắc; nhưng vì sợ mất Đảng, vì sợ mất quyền lợi bất chính của giới cầm quyền, cho nên họ dứt khoát chọn con đường mãi quốc cầu vinh, mặc kệ dân, mặc kệ nước.

Nếu mà Đảng thật lòng muốn diệt trừ quốc nạn tham nhũng thì Đảng đã nghiêm túc nghiên cứu những ý kiến đóng góp của các trí thức yêu nước chân chính. Một trong những ý kiến ấy là của Ls. Lê Công Định: Tháng 3-2009, trong bài "*4 giải pháp chống tham nhũng*" đăng trên báo *Tia Sáng*, Ls. Lê Công Định cho rằng các biện pháp nhà nước đã ban hành nhằm chống tham nhũng chỉ mang tính hình thức nhiều hơn thực chất, không đảm bảo hiệu quả... Ông đề ra 4 giải pháp như sau: Từ bỏ cơ chế xin cho, cấp phép vì đó là gốc rễ của tham nhũng; tự pháp độc lập và chuyên nghiệp vì đó là công cụ trừng trị tham nhũng công minh và hiệu quả; người dân có quyền khởi kiện (tạm thời thông qua toà hành chính và lý tưởng là trước Toà Bảo hiến) các văn bản pháp quy để cơ quan công quyền thận trọng khi ban hành văn bản vi phạm quyền lợi hợp pháp của dân; cuối cùng là quyền được tự do thông tin của người dân thông qua báo chí và truyền thông (Wikipedia.org/Lê Công Định).

Theo các phân tích quốc tế khách quan, Việt Nam không phải là nước duy nhất có nạn tham nhũng tồ tệt. Nhưng ở các nước khác, dân nước họ điều đứng vì nạn nội thù tham nhũng, nhưng may mắn, họ không sợ mất nước. Riêng Việt Nam ta hiện nay, tứ bề thọ địch, phải chống một lúc cả nội thù là quốc nạn tham nhũng gắn liền với Đảng CSVN độc tài toàn trị, lẫn kẻ ngoại thù ngàn đời phương Bắc. Đánh thẳng giặc nào trước? Không thể đánh được giặc ngoại xâm hung hiểm, nếu không có sự đoàn kết dân tộc. Mà làm sao có thể đoàn kết với bọn buôn dân bán nước là Đảng Cộng sản Việt Nam?

IV. KẾT

Bài này có mục đích cung cấp thêm dữ kiện để quý độc giả coi xem hai nhân vật Nguyễn Đăng Trùng và Lê Hiếu Đằng có xứng

đáng được vinh danh là “khí phách Quảng Nam” không? Có nên nhận bạn bè với họ không?

Để thay cho những nhận xét riêng, chúng tôi trích dẫn nhận định của Gs. Nguyễn Văn Trung về quan niệm bạn - thù của người Quốc gia và của người Cộng sản khác nhau như thế nào.

Gs. Nguyễn Văn Trung viết: “*Sách lược Lêninít, Stalinít chủ trương phân biệt bạn thù dứt khoát, quyết tâm tiêu diệt kẻ thù, biến cả học sinh, sinh viên thành những người cuồng tín, đặc biệt trong những đội quyết tử ám sát kí giả (Từ Chung, Chu Tử), thầy học của mình (giáo sư Trần Anh, giáo sư Nguyễn Văn Bông) và ngay cả bạn học (Lê Khắc Sinh Nhật, Bùi Hồng Sĩ). Tôi vẫn còn giữ một danh sách của đội quyết tử cảnh cáo một số sinh viên thuộc các phân khoa như Ngô Thế Vinh (Y khoa). Trước một quyết tâm như vậy, phe Quốc gia không phân biệt bạn thù dứt khoát, mơ hồ, vô tình hay cố ý tham gia những hành động tự diệt*”...

“Ngoài ra biết bao người, kể cả Tướng, Tá trong quân đội, viên chức, biết rõ (không phải tình nghi, chụp mũ) người nọ người kia là Việt cộng nằm vùng mà không tố cáo vì đặt tình người, tình bạn trên những lựa chọn chính trị. Tôi xin kể một trường hợp: Trong một buổi họp mặt ăn uống ở nhà Hồ thành Đức – Bé Ký, một sinh viên tranh đấu đang giữ vai trò lãnh đạo hội Trí thức Yêu nước hỏi tôi: *Thầy có nhớ mấy anh bạn học cũ hiện ở đâu không? Trước 1975 em hoạt động nội thành thỉnh thoảng gặp bạn học đang canh gác khu vực em công tác, tụi này nói chuyện, rồi họ nói: ‘Thôi mày đi nơi khác, ra khỏi khu vực của tao phụ trách’, mà không tố cáo bắt em. Tôi hỏi lại: ‘Nếu bây giờ mấy anh ấy hoạt động chống Cộng trong khu vực của anh phụ trách, anh có bắt không? Bắt chứ!’* (Nguyễn Văn Trung, *Đôi điều trao đổi với nhà văn Mai Kim Ngọc. Tạp chí Văn Học, Hoa Kỳ, Số 124. Tháng 8 năm 1996. Trang 68, 69).*

Bạn bè mà như thế thì chơi với ai? Người Quốc gia đã trải qua biết bao nhiêu biến cố đau thương, đã ném đòn của bọn Cộng sản quỷ quyết hằng bao nhiêu năm, vậy mà vẫn chưa sáng mắt, vẫn chưa thuộc bài.

Cựu Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên xô M. Gorbachev thú

nhận: “Tôi đã bỏ một nửa cuộc đời cho lí tưởng Cộng sản. Ngày hôm nay tôi phải đau buồn mà nói rằng: Đảng Cộng sản chỉ biết tuyên truyền và dối trá”. Cố Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu cũng nói một câu đê đờ: “Đừng nghe những gì Cộng sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng sản làm”.

Tháng 7-2011

Chú thích:

(1) Tin bổ túc: Đúng như “kẻ hiểu biết” dự đoán. Ngày 31-7-2014, Nguyễn Đăng Trừng đã bị Thành uỷ TP.HCM khai trừ khỏi Đảng vì “có những dấu hiệu suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống” (BBC). Nguyễn Đăng Trừng đã trung với Đảng và được Đảng đãi ngộ xứng đáng suốt 40 năm, nay tuổi tác đã liệt hạng “xưa nay hiếm” thì về hưu là phải. Chắc là Nguyễn Đăng Trừng không cảm thấy tiếc xót cho bằng cay cú vì bị chính cái Đảng mà ông ta cúc cung tận tụy đá văng ra ngoài. Song có như vậy, may ra ông ta mới muộn màng hiểu thấu đáo được rằng: quá trình đấu tranh của ông ta và các đồng chí sinh viên Việt Cộng tiếp tay cho sự toàn thắng của Cộng sản Bắc Việt ngày 30-4-1975 là một tội lỗi lớn đối với Miền Nam tự do. Bởi vì chế độ Cộng sản là độc tài, toàn trị, bạo lực và gian dối thì, dưới chế độ ấy, mọi người dân, mọi tổ chức, mọi lãnh vực đều bị Đảng “kềm kẹp” và “chỉ đạo”, chứ không riêng gì ngành luật sư.



*SV Việt Cộng phá hoại bầu cử tổng thống
1967*



SV tranh đấu, Đà Nẵng 1966-67



*SVHS Huế tranh đấu (Ảnh tư
liệu HT Hồng Nga)*



*Chi Hội Liên hiệp TNHSSV Phật giáo mừng ngày "giải phóng" 30-4-1975, Trung
tâm Quảng Đức*

Bài 8 - VỀ NHÂN VẬT NGUYỄN NGỌC LAN

Giáo sư Nguyễn Ngọc Lan (cựu linh mục) qua đời ngày 26-02-2007 tại Sài Gòn. Cái chết của ông làm nổ ra cuộc tranh luận về hành trạng cuộc đời ông: Con đường ông đi đúng hay sai?

I. QUAN ĐIỂM ĐÔI BÊN



Nguyễn Ngọc Lan

Đầu năm 2007, nghe tin sức khoẻ của Gs. Nguyễn Ngọc Lan đến hồi suy kiệt, Gs. Nguyễn Văn Lục viết bài *Nói Về Một Người Sắp Ra Đi* (Huongduongtxd.com). Tác giả kể chuyện viết lách và chuyện hoạt động của Gs. Nguyễn Ngọc Lan, trước và sau ngày 30-4-1975, để chứng minh Gs. Lan là người “*viết nhiều nhất, xông xáo nhất và mạnh mẽ nhất trong nhóm trí thức phản chiến*”. Điều quan trọng hơn cả là tác giả cho biết Gs. Nguyễn Ngọc Lan đã “*chọn lựa Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*” và “*... đã từng nhiều lần lên tiếng biện hộ, ủng hộ và ca tụng chế độ ấy ít lắm cũng đến cuối năm 1978*”.

Tiếp lời tác giả Nguyễn Văn Lục, nhà báo kì cựu Sức Mấy (Đình Từ Thức) viết bài *Mùi Cộng sản* (talawas.org) quy kết Gs. Nguyễn Ngọc Lan “*tội đâm sau lưng chiến sĩ*”.

Thế là Bà Quỳnh Thi xuất hiện với bài “*Đâm sau lưng chiến sĩ*”, bà tâm sự: “*Đọc bài viết ‘Mùi Cộng sản’, tôi không khỏi bùi ngùi thương cảm cho số phận một nhà trí thức khi phách yêu nước, khi tác giả Sức Mấy cho rằng: ‘Nguyễn Ngọc Lan là người đâm sau lưng các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà’*”. Theo Quỳnh Thi, “*Gs. Nguyễn Ngọc Lan và những nhà đối lập khác đã hành xử đúng quyền của mình. Đó là lẽ đương nhiên*” và Gs. Nguyễn Ngọc Lan “*thuần tuý là người yêu nước, không Cộng sản*”, chỉ có những “*tướng tá, chính khách xôi thịt ‘đâm sau lưng chiến sĩ’ và còn hèn hạ, buôn xương bán máu, bòn rút vàng bạc kim cương Đô-la cho vợ con trốn thoát trước 30-4-75*”.

Thấy tác giả Quỳnh Thi lập luận Gs. Nguyễn Ngọc Lan chỉ sử

dụng quyền đối lập của mình và bảo “Đó là lẽ đương nhiên” thì nhà văn Kiều Phong (Lê Tất Điều) không đồng ý. Ông viết bài *Lẽ Đương Nhiên* (talawas.org), trong đó có mấy điểm chính: “*Trước 75, tôi chỉ biết Nguyễn Ngọc Lan dùng văn chương báo chí chửi bới phe quốc gia, tối ngày đề cao Cộng sản, tạo thành tích ‘chống Mỹ, Nguy cứu Bác Đảng’ rất lẫy lừng*” và “*Suốt đời tận tụy phục vụ Cộng sản, lúc Cộng sản thành công thì bị đẩy ra rìa*”. Theo ông, công dân nước VNCH được hưởng quyền đối lập trong chế độ dân chủ, nhưng không có nghĩa là công dân Nguyễn Ngọc Lan “đương nhiên” có quyền “hợp tác chặt chẽ” với kẻ thù Cộng sản chống lại Miền Nam tự do.

Đáp lời ông Kiều Phong, bà Quỳnh Thi viết bài “*Đôi Điều Về Bài Viết ‘Lẽ Đương Nhiên’ Của Kiều Phong*” (ngày 11-6-2007. talawas.org). Trong bài này, tác giả Quỳnh Thi nhiệt tình bênh vực cố Giáo sư Nguyễn Ngọc Lan. Theo bà, “*Nguyễn Ngọc Lan là nhà trí thức khí phách yêu nước... ông đã đương đầu chống lại một cuộc chiến tranh vô nghĩa, cốt nhục tương tàn, một cách công khai, trực diện với một chính quyền đầy bất công, tham nhũng thời đó. Nhưng hành vi chống đối của ông được luật pháp quốc gia bảo vệ, chứ không hề bí mật, lén lút*”, tức là không “... ném đá giấu tay, giấu tên, giấu mặt, tránh sự lộ diện của mình”. Còn việc ông Kiều Phong cho rằng: “*Trong vụ Việt cộng tổng tấn công đợt 1 Tết Mậu Thân 1968, Nguyễn Ngọc Lan đã liều mạng, cải trang, lặn lội đến tận Sở Chỉ huy của Bộ Tư lệnh tiền phương Nam...*” và việc hai ông Kiều Phong và Súc Mấy gán cho Gs. Nguyễn Ngọc Lan tội “*đâm sau lưng các chiến sĩ Việt Nam Cộng hoà... là sự mạ lỵ, vu khống, sỉ nhục một người đấu tranh cho đất nước vừa từ trần cách nay chưa lâu*”.

Trong cuộc đời này, nếu có thể tử tế với ai, đó là một điều đáng quý. Song nhận thấy tác giả Quỳnh Thi không có nhiều kinh nghiệm về sách lược Cộng sản, cũng chưa thấy hết mặt trái của cuộc chiến Quốc - Cộng trước 30-4-1975. Riêng về nhân vật Nguyễn Ngọc Lan, tác giả Quỳnh Thi hoàn toàn có quyền “thương cảm” ông và việc ông có là “một giáo sư Đại học, một nhà văn, nhà báo lẫy lừng”, “được mọi giới kính trọng, yêu mến” như bà

Quỳnh Thi xưng tụng hay không, đó vẫn là quan cảm cá nhân của bà. Và nếu như Gs. Nguyễn Ngọc Lan đã thật sự chỉ hành xử đúng đắn quyền đối lập chính trị của một công dân nước VNCH, chắc là cũng không có ai lên tiếng làm chi. Thế nhưng, vì tác giả Quỳnh Thi lập luận cho rằng Gs. Nguyễn Ngọc Lan “*thuần túy là người yêu nước, không Cộng sản*” và “*Gs. Nguyễn Ngọc Lan và những nhà đối lập khác đã hành xử đúng quyền của mình. Đó là lẽ đương nhiên*”, thì lại là một vấn đề cần làm sáng tỏ thêm.

Cuộc chiến Quốc - Cộng đã qua lâu rồi, nhưng chúng ta, những người còn sống sót, chúng ta không được quên những mất mát to lớn về sinh mạng, tài sản và hạnh phúc mà đồng bào và chiến sĩ Miền Nam phải gánh chịu trong cuộc chiến do Cộng sản Bắc Việt phát động và những di lụy khốc hại nhiều mặt từ khi Cộng sản chiếm được trọn đất nước. Do đó, người Quốc gia có bổn phận không làm ngơ để mặc dư luận và nhất là những thế hệ tiếp nối bị hướng dẫn sai lạc về một số những tên tuổi hoạt động chính trị thiên Cộng thời chiến tranh ở Miền Nam, trong đó có Gs. Nguyễn Ngọc Lan. Thay vì bọn họ phải hiện nguyên hình trước dư luận, trước lịch sử là những kẻ nổi giáo cho giặc Cộng thì họ lại được choàng vòng hoa và gắn huy hiệu anh hùng đối lập.

Thời chiến tranh, bất cứ ai quan tâm cũng có thể nhận diện được trong giới nào ở Miền Nam, cũng có một số là kẻ nội thù, kẻ nổi giáo cho giặc Cộng và đâm sau lưng chiến sĩ. Riêng trong giới Đại học, Gs. Nguyễn Ngọc Lan và Gs. Lý Chánh Trung là hai nhân vật nổi bật, đã lợi dụng quyền hoạt động chính trị đối lập để viết lách chống chính quyền Quốc gia và cổ võ cho những đòi hỏi giải quyết chiến tranh theo yêu sách của Cộng sản. Hai ông này cũng kích động và phát động những cuộc biểu tình hời đầu năm 1970, làm dấy lên một cao trào đấu tranh sôi nổi nhằm bênh vực cho 21 cán bộ Thành Đoàn Cộng sản bị đưa ra toà xét xử, trong đó có sinh viên Việt Cộng Huỳnh Tấn Mẫm và đòi chính quyền VNCH phải trả tự do bọn họ. Vì lẽ đó, trong chủ đề Mặt Trận Đại Học, chúng tôi cố gắng thâm thập thêm chứng cứ để vạch trần chân tướng của mấy ông giáo sư thiên Cộng này. Ở đây, chúng tôi xin mượn quan điểm của tác giả Quỳnh Thi để gợi ý, hành trạng của nhân vật

Nguyễn Ngọc Lan mới là chủ đích của bài này.

Trước hết, xin mời quý độc giả đọc lại Điều 4 Hiến pháp Việt Nam Cộng Hoà năm 1967.

ĐIỀU 4:

Việt Nam Cộng Hoà chống lại chủ nghĩa Cộng sản dưới mọi hình thức.

Mọi hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng sản đều bị cấm chỉ.

Căn cứ vào Điều 4 Hiến pháp VNCH, những công dân nào hoạt động tuyên truyền, tiếp tay cho Cộng sản là phạm pháp và bị ngăn cấm.

Từ điều khoản Hiến pháp này, chúng tôi sẽ theo dấu vết hành trạng của Gs. Nguyễn Ngọc Lan xem ông có hành xử đúng đắn quyền hoạt động chính trị đối lập theo Hiến định hay ông đã vượt quá mức giới hạn của một người đối lập, tới chỗ ngả sang cộng tác trực tiếp với Cộng sản. Nếu ông chỉ hành xử quyền hoạt động chính trị đối lập của một công dân thì danh dự phải trả lại cho ông. Nếu ông đã vượt quá ranh giới Hiến định mà tiếp tay cho giặc Cộng đánh chiếm Miền Nam tự do thì đích thị ông là kẻ nội thù, kẻ nổi giáo cho giặc, là kẻ “đâm sau lưng chiến sĩ” và toàn dân Miền Nam yêu tự do.

II. HOẠT ĐỘNG CÔNG KHAI

1. Hoạt động bằng báo chí

Ngay khi còn ở bên Pháp, Nguyễn Ngọc Lan đã bắt đầu viết lách chống chính phủ của TT. Ngô Đình Diệm về việc ông cho là chính phủ đã đàn áp Phật giáo bằng bài báo nhan đề “*Phật tử, người anh em của tôi, Bouddhiste, mon prochain*”, đăng trên báo *Témoignage Chrétien*, 29-8-1963.

Từ 1964 tới 1968: Nguyễn Ngọc Lan cộng tác với các báo có khuynh hướng cấp tiến: *Hành Trình, Đất Nước*.

Từ 1970 tới 1971: Viết cho *Tin Sáng* có xu hướng khuynh tả. Những bài này được gom thành sách *Cho Cây Rừng Còn Xanh Lá*, gồm 50 bài.

Tất cả các bài viết của Nguyễn Ngọc Lan cho thấy ông là một trí thức đầy ảo tưởng. Giá trị của những bài viết của các trí thức loại này sẽ đưa tới hậu quả đúng như Gs. Nguyễn Văn Trung đã nhận xét: *“Tham gia Cách mạng là tham gia vào một quá trình tự tiêu diệt sau này”* (Tạp chí Văn Học (HK) Số 174 Tháng 10-2000).

Đặc biệt là Nguyễn Ngọc Lan đã cộng tác với Lm. Chân Tín chủ trương báo *Đổi Diện* (1970), quy tụ những cây bút với các bài viết thiên Cộng rõ rệt: *Bài Học Cách Mạng Của Lenin* (Đổi Diện, 12-1970); *Diễn Tiến Cuộc Xây Dựng và Phát Triển Chính Sách Thực Dân Mới Của Mỹ Tại Việt Nam* (Đổi Diện, 8-1971); *Khái Niệm Về Chủ Nghĩa Thực Dân Mới* (Đổi diện, 6-1972); *Diễn Tiến và Ý Nghĩa Của Cách Mạng Tháng Tám* (Đổi Diện, 8-1972); *Miền Bắc Có Gì Lạ* (Đổi Diện, 2-1974)...

Trong bài *“Nhật ký Nguyễn Ngọc Lan nhìn từ phía người đọc trong nước”*, Gs. Nguyễn Văn Trung đã viết: *“Nhóm linh mục Chân Tín (CT), Nguyễn Ngọc Lan (NNL) cho ra tờ Đổi Diện số 1 tháng 7 năm 1968. Xu hướng thiên Cộng càng ngày càng rõ rệt, lộ liễu, vì có một số bài làm người đọc tưởng đây là tờ báo của Mặt trận Giải Phóng Miền Nam (GPMN) xuất bản ở thành phố. Theo anh Lý Chánh Trung đã có một trao đổi giữa anh và NNL, Lý Chánh Trung chủ trương cần kín đáo, dè dặt hơn. Và ông Tạ Bá Tông phụ trách trí vận hồi đó cũng tán thành ý kiến của anh Trung (Lý)”* (thangphai.blogspot.com).

Ba ngòi bút chủ chốt của báo Đổi Diện:

Chủ nhiệm: Lm. Chân Tín. Lm. Chân Tín được Việt Cộng gài vào chức Chủ tịch của cái gọi là Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù Miền Nam Việt Nam. Sau 30-4-75, Lm. Chân Tín ra tranh cử Quốc hội Cộng sản, nhưng Cộng sản đã chọn một linh mục khác, đó là Lm. Huỳnh Công Minh, thành ra Lm. Chân Tín mờ nhạt dần đến chỗ trở lại chống Cộng sản (dĩ nhiên còn có thêm một số những nguyên do khác nữa). Trong tạp chí Văn Học số 124, trang 67, Gs. Nguyễn Văn Trung nhận xét về Lm. Chân Tín: *“Linh mục Chân Tín khi làm chủ nhiệm báo Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp chống Cộng rõ rệt, nhưng khi làm tạp chí Đổi Diện thay đổi lòng chuyển sang CHỐNG CHỐNG CỘNG... Bây giờ linh mục lại*

chống Cộng!”

Chủ bút: Gs. Nguyễn Ngọc Lan. Lm. Chân Tín và Gs. Nguyễn Ngọc Lan như hình với bóng, luôn sát cánh nhau. Học giả Cao Thế Dung ghi nhận: “*Năm 1975, ông Nguyễn Ngọc Lan viết và công khai tuyên bố: ‘Chế độ CS ở Bắc Việt là chế độ không còn một mọt’*” (Cao Thế Dung. Công Giáo Việt Nam Trong Dòng Sinh Mệnh Dân Tộc. Dân Chúa xuất bản, 1988. Trang 240).

Theo Gs. Nguyễn Văn Trung, trong bài đã dẫn, thì “*NNL còn phụ trách làm kinh tài, đổ ngoại tệ cho T4 (ký hiệu Chi khu Sài Gòn Gia Định), đi Khu nhiều lần. Còn việc lấy Nhà Dòng Chúa Cứu Thế làm cơ sở hoạt động cách mạng, thì Đứng Dậy số 100 (tháng 10/1977) đã tường thuật rồi. Dòng Bénédictine là một cơ sở cách mạng cũng do NNL móc nối”*”.

Lm. Trương Bá Cẩn: Cũng trên báo Đối Diện, Lm. Trương Bá Cẩn viết bài “*25 Năm Xây Dựng Xã Hội Chủ Nghĩa Ở Miền Bắc*”, đăng 3 kì vào năm 1971, để ca ngợi CSVN. Vì bài này mà *Đối Diện* bị truy tố, khiến cho tự nhiên tạp chí vô danh này được nhiều người biết tới. Sau 1975, Lm. Trương Bá Cẩn nắm tờ *Công Giáo Và Dân Tộc*. Tờ này do một linh mục thiên Cộng khác ở Pháp tên là Nguyễn Đình Thi chuyển về VN cho nhóm Trương Bá Cẩn. Trên tờ *Công Giáo và Dân Tộc*, Lm. Trương Bá Cẩn đã khoe khoang thành tích cực cung tận tụy “*với Bác với Đảng*” như sau: “*Năm 1972, trong khí thế vô cùng phấn khởi của cuộc tiến quân anh dũng sau Trị Thiên, Tây Nguyên, Bình Long, Phước Long đang đem cuộc chiến tới hồi kết thúc, anh Phan Khắc Từ nhất định tổ chức lễ giỗ Bác một cách rộng rãi hơn mọi lần... Với ý định như vậy, chúng tôi họp nhau để làm giỗ Bác, chung quanh một bàn tiệc Thánh... Ý định của Thiên Chúa quả đã bắt đầu được thực hiện trên đất nước Việt Nam, nhờ công lao của Hồ Chủ tịch. Nếu Hồ chủ tịch muốn vào nước Trời, Người sẽ vào trước ai hết”*. (*Công Giáo Và Dân Tộc* số 8, tháng 9.1975 và số 44 tháng 5. 1976. Cao Thế Dung trích dẫn. Sđđ).

2. Vài nhận xét về Báo Đối Diện

Nói chung, tất cả những tội gì *Đối Diện* nêu ra để tố cáo VNCH

(làm tay sai cho đế quốc Mỹ, không bảo vệ được độc lập, không đem lại cơm no áo ấm cho đồng bào, đàn áp bắt bớ, tham nhũng, bầu cử gian lận, vi phạm tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp...) thì Cộng sản Việt Nam còn vi phạm trầm trọng gấp trăm lần, nhưng *Đổi Diện* lờ đi, không bao giờ nói tới. *Đổi Diện* chỉ một chiều bôi lọ, vu cáo VNCH với mục đích làm mất uy tín của VNCH đối với dư luận trong và ngoài nước, đồng thời xúi giục người dân chống chính quyền VNCH.

Dành rằng tại Miền Nam còn những khiếm khuyết nhất định, xã hội Miền Nam chưa phải là toàn bích, nhưng nếu đem so sánh với chính quyền độc tài đảng trị ở Miền Bắc và chế độ Cộng sản vừa không tưởng vừa dối trá, tàn ác đã kềm kẹp toàn dân Miền Bắc trong đói khổ cùng cực suốt mấy chục năm, thì người dân sẽ lựa chọn bên nào? Giữa hai sự khốn khó, đương nhiên người ta sẽ chọn sự ít khốn khó hơn.

Nếu là một người có nhận xét khách quan và công bằng, chắc hẳn phải thấy rõ Cộng sản Hà Nội không đem lại cho dân cho nước nhiều độc lập, nhiều tự do, nhiều hạnh phúc hơn VNCH. Sau 30-4-1975, có biết bao nhiêu người từ Miền Bắc vào Nam đã có dịp so sánh thực trạng quá chênh lệch về mọi phương diện trong đời sống giữa hai miền đất nước. Thực trạng quá nghèo khổ và mất đủ mọi thứ tự do của dân chúng Miền Bắc, đã vạch trần bài viết “*25 Năm Xây Dựng XHCH ở Miền Bắc*” của Lm. Trương Bá Cần trên báo *Đổi Diện* chỉ là một lời nói dối, một trò lừa đảo, một mảnh khước tuyên truyền.

Nhìn ra thế giới bên ngoài, ngày nay nhân loại được chứng kiến và có đủ yếu tố để so sánh giữa thực trạng lầm than khốn khổ của dân chúng Bắc Hàn với cuộc sống phát triển thịnh vượng vượt bậc của người dân Nam Hàn. Thế giới cũng biết khi nước Đức thống nhất trở lại, Tây Đức tự do đã phải bỏ ra hàng trăm tỉ Đô la để vực dậy nền kinh tế của miền đất trước đây thuộc Đông Đức Cộng sản.

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống chống ngoại xâm. Để khích động lòng yêu nước của dân chúng và giành lấy chính nghĩa, Đảng Cộng sản rêu rao khẩu hiệu “Chống Mỹ cứu nước” và tìm mọi cách tuyên truyền rằng họ phát động cuộc chiến là để bảo vệ

độc lập cho nước nhà. Nhưng những gì đã diễn ra sau cuộc chiến (dâng đất, dâng biển cho Tàu; cho Tàu thuê dài hạn rừng đầu nguồn; cho Tàu khai thác bauxit miền cao nguyên chiến lược; làm ngõ để Tàu xâm lăng và chèn ép nền kinh tế nước ta...), chứng tỏ tất cả chỉ là một trò bịp bợm khổng lồ. Rốt cuộc, sau khi người dân VN đã phải hi sinh quá to lớn, xương chất thành núi, máu chảy thành sông, thì đất nước tuy được thống nhất, nhưng không được độc lập thật sự, không bảo toàn được lãnh thổ, không hề “sạch bóng quân thù”! Đúng như ông Ngô Đình Nhu đã cảnh báo về tai họa này trước đây cả nửa thế kỉ: *“Giả sử mà Nam Việt bị Bắc Việt thôn tính, thì sự Trung Cộng thôn tính Việt Nam chỉ là một vấn đề thời gian”* (Tùng Phong. Chính Đề Việt Nam. Sài Gòn - Việt Nam. Trang 212).

3. Các hoạt động công khai khác

Ngoài những hoạt động báo chí, Nguyễn Ngọc Lan còn hăng say tham gia vào các cuộc biểu tình chống chính phủ và đã từng ném khói lựu đạn cay, dùi cui, đã từng bị đá trúng “đỉnh độc lập”! Nguyễn Ngọc Lan cũng tích cực ủng hộ “Trùm sinh viên tranh đấu” Huỳnh Tấn Mẫm và cùng các thành phần tranh đấu “dàn chào” gây áp lực tại các phiên tòa xét xử bọn sinh viên Việt Cộng. Ông và các linh mục cùng phe nhóm như Phan Khắc Từ, Huỳnh Công Minh, Trần Thế Luân... luôn luôn khoác áo nhà tu trong mọi cuộc xuống đường tranh đấu. Mấy ông coi tấm áo thầy tu vừa như một thứ bùa hộ mạng, vừa để gây ấn tượng đối với dư luận trong và ngoài nước. Bởi thế, trong những năm rối loạn này, người ta thường thấy vài bóng áo chùng thâm sát cánh cùng với Ni sư Huỳnh Liên của Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống hoặc nhập bọn với các kí giả để đi ăn mày... Trong đám kí giả đó, có một số là Việt Cộng hoặc thân Cộng như: Tô Nguyệt Đình, Nam Đình, Thiểu Sơn, Trần Tấn Quốc...

III. NHỮNG HOẠT ĐỘNG LÉN LÚT

Trở lên, đã thấy Nguyễn Ngọc Lan lợi dụng những quyền tự do dân chủ do Hiến pháp quy định để chống phá VNCH một cách

công khai. Chưa đủ, Nguyễn Ngọc Lan còn tham gia các “hoạt động bí mật, lén lút”, và làm “kẻ thù giấu tên, giấu mặt... tránh sự lộ diện của mình”.

Sau khi báo *Đổi Diện* bị truy tố và bị đóng cửa, Nguyễn Ngọc Lan và Lm. Chân Tín in báo trên Thủ Đức, nhưng phia ra là in tại Canada! In xong, họ nhờ một nữ tu già người Tây Ban Nha dùng xe Deux Cheveaux chở báo về Sài Gòn. Hành động này cũng là một hành động “lén lút” để “tránh sự lộ diện”, không phải là hành động của một nhà đối lập công khai hợp pháp.

Đêm 30-4-1966, đi trên đường phố Đà Lạt cùng với Nguyễn Đắc Xuân, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, Trần Trọng Thức, “chị” Sâm, ca sĩ Khánh Ly, Gs. Nguyễn Ngọc Lan đã nói: *“Bây giờ không còn con đường nào khác là con đường của Mặt trận Giải phóng”* (Nguyễn Đắc Xuân. Thư gửi Hoạ sĩ Trịnh Cung. Huế, chớm Hè 2009. Damau.org).

Như vậy, muộn nhất là từ 1966, Gs. Nguyễn Ngọc Lan đã chọn đứng hẳn về phía Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam VN, viết lách và hành động dưới sự chỉ đạo từ mật khu. Cán bộ điều khiển của Nguyễn Ngọc Lan là Tạ Bá Tòng. Đương nhiên, họ phải bí mật liên lạc với nhau. Núp dưới chiếc áo thầy tu, Nguyễn Ngọc Lan đã lập được nhiều công trạng, cho nên Bí thư Trung ương Cục Phạm Hùng chỉ thị phải bảo vệ Nguyễn Ngọc Lan. Về điểm này, Trần Bạch Đằng xác nhận như sau: *“Tôi nhớ, ở chiến khu, Bí thư T.Ư Cục - anh Phạm Hùng có lần bảo tôi chú ý bảo vệ Nguyễn Ngọc Lan, nghe đâu ông đi lại bằng một chiếc xe gắn máy cũ kỹ, rất dễ bị ám hại. Tôi truyền đạt ý trên cho anh Tạ Bá Tòng, người trực tiếp liên hệ với Nguyễn Ngọc Lan”* (Trần Bạch Đằng. Tiễn biệt anh, anh Nguyễn Ngọc Lan. vietbao.vn).

Sau đợt tổng tấn công vào Thủ đô Sài Gòn Tết Mậu Thân 1968, Nguyễn Ngọc Lan đã bí mật ra “bung” để ra mắt và nhận lệnh của Trần Bạch Đằng. Việc này lại càng phải bí mật hơn nữa. Trong hồi kí *Cuộc Đòi Và Ký Ức*, trang 186, thuật lại cuộc tháo chạy khỏi Thủ đô Sài Gòn của Cộng quân sau khi bị Quân lực VNCH đánh cho chạy té khói, Trần Bạch Đằng cho biết: *“Chúng tôi ngụ tại Tân Túc hai hôm và sau đó chuyển sang nam Bến Lức, xã Bình*

Chánh. Tại đây, tôi gặp Linh mục Nguyễn Ngọc Lan, Giáo sư Châu Tâm Luân, Cao Hoài Hà, nhà văn Thiều Sơn, các Giáo sư Nguyễn Văn Chì, Lê Văn Chí...”

Khi Nguyễn Ngọc Lan qua đời, tác giả Lữ Phương (sinh viên tranh đấu hồi 1966, 67, 68) trong bài *Tưởng Nhớ Một Người Anh Em*, cũng xác nhận: “Đúng vào những ngày hôm đó, bằng một đầu mối khác, tôi cũng đã vào bưng như anh (tức Nguyễn Ngọc Lan), đúng cái nơi mà anh đã vào và cũng đã phải đi “chém vè” thực mạng dưới bom pháo dữ dội trong trận càn mà anh đã gặp. Sau đó cùng một số anh em khác (có Châu Tâm Luân, Thiều Sơn...) anh trở về Sài Gòn, còn tôi thì ở lại, đội bom, nằm hầm bí mật mấy tháng, suýt chết mấy lần mới được chuyển lên R rồi ở lại đó mãi cho đến khi chiến tranh chấm dứt. Cũng như anh, lúc đó tôi cũng đồng ý ra bưng gặp những người Cộng sản để tìm hoà bình cho đất nước (tôi được cấu tạo như thành viên của một tổ chức có cái tên lòng thông là “Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hoà bình Việt Nam, khu Sài Gòn Chợ Lớn, Gia Định”), tưởng hoà bình đã đến trong tầm tay, nhưng rồi đã phải đợi chờ đến 7 năm sau mới có được nhưng với một nội dung ngoài sự hình dung của anh và tôi vào những ngày Mậu Thân năm ấy” (Diendan.org).

Về việc làm sao mới có thể “đi khu” hay “đi bưng”, các đương sự phải tuân thủ từng bước một cách hết sức nghiêm ngặt. Trường hợp Nguyễn Ngọc Lan và đồng bọn chạy theo “Cách Mạng” quá vội vàng cho nên có thể đã đốt đi một số giai đoạn. Bình thường, để vào được tới “khu”, đối tượng phải tiếp xúc ít nhất từ 2 giao liên trở lên, phải áp dụng nguy thức, nguy trang, nguy danh, bí danh, bí số, mật khẩu, đường đi thay đổi bất ngờ để chống theo dõi. Thậm chí vào tới khu, các đối tượng đều phải bịt mặt để tránh lộ diện, họ chỉ có thể đoán ra nhau nhờ nghe giọng nói trong các buổi lên lớp...

Sinh viên học sinh “đi khu” như vậy thì Nguyễn Ngọc Lan “đi khu” chắc chắn cũng phải theo một số những bước nghiêm ngặt ấy. Nghĩa là phải “giấu mặt, giấu tên, tránh sự lộ diện”. Tức là không thể gọi được là hành động công khai của một người hoạt động đối lập thuần túy.

Một sinh viên học sinh được chấm định “đi khu” để học tập,

đại khái phải qua từng bước như sau: Được đánh giá là “hạt nhân quần chúng tốt” tùy theo thành phần gia đình và tư tưởng cá nhân có “tiền bộ” không, rồi tiến lên được kết nạp làm hội viên Hội Liên hiệp Học sinh, Sinh viên Giải phóng, lên nấc nữa là đoàn viên Đoàn Thanh niên CS (hay Thành Đoàn), mức cuối cùng là trở thành đối tượng kết nạp tạm thời vào Đảng và sau chót mới là đảng viên thực thụ. Mỗi đối tượng đều phải kinh qua thử thách và lập được những thành tích cụ thể trước khi được nâng lên một cấp.

Nguyễn Ngọc Lan là nhân vật nổi, có nhiều thành tích, cho nên trong “khu” (hay “bung”) đánh giá ông rất cao. Nguyễn Ngọc Lan đã vào “khu” gặp Trần Bạch Đằng, nhưng may sao, ông chưa gia nhập Đảng, nếu không, chắc chắn đâu phải chỉ có “Nhóm 4 anh em chúng tôi Minh-Cần-Từ-Bích” (tức Huỳnh Công Minh, Trương Bá Cần, Phan Khắc Từ, Vương Đình Bích) mà có tới “nhóm 5 anh em chúng tôi”. Trong thư riêng gửi cho Lãnh đạo Dân vận, Mặt trận và Ban Tôn giáo Tp. HCM ngày 25-12-1997, Lm. Vương Đình Bích viết: *“Tôi đã thành khẩn nói với hai anh Từ và Cần, là vấn đề thật của tổ chức chúng ta, không phải là Nhóm Nghiên Cứu (thần học), mà là nhóm 4 anh em chúng tôi Minh-Cần-Từ-Bích đã được Lãnh đạo gầy dựng và giao nhiệm vụ điều động Phong trào Công giáo yêu nước tại thành phố này”* (Tin Nhà số 32. Trang 18).

Qua phần trình bày trên đây, thiên nghĩ đã tạm đủ cho thấy luận điểm của Quỳnh Thi là sai lầm khi khẳng định Nguyễn Ngọc Lan đã hành xử quyền hoạt động chính trị đối lập, công khai và hợp pháp. Lập luận kiểu này chỉ có thể thuyết phục được những độc giả trẻ tuổi hoặc là những độc giả sống ở ngoài Bắc trước 1975, chứ không có thể che được mắt của những độc giả ở Miền Nam có chút quan tâm tới thời sự.

Đang khi Quân đội VNCH nói riêng, và cả Miền Nam nói chung, hi sinh xương máu, chiến đấu chống lại cuộc xâm lăng của CSBV, để bảo vệ cho người dân Miền Nam, trong đó có Nguyễn Ngọc Lan và đồng bọn, được hưởng những quyền tự do căn bản, thì Nguyễn Ngọc Lan lại lợi dụng những quyền tự do Hiến định này để vừa hoạt động chống phá công khai, vừa hoạt động lén lút

bí mật, tiếp tay cho cho CSBV thôn tính Miền Nam tự do. Như thế, không phải là vừa đâm thẳng vào mặt, vừa “đâm lén sau lưng chiến sĩ” thì là gì?

IV. VỀ NHỮNG ĐIỂM ĐÁNG CHÚ Ý KHÁC

1. Bao nhiêu ngàn, bao nhiêu vạn học trò

“Ông đã chia sẻ niềm vui và nỗi buồn của họ, chứng kiến bao nhiêu ngàn, bao nhiêu vạn học trò của ông phải xếp bút nghiên lên đường tham gia cuộc chiến” (Quỳnh Thi. Đồi điều về bài viết “Lẽ đương nhiên” của Kiều Phong. 11-6-2007).

Sự thật thì Gs. Nguyễn Ngọc Lan chỉ là “cha giáo” của một nhóm nhỏ tu sinh Dòng Chúa Cứu Thế, và một đạo là giáo sư thỉnh giảng Triết học ở Đại học Huế. Sinh viên theo môn Triết bao giờ cũng rất ít; hơn nữa, Đại học Huế toạ lạc tại một thành phố tương đối nhỏ. Cựu sinh viên Tuấn Nguyễn viết về lớp Triết của Gs. Nguyễn Ngọc Lan ở Đại học Huế trong bài *Nhớ Cha Nguyễn Ngọc Lan* như sau: *“Lớp học chứng chỉ Luận lý và siêu hình học đầu chỉ vốn vẹn có 6, 7 người, và khi nào cũng đông đủ”* (Dactrung.net). Như vậy thử hỏi lấy đâu ra mà có “bao nhiêu ngàn, bao nhiêu vạn học trò của ông phải xếp bút nghiên...”?

2. Các giám mục Việt Nam có nể trọng Nguyễn Ngọc Lan không?

Quỳnh Thi cho rằng: *“Nguyễn Ngọc Lan cũng nổi tiếng về tính cách ngay thẳng, trung thực. Với tác phẩm Đường hay pháo đài, ông đã phê phán đường lối lãnh đạo của Giáo hội, khiến hàng giáo phẩm Công Giáo Việt Nam không hài lòng. Nhưng không vì thế mà sự nể trọng của các giám mục đối với ông giảm sút, vì ông là người dám nói sự thật theo đúng Tin Mừng”* (Quỳnh Thi. Đồi điều về bài viết “Lẽ đương nhiên” của Kiều Phong. 11-6-2007).

Tác giả Quỳnh Thi có quá lời chăng, có khẳng định điều mình không mấy thẩm quyền chăng? Làm gì có chuyện các giám mục phải “nể trọng” Nguyễn Ngọc Lan. Lúc đó, có thật là Nguyễn Ngọc Lan đã “dám nói sự thật” không? Và thế nào là “nói sự thật theo

đúng Tin Mừng”? Nói “sự thật theo đúng Tin Mừng” đã khó, sống đúng Tin Mừng còn khó hơn? Nói mà không làm có khi lại là giả hình, là lạm dụng tôn giáo để tranh đấu hoặc mưu đồ chính trị đen tối.

Sự thật thì khi còn giảng dạy tại Học viện Dòng Chúa Cứu Thế Đà Lạt, Gs. Nguyễn Ngọc Lan và Lm. Đinh Khắc Tiệu đã cổ xúy cho nền “Thần học Giải phóng” phát xuất từ Nam Mĩ. Do vậy, một số vị giám mục tỏ ý lo ngại khuynh hướng cấp tiến này sẽ bị lợi dụng và có thể là mầm mống gây khủng hoảng trong lòng Giáo hội CGVN. Giám mục Đà Lạt lúc đó là Simon Hoà Nguyễn Văn Hiền đã phải cấm Lm. Nguyễn Ngọc Lan không được làm công tác mục vụ trong phạm vi Giáo phận Đà Lạt (coi như phạt “treo chén”).

Sau này, đôi khi Nguyễn Ngọc Lan còn nhắc lại vụ này một cách cay cú. Chẳng hạn như ông đã viết một bài báo có nhan đề là: *Một giám mục không gây không mũ là một thằng HÈN*. Đây là thuật “chơi chữ” sâu cay sở trường của Nguyễn Ngọc Lan. Ông ta lấy tên của Giám mục HIỀN mà bỏ chữ I (tức cây gậy) và dấu mũ trên chữ E (cái mũ) thành ra chữ HÈN!

Sự lo ngại càng lớn khi thấy Gs. Nguyễn Ngọc Lan từ Đà Lạt trở về Sài Gòn, vừa bằng ngòi bút vừa bằng hành động, đã tỏ ra hết sức hung hăng, tả xung hữu đột trong mọi cuộc tranh đấu chống phá chính quyền VNCH, gây xáo trộn thường xuyên ngay tại Thủ đô. Tuyệt nhiên, không ghi nhận một vị giám mục nào hoan nghênh phe nhóm Nguyễn Ngọc Lan.

Thêm vào đó, còn nhớ một lần vào năm 1973, tôi cùng với một anh bạn thân được hầu chuyện Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình tại phòng khách Tòa Tổng Giám mục và tôi đã hỏi tại sao Ngài không có phản ứng gì đối với đám linh mục thiên Cộng: Minh-Cần-Từ-Tín-Lan... thì Đức Tổng Giám mục trả lời ý chính như sau: Cha có quyền làm gì chứ, nhưng để yên vậy, ít ai biết tới hơn. Nếu cha có biện pháp này nọ thì lập tức họ nổi tiếng như cồn. Các đài phát thanh Giải phóng, đài Hà Nội, rồi bên Âu châu, Mĩ châu sẽ thi nhau khai thác ồn ào ngay...

Xem như thế, lời khẳng định cho rằng các giám mục vẫn nể trọng Nguyễn Ngọc Lan là không có căn cứ xác thực.

3. Nguyễn Ngọc Lan có chỉ huy phong trào sinh viên tranh đấu không?

Tác giả Quỳnh Thi ghi chú: “*Cần phải nói thêm, trong những năm cuối thập niên 60, đầu thập niên 70, lúc mà cuộc chiến tranh Việt Nam đang hồi ác liệt, Giáo sư Nguyễn Ngọc Lan đi lại, điều phối, chỉ huy phong trào đấu tranh của các tổng hội sinh viên học sinh Miền Nam một cách công khai, bằng phương tiện xe máy bình thường như mọi người. Và ông vẫn tiếp tục đi dạy học hết trường này tới trường khác, từ Nam ra Trung. Chẳng ai dám đụng tới! Không phải vì ông có quyền lực gì khiến chính quyền khiếp sợ, mà vì ông được dân chúng, sinh viên học sinh, mọi giới kính trọng, yêu mến*” (Quỳnh Thi. Đôi điều về bài viết “Lẽ đương nhiên” của Kiều Phong. 11-6-2007).

Tác giả Quỳnh Thi không nắm vững tình hình sinh hoạt của các phong trào sinh viên học sinh tại Miền Nam. Nói vắn tắt:

- Từ khoảng 1963-1966, hầu hết các phong trào sinh viên tranh đấu (đặc biệt là ở Sài Gòn) còn nằm trong tay các sinh viên Quốc gia như Lê Hữu Bôi, Nguyễn Trọng Nho, Trần Quang Trí, Tô Lai Chánh.

- Từ khoảng 1966 tới cuối 1971: Các chi bộ Cộng sản chi phối được Tổng hội SVSG và một số Phân khoa tại Đại học Sài Gòn. Thế là xuất hiện những tên tuổi như Hồ Hữu Nhựt, Lữ Phương, Trần Triệu Luật, Nguyễn Đăng Trùng, Huỳnh Tấn Mẫm, Trịnh Đình Ban, Tôn Thất Lập, Hà Thúc Thoan, Huỳnh Thiện Kim Tuyền, Trần Thị Lan, Trần Thị Huệ, Cao Thị Quế Hương, Trầm Khiêm, Dương Văn Đầy, Nguyễn Thị Yến, Phan Nguyệt Quòn, Huỳnh Quan Thư, Hạ Đình Nguyên, Trương Quốc Khánh, Trần Long Ân, học sinh Lê Văn Nuôi...

- Từ cuối 1971 cho tới 30-4-1975, các chi bộ CS và các sinh viên thân Cộng hoàn toàn bị loại khỏi Tổng hội Sinh viên Sài Gòn và các Phân khoa.

Như vậy, vì Nguyễn Ngọc Lan chống chính quyền Quốc gia, đương nhiên ông không dính dáng tới các tổ chức sinh viên Quốc gia khoảng thời gian 1963 tới 1966.

Đối với các tổ chức sinh viên thân Cộng, cao lắm ông chỉ dùng chút tên tuổi của mình và chiếc áo dòng để yểm trợ cho hoạt động của những tổ chức do các chi bộ thuộc Thành Đoàn Cộng sản điều khiển, chứ ông không có vị thế nào để “điều phối, chỉ huy” các phong trào sinh viên học sinh thiên Cộng này. Các chi bộ Cộng sản “hoạt động trong lòng địch” này được chỉ huy chặt chẽ bởi các cán bộ Cộng sản cốt cán và xuất sắc nhất.

Từ cuối 1971 tới 30-4-1975, các tổ chức sinh viên học sinh thiên Cộng hoàn toàn bị quét sạch khỏi Tổng hội Sinh viên Sài Gòn và các Phân khoa thì Nguyễn Ngọc Lan lại càng không có chút ảnh hưởng nào đối với Tổng hội SVSG và với ban đại diện của các Phân khoa nay nằm trong tay các sinh viên khuynh hướng Quốc gia.

Thực tế, Nguyễn Ngọc Lan có ảnh hưởng đối với một số rất ít sinh viên Công giáo thân Cộng thuộc tổ chức Thanh Lao công và nhóm cựu học viên Dòng Chúa Cứu Thế. Nhóm Thanh Lao công Vườn Xoài như: Nguyễn Văn Ngọc (1), Đoàn Khắc Xuyên (cựu tu sĩ Phanxicô), Nguyễn Xuân Hàm, Nguyễn Xuân Phở, Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Chí Thành, Trịnh Viết Trung, Vũ Sĩ Hùng, Phạm Văn Phở (Khoa Học)... Nhóm cựu học viên Dòng Chúa Cứu Thế như: Vũ Sinh Hiên (2), cựu Linh mục Nguyễn Nghị... Kể luôn một số nữ sinh viên và học sinh Công giáo thường xuyên sinh hoạt với Nguyễn Ngọc Lan, trong đó có cô Thanh Vân là người đến năm 1976 trở thành bà xã của ông.

4. “Chẳng ai dám đụng tới!” Nguyễn Ngọc Lan

Điều này có phần đúng. Một phần có thể là vì chính quyền chưa nắm được bằng chứng chính xác ông “đi khu”, phần khác là nhờ cái áo chùng thâm nhà tu của ông bao bọc che chở cho ông. Và lại cái mạnh của chế độ tự do là ở thời bình, nhưng ngược lại, chế độ tự do trở thành rất yếu trong thời chiến, nó bó chân bó cổ chính quyền. CSVN cũng là người Việt cho nên họ dễ xâm nhập trà trộn, họ lại được huấn luyện cực kì kĩ lưỡng để hoạt động bí mật, để hoạt động khuynh loát chính quyền; họ dám dùng bạo lực, và mọi mảnh khoé, mọi thủ đoạn. Họ sẵn sàng bắt và tiêu diệt bất cứ ai

cản trở con đường của họ hoặc ngay cả không theo họ. Trong khi đó, Chính phủ VNCH phải tôn trọng luật pháp, không được bắt bớ ai nếu không có đủ bằng cứ phạm pháp. Trường hợp bắt do tình nghi, chỉ được tạm giam trong một thời gian ngắn để điều tra, nếu không đủ chứng cứ, bắt buộc phải thả ra. Thêm vào đó, chính quyền VNCH còn bị bó tay bởi các chính phủ và dư luận của các nước Âu Mỹ, nhất là Hoa Kỳ. Vì thế, mặc dù biết có những kế hoạch động cho Cộng sản, cơ quan an ninh VNCH vẫn chỉ theo dõi, không tiện bắt giữ. Nguyễn Ngọc Lan là một trong số những trí thức phản chiến, thiên Cộng được chế độ tự do Miền Nam bảo vệ để họ tha hồ hoạt động chống lại chính cái chế độ đó.

5. Nguyễn Ngọc Lan có “đâm sau lưng chiến sĩ” không?

Ngày 18-6-2007, trong một bài viết ngắn trên Talawas để trả lời Bs. Trần Văn Tích (Giáo sư Y khoa Đại học Minh Đức, y sĩ trưởng bệnh xá Phủ Đặc uỷ Trung ương Tình báo VNCH, hiện cư ngụ tại Đức quốc), Quỳnh Thi vẫn nhất quyết cho rằng Gs. Nguyễn Ngọc Lan chỉ là nhà đối lập như bao nhà đối lập khác ở Miền Nam. Theo bà, những chính khách xôi thịt, những tay buôn bán vũ khí, thuốc Tây, lương thực với Việt Cộng, những viên chức chính quyền và quân sự tham nhũng, lính ma lính kiếng, những cấp chỉ huy bỏ lính chạy... mới là những kẻ đâm sau lưng chiến sĩ.

Chúng tôi đồng ý ngay với tác giả Quỳnh Thi khi cho rằng những kẻ buôn bán với Việt Cộng, tham nhũng, buôn lậu, lính ma lính kiếng, cấp chỉ huy bỏ lính chạy... đều là những kẻ đâm sau lưng chiến sĩ. Thực sự là có nhiều loại người đã đâm sau lưng chiến sĩ. Ở đây, chỉ nói về nhân vật Nguyễn Ngọc Lan, không mở rộng ra tới các loại người đâm sau lưng chiến sĩ khác. Trong luật pháp có nguyên tắc: Không thể nài có thấy người khác phạm pháp mà cho là mình cũng được phép phạm pháp. Thí dụ: Lái xe vượt đèn đỏ..., nếu bị bắt, đương sự không thể nài lí do thấy kẻ khác cũng làm như vậy.

Như phần đầu đã trình bày, Gs. Nguyễn Ngọc Lan đã vượt quá vị trí của một nhà hoạt động đối lập theo Hiến định, đã thiên Cộng rõ ràng. Xin nhắc lại, ngay từ đêm 30-4-1966, đi trên đường phố

Đà Lạt cùng với Nguyễn Đắc Xuân, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, Trần Trọng Thức, “chị” Sâm, ca sĩ Khánh Ly, Gs. Nguyễn Ngọc Lan đã nói: *“Bây giờ không còn con đường nào khác là con đường của Mặt trận Giải phóng”* (Nguyễn Đắc Xuân. Thư gửi Hoà sĩ Trịnh Cung. Huế, chớm Hè 2009. Damau.org). Từ đó, ông làm ngơ trước mọi tội ác của Cộng sản, chỉ một chiều cáo giác phía VNCH, mục đích làm suy yếu VNCH. Nguyễn Ngọc Lan đã hoạt động chống chính quyền vừa công khai vừa lén lút và đã từng bí mật ra “khu”... Do đó, nói cho đầy đủ thì Nguyễn Ngọc Lan vừa là kẻ đâm thẳng vào mặt chiến sĩ vừa là kẻ đâm sau lưng chiến sĩ.

V. HÍ HÙNG BỢ ĐỠ CỘNG SẢN

1. Trước 30-4-1975

Khi còn bợ đỡ Cộng sản, Nguyễn Ngọc Lan viết lách và ăn nói hết sức phóng túng. Ông đã gán ghép các đặc ngữ Công giáo vào những bài viết loại trở cò, còn gọi là loại “ba mươi tháng tư” như: *“Tin Mừng Ngày Giải Phóng”*, *“Anh em ơi hãy vui mừng, đó là tin mừng cứu độ được gửi tới anh em”* (mượn ý tên một Hiến chế lòng danh của Giáo hội Công giáo. Đó là Hiến chế Gaudium et Spes: Vui Mừng và Hi Vọng).

Nhớ lại hồi trước 1975, ông đã từng viết: “Chúa hôm nay vẫn ở ngoài đường”, “Xin được chối từ Thiên đường”, “Chiến tranh của 500.000 lính Chúa Kitô”, “Chúa sắp vác chiêng ra toà”...

Vào khoảng Tháng 4-1975, khi thấy tình hình đang trên đà thắng lợi cho phía Cộng quân, Nguyễn Ngọc Lan bộc lộ huych toẹt xu hướng thiên Cộng của ông ta, đặc biệt là qua những bài giảng tại nhà thờ Phú Quý và nhà thờ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, đường Kỳ Đồng và được đăng trên báo *Đứng Dậy*.

Báo *Đứng Dậy* số ra ngày 15-4-1975 đã đăng bài *“Chúa hôm nay và ngày mai”* (ghi âm bài giảng Tin Mừng ngày Chúa nhật 06-4-1975 tại nhà thờ đường Kỳ Đồng), đại ý nói: *“Cách mạng sắp đến là giờ của Chúa, có thể anh em bị thử thách, nhưng để đức tin của anh em được tôi luyện, nếu anh em có đức tin và đừng cứng lòng tin, thì sẽ thấy hoàn cảnh chúng ta sắp rời bỏ không phải là*

lý tưởng, thuận lợi cho sự phát triển của đức tin; vì đó là xã hội thối nát... và vì thế, anh em đừng nhốt Chúa trong hộp đá, là cái thế giới tự do này từ lâu rồi, và Chúa không còn thở nổi nữa. Còn hoàn cảnh mới, dầu có khó khăn đi nữa, thì chắc gì Chúa chẳng đến với chúng ta dễ dàng hơn, qua nếp sống công bằng tình thương chia sẻ đó”.

2. Sau 30-4-1975

Sau ngày 30-4-1975, báo *Đứng Dậy*, số 70 ngày 04-7-1975, tiếp tục đăng 3 bài giảng của Nguyễn Ngọc Lan, cũng tại 2 nhà thờ nói trên:

Bài giảng Chúa nhật đầu tiên sau ngày Miền Nam bị Cộng sản cưỡng chiếm, tức ngày 04-5-1975, Nguyễn Ngọc Lan nói trên toà giảng tại nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế như sau: “... 10 giờ sáng ngày 30 tháng 4, sau bao nhiêu tháng ngày hoang mang, lo lắng, sợ hãi hay hồi hộp mong chờ. Hoà bình đã đến trên đất nước ta, hoà bình đã đến như phải đến đã đành, nhưng đặc biệt hoà bình lại đến mà không đi qua biển máu lửa, đổ nát tại Sài Gòn như mọi người đã phải lo ngại hay tiên đoán”.

“Chúng ta đang sống trong 1 tuần lễ phi thường, có 1 không 2 trong cuộc đời chúng ta, cũng như trong lịch sử đất nước ta... 30 tháng 4: ngày vui chung, niềm vui lớn; mà những sự kiện ngoài đường, như là những tín chỉ, điềm lành; chẳng hạn khuôn mặt anh em bộ đội đi vào thành phố Sài Gòn, tư cách khiêm tốn, đạo đức của họ, đã làm cho tôi nói đùa với một ông thiếu tá: “... giá như quân đội Sài Gòn của anh vừa chiến thắng, xông vào thành phố Hà Nội; thì hầu như ngay ngày đầu tiên, đã có hàng chục ngàn đàn bà, con gái bị hãm hiếp... Mặc dầu họ phê bình quá nặng, nhưng không oan đâu: Thành phố Sài Gòn thật nguy nga, linh tinh lắm, nhưng trẻ con thì mất dạy”.

Bài giảng Chúa nhật thứ hai, 11-5-1975, Lễ Chúa Giêsu Lên Trời, Nguyễn Ngọc Lan giảng bài “*Tại sao cứ đứng đó mà nhìn lên Trời*”, ông nói: “*Hoàn cảnh chúng ta đang sống không khác gì giờ phút đặc biệt của các đồ đệ chúa Yêsu đứng mãi mê nhìn Trời, chúng ta cũng có khuynh hướng mãi mê nhìn lại quá khứ, mà quên*

tiền về tương lai. Hỡi những tín hữu Miền Nam, tại sao còn đứng lặng đờ mà nhìn vào đâu mê mải, tiếc nuối 1 quá khứ, mà không nhận ra nước Chúa ở đâu; 1 nơi thì tinh khôn, chụp giật, gạt gẫm, 1 nơi thì mộc mạc, thật thà” (Nguyễn Văn Trung. Bđd).

Rồi ông ca ngợi con người Xã hội chủ nghĩa Miền Bắc tốt hơn hẳn con người sống ở Miền Nam: “*Thế thì, thưa anh chị em, giữa hai giới đồng bào kia, một bên mộc mạc thật thà như thế, một bên quá tinh khôn và sẵn thói chụp giật, gạt gẫm như thế, chúng ta có thể tự hỏi: Chúa đang có mặt phía nào hơn. ‘Nước Trời’ đang bắt đầu tỏ hiện từ phía nào hơn” (Nguyễn Antôn. Công Giáo Miền Nam sau 30-4-75. Dân Chúa xuất bản. Trang 112,113).*

Ngày Chúa Nhật thứ ba, 18-5-1975, Lễ Hiện Xuống, Nguyễn Ngọc Lan giảng bài “*Ngàn năm một thuở*”, ông nói: “*Cách mạng là đổi đời, đổi thế giới, chỉ chấm dứt vương quyền trên Israel. Đó là một mất mát, nhưng mất mà được, vì có thuận lợi đón nhận năng lực, khí phách Chúa Thánh Thần. Cách mạng giải phóng đặc biệt cho Giáo hội, vì kéo Giáo hội ra khỏi xã hội chỉ... nuôi béo con người cũ, chỉ thuận lợi cho vương quyền Israel, phản lại hẳn về thực chất nước Thiên Chúa. Lễ Hiện xuống 1975 là cơ may tuyệt vời để Giáo hội đi vào nếp sống mới đích thực hơn, với hy vọng chính đáng là càng mất quyền hành, thế lực, phương tiện bao nhiêu thì càng được Chúa Thánh Linh ban cho năng lực, khí phách anh hùng và đức yêu thương, vị Phụ tá của mình mỗi buổi sáng” (GS. Nguyễn Văn Trung. Bđd.).*

Đề kỉ niệm 30 Năm Cách Mạng Tháng 8, trong Lời Nói Đầu số báo 71, nhan đề “*Con đường đã vượt qua và con đường sẽ đi tới*”, kí tên là ĐD, Nguyễn Ngọc Lan xác định lập trường của báo *Đổi Diện* như sau: “*... đã không ngừng chống lại đế quốc và nguy quyền tay sai, nhưng không phải chỉ trong một nhân giới đối lập và cải lương - mà là, với ý tưởng cách mạng. Ngày nay Cách mạng đã thành công, thế đứng của ĐD (tức báo *Đứng Dậy*, thối thân của báo *Đổi Diện*) đương nhiên đổi mới. Góp phần củng cố và xây dựng CM trở thành nhiệm vụ đương nhiên của ĐD, để trung thực với chính mình, đi đến con đường mình đã chọn.*

ĐD thú nhận trong giai đoạn đã qua, ĐD đã hoàn toàn tiêu

cực, đối với chế độ Sài Gòn, vì nó đã đem hết nỗ lực vào việc phá hoại 1 chế độ bóc lột và thối nát toàn diện và tự nền tảng” (Gs. Nguyễn Văn Trung. Bđd. Trang 5, 6).

Như thế là quá rõ ràng: Nguyễn Ngọc Lan theo Cộng sản, tiếp tay cho Cộng sản xâm chiếm Miền Nam VN. Coi như ông đã “kịp chuyến tàu” (cách nói của Sứ Mấy Đình Từ Thức).

VI. BỊ THẤT SỬNG VÀ BỊ ẶN ĐÒN

Nguyễn Ngọc Lan đã “kịp chuyến tàu” Cộng sản, nhưng thật đáng tiếc cho ông, khi tàu cập bến thì ông bị Cộng sản đá văng ra, không thương tiếc. Cộng sản dùng thứ thiết như “Nhóm 4 tên” Minh - Cần - Từ - Bích cho chắc ăn (tức là các Linh mục Huỳnh Công Minh, Trương Bá Cần, Phan Khắc Từ, Vương Đình Bích), chứ không dùng những tay trí thức “lãng mạn” như ông. Sau khi ra đến số 114, Tháng 12 -1978, Cộng sản bắt báo *Đứng Dậy* của ông (thối thân của *Đối Diện*, *Đồng Dao*) phải nằm xuống không được “đứng dậy”, phải chết.

Thật vậy, Nguyễn Ngọc Lan “vinh dự” là một trong 25 nhân vật Miền Nam được chọn đi quan sát Hội nghị hiệp thương thống nhất đầu tháng 9-1975 tại Hà Nội. Khi về Nam, ai cũng khôn hồn lo trả bài, còn ông cứ tưởng bỏ như xưa, cho nên đã đại dốt nói lên cả cái tốt lẫn cái chưa tốt trong bài *Hà Nội Tôi Thế Đó* (có kẻ “xỏ lá” đọc lái ra là Hà Nội Tồi Thế Đó). Chẳng hạn như thuật lại căn nhà khi ông rời Hà Nội trước 1954 nay trở lại thấy nước vôi cũ vẫn còn y nguyên... Hậu quả là Lm. Huỳnh Công Minh được phái tới gặp ông và nói: “*Thôi thì tờ Đứng Dậy đã “hoàn thành nhiệm vụ” của nó rồi, mình tính sang chuyện khác. Lãnh đạo tính nhờ anh đừng chủ bút tờ báo Thần học Công Giáo*” (Nguyễn Văn Lục. Nói Về Một Người Sắp Sửa Ra Đi: Nguyễn Ngọc Lan. Huongduongtxd.com).

Gs. Nguyễn Văn Trung còn tiết lộ, sau khi Nguyễn Ngọc Lan đi gặp Võ Văn Kiệt về thì ông ta than với Gs. Nguyễn Văn Trung: “*Bây giờ tôi chỉ còn giấy Chứng minh nhân dân*”! (Gs. Nguyễn Văn Trung. Bđd.).

Đúng thế, sau khi ra số cuối cùng 114 vào cuối năm 1978 vì

“đã hoàn thành nhiệm vụ”, báo *Đứng Dậy* phải đình bản, cuộc sống của vợ chồng Nguyễn Ngọc Lan lâm vào hoàn cảnh bi đát. Ông đã tâm sự với nhà văn Thế Uyên: “*Tôi bây giờ còn thua cả số phận của anh nữa. Hộ khẩu thường trú của tôi là toà soạn, bây giờ xin chuyển về nhà riêng, Công an nhất định không cho. Tôi không có hộ khẩu, không có quyền mua gạo, không được vô bệnh viện, không được di chuyển, TÔI KHÔNG CÒN HIỆN HỮU, TÔI KHÔNG CÒN CÓ MẶT TRÊN THẾ GIẠN NÀY NỮA... Tôi (Thế Uyên) an ủi anh (NNL): Dù sao anh vẫn còn được tự do và vẫn còn có chị (tức Thanh Vân, vợ của NNL)*” (Hồi ký của Thế Uyên. Nguyễn Văn Trung và Những Người Công Giáo Bạn Tôi. Phụ bản Tin Nhà số 4. Paris, Hè 1991. Trang 10).

Đến đây thì ông mới vỡ lẽ ra. Ông mất tờ báo tức là ông mất hết “quyền lực”. Thế là ông quay ra chống Cộng. Bạc bẻ cũ của ông mĩa mai: Giả như Nguyễn Ngọc Lan vẫn còn giữ được cơ quan ăn nói, đã chắc gì ông chống Cộng?

VII. VÀI NHẬN XÉT

Tóm lại, chúng tôi công nhận Gs. Nguyễn Ngọc Lan có trình độ và bằng cấp cao, đỗ Tiến sĩ ở Đại học Sorbonne với luận án về *Thuyết Tiến Hoá* (Nguyễn Văn Lục. Bđd.), có tài viết bút chiến sắc bén. Giọng văn ông đôi khi thông minh, dí dỏm, nhưng sâu cay, độc địa cho nên dễ làm cho đối phương buồn phiền, oán hận. Tư tưởng ông cấp tiến và quá lí tưởng, đến độ ảo tưởng. Còn lập trường chính trị của ông hời hợt thật sự là một chiều, bất công, phe phái, thiếu khách quan, rất bất lợi cho VNCH và đương nhiên ông trở thành kẻ có công lớn đối với Cộng sản. Đáng chú ý nhất là ngay từ năm 1966, Gs. Nguyễn Ngọc Lan (lúc đó còn là linh mục) đã chọn đứng hẳn về phía Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam, một tổ chức do Cộng sản Bắc Việt thành lập và điều khiển trực tiếp bởi Trung ương Cục Miền Nam, tức Cục R.

Ngày 28-02-2007, hai ngày sau khi Gs. Nguyễn Ngọc Lan qua đời, Trần Bạch Đằng viết bài *Tiến Biệt Anh, Anh Nguyễn Ngọc Lan*. Trong đó, có đoạn tuyên dương công trạng như sau: “*Tôi nghĩ rằng nỗi buồn ấy không chỉ riêng của cá nhân tôi bởi trong phong*

trào đấu tranh chống Mỹ cứu nước ở thành phố Sài Gòn anh được biết đến như một người xung trận quả cảm, đồng hành với trí thức, học sinh, sinh viên, phật tử và đồng bào nói chung, nếu chúng ta nhớ thái độ của anh đối với sự hy sinh của Nhất Chi Mai, của công nhân Hãng pin Con Ó và nổi lên cuộc chống độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu cùng tai hoạ do cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ gây trên đất nước chúng ta” (vietbao.vn).

Nhận xét cuộc đời GS. Nguyễn Ngọc Lan, thấy ông có tính bất mẫn kinh niên, sống trong bất cứ môi trường nào ông cũng sẵn sàng phản kháng, khi còn tu cũng như khi cởi áo dòng ra sống ngoài đời. GS. Nguyễn Văn Lục đã lột tả tính khí ông vừa chính xác vừa rất dí dỏm: *“Tôi chỉ có một nhận xét về Nguyễn Ngọc Lan như thế này. Không ở chế độ nào mà ông không là người đối lập. Đối lập là lý lẽ đời ông. Từ chối, phủ nhận, tranh đấu, bất đồng ý kiến, chính là bản thân con người của một trí thức khuynh tả. Mai một ông đi về nhà Cha thật là nước Thiên Đàng. Ở trên ấy chỉ có sướng. Một ngày nào đó ông sẽ bực mình hỏi Chúa rằng: Tại sao tôi lại sướng như thế này?”* (Nguyễn Văn Lục. Nói Về Một Người Sắp Sửa Ra Đi: Nguyễn Ngọc Lan. Huongduongtxd.com).

Với cá tính ấy, cho nên khi bị Cộng sản bạc đãi, Gs. Nguyễn Ngọc Lan không chịu được, ông ngoái cổ lại cắn vào gót chân chúng. Phản ứng như thế, đối với Cộng sản, chúng coi như là phản ứng của một con chó dại, cần phải thủ tiêu ngay. Đúng vậy, ngày 04-5-1998, Cộng sản sai bọn “ung khuyến” kết liễu đời Gs. Nguyễn Ngọc Lan bằng cách đập cho ông và đàn anh của ông là Lm. Chân Tín té xe Honda trên đường đi đám tang tay Cộng sản gốc Miền Nam, bất mẫn và phản tỉnh là Nguyễn Văn Trấn (Bảy Trấn). Theo tờ *Tin Nhà* số 34, tháng 7, 1998, Pháp, trang 20, thì *“Giáo sư Nguyễn Ngọc Lan bị bắt tỉnh ngay tại chỗ, mất nhiều máu, đưa vào bệnh viện khâu năm mũi ở đầu và bị nứt xương vai. Chụp scanner thấy trong đầu có máu bầm... Chân Tín bị xây xát”*. (Đọc thêm bài: “Tạ ơn đời, tạ ơn Trời, tạ ơn từng bạn và tất cả các bạn” của Nguyễn Ngọc Lan. Tin Nhà số 35, Tháng 9-1998. Trang 23).

Cuộc chiến đã lui vào dĩ vãng, nhưng những chiến sĩ đã miệt

mài chiến đấu chống Cộng sản bảo vệ Miền Nam tự do sẽ còn ôm mối hận cay đắng mãi cho tới ngày xuôi tay nhắm mắt vì bị những kẻ ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản này đâm sau lưng.

Thực ra, trong chiến tranh Việt Nam, có nhiều trí thức giỏi chuyên môn nhưng dường như hiểu biết về Cộng sản rất ít, cho nên, một là đã hí hửng “theo đóm ăn tàn”, hai là đã để Cộng sản lợi dụng một cách quá dễ dàng. Trong số đó có những tên tuổi quen thuộc như: Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát, Trương Như Tảng, Dương Quỳnh Hoa, Ngô Bá Thành... Nhóm Dương Văn Minh như Hồ Ngọc Nhuận, Trần Ngọc Liễng, Dương Văn Ba, Lý Quý Chung, Nguyễn Hữu Chung, Ngô Công Đức... Một số giáo sư đại học như: Lê Văn Hảo, Châu Tâm Luân, Lý Chánh Trung, Trần Kim Thạch... Một số linh mục như: Trương Bá Cần, Huỳnh Công Minh, Phan Khắc Từ, Vương Đình Bích, Trần Tam Tĩnh (Canada), Nguyễn Đình Thi (Pháp), Lưu Hồng Khanh và Nguyễn Thế Hiển (Đức)... Đâu phải chỉ có Lm. Chân Tín và Gs. Nguyễn Ngọc Lan.

Thế nhưng, sau khi Cộng sản chiến thắng, tất cả những trí thức này cùng với tất cả những tổ chức cò mồi đều lần lượt bị Cộng sản đào thải, kể luôn cái gọi là Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam. Chính sách cố hữu của người Cộng sản là “Được chim bẻ ná, được cá quên nom” và “Hết mùa đi săn, chủ giết chó săn”.

Cũng may, từ khi “bị thất sủng”, Gs. Nguyễn Ngọc Lan và Lm. Chân Tín đã tìm về đường ngoảnh lại.

Mùa Chay Tháng 4-1990, tại nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, đường Kỳ Đồng, Lm. Chân Tín đã giảng 3 Bài Giảng Sám Hối: *Sám Hối Cá Nhân, Sám Hối Trong Lòng Giáo Hội, Sám Hối Trong Lòng Dân Tộc.*

Mở đầu bài giảng Sám Hối Cá Nhân, LM. Chân Tín nói ngay: “*Nói đến sám hối là tôi nghĩ đến tôi trước nhất*”. Nói thế, nhưng ông không chính thức nói lời sám hối về những hoạt động có lợi cho Cộng sản của ông trước đây. Ông không đủ can đảm nói lời xin lỗi nước VNCH và đồng bào Miền Nam tự do. Song ông đã dám tiếp nói lên tâm tình sám hối của ông bằng cách diễn giảng quan niệm sám hối “*không phải đâm ngực khóc lóc... không phải*

chỉ có ân hận...”, nhưng “sám hối là đổi mới sau khi đã ân hận”. Có lẽ ông đã kín đáo ám chỉ bây giờ lời nói, hành động của ông đã khác trước, tức là ông đã đổi mới, chứng tỏ ông đã sám hối chăng? Lm.Chân Tín lặp lại quan niệm sám hối này trong bài giảng Sám Hối Trong Lòng Dân Tộc: “Chúng ta thấy Liên Xô và các nước Đông Âu đã ân hận, đã sám hối bằng cách đổi mới” (viethoa.nl và Nguyễn Văn Trấn. Viết Cho Mẹ và Cho Quốc Hội. Tph. HCM. Trang 406).

Cũng vậy, Gs. Nguyễn Ngọc Lan, tuy không chính thức nhận lỗi như cha con cụ Vũ Đình Huỳnh và Vũ Thư Hiên trong *Đêm Giữa Ban Ngày*, nhưng việc viết lách của ông đã khác trước 180 độ. Bộ 3 tập *Nhật Ký Nguyễn Ngọc Lan*: Nhật Ký 1988, Nhật Ký 1989 1990, Nhật Ký 1990 - 1991, đều do *Tin Nhà Paris* xuất bản, đã phản ánh sự chuyển biến lập trường của ông. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, Gs. Nguyễn Ngọc Lan còn có thể để lại tiếng nói theo cách của riêng ông, không đến nỗi như Nhất Chi Mai “*Chết Mới Được Lên Lời*” (nhan đề tập sách nhỏ và mỏng của Nguyễn Ngọc Lan ca ngợi sinh viên Nhất Chi Mai tự thiêu cầu nguyện hoà bình).

Một khi đã thay đổi lập trường và lên tiếng phê phán chống lại Cộng sản, đương nhiên Lm. Chân Tín và Gs. Nguyễn Ngọc Lan phải chấp nhận hi sinh, phải chấp nhận đòn thù của Cộng sản. Vì 3 tập *Nhật Ký*, ngày 05-8-1990, công an tới khám xét nhà của Gs. Nguyễn Ngọc Lan và tuyên lệnh quản thúc ông 3 năm tại gia. Vì 3 *Bài Giảng Sám Hối*, Lm. Chân Tín bị phát vãng 3 năm ra Cửa Cần Giờ. Đặc biệt nghiêm trọng là việc Gs. Nguyễn Ngọc Lan và Lm. Chân Tín bị mưu sát ngay trên đường phố Sài Gòn như đã thuật lại trên đây.

Sự chuyển biến tư tưởng của Gs. Nguyễn Ngọc Lan và Lm. Chân Tín tuy muộn màng, song vẫn hơn là không bao giờ.

Tháng 12-2010, bổ sung tháng 6-2013

Ghi chú:

1. Từ sau biến cố Tết Mậu Thân 1968, Nguyễn Văn Ngọc, sinh viên Công giáo Khoa học hoạt động nằm vùng, từng làm Tổng Thư ký Tổng Liên đoàn Sinh viên Công giáo Việt Nam. Trụ sở: Trung

tâm Phục Sinh, 229 Hiền Vương, Sài Gòn. Sau 30-4-1975, Ngọc làm ở Thành Đoàn, rồi làm Phó Trưởng Ban Tôn giáo đặc trách khối Kitô Giáo (1998-2003?) trong Ban Tôn giáo của chính phủ Hà Nội. (Theo Đỗ Hữu Nghiêm. Tập Thể Sinh Viên Công Giáo Việt Nam. Dunglac.org).

2. Vũ Sinh Hiền vừa là học trò vừa là bạn của Gs. Nguyễn Ngọc Lan. Do đó, suy nghĩ của Vũ Sinh Hiền chịu ảnh hưởng rất lớn từ Gs. Nguyễn Ngọc Lan. Hồi Gs. Nguyễn Ngọc Lan còn tung hô “Cách Mạng” thì Vũ Sinh Hiền cũng mon men kiếm chút điểm với chế độ mới. Trên Đối Diện số 71, ngày 19-8-1975, Vũ Sinh Hiền viết: “CMT8 tôi tròn 4 tuổi rưỡi... cho đến khi lớn lên. Bằng đi một thời gian, cho đến lúc vào đại học, chẳng ai dạy tôi về CMT8. Bây giờ tuy tôi đã không có mặt lúc khởi điểm, nhưng những công việc bề bộn còn đó... đòi hỏi sự đóng góp của mọi người. Tôi xin được xếp hàng vào hàng những người đến sau chân thành này” (Gs. Nguyễn Văn Trung. Bđđ.Tr. 27). “Khi Đại hội Đảng họp, Vũ Sinh Hiền mượn cơ hội này, viết thư gửi một người xa quê hương, nêu một vài ý nghĩa về sự kiện quan trọng, có tính cách lịch sử đang diễn ra - mà nếu tác giả ở địa vị kẻ xa kia, thì không thể nào có được... Những lần Đại hội Đảng trước, tác giả không được ai cho biết; nhưng lần này, tác giả được sống trọn vẹn từng ngày, chuẩn bị họp đại hội, nên hiểu được những mái tóc bạc phơ ấy, đâu có phải một tay võ biền từ trời rớt xuống, một trò công kênh, sau một cú chỉnh lý chỉnh liếc. Cứ nhìn các kẻ thù đã thua chạy, từ thực dân Pháp, phát xít Nhật, đến đế quốc Mỹ; cứ nhìn lại các chặng đường đã đi, dài dằng dặc, những kiên trì, liên tục, sáng tạo và đều đặn ấy... Tôi hiểu được rằng Đảng phải thế nào đó, mới có thể lãnh đạo dân tộc đi những bước kỳ diệu như chúng ta đã thấy...” (Đứng Dậy số 91-92, tr. 21-20).

Vũ Sinh Hiền là anh ruột của Vũ Đức Vương, kẻ từng gây lình xình dư luận một dạo về vụ Trung tâm tái định cư người tị nạn Đông Nam Á (The Center for Southeast Asian Refugee Resettlement) ở Bắc California. Vũ Đức Vương về hoạt động thường xuyên ở Việt Nam và đã nhiều lần được Cộng sản Việt Nam tưởng thưởng.



Học viện Quốc gia Hành chính trước 1975

Bài 9 - ĐỐI DIỆN VỚI LINH MỤC CHÂN TÍN 1: BẮT SINH VIÊN HAY BẮT SINH VIÊN VIỆT CỘNG



LM. Chân Tín

Năm 2009, lên youtube.com hoặc google.com, người ta có thể nghe được Lm. Chân Tín trả lời những câu hỏi phỏng vấn của ông Vũ Sinh Hiên về các hoạt động xưa nay của linh mục, nhân ngày cử hành kỉ niệm 60 năm linh mục và 90 tuổi đời của ông tại chi nhánh Dòng Chúa Cứu Thế ở Mai Thôn.

Dịp năm mới vừa qua, trang mạng Nữ Vương Công Lý lại tung ra loạt bài phỏng vấn Lm. Chân Tín về hiện tình đất nước, giáo hội và những dư luận xung quanh cuộc đời hành hiệp của ông. Nội dung chính một số bài trả lời phỏng vấn lần này, không khác mấy so với loạt bài phỏng vấn của ông Vũ Sinh Hiên hồi 2009.

Trước 30-4-1975, chúng tôi đứng về phía Lực lượng Sinh viên Quốc gia, trực tiếp tham gia Mặt Trận Đại Học, chống lại Thành Đoàn Cộng sản, đương nhiên chúng tôi rất chú ý câu trả lời của Lm. Chân Tín có liên quan tới hoạt động xưa kia của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy linh mục chưa nói đúng sự thật; nhất là linh mục vẫn hãnh diện về thành tích của báo *Đối Diện*, do ông làm chủ nhiệm, đã bênh vực và thông tin không công cho các hoạt động chống phá VNCH của Thành Đoàn Cộng sản.

Tây Phương có câu: Bạn của bạn ta là bạn ta. Vậy cũng có thể nói: Kẻ thù của kẻ thù ta là bạn ta không? Ít ra, cũng có thể là đồng chí giai đoạn, đồng chí “chiến thuật” vì tất cả chúng ta hiện đang có cùng một đối thủ là bọn cầm quyền bất xứng tại Hà Nội.

Cuộc chiến Quốc - Cộng qua lâu rồi, hiện nay đang diễn ra cuộc chiến mới giữa một bên là Đảng CSVN độc tài, toàn trị với bên kia là đa số đồng bào VN khát mong Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc thật sự. Quan sát thấy, vài năm sau 30-4-1975, Lm. Chân Tín và Gs. Nguyễn Ngọc Lan đột nhiên xoay chiều. Hai ông đã mạnh

dạn bệnh vực công lí, phê phán những sai trái của Đảng CSVN. Tức là hai ông trở thành đồng chí trong cuộc chiến đấu hiện nay của đa số đồng bào Việt Nam.

Vì cái thế “liên minh” này, chính ra tạm thời không nên khơi lại chuyện cũ, để tất cả cùng nhau củng cố lực lượng và chiến đấu trong cuộc chiến mới, giành tự do, công lí, bảo vệ bờ cõi. Và lại, về một số hoạt động cũ của hai ông Lm. Chân Tín và cố Gs. Nguyễn Ngọc Lan, chúng tôi đã có dịp trang trải trong bài *Về Nhân Vật Nguyễn Ngọc Lan*.

Thế nhưng cây muốn lặng mà gió chẳng dừng, khi trả lời phỏng vấn, vẫn giọng điệu cũ, Lm. Chân Tín kết án chính quyền VNCH bắt bớ sinh viên và những nhà tranh đấu. Ông bảo hành động như thế là ông thi hành “sứ mệnh ngôn sứ” mà ông “đã lãnh nhận”. Do đó, bắt buộc dĩ chúng tôi phải nhắc lại chuyện xưa, mục đích là để chứng minh: Chính quyền VNCH chỉ bắt một số những tên cán bộ Việt Cộng cốt cán thuộc Thành Đoàn Cộng sản hoạt động trong Đại học, chứ không vụng về đi bắt “đa số sinh viên” thuần tuý làm gì. Cũng xin hạn chế chỉ bàn bạc chuyện “bắt bớ sinh viên”, không bàn về những câu trả lời phỏng vấn khác của Lm. Chân Tín. Tiếp theo, chúng tôi sẽ công hiến độc giả thêm một bài nữa về cái gọi là Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù Miền Nam Việt Nam (UBVĐCTCĐLTMNVN) mà hồi đó Lm. Chân Tín giữ vai trò lãnh đạo, vì Ủy ban này ra đời sau đợt tranh đấu đòi thả bọn sinh viên Việt Cộng vào năm 1970.

I. NHỮNG NHẬN XÉT VỀ MỘT CÂU TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA LM. CHÂN TÍN

Trước hết là câu hỏi thứ 4 của Mạng Nữ Vương Công Lý và phần trả lời câu hỏi của Lm. Chân Tín.

Câu hỏi 4. Nhiều người cho rằng: trước đây Linh mục Chân Tín đã có thời “thân Cộng sản”, điều này có đúng không và có phải vì có thời kỳ đó mà cha đã có nhiều kinh nghiệm với Cộng sản hay không? Nếu có thể xin cha nói về vấn đề này?

Linh mục Chân Tín trả lời: Trước 1975, tôi và một số linh mục

cùng một số giáo dân trí thức đã chống chế độ Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu vì đã bắt bớ sinh viên và những người hoạt động chính trị. Các sinh viên và những người này bị bắt và bị tra tấn. Chúng tôi, 8 linh mục đã điều tra cẩn thận, nên đã lên tiếng yêu cầu trả tự do cho họ. Cuộc đối đầu giữa sinh viên và chế độ Nguyễn Văn Thiệu kéo dài và tờ báo Đối Diện của tôi đã bênh vực các sinh viên ấy. Cộng sản lợi dụng cuộc đấu tranh đó và nghĩ là chúng tôi về phe họ. Nhiều người trong chế độ cộng hoà cũng nghĩ như vậy. Tôi quan niệm rằng có bất công dù ở chế độ nào thì tôi cũng lên tiếng vì đó là sứ mạng ngôn sứ tôi đã lãnh nhận. Sau khi Cộng sản chiếm Miền Nam, tôi tiếp tục đấu tranh chống chế độ Cộng sản. Dù bị Cộng sản kết án 3 năm quản chế tại Cần Giờ, tôi vẫn tiếp tục chống Cộng sản cho tới nay.

Dù sao, tôi rất thông cảm với những người, đặc biệt là những anh em, những công chức của chế độ Việt Nam cộng hoà đã bị Cộng sản hành hạ, bắt bớ, tù đầy. Tôi mong anh em hiểu rằng tôi không bao giờ theo Cộng sản.

1. “Trước 1975, tôi và một số linh mục cùng một số giáo dân trí thức đã chống chế độ Nguyễn Văn Thiệu vì đã bắt bớ sinh viên và những người hoạt động chính trị”

Bắt “sinh viên” hay bắt “sinh viên Việt Cộng”? Cho tới nay, Lm. Chân Tín vẫn cố tình đánh lừa dư luận bằng cách nói thiếu 2 chữ quan trọng: Chính ra linh mục phải nói “... vì đã bắt bớ sinh viên Việt Cộng...” thay vì chỉ là “bắt bớ sinh viên”. Thực tình, mới nghe qua câu trả lời của Lm. Chân Tín trên đây, người ta dễ có ý nghĩ ông chống như thế là đúng, là tốt quá. Ông đáng được thưởng giải nhân quyền! Nhưng thực tế không đơn giản như vậy. Trong chiến tranh nhằm nhuộm đỏ Miền Nam, CSBV đã mở nhiều mặt trận, cài người vào các cơ quan nhà nước và mọi tổ chức ngoài xã hội. Trong trường học, nhất là Đại học cũng có Việt Cộng và những thành phần thân Cộng. Họ đã biến học đường thành một mặt trận do Thành Đoàn Cộng sản lãnh đạo với tổ chức quy mô gồm 2 hệ thống bí mật và công khai (Xin đọc bài *Sơ Lược Tổ Chức Cộng sản Trong Giới Sinh Viên Học Sinh Sài Gòn Trước 1975*).

Cho nên đương nhiên cơ quan hữu trách VNCH có nhiệm vụ phát hiện và vô hiệu hoá hoạt động của Cộng sản trong học đường, nhất là trong Đại học.

Vào thời điểm 1970, nếu nhiều người ở Miền Nam chưa biết các sinh viên bị chính quyền VNCH bắt có phải là Việt Cộng hay không thì còn tạm hiểu được, nhưng mà Lm. Chân Tín cũng như các lực lượng có trách nhiệm gìn giữ an ninh đều biết họ là ai. Chính Lm. Chân Tín khi trả lời phỏng vấn cũng đã xác nhận hồi đó linh mục đã biết họ là những kẻ đứng “sau lưng” những cuộc biểu tình chống chính phủ. Thế mà Lm. Chân Tín và báo *Đổi Diện* của ông vẫn ủng hộ những cuộc biểu tình ấy. Và cho tới bây giờ, Lm. Chân Tín vẫn luận điệu cũ, cáo buộc chính quyền VNCH đã bắt “sinh viên”.

Sau 30-4-1975, mọi người thấy những tên sinh viên Việt Cộng ở “sau lưng” (không kể những tên đã kịp lặn sâu hoặc chạy thoát vào mật khu) mà Lm. Chân Tín đã tranh đấu đòi thả ra, hầu như tất cả đã trở về và nắm giữ các chức vụ quan trọng. Họ chính là Lê Quang Vịnh, Phan Trọng Danh, Phan Chánh Tâm, Phạm Chánh Trực, Dương Văn Đầy, Trần Khiêm, Lê Công Giàu, Huỳnh Tấn Mẫm, Võ Như Lanh, Tôn Thất Lập, Trần Văn Long, Nguyễn Chơn Trung, Cao Thị Quế Hương, Võ Thị Bạch Tuyết, Trần Thị Lan, Hạ Đình Nguyên, Trần Thị Huệ, Lê Văn Nuôi, Trịnh Đình Ban, Vũ Quang Hùng, v.v....

Chính quyền VNCH đã bắt đúng đối tượng, nghĩa là chỉ bắt những kẻ “sau lưng” như cách nói của Lm. Chân Tín mà thôi. Chính quyền VNCH không vô cớ đi bắt đám đông sinh viên đi biểu tình như Lm. Chân Tín đặc ý nêu ra để tự đánh bóng. Thông thường, khi dẹp một cuộc biểu tình, nếu nhất thời phải hốt một số đông quá hung hăng về cơ quan, thì sau đó nhà chức trách cũng nhanh chóng gạn lọc và thả ngay đa số những thành phần không có vấn đề.

Khi trả lời cuộc phỏng vấn, Lm. Chân Tín rất hãnh diện về thành tích báo *Đổi Diện* của ông. Linh mục cho biết, từ *Đổi Diện* số 11, có Lm. Nguyễn Ngọc Lan về cộng tác. Từ đó, *Đổi Diện* trở thành tờ báo duy nhất “tường thuật” đầy đủ các vụ xuống đường của sinh

viên, đang khi tất cả các báo khác chỉ “đưa tin”.

Thời điểm mà Lm. Chân Tín đang đề cập là thời điểm nổ ra vụ án “Thành Đoàn Giải Phóng”, còn gọi là “Vụ Án 10-3-1970” hay là “Vụ Án Sinh Viên Huỳnh Tấn Mẫm”.

- Gọi là “*Vụ Án Thành Đoàn Giải Phóng*” vì tất cả 21 can phạm trong vụ này đều là những cán bộ thuộc Thành Đoàn Cộng sản.

- Gọi là “*Vụ Án Sinh Viên Huỳnh Tấn Mẫm*” vì Mẫm được coi “là lãnh tụ, là ngọn cờ tập hợp nhiều giới vào một mặt trận chung...”.

- Gọi là “*Vụ Án 10-3-1970*” vì đó là ngày sinh viên Việt Cộng Huỳnh Tấn Mẫm bị bắt lại tại Đại học xá Minh Mạng cùng đợt với một số sinh viên Việt Cộng khác.

Lúc đó, Mẫm là Chủ tịch Tổng hội SVSG, được đánh giá “là một biểu tượng trung tâm của phong trào đấu tranh công khai giữa lòng đô thị”, cho nên Thành Đoàn Cộng sản đã ra lệnh phải lợi dụng dịp Mẫm bị bắt và ra toà lần này, cùng với 20 tên sinh viên là cán bộ khác, để thổi bùng lên một cao trào đấu tranh mới.

Đúng vậy, đợt đấu tranh này nổ ra hết sức sôi nổi, kéo dài hơn một tháng rưỡi, lôi kéo nhiều giới.

Trên mặt trận chính trường, có các tai to mặt lớn nhào vô ăn có, như các luật sư danh tiếng: Vũ Văn Mẫu, Vũ Văn Huyền, Bùi Chánh Thời, Bùi Tường Chiêu, Nguyễn Long...; các dân biểu thân Cộng, hoặc thiên tả: Hồ Ngọc Nhuận, Phan Xuân Huy, Ngô Công Đức, Hồ Văn Minh, Hồ Ngọc Cứ, Kiều Mộng Thu, Nguyễn Văn Bình...; các giáo sư: Lý Chánh Trung, Châu Tâm Luân, Trần Thị Ty, Nguyễn Văn Trung, Trần Tuấn Nhậm...; các báo: Đối Diện, Tin Sáng, Tia Sáng, Đại Dân Tộc, Đuốc Nhà Nam, Dân Chủ Mới...

Trong số đó, tranh đấu hăng hái nhất là hai ông Gs. Lý Chánh Trung và Lm. Nguyễn Ngọc Lan.

Đang khi đó, ngoài đường phố diễn ra mặt trận sôi sục khác giữa nhân viên công lực và một số thành phần. Quý độc giả thử tưởng tượng xem thành phố Sài Gòn, trong những ngày này, rối loạn như thế nào theo sự mô tả của Gs. Lý Chánh Trung: “*Suốt tuần qua, trung tâm thành phố Sài Gòn đã biến thành một bãi chiến*

trường nho nhỏ để cho mấy ông Triệu tử Long nho nhỏ mặc sức tung hoành: Đông hốt sinh viên, Tây đập phé binh, Nam phá tuyệt thực, Bắc chặn biểu tình...Kết quả thiệt là ngoạn mục: Khỏi lựu đạn cay mịt mù trước Dinh Độc Lập, hàng rào kẽm gai chẳng chặt trên các nẻo đường, như những tràng hoa tang tóc nền dân chủ” (Lý Chánh Trung. Những Ngày Buồn Nôn. Đối diện, 1971. Bài 6: Khóc Đi Con viết ngày 13-4-1970. Trang 40).

“SVHS đã cạo đầu, đã tuyệt thực trong nhà trường, trên vỉa hè, trước Quốc hội, đã bãi khoá có hạn định và vô hạn định, và trích máu viết huyết lệ thơ, đã họp Đại hội trong Đại học và ngoài công viên, đã biểu tình ngồi, biểu tình đi, biểu tình đứng, biểu tình chạy... và đã hưởng cả ngàn trái lựu đạn cay do Hoa kỳ viện trợ. Các vị lãnh đạo tinh thần đã lên tiếng, các giới đồng bào đã lên tiếng, cho đến cái Hội đồng tôn giáo hiền lành cũng đã lên tiếng. Các Đại học và Trung học miền Trung, miền Tây đã tích cực tham gia cuộc tranh đấu của SVHS Sài Gòn. Cho tới cái tỉnh Vĩnh Bình xa xôi nhỏ bé của tôi mà cũng gửi lên được bản kiến nghị của 31 giáo chức” (Lý Chánh Trung. Những Ngày Buồn Nôn. Bài 7: Chánh Nghĩa Đã Thắng Một Phần, viết ngày 20-4-1970. Trang 49).

Xin nhấn mạnh điều này: Phần tường thuật của Gs. Lý Chánh Trung chỉ đúng về mức độ phá phách chứ không hoàn toàn xác thực về các thành phần tham gia, nhất là thành phần các sinh viên, học sinh.

Sự thực thì thành phần tham dự vào những cuộc tranh đấu chống phá mà Gs. Lý Chánh Trung mô tả ở trên không phải tất cả đều là sinh viên, học sinh thuần túy. Vào thời điểm 1970, khối đa số sinh viên thậm lạng có khuynh hướng Quốc gia chỉ lo học hành, họ đã chán ngấy những cuộc đấu tranh, phá phách ngoài đường phố để đòi chính quyền đối xử “nhân đạo” hoặc là phải thả tự do cho mười mười lăm tay sinh viên bị bắt giữ và đem ra xét xử vì dính dáng tới Thành Đoàn Cộng sản. Sở dĩ trước đây, nhiều sinh viên, học sinh thứ thiệt tham gia vào những cuộc biểu tình là vì họ bị thúc đẩy bởi những động cơ văn hoá, chính trị, tôn giáo hoặc là tình đồng bào lớn lao hơn nhiều.

Thí dụ: Vụ sinh viên, học sinh xuống đường đi dự đám tang

nhà văn Nhất Linh để chống Tổng thống Ngô Đình Diệm (1963). Có thể nói vụ này phát khởi vừa do động lực văn hoá vì Nhất Linh là thủ lĩnh của Tự Lực Văn Đoàn, vừa do sự kích động từ một số đảng phái nuôi tham vọng tranh đoạt quyền lãnh đạo đất nước. Rồi sinh viên, học sinh và dân chúng tiếp tục xuống đường, lấy lí do Tổng thống chủ trương “gia đình trị” và “đàn áp Phật giáo” (1963).

Thời Tướng Nguyễn Khánh nắm quyền, sinh viên học sinh xuống đường chống Hiến chương Vũng Tàu vào tháng 8-1964 vì cho rằng ông tướng này muốn thao túng quyền lực. (Thời gian đầu mới nắm quyền, Tướng Khánh bị tố là “Cần lao ngóc đầu dậy!”).

Đến khi cụ Trần Văn Hương làm thủ tướng (04-11-1964), sinh viên, học sinh lại xuống đường vì “Ông Già Gân” không chịu để mấy thầy làm áp lực. Cụ Hương từng phát biểu: “*Bọn đầu trọc làm trò khỉ. Tôi không thể để cho bọn con nít làm loạn!*”...

Có thời, một số người ở Miền Nam sợ tôn giáo của mình bị đàn áp (?) còn hơn là sợ Cộng sản. Nhưng vừa khi Phong trào Phật giáo tranh đấu nổi lên, lãnh đạo Cộng sản đã mau mắn chớp lấy thời cơ. Họ ra lệnh cho các cấp thừa hành trà trộn vào phong trào để lái đi theo mục tiêu của họ. Tình hình này gây nên biết bao gian nan và tai tiếng cho các lực lượng hữu trách của VNCH. Sách *Trui Rèn Trong Lửa Đỏ* của Thành Đoàn Cộng sản viết: “*Khu uỷ ‘coi Phật xuống đường’. Ban cán sự thanh niên sinh viên học sinh, Đoàn uỷ sinh viên lãnh đạo lực lượng của mình ‘táp vô với Phật tử xuống đường’ Lực lượng của các cánh các ngành cũng ‘táp vô’! Một thời cơ trong cơn bão táp loạn xạ... Những đảng viên, đoàn viên, nông cốt, cảm tình cách mạng của Ban Cán sự thanh niên ‘táp vô’ mang màu áo Phật tử giáo dục, hướng dẫn quần chúng, tranh thủ phát triển nhanh thực lực cách mạng khắp trường học, khu xóm. Thực lực càng phát triển càng ‘táp vô’ tranh thủ, lôi kéo, hướng dẫn từng nhóm, từng bộ phận của phong trào theo mục tiêu đấu tranh của cách mạng*” (Hoàng Hà. Bài Theo Dấu Chân Một Cuộc Hành Trình. *Trui Rèn Trong Lửa Đỏ*. NXB Trẻ, 2005. Tái bản 1. Trang 481).

Cuối cùng là vụ sinh viên xuống đường phản đối chính quyền Lon Nol vì đồng bào Việt Nam bị thảm sát hàng loạt bên

Campuchia (4-1970). Khởi đầu, có nhiều sinh viên thuần túy tham gia, nhưng khi các sinh viên Việt Cộng hào chiếm đóng và “cố thủ” trong Tòa Đại sứ Campuchia ở đường Lê Văn Duyệt, thì khối sinh viên thuần túy không tham gia nữa.

Trên thực tế, đa số các sinh viên, học sinh xuống đường hồi 1970 mà Gs. Lý Chánh Trung nói đến trên đây đều là các Đoàn viên (Đoàn Thanh niên Cách mạng HCM) hoặc Hội viên (Hội Liên hiệp Thanh niên, Sinh viên, Học sinh Giải phóng), các “quần chúng tốt”, các cảm tình viên, các sư nữ thuộc tịnh xá Ngọc Phương của Ni sư Huỳnh Liên, các thanh niên, sinh viên trú ngụ bất hợp pháp tại Đại học xá Minh Mạng (do Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Đại học xá là Huỳnh Tấn Mẫm chứa chấp, để huy động họ vào các cuộc tranh đấu chống chính phủ), các tay du thủ du thực được thuê mướn, các “ba, má” phong trào và một số khá đông những tay vô công rồi nghề, cứ thấy đông vui là tò mò, hiếu kỳ nhào vô tham gia! Nhìn qua các thành phần này, thấy ngay họ đều là sinh viên học sinh Việt Cộng hoặc thân Cộng; ngoài ra là các thành phần ngoài Đại học và du đảng. Cuộc biểu tình nào cũng y chang là những người này. Với thành phần như thế, làm gì có chuyện họ “vì lương tâm trí thức mà xuống đường tranh đấu cho nhân quyền” như những lời đối đáp của ông Vũ Sinh Hiên và Lm. Chân Tín trong cuộc phỏng vấn.

Không phải vì các cơ quan có trách nhiệm thiếu bằng chứng để kết tội các sinh viên Việt Cộng, không phải vì những cuộc tranh đấu xuống đường phá rối trị an, mà vì áp lực nặng nề của quốc tế, của phong trào phản chiến bên Âu Mỹ gây ảnh hưởng sâu sắc tới chính trường Mỹ, khiến cho chính quyền VNCH bất đắc dĩ phải chấp nhận giải pháp thoa dịu dư luận. Nhà văn Đào Hiếu, xưa là sinh viên Việt Cộng, bạn chiến đấu của Huỳnh Tấn Mẫm, đã nhìn nhận trong cuốn tự truyện *Lạc Đường* của anh ta như sau: “*Vụ Huỳnh Tấn Mẫm kết thúc sau những cuộc xuống đường, tuyệt thực... của đồng bào các giới: học sinh, sinh viên, công nhân, đồng bào Phật tử... Chính quyền Thiệu biết rõ mười mười một số học sinh sinh viên (trong đó có Huỳnh Tấn Mẫm) là đảng viên Cộng sản nhưng họ vẫn phải trả tự do cho những người bị bắt*” (Đào

Hiếu. Lạc Đường. Chương 4 Trận Đánh Không Báo Trước”.
daohieu.com).

Đúng vậy, ngày 20-4-70, Toà án Quân sự Mặt trận vùng 3 đã thả 10 tên. Trong đó có Cao Thị Quế Hương, Đỗ Hữu Bút, Võ Ba, Trương Hồng Liên... Ngày 13-6-70, thả thêm 6 tên nữa. Trong số đó có các đảng viên Huỳnh Tấn Mẫm, Dương Văn Đầy, Trầm Khiêm... Khiêm và Đầy là Đoàn Ủy Sinh Viên thuộc Thành Đoàn CS. Toà chỉ giữ lại 5 tên: Nguyễn Ngọc Phương (Bí thư Đoàn ủy Sinh viên), Nguyễn Tấn Tài, Nguyễn Thanh Công, Lê Văn Hoa, Nguyễn Văn Sơn (sẽ thả khi trao đổi tù binh 1973).

Thành Đoàn Cộng sản đánh giá vụ này là một thắng lợi lớn, vì đã tạo ra được sự bất ổn liên tục ngay tại Thủ đô Sài Gòn và gây xúc động trong nước, nhất là dư luận quốc tế.

Thắng lợi của Thành Đoàn Cộng sản lần này, phần lớn là nhờ vào các phần tử được VNCH ưu đãi ở Thủ đô, trong đó tạp chí *Đối Diện* của Lm. Chân Tín đóng góp “công lao” rất lớn! Có thể nói không sai: Nhóm này ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản!

Sau đó, hàng chục tổ chức đấu tranh khác lần lượt xuất hiện, trong đó có: Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù Miền Nam Việt Nam do Lm. Chân Tín làm chủ tịch, Gs. Nguyễn Văn Trung làm phó chủ tịch.

Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống do Ls. Ngô Bá Thành làm chủ tịch.

Lực lượng Quốc gia tiến bộ. Ls. Trần Ngọc Liễn làm chủ tịch...

2. “Cộng sản lợi dụng cuộc đấu tranh đó”

Về điểm này, Lm. Chân Tín nói đúng. Cộng sản vốn quỷ quyệt, đã lợi dụng được sự ngây thơ, háo danh, hiếu động của mấy ông.

Người Quốc gia có một điểm yếu là quá tôn trọng mấy ông mặc áo thầy tu. Khổ nỗi, có một số ông thầy tu thích dây dưa vào chuyện chính trị đầy xảo quyệt, gian ác, cho nên bị lợi dụng một cách dễ dàng. Các ông ấy học mãi mà không thuộc những bài học lớn về Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam, Mặt trận Tổ quốc... Để chiếm Miền Nam, CSBV còn mở ra

nhiều mặt trận nhỏ hơn và đủ loại phong trào, đủ loại uỷ ban: Mặt trận Văn hoá, Mặt trận Đại học, Mặt trận Tôn giáo...; Phong trào đòi quyền sống cho đồng bào, Hát cho đồng bào tôi nghe, Uỷ ban vận động cải thiện chế độ lao tù Miền Nam Việt Nam...

Thực tế phũ phàng là, khi thắng lợi rồi, CSBV thắng tay dẹp hết những màn tuồng ấy, kể cả Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam, không thương tiếc!

Xin lấy vài thí dụ:

Trương Như Tảng được bên Quốc gia trọng dụng mà vẫn bỏ đi theo Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam (MTGPMNVN), được ban cho chức Bộ trưởng Bộ Tư pháp “dòm”. Vừa sau 30-4-1975, ngồi coi “diễn binh”, Trương Như Tảng hỏi: “Sao, những sư đoàn của MTGPMN đâu rồi?”. Đại tướng CSBV Văn Tiến Dũng cười mỉa mai và trả lời: “*Quân đội đã thống nhất rồi!*” (Trần Viết Đại Hưng. Ngây Thơ Chính Trị. (vn.360plus.yahoo.com). Cuối cùng, Trương Như Tảng phải đào thoát sang Pháp. Ở đó, ông ta viết hồi kí *A Vietcong Memoir* kể chuyện đời tan nát!

Bs. Dương Quỳnh Hoa cũng bỏ Sài Gòn vào bưng, được chân Bộ trưởng Bộ Y tế. Sau 30-4-1975, cũng sớm vỡ mộng. Cuối thập niên 70, bà ta than với Nguyễn Hữu Thọ: “*Anh và tôi chỉ đóng vai trò bù nhìn và chỉ là món đồ trang sức rẻ tiền cho chế độ. Chúng ta không thể phục vụ cho một chế độ thiếu dân chủ và không luật lệ. Vì vậy, tôi thông báo cho anh biết là tôi sẽ trả lại thẻ Đảng và không nhận bất cứ nhiệm vụ nào trong chính phủ cả*” (Ts. Mai Thanh Tuyết. Cuộc đời và cái chết rất buồn của Bs. Dương Quỳnh Hoa. Bộ Trưởng Y tế và Thương binh Xã hội của Chính phủ CMLT. Tintuchangngay.info).

Gs. Lý Chánh Trung hưởng bao nhiêu bổng lộc của VNCH cũng cùc cung tận tụy làm công cụ cho Việt Cộng. Sau khi thắng lợi, Cộng sản cho ông một lô chức tước, nhưng tất cả đều hữu danh vô thực: Phó Hội Trí thức yêu nước Thành phố, đại biểu Quốc hội, Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc VN Thành phố, uỷ viên Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc VN.

Rồi cái gì phải tới đã tới. Sau một thời gian ném “hạnh phúc

Thiên Đường Cộng sản”, tận mắt chứng kiến “Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”, Gs. Lý Chánh Trung bắt đầu có phản ứng. Thế là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh liền nhắn gửi lời răn đe rằng trước đây ông là “đồng chí” nay ông “làm cản trở sự nghiệp xây dựng đất nước của ta”. Bị gõ đầu, Gs. Lý Chánh Trung đành phải “giữ mồm giữ miệng” và nhìn nhận: “*Quả là bây giờ có sự đổi mới rồi, chứ nếu không, thì mình bị lấy mất cái đầu đi rồi đấy!*” (Đoàn Thanh Liêm. Nỗi Khó Xử của Gs. Lý Chánh Trung. baotoquoc.com).

Gs. Nguyễn Văn Lục, rất quen biết Gs. Lý Chánh Trung, kể về ông giáo sư họ Lý như sau: “*Ông có mấy đứa con trai đều là đảng viên, vào bộ đội và sau đó đi học sĩ quan lên đến Đại úy. Bữa đó có ông Lê Đức Anh từ Hà Nội vào nói chuyện với các cấp sĩ quan từ cấp đại úy trở lên. Chẳng biết thế nào, ông Lê Đức Anh có nhận xét về giới trí thức Miền Nam, trong đó hài tên ông ra và nói: Lý Chánh Trung chỉ là một tên trí thức chống Cộng ranh ma. Con ông ngồi dưới nó tức khí vì chửi ba nó. Trong một phút nóng giận, bốc đồng nó đã chửi lại: Đù má mày Lê Đức Anh, mày nói bậy. Nói xong, thẳng nhỏ bỏ đi ra ngoài cái một. Sau đó nó đã không bị tù tội gì cả. Nghe xong câu chuyện vui này chúng tôi đều cười hả hê. Và ông quay qua tôi nói đùa: nhớ về đừng viết báo nhé. Thật ra thì câu chuyện này được lan truyền ra ngoài đến ai cũng biết. Vì thế, câu chuyện này bạn đọc cứ coi như là câu chuyện cũ mềm làm quà bên lề cho những ai chưa biết*” (Nguyễn Văn Lục. Về Những Người Tôi Đã Biết II. DCVOnline.net).

Một trong số những trí thức Miền Nam chống đối hàng đầu lúc đó là Lm. Thanh Lăng, Trưởng Ban Văn chương Việt Nam tại Văn khoa Đại học Sài Gòn. Ông viết báo chống chính quyền. Với tư cách Chủ tịch Văn Bút Việt Nam, ông đòi chính quyền thả tên nhà văn Việt Cộng Vũ Hạnh. Ông nổi bật trong “Ngày kí giả đi ăn mày”. Ông hung hăng trong vụ đuổi Khâm sứ Toà Thánh Vatican Henri Lemaître và vụ chống Giám mục Nguyễn Văn Thuận về làm Phó Tổng Giám mục Sài Gòn.

Nhưng đến cuối đời, Lm. Thanh Lăng đã thành tâm sám hối, làm cho người ta phải mỉm lòng và cầu cho linh hồn ông được nghỉ

yên muôn đời!

Gs. Nguyễn Văn Lục, em ruột Gs. Nguyễn Văn Trung, trong bài *Tổng Giám mục Nguyễn Văn Thuận Nguyên Nhân 13 Năm Lưu Đày Khổ Nhục*, đã công bố một phần bản di chúc 13 trang của Lm. Thanh Lãng trao cho Gs. Nguyễn Văn Trung, nguyên văn như sau: *“Tôi xin công khai sám hối với Chúa và Hội thánh Toàn cầu và Việt Nam. Lạy Chúa xin tha thứ cho con mọi lầm lẫn và ban cho con lòng tin, lòng trông cậy và ơn tha thứ.*

Tôi xin công khai sám hối xin lỗi Đức cha Nguyễn Văn Thuận, xin Chúa giữ gìn và trả công cho Đức cha.

Tôi xin công khai sám hối xin lỗi tất cả và tình anh em linh mục mà tôi vô tình hay cố ý, làm mất lòng.

Tôi xin công khai và xin lỗi toàn thể dân Chúa mà tôi hối tiếc là chưa được phục vụ trong Mục vụ.

Tôi xin mọi người tha tội cho tôi để Hội Thánh và Chúa tha tội cho tôi.

Ngày 28-11-1988, Đình Xuân Nguyễn, Thanh Lãng” (DCVOnline.net).

Lm. Thanh Lãng qua đời ngày 17-12-1988. Lm. Thanh Lãng chết quá mau, một cái chết xem ra không bình thường, không tự nhiên. Bằng chứng là email của chị PMT đã gửi cho chúng tôi từ Úc Châu vào ngày 06-4-2013 như sau: *“Kính anh, Trường hợp Thầy Thanh Lãng qua đời cũng lạ. Thời gian đó, Công Giáo đang sôi nổi vụ phong thánh và ông có viết một bức thư gửi nhà nước. Cũng không đến nỗi nào. Chính tôi đã đến gặp để xin phép chuyển bức thư đó ra ngoại quốc thì thầy còn khoẻ mạnh và tiếp tôi bình thường. Khoảng 2 ngày sau, chị tôi đi lễ sớm về báo "Cha Thanh Lãng mất rồi. Cha xứ mới nói trong lễ". Tôi hối hả chạy qua nhà, một căn nhà rất đơn giản và bình dân. Chưa có ai đến cả, ngoài một bà cụ giúp việc. Tôi thấy thầy đã được đặt nằm trên chiếc divan, mặc lễ phục của linh mục, hai bàn tay đặt chéo trên bụng mà mười ngón tay đen bầm. Bà giúp việc kể, sau ngày tôi đến thăm thầy thì ông nhận được giấy công an quận Tân Bình mời lên làm việc và buổi chiều về thì bị trúng gió và đi luôn. Tôi cũng có mặt trong tang lễ đó, trong nhóm cựu sinh viên”*. Xin độc giả lưu ý hai

chi tiết “mười ngón tay đen bầm” và sự việc xảy ra ngay chiều ngày linh mục đi “làm việc” với công an Tân Bình về.

Và còn nhiều tên tuổi khác cũng đã trắng mắt ra, như: Gs. Châu Tâm Luân, Ni sư Huỳnh Liên và các đệ tử hệ phái tịnh xá Ngọc Phương của bà (xin xem bài *Còn Giới Hạn Nào Cho Sự Sa Đoạ* của tác giả Lê Tùng Châu trên Việt Báo 27-3-2006, đính kèm nguyên văn đơn khiếu nại về việc chính quyền tỉnh Lâm Đồng vừa cướp đất chùa vừa có những lời lẽ hết sức vô giáo dục đối với các ni sư. Lá đơn kí tên Ni sư Trảng Liên và Ni sư Ngoạt Liên ngày 01-012005)... Riêng Gs. Nguyễn Ngọc Lan, chúng tôi đã viết một bài về ông, nhan đề *Về Nhân Vật Nguyễn Ngọc Lan*.

Trong hồi ký *Đêm Giữa Ban Ngày*, tác giả Vũ Thư Hiên không ngần ngại phát biểu: “*Trẻ con Miền Bắc cũng biết Mặt Trận Giải Phóng là do Miền Bắc dựng nên*” (trang 469). Thế mà có khá nhiều trí thức Miền Nam đã bị lừa gạt nhục nhã, thâm tâm!

3. “Tôi quan niệm rằng có bất công dù ở chế độ nào thì tôi cũng lên tiếng vì đó là sứ mệnh ngôn sứ tôi đã lãnh nhận”

Lm. Chân Tín nói hay và lí tưởng lắm. Bây giờ nghe ông nói như vậy, người ta tưởng ông sẵn sàng thi hành “sứ mệnh ngôn sứ” bất kể thời nào, bất kể đâu. Nhưng trên thực tế, hồi đó, ông chỉ nhìn cuộc chiến Việt Nam bằng một con mắt, nghĩa là ông đui mắt một con mắt. Báo *Đổi Diện* của ông khuếch đại những “cái dằm” sai trái của VNCH để tố cáo, đang khi đó lại không nhìn thấy vô số những “cái xà” tội lỗi lớn lao của Cộng sản. Vậy mà dám nói “dù ở chế độ nào thì tôi cũng lên tiếng”.

Báo *Đổi Diện* của Lm. Chân Tín chẳng những không nói gì tới những tội ác tày Trời do Cộng sản gây ra ở cả hai miền Nam Bắc, mà còn công khai phổ biến những bài viết đề cao Cộng sản, cổ vũ sách lược “giải phóng” Miền Nam của Cộng sản. Chẳng hạn như các bài: *Bài Học Cách Mạng Của Lenin* (*Đổi Diện*, 12-1970); *Diễn Tiến Cuộc Xây Dựng và Phát Triển Chính Sách Thực Dân Mới Của Mỹ Tại Việt Nam* (*Đổi Diện*, 8-1971); Lm. Trương Bá Cần viết bài *25 Năm Xây Dựng Xã Hội Chủ Nghĩa Ở Miền Bắc*, đăng 3 kì vào năm 1971; *Khái Niệm Về Chủ Nghĩa Thực Dân Mới* (*Đổi*

diện, 6-1972); *Diễn Tiến và Ý Nghĩa Của Cách Mạng Tháng Tám* (Đối Diện, 8-1972); *Miền Bắc Có Gì Lạ* (Đối Diện, 2-1974)...

Ngoài thành phần cơ hữu như các linh mục thiên Cộng, thiên tả Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Cần, Trần Tam Tỉnh, Nguyễn Nghị, Nguyễn Việt Khai..., Lm. Chân Tín còn mời nhóm Việt ngoài miền Trung phụ trách trang Văn Nghệ cho báo *Đối Diện*. Nhóm này gồm những người viết trẻ thân Cộng như: Trần Hữu Lục, Trần Duy Phiên, Lê Văn Ngăn, Ngô Kha, Bửu Chi, Trần Pháp Nhạc, Thái Ngọc San, Tiêu Dao Bảo Cự, Lê Gành...

Trong khi trả lời phỏng vấn, Lm. Chân Tín còn nói ông đã cùng Lm. Nguyễn Huy Lịch (Đòng Đa Minh, chi Lyon) điều tra và biết đích xác bọn sinh viên Việt Cộng bị tra tấn cho nên ông và báo *Đối Diện* phải tranh đấu bảo vệ họ. Lm. Chân Tín lại toan lấy thúng úp voi chãng. Linh mục sinh sống và hưởng mọi quyền công dân ở Miền Nam, mà Miền Nam đang bị Cộng sản Bắc Việt tấn chiếm, đương nhiên Miền Nam phải chiến đấu tự vệ. Quyền tự vệ là quyền thiêng liêng. Không ai nói đi xâm lăng, đi ăn cướp là quyền thiêng liêng bao giờ cả. Chính ra linh mục phải hiểu rõ hơn ai hết rằng CSBV là kẻ gây nên cuộc chiến thì là kẻ vi phạm nhân quyền đầu tiên và nặng tội nhất. Và trong cuộc chiến lâu dài này, Cộng quân đã phạm không biết bao nhiêu tội và đã giết hại hàng trăm hàng ngàn dân lành bằng cách chém đầu, cắt cổ (Đòng Khởi Bến Tre), chôn sống (Mậu Thân Huế 1968), Đại Lộ Kinh Hoàng Quảng Trị 1972, pháo kích bừa bãi, thậm chí pháo kích cả vào các trường Tiểu học giết chết hàng chục học sinh nhỏ dại (Trường Tiểu học Cai Lậy và Song Phú)...

Công bình mà nói, tra tấn để ép cung là trái với luật pháp văn minh, nhưng vì VNCH đang phải chiến đấu tự vệ chống CSBV, thiết tưởng Lm. Chân Tín cần đặt vấn nạn này trong bối cảnh toàn cục cuộc chiến khốc liệt mà cân đo đong đếm, thì mới thấy linh mục nên bênh vực ai và tố cáo ai. Bởi vì nếu có vài mươi tên sinh viên Việt Cộng bị tra tấn thật sự đi chãng nữa thì tội vẫn nhẹ gấp ngàn lần so với những tội ác giết dân lành của Việt Cộng. Và nếu nói cần phải đấu tranh bảo vệ nhân quyền cho sinh viên thì Lm. Chân Tín và báo *Đối Diện* phải tố cáo nhiều nhất và trước tiên các

tội ác của bọn sinh viên Việt Cộng vì chúng đã giết thầy giết bạn một cách tàn ác, ngay tại trường học hoặc giữa thanh thiên bạch nhật, ở Sài Gòn cũng như hồi Tết Mậu Thân ở Huế 1968 (Mời đọc bài *Bọn Sinh Viên Việt Cộng Giết Thầy Giết Bạn*).

Trên thực tế, báo của Lm. Chân Tín đã một chiều đả kích VNCH là kẻ tự vệ, đang khi bênh vực, bao biện cho Cộng sản là kẻ gây chiến, là kẻ phạm muôn vàn tội ác. Thử hỏi, như thế công bình, công lí ở đâu? Chưa có công bình, công lí thì làm gì có nhân đạo, nhân quyền?

Đây là chưa nói tới bọn Cộng sản là thầy phù thủy chuyên thay trắng đổi đen, không nói có, có nói không. Mắt thường và ống kính của các kí giả nhìn thấy cảnh những tên sinh viên Việt Cộng dìu nhau ra toà, dáng điệu thiểu não mà đã vội kết luận là chúng bị đối xử tàn ác. Có thể chỉ đúng một phần, còn nhiều phần là chúng bảo nhau diễn kịch để gây xúc động cho dư luận.

Trong bài *20 Năm Giới Trẻ Miền Nam*, Gs. Nguyễn Văn Lục nêu lên một câu hỏi chua chát: “*Những người Cộng sản thứ thiệt như Huỳnh Tấn Mẫm thì được mọi người tìm cách đòi thả tự do. Lý Chánh Trung và những người khác xuống đường, tuyệt thực đòi trả tự do cho Mẫm? Sao không thấy một ai trong cái đám đó sau 1975, đòi trả tự do cho Thi sĩ Vũ Hoàng Chương?*” (Nguyễn Văn Lục. *20 Năm Giới Trẻ Miền Nam Việt Nam*. Motgoctroi.com).

Để mô tả cung cách hành xử của Lm. Chân Tín cụ thể hơn, xin thử đặt Lm. Chân Tín làm một thành viên trong gia đình của ông Nam. Mọi người trong nhà ông Nam đang sống bình an, vui vẻ. Bỗng có một ngày, người anh em sinh đôi của ông Nam là ông Bắc cầm đầu lũ con cháu ngỗ ngược, hùng hổ xông vào nhà ông Nam để cướp của, giết người và đòi chiếm luôn nhà của ông Nam. Ông Bắc bảo làm thế là để “giải phóng” cho nhà ông Nam khỏi bị “Mĩ Nguy kèm kẹp”! Người nhà ông Nam đương nhiên phải chiến đấu tự vệ. Lm. Chân Tín là người nhà ông Nam, chẳng những không cùng người nhà chống trả, không tố cáo kẻ cướp và kêu gọi hàng xóm tiếp tay giúp đỡ cho gia đình mình; ngược lại, linh mục còn la lối om xòm và một chiều tố cáo ngược lại nạn nhân là chính người nhà mình! Chuyện có vẻ ngược đời, nhưng đó đúng là lối hành xử

của Lm. Chân Tín hồi trước 1975. Lối hành xử như thế mà gọi là hoà bình công lí sao? Có giáo thuyết đáng kính nào truyền dạy “sứ mạng ngôn sứ” lạ lùng như vậy bao giờ không? Đó chỉ có thể là hành động nổi giáo cho giặc mà thôi.

4. “Sau khi Cộng sản chiếm Miền Nam, tôi tiếp tục đấu tranh chống chế độ Cộng sản”

Trước 1975, Lm. Chân Tín làm chủ nhiệm báo *Đổi Diện* tiếp tay cho Cộng sản, chống VNCH, tức lúc đó ông không chống Cộng sản, sao nói là “*tiếp tục đấu tranh, chống chế độ Cộng sản*”? Và sau khi Cộng sản chiếm được Miền Nam rồi, trong thời gian khoảng 2 năm, Lm. Chân Tín và cố Gs. Nguyễn Ngọc Lan cùng đảm nhiệm của hai ông, vẫn còn ve vãn chúng. Đến khi Cộng sản đá các ông ra rìa, chỉ dùng “*nhóm 4 anh em chúng tôi Minh - Cần - Từ - Bích*” thôi (đó là 4 linh mục: Huỳnh Công Minh, Trương Bá Cần, Phan Khắc Từ, Vương Đình Bích), ông và Gs. Nguyễn Ngọc Lan mới bắt đầu quay ra chống Cộng sản. Gs. Nguyễn Văn Trung, cựu khoa trưởng Văn khoa Đại học Sài Gòn, không xa lạ gì với giới trí thức Sài Gòn trước 1975, đã nhận xét về Lm. Chân Tín như sau: “*Linh mục Chân Tín khi làm chủ nhiệm báo Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp chống Cộng rõ rệt, nhưng khi làm tạp chí Đổi Diện thay đổi lòng chuyên sang CHỐNG CHỐNG CỘNG... Bây giờ linh mục lại chống Cộng*”! (Nguyễn Văn Trung. Đôi điều trao đổi với nhà văn Mai Kim Ngọc. Văn Học số 124, Tháng 8, 1996. Trang 67).

5. “Dù sao, tôi rất thông cảm với những người, đặc biệt là những anh em, những công chức của chế độ Việt Nam Cộng hoà đã bị Cộng sản hành hạ, bắt bớ, tù đày. Tôi mong anh em hiểu rằng tôi không bao giờ theo Cộng sản”

Chúng tôi, quân cán chánh VNCH, không muốn nhận sự “thông cảm” của Lm. Chân Tín. Chúng tôi chiến đấu vì tự do cho Miền Nam. Bảo vệ Miền Nam là bổn phận của chúng tôi. Biết bao chiến sĩ và đồng bào Miền Nam đã ngã xuống trong cuộc chiến bảo vệ Miền Nam. Đến khi “nước mất thì nhà tan”, thì “khốn cho kẻ bại trận!”, thì bị sát hại, bị bắt bớ, bị tù đày... Nhiều người thoát

thân, suốt đời còn lại, mang mặc cảm tội lỗi với chiến sĩ, đồng bào.

Sau 30-4-1975, hết chiến tranh rồi, thế mà hàng trăm ngàn quân cán chính VNCH vẫn bị tù đầy không xét xử và vô thời hạn, thì đâu rồi Lm. Chân Tín, lãnh đạo của Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù Miền Nam Việt Nam? Trước 1975, Lm. Chân Tín tích cực tranh đấu cho tù nhân Việt Cộng; sau 30-4-1975, ông chỉ “thông cảm” với “những anh em, những công chức của chế độ Việt Nam Cộng Hoà đã bị Cộng sản hành hạ, bắt bớ, tù đầy” mà thôi! Cái mà chúng tôi muốn không phải là sự “thông cảm” của Lm. Chân Tín mà là một lời xin lỗi nước Việt Nam Cộng Hoà của ông. Bởi vì ngày xưa, đang khi hàng trăm xe tăng, đại bác cùng mấy trăm ngàn bộ đội CSBV tràn vào dày xéo Miền Nam tự do, gây nên cảnh núi xương, sông máu thì Lm. Chân Tín cùng mấy ông tu sĩ, trí thức và bọn Việt Cộng nằm vùng, bọn thân Cộng, bọn khuynh tả lại chấp tay nguyện cầu cho chim bồ câu trắng xuất hiện; các ông chống và bôi lọ chính phủ và cuộc chiến đấu tự vệ của quân dân VNCH; các ông đòi hoà bình tức khắc; các ông lên án và tố cáo chính phủ VNCH bắt bớ, đàn áp sinh viên...

Có thể đúng, Lm. Chân Tín không bao giờ là Cộng sản, nhưng nói ông “không bao giờ theo Cộng sản” thì không đúng. Giá như Lm. Chân Tín là Việt Cộng thì dễ cho chúng tôi phân rõ bạn thù, phân rõ chiến tuyến. Trong trường hợp đó, linh mục là đối thủ của chúng tôi và cỡ lẽ không đáng khinh. Phiền một nỗi, linh mục lại nằm trong số những kẻ ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản, trở thành kẻ nội thù, kẻ nói giáo cho giặc, kẻ theo đóm ăn tàn. Thế mới nguy hiểm và đáng khinh.

II. SÁM HỐI

Sau 30-4-1975, Lm. Chân Tín được đưa vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Tp. HCM (Sai Gòn). Và để màn tuồng bầu cử Quốc hội Cộng sản “thêm phần vui vẻ”, Lm. Chân Tín được Mặt trận Tổ quốc cho ra tranh cử đại biểu Quốc hội CS khoá 6, đơn vị quận Tân Bình. Có lẽ theo tính toán của Cộng sản trong thời điểm ấy, tiêu chuẩn chỉ có 1 linh mục Công giáo tại Sài Gòn được làm đại biểu quốc hội. Trên thực tế, Cộng sản đã chắm

định Lm. Huỳnh Công Minh làm đại biểu khoá này rồi thì đương nhiên Lm. Chân Tín phải thất cử.

Rồi đến lượt báo *Đúng Dậy* (tức Đồng Dao, ĐD, Đối Diện) bị đình bản, sau khi ra số cuối cùng 114 vào tháng 12-1978, vì lí do “đã hoàn thành nhiệm vụ”!

Đến đó, Lm. Chân Tín vỡ lẽ ra. Ông và đàn em thân thiết của ông là Gs. Nguyễn Ngọc Lan quay ra chống Cộng! Gs. Nguyễn Ngọc Lan viết 3 tập *Nhật Ký Nguyễn Ngọc Lan*: Nhật Ký 1988, Nhật Ký 1989-90, Nhật Ký 1990-91, đều do Tin Nhà, Paris, xuất bản. Ngày 05-8-1990, Gs. Nguyễn Ngọc Lan bị công an tới xét nhà và đọc lệnh quản thúc ông 3 năm tại gia.

Mùa Chay Tháng 4-1990, Lm. Chân Tín giảng 3 *Bài Sám Hối*. Chỉ hơn một tháng sau, ngày 16-5-1990, ông bị xử phạt 3 năm phát vắng ra xã Cần Thạnh, Cần Giờ, vì các lí do: chống CNXH, chia rẽ nội bộ tôn giáo, phá hoại đoàn kết đạo đời, gửi tài liệu ra nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân.

Ngày 28-1-1996, Lm. Chân Tín trả lời phỏng vấn đài VNCR, ông nói: “*Chúng tôi ngồi yên nhìn cái ngu dốt và cái sa lầy của một chế độ đang trên đà tan rã*”.

Đã tới lúc Cộng sản đánh giá Lm. Chân Tín và Gs. Nguyễn Ngọc Lan vượt quá giới hạn, họ không còn kể gì tới công lao của hai ông trước đây nữa và ra quyết định thanh toán hai ông. Ngày 04-5-1998, trên đường đi dự đám tang cựu đảng viên gộc đã phản tỉnh Nguyễn Văn Trấn bằng xe gắn máy, Lm. Chân Tín và Gs. Nguyễn Ngọc Lan đã bị Cộng sản mưu sát bằng cách cho bọn ung khuyến kè theo xe và đập 2 ông té giữa đường. Lm. Chân Tín chỉ bị xây xước nhẹ, nhưng Gs. Nguyễn Ngọc Lan bị thương nặng. May mắn, cả hai thoát chết.

Quan sát những hành động lúc sau này của cặp bài trùng Lm. Chân Tín – Gs. Nguyễn Ngọc Lan, tuy không thấy hai ông nói ra lời xin lỗi nước VNCH mà hai ông đã hung hăng đánh phá, nhưng chúng tôi lạc quan tin là có lẽ hai ông đã phản tỉnh cho nên đã viết như sau trong phần cuối bài *Về Nhân Vật Nguyễn Ngọc Lan*: “*Mùa chay 4/1990, tại nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, đường Kỳ Đồng, Lm. Chân Tín đã giảng 3 Bài Giảng Sám Hối: Sám Hối Cá Nhân,*

Sám Hối Trong Lòng Giáo Hội, Sám Hối Trong Lòng Dân Tộc.

Mở đầu bài giảng *Sám Hối Cá Nhân*, Lm. Chân Tín nói ngay: ‘Nói đến sám hối là tôi nghĩ đến tôi trước nhất’. Nói thế, nhưng ông không chính thức nói lời sám hối về những hoạt động có lợi cho Cộng sản của ông trước đây. Ông không đủ can đảm nói lời xin lỗi nước VNCH và đồng bào Miền Nam tự do. Song ông đã dám tiếp nói lên tâm tình sám hối của ông bằng cách diễn giảng quan niệm sám hối ‘không phải đắm ngực khóc lóc...không phải chỉ có ân hận...’, nhưng ‘sám hối là đổi mới sau khi đã ân hận’. Có lẽ ông đã kín đáo ám chỉ bây giờ lời nói, hành động của ông đã khác trước, tức là ông đã đổi mới, chứng tỏ ông đã sám hối chăng? Lm. Chân Tín lặp lại quan niệm sám hối này trong *Bài Giảng Sám Hối Trong Lòng Dân Tộc*: ‘Chúng ta thấy Liên Xô và các nước Đông Âu đã ân hận, đã sám hối bằng cách đổi mới’ (Nguyễn Văn Trấn. *Viết Cho Mẹ và Cho Quốc hội. TP. HCM. Trang 406*)”.

Tiếc thay, chúng tôi đã lầm. Trong bài giảng *Sám Hối* thứ nhất, Lm. Chân Tín có nói: “Nói đến sám hối là tôi nghĩ đến tôi trước nhất”, nhưng ông không cho biết đích xác ông định sám hối tội lỗi gì, tội lỗi đối với ai. Sau này người ta mới biết rõ một điều là ông không hề sám hối việc ông đã góp phần “làm sụp đổ Miền Nam”. Bởi vì, ngày 28-01-1996, khi đài VNCR hỏi Lm. Chân Tín rằng: “... linh mục có phải sám hối không, vì...những hoạt động của linh mục trước 75 có ảnh hưởng đến thành công của Cộng sản trong việc làm sụp đổ Miền Nam?”. Lm. Chân Tín trả lời: “... tôi cũng sám hối. Nhưng không vì đã hoạt động bảo vệ quyền con người trong chế độ cũ. Chính chế độ cũ vi phạm nhân quyền, nên Cộng sản mới lợi dụng những vi phạm ấy, lôi kéo dân chúng theo họ...!” (Tin Nhà số 23. Trang 18-21).

Mọi người thấy rõ, thời chiến, tuyệt đại đa số dân Miền Nam sợ Cộng sản. Cộng sản tới đâu, dân chúng lập tức chạy thực mạng về phía Quốc gia. Chỉ một số rất ít trí thức, tu sĩ thành thị khuynh tả, thân Cộng và một số ít dân quê bị Cộng sản tuyên truyền dụ dỗ là đi theo họ. Nhưng sau khi Cộng sản chiếm trọn Miền Nam một ít lâu, hầu hết những người này đã hối hận, nhưng không còn kịp nữa. Không còn kịp nữa, nhưng ít ra, họ đã hối hận. Có người dám

nói lời xin lỗi; có người tự thú là đã ngây thơ; có kẻ vượt biên; có kẻ lạng lẽ rút lui khỏi giang hồ... Một mình Lm. Chân Tín vẫn hiên ngang với thành tích “bảo vệ nhân quyền trong chế độ cũ”!

III. KẾT

Hãy thôi, không tản mạn chuyện chính trị của cuộc chiến Quốc - Cộng nữa, chẳng hạn như chuyện đầu là bạn, đầu là thù; đầu là kẻ gây chiến và đầu là kẻ chiến đấu tự vệ.

Hãy thôi, không nói chuyện đạo đức chung chung của con người, tức cái đạo “nhơn giả nhân dã” (nhơn từ ấy là đạo làm người vậy). “Nhơn” (viết chữ Nhân thêm 2 gạch ngang. Thiên Nhân Địa. Tam tài.) là cái gốc của nhân quyền, của tự do, bình đẳng...

Vì Lm. Chân Tín là một linh mục, cho nên xin thử học hỏi Đạo Yêu Thương của Đức Kitô với cụ đại lão Linh mục Chân Tín: Thiên Chúa là Tình Yêu. Chúng ta đều là con của Thiên Chúa, cho nên chúng ta là anh chị em với nhau. Anh chị em phải yêu nhau vì đều là con một Cha.

Đạo lí của lòng tốt muốn bảo vệ quyền con người bắt nguồn từ tình yêu thương cao cả ấy. Tình yêu thương ví như nước, ở đâu có chỗ trống thì chảy vào, trống nhiều thì chảy vào nhiều. Vậy mà, thời chiến, có biết bao nhiêu nạn nhân Cộng sản, sao Lm. Chân Tín và báo *Đổi Diện* không đoái hoài mà lại chỉ tranh đấu bảo vệ cho một nhóm nhỏ sinh viên Việt Cộng? Đó chắc không phải là dấu hiệu của tình yêu thương chân chính. Những hoạt động của linh mục không mang tính thánh thiện, cao cả, vô tư mà là thứ tình yêu thương mạo nhận, giả tạo, nhằm phục vụ mưu đồ chính trị phe phái, tranh bá đồ vương, chứ không phải là đang “thi hành sứ mạng ngôn sứ” gì cả.

Nếu so sánh hai cụ linh mục Dòng Chúa Cứu Thế: Chân Tín và Trần Hữu Thanh, người ta thấy cả hai đều giống nhau ở một điểm là cùng tranh đấu chống chính quyền VNCH. Linh mục Chân Tín tranh đấu nhân quyền dỏm, thiên vị, gian dối, làm cho VNCH suy yếu. Lm. Trần Hữu Thanh chống chính quyền tham nhũng. Coi như Lm. Thanh làm việc tốt. Khổ nỗi, tuy ông chống đúng nhưng lại quá sai thời điểm. Tới thời điểm VNCH sức cùng lực kiệt, đang

đứng bên bờ vực tử sinh, thì Lm. Trần Hữu Thanh khởi xướng Phong trào chống tham nhũng. Hành động của Lm. Trần Hữu Thanh như một cú đập mạnh, làm cho VNCH mau chóng rớt xuống hố. Sao ông không chống sớm hơn một chút?

Sau khi Cộng sản chiếm trọn Miền Nam, Lm. Chân Tín không bị tù, tức ông có công với chế độ. Chắc Lm. Trần Hữu Thanh có dính líu với bàn tay lông lá, cho nên Cộng sản bắt ông đi tù 4 năm và 9 năm quản chế ở Miền Bắc. Khi được thả, Lm. Trần Hữu Thanh không được về sống ở Miền Nam. Ông chấp nhận sống lặng lẽ, âm thầm làm việc mục vụ và giúp cải thiện đời sống cho nông dân nghèo ở thôn Trần Nội, Hải Phòng, đồng thời góp sức gây dựng lại Dòng Chúa Cứu Thế Thái Hà, Hà Nội. Ông yên lặng thì thiên hạ cũng để cho ông yên, ít ai đả động chuyện ông chống tham nhũng vào “giờ thứ hai mươi lăm” ngày xưa nữa. Lm. Trần Hữu Thanh qua đời năm 2007, dân chúng tiễn đưa ông như tiễn đưa một mục tử nhân hậu, một vị tu hành tận tụy hi sinh vì dân nghèo, bất kể lương giáo.

Như đã nói trên đây, sau 30-4-1975 khoảng 2 năm, Lm. Chân Tín đã vỡ lẽ ra, ông quay ra chống Cộng. Ông đấu tranh cho nhân quyền, cho tự do, dân chủ.

Ở trong nước, hiện nay, biết bao nhiêu người bất mãn chế độ, nhưng vì Cộng sản sẵn sàng dùng bạo lực, bất chấp luật lệ, cho nên chỉ có một số ít nhà ái quốc anh hùng, quyết hi sinh tất cả, mới dám lên tiếng (mới chỉ là lên tiếng) mà thôi. Trong số đó, có Lm. Chân Tín.

Ước mong cụ linh mục, hiện chưa đủ can đảm nói lời xin lỗi nước VNCH, thì hãy tiếp tục dùng khả năng, kinh nghiệm, tiếng tăm và cả tuổi đại thọ của bậc nhân tiên quý hoá của cụ để tranh đấu cho chính nghĩa Quốc gia dân tộc. Coi như cụ đang “đái tội lập công”.

Lịch sử bao giờ cũng có đủ thời gian! Không như người Cộng sản chủ trương “giết lầm còn hơn bỏ sót”, người Quốc gia chân chính có đủ sáng suốt, sẽ xét đoán phân minh công tội đối với các nhân vật đã dính líu tới trang sử đau thương thời cận đại của nước nhà.

Miễn là, xin cụ Lm. Chân Tín hãy yên lặng. Đừng tiếp tục “chống Mĩ Thiệu” và tố cáo chính quyền VNCH bắt bớ “sinh viên” nữa. Hãy khép khoảng thời gian tranh đấu năm 1970 sôi nổi của cụ và của báo *Đổi Diện* lại. Làm thế, có lẽ công luận cũng sẽ đối xử tương tự với các hoạt động tai hại của cụ trong quá khứ.

Tháng 6-2012



Bài 10 - ĐỐI DIỆN VỚI LM. CHÂN TÍN 2: THỰC CHẤT CÁI GỌI LÀ ỦY BAN VẬN ĐỘNG CẢI THIỆN CHẾ ĐỘ LAO TÙ MIỀN NAM VIỆT NAM

Lm. Chân Tín cho biết, từ số 11, báo *Đối Diện* đã tường thuật đầy đủ về các cuộc xuống đường tranh đấu của sinh viên. Sau khi thắng lợi, các trí thức Sài Gòn và các sinh viên được thả ra đã họp nhau tại toà báo *Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp* để lập ra Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù Miền Nam Việt Nam (Ủy ban VĐCTCĐLTMNVN). Lm. Chân Tín được gài vào vị trí chủ tịch, phó chủ tịch là Gs. Nguyễn Văn Trung, sinh viên Trần Văn Long làm tổng thư kí. Trần Văn Long là sinh viên Việt Cộng. Trước 30-4-1975, Long là thành viên trong Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa Sài Gòn, đi tù Côn Đảo, rồi làm Tổng Thư kí Ủy ban VĐCTCĐLTMNVN. Sau 30-4-1975, Long là Phó Bí thư Thành Đoàn Cộng sản, Phó Tổng Giám đốc Saigontourist.

Đúng như Lm. Chân Tín nói, sau thắng lợi trong “Vụ Án Sinh Viên” vào giữa năm 1970, lãnh đạo Cộng sản trong khu đánh giá cao vai trò của Lm. Chân Tín và báo *Đối Diện*, cho nên họ quyết định thừa thắng xông lên, tiếp tục lợi dụng con bài sáng giá này. Với thủ thuật quen thuộc, chỉ trong vòng hơn 4 tháng trời, họ đã mau chóng nhào nặn ra được cái gọi là Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù Miền Nam Việt Nam vào ngày 30-10-1970, với hơn 80 thành viên sáng lập. Trong đó, có các linh mục, tu sĩ Phật Giáo, giáo sư, thẩm phán, luật sư, bác sĩ, kĩ sư, nghị sĩ, dân biểu có tiếng tăm và các sinh viên tranh đấu. Họ “bố trí” Lm. Chân Tín làm chủ tịch và Gs. Nguyễn Văn Trung làm phó chủ tịch để đánh lừa dư luận trong và ngoài nước. Giống như các tổ chức CS trá hình khác, bao giờ người trực tiếp chỉ huy cũng là một cán bộ Cộng sản hoạt động nội thành được gài vào. Trường hợp Ủy ban VĐCTCĐLTMNVN, kẻ nắm quyền điều động chính là sinh viên Trần Văn Long, người giữ chức Tổng Thư kí của Ủy ban. Từ đó,

Ủy ban hoạt động rất tích cực và đã gây được chút tiếng vang trong và ngoài nước. Ngày 02-02-1973, Ủy ban đã cùng với 30 tổ chức đoàn thể và quần chúng Miền Nam kêu gọi Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát việc thực hiện Hiệp định Paris ở Việt Nam can thiệp để trả tự do cho những người tù chính trị ở Miền Nam. Vì biết Giáo Hoàng Phaolô VI sẽ tiếp kiến TT. Nguyễn Văn Thiệu vào ngày 09-4-1973, ngày 04-4-1973, Ủy ban vội gửi thư cho Giáo Hoàng để tố cáo chế độ lao tù ở Miền Nam và kiến nghị Ngài can thiệp. Vào các ngày 12,13,14-4-1973, Ủy Ban tham dự hội nghị quốc tế tổ chức tại Paris, gồm 97 tổ chức, nhằm vận động trả tự do cho các tù nhân chính trị bị VNCH giam giữ...

Thiết tưởng, can thiệp thả tù nhân sau một cuộc chiến bao giờ cũng là một việc nên làm. Nhưng quý độc giả thấy ngay cái Ủy ban VĐCTCĐLTMNVN do Lm. Chân Tín lãnh đạo này không hề can thiệp cho các tù nhân VNCH bị Cộng sản giam giữ ở Miền Nam cũng như ở Miền Bắc vào thời điểm đó cũng như sau này! Vậy thử hỏi Lm. Chân Tín tranh đấu vì lí tưởng nhân quyền, nhân đạo theo “sứ mệnh ngôn sứ” của ông hay do sự lèo lái của Cộng sản để lợi dụng cá nhân ông và tổ chức của ông? Chẳng lẽ vào thời điểm đó, không có người Quốc gia nào bị Cộng sản giam giữ? Chẳng lẽ sau 30-4-1975, Lm. Chân Tín và Ủy ban VĐCTCĐLTMNVN cho rằng cả trăm ngàn viên chức và sĩ quan VNCH bị Cộng sản giam giữ vô thời hạn đều là “các học viên được đi học tập tại các trường cải tạo!”, cho nên không cần can thiệp, không cần tranh đấu cho họ?

Nói là nói thế chứ thực ra, sau 30-4-1975, chẳng những Ủy ban VĐCTCĐLTMNVN mà còn cả hàng chục uỷ ban, phong trào, mặt trận khác, ngay cái Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam (Mặt Trận DTGPMNVN), cũng đã lập tức bị CSBV giải thể. Chỉ nguyên điểm này đã đủ chứng minh thực chất cò mồi của các tổ chức trá hình do Cộng sản dàn dựng nên để quấy phá VNCH.

Ngày nay, ai cũng biết rõ những mảnh mung của Cộng sản, thế nhưng Lm. Chân Tín vẫn làm như không biết. Gs. Nguyễn Văn Trung trích dẫn lời Lm. Chân Tín phát biểu trong tạp chí *Tin Nhà* (Paris) như sau: “*Trong thành phố Sài gòn mà nay gọi là thành*

phổ Hồ chí Minh chỉ có những linh mục, giáo dân chống chiến tranh, chứ không có tổ chức chính trị nào. Ủy ban VĐCTCĐLT MNVN mà tôi đã lãnh đạo cũng chỉ là một phong trào nhân dân tự động đấu tranh cho một chế độ lao tù nhân đạo hơn, chứ không phải là một đoàn thể chính trị được Nhà nước hay Đảng dựng lên”.

Ngay sau đó, Gs. Nguyễn Văn Trung kể tiếp: “Tôi gặp anh Trần Văn Long (Tổng Thư kí Ủy ban VĐCTCĐLT MNVN), sinh viên Ban đại diện Văn khoa từ Côn đảo về hỏi: ‘Này, ông Chân Tín ăn nói như vậy có nghe được không?’ Anh Long chỉ cười rồi thuật lại cho tôi nguồn gốc, mục đích, diễn tiến việc thành lập Ủy ban này như Vũ Hạnh kể lại về Lực lượng BVVHDT (Lực lượng Bảo vệ Văn hoá Dân tộc)”.

Trước hết, câu tuyên bố trên Tin Nhà (Paris) của Lm. Chân Tín có vài điểm cần làm sáng tỏ:

Một: Lm. Chân Tín nói hồi đó “chỉ có linh mục, giáo dân chống chiến tranh, chứ không có tổ chức chính trị nào” (ý nói tổ chức Cộng sản?)

Chúng tôi khẳng định là họ có “tổ chức”, tức Đảng Cộng sản hoặc các tổ chức ngoại vi do Cộng sản lập ra. Bằng chứng là: Sau trận Tổng tấn công hồi Tết Mậu Thân 1968, Lm. Nguyễn Ngọc Lan vào bưng gặp Trần Bạch Đằng (xin đọc bài *Về Nhân Vật Nguyễn Ngọc Lan*), còn Gs. Lý Chánh Trung cũng vào bưng gặp Huỳnh Tấn Phát (xin đọc đoạn Kết bài *20 Năm Giới Trẻ Miền Nam Việt Nam* của Gs. Nguyễn Văn Lục trên motgotroi.com). Lm. Trần Tam Tĩnh, dạy học tại Đại học Laval ở Canada, được CSBV dàn xếp cho đi thăm Bắc Việt, rồi về viết ca ngợi tự do tôn giáo ở Miền Bắc! Sinh viên Nguyễn Văn Ngọc (Khoa học) đã theo Cộng sản, bí danh Mười Tranh, từng giữ các chức vụ trong các tổ chức Sinh viên Công giáo Sài Gòn. Sau 30-4-1975, Nguyễn Văn Ngọc làm Phó Trưởng Ban Tôn giáo nhà nước, phụ trách Công giáo. Lm. Chân Tín có người đàn em cùng dòng tu là Lm. Nguyễn Nghị. Theo chân Lm. Nguyễn Ngọc Lan, Lm. Nguyễn Nghị đã cởi áo dòng về lấy vợ. Một cựu học viên Dòng Chúa Cứu Thế cho hay: Cựu Linh mục Nguyễn Nghị đã gia nhập Đảng Cộng sản (?)... Ngoài ra, còn một nhóm sinh viên Công giáo thiên tả và thân Cộng

hoạt động trong tổ chức Thanh lao công Vườn Xoài của Lm. Trương Bá Cần và Lm. Phan Khắc Từ. Có câu nói “Thầy nào trò này”. Hai ông Cần và Từ thuộc nhóm “Tứ nhân bang”. Một thành viên trong nhóm “Tứ nhân bang” đã tự nhận họ là người của Đảng Cộng sản: *“Tôi đã thành khẩn nói với hai anh Từ và Cần, là vấn đề thật của tổ chức chúng ta, không phải là Nhóm Nghiên Cứu (thần học), mà là nhóm 4 anh em chúng tôi Minh Cần - Từ - Bích đã được Lãnh đạo gầy dựng và giao nhiệm vụ điều động Phong trào Công Giáo yêu nước tại thành phố này”* (Trích thư riêng của Lm. Vương Đình Bích gửi cho Lãnh đạo Dân vận, Mặt trận và Ban Tôn giáo Tp. HCM ngày 25-12-1997. Tin Nhà số 32. Trang 18)...

Còn câu Lm. Chân Tín nói *“... chỉ có những linh mục, giáo dân chống chiến tranh”*, kì thực cũng chỉ là chống hoặc là đòi hỏi giải quyết chiến tranh theo những yêu sách của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam. Ai cũng biết Mặt trận DTGPMNVN nằm dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Cục Miền Nam (Cục R), tức là tổ chức cao cấp nhất của Cộng sản Hà Nội ở Miền Nam. Thế cho nên, nhóm linh mục và giáo dân này không bao giờ dám chỉ thẳng ngón tay vào mặt thủ phạm đã gây nên cuộc chiến ở Miền Nam. Kẻ đó chính là Cộng sản Bắc Việt.

Hai: Lm. Chân Tín nói Ủy ban VĐCTCĐLTMNVN “không phải là một đoàn thể chính trị được Nhà nước hay Đảng dựng nên”

Chúng tôi khẳng định Ủy ban VĐCTCĐLTMNVN là tổ chức ngoại vi, công khai do Cộng sản dàn dựng nên. Trước 30-4-1975, tuyệt đại đa số những tổ chức chỉ nhắm vào VNCH mà đòi, mà chống, chứ không hề nhắm vào Cộng sản, thì chắc chắn đó là con đẻ của Cộng sản.

Trên đây, sinh viên Việt Cộng Trần Văn Long đã nói với Gs. Nguyễn Văn Trung rằng *“nguồn gốc, mục đích, diễn tiến việc thành lập Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù Miền Nam Việt Nam (Ủy Ban VĐCTCĐLTMNVN) của Lm. Chân Tín giống như Vũ Hạnh kể lại về Lực lượng bảo vệ văn hoá dân tộc (Lực lượng BVVHDT)”*.

Vậy để biết Ủy ban VĐCTCĐLTMNVN được thành lập ra sao

chỉ cần tìm hiểu xem Vũ Hạnh đã kể về cách thành lập Lực lượng BVVHDT như thế nào.

Trong bài *Đôi Điều Trao Đổi Với Nhà Văn Mai Kim Ngọc* (Văn Học số 124, Hoa Kỳ. Trang 65), Gs . Nguyễn Văn Trung viết: *“ Nhân kỷ niệm 10 năm giải phóng Thành phố, Thành Đoàn TNCS thành phố Hồ chí Minh xuất bản ‘Trui rèn trong lửa đỏ’ (nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố), trong chương IX Từ Toà án Văn hoá đến Hát cho đồng bào tôi nghe Vũ Hạnh viết: ‘Ngày đầu xuân 1966, Đảng uỷ văn hoá khu Sài Gòn-Gia Định làm việc ‘đơn tuyến’ với tôi tại ngôi nhà gần bến đò Cây Me bên bờ sông Sài gòn. Anh Hoàng Hà truyền đạt tinh thần nghị quyết của Đảng là Cách mạng tiếp tục giữ vững và phát triển thế tấn công, kiên quyết đánh bại chiến tranh cục bộ của địch. Chỉ thị của Thường vụ Khu uỷ: ‘Mở một mặt trận văn hoá, tấn công địch trong vùng đô thị bị tạm chiếm... Thực chất là một cuộc tấn công chính trị trên trận địa văn hoá. Vì vậy phải có những quả đấm văn hoá đánh vào những mục tiêu chọn lựa mới gây động thành phong trào rộng mạnh. Một trong những quả đấm văn hoá ấy là sự ra đời một mặt trận tập hợp lực lượng đông đảo dưới ngọn cờ bảo vệ văn hoá dân tộc với khẩu hiệu, hành động chống văn hoá đồi trụy, ngoại lai... Anh nói: Vũ Hạnh à, anh sẽ là Tổng thư ký Mặt trận đó. Có ta, có bạn, mà có thể có cả những người chống Cộng xung quanh anh. Nhưng tuyệt đối không ai được chống Cộng... Văn hoá dân tộc là văn hoá yêu nước, tiến bộ. Đồi trụy ngoại lai là do quân Mỹ và chế độ bán nước đẻ ra. Chống nguồn gốc sinh ra. Nội dung là như vậy, tùy các ông biến hoá...Ngày 7 tháng 8 năm 1966, dưới sự chỉ đạo của Đảng uỷ văn hoá, những cán bộ nòng cốt của cách mạng hoạt động bí mật hoặc công khai đã tổ chức một đại hội thật rộng lớn, ngay giữa Thủ đô của Ngụy quyền... Lầu Toà Đô Chính làm địa điểm hội nghị, anh Hoàng Hà đón đầu đường Nguyễn Thông trao cho tôi bản tuyên ngôn và dự kiến danh sách Ban chấp hành Trung ương do ông Lê văn Giáp làm Chủ Tịch và tôi làm Tổng thư ký Mặt trận mà anh đã phổ biến. Lực lượng BVVHDT ra đời là một cú đấm kết hợp với các cú đấm khác như tuần báo Tin Văn với các bài phê bình vạch mặt những tên xung kích chống phá Cách mạng*

qua các tác phẩm đòi truy'”. (Đoạn trích bài viết của Vũ Hạnh trên đây nằm ở trang 256 và 257, khi sách *Trui Rền Trong Lửa Đỏ* được NXB Trẻ tái bản lần 1, năm 2005. Lời văn có sửa chữa tí chút. Điều đáng chú ý là khi tái bản, họ đã xoá bỏ câu “Nhưng tuyệt đối không ai được chống Cộng”).

Sau những dàn dựng bí mật, các diễn tiến công khai lần lượt như sau:

Ngày 09-10-1966, Lực lượng BVVHDT ra mắt ban chấp hành trung ương bằng một cuộc họp báo tại Trường Quốc gia Âm nhạc, số 112, Nguyễn Du.

Lực lượng cho ra tờ tuần báo *Tin Văn* với ban biên tập gồm: Chủ nhiệm Nguyễn Ngọc Lương; các cộng sự đặc lực như: Vũ Hạnh, Lữ Phương... Tờ *Tin Văn* đặc biệt gay gắt lên án các nhà văn Chu Tử, Lê Xuyên, Thế Uyên... (Ngày 16-4-1966, Chu Tử bị Cộng sản ám sát ngay trước cửa nhà trên lối vào trường Hoài An, Phú Nhuận. Nhưng may mắn, ông thoát chết).

Ngày 15-01-1967, tổ chức hội thảo chống “mật vụ văn nghệ” tại trụ sở Hội Kỹ sư và Kỹ thuật gia Việt Nam, số 55, Hồng Bàng. Có 250 nhân sĩ kí tên vào bản Tuyên bố chống văn hoá đòi truy.

Trong số những người kí tên có: Bùi Hữu Sung, Hiếu Chân, Đặng Văn Nhâm, Bùi Chánh Thời, Thế Nguyên...

Để tiếp tay, sinh viên Việt Cộng Hồ Hữu Nhựt đã tổ chức cho Vũ Hạnh tranh luận với nhà văn Chu Tử tại hội trường Đại học Khoa học. (Hồ Hữu Nhựt trốn vào mật khu năm 1967 và được cử giữ chức Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Thanh niên của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam). Báo chí thiên Cộng lúc bấy giờ gọi cuộc thách đấu này là “Toà Án Văn Hoá”. Nhà văn Chu Tử không chấp nhận cuộc tranh luận.

Ngày 02-6-1967, Vũ Hạnh bị bắt. Tổng hội SVSG ra tuyên cáo phản đối. Hội Văn Bút, đứng đầu là Lm. Thanh Lăng, đòi thả Vũ Hạnh. Sau 30-4-1975, Vũ Hạnh làm Tổng Thư kí Hội Văn nghệ Tp. HCM.

Lực lượng BVVHDT và Ủy ban VĐCTCĐLTMNVN là hai vớ kịch có chung một đạo diễn là mấy anh Việt Cộng ở trong mật khu. Câu chuyện về việc thành lập Lực lượng BVVHDT chứng minh

Ủy ban VĐCTCĐLTMTNVN là tổ chức do Cộng sản dựng nên. Lm. Chân Tín được CS gài vào vị trí chủ tịch Ủy ban, mục đích là lợi dụng tên tuổi của ông để làm lá chắn. Ngày nay, dù là Cộng sản hay Quốc gia, mọi người đều biết rõ thực chất của cái Ủy ban này. Xin Lm. Chân Tín đừng tiếp tục cố tình che mắt thiên hạ nữa.

Gs. Nguyễn Văn Lục là tác giả viết nhiều về các nhân vật, các đoàn thể văn hoá, tôn giáo và chính trị ở Miền Nam trước và sau 1975, cuối cùng, đã đưa ra nhận xét: “... bất cứ tổ chức nào đòi cái này, cái nọ đều là dưới sự điều động của Cộng sản hết. Không trừ (Phong trào) Phụ nữ đòi quyền sống? Giá bây giờ mà có một tổ chức như vậy thì hay biết mấy, đỡ cho gái Việt Nam khỏi bán sang Đài Loan, Đại Hàn” (Nguyễn Văn Lục. 20 năm giới trẻ Miền Nam Việt Nam. Motgoctroi.com).

Đúng vậy, chỉ riêng về phụ nữ, Cộng sản đã đẻ ra cả mớ tổ chức.

* Trước hết phải kể tới Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng Miền Nam. Hội này nằm trong hệ thống “dòm” Mặt trận DTGPMNVN, được thành lập ngày 08-3-1961, do Nguyễn Thị Định làm hội trưởng. Từ đó, các cán bộ của Hội xâm nhập vào Sài Gòn để trở thành lực lượng nòng cốt, hình thành nên các tổ chức phụ nữ công khai khác. Tất cả đều nhằm mục đích quây phá hậu phương VNCH.

Dân Sài Gòn chắc đã từng nghe biết các tổ chức này, như:

* Hội Bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi phụ nữ: Thành lập Tháng 6-1966, do Ban Phụ vận Thành uỷ lãnh đạo, với các đảng viên Trịnh Thu Nga, Phan Ngọc Dung, Trần Thị Ngọc Sương. (Xin đọc bài Có Mặt Trên Mọi Trận Địa của La Hữu Vang trong cuốn Trui Rền Trong Lửa Đỏ. Tái bản 1. Trang 308).

* Phong trào phụ nữ đòi quyền sống: Thành lập tháng 8-1970, Ls. Ngô Bá Thành làm chủ tịch.

* Liên đoàn phụ nữ Phật tử: Do Ban Phụ vận Thành uỷ chủ trương và tổ chức năm 1967.

* Nghiệp đoàn tiểu thương 36 chợ: Do bà Nguyễn Thị Mười làm chủ tịch.

* Hội các bà mẹ có con bị bắt vào tù.

* Các ni sư tịnh xá Ngọc Phương: Cầm đầu là Ni sư Huỳnh Liên...

Ngoài các tổ chức dành riêng cho phụ nữ, còn nhiều tổ chức, hoặc do Cộng sản dựng nên, hoặc không do Cộng sản dựng nên, nhưng họ tìm cách xâm nhập và lèo lái tổ chức ấy tranh đấu cho những mục tiêu mà họ đề ra. Sau đây là một số tổ chức thường được các báo chí thời đó nhắc tới, như:

* Phong trào dân tộc tự quyết: Ls. Nguyễn Long làm chủ tịch.

* Lực lượng bảo vệ văn hoá dân tộc: Thành lập năm 1966. Lê Văn Giáp làm chủ tịch, Vũ Hạnh làm tổng thư kí.

* Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù Miền Nam Việt Nam: Thành lập năm 1970. Lm. Chân Tín làm chủ tịch, Gs. Nguyễn Văn Trung làm phó chủ tịch, sinh viên Việt Cộng Trần Văn Long làm tổng thư kí.

* Lực lượng quốc gia tiên bộ: Ls. Trần Ngọc Liễn làm chủ tịch.

* Mặt trận nhân dân tranh thủ hoà bình: Đặng Văn Ký làm chủ tịch.

* Liên đoàn lao động tiên bộ: Nguyễn Văn Cước làm chủ tịch (Cước là đảng viên. Y và sinh viên Việt Cộng Huỳnh Tấn Mẫm bị lực lượng an ninh VNCH truy nã. Cả hai đã được Tướng Dương Văn Minh chứa chấp rất lâu tại tư dinh Hoa Lan).

* Phong trào thanh lao công Vườn Xoài của Lm. Trương Bá Cần và Phan Khắc Từ...

* Tờ báo Hồn Trẻ: Là tờ tuần san thanh niên sinh viên học sinh công khai, hợp pháp, nhưng kì thực, đó là tờ báo của Khu Đoàn Thanh niên Cộng sản, do Đảng uỷ Văn hoá chỉ đạo. Để sống còn, họ dàn dựng một ban biên tập giống như một chính phủ liên hiệp. Có những người được mời đứng tên để làm “lá chắn” hoặc để đánh lạc hướng chú ý của “địch”, như: Ls. Bùi Chánh Thời, Võ Quang Yên, Gs. Nguyễn Văn Trung, Cao Ngọc Phượng, Cao Hoài Hà... Nhưng nòng cốt vẫn là “phe ta”, như: Lê Uyên Nguyên, Nguyên Hạo, Tuyết Hữu, Uyên Hoài, Xuân Trang, Lữ Phương, Vũ Hạnh, Hồng Cúc, Nguyễn Hữu Ba...

Kết

Phải nhìn nhận những xảo thuật chính trị của Cộng sản Việt Nam xứng đáng đấng cấp thần sào quỷ khóc! Họ đã có thể đánh lừa hơn một nửa đất nước suốt nhiều năm, và đã một dạo đánh lừa được một phần quan trọng dư luận thế giới, khiến cho một vị đọc nhiều, suy nghĩ nhiều như Gs. Nguyễn Văn Trung phải ngả mũ và phục sát đất, ông viết: *“Tôi thường bị ám ảnh, suy nghĩ trăm tư về bạo lực Cách mạng, sách lược liên minh giai đoạn theo Lênin, Stalin... tôi thực sự phục Đảng Cộng sản Việt Nam mà tôi coi như bậc thầy về sách lược này trong phong trào Cộng sản thế giới vì chỉ có Đảng Cộng sản theo học thuyết Lênin mới đề ra được sách lược tranh đấu chính trị hiệu nghiệm; không phải chỉ đối gạt được những người chống Cộng mà cả người đồng hành và sau cùng đồng chí”* (Gs. Nguyễn Văn Trung. Bđd. Trang 67).

Người ta ví von: Mĩ nói trước làm sau. Nhật nói và làm đi đôi với nhau. Tàu Cộng làm rồi mới nói. Còn anh Cộng sản Việt Nam thì nói một đằng làm một nẻo! Cho nên mới có câu “nói dối như Vẹm!” Trước bản lãnh đấu tranh chính trị tinh vi siêu đẳng của CSVN, những tu sĩ thích nổi, như cỡ Lm. Chân Tín, và những trí thức Tây học tin theo mớ lí thuyết sách vở không tưởng, rất dễ vướng vào cạm bẫy của họ. Khi đã bị vướng, Cộng sản chỉ cần ngồi trong bóng tối giật dây sai khiến và những con rối sẽ múa may, quay cuồng như những tên hề.

Tháng 6-2012

Bài 11 - VỀ NHÂN VẬT LÝ CHÁNH TRUNG

Trước 1975, Lý Chánh Trung là một viên chức được hưởng nhiều ưu đãi của Việt Nam Cộng Hoà (VNCH). Ông từng làm Giám đốc Nha Trung học, Đồng lí văn phòng Bộ Giáo dục, Giảng sư tại Văn khoa Đại học Sài Gòn và được chính phủ VNCH cấp đất và phương tiện xây dựng căn biệt thự tại Làng Đại học Thủ Đức, nơi gia đình ông cư ngụ cho tới nay.

Là một trí thức, hành trình tư tưởng của Lý Chánh Trung đi từ cấp tiến tới thiên tả, rồi thiên Cộng. Hồi mới du học về nước, ông suy tư, ông băn khoăn về vận mạng dân tộc vừa thoát nạn thực dân Pháp lại đến chiến tranh với “Đế Quốc Mĩ xâm lược”. Ông muốn đất nước được giải phóng, được độc lập. Ông đi tìm giải pháp và ông tỏ ra hớn hờ vì đã “khám phá” ra một giải pháp mà ông cho là thần hiệu, vạn năng, đó là hai chữ “Dân tộc”. Thế là ông ôm ngay lấy hai chữ thiêng liêng ấy. Ông diễn thuyết về “Dân tộc” (tại Văn Khoa, 1967) và viết sách *Tìm Về Dân Tộc* (Trình Bày, 1967).

Vấn đề then chốt là Lý Chánh Trung không thấy, không quý cái nội dung căn bản của hai chữ “Dân tộc” đang được thể hiện, đang được bảo vệ ngay tại Miền Nam tự do. Miền Nam tự do dù đang phải chiến đấu chống Cộng sản nhưng vẫn hi sinh xương máu để bảo vệ sự vẹn toàn của lãnh thổ, vẫn tôn trọng tự do của người dân, vẫn bảo vệ những quyền căn bản của người dân, và vẫn gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp mọi mặt trong công cuộc phát triển đất nước... Lý Chánh Trung là một trí thức ảo tưởng, không tinh táo để phân biệt trắng đen, cho nên đã đứng núi này trông núi kia cao. Ông quay lưng lại với chế độ tự do ưu đãi ông. Xin đan cử một chi tiết nhỏ là ở Miền Nam thời ấy, khó tìm đâu ra được một vị giáo sư chỉ có bằng Cử nhân mà được mời làm giảng sư Đại học như trường hợp Lý Chánh Trung. Tại Đại học Văn khoa, ngoại trừ một vài trường hợp đặc biệt liên quan tới Việt học và Hán học, theo luật lệ trường ốc, nếu không có bằng Cao học trở lên thì vị giáo sư cần có công trình biên khảo hoặc nghiên cứu thuộc lãnh vực chuyên môn có giá trị và được một ban giám định của Bộ Giáo

dục xét duyệt mới đủ điều kiện được phong cấp giảng sư hay giáo sư Đại học. Thế mà Lý Chánh Trung đã vào mật khu để tìm “Dân tộc”. Khổ nổi, chỉ cần có kiến thức phổ thông cũng biết Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam là do Cộng sản Hà Nội dựng nên để đánh lừa dư luận trong và ngoài nước, nó được điều khiển trực tiếp bởi Trung ương Cục Miền Nam (Cục R) là đại diện của Cộng sản Hà Nội. Vậy cho nên tìm “Dân tộc” mà tìm Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam tức là chọn lựa chủ nghĩa Cộng sản phi dân tộc.

Thật vậy, năm 1968, cũng giống như Lm. Nguyễn Ngọc Lan (lúc ấy ông Lan còn là linh mục, chưa cởi áo dòng về lấy vợ), Lý Chánh Trung đã vào mật khu Cộng sản, nhưng Cộng sản bảo hai ông trở về Sài Gòn để chống VNCH trong vai trò là linh mục (ông Lan), là giảng sư Đại học (Lý Chánh Trung) thì mới hữu hiệu. Sau trận đánh Tết Mậu Thân 1968, Lm. Nguyễn Ngọc Lan chạy ra “bung” gặp Trần Bạch Đằng. Chính Trần Bạch Đằng đã xác nhận việc này trong cuốn hồi kí *Cuộc Đòi Và Ký Úc* (NXB Trẻ, 2006, trang 186). Còn việc Lý Chánh Trung vào mật khu gặp Huỳnh Tấn Phát được Gs. Nguyễn Văn Lục kể lại trong bài *20 Năm Giới Trẻ MNVN* (Motgoctroi.com). Theo lệnh của Cộng sản, từ đó, Lý Chánh Trung và Nguyễn Ngọc Lan viết các bài chống chính quyền VNCH đều đặn trên các tờ báo thiên tả như *Tin Sáng, Đối Diện, Điện Tín, Đại Dân Tộc*. Hồi 1970, khi các sinh viên Việt Cộng bị bắt, trong đó có Huỳnh Tấn Mẫm, và bị đưa ra xét xử, Lý Chánh Trung và Lm. Nguyễn Ngọc Lan là hai trí thức hăng hái nhất trong các cuộc biểu tình tuyệt thực chống chính phủ đòi thả các sinh viên Việt Cộng.

Sau 30-4-1975, Lý Chánh Trung hân hoan chào đón thắng lợi của Cộng sản, ông ra mật nịnh bợ trợ trên Cộng sản và được Cộng sản đưa vào quốc hội bù nhìn, kèm theo một vài chức “Phó vớ vẩn”. Xem ra, Cộng sản có khả năng tác động mạnh mẽ và toàn diện con người Lý Chánh Trung, khiến cho ông ta chẳng những tự nguyện làm “cách mạng” trong hành động, trong tư tưởng mà còn làm cuộc “cách mạng” trong niềm tin tôn giáo của ông ta nữa.

Trong giới chữ nghĩa ở Miền Nam trước 1975, ai cũng biết,

trước khi sang Bỉ học tại Đại học Công giáo Louvain vào năm 1950, Lý Chánh Trung đã theo đạo Công giáo. Mấy chục năm sau, khi Cộng sản thắng lợi thì “Lý Chánh Trung bỏ đạo Chúa theo Mác”. Gs. Nguyễn Văn Lục viết: “*Điều đáng trách nhất nơi ông-mà điều gì khác cũng có thể xí xoá được- là khi Cộng sản vào một thời gian, trước mặt nhiều người, ông tuyên bố công khai kể từ nay, ông bỏ đạo công giáo. Việc công khai hoá ấy ông muốn chứng tỏ cho mọi người biết mà không cần dấu điểm... Có ai bắt ông phải làm một điều như vậy?*” (Nguyễn Văn Lục. Trường hợp Lý Chánh Trung. www.danchimviet.info).

Thế nhưng, sau một thời gian mê muội, thực tế xã hội dưới chế độ Cộng sản trở nên tồi tệ toàn diện đã làm cho Lý Chánh Trung sáng mắt ra. Ông bắt đầu có phản ứng. Năm 1988, ông viết bài đăng trên báo *Tuổi Trẻ* chê môn Triết học Mác – Lênin là môn “*chẳng ai muốn học, mà cũng chẳng ai muốn dạy*”! Thế là ông bị Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh phát biểu với dụng ý ám chỉ răn đe: “*Có một số người trước đây là đồng minh với chúng ta trong cuộc chiến đấu chống đế quốc, thực dân. Nhưng bây giờ họ lại có lập trường khác làm cản trở sự nghiệp xây dựng đất nước của chúng ta*” (Đoàn Thanh Liêm. Nỗi Khó Xử Của Gs. Lý Chánh Trung. Nhanquyenchovn.blogspot.com). Vốn tính cẩn trọng và biết sợ Cộng sản, Lý Chánh Trung vội viết thư trần tình và thanh minh cho nên đã được Nguyễn Văn Linh viết thư hồi âm xí xoá, “thỏa diếu”. Kết quả là Lý Chánh Trung không bị Cộng sản bắt bỏ tù hoặc ám hại như trường hợp Lm. Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan... Cộng sản tha cho Lý Chánh Trung nhưng chắc chắn kèm theo điều kiện là ông ta phải chấp nhận sống “ẩn tu” (cũng giống như là chết rồi mà chưa chôn vậy!).

Chung quanh chủ đề Mặt Trận Đại Học với các phong trào sinh viên tranh đấu do Thành Đoàn Cộng sản chỉ đạo, chúng tôi đã có một bài *Về Nhân Vật Nguyễn Ngọc Lan*, và hai bài *Đối Diện Với Lm Chân Tín*, là hai nhân vật đã tích cực bênh vực bọn sinh viên Việt Cộng thì chính ra cũng nên có bài *Về Nhân Vật Lý Chánh Trung*. Chúng tôi đang bắt đầu viết thì được đọc bài *Trường hợp Lý Chánh Trung* của Gs. Nguyễn Văn Lục

(www.danchimviet.info). Nhận thấy ít ai có điều kiện thuận lợi hơn Gs. Nguyễn Văn Lục để viết về Lý Chánh Trung. Vì thế, thiết tưởng chúng tôi không cần phải viết thêm một bài nữa về nhân vật này.

Thay vì viết bài, chúng tôi dành thì giờ đánh máy nguyên văn một bài viết của Lý Chánh Trung, nhan đề là *Làm Và Tin* đăng trong cuốn sách của Thành Đoàn Cộng sản có tên là *Trui Rèn Trong Lửa Đỏ* (NXB Trẻ, 2005). Đọc bài này, quý độc giả sẽ trực tiếp “nghe” chính Lý Chánh Trung bộc bạch tư tưởng tình cảm của ông ta, để thấy ông ta suy tôn “Cụ Hồ” cũng như Đảng Cộng sản lên tận mây xanh và gọi miền đất tự do đã ưu đãi ông ta là “kẻ địch” rồi đập nó xuống đáy bùn đen; đồng thời để thấy cái tư tưởng vong thân, ảo tưởng, cái tư cách phản trắc, xu nịnh hết sức lộ bịch của Lý Chánh Trung.

Thật vậy, bài *Làm Và Tin* của Lý Chánh Trung và tám hình chụp ông ta hí hứng được đứng cạnh Tổ Hữu đính kèm sau đây là bằng chứng không thể chối cãi về quá trình lột xác theo đuôi Cộng sản của Lý Chánh Trung. Còn cái hậu quả bi thảm cuối cuộc đời của bản thân Lý Chánh Trung và của gia đình ông ta ra sao thì xin mời quý độc giả tìm đọc bài *Trường hợp Lý Chánh Trung* của GS. Nguyễn Văn Lục mà chúng tôi đã nhắc tới trên đây.

Bạch Diện Thư Sinh

LÀM VÀ TIN

*Lý Chánh Trung

“Cơ quan hữu trách của Nhà nước đã họp báo linh đình hôm thứ bảy để trưng bày những “bằng cứ” chứng tỏ mấy anh sinh viên bị bắt là Cộng sản.

Khác với những kỳ trước, lần này Nhà nước không đưa các phạm nhân ra trình diện làng báo để xác nhận tội trạng của họ mà chỉ cho thấy một lô hình ảnh và tài liệu, nghe đâu nặng tới mấy chục kí lô.

Hình ảnh cũng như tài liệu đều không biết nói cho nên lời nói duy nhất được báo chí ghi lại, là lời nói của Nhà nước.

Và Nhà nước đã dậy rằng mấy anh sinh viên bị bắt nằm trong cái tổ chức gọi là Thành đoàn Thành ngữ gì đó, có nhiệm vụ giựt dây các Ban đại diện sinh viên để hoạt động dưới chiêu bài “dân chủ, dân tộc, hoà bình, bảo vệ quyền lợi của dân chúng”. Hoạt động này gồm những buổi hội thảo, mít tinh, trước tiên là để phản đối các biện pháp kinh tế, giáo dục rất được lòng dân của Nhà nước (như thuế kiệt ước, thuế giấy in, thuế học trò v.v....), hầu lật đổ hai Bộ Kinh tế và Giáo dục, sau đó lật đổ toàn bộ chính phủ để tiến tới một chế độ liên hiệp có lợi cho Cộng sản” (Tin Sáng, 23-3-1970).

Tôi trích lại bài báo trên đây, viết trong đợt đấu tranh của sinh viên học sinh Sài Gòn năm 1970, một phần là để nhớ lại cái không khí thời đó, phần khác là vì một điều lý thú: lần đầu tiên tôi được nghe nói tới “Thành đoàn”, thì đó là nhờ Tổng nha Cảnh sát của Nguyễn Văn Thiệu!

Thành đoàn, cái tên còn mới tinh, lạ tai và khó hiểu, phải mất mấy phút suy diễn mới đoán ra nó là cái gì! Và cũng như các danh từ có liên hệ với Cách mạng lúc ấy, nó gây một cảm giác rờn rợn do những hình ảnh tù đầy, tra tấn, chết chóc mà cái được gọi là “Nhà nước” tại Miền Nam đã gắn chặt vào thân phận những người Cộng sản hoặc có dính líu tới Cộng sản. Nhưng đồng thời nó cũng loé lên ánh hào quang của một lý tưởng diệu kỳ đã lôi cuốn được hàng triệu con người, trong đó có những người trẻ tuổi vừa bị bắt, chấp nhận chết chóc, tra tấn, tù đầy mười mấy năm qua, trong

cuộc độ sức rõ ràng là không cân xứng với cái đế quốc hùng mạnh nhất thế giới.

Thành đoàn, cái tên còn nóng hổi, ngon lành! Nó thoang thoang mùi lá rừng mật khu, mùi gạo mốc các trại giam, mùi thuốc súng các trận đánh – mà dân Sài Gòn vừa thấy tận mắt trong cuộc tổng tấn công Xuân Mậu Thân, mùi khói lựu đạn cay nghênh đón những cuộc xuống đường. Nó mang tất cả sức hút của một nền đạo lý mới, vừa dân tộc, vừa cách mạng, nền đạo lý đã hun đúc được một lòng dũng cảm; một chí hy sinh, một sức chiến đấu chưa từng có, tạo nên những gương mặt thật đẹp cho tuổi trẻ, cho con người Việt Nam.

Tôi được biết Đoàn Thanh niên Cộng sản trước hết là qua một số gương mặt đó, những gương mặt đã góp phần thúc đẩy tôi tham gia ngày càng tích cực hơn vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc. Và tôi viết bài này để trả phần nào món nợ đối với họ.

Phải nhìn lại bối cảnh lịch sử và xã hội của Miền Nam dưới chế độ cũ mới thấy hết những khó khăn của cuộc đấu tranh chính trị tại các đô thị, nhất là tại Sài Gòn, cũng như vai trò xung kích của lực lượng thanh niên, sinh viên học sinh.

Tình trạng phân chia đất nước sau Hiệp định Genève, âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta là những sự kiện lịch sử rất phức tạp, đã kéo dài 20 năm, qua nhiều giai đoạn và phương thức khác nhau, giữa một thế giới cũng vô cùng phức tạp và luôn luôn biến động.

Sống giữa bộ máy kìm kẹp và tuyên truyền của địch, người dân thành phố có rất ít điều kiện để nhận thức đúng đắn tình hình, phân biệt bạn thù và thấy được chính nghĩa, trừ những người có liên hệ mật thiết với cách mạng. Lễ tất nhiên, đại bộ phận nhân dân thành phố, cũng như nhân dân Miền Nam nói chung vẫn giữ được niềm kính yêu chung thủy với Cụ Hồ và các cán bộ, chiến sĩ cách mạng đã làm rạng danh dân tộc Việt Nam qua cuộc kháng Pháp thắng lợi. Nhờ đó mà các chiến dịch tuyên truyền chống Cộng, dù là thô bạo hay tinh vi, đã không bao giờ lôi cuốn được đông đảo quần chúng. Nhưng thấy rõ sự giống nhau về bản chất giữa thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giữa Bảo Đại và Ngô Đình Diệm, cũng như

sự liên tục giữa hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, thì trong một thời gian dài, ít có người thấy được. Bởi vì Hiệp định Genève đã tạo cho chế độ Sài Gòn một cái thể hợp pháp mà Bảo Đại đã không bao giờ có và thực dân mới khác thực dân cũ ở chỗ nó cải trang rất khéo, không dễ gì bắt nó lộ nguyên hình.

Trong khi đế quốc Mỹ mới chỉ là một danh từ với nội dung chưa rõ rệt thì viện trợ Mỹ ồ ạt đổ vào Miền Nam, tạo nên một sự phồn vinh, cơ bản là giả tạo nhưng trong ngắn hạn vẫn có một ý nghĩa thiết thực. Nền kinh tế bước đầu được công nghiệp hoá, những tầng lớp có quyền lợi gắn bó với chế độ Sài Gòn phát triển nhanh: Tư bản, phú nông, sĩ quan, công chức. Giai cấp công nhân cũng phát triển, nhưng bị kìm kẹp hết sức chặt chẽ và mọi cuộc đấu tranh có chút hơi hám chính trị đều bị đàn áp sứt máu. Hàng triệu học sinh được giáo dục từ gốc tới ngọn trong các trường học của chế độ Sài Gòn không được biết gì hết hoặc biết rất sai lệch về Cách mạng Tháng Tám, về cuộc kháng chiến chống Pháp và Miền Bắc xã hội chủ nghĩa, trừ những người có cha anh đi theo cách mạng. Trí thức từ nước ngoài trở về hoặc tốt nghiệp trong nước ngày càng đông đảo và có mức sống tương đối cao, phần đông chỉ làm việc chuyên môn và không mấy quan tâm hoặc không muốn dính líu chính trị.

Rõ ràng những điều kiện khách quan tại Sài Gòn dưới chế độ cũ, đặc biệt thời Ngô Đình Diệm, là rất bất lợi cho cách mạng. Nhưng điều kỳ diệu là ngay trong thời đó, những người cách mạng trẻ tuổi vẫn có mặt tại thành phố và vẫn có được những hành động, như hai cuộc biểu tình nhỏ của học sinh trước Bộ Giáo dục trong những năm 1958 – 59 mà chính tôi đã chứng kiến, hoặc những buổi kỷ niệm Trần Văn Ôn mà năm nào tôi cũng nghe dư luận xâm xì, hoặc vụ ám sát hụt Đại sứ Mỹ Nolting đưa đến bản án tử hình cho một số thanh niên, trong đó có hai anh Lê Hồng Tư và Lê Quang Vịnh, năm 1962. Đó là những hành động nhỏ về kích thước, nhưng trong cái không khí bị bịt đến nghẹt thở của chế độ Diệm, đó là những cơn gió thoảng còn rất ngắn, rất nhẹ, nhưng quý giá vô ngần và có ý nghĩa rất lớn.

Riêng trường hợp anh Lê Quang Vịnh đã gọi lên cho nhiều anh

em trí thức những câu hỏi rất cơ bản, bởi vì anh là một trí thức trẻ vừa tốt nghiệp Đại học và được bố trí đầy hứa hẹn, nhưng anh đã bỏ tất cả để đi theo cách mạng, mặc dù cách mạng còn rất yếu và trước mắt, chưa thấy một cơ may thuận lợi nào. Cái gì đã thúc đẩy anh dấn thân dứt khoát như vậy, vào một thời điểm bất lợi như vậy? Những câu hỏi ấy tức thời chưa có giải đáp, nhưng bắt đầu hỏi là bắt đầu rời bỏ thái độ bàng quan trước thời cuộc. Và xưa nay, phong trào nào cũng phát triển từ những câu hỏi mà nó đặt trước lương tâm của mỗi con người, không phải chỉ bằng lời nói và hành động mà bằng cả xương máu của những người đi theo nó.

Chính cái chuỗi dài liên tục những hành động nhỏ và hi sinh lớn nói trên đã chuẩn bị cho những phong trào đấu tranh ngày càng sôi động trong những năm kế tiếp, khi hoàn cảnh trở nên thuận lợi hơn nhiều sau sự sụp đổ của chế độ Diệm.

Năm 1965, Mỹ phải ồ ạt đưa quân tham chiến trực tiếp ở Miền Nam và đội bom Miền Bắc để cứu nguy chế độ Sài Gòn. Đó là một thử thách lớn về mặt quân sự nhưng cũng là một thuận lợi lớn cho cuộc đấu tranh chính trị tại thành phố, vì nó buộc đế quốc Mỹ phải lòi cái đuôi thực dân.

Chưa cần nói đến chuyện gì ghê gớm, nguyên cái cảnh những tên lính Mỹ ngưỡn ngện trên các đường phố Sài Gòn cũng đủ để biến cái Dinh Độc lập đồ sộ thành một đề tài tiểu lâm. Từ đó, những mảng lịch sử đang trôi bèo bồng trên một dòng thời gian đứt quãng đã dần dần móc nối lại với nhau, làm nổi bật sự liên tục giữa hai cuộc xâm lược cũng như giữa hai cuộc kháng chiến. Từ đó báo chí Sài Gòn mới gọi Đại sứ Mỹ là ông Thái thú, ông Toàn quyền, và đêm đêm, các đài phát thanh Hà Nội, Giải Phóng được đón nghe qua những cái máy bán dẫn mới tinh của Nhật nhập bằng đồ la viện trợ Mỹ...

Cũng từ năm 1965, những người sinh viên mà tôi đoán là có dính líu với cách mạng đã dành được nhanh chóng vị trí lãnh đạo trong các tổ chức sinh viên và những mục tiêu tranh đấu đã mang một nội dung cách mạng ngày càng rõ nét. Trong gần 10 năm liên tục, lực lượng thanh niên, sinh viên học sinh đã là mũi nhọn xung kích của những phong trào đấu tranh chính trị nở rộ như hoa mùa

xuân trước và sau Tết Mậu Thân. Không có mũi nhọn xung kích của thanh niên thì không thể tạo được những xáo trộn trong những năm 1970, gây được tiếng vang ở nước ngoài và làm cho địch rất lúng túng.

Trong những năm đó, nhất là từ sau Tết Mậu Thân, tôi đã tham gia hầu hết các phong trào đấu tranh công khai tại thành phố.

Sự tham gia của tôi tương đối suông sẻ vì tôi được cái may mắn là đã hướng về cách mạng từ lúc còn du học, do ảnh hưởng của các nhóm trí thức tiến bộ Pháp và cũng do mới cảm tình sâu đậm mà tôi vẫn giữ đối với cách mạng Việt Nam từ những ngày Cách Mạng Tháng Tám. Nhưng tôi cũng phải vượt qua nhiều khó khăn trở ngại, và nếu không có sự mời mọc, lôi kéo của những người trẻ tuổi, thì rất có thể tôi đã không tham gia đến mức độ ấy.

Lúc còn học bên Pháp trong những năm 1950, tôi đã nghĩ rằng chủ nghĩa Cộng sản sẽ thắng trên toàn thế giới như nó đã thắng tại nước Nga, tại các nước Đông Âu và tại Trung Quốc, như nó đang thắng tại Việt Nam, không những vì đó là hướng đi của lịch sử mà còn vì Đảng Cộng sản là một tổ chức hữu hiệu nhất đã xuất hiện trong lịch sử từ trước đến nay. Riêng tại Việt Nam, hiệu năng ấy còn tăng lên gấp bội vì ở đây Đảng Cộng sản đã lãnh đạo từ đầu cuộc kháng chiến giành độc lập của dân tộc và đã thu hút được sự ủng hộ của mọi tầng lớp và mọi giới đồng bào.

Tuy không phải là người Cộng sản, tôi thành thật mong muốn sự thắng lợi của chủ nghĩa Cộng sản trên thế giới và tại Việt Nam, vì tôi cho rằng chỉ chủ nghĩa Cộng sản mới tạo dựng được cái xã hội thật sự tự do, bình đẳng và huynh đệ mà tôi hằng mơ ước. Nhưng tin tưởng hoàn toàn nơi thắng lợi của chủ nghĩa Cộng sản như tin một sự thật khoa học, bất kể những điều kiện khách quan có thể biến đổi ra sao, thì thú thật là tôi chưa tin nổi.

Vì mong muốn cách mạng thắng lợi nên khi về nước năm 1955, tôi đã dạy học cho một trường tư thục, cơ sở của cách mạng ở thị xã Trà Vinh, khởi đầu một mối quan hệ hợp tác thân tình với cách mạng. Nhưng vì chưa tin tưởng hoàn toàn nơi thắng lợi của cách mạng nên khi những khó khăn ùn ùn kéo tới; năm 1957, trường sở bị đóng cửa, anh em phân tán, thì tôi không còn một hành động

trực tiếp hỗ trợ cho cách mạng.

Chính anh em sinh viên đã kéo tôi ra khỏi tình trạng bất động ấy bằng lời mời gọi của họ, cũng như bằng tấm gương dũng cảm của họ. Sự dũng cảm ấy đập vào tim óc mọi người và bắt mọi người phải suy nghĩ. Riêng tôi đã suy nghĩ như sau:

“Họ là tôi, 20 năm trước. Nhưng 20 năm trước, tôi được ăn học yên lành nơi hải ngoại; khỏi phải đương đầu với những vấn đề mà bây giờ họ phải đương đầu ngay trong tuổi 20. Và tôi tự hỏi: nếu 20 năm trước, tôi gặp phải một hoàn cảnh như họ bây giờ, liệu tôi có đủ can đảm để dấn thân tranh đấu cho những người anh em bị bắt bớ, như họ đang làm hay không?

Không có ai mà không sợ khi phải đối đầu với một nhà nước đã quá nhiều lần biểu dương uy vũ của mình. Năm 1967, tôi đã thấy nhân viên của Nhà nước xách dùi cui đập lên đầu sinh viên như gõ mõ, bắt luận gái trai, trong việc biểu tình phản đối bầu cử gian lận ở đường Duy Tân. Máy ông bà dân biểu đối lập, bắt khả xâm phạm cùng mình, mà cũng phát ớn, hướng chi mấy chú sinh viên.

Cho nên phải nhận là họ can đảm, ít nữa là can đảm hơn một số cha chú, thầy cô của họ, trong đó có tôi.

Chính vì thế mà tôi phải lấy hết cái can đảm, còn lại của tuổi 40, để thừa với Nhà nước rằng: cuộc tranh đấu của họ hoàn toàn chính đáng và tôi đứng về phía của họ” (Tin Sáng, 29-3-1970).

Nhưng họ không phải chỉ là dũng cảm, họ còn rất dễ thương! Đây là những người thanh niên Cộng sản, tôi đoán như vậy, và thường là đoán đúng. Nhưng đây cũng là những đứa con của thành phố Sài Gòn, với cái phong cách đặc biệt của thanh niên Sài Gòn. Họ hăng say mà không cuồng tín, nghiêm túc mà vẫn vui tươi, họ có bản sắc độc đáo và có khả năng sáng tạo. Chưa có giai đoạn nào mà tuổi trẻ thành phố đã sáng tạo dữ dội như những năm đó, từ thơ văn âm nhạc, lý luận chính trị cho tới các phương pháp đấu tranh. Có lẽ sự kết hợp hài hoà giữa cái “chất” Cộng sản với cái “cách” Sài Gòn, là nét dễ thương nhất của họ...

Tôi đã nhảy vào cuộc đấu tranh, phần lớn, do sự lôi kéo của những người trẻ nói trên và đó là những ngày đẹp nhất mà tôi đã

sống, với những lý tưởng đẹp, những tình cảm đẹp, những gương mặt đẹp mãi mãi không quên.

Bây giờ nhớ lại những ngày ấy, nếu có một kinh nghiệm nào đáng ghi nhận thì đó là kinh nghiệm sau đây:

Trong lĩnh vực chính trị, đôi khi hành động lại đi trước niềm tin, khơi nguồn cho niềm tin. Nói cách khác, khi đã thấy được chính nghĩa thì anh cứ nhập cuộc hành động cho chính nghĩa, dù chưa tin tưởng hoàn toàn nơi thắng lợi, và chính những hành động này sẽ tạo cho anh niềm tin. Tôi đã nhập cuộc vì căm thù đế quốc Mỹ và vì mối cảm tình với anh em sinh viên hơn là tin tưởng nơi thắng lợi trước mắt của cách mạng. Nhưng bắt đầu hành động và thấy hành động của mình được hưởng ứng, là cũng bắt đầu tin tưởng hơn, rồi cứ thế mà đi tới, hành động và niềm tin bồi đắp cho nhau.

Tôi mô tả phần nào kinh nghiệm nói trên trong một bài báo thuật lại cuộc tuyệt thực của một số nhà giáo để đòi trả tự do cho các sinh viên học sinh bị bắt, tháng 9-1970, xin trích lại đây vài đoạn để thay lời kết luận.

“Công trường Duy Tân, xe cộ chạy vòng vòng quanh cái mu rùa vĩ đại bọ một tấm bia vĩ đại ghi tên các nước bạn đồng minh vĩ đại của thế giới tự do.

Tôi đã đến đây tham dự ngày tuyệt thực của 20 giáo chức, Đại, Trung và Tiểu học tại Toà viện trưởng Đại học Sài Gòn, đã yêu cầu nhà cầm quyền trả lại tự do cho các SVHS (trong đó lại có anh Huỳnh tấn Mẫn) đã bị giam giữ trái phép đúng một tháng qua và đang tuyệt thực, tuyệt âm trong khám Chí Hoà.

Lúc quyết định thì thực là hăng hái. Nhưng thú thật, lúc tấm biểu ngữ được trương lên và chúng tôi bắt đầu ngồi trên những bậc thềm bóng loáng của Toà Viện trưởng, riêng tôi cảm thấy ngại ngùng, ngượng nghịu và cô đơn.

Vài ông công chức thò ra nhìn rồi thụt ngay vào. Ngoài công trường, xe cộ vẫn dập dìu chung quanh cái mu rùa vĩ đại, hình như chẳng ai chú ý đến chúng tôi. 20 nhà giáo cù lần, đi tuyệt thực để đòi tự do cho mấy đứa học trò, thật là ít oi, yếu ớt, nhỏ nhoi, hầu như chẳng có ý nghĩa gì cả!.

Nhưng chỉ vài phút sau, những người bạn đã có mặt: mấy bà

mấy cô trong Ủy ban Phụ nữ Đòi quyền sống, có cả bà mẹ anh Huỳnh Tấn Mẫm, các anh Trần Ngọc Liễn, Nguyễn Long, Nguyễn Văn Cước và khá đông sinh viên học sinh. Đúng vào lúc ấy, những người “bạn dân” cũng ùn ùn kéo tới, phong toả Toà Viện trưởng và không khí bắt đầu căng thẳng.

Nhưng cũng từ lúc ấy, tôi không cảm thấy cô đơn. Tôi có cảm tưởng được đùm bọc bởi một tập thể rộng lớn, ấm cúng, bao gồm những khuôn mặt anh em thân thiết và đông đảo, những đồng bào chưa bao giờ biết mặt quen tên. Cử chỉ của chúng tôi gia nhập vào một hành động lớn và được ý nghĩa của nó trong hành động ấy.

Các em học sinh đã hát tặng chúng tôi một bài hát thật dễ thương mà tôi chỉ còn nhớ hai câu: “Rồi hoà bình sẽ đến, đến cho dân tộc Việt. Đôi chim bồ câu trắng rủ nhau về làng xưa”.

Trong lúc mấy em hát, tôi cảm động không dám nhìn lên, chỉ nhìn xuống. và nhìn tôi, tôi thấy những bàn chân xếp hàng trước mặt, những bàn chân đầy bụi của đường phố Sài Gòn, đang cùng với hàng vạn bàn chân khác, những bàn chân đầy bùn, những bàn chân đầy máu, rầm rập tiến lên, xây dựng hoà bình.

Các em cứ tin đi. Rồi hoà bình sẽ đến và đôi bồ câu trắng sẽ rủ nhau về làng xưa, nơi có lũy tre xanh, có bà mẹ và có người em nhỏ, có tất cả những gì chúng ta mơ ước.

Các em cứ tin đi. Những kẻ đang hò hét hô hào chiến tranh chỉ vì sợ hoà bình, những kẻ ấy thực sự đã hết thời, dù họ có bao nhiêu đồng minh vĩ đại và có dựng bao nhiêu tấm bia trên bao nhiêu cái mu rùa lom khom như cái lưng của họ để tri ân những đồng minh vĩ đại.

Rồi hoà bình sẽ đến và họ sẽ biến đi như những bóng đêm, như cái bóng đêm dày đặc đã phủ lên quê hương mình suốt một phần tư thế kỷ. Và cái mu rùa khúm núm sẽ nhường chỗ cho bức tượng một người Việt Nam đứng thẳng: bức tượng người chiến sĩ hoà bình” (Tin Sáng 2-10-1970).

Tôi xin tặng những người trẻ tuổi hôm nay cái hình ảnh dễ thương và hào hùng đó của những người trẻ tuổi hôm qua, những người đã giúp tôi có được niềm tin khi lôi kéo tôi đi vào hành động...

*Có nhập cuộc rồi mới thấy, có làm rồi mới tin. Kinh nghiệm ấy
có thể vẫn còn giá trị, ngày hôm nay.*
**Lý Chánh Trung, 3-2-1985*



Lý Chánh Trung, Tô Hữu, Lê Quang Vịnh, Lê Văn Nuôi, Huỳnh Tấn Mẫm, Nguyễn Đình Thi



Trường Đại học Y khoa Sài Gòn trước 1975



Lễ mãn khoá 21 HD 1974 Trường Quân Y QLVNCH



Đại học Dược khoa Sài Gòn trước 1975



Nha khoa Đại học Sài Gòn trước 1975

Bài 12 - PHẢN ỨNG CỦA LÊ HIẾU ĐĂNG ĐÀO HIẾU VÀ HẠ ĐÌNH NGUYÊN VỀ VỤ ÁN SINH VIÊN PHƯƠNG UYÊN



Sinh viên Nguyễn Phương Uyên lấy máu viết: “Tàu khựa cút khỏi Biển Đông. Đảng CS VN bán nước”

Nói cho đầy đủ thì vụ án này là vụ án hai sinh viên Nguyễn Phương Uyên và Đinh Nguyên Kha. Còn Lê Hiếu Đăng, Đào Hiếu và Hạ Đình Nguyên là 3 cựu sinh viên ngày xưa đã tham gia đấu tranh tích cực chống “Mỹ Ngụy”, dưới sự chỉ đạo của Thành Đoàn Cộng sản (Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh hoạt động nội thành Sài Gòn - Gia Định, nay là Đoàn Thanh niên Cộng sản Thành phố Hồ Chí Minh, gọi tắt là Thành Đoàn Cộng sản).

I. SƠ LƯỢC VỤ ÁN SINH VIÊN NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN, ĐINH NGUYÊN KHA

Nguyễn Phương Uyên, sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh và Đinh Nguyên Kha, sinh viên Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An. Cả hai bị bắt vào tháng 10-2012, vì bị ghép tội rải truyền đơn với nội dung phản đối

Tàu Cộng xâm lược Biển Đông và lên án nạn tham nhũng, bắt công trong xã hội Việt Nam hiện nay.

Vụ án kết thúc ngày 16-5-2013. Tòa Long An buộc cho 2 sinh viên tội “tuyên truyền chống nhà nước” và tuyên án sinh viên Nguyễn Phương Uyên, 21 tuổi, 6 năm tù, 3 năm quản chế và sinh viên Đinh Nguyên Kha, 25 tuổi, 8 năm tù, 3 năm quản chế.



SV Đinh Nguyên Kha và Nguyễn Phương Uyên

Trước tòa Cộng sản ở Long An, trái hẳn những gì công an Cộng sản đã ép cung và phổ biến ra ngoài, hai sinh viên yêu nước đã dũng dạc tuyên bố những lời ái quốc đanh thép.

Sinh viên Phương Uyên: *“Tôi là sinh viên yêu nước, nếu phiên tòa hôm nay kết tội tôi, thì những người trẻ khác sẽ sợ hãi và không còn dám bảo vệ chủ quyền của đất nước. Nếu một sinh viên, tuổi trẻ như tôi mà bị kết án tù vì yêu nước thì thật sự tôi không cam tâm”*. Phương Uyên còn nói: *“Việc tôi làm thì tôi chịu xin nhà cầm quyền đừng làm khó dễ mẹ hay gia đình chúng tôi. Chúng tôi làm để thức tỉnh mọi người trước hiểm họa Trung Quốc xâm lược đất nước và cuối cùng là chúng tôi làm xuất phát từ cái tấm lòng yêu nước nhằm chống cái xấu để làm cho xã hội ngày tốt đẹp tươi sáng*

hơn”.

Sinh viên Nguyễn Kha: *“Tôi trước sau vẫn là một người yêu nước, yêu dân tộc tôi. Tôi không hề chống dân tộc tôi, tôi chỉ chống Đảng Cộng sản. Mà chống đảng thì không phải là tội”*.

Phương Uyên và Nguyễn Kha xứng đáng được xưng tụng là hai anh hùng trẻ tuổi trong thời đại ngày nay, theo gương ái quốc của hai anh hùng Trần Bình Trọng và Trần Quốc Toản thuở xưa.

1. Phản ứng từ trong nước

Luật sư biện hộ Nguyễn Thanh Lương như bị ám ảnh: *“...hình ảnh của họ ở phiên tòa hôm nay nó đay đậy vào tận giác ngủ của tôi trong nhiều ngày tới”*.

Một phóng viên báo Pháp Luật mỉa mai: *“Thực chất thì mấy ông tòa án không đủ tư cách và nhân cách để xét xử mấy sinh viên này”*.

Tiền sĩ Đặng Huy Văn xin đi tù thay cho Phương Uyên và Nguyễn Kha.

Trần Mạnh Hảo làm thơ ví hai em Phương Uyên và Nguyễn Kha như *“Đóa sen sáng loà giữa bùn đen”*, kèm theo bức tranh biếm họa của Ba Bụi phê phán nặng nề bản án dành cho hai sinh viên trẻ. Bức họa vẽ một tên “vệ” đang bỏ những lát búa cuối cùng, đôn ngã hai em sinh viên trẻ Phương Uyên - Nguyễn Kha đang đứng trên ngọn cây để kéo cao cờ Hoàng Sa - Trường Sa, quyết bảo vệ sự vẹn toàn của Tổ quốc Việt Nam...

2. Phản ứng ở hải ngoại

Người viết chính luận Trần Trung Đạo kêu gọi: *“Đừng khóc cho Phương Uyên mà hãy sống cùng mơ ước của em”*.

Nhà thơ Ngô Minh Hằng viết bài thơ *“Phù Đổng Đã Vươn Minh”*.

Nhà báo Lão Móc làm bài thơ hào khí ngất trời: *“Lời các em là lời sông núi”*.

Nhạc sĩ Trúc Hồ sáng tác bài *“Tôi Thấy Em”* theo ý của bài thơ *“Tôi Thấy Em Thấp Thoáng Áo Vê”* của Hạ Huyền 72 - Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh, đăng trên Danlambao, vào đúng ngày

diễn ra phiên tòa kết án 2 sinh viên yêu nước. Ca khúc này lập tức được phổ biến và được đón nhận nồng nhiệt rộng rãi khắp nơi qua tiếng hát nghẹn ngào của Nguyên Khang, Nguyễn Hồng Nhung và Mai Thanh Sơn.

Và còn nhiều phản ứng tích cực khác nữa...

II. PHẢN ỨNG CỦA 3 CỤ SINH VIÊN TRANH ĐẤU LÊ HIẾU ĐĂNG, ĐÀO HIẾU VÀ HẠ ĐÌNH NGUYỄN

Một số sinh viên tranh đấu chống “Mỹ Ngụy” trước 1975, ngày nay, đã hiểu ra rằng “Mỹ Ngụy” chưa hẳn đã là thù, còn Bác, Đảng không dắt dân lên thiên đàng mà là đẩy dân xuống hố và Tàu Cộng không là người anh em vĩ đại “môi hở răng lạnh” mà chính là kẻ thù truyền kiếp xâm lăng nước ta.

Lê Hiếu Đăng, Đào Hiếu và Hạ Đình Nguyễn cũng nằm trong số các sinh viên đấu tranh ngày xưa. Ba anh này thường xuyên lên tiếng bày tỏ quan điểm về các vấn đề thời sự nổi cộm. Và đương nhiên, trước vụ án sinh viên Phương Uyên và Nguyễn Kha, ba anh cũng đã có phản ứng.

Sau đây, hãy thử xét xem ba anh cựu sinh viên tranh đấu ngày xưa ấy, nay có vẻ “đã hiểu ra” chưa?

1. Lê Hiếu Đăng

Anh này phản ứng coi bộ khá khôn khéo. Khi trả lời phỏng vấn của hãng RFI, Lê Hiếu Đăng không tự đề cao, không nói về mình; cũng không liên hệ cuộc đấu tranh của hai em Phương Uyên và Nguyễn Kha chống Tàu Cộng xâm lược và những cái xấu đang xảy ra trong xã hội ngày nay với cuộc đấu tranh chống “Mỹ Ngụy” ngày xưa mà anh ta đã tham gia tích cực. Anh ta chỉ tập trung vào 2 ý chính: Một là phê phán nặng nề bản án dành cho hai sinh viên Phương Uyên và Nguyễn Kha là bản án “phát xít”. Hai là tỏ lòng khâm phục, ngưỡng mộ ý chí quật cường của hai em.

Có lẽ ngày nay, tình hình đất nước quá tệ hại, cộng với kinh nghiệm đắng cay về tình đồng chí, đã làm cho trí óc Lê Hiếu Đăng

sáng ra hơn. Ngày xưa, anh theo Đảng, có công tranh đấu, nhưng khi thắng lợi, anh chỉ được Đảng phân phát cho những phần thưởng hơi “bèo”.

Hồi còn là sinh viên Luật, Lê Hiếu Đằng đứng Phó Chủ tịch trong liên danh Nguyễn Đăng Trừng đắc cử Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa niên khoá 1967-1968. Khi Cộng quân bị Quân đội và Cảnh sát VNCH đánh bật ra khỏi Thủ đô Sài Gòn trong trận “Tổng tấn công và nổi dậy” Tết Mậu Thân 1968, đến nỗi Phó Tư lệnh Trần Bạch Đằng (Võ Văn Kiệt là Tư lệnh) chỉ kịp mặc cái quần xà lỏn mà chạy thực mạng, thì sinh viên Lê Hiếu Đằng cũng vội vàng theo ra “bung”. Sau 30-4-1975, tức sau 7 năm nằm gai nếm mật, Lê Hiếu Đằng mới được trở về Sài Gòn và được giao cho chức Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Thành phố HCM, và nay là Phó Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn về dân chủ và pháp luật thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nghĩa là tuy ngày xưa, Lê Hiếu Đằng có công hãn mã đưa “Cách Mạng” tới thành công, nhưng khi “Cách Mạng” thành công, anh chỉ được hưởng “cái xái” với mấy chức phó hư vị trong một tổ chức ngoại vi của Đảng. Phản ứng trên đây của Lê Hiếu Đằng về vụ án hai sinh viên Phương Uyên và Nguyễn Kha chứng tỏ anh ta khôn khéo hơn, vì đã biết đầu đi cái quá trình tranh đấu nhằm đẩy đồng bào Miền Nam tự do vào vòng kềm kẹp của Cộng sản...

Đang khi đó, phản ứng của hai anh Đào Hiếu và Hạ Đình Nguyên xem ra vẫn còn có vấn đề. Hai anh này chưa phân biệt nổi ý nghĩa hoàn toàn khác nhau của hai cuộc tranh đấu: cuộc tranh đấu ngày xưa của một số sinh viên học sinh dưới sự chỉ đạo của Thành Đoàn Cộng sản, nhằm chống “Mỹ Ngụy” và cuộc tranh đấu của các sinh viên ngày nay chống Tàu Cộng xâm lược và chống những cái xấu xa, bại hoại trong xã hội dưới chế độ Cộng sản. Cũng có thể hai anh đã hiểu, nhưng cố tình đánh lận con đen, vẫn muốn tiếp tục đánh lừa dư luận?

2. Đào Hiếu

Trong bài “Đã từng có rất nhiều Nguyễn Phương Uyên và Đình Nguyên Kha”, Đào Hiếu viết nguyên văn như sau: “*Phiên toà xử*

hai sinh viên Nguyễn Phương Uyên và Đinh Nguyên Kha vừa qua đã làm chúng tôi nhớ đến thời tuổi trẻ của mình. Họ chính là hiện thân của chúng tôi hơn 40 năm về trước: yêu nước, nhiệt tình và đầy sức sống.

Hồi đó chúng tôi là những Lê Hiếu Đằng, Huỳnh Tấn Mẫm, Hạ Đình Nguyên, Đào Hiếu... Chúng tôi không chỉ rải 700 tờ truyền đơn như Phương Uyên mà là hàng ngàn tờ truyền đơn. Chúng tôi không những chỉ treo vài lá cờ mà là hàng trăm lá cờ chống lại chế độ mà hồi đó chúng tôi cho là thối nát, tham nhũng và tay sai ngoại bang.

Nhưng cái khác biệt rất lớn giữa hồi đó và bây giờ là: khi rải truyền đơn xong, treo cờ xong (có khi làm những công việc ấy ngay trong sân trường, sau khi tan học), chúng tôi vẫn tiếp tục đi học bình thường vào ngày hôm sau. Không có ai bắt bớ chúng tôi cả, không có công an mật vụ nào theo dõi, chặn đường, hành hung. Và cũng không có chuyện công an xông vào nhà trọ “hốt” đi mất tích như bây giờ, mặc dù căn cứ vào dấu vân tay mà chúng tôi để lại trên truyền đơn và cờ, họ có thể dễ dàng tìm ra chúng tôi.

Tại sao? Vì đơn giản là chính quyền chế độ cũ coi đó là cái quyền bày tỏ chính kiến, quyền tự do tư tưởng, quyền tự do biểu tình, quyền đối lập.

Ngày nay QUYỀN ấy vẫn được ghi trong điều 69 của hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, vậy thì tại sao Phương Uyên phải bị 6 năm tù? Nguyên Kha phải bị 8 năm tù?”

Viết như vậy là Đào Hiếu phạm một sai lầm lớn. Anh ta dám bảo hình tượng tuổi trẻ anh hùng cứu quốc của hai sinh viên Phương Uyên và Nguyên Kha là “hiện thân” của đám sinh viên “ăn phải bùa mê thuốc lú Cộng sản” của mấy anh ngày xưa. Hồi ấy, mấy anh tranh đấu nhân danh đủ mọi khẩu hiệu, mọi mỹ từ, nhằm mục đích đánh sập Miền Nam tự do, để rước bọn Cộng sản về. Cộng sản về thì lập tức chúng bán nước hại dân. Như thế, tội lỗi đối với dân Miền Nam tự do của mấy anh rất lớn. Lẽ ra, bây giờ mấy anh cần hiểu ra, cần sám hối và nếu có can đảm thì hãy nói lên, viết ra hoặc là hành động như thế nào để chuộc tội với đồng bào Miền Nam tự do. Tối thiểu, nếu không dám làm gì, không

dám “xuống đường” nữa, thì mấy anh hầy yên lặng và chống mắt lên mà nhìn, mà ngưỡng mộ các sinh viên trẻ anh hùng. Họ bất chấp gian nan nguy khó, lấy máu viết lên khẩu hiệu đồng dạc. Họ can đảm đứng lên cầm ngọn cờ đầu, xung phong chống quân Tàu Cộng xâm lược, chống bọn cầm quyền Hà Nội hèn vói giặc, ác vói dân. Cuộc đấu tranh của mấy anh ngày xưa là cuộc đấu tranh u mê, cuộc đấu tranh tự huỷ diệt, còn cuộc đấu tranh của các sinh viên trẻ ngày nay như Phương Uyên, Nguyễn Kha, đã có và còn nhiều nữa, là cuộc đấu tranh ái quốc, cứu nước, thương nòi. Hai cuộc đấu tranh giống nhau phần nào về hình thức nhưng khác nhau một trời một vực về mục tiêu, về chính nghĩa dân tộc.

Bài viết của Đào Hiếu trên đây chỉ được “điểm vót” ở phần cuối vì đã thật thà công nhận có sự “khác biệt rất lớn giữa hồi đó và bây giờ *“là chính quyền chế độ cũ coi đó (rải truyền đơn và treo cờ) là cái quyền bày tỏ chính kiến, quyền tự do tư tưởng, quyền tự do biểu tình, quyền đối lập”*”.

Sinh viên Đào Hiếu là bạn tranh đấu thân thiết của “Trùm sinh viên tranh đấu” Huỳnh Tấn Mẫm. Cả hai ở chung phòng trong Đại học xá Minh Mạng gần Ngã Sáu, Chợ Lớn. Ngày nay, Đào Hiếu trở thành nhà văn viết khá nhiều, đã có dịp đi đây đi đó và được gọi là “Nhà văn phản kháng”. Tư tưởng của Đào Hiếu có dấu hiệu chuyển biến qua cuốn *“Lạc Đường”*. Nhưng vói phản ứng trên đây, nhân xảy ra vụ án 2 sinh viên Phương Uyên – Nguyễn Kha, người ta có thể đặt câu hỏi không biết Đào Hiếu đã thật sự nhìn nhận ngày xưa mình đã đi “Lạc Đường” hay chưa?

3. Hạ Đình Nguyên

Ngay khi vụ bắt bớ Phương Uyên vừa mới xảy ra, Hạ Đình Nguyên đã có phản ứng vói bài viết *“Nguyễn Phương Uyên, Tôi Có Thể Làm Gì Cho Em?”*

Vừa nêu câu hỏi thì ngay ở đầu bài, tác giả đã trả lời là *“không thể làm gì được cho các em”* ngoài việc cảm thấy *“ray rức”* và *“bất an trong lòng”*.

Thiên nghĩ, tác giả viết cho Phương Uyên, nhưng có lẽ mục đích chỉ là để gửi lên mạng cho thiên hạ đọc, hầu biết thêm về

chính bản thân tác giả. Phần Phương Uyên đang ở tù Cộng sản, em không có cách nào đọc được bài của tác giả viết cho em. Nếu em muốn đọc thì phải đợi 6 năm nữa khi em mãn tù thì mới có computer hoặc iPhone để đọc!

Và lại, không cần đọc bức thư này, với bản án 6 năm tù, 3 năm quản chế, Phương Uyên cũng dư hiểu, ít là cho đến lúc này, chẳng những tác giả Hạ Đình Nguyên mà ngay cả các tổ chức quốc tế, các trí thức Việt Nam, các bạn đấu tranh, các bạn sinh viên, hàng ngàn chữ kí của đồng bào... cũng chưa làm gì được cho em. Bởi vì Đảng Cộng sản đã trở thành vô cảm, chỉ còn biết “*chăm bắm cho cái riêng của mình*” (lời của Hạ Đình Nguyên) mà thôi.

Như đã nói trên đây, cái đỉnh của bài viết đã được tác giả giải quyết nhanh gọn ngay từ đầu. Bài có thể chấm dứt được rồi. Nhưng tác giả đã kéo dài bài viết để nhấn gửi độc giả những điều phụ thuộc khác nữa, nhưng xem ra, đối với tác giả, đó mới là chủ đích chính của bức thư.

Một là: Hạ Đình Nguyên muốn liên hệ cuộc đấu tranh của lớp tuổi trẻ ngày nay với cuộc tranh đấu của thế hệ tác giả. “*Hình ảnh của các em là hình ảnh của chính chúng tôi ngày xưa đang sống lại*”. Cũng “*cái tuổi đầy nhiệt huyết*”, “*trái tim tuổi trẻ trong sáng, đã dám đứng lên vì một cảm xúc lớn*”. Và “*Chúng tôi không biết gì về mọi thứ mưu toan của người lớn, hay của thời cuộc. Chúng tôi hồn nhiên bay trong tình tự dân tộc, bất chấp hiểm nguy để chống xâm lược*”.

Đúng là Hạ Đình Nguyên và các đồng chí sinh viên ngày xưa đầy nhiệt huyết, nhưng lại quá “hồn nhiên”, nói trắng ra là quá ngây thơ, cho nên các anh đã “không biết gì về mọi thứ mưu toan của người lớn, hay của thời cuộc”. Chính cái nhiệt tình cộng với cái ngu dốt (“không biết gì”) của các anh đã biến các anh thành những tên phá hoại (Lênin: Nhiệt tình cách mạng + ngu dốt = phá hoại). Các anh phá hoại, các anh biểu tình, phát truyền đơn, bãi khoá, đòi hỏi đủ thứ, chống đủ thứ, đập phá, chống Chương trình quân sự học đường, cấm cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng... Các anh lập ra đủ thứ hội đoàn tranh đấu, xâm nhập vào các đoàn thể, Hội Bảo vệ phụ nữ, Đòi quyền sống đồng bào, Cải thiện chế độ lao

tù, Hát cho đồng bào tôi nghe, Nói với đồng bào, Đốt xe Mĩ. Cùng vài tên sinh viên phản chiến Mĩ, các anh khiêng cỗ quan tài màu đỏ, ghi 2 câu thơ của Tố Hữu “*Cắm hờn lại giục cắm hờn, Máu kêu trả máu, đầu van trả đầu*” và kéo nhau xuống đường giơ cao biểu ngữ “Stop War”, “Peace Now”. Rồi tổ chức đưa cán bộ ra căn cứ Thành Đoàn để huấn luyện, sau đó, về Thành ám sát giáo sư, giết sinh viên bạn bè trong trường học... Các anh quây phá hậu phương của VNCH để chuẩn bị đón Cộng quân về “giải phóng” Miền Nam tự do. Thành phần nào trong xã hội Miền Nam cũng có một số ít phần tử đã góp phần làm mất Miền Nam tự do vào tay Cộng sản. Riêng thành phần sinh viên thì đám sinh viên tranh đấu, trong đó có Hạ Đình Nguyên, đã đóng góp khá ồn ào, khá tích cực và gây tác dụng tâm lí đáng kể.

Nay thì hơn ai hết, chính Hạ Đình Nguyên đã biết rất rõ hậu quả của việc Cộng sản “giải phóng” đồng bào Miền Nam như thế nào. Trong thư, anh ta viết: “*Ngày nay, đất nước đã thống nhất, với một chế độ duy nhất, của một đảng duy nhất lãnh đạo, đã qua 38 năm, là thời gian có thể làm nên những kỳ tích cho quốc gia như nhiều quốc gia khác, mà sao, chỉ cái việc bắt bớ con em trong nước lại còn quá bậy bầy, nói chi tới chuyện lớn hơn?... hằng vạn thanh niên nghiện ngập ma tuý, hằng vạn thiếu nữ liều mình, nhắm mắt đưa chân, lao đi kiếm chồng bất kể gian nguy, trước tình trạng đạo đức suy đồi, giết người, cướp của, giết dọc vì đói ăn khát uống, bắt trộm chó để bị đánh tới chết và bị thiêu... những thanh niên đang cầm súng giữ đảo, giữ bờ cõi với lòng trung thành, chấp nhận hy sinh, mà không biết chắc mai sau có được Tổ quốc ghi ơn hay bị phản bội, bị quên lãng, bị khuyên ‘không nhắc tới’...*”

Hậu quả việc Cộng sản “giải phóng” Miền Nam tai hại đến thế nào thì trong và ngoài nước đều biết rõ. Trích dẫn trên đây cho thấy chính Hạ Đình Nguyên cũng đã nhìn nhận sự thật khốn nạn của “sự nghiệp giải phóng” mà Đảng Cộng sản mang tới cho dân tộc Việt Nam, mặc dù vẫn chưa kể ra hết.

Hai là: Hạ Đình Nguyên đã có can đảm kể ra những tội lỗi hại dân hại nước của nhà cầm quyền Cộng sản, nhưng chưa dám chỉ thẳng ngón tay vào ngay mặt Cộng sản Hà Nội. Anh ta chỉ dám

xòe nguyên cả năm ngón tay và “chỉ thiên” lên trời, để...không trúng ai! Anh ta viết: “*Chúng ta ray rứt tự hỏi, trách nhiệm đó thuộc về ai? Thật khó trả lời!*”.

Tại sao khó trả lời? Khó trả lời hay tại anh rét? Ở hải ngoại có một cựu sinh viên Sài Gòn tên Nguyễn Thu Trâm viết bài hỏi mấy anh sinh viên tranh đấu ngày xưa: “*Sao không xuống đường?*”. Câu trả lời có thể là: không xuống đường vì sợ Cộng sản. Mấy anh sinh viên Việt Cộng không ngán Cảnh sát Việt Nam Cộng Hoà, nhưng mấy anh ngán Công an Cộng sản.

Ba là: Hạ Đình Nguyên kể chuyện Chủ tịch Tối cao Pháp viện VNCH là Trần Minh Tiết (Hạ Đình Nguyên nhớ sai là Nguyễn Minh Tiết) đã không chấp nhận yêu sách của TT. Nguyễn Văn Thiệu phải kết án 21 sinh viên tranh đấu là Việt Cộng. Ông Tiết viện có 21 sinh viên đó đã bị ép cung. Kể chuyện này, Hạ Đình Nguyên nhìn nhận rằng “*Thể chế Cộng hoà ở Miền Nam, tồn tại 20 năm, trong chiến tranh khốc liệt và thiếu chính nghĩa, vì phụ thuộc nước ngoài*”, và “*dù chưa phải là thực chất của một thể chế dân chủ, nhưng ở đó có một số điểm tựa để cho người dân tin cậy, là hệ thống luật pháp về dân sự, dù thời điểm đó đang là chiến tranh*”.

Đang khi đó, Hạ Đình Nguyên chưa chát thú nhận: ngày xưa, đi theo cách mạng vì “*tin rằng, mai sau thể chế của chúng ta sẽ đàng hoàng hơn, minh bạch hơn, và tốt đẹp gấp vạn lần*”. Nhưng đó chỉ là giấc mơ hão huyền. Khi tỉnh mộng, anh ta thấy: “*Ngày nay, đất nước đã thống nhất, với một chế độ duy nhất, của một đảng duy nhất lãnh đạo, đã qua 38 năm, là thời gian có thể làm nên những kỳ tích cho quốc gia như nhiều quốc gia khác, mà sao, chỉ cái việc bắt bớ con em trong nước lại còn quá bầy hầy, nói chi tới chuyện lớn hơn?*”.

Bốn là: Ở phần cuối bức thư, nhân đề cập việc Phương Uyên bị tố cáo là đã vẽ 3 sọc đỏ lên giấy để hoài niệm lá cờ VNCH (Phương Uyên ghi ở dưới là Đại Nam Quốc Kỳ và “Cờ Quốc Gia Việt Nam” theo lai lịch của lá cờ chứ em không ghi là cờ VNCH)), Hạ Đình Nguyên “triết lí” say sưa về sự cần phải thức thời, cần phải gác bỏ quá khứ, nên hoà giải hoà hợp và hướng về tương lai...

Đó là những lời hay, ý đẹp. Nhưng tiếc thay, những ý đẹp ấy chỉ có những dân tộc văn minh, yêu con người, yêu đất nước thật sự mới thực hiện được. Người Mỹ đã làm được sau cuộc nội chiến Nam – Bắc Hoa Kỳ (1861 – 1865) giải phóng cho 4 triệu người da đen nô lệ. Các nước Đông Âu, các nước thuộc Liên Bang Nga Xô Viết, rồi Albania, Nam Tư... cũng đã làm được. Tiếc thay, Cộng sản Việt Nam đã không làm được sau chiến thắng 1975 và tiếp tục bỏ lỡ nhiều cơ hội hoà giải trong suốt 38 năm qua. Giới quan sát thế giới khi so sánh việc hoà giải hoà hợp tại các nước Đông Âu với trường hợp Việt Nam thì họ lấy làm tiếc cho dân tộc Việt Nam. Lỗi lầm của Cộng sản Hà Nội dứt khoát không chịu hoà giải dân tộc sau chiến tranh là một tội lỗi vô cùng to lớn đối với đất nước, chứ không phải chỉ là một sự tiếc xót mà thôi.

Tại sao?

Nếu cần một trong những câu trả lời hay những lời giải thích, xin hãy nghe lời một chiến binh VNCH xưa nói với kẻ thắng:

... sau chiến tranh

đối xử với những người ở bên kia chiến tuyến

nhưng cùng tiếng nói, màu da

biết bao nhiêu phương cách đưa ra

các anh chọn phương cách tàn độc nhất

các anh đã tự đào dòng sông ngăn cách

ngày lại ngày chễm chệ trên bờ

í ới vầy chúng tôi qua

tiếc rằng... bờ vẫn... quá xa.

(Bài “Bờ Vẫn Quá Xa” của Thiếu úy Dù Phạm Đức Nhì).

Năm là: Trong thư, Hạ Đình Nguyên hai lần dùng những cụm từ “chống xâm lược” và “Thể chế Cộng hoà ở Miền Nam... thiếu chính nghĩa, vì phụ thuộc nước ngoài”.

Hạ Đình Nguyên đụng chạm tới một đề tài lớn, xét thấy không thể đem ra bàn bạc ngay ở đây được. Song để gợi ý một chút, xin hãy đọc một đoạn trong bài “*Thốn thức cho Việt Nam*” của Đoàn Văn Toại, một trong những cựu sinh viên tranh đấu, đồng chí của Hạ Đình Nguyên, nay đã “sáng mắt ra”. (Toại là sinh viên Dược khoa, Phó Chủ tịch ngoại vụ trong Ban Chấp hành Tổng hội Sinh

viên Sài Gòn năm 1969 mà Chủ tịch là sinh viên Việt Cộng Nguyễn Văn Quỳ, bên Nông Lâm Súc)...

Đoàn Văn Toại viết: “*Khi tôi còn trong tù, Mai Chí Thọ, một Ủy viên Trung ương đảng (lên Đại tướng Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ CSVN), đã nói chuyện trước một nhóm tù nhân chính trị chọn lọc.*

Ông ta đã nói với chúng tôi: ‘Hồ Chí Minh có thể là một quỷ dữ, Nixon có thể là một vĩ nhân. Người Mỹ có thể có chính nghĩa, chúng ta có thể không có chính nghĩa. Nhưng chúng ta đã chiến thắng và người Mỹ đã bị đánh bại bởi vì chúng ta đã thuyết phục được người dân rằng Hồ Chí Minh là một vĩ nhân, Nixon là một tên sát nhân và người Mỹ là những kẻ xâm lược’.

Ông ta đã kết luận,

‘Yếu tố chủ chốt là làm thế nào kiểm soát người dân và ý tưởng của họ. Chỉ có chủ nghĩa Mác Lê mới có thể làm được như vậy. Không ai trong các anh đã từng biết đến một sự kháng cự nào đối với chế độ Cộng sản, bởi vậy không nên nghĩ đến điều đó nữa. Hãy quên chuyện đó đi? Giữa các anh – những nhà trí thức ưu tú – và tôi, tôi đã nói với các anh sự thật’.

Riêng tôi, xin gợi ý cho Hạ Đình Nguyên rằng, từ 1954 tới 1965, ở Miền Nam tự do chỉ có rất ít các cố vấn Mĩ không tác chiến. Mãi tới năm 1965, quân tác chiến Hoa Kỳ mới đổ vào Miền Nam. Nhưng nên nhớ, ngay từ ngày 13-01-1959, Hội nghị Trung ương Đảng Lao Động (Cộng sản) lần thứ 15 tại Hà Nội đã ra nghị quyết thống nhất đất nước bằng võ lực. Sang năm sau, Đại hội Đảng lần thứ 3, từ ngày 05-9 tới 10-9-1960, đã chính thức lấy tên là “Đại hội Xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và Đấu tranh Thực hiện Thống nhất Nước nhà”. Ba tháng sau, Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam chính thức ra đời ngày 20-12-1960. Vậy, ai là kẻ “xâm lược”? Ai là người chiến đấu tự vệ? Người bắt buộc phải chiến đấu tự vệ lại không có “chính nghĩa” sao?

Và cũng nên suy nghĩ xem Quân đội Hoa Kỳ có xâm lược Tây Đức, Nhật Bản, Nam Hàn, Phi Luật Tân hay không. Những nước này “phụ thuộc” Hoa Kỳ nhiều hay ít. Cũng nên thử tìm hiểu xem, Miền Bắc có “phụ thuộc” khối Cộng sản hay không, nhất là có làm

tay sai cho hai quan thầy Liên Xô và Tàu Cộng hay không. Chỉ mới đây thôi, khi chào đón Tập Cận Bình, trên tay bày con nít có cầm lá cờ Tàu Cộng vẽ 6 ngôi sao; sao lớn là anh Tàu Hán chính cống, còn 5 sao nhỏ là Hôi, Mông, Tạng, Mãn, Việt Nam. Đúng thật là Tổ quốc đã lâm nguy!

Nhấn gửi Hạ Đình Nguyên: Ngày xưa, Hạ Đình Nguyên từng làm Trưởng Ban Hành động của Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, chuyên viên thảo kế hoạch và cầm đầu những biểu tình chống “Mĩ, Ngụy”. Sau 30-4-75, không biết “cách mạng” có đối xử “tử tế” cho cân xứng với công lao của anh ta hay không. Nhân ngày xưa chúng tôi đi học cùng một thời và cũng có biết nhau, cho nên xin nhấn gửi rằng: Thôi, hãy ở yên, an hưởng tuổi già. Nếu còn có chút lòng với nước với non, thì hãy tiếp tục dùng ngòi bút để “xuống đường tranh đấu” tố cáo Tàu Cộng xâm lăng, tố cáo ác Đảng Cộng sản bán nước hại dân, xin chớ có xúi lớp trẻ anh hùng ngày nay “ăn cứt gà sấp hoà giải hoà hợp” của bọn cầm quyền Hà Nội. Bởi vì lịch sử cho thấy, Cộng sản Việt Nam đã tận dụng hai chiêu lừa đảo và bạo lực để cướp chính quyền và để nắm vững chính quyền. Họ dùng hai chiêu ấy ở mức độ lưu manh nhất và tàn độc nhất. Bằng chứng mới nhất là bản án nặng nề dành cho hai sinh viên trẻ anh hùng yêu nước Nguyễn Phương Uyên và Đình Nguyên Kha.

Tháng 6-2013



Bằng chứng Tổ quốc lâm nguy. Cộng sản VN cho trẻ em Hà Nội cầm cờ Tàu Cộng 6 ngôi sao để đón Tập Cận Bình. Sao lớn là Tàu; 5 sao nhỏ là Mông, Hôi, Mãn, Tạng, và Việt Nam (Tin BBC này 23-12-2011)

Bài 13 - BAN A 17 ĐỐI ĐẦU VỚI THÀNH ĐOÀN CỘNG SẢN

Ban A 17 là một ban công tác mới mẻ thuộc Phủ Đặc uỷ Trung ương Tình báo Việt Nam Cộng Hoà, thành lập vào cuối năm 1971, với nhiệm vụ chính là đánh bại Thành Đoàn Cộng sản, giải toả áp lực của tổ chức Cộng sản này tại các trường học, nhất là tại Đại học Sài Gòn.

I. NGUYÊN DO THÀNH LẬP BAN A 17

Từ năm 1966, Thành Đoàn Cộng sản tăng cường cài thêm nhiều cán bộ vào Tổng hội Sinh viên Sài Gòn và một số Phân khoa lớn thuộc Đại học Sài Gòn. Sau khi nắm được Tổng hội Sinh viên Sài Gòn và ban đại diện sinh viên các Phân khoa lớn, họ ngang nhiên và liên tục phát động tranh đấu dưới nhiều hình thức, quấy phá trong trường học, bạo loạn ngoài đường phố.

Tình hình rối loạn đến nỗi ông giáo sư “ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản” Lý Chánh Trung đã “hồ hởi phấn khởi” mô tả một cách mỉa mai trong cuốn *“Những Ngày Buồn Nôn”* của ông như sau: *“Suốt tuần qua, trung tâm thành phố Saigon đã biến thành một bãi chiến trường để cho mấy ông Triệu tử Long nhỏ nhỏ mặc sức tung hoành...Kết quả thực là ngoạ mục: Khói lựu đạn cay mịt mù trước Dinh Độc Lập, hàng rào kẽm gai chằng chịt trên các nẻo đường như những tràng hoa tang tóc nền dân chủ”* (Bài 6. Khóc Di Con. Trang 40)”.

Trước tình hình ấy, nhà trường thì lúng túng, tập thể sinh viên hoang mang, đang khi lực lượng Cảnh sát phải hết sức vất vả hành quân giải toả những cuộc biểu tình gây rối loạn và truy lùng những tên cán bộ cốt cán thuộc Thành Đoàn Cộng sản.

Với nỗ lực vượt bực, Cảnh lực cũng đã tóm được một số những tên cán bộ cầm đầu và chuẩn bị truy tố bọn họ ra trước pháp luật.

Trớ trêu thay, ngay lập tức, có một số ông to bà lớn, cả đạo lẫn đời, hùa theo những thành phần phản chiến, thiên tả, trong và ngoài nước, lên tiếng phản kháng chính quyền và bênh vực cho bọn cán

bộ Thành Đoàn Cộng sản. Việc làm này, vô hình trung, như choàng thêm vòng hoa chiến thắng lên cổ bọn cán bộ Thành Đoàn Cộng sản đội lột sinh viên, đồng thời cổ vũ họ tiếp tục hoạt động chống phá chính quyền VNCH.

Sang năm 1971, Biệt động thành T 4 (Ban An ninh Đặc Khu Sài Gòn – Gia Định) thi hành 2 vụ ám sát nhằm vào 2 đối tượng thuộc Đại học, khiến cho tình hình an ninh tại các Phân khoa Đại học Sài Gòn càng ngột ngạt và căng thẳng hơn. Vụ thứ nhất xảy ra ngày 28-6-1971, hai tên thuộc Biệt động thành bắn chết sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật, Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa, ngay tại hành lang trước cửa phòng ban đại diện sinh viên. Vụ thứ hai xảy ra ngày 10-11-1971, hai tên Biệt động thành liệng bom vào gầm xe và giết chết Gs. Nguyễn Văn Bông, Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chánh, khi xe chở Giáo sư đang chờ đèn đỏ ngay tại ngã tư Cao Thắng – Phan Thanh Giản.

Vụ ám sát Giáo sư Nguyễn Văn Bông và sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật xảy ra giữa thanh thiên bạch nhật, ngay trung tâm Thủ đô Sài Gòn, đã giáng những đòn choáng váng vào các cơ quan an ninh và các viên chức có trách nhiệm.

Để đối phó với tình hình này, Thiếu tướng Nguyễn Khắc Bình, Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia kiêm Đặc ủy trưởng Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, đã gọi ông Nguyễn Thành Long, Biệt cục trưởng Campuchia, đang công tác tại Nam Vang về và giao cho ông chức vụ Phụ tá Đặc ủy trưởng đặc trách công tác Ban A 17, đối đầu trực diện với Thành Đoàn Cộng sản.

II. ĐỐI THỦ CỦA BAN A 17

Đối thủ của Ban A 17 là Thành Đoàn Cộng sản.

Thành Đoàn Cộng sản thuộc Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, nay là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ vận động thanh niên nội thành Sài Gòn – Gia Định; trong bài này, gọi tắt là Thành Đoàn Cộng sản.

1. Tổ chức

Chỉ huy

Cấp chỉ huy cao nhất của Thành Đoàn Cộng sản vào thời điểm thành lập Ban A 17 là Trần Bạch Đằng. Lúc đó, Trần Bạch Đằng nắm chức Bí thư Đặc Khu uỷ Sài Gòn Gia Định. Từ năm 1965, ông ta đã được giao cho nhiều chức vụ quan trọng, như: *Tuyên huấn, Trí vận, Hoa vận và Thanh vận (tức Thanh niên, Sinh viên, Học sinh vận)*, đồng thời phụ trách Ban Cán sự nội thành là tiền thân của Thành uỷ Sài Gòn – Gia Định. Thành Đoàn Cộng sản là mũi nhọn của công tác Thanh vận phối hợp với *Trí vận*.

Hệ thống chìm

Hệ thống chìm nằm trong vòng bí mật, chia thành các chi bộ, mỗi chi bộ có bí thư chi bộ phụ trách một hay vài ba Phân khoa Đại học. Hệ thống chìm chỉ huy hệ thống nổi.

Vào khoảng năm 1971, hệ thống chìm bao gồm:

Ban Chấp hành Thành Đoàn: Bí thư: Phan Chánh Tâm (Năm Pha, Ba Vạn). Phó Bí thư: Phạm Chánh Trực và Lê Mỹ Lệ (Năm Trang).

Thường vụ: Trương Mỹ Lệ (Tu Liêm, Mười Trương), Nguyễn Văn Chí (Bảy Điền, Sáu Chí), Nguyễn Ngọc Phương (Ba Triết), Trang Văn Học (Năm Tranh).

Đoàn uỷ sinh viên: Nguyễn Ngọc Phương, Trầm Khiêm (Hai Lâm), Dương Văn Đây (Bảy Không, Ba Niên), Nguyễn Văn Sự, Lê Công Giàu và Trần Thị Ngọc Hảo (Tu Tín).

Hệ thống nổi

Hệ thống nổi gồm gồm các cán bộ đội lột sinh viên thuần tuý, hoạt động công khai, hợp pháp. Họ là các Đảng viên, Đoàn viên, Hội viên (Đảng viên Đảng Cộng sản VN, Đoàn viên Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng, Hội viên Hội Liên hiệp Thanh niên VN, bao gồm Hội Liên hiệp Sinh viên Giải phóng và Hội Liên hiệp Học sinh Giải phóng Miền Nam VN). Các sinh viên Việt Cộng này được lệnh tìm mọi cách để nắm lấy Ban Chấp hành Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, Đại học xá Minh Mạng, Đại học Vạn Hạnh, Đoàn Sinh viên Phạt tử và Ban Đại diện sinh viên các Phân khoa Đại học

Sài Gòn, nhất là các phân khoa lớn như Văn khoa, Luật khoa, Khoa học, Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (Nông Lâm Súc), Y khoa, Dược khoa...

Phải nhìn nhận số cán bộ Thành Đoàn Cộng sản hoạt động trong Đại học không đáng kể, song họ được tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ, được học tập kỹ lưỡng và hoạt động với nhiệt tình cách mạng khá cao cho nên họ đã lần lượt không chế được một số tổ chức sinh viên công khai, hợp pháp, trong khoảng 5 năm liên tục.

Họ đã nắm được Tổng hội Sinh viên Sài Gòn 4 nhiệm kì liên tiếp: 1967: Hồ Hữu Nhựt, 1967-68: Nguyễn Đăng Trùng, 1968-69: Nguyễn Văn Quý, 1969-70: Huỳnh Tấn Mẫm.

Họ cũng nắm được Đại học xá Minh Mạng với Chủ tịch Ban Đại diện là Huỳnh Tấn Mẫm (1969-70), Nguyễn Xuân Thượng (1970-71), Lê Thống (1971-72). Với vị thế này, bọn họ dùng Đại học xá để chứa chấp đồng chí, đồng bọn, rồi biến nơi đây thành bộ chỉ huy và điểm xuất phát nhiều cuộc đấu tranh, xuống đường.

Cũng vào khoảng 1970, Thành Đoàn Cộng sản nắm được Ban Đại diện sinh viên tại Đại học Vạn Hạnh và các Phân khoa lớn như Khoa học, Văn khoa, Luật khoa, Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp, Đoàn Sinh viên Phật tử... (Xin đọc bài *Sơ Lược Tổ Chức Cộng sản Trong Giới Học Sinh, Sinh Viên Sài Gòn Trước 1975 Và Các Cán Bộ Cốt Cán Của Những Tổ Chức Đây*).

2. Hoạt động của Thành Đoàn Cộng sản

Vì nắm được ban đại diện sinh viên, họ có thể gây áp lực lên cả khoa trưởng và các giáo sư, nhất là sau mấy vụ đặc công Cộng sản ám sát Giáo sư Y khoa Lê Minh Trí, Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Giáo sư Trần Anh, Khoa trưởng Y khoa và Giáo sư Nguyễn Văn Bông, Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chính.

Cũng vì nắm được những tổ chức công khai, hợp pháp kể trên, Thành Đoàn Cộng sản đã phát động nhiều cuộc đấu tranh, chống đủ thứ, đòi đủ thứ... bằng nhiều hình thức từ ôn hoà, hợp pháp tới bạo động: bãi thi, bãi khoá, diễn thuyết, hội thảo, tuyên cáo, kiến nghị, triển lãm tội ác chiến tranh, văn nghệ, dựng tượng Nhất Chi Mai rất lớn ngay tại hành lang giảng đường 4 Văn khoa. Chúng

liên tục tổ chức các cuộc xuống đường, đốt phá, cản trở giao thông, gây rối trị an trên các đường phố Sài Gòn; thậm chí còn tổ chức những vụ giết sinh viên, ám sát giáo sư.

III. Ban A 17

1. Vài lời trần tình

Tất cả quân nhân các cấp cũng như tất cả viên chức chính quyền lớn nhỏ của nước Việt Nam Cộng Hoà (VNCH) đều có quyền hãnh diện vì đã phục vụ chính nghĩa chiến đấu tự vệ, bảo vệ Miền Nam tự do, chống lại Cộng sản Bắc Việt muốn nhuộm đỏ Miền Nam. Cho tới nay, hầu như tất cả mọi ban ngành, mọi binh chủng, mọi hoạt động, mọi thành tích của các thành phần quân, cán, chính, đều đã được phổ biến công khai trước dư luận, trước lịch sử.

Riêng ngành an ninh, tình báo mang tính bí mật đặc thù tự bản chất, phải tuân thủ những nguyên tắc bảo mật nghiêm ngặt. Khốn thay, “ngày sập Trời” 30-4-1975 đã xảy ra. CSBV vi phạm Hiệp định Paris 1973 bằng cách dùng bạo lực quân sự để cưỡng chiếm VNCH, cuốn theo chiều gió hệ thống tổ chức của một quốc gia trong chớp mắt, nhưng tất cả cơ sở, nhân sự hầu như còn nguyên vẹn, nhiều tài liệu mật chưa kịp tiêu huỷ! Kẻ thắng trận sử dụng cơ sở, khai thác tài liệu và đẩy ải nhân sự VNCH trong các trại tập trung cải tạo khổ sai hàng chục năm. Trong chốn lao tù nghiệt ngã đặng đặng ấy, làm sao có thể bảo tồn được tất cả mọi nguyên tắc, giữ mãi được tất cả mọi bí mật?

Tuy không có thể giữ được tất cả mọi nguyên tắc, bảo toàn được mọi bí mật, nhưng chúng tôi biết chắc chắn Ban A 17 vẫn còn giữ được một số bí mật nhân sự và bí mật chiến thuật công tác. Những bí mật ấy sẽ mãi mãi “sống để bụng, chết mang theo”.

Vì lẽ đó, về Ban A 17, chúng tôi tự chế sẽ chỉ nói những gì xét thấy bất cứ ai quan tâm cũng đều có thể biết được mà thôi.

2. Mục tiêu công tác

Như đã trình bày, mục tiêu của Ban A 17 là đánh bại Thành

Đoàn Cộng sản, giải toả áp lực của tổ chức Cộng sản này tại các trường học, nhất là tại Đại học Sài Gòn. Thắng lợi của Ban A 17 sẽ giúp tái lập kỉ cương trường ốc, mang lại yên bình thuận lợi cho việc học hành và các sinh hoạt học đường lành mạnh.

3. Nhân sự

Vì là công tác thuộc môi trường Đại học cho nên tất cả cán bộ Ban A 17, cũng như nhân viên kế ước, đều là những sinh viên đã tốt nghiệp hoặc sắp tốt nghiệp Đại học, thuộc đủ mọi Phân khoa.

Đến nay, mái tóc của tất cả nhân sự Ban A 17 thướt xua đều đã điểm sương, đã bạc màu. Tất cả đã rút chân ra khỏi giang hồ và muốn được sống những năm tháng còn lại thật bình yên. Hãy để cho “Những chiến mã một thời chinh chiến, một thời phiêu lãng”.

4. Tình hình

Ban A 17 “ra quân” chiến đấu trong Mặt Trận Đại Học trước một tình hình không mấy thuận lợi vì chẳng những phải đối phó với một đối thủ lợi hại là Thành Đoàn Cộng sản mà còn phải vượt qua một số trở ngại nội tại.

Phải thượng tôn pháp luật

Chế độ tự do, nền tự trị Đại học và tinh thần thượng tôn pháp luật vốn là ưu điểm của các xã hội Âu Mỹ có truyền thống dân chủ đã ăn sâu trong xương thịt. Thế nhưng, ở nước ta, giữa cuộc chiến ác liệt chống kẻ thù hung hiểm Cộng sản, ông đồng minh thì “đồng sàng dị mộng”, coi như VNCH tứ bề thọ địch, thì những thứ tự do tốt đẹp, những nguyên tắc pháp luật nghiêm minh đó sẽ bó tay bó chân các cơ quan an ninh và trở thành tấm khiên che chở, thành chỗ núp an toàn cho các cán bộ Thành Đoàn Cộng sản.

Tình hình các giáo sư

Một số giáo sư có tinh thần Quốc gia rõ rệt, đã tích cực yểm trợ công tác Ban A 17. Một số ít không thiên Cộng, nhưng lại đối lập hoặc chống chính quyền VNCH. Một số rất ít khác thì thiên tả hoặc thiên Cộng. Còn một số khá đông lại chọn làm kẻ đứng bên lề, mong được yên thân!

Tình hình sinh viên

Khá nhiều sinh viên thuần tuý có thái độ dửng dưng, không ưa Cộng sản, nhưng cũng không làm gì để chống lại chúng. Thậm chí có một số ít sinh viên bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng cấp tiến, xu hướng cách mạng và có mặc cảm “gia nô” nếu tỏ thái độ hoặc hành động ủng hộ chính quyền. Những sinh viên này rất dễ có khuynh hướng bỏ phiếu bầu cho liên danh gồm các sinh viên là cán bộ Thành Đoàn Cộng sản. Tệ hơn cả, có một số nhỏ sinh viên nhẹ dạ, hoặc hiếu động đã a dua theo bọn sinh viên Việt Cộng.

5. Hoạt động của Ban A 17

Phá vỡ hệ thống nhân sự chìm và nổi của đối phương

Công tác này cần thực hiện 2 bước: Một là phát hiện các đối tượng chính xác và kịp thời. Các cán bộ Ban A 17 là sinh viên, họ không xa lạ gì đối với trường ốc, thầy cô và bạn bè sinh viên. Vì thế, qua học tập, tiếp xúc, quan sát trực tiếp hằng ngày, họ dễ dàng phát hiện các đối tượng là cán bộ Thành Đoàn Cộng sản.

Việc phát hiện còn được thực hiện một cách chính xác bằng hoạt vụ xâm nhập vào hàng ngũ đối phương.

Khi đã thâm nhập được tin tức cần thiết, các cơ quan có trách nhiệm phải thực hiện bước công tác kế tiếp là vô hiệu hoá các đối tượng.

Kết quả: Chỉ sau khoảng một năm hoạt động, các lực lượng an ninh đã bắt giữ được khá đông các cán bộ cốt cán của Thành Đoàn Cộng sản, một số khác phải đào thoát ra các căn cứ Thành Đoàn ngoài bung biên, số còn lại phải “lặn thật sâu”. Từ nay, không còn có cảnh những cán bộ Thành Đoàn Cộng sản ngang nhiên, tự tung tự tác trong học đường, ngay giữa Thủ đô Sài Gòn như trước nữa.

Giành quyền kiểm soát các tổ chức sinh viên công khai, hợp pháp

Sau khi phá vỡ hệ thống tổ chức của Thành Đoàn Cộng sản, Lực lượng Sinh viên Quốc gia cần giành lại các tổ chức sinh viên hợp pháp càng sớm càng tốt. Đây là điều kiện quan trọng thứ hai để có thể đạt được mục tiêu xoá bỏ tận gốc sự khống chế của Thành Đoàn Cộng sản trong môi trường Đại học.

Nhận thấy Thành Đoàn Cộng sản dồn nỗ lực chính để giành quyền kiểm soát Đại học xá Minh Mạng, Ban Chấp hành Tổng hội SVSG, Ban Đại diện sinh viên các Phân khoa lớn: Luật khoa (29716 sinh viên trong niên khoá 1973-74), Văn khoa (20405 sinh viên trong niên khoá 1973-74) và Khoa học (10738 sinh viên trong niên khoá 1973-74); do đó, để đối phó với Thành Đoàn Cộng sản, Ban A 17 cũng thành lập các tổ công tác hoạt vụ bề thế hơn tại các trọng điểm kể trên.

Dù thế nào, nỗ lực chính yếu vẫn thuộc về Lực lượng Sinh viên Quốc gia. Chính các sinh viên Quốc gia bắt tay vào việc thành lập các liên danh ra tranh cử ban đại diện sinh viên tại các Phân khoa và Tổng hội SVSG.

Yêu cầu đặt ra là các liên danh của Lực lượng Sinh viên Quốc gia phải thắng cử, cho nên Ban A 17 tìm phương cách san bằng mọi trở ngại để bảo đảm thắng lợi cho các liên danh mình ủng hộ.

Chẳng hạn như nếu gặp trường hợp một vị khoa trưởng, một giáo sư hoặc một viên tổng thư kí văn phòng nhà trường lừng khùng, không tích cực hợp tác, Ban A 17 phải làm cho họ hợp tác hay ít ra là không làm gì cản trở sự thành công của liên danh tranh cử thuộc Lực lượng Sinh viên Quốc gia.

Một khi đã ủng hộ một liên danh, Ban A 17 sẽ không muốn ủng hộ bất cứ liên danh ứng cử nào khác, dù đó là liên danh do một đảng phái đỡ đầu, thậm chí đó là liên danh gồm những sinh viên “gà nhà” của vị lãnh đạo số hai hay số ba nào đó.

Để tăng cường cho công tác của Ban A 17, bên Cảnh sát đặc biệt đã điều về cho mỗi Phân khoa một số thiếu úy cảnh sát vừa mới tốt nghiệp Học viện Cảnh sát Quốc gia. Các thiếu úy này còn rất trẻ, đã tốt nghiệp Trung học, cho nên họ đều ghi danh để trở thành sinh viên tại các Phân khoa Đại học. Đây là sự phối hợp cần thiết và hữu hiệu. Thực ra, nếu Tướng Nguyễn Khắc Bình không kiêm nhiệm cả hai cơ quan to lớn này thì việc phối hợp hoạt động nêu trên không dễ mà có thể thực hiện được.

Ngoài các trọng điểm nêu trên, Ban A 17 cũng điều cán bộ tới Đại học Vạn Hạnh, Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (tên cũ là Nông, Lâm, Súc), Dược khoa... Trước đó ít lâu, các cán bộ Thành

Đoàn Cộng sản đã biến những trường này thành cứ điểm xuất phát nhiều cuộc tranh đấu, xuống đường và tổ chức các buổi văn nghệ phản chiến, các cuộc họp báo...

6. Kết quả

Sau một thời gian tương đối ngắn, các sinh viên khuynh hướng Quốc gia đã giành lại được quyền kiểm soát những tổ chức sinh viên quan trọng, như:

Sinh viên Lý Bửu Lâm: Chủ tịch Tổng hội SVSG niên khoá 1970-71, Trưởng trường Sinh viên Kiến trúc Đại học Sài Gòn niên khoá 1969-1972

Sinh viên Bửu Uy: Chủ tịch Tổng hội SVSG niên khoá 1972-73, Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa Đại học Sài Gòn niên khoá 1972-73

Sinh viên Phạm Minh Cảnh: Chủ tịch Tổng hội SVSG niên khoá 1973-4/1975, Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Khoa học Đại học Sài Gòn niên khoá 1973-74

Sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật: Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa Đại học Sài Gòn niên khoá 1970 -71, Phó Chủ tịch Tổng hội SVSG 1970-71

Sinh viên Trương Văn Ban: Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa Đại học Sài Gòn niên khoá 1971-72

Sinh viên Nguyễn Hữu Tâm: Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa Đại học Sài Gòn niên khoá 1973-74

Sinh viên Phan Nhật Tân: Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa Đại học Sài Gòn niên khoá 1974-75

Sinh viên Khiếu Hữu Đồng: Chủ tịch Ban Đại diện Sinh viên Khoa học Đại học Sài Gòn niên khoá 1974-75...

Đại học xá Minh Mạng cũng có ban đại diện mới. Tất cả đều thuộc thành phần Quốc gia.

Các cán bộ Thành Đoàn Cộng sản cũng không dễ dàng lèo lái được Ban Đại diện Sinh viên Đại học Vạn Hạnh và Đoàn Sinh viên Phật tử như trước nữa.

Nhờ những thành quả trên mà an ninh, trật tự tại các Phân khoa Đại học Sài Gòn được văn hồi. Từ nay, Đại học không còn là một

mặt trận mà là môi trường an bình, thuận lợi cho việc học tập. Và cũng từ nay, các ban đại diện sinh viên có điều kiện phát huy các sinh hoạt học đường: Văn nghệ, báo chí, thể thao, du ngoạn, công tác xã hội, thăm viếng các chiến sĩ tiền đồn, các chiến sĩ trấn giữ hải đảo biên cương, lên án nghiêm khắc việc Việt Cộng pháo kích bừa bãi vào trường Tiểu học Cai Lậy, tỉnh Định Tường và trường Tiểu học Song Phú, quận Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, giết hại hàng chục học sinh thơ ngây, vô tội... Đặc biệt, khi Trung Cộng đánh chiếm Hoàng Sa vào đầu năm 1974, Tổng hội SVSG và Ban Đại diện Sinh viên các Phân khoa thuộc Đại học Sài Gòn đã đồng loạt ra tuyên cáo phản kháng mạnh mẽ hành động xâm lược của Trung Cộng trước công luận trong và ngoài nước, đồng thời tố cáo sự im lặng hèn hạ của Cộng sản Hà Nội.

Đại học yên ổn thì phố xá cũng được tấp nập, an vui.

Đây là thắng lợi chung, chẳng những của Lực lượng Sinh viên Quốc gia mà còn là của Ban A 17 và của Cảnh sát Đô thành. Thắng lợi tại Mặt Trận Đại Học là thắng lợi lớn, dứt điểm. Tình hình Đại học yên tĩnh cho tới “ngày sập trời” 30-4-1975. Chính những cán bộ Thành Đoàn Cộng sản cũng phải công nhận họ đã thất bại trong Mặt Trận Đại Học. Hàng Chức Nguyên viết: “... từ năm 1972, địch đã ra tay khủng bố, càn quét, hòng đè bẹp các phong trào đấu tranh. Hầu hết những trụ sở tập hợp công khai của thanh niên, sinh viên, học sinh đều bị chúng phá huỷ hoặc chiếm đóng... Tình hình im ắng, căng thẳng, không một cuộc đấu tranh công khai lớn nhỏ nào nổ ra được” (Hàng Chức Nguyên. Trui Rèn Trong Lửa Đỏ. NXB Trẻ, 2005. Trang 186).

IV. VÀI NHẬN XÉT

1. Về đối phương

Trước khi Ban A 17 nhập cuộc, bọn sinh viên Việt Cộng hung hăng trong nhà trường, tác oai tác quái ngoài đường phố, vì biết có nhiều viên chức “tai to mặt lớn” hưởng bổng lộc VNCH, và nhiều thành phần khác nữa trong xã hội, sẽ nhân danh các quyền Hiến định, mau mắn đứng ra bênh vực, chống lưng cho chúng. Nhưng

từ khi Ban A 17 lâm trận, nhiều tên sinh viên Việt Cộng bị “hốt” với đầy đủ bằng chứng có giá trị pháp lí xác minh chúng là cán bộ Cộng sản, cho nên không “ô dù” nào có thể che chở cho chúng được nữa, chúng đành phải nhũn như con chi chi. Có một số sẵn sàng hợp tác. Những tay ngoan cố, chỉ đếm được vài ba.

2. Về công tác Ban A 17

Từ cuối năm 1971, Ban A 17 xuất hiện với một lực lượng có trình độ Đại học và trên Đại học, rất thích hợp cho Mặt Trận Đại Học. Tất cả mọi hoạt động đặt dưới quyền chỉ huy của ông Nguyễn Thành Long, một cấp chỉ huy kiệt xuất. Phải nhìn nhận đây là quyết định sáng suốt và đúng đắn của Tướng Nguyễn Khắc Bình. Ban A 17 nhắm đánh tận gốc phong trào sinh viên tranh đấu do Thành Đoàn Cộng sản lèo lái. Khi phá vỡ được hệ thống tổ chức của Thành Đoàn Cộng sản và giành lại được các ban đại diện sinh viên tức là đã nhổ được cái gốc của phong trào tranh đấu thì tự khắc tình hình Đại học trở lại yên tĩnh.

Ban A 17 phải “ra quân” trong tình hình không thuận lợi: Phải đối phó với một đối phương sừng sỏ, lại gặp phải thái độ cam chịu của nhiều giáo sư và sinh viên. Song nhờ tất cả cán bộ Ban A 17 đều có trình độ học vấn thích hợp, cộng với sự hi sinh, tinh thần kỉ luật, Ban A 17 đã vượt qua được các trở ngại, khó khăn và đã gặt hái thành công khá tốt đẹp.

Thắng lợi trong Mặt Trận Đại Học đưa tới kết luận: Cộng sản không “bách chiến bách thắng”. Người xưa nói “Biết địch biết ta, trăm trận trăm thắng”. Ở đây, Ban A 17 chẳng những có khả năng biết rõ đối phương, lại còn biết cách đánh thắng đối phương, cho nên đã thắng nhanh và thắng triệt để.

3. Cảm tưởng khi nhìn lại

Ban A 17 tự hào vì đã sát cánh cùng quân dân cán chánh VNCH chiến đấu bảo vệ Miền Nam tự do. VNCH có chính nghĩa vì đã buộc phải chiến đấu để tự vệ. VNCH chưa phải là toàn bích vì là một nước non trẻ, lại phải vừa xây dựng vừa phải chiến đấu sống còn với Cộng sản Hà Nội, nhưng không có thể phủ nhận VNCH

đã xây dựng được nền móng căn bản cho một quốc gia tự do, dân chủ, nhân bản, khai phóng.

Những sinh viên theo Việt Cộng khoe khoang làm cách mạng “đánh cho Mĩ rút, đánh cho Nguy nhào”. Thực ra, người Mĩ tham chiến nhiều lần và nhiều nơi trên thế giới, xong việc của họ rồi thì họ ra đi, không lấy một tấc đất. Trường hợp chiến tranh ở Việt Nam, người Mĩ vừa ra đi, Cộng sản Hà Nội vội rước Tàu Cộng vào. Hậu quả nhãn tiền là Cộng sản Hà Nội vừa phải cắt đất cắt biển dâng cho Tàu để “trả nợ” cho chúng và để được chúng bảo vệ quyền lợi, vừa phải làm nợ cho chúng tràn vào làm ăn sinh sống và chắc chắn không bào giờ chúng ra đi nữa. Đang khi đó, “Nguy nhào” rồi thì tất cả những cái gì tốt đẹp VNCH đã xây dựng được trong 20 năm đều bị xoá bỏ, tất cả những cái xấu xa về mọi mặt phát sinh ở mức độ khủng khiếp.

Nếu cách mạng là đánh đổ một chế độ, một chính quyền không tốt để xây dựng một chế độ, một chính quyền tốt hơn thì Việt Cộng không làm cách mạng bởi vì chúng đã đánh đổ một chế độ, một chính quyền tốt hơn để dựng lên một chế độ, một chính quyền cực kì tệ hại. Những gì xảy ra trên đất nước từ 30-4-1975 cho tới nay chứng minh Việt Cộng là phản động là phá hoại, là bán nước hại dân. Thế mà ngày xưa, những sinh viên Việt Cộng hoạt động chống phá VNCH để tiếp tay cho Cộng sản Hà Nội độc tài, toàn trị chiếm đoạt Miền Nam tự do. Tội đó không phải là nhỏ.

Giải thích như thế để chứng minh cuộc chiến đấu chống bọn sinh viên Việt Cộng là chính nghĩa, là bổn phận, là vinh dự của Ban A 17. Ban A 17 không lừa thầy phản bạn, Ban A 17 chỉ hoạt động quét sạch bọn sinh viên Việt Cộng ra khỏi học đường.

Ban A 17 đã nhập trận, đã so găng bằng những đòn cân não gay go, nhưng không kém phần gian nan, nguy hiểm và đã chiến thắng. Tuy kết cục Miền Nam đã mất vào tay Cộng sản Bắc Việt, bởi vì chúng ta thua ở những mặt trận quan trọng khác, nhưng Ban A 17 vẫn cảm thấy một chút an lòng vì đã tích cực góp phần đánh thắng Mặt Trận Đại Học, đã làm tròn nhiệm vụ mà Quốc Gia giao phó.

Tháng 6-2013



Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp Sài Gòn trước 1975 nằm hai bên đường Cường Đé (giao thoa với đường Hồng Thập Tự), gần Đài Truyền Hình Sài Gòn



Cao đẳng Điện học Phú Thọ trước 1975

Bài 14 - SINH HOẠT SINH VIÊN

Đến đây, chúng ta thấy rõ ràng, trong ý đồ thôn tính Miền Nam tự do, Cộng sản đã mở ra nhiều mặt trận, trong đó có Mặt Trận Đại Học. Cộng sản lập ra tổ chức Thành Đoàn Cộng sản rất quy mô, chặt chẽ với hai hệ thống chìm và nổi. Họ cài cây cán bộ cốt cán vào hàng ngũ sinh viên, quy tụ các phần tử thân Cộng, khuynh tả và tuyển mộ thêm các sinh viên nhẹ dạ, hiếu động. Rồi bằng mọi cách, với mọi giá, họ lôi kéo, thúc ép và cả khủng bố, để giành lấy quyền kiểm soát các tổ chức sinh viên hợp pháp và công khai là các ban đại diện sinh viên các Phân khoa Đại học. Từ đó, họ có danh chính ngôn thuận để phát động các cuộc tranh đấu trong trường học và ngoài đường phố, nhằm chống chính quyền Miền Nam tự do. Họ phổ biến rộng rãi trước dư luận trong và ngoài nước những yêu sách chấm dứt chiến tranh theo đúng những đòi hỏi của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam là con đẻ của Cộng sản Hà Nội.

Cũng chính vì đã nhận thức được như thế, cho nên Lực lượng Sinh viên Quốc gia, tuy còn nặng nợ đèn sách, đã tự nguyện tham gia chiến đấu chống lại Thành Đoàn Cộng sản trong Mặt Trận Đại Học.

Mặt Trận Đại Học là thứ mặt trận đặc thù, đặc biệt, rất khó phân biệt giới tuyến, bởi vì đối thủ hoạt động dưới nhãn hiệu sinh viên hoặc giáo sư, cộng với quy chế “Tự trị Đại học”; đảng khác, dư luận thường dành rất nhiều ưu ái cho lãnh vực trường ốc. Vì thế, ngoại trừ chính Lực lượng Sinh viên Quốc gia ra tay nhập trận thì không có bất cứ lực lượng nào thích hợp hơn để có thể đánh thắng Cộng sản trong Mặt Trận Đại Học. Dùng quân đội là không thích hợp. Dùng cảnh sát cũng chỉ có thể ngăn chặn đảng ngọn, vừa không có thể búng tận gốc đối phương, vừa rất dễ bị dư luận lên án.

Mặt Trận Đại Học diễn ra ngay trong khuôn viên các Phân khoa Đại học, đôi bên so găng bằng những đòn cân não, nhưng vẫn có đổ máu, có hi sinh tính mạng như các chiến sĩ ngoài mặt trận,

bởi vì Cộng sản sẵn sàng dùng bất cứ phương tiện nào để đạt mục đích. Mỗi khi chúng yếu thế hoặc thất bại, chúng tổ chức ngay những vụ khủng bố hoặc ám sát các giáo sư và các sinh viên đối thủ.

Với bao gian nan, nguy khó, cuối cùng, Lực lượng Sinh viên Quốc gia đã thắng, đã kiểm soát được tất cả các tổ chức sinh viên công khai, hợp pháp.

Sau khi thắng lợi và giành lại được quyền kiểm soát các ban đại diện sinh viên các Phân khoa Đại học, Lực lượng Sinh viên Quốc gia nghĩ ngay tới việc phục hồi các sinh hoạt học đường lành mạnh như thể thao, văn nghệ, du khảo, du ngoạn, nhất là tổ chức đi thăm các chiến sĩ VNCH tại tiền đồn vùng giới tuyến cũng như ngoài hải đảo xa xôi...

Các ban đại diện sinh viên còn gửi nhiều phái đoàn sinh viên đi làm công tác xã hội, trợ giúp chương trình khẩn hoang lập ấp của chính phủ.

Sau đây, mời quý độc giả đọc vài bài tường thuật sống động và coi lại những tấm hình kỉ niệm hiếm hoi của các sinh viên trong Lực lượng Sinh viên Quốc gia đã từng tham gia các sinh hoạt sinh viên trước ngày 30-4-1975.

Bạch Diện Thư Sinh

I. HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG HỘI SINH VIÊN SÀI GÒN

Ban Chấp hành Tổng hội Sinh viên Sài Gòn niên khoá 1973-74 (kéo dài sang năm 1975) tổ chức lễ ra mắt tại rạp hát Hưng Đạo dưới sự chủ toạ của ông Tổng trưởng Văn hoá Giáo dục Ngô Khắc Tĩnh; hiện diện còn có ông Viện trưởng Viện Đại học Sài Gòn, các Giáo sư Khoa trưởng các Phân khoa, các đại diện của Toà đại sứ Hoa Kỳ, Nhật, Đài Loan, Pháp... ; sinh viên Cao học Khoa học Vũ Công Tuấn làm MC, Mai Lan làm thông dịch viên.

Sau lễ ra mắt, Ban Chấp hành Tổng hội SVSG bắt tay ngay vào các công tác:

1. Tổ chức Giải thể thao SVSG 1974

2. Đầu năm 1974, Trung Cộng đánh chiếm Hoàng Sa, Tổng hội SVSG và ban đại diện sinh viên các Phân khoa thuộc Đại học Sài Gòn đã đồng loạt ra tuyên cáo phản kháng mạnh mẽ hành động xâm lược của Trung Cộng trước công luận trong và ngoài nước, đồng thời tố cáo sự im lặng khiếp nhược của Cộng sản Hà Nội.

3. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, Cộng quân tấn công tỉnh lỵ Phước Long, vi phạm trầm trọng Hiệp định Ba Lê. Nhằm phản kháng sự bất lực của Ủy ban Quốc tế Kiểm soát và Giám sát, Tổng hội SVSG phát động Tuần lễ Đại học hướng về Phước Long và mau chóng tổ chức một cuộc biểu tình lớn, gồm sinh viên nhiều Phân khoa Đại học. Đoàn biểu tình dài một cây số kéo tới trụ sở Ủy ban Quốc tế Kiểm soát và Giám sát (Ba Lan, Canada (Iran), Hung và Indonesia) đặt tại số 12, Trần Quốc Toản. Sinh viên đốt hình nộm Hồ Chí Minh, rồi trao kháng thư cho viên Chủ tịch Ủy ban Quốc tế Kiểm soát và Giám sát. Lúc đó, viên Đại sứ trưởng đoàn Ba Lan là Chủ tịch Ủy ban Quốc tế Kiểm soát và Giám sát đã ra tiếp đại diện đoàn biểu tình và nhận kháng thư của Tổng hội SVSG.

4. Khoảng giữa tháng 3-1975, diễn ra cuộc “di tản chiến thuật” của Quân đoàn II, rồi Quân đoàn I VNCH, khiến cho hàng chục vạn dân chúng miền Trung tháo chạy tán loạn vào Nam bằng bất cứ giá nào. Các trại tạm trú dựng nên vội vàng, thiếu thốn đủ mọi thứ. Để xoa dịu phần nào những nỗi thống khổ của hàng vạn đồng bào tị nạn, Tổng hội SVSG lên kế hoạch gây quỹ cứu trợ. Chủ tịch Tổng hội SVSG Phạm Minh Cảnh đã tới Bộ Dân vận Chiêu hồi để xin ông Thứ trưởng Triệu Huỳnh Võ cho phép độc quyền chiếu cuốn phim The Exorcist tại rạp Rex. Đây là cuốn phim mới nhập cảng, thêm vào đó, các buổi chiếu phim có phần phụ diễn văn nghệ, cho nên đã gặt hái thành công lớn, rạp không đủ chỗ cho khán giả. Trong buổi trình chiếu khai mạc, Chủ tịch Tổng hội SVSG lên đọc kháng thư lên án Cộng sản Bắc Việt vi phạm Hiệp định Paris qua hành động xua quân ồ ạt tấn chiếm VNCH; đồng thời kêu gọi thanh niên, sinh viên Miền Nam đoàn kết chiến đấu, quyết bảo vệ Miền Nam tự do.

5. Sau đó, Tổng Hội SVSG chủ động mời đại diện các Phân khoa Đại học Sài Gòn, đại diện sinh viên Đại học Minh Đức, Học viện Quốc gia Hành chính... tới họp để thảo ra một bức tâm thư gửi Tổng thống Hoa Kỳ Gerald Ford và Tổng thống các quốc gia đồng minh Đại Hàn, Đài Loan, Phi Luật Tân, Tân Tây Lan, Úc và các Tổng thống các nước tự do Anh, Pháp, Tây Đức... Nội dung bức tâm thư nêu hai điểm chính, một là xin các nước tự do tiếp tục trợ giúp VNCH trong cuộc chiến đấu bảo vệ Miền Nam tự do; hai là yêu cầu Tổng thống Hoa Kỳ hãy hành động thích đáng theo lời cam kết của TT. Richard Nixon với Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu trước khi kí Bản Hiệp định Paris rằng ông sẽ phản ứng nhanh chóng và ác liệt nếu Cộng sản Bắc Việt có bất cứ sự vi phạm nào.

6. Trước tình thế nguy biến, Tổng hội SVSG đưa ra sáng kiến vận động tái lập Sư đoàn Sinh viên Quyết tử bảo vệ Thủ đô. Sáng kiến này được các sinh viên Quốc gia nhiệt tình ủng hộ, trong đó có nhiều sinh viên miền Trung vừa mới chạy thoát vào Nam tị nạn Cộng sản. Đó là điểm son cuối cùng mà Tổng hội SVSG muốn thực hiện trong tình thế dầu sôi lửa bỏng.

Vì những hoạt động tích cực này cho nên khi Cộng quân tiến vào Thủ đô Sài Gòn, chúng đã cho chiến xa ủi sập cổng trụ sở Tổng hội SVSG tại số 207 Đường Hồng Bàng.

Phạm Minh Cảnh, Chủ tịch Tổng hội SVSG 1973-75

II. LUẬT KHOA

TRƯỜNG SA, NHỮNG DẤU CHÂN KỶ NIỆM

Sau khi rời ghế trường Luật, chúng tôi mỗi người một ngã đi tìm cuộc sống đích thực cho bản thân mình. Ngoài giờ làm việc, chúng tôi thường tham dự vào những lớp Cao học, và đây cũng là dịp cho chúng tôi trở lại ngôi trường thân yêu, gặp lại bạn bè, để được tay bắt mặt mừng, cùng nhau trò chuyện trong quán cà phê mà ngày xưa, khi còn mài đũng quần ở đây chúng tôi thường gặp nhau vào mỗi buổi sáng. Một hôm, Ban Chấp hành Sinh viên mời chúng tôi cùng tham dự việc tổ chức phái đoàn sinh viên Sài Gòn

đến thăm viếng quần đảo Trường Sa, nơi quân đội chúng ta hiện đang đồn trú.



Phái đoàn sinh viên Luật khoa tại đảo Song Tử Tây, Hè 1974. Ngồi giữa là “Chúa đảo” Trung úy Đỗ Công Thành và một đại diện các chiến sĩ Tiểu đoàn Mạnh Su 371 trấn đóng quần đảo Trường Sa

Từ khi Trung Cộng đánh chiếm đảo Hoàng Sa vào ngày 19-1-1974 thì vùng biển Trường Sa đã trở nên sôi động và hầu như chiến tranh có thể bùng nổ tại đó bất cứ lúc nào. Chính quyền tỉnh Phước Tuy đưa quân đội đến trấn giữ, cùng bảo vệ quần đảo. Sau hai tháng thì Trường Sa đã trở lại yên ổn. Chúng tôi đệ đơn trình lên Bộ Tư lệnh Hải quân về chuyến thăm viếng chiến sĩ đồn trú tại đây và được Bộ Tư lệnh chấp thuận. Bộ Tư lệnh Hải quân cung cấp đầy đủ phương tiện di chuyển và thực phẩm cho chuyến đi. Mục đích chính của chúng tôi là mong đem niềm vui đến các anh chiến sĩ xa nhà cùng mang đến những món quà thiết thực cần nhất cho cuộc sống của chiến sĩ đồn trú tại hải đảo xa xôi. Ý nghĩ về chuyến đi thì rất đẹp và hấp dẫn, nhưng sự chuẩn bị đầy đủ và chu đáo để hoàn thành chuyến đi ý nghĩa này cũng là một mối lo cho anh em sinh viên chúng tôi.

Chúng tôi bắt tay ngay vào việc uỷ lạo, chúng tôi đến những

cơ sở xuất nhập cảng thực phẩm tại Sài Gòn, trình bày mục đích để xin họ cung cấp cho chúng tôi một số thực phẩm khô như: mì gói, lạp xưởng, nước mắm, bánh, kẹo, kem, bàn chải đánh răng, thuốc lá, v.v... Khi biết được mục đích cao đẹp của chúng tôi dành cho các chiến sĩ miền xa, các hãng sản xuất đã không ngần ngại, mà nhiệt tình ủng hộ, tặng cho chúng tôi vô số thực phẩm quý hoá và thực dụng, hơn cả dự đoán của chúng tôi. Đặc biệt, hãng nhập cảng rượu tặng cho phái đoàn 10 thùng rượu Napoléon. Thật vô cùng cảm động.

Tổng số sinh viên Luật khoa và Văn khoa tham dự là 62 người, thêm phái đoàn báo chí của Tổng Cục Chiến tranh Chính trị 6 người dưới sự hướng dẫn của nhà văn Quân đội Phan Nhật Nam của "*Mùa Hè Đỏ Lửa*". Trong 62 sinh viên tham dự có 25 nữ và 37 nam. Sinh viên Văn khoa tham dự đông hơn, vì có một số sinh viên đến hải đảo để tìm hiểu và nghiên cứu về địa chất cũng như những sinh vật đang sống trên các đảo. Ngoài ra, chúng tôi thành lập một đoàn văn nghệ với đầy đủ nhạc cụ... Ngày đi được ấn định vào lúc 8:00 giờ sáng, ngày 10 tháng 5, 1974 và về là 25, tháng 5, 1974. Địa điểm tập họp tại bến Bạch Đằng, phía bên trái của Bộ Tư lệnh Hải quân.

Đúng 7 giờ sáng, anh em trong ban tổ chức có mặt đầy đủ. Tàu HQ 15 đã đậu sẵn tại bến Bạch Đằng. Bạn bè từ từ đến, tay bắt, mặt mừng, náo nức vui vẻ. Ai ai cũng đeo túi xách. Riêng đoàn văn nghệ thì mệt hơn, phải khiêng vác nhạc cụ nào: đàn, trống, kèn, máy móc và loa phóng thanh. Những thùng quà thì đã được các anh lính Hải quân đưa xuống tàu từ ngày hôm trước. Hai phái đoàn Luật và Văn khoa cũng trang bị đầy đủ cờ và biểu ngữ riêng của họ. Sau khi lên tàu và điểm danh đủ số 62 sinh viên tham dự. Tàu nhổ neo vào lúc 10 giờ sáng, xuôi dòng sông Sài Gòn ra biển. Thời tiết hôm ấy thật đẹp, nắng ấm và mát mẻ. Nước biển trong xanh, xuôi chảy êm ả, bình yên, thật xứng đáng với tên đã được đặt cho là biển Thái Bình.

Tàu nhẹ nhàng rời bến, lướt sóng vượt trùng dương. Đứng trên bong tàu, mơ màng nhìn lên cao, bầu trời hôm nay trong xanh, gió biển thổi nhẹ nhàng và mát rượi, nhìn xuống nước, màu xanh của

biển đã gieo vào lòng mỗi người chúng tôi một niềm cảm xúc mê mông, tâm tư lắng đọng, chắc chắn là ai ai cũng đang mang trong lòng những ước nguyện và mơ mộng về một viễn ảnh tương lai tươi sáng, hoặc là có người lại đang hồi tưởng lại kỷ niệm đẹp của những lúc tay trong tay cùng người yêu lang thang trên hè phố Sài Gòn vào ngày nào đó. Lòng tôi chùng xuống và nhớ đến một bài hát thật trữ tình về biển của nhạc sĩ Anh Thy văng vẳng bên tai:

*Ngày xưa em anh hay hôn đôi. Giận anh khi anh chưa kịp tới.
Cho anh nhiều lời, cho anh bồi hồi. Em cúi mặt làm ngơ. Không
nghe anh kể chuyện. Bao nhiêu chuyện tình đẹp nhất trên trần
đời...*

Đang lim dim mơ màng, chợt một bàn tay nhẹ trên vai, tôi quay lại thì đó là Kim Oanh, một người bạn gái rất thân với tôi. Chúng tôi đã quen nhau vào mùa Thu năm 1967, khi vừa tập tễnh bước chân vào ngưỡng cửa trường Đại học Luật khoa Sài Gòn. Một ngôi trường cổ kính, cũ kỹ nhưng rất thơ mộng với những hàng cây dài rợp bóng mát. Mặc dù đang tập sự Luật sư tại toà Thượng thẩm Sài Gòn, nhưng Kim Oanh đã chấp nhận lời mời của tôi cùng tham dự chuyến đi hữu ích và Oanh cũng đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong suốt cuộc hành trình, nhờ vậy mà chuyến đi đã đạt được nhiều thành quả tốt đẹp. Nàng là con gái Tây Đô của vùng đồng bằng sông Hậu, của bến Ninh Kiều là nơi; còn tôi, người con trai xứ Bưởi của dòng sông Đồng Nai hiền hoà miền Đông...

Qua gần hai ngày lênh đênh trên sóng nước, chiều ngày hôm sau thì tàu cập bến đảo Song Tử Tây, một buổi chiều nắng đẹp. Đây là Bộ chỉ huy tiền phương của Tiểu đoàn Trinh sát Mãnh Sư 371. Tôi không nhớ rõ lúc ấy là mấy giờ, nhưng sau khi những chiếc Cano đưa chúng tôi lên đảo thì trời đã tối. Những chiến sĩ trên đảo đã chuẩn bị sẵn sàng để chào đón phái đoàn sinh viên và báo chí. Độ hơn 40 chiến sĩ đứng trước mặt chúng tôi, một anh lính trẻ bước ra, ngỏ lời chào mừng phái đoàn. Đêm hôm ấy trăng thật tròn và sáng tỏ, thay thế cho ánh đèn trên hải đảo. Dầu vậy, chúng tôi cũng không nhận rõ gương mặt của anh lính trẻ ấy là ai. Anh tự giới thiệu:

“Tôi, Trung úy Đỗ Công Thành, Chỉ huy trưởng Tiểu đoàn

Mãnh Sư 371, đại diện anh em chiến sĩ đồn trú tại đây, xin chân thành chào mừng phái đoàn sinh viên và báo chí đến thăm viếng”.

Tiếng vỗ tay vang rền, xen lẫn tiếng chuyện trò vui vẻ nhộn nhịp trong một bầu không khí hân hoan, náo nhiệt, dường như không ai chú ý đến anh lính trẻ với danh hiệu "Mãnh Sư Chúa đảo" đang vẫn còn tiếp tục nói. Sau khi viên Sĩ quan dứt lời chào đón thì anh đến bắt tay từng người. Khi ấy, tôi mới nhận ra anh sĩ quan trẻ là người bạn cùng học một lớp với tôi tại trường Trung học Ngô Quyền, tỉnh Biên Hoà ngày xưa. Chúng tôi mừng rỡ, ôm chầm và thăm hỏi nhau sau nhiều năm xa cách, kể từ khi rời trường Ngô Quyền.

Tối hôm đó, Chúa đảo đãi phái đoàn chúng tôi một buổi ăn tối thật ngon gồm: Cơm được nấu tại đảo, thịt hộp, thịt rùa, và cá nướng trui. Tại đảo không có đèn điện, nhưng dường như đêm hôm đó “chị Hằng” cũng vui mừng chào đón chúng tôi nên ánh trăng toả sáng ngời tuyệt đẹp. Trong bữa cơm, Trung úy Thành kể: Sau khi Hoàng Sa bị Trung Cộng tiến chiếm thì chính quyền tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa) vội vàng đưa Tiểu đoàn Trinh sát Mãnh Sư 371 ra trấn giữ. Xuất quân ngày 27 tháng 2 năm 1974 tức mừng 2 Tết đến quần đảo Trường Sa, Trung úy Thành cùng toán quân tiền phương tiến thẳng vào đảo Song Tử Tây. Tại đây, quân đội ta đã chạm phải một toán lính Phi Luật Tân. Anh nói:

“Mấy tay lính Phi này nghe Hoàng Sa đã thất thủ nên họ từ đảo Song Tử Đông muốn nhảy vào đây để ăn ké chút ít. Nhưng rất tiếc, họ đã bị quân ta đánh bật, nên lật đật lòi tàu trở về đảo Song Tử Đông, nơi mà Phi Luật Tân đã chiếm cứ từ lâu”.

Quân số của Tiểu đoàn được bổ xung đầy đủ khoảng 200 người được chia ra đóng giữ 6 trong số 11 đảo lớn gồm: Song Tử Tây, Sơn Ca, Nam Yết, Trường Sa, Sinh Tồn, và An Bang. Đảo Nam Yết nằm giữa các đảo Sơn Ca, Sinh Tồn và Trường Sa cho nên Trung úy Thành cho đặt hậu cứ tại đây gồm có trạm y tế và trung tâm truyền Tin. Những đảo này nằm cách nhau độ 100 hải lý. Riêng đảo Song Tử Tây ở hướng Bắc của quần đảo Trường Sa, gần Hoàng Sa, anh tiếp:

“Nếu Trung Cộng từ Hoàng Sa tiến quân xuống hướng Nam

sẽ chạm súng với quân đội ta ở Song Tử Tây trước. Vì vậy, Bộ Chỉ Huy tiền phương được đặt tại đảo này”.

Song Tử Tây và Song Tử Đông được coi như là anh em sinh đôi, có chu vi gần bằng nhau và cách nhau độ 3 hải lý. Đảo Song Tử Đông, đảo Vĩnh Viễn, đảo Loai Ta và đảo Thi Tư do Phi Luật Tân chiếm đóng từ lâu. Đảo lớn nhất là Itu Aba do Đài Loan làm chủ. Đài Loan đã lập trung tâm huấn luyện người Nhái tại đây từ lâu lắm rồi. Hướng về phía Nam của đảo Trường Sa là đảo nhỏ nhất An Bang, mỗi lần thủy triều lên là nước biển ngập toàn đảo. Vì thế, quân đội ta không thể đóng quân tại đảo này được. Dầu vậy, khi có phương tiện, lúc thủy triều xuống, Trung úy Thành và một số lính đến thám sát đảo này. Chúa đảo nói:

“Chú em út An Bang này khỏe re, vì sống rất xa các anh chị, cho nên nếu các anh chị có bị Trung Cộng tiến đánh thì còn lâu lắm mới tới đưa em út này bị ăn đòn. Vì vậy, cái tên An Bang xem như là một sự an bài của Thượng Đế”.

Buổi tối đầu tiên trên đảo thật vui, Chúa đảo tổ chức đốt lửa trại. Anh nói, chung quanh đảo này có nhiều vọng gác, nhưng đêm nay tất cả anh em tụ tập đây cùng vui. Toán văn nghệ sinh viên trở tài ca, múa, nhảy... cùng với tất cả anh em chiến sĩ quây quần bên ngọn lửa bập bùng. Chúa đảo là một nghệ sĩ lãng mạn, anh trở tài ngâm thơ, vừa đàn Guitar vừa hát làm rung động nhiều trái tim của các nữ sinh viên. Đã hơn 4 giờ sáng, chúng tôi vẫn còn vui đùa, vài anh sinh viên lăn ra ngủ từ bao giờ. Đêm đó khí hậu thật mát, gió nhẹ, không có muỗi, xa xa vọng lại những tiếng kêu hình như của đàn chim hải âu hay của một vài loài chim biển khác...

Sáng sớm hôm sau 14-5-74, Trung úy Thành đưa chúng tôi đến thăm viếng nơi mà anh đang xây bia chủ quyền của Việt Nam Cộng Hoà tại đảo Song Tử Tây. Trung úy Thành cho biết, sau những lần thị sát trên khắp các đảo, anh không tìm thấy bia chủ quyền nào của chúng ta còn hiện hữu ngoại trừ tại đảo Song Tử Tây và Trường Sa còn sót lại cái nền xi măng cao mà anh cố gắng xây trên đó hai cái bia chủ quyền. Tôi nhớ trên bia tại đảo Song Tử Tây có khắc những dòng chữ:

Bia Lưu Niệm
Ngày 01/3/74
Đại Đội 371
Tiểu Đoàn Mãnh Sư
Tỉnh Phước Tuy
VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Đúng vào lúc này, phái đoàn sinh viên tặng Tiểu đoàn một tấm Plaque để lưu niệm với những dòng chữ:

Quần đảo Trường Sa
Lưu niệm Hè 1974
Sinh Viên Viện Đại Học Sài Gòn



Bia chủ quyền VNCH trên Quần đảo Trường Sa

Trung Úy Thành cảm ơn phái đoàn và nói: chính Anh sẽ đích thân gắn tấm lưu niệm này lên bia chủ quyền tại đây. Tôi thấy trên đảo Song Tử Tây có nhiều cây dừa mọc rất cao, độ gần trăm tuổi mà có lẽ ngày xưa vua chúa mình đã sai người đến thăm đảo và trồng những cây dừa này, hay là do những trái dừa trôi dạt trên biển tấp vào và mọc lên. Hôm nay là một ngày nắng ấm, bầu trời trong xanh, gió mát, thật đẹp. Chúa đảo đưa chúng tôi đi tắm biển. Bãi biển với cát trắng, rong rêu bao phủ khắp nơi. Những con vích để trứng từng cụm trên bãi biển dọc theo những bụi cây. Mỗi lần sóng biển đưa nước dâng lên mang theo nhiều cá, rất dễ bắt, chúng tôi chỉ rượt theo đám cá bằng những cây nhọn, hoặc bắt bằng tay. Sò, ốc, rùa... thì nằm đầy trên bãi cát. Nữ sinh viên thích thú nhất là đi tìm nhiều vỏ sò, ốc thật đẹp. Xa xa chúng tôi nhìn thấy chúa đảo, anh chàng nghệ sĩ “beau” trai đang “từng bước từng bước thăm”, lang thang bên cạnh một người đẹp Luật khoa. Thơ mộng làm sao! Một buổi chiều đẹp trên hoang đảo, mà bắt gặp được một cặp trai gái sánh đôi bên nhau như một đôi tình nhân yêu thương thắm thiết, trông thật lãng mạn, nên thơ. Đường như cặp tình nhân này vì quá mãi mê mà đã quên mất bạn bè, và họ cũng không để ý đến đám bạn bè đang nhìn về họ mà hò hét tung bùng...

Anh em lính trên đảo nấu cơm cho chúng tôi ăn. Bữa cơm tối hôm nay đặc biệt, có thêm cá tươi nướng, chim quay, ốc sò nướng vị, trứng Vích lược... nhất là có rượu Napoléon đang ướp lạnh dưới hồ nước... tuyệt vời làm sao! Sau buổi cơm tối, Trung úy Thành đem thư phân phát cho các anh lính. Trung úy Thành cho biết, hàng tuần đều có một chuyến tàu tiếp tế lương thực, thuốc men, nước uống, súng đạn, cùng những nhu cầu cần thiết, mang thư đến và chuyển thư về đất liền. Các anh lính dựng lều, những tấm Poncho làm giường cho phái đoàn nghỉ ngơi. Tôi được dịp tâm sự cùng nhiều anh lính trẻ. Người thì nhớ những bạn bè nơi quê nhà, lúc trẻ cùng nhau đi bộ cấp sách đến trường, đi bắt cua, bắt cá nơi đồng ruộng. Một anh khác thì đang nhớ người yêu, lại có anh đang nhớ về người vợ vừa mới cưới được vài tháng mà vì công vụ phải xa nhà... Có anh còn nói,

“Tôi nhớ tô phở gà Hiền Vương, hay tô phở xe lửa đầu đò ở

Saigon”.

Còn một anh lại tâm sự với tôi,

“Ở đây buồn quá giống như ở tù bị đày ra hoang đảo, ở tù nhưng có tự do, không phải tác chiến và không chết!!!”

Có một anh lính vừa đọc thư xong, với gương mặt buồn bã, đến tâm sự với tôi, anh nói:

“Tôi vừa đọc thư của em gái tôi cho biết là má tôi bệnh nặng, Bà đang nằm tại bệnh viện, bà ao ước trông tôi về phép thăm bà”.

Trong thư có đoạn:

“Má sợ má không còn sống được lâu nữa, má mong muốn được gặp con lần cuối...”



Trung úy Đỗ Công Thành, “Chúa đảo” và các sinh viên Luật khoa SG tại Trường Sa, Hè 1974 (Đỗ Hữu Phương đeo kính đen)

Tôi thương cảm cho hoàn cảnh của anh quá. Tôi đến nói lại với Trung úy Thành, yêu cầu Trung úy nếu có thể được cho anh ấy về phép để thăm mẹ anh ta. Trung úy Thành lặng thinh, cúi mặt trầm ngâm, tỏ vẻ cảm động, anh nói,

“Tôi sẽ cố gắng cho anh ấy về phép khi tàu tiếp tế đến đây”.

Những người khác buồn buồn thì rủ nhau lái những chiếc Cano

lướt sóng, hay đi bắt cá về nướng ăn... Cà phê và thuốc lá cũng chỉ có giới hạn, thay thế vào đó các anh đi đào củ sâm về nấu nước uống. Các anh tự an ủi cho chính mình, còn đùa:

“Uống nước sâm cho mát, không nở bẻ ngang cũng nở bẻ dọc...”

Vài chàng lính trẻ thích làm thơ, ca hát, hoặc chế cây đề làm những kỷ vật, họ cứ thế, âm thầm lặng lẽ sống cho qua những ngày tháng đơn lẻ nơi hải đảo... Trung úy Thành cho biết những ngày đầu tiên đặt chân lên đảo, anh em rất cực khổ, không chỗ ở, gió rất mạnh, lạnh buốt, bão đến thường xuyên hằng ngày. Ban ngày vừa căng lều để ngủ thì ban đêm bị gió cuốn mất. Sau đó, Công binh đến xây nhà tiền chế cho Đại đội trú ngụ. Hiện tại (1974) không có dân sinh sống trên quần đảo này. Anh nói, vì mặt đất chỉ cao hơn mặt nước biển từ 4 đến 6 thước, nên mỗi lần thủy triều lên cao thì nước biển có thể bao phủ hết cả đảo. Hơn nữa không có nơi nào có thể đào giếng nước ngọt, nếu có chỉ lờ lợ, mặn mặn. Trên đảo có những nơi có thể trồng rau, hoặc những loại cây khác. Đặc biệt giây sâm mọc rất nhiều khắp mọi nơi trên đảo. Nếu dân chúng sống tại đây bằng nghề chài lưới, đánh cá thì họ cũng không có tàu lớn để đem cá về đất liền.

Sáng sớm hôm sau, Trung úy Thành và một vài anh em tiên đưa phái đoàn đi thăm những đảo khác, anh tiếc vì nhiệm vụ nên anh không thể theo phái đoàn. Và lại, tại mỗi đảo đều có quân đội đồn trú nơi đó tiếp đón. Sau khi rời đảo Song Tử Tây, tàu HQ 15 trực chỉ về hướng Nam đưa chúng tôi đến đảo Nam Yết. Đứng trên bong tàu nhìn trở lại, tôi thấy đảo Song Tử Tây chỉ còn lại là một vật rất nhỏ với hình trăng lưỡi liềm, hai đầu cong và nhọn. Một mảnh đất nhỏ bé của quê hương. Vậy mà từ xưa tổ tiên chúng ta vào thế kỷ thứ 17, các vị vua thường phái lính đến thăm viếng. Và tôi cảm thấy buồn, không biết bao giờ tôi có dịp trở lại đây. Chiếc tàu từ từ rời xa, những ngọn dừa cao ngất cũng từ từ rời khỏi tầm mắt của tôi... Hồi tưởng lại những gương mặt của các anh lính không lâu trước đó, những gương mặt buồn, bùi ngùi cảm động khi tiễn chúng tôi tại bong tàu. Các anh là những chiến sĩ vô danh, những người hùng đang gìn giữ và bảo vệ mảnh đất của dân tộc

Việt. Ngày hôm sau chúng tôi đến đảo Nam Yết. Các quân nhân tại đây đã phải vất vả lắm mới đưa tất cả chúng tôi lên đảo. Đây là hậu cứ của Tiểu đoàn cho nên lính trên đảo này khá đông, thêm một số lính Công binh đang làm đường và xây những căn nhà cho lính trú ngụ. Đảo này có mặt đất cao hơn, bằng phẳng và khô ráo. Chúng tôi đã từng đi dạo trên những con đường mòn chạy dọc chung quanh đảo. Tại đây có rất nhiều cây dừa đẹp lắm, cây nhàu, một loại cây có thể nấu nước uống. Có cả một sân bóng chuyền để khi các anh buồn buồn rủ nhau ra chơi banh. Phía sinh viên lập thành đội banh để đấu với đội banh của các anh lính. Dĩ nhiên đội banh chúng tôi mỗi trận đều thua thảm bại...

Đảo kế tiếp trong chuyến viếng thăm của chúng tôi là đảo Sinh Tồn nhưng chỉ ghé qua trong thời gian ngắn. Riêng đảo An Bang chúng tôi không đến được vì đảo này nhỏ, mặt đất thấp, nước ngập nhiều nơi. Đảo cuối cùng trong chuyến viếng thăm của chúng tôi là đảo Trường Sa. Đảo Trường Sa là đảo có nhiều cây rậm, nhiều cây dừa, địa thế đất cao, khô ráo và đẹp hơn. Chúng tôi được dịp đi lang thang cùng với các anh lính khắp nơi trên đảo. Đảo này có hình tam giác, đoạn dài nhất của đảo độ 1000 thước. Vì vậy, Công Binh bắt đầu xây một đường bay dài 800 thước, nhiều đường mòn lớn, xe có thể chạy được. Các anh lính có trồng thêm nhiều rau để ăn trên đảo như: rau muống, dền, hành lá, rau lang, bầu, mướp, bí, bắp. Tại đây có giếng nước ngọt, tuy không ngon như nước trong đất liền, nhưng cũng tạm dùng được... Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà vừa xây xong một cầu tàu, vì vậy việc di chuyển từ tàu lên đảo rất nhanh và tiện lợi. Tôi thấy trên đảo có nhiều công sự phòng thủ vững chắc với những bao cát chung quanh, một đài khí tượng rất cao. Hiện tại có một đại đội lính đồn trú, một số người nhái, và một đơn vị công binh đang hoạt động. Đặc biệt trên đảo này có nhiều căn nhà nhỏ mà toán công binh vừa xây xong. Chúng tôi được ngủ trên những chiếc ghế bố rất thoải mái hơn những ngày qua. Vì có phương tiện đầy đủ nên phái đoàn chúng tôi ở tại đảo này lâu hơn. Những ngày sống trên đảo Trường Sa thật thần tiên, thú vị, vui vẻ. Chung quanh đảo là những bãi cát trắng xoá, nước biển trong xanh, thật đẹp không thua gì đảo Thổ Châu và Phú Quốc

mà chúng tôi đã có dịp đến. Chúng tôi được tự do tắm biển, đi khắp mọi nơi trên đảo rất thoải mái mà không phải sợ sệt về những điều bất ổn. Những ngày có sự hiện diện chúng tôi, đảo Trường Sa bận rộn hẳn lên, trông giống như một làng quê, người người qua lại, nhộn nhịp...

Một năm sau, vào những ngày đầu của tháng 5, 1975, khi chiếc tàu HQ 502 đưa những người di tản đến hải cảng Subic Bay của Phi Luật Tân, tôi được dịp ngang qua vùng biển Trường Sa. Tôi nhớ lại năm trước, cũng vào thời gian này, tôi và các bạn sinh viên đang sinh hoạt trên quần đảo này. Chúng tôi có hẹn nhau là sẽ gặp lại tại đây vào mùa hè năm nay. Và bây giờ, tôi chợt nhận ra là ước mơ đó của chúng ta sẽ không bao giờ thực hiện được nữa. Lòng tôi chợt chùng xuống và cảm thấy một nỗi buồn đau, mất mát tận cùng trong tim. Ôi! Thật đau đớn, tủi hận... chúng ta đã mất, mất tất cả rồi!!!

Thời gian trôi qua thật nhanh, đã 40 năm rồi, không biết các anh lính trẻ đồn trú tại đảo Trường Sa và các bạn sinh viên bây giờ đang ở đâu?. Nguyễn Kim Oanh, người bạn gái thân nhất của tôi với những năm lang thang trong khuôn viên trường Luật thuở nào, đã từng chia sẻ những vui buồn với tôi trong suốt khoảng đời trai trẻ bây giờ đang sống nơi nào? Cần Thơ hay Sidney, Cali hay Paris...? Mặc dầu mái tóc chắc chắn nay đã đổi màu, nhưng tôi vẫn hy vọng là Kim Oanh đang sống tại vùng được mệnh danh là “Thủ đô của người tị nạn”. Chúa đảo Trường Sa hiện đang sống tại thành phố đầy trắng lệ dưới ánh đèn màu của tiểu bang Nevada. Riêng tôi đang sống tại vùng đồi núi nắng ấm của Miền Nam California.

Hỡi các bạn thân thương của tôi! Mặc dù chúng ta chưa hẹn được ngày trở lại thăm viếng đảo Trường Sa, nhưng Trường Sa vẫn trong tim chúng ta và quần đảo Trường Sa vẫn mãi mãi là vùng đất xa ngàn dặm của dân tộc Việt Nam.

Xin tất cả chúng ta liên lạc với nhau qua địa chỉ email: truongsal1974@yahoo.com

Đỗ Hữu Phương, Riverside, CA. Tháng 5- 2014

III. TẢN MẠN VĂN KHOA

Ngược dòng quá khứ... trở lại thời khi ta còn trẻ. “*Những ngày Thủ đô tung bình phở xá*” (Bài hát “*Trả Lại Em Yêu*” của Phạm Duy)... đã mịt mờ khói trắng lựu đạn cay để giải tán đám sinh viên phản loạn biểu tình. Mức độ hỗn loạn còn được châm ngòi kích động bởi nhóm “*Ký giả ăn mày*” khuynh tả cũng hô hào xuống đường phản đối chính quyền đòi... đòi...! Đại học xá Minh Mạng là nơi phát xuất nhiều cuộc biểu tình, còn Nông Lâm Súc là (biến thành) chỗ ăn vạ của đám sinh viên Việt Cộng và thân Cộng, sau khi đụng độ với Cảnh sát, về “*nằm dưỡng bệnh*” hầu gây áp lực với chính quyền và phát động chiến tranh tâm lý với quần chúng (từ lâu vốn dễ tin và nhẹ dạ đi theo sự hướng dẫn của báo chí thiên Cộng thời đó).

Chính quyền vừa vất vả vừa mang tiếng đàn áp “sinh viên”. Truyền đơn rải đầy trong Đại học và một số Ban Đại diện Sinh viên các Phân khoa lớn công khai hội họp và xuyên tạc, đả kích chính quyền.



Bích chương tranh cử của 2 liên danh Đền Sách và Văn Miếu

Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa khuynh hướng Quốc gia đầu tiên do anh Bửu Uy làm Chủ tịch đắc cử và chính thức hoạt động trong niên khoá 1972-1973, đã dần dần văn hồi trật tự, nền nếp và sự an bình có hữu của Đại học. Đồng thời, Ban Đại diện Sinh viên

cũng nhanh chóng cho “trình làng” những sinh hoạt lành mạnh và hữu ích với chuyến đi thăm viếng và học hỏi tại các đảo Phú Quốc, Thổ Châu... trên chiếc tàu y tế Hải quân 401. Những sinh hoạt lành mạnh, hữu ích này đã đem lại không khí mới, có tác dụng xoa dịu tình hình căng thẳng bấy lâu nay.



Tại phòng bỏ phiếu bầu BDD Sinh viên Văn khoa SG. Từ trái: Gs Sơn Hồng Đức, Gs Khoa trưởng Bùi Xuân Bào, SV Ngô Đề Hiến, SV Biện Thanh Liêm, Gs. Lê Thành Trị

Tiếp nối Ban Đại diện Sinh viên do anh Bửu Uy làm Chủ tịch là Ban Đại diện do anh Nguyễn Hữu Tâm làm Chủ tịch. Liên danh Nguyễn Hữu Tâm, niên khoá 73-74, gồm có anh Nguyễn Hữu Tâm (Chủ tịch), Nguyễn Thị Thuý (Phó Tổng Thư ký), Nguyễn Văn Hùng (Phó Kế hoạch), Lê Quảng Lạc (Phó Nội vụ), Lê Tích Sơn (Phó Ngoại vụ), Đỗ Hữu Phương (Tổng Thư ký) và Biện Th. Thanh Liêm (Thủ quỹ).

Ban Đại diện mới đã tạo cơ hội cho các sinh viên “dấn thân” bằng chính sự đóng góp thực tiễn và lòng nhiệt huyết của tuổi trẻ vào hiện tình đất nước. Chuyến công tác để đòi của Văn khoa ra Đà Nẵng nhằm phụ giúp Chương trình khẩn hoang lập ấp của Phó Thủ tướng Phan Quang Đán để tái định cư dân tị nạn Cộng sản bằng việc điều tra dân số, làm lại sổ gia đình cho dân di tản tại các trại, như Mỹ Khê, Thanh Bình, Sơn Trà...

Lúc ấy, cũng vào những ngày như thời tiết hôm nay, cuối tháng 8 và đầu tháng 9 năm 1972, Đoàn Văn khoa gồm do Gs. Sơn Hồng Đức hướng dẫn, gồm nhiều sinh viên như các anh Nguyễn Hữu Tâm, Đỗ Hữu Phương, Phan Nhật Tân, Nguyễn Quốc Kỳ (Chủ tịch Nhóm Nghiên cứu Triết học), Thanh Liêm... Sau 7 ngày công tác tại Đà Nẵng, Phan Nhật Tân phải trở về Saigon một mình để kịp kỳ thi. Hôm sau, Bưu Uy bay ra tặng cường nhân sự.



Sinh viên tại phòng bỏ phiếu

Sau những ngày công tác mệt nhọc dưới khí hậu nóng như lửa đốt, đoàn sinh viên Văn khoa cũng đã ra thăm các chiến sĩ trấn đóng tại căn cứ Bastogne; nơi đây, quân Cộng sản Bắc Việt đã mở một trận đánh khốc liệt nhằm chiếm lợi thế trên bàn Hội nghị Paris.

Đoàn sinh viên tận dụng những ngày nghỉ ngơi để đi thăm phố cổ Hội An, viếng Cố đô Huế, Thành Nội và Đền Nam Giao, nơi hàng năm các vua tế lễ đất trời; thăm các lăng tẩm các vua nhà Nguyễn; rồi đi chơi thôn Vỹ để *“Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên/Vườn ai mướt quá xanh như ngọc/Lá trúc che ngang mặt chữ điền.”* (Hàn Mặc Tử)

Ôi, bao kỷ niệm đẹp một thuở...

Ngoài ra, đoàn sinh viên Văn khoa còn đi công tác ở Bình Tuy, giúp ổn định đồng bào tị nạn Cộng sản bằng việc kiểm tra dân số cho chính xác. Chuyến đi này phối hợp cùng trường Quốc gia Sư phạm với các cô giáo, thầy giáo cấp 1 tương lai trẻ trung; trong

“đám xuân xanh đỏ”, sau này, có nàng Hồng trở thành “vũ công” trong Ban Văn nghệ Văn khoa (hai người đẹp Hoa, Hường nhớ cô này không?). Chuyến đi Bình Tuy lần này do anh Lê Quảng Lạc làm Trưởng đoàn, tháp tùng có các anh Sơn, Lợi và Liêm... Có nhiều kỷ niệm rất dễ thương. Có lẽ anh Sơn là người lưu lại kỷ niệm nhiều nhất với anh em, như vất vả đi “chọn mặt gởi vàng” kiếm người nấu cơm tại chỗ cho đoàn ăn. Chắc vị đầu bếp hảo mẫn nên đã không ngần ngại cung cấp món “toàn mẫn” theo tiêu chuẩn “rẻ mà ngon”: gỏi mẫn, mẫn xào, mẫn luộc, mẫn nấu canh, cho chí tới... mẫn kho! Thét rồi ban đêm anh chị em... hè nhau... mang cuộc ra đồng “ngồi vọng nguyệt”! Có người nổi máu thi sĩ “xúc cảnh sinh tình” đã làm thơ “Đêm chơi trăng”, rồi trong mỗi lần họp đêm kiểm điểm công tác lại mang những bài thơ con cóc ấy ra ngâm khiến cả đám ôm bụng cười lăn...

Có thể nói năm anh Bửu Uy làm Chủ tịch vẫn còn rải rác chút “tàn dư” thành phần gây rối, nhưng đến năm anh Nguyễn Hữu Tâm thì “vạn sự bình an” và những sinh hoạt về thể thao, văn nghệ, học tập, báo chí và xã hội được đẩy mạnh tới đa. Tuy nhiên Ban Đại diện Sinh viên vẫn đề cao cảnh giác vì biết rõ đó chỉ là sự ‘lặng lẽ’ của con hổ trong tư thế ẩn mình rình rập, chờ cơ hội thuận lợi lại tung ra những đợt tấn công mới. Các tài liệu bắt được cho thấy những tên tuổi nổi đình đám khi xưa, lớp bị bắt với tang chứng hãn hoi, lớp bị “cháy” đã được lệnh rút vào bụng để học tập, chờ ngày phản công... Đặc biệt, Ban Đại diện niên khoá này thu hút được rất nhiều thân hữu và cảm tình viên đến họp tác, sau một năm đầu “dò trong lắng đục?” Đó là điểm son của Văn khoa thời Chủ tịch Nguyễn Hữu Tâm. Có lẽ nhờ tài điều khiển của anh Chủ tịch phối hợp với dàn cộng sự quá ngẫu: Hùng, Sơn, Phương... có nhiều kinh nghiệm, đã hoá giải được dễ dàng những thế bí của Văn khoa thời đó chẳng?

Sau một năm hoạt động vất vả, đem lại thành quả là tạo được thế đứng vững chắc cho Ban Đại diện, anh Bửu Uy giã từ Văn khoa để ra tranh cử chức Chủ tịch Ban Chấp hành Tổng hội Sinh viên Saigon.

Thời Chủ tịch Nguyễn Hữu Tâm là thời phát triển tới đa các

sinh hoạt sinh viên. Mặc dù thế, anh em không “ngủ quên trong chiến thắng”, vẫn tích cực chuẩn bị mọi mặt để giúp cho Ban Đại diện kế tục do anh Phan Nhật Tân làm Chủ tịch, niên khoá 1975-76, hầu có thể đương đầu với những thủ đoạn phá rối mới của bọn sinh viên khuynh tả và thân Cộng.



Phái đoàn SV Văn khoa SG đi công tác miền Trung đang thăm Lăng Minh Mạng tại Huế. Từ trái: Nguyễn Quốc Kỳ, Thanh Liêm, cuối cùng là Nguyễn Hữu Tâm.

Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa do anh Phan Nhật Tân làm Chủ tịch vừa đắc cử, chưa kịp làm lễ ra mắt, đã được Phân Bộ Sinh viên Nhật Bản mời tham dự Hội nghị Sinh viên Á châu trong Liên minh Thế giới Á châu chống Cộng. Tiếc rằng, Miền Nam tự do bị bức tử quá mau chóng, cho nên Ban Đại diện Sinh viên Văn khoa không có cơ hội “đem chuông đi đấm xứ người”, đến xứ Phù Tang của con cháu Thái Dương Thần Nữ để gióng lên trước dư luận bạn bè năm châu tiếng nói chính nghĩa Quốc gia, đang phải chiến đấu tự vệ chống lại Cộng quân ngang ngược dùng vũ lực quân sự vi phạm Hiệp định Ba Lê 1973.

Cuộc chiến qua đi đã hơn ba chục năm, với tư cách một nữ sinh viên Văn khoa bé nhỏ trong hàng ngũ sinh viên Quốc gia, chúng tôi không khỏi tự cảm thấy chút hãnh diện vì ngày xưa đã sát cánh cùng bạn bè góp công sức mình vào việc ổn định tình hình Đại học nơi hậu phương để ngoài tiền tuyến, các anh chiến sĩ VNCH yên lòng chiến đấu chống lại Cộng quân xâm lược.

Có những kẻ, khi sống đã làm hao hụt đời mình một cách vô

ích. Nhưng cũng có nhiều thanh niên nam nữ, mỗi người trong tư thế, trong điều kiện của mình, đã dâng hiến nhiệt tình tuổi thanh xuân của mình, thật đẹp, thật vinh quang cho chính nghĩa bảo vệ Miền Nam tự do.

Có phải, ta cần cảm ơn đời... đã cho ta biết sống một đời sống đẹp. Cũng như đời sống phải cảm ơn ta, vì ta đã biết cách làm đẹp cuộc đời.

***Biện Thị Thanh Liêm** (Thủ quỹ BDD SV Văn Khoa 73-74)*

IV. KHOA HỌC

1. Giành lại Ban Đại Diện Sinh Viên từ tay nhóm Bùng Sóng tại Đại Học Khoa Học Sài Gòn

Hoàng Lan Chi: *Xin kể lại giai đoạn anh giúp phe ta chiếm lại ĐH Khoa học? Đó là thời điểm nào, nhóm VC nằm vùng nào đang thao túng Ban Đại diện Sinh viên?*

Lê Anh Kiệt: Tại ĐHKH, nhóm SV thân Cộng có tên là Nhóm Bùng Sóng, được trực tiếp chỉ đạo bởi Thành Đoàn TNLDHCM. Ban Đại diện SVKH lúc ấy do anh Phạm Hào Quang làm chủ tịch, Đoàn Kinh là phó chủ tịch nội vụ, cả hai đều có khuynh hướng Quốc gia. Nhưng trong đó có anh phó chủ tịch ngoại vụ Nguyễn Công Hoan lại là SV thân Cộng. Sau khi Phạm Hào Quang rời trường, anh Kinh nhập ngũ và anh Hoan đắc cử dân biểu VNCH thì BÐDSVKH trở thành bỏ ngõ. Anh Nguyễn Văn Thắng, tổng thư ký, thuộc nhóm Bùng Sóng nắm lấy BDD, thật ra người điều khiển chính có tên là Sơn (không nhớ họ) và Lê Công Giàu. Kể từ đó nhóm Bùng Sóng thao túng hoạt động của SV tại ĐHKH. Năm 1971, trước tình hình như vậy, cá nhân tôi nhận trách nhiệm tổ chức để chiếm lại BÐDSVKH cho các sinh viên Quốc gia.

Trở lại trường sau hai năm vắng bóng, không còn ai quen biết, tôi điều nghiên tình hình và nhận thấy đa số sinh viên đều rất khó chịu về những hành động của nhóm Bùng Sóng với những áp lực buộc sinh viên phải theo họ đi biểu tình, bãi khoá..., chính nhóm sinh viên Bùng Sóng này đã làm cho khối đa số SV thảm lạng không thể yên tâm học hành. Tuy nhiên không có một tổ chức nào

đứng lên giúp cho họ có một tiếng nói. Từ nhận định đó tôi bắt đầu kết thân rồi “chiêu mộ” những sinh viên mà tôi gọi là “nhóm SV thâm lặng”, nhất là những người mới chập chững bước vào ngưỡng cửa Đại học, tổ chức họ thành một nhóm. Nhân lúc ấy đang có trại Long Thành tiếp đón các đồng bào tạm cư vì chiến cuộc Bình Long nhưng vẫn chưa có một tổ chức sinh viên nào đứng ra giúp đỡ, tôi giúp họ thành lập một tổ chức lấy tên là “Ban SVKH cứu trợ đồng bào chiến nạn”, nhân đó tôi liên lạc với anh Phạm Hào Quang, với tư cách chủ tịch BDD cũ, để nhờ anh đứng ra giúp Ủy ban này lấy trụ sở của Ban Đại diện SVKH làm trụ sở sinh hoạt. Tất nhiên nhóm SV Bùng Sóng phản đối rất mạnh kể cả dùng vũ lực. Cuộc xung đột giữa hai nhóm sinh viên diễn ra rất thường xuyên, cuối cùng thì chúng tôi cũng chiếm được trụ sở Ban Đại diện SVKH để có nơi chính thức sinh hoạt. Bước tiếp theo, chúng tôi nhờ anh Quang tổ chức cuộc bầu cử Ban Đại diện SVKH đã bị ngưng từ lâu và để cho cuộc bầu cử được vô tư, tôi yêu cầu anh Quang chỉ đứng ra với tư cách trưởng ban tổ chức bầu cử chứ không tham gia ứng cử hoặc đưa người ra ứng cử. Cuộc bầu cử BDDSVKH trước đó đều là gián tiếp, tức là chỉ có đại diện các chúng chi đi bầu ra BDD. Nay, nếu tiếp tục làm theo thể thức ấy thì nhóm SV Quốc gia không thể thắng được vì nhóm Bùng Sóng đang làm chủ tình hình ở các chúng chi. Vì lý do đó chúng tôi yêu cầu tổ chức bầu cử trực tiếp, tức là mọi SVKH đều được đi bầu như thế mới thể hiện được tính dân chủ thực sự. Nhóm Bùng Sóng và một vài giáo sư trong trường chống đối dữ dội, nhưng với sự ủng hộ của đa số sinh viên và giáo sư, cuộc bầu cử đã thành công và Ban Đại diện SVKH 71-72 ra đời với anh Nguyễn Văn Lễ thuộc nhóm SV Quốc gia làm chủ tịch. Nhóm Bùng Sóng lui về sinh hoạt lẻ tẻ ở một câu lạc bộ SV gần giảng đường 1 và dần dần cũng bị BDD tiếp thu. Kể từ đó đến tháng 4 năm 1975, những Ban Đại diện SVKH tiếp theo đều là do các sinh viên Quốc gia nắm giữ và nhóm Bùng Sóng hết môi trường hoạt động tại trường ĐHKH Sài Gòn.

(Trích phỏng vấn của Hoàng Lan Chi. Lê Anh Kiệt & Mặt Trận Tình Báo. Bút Tre, Tháng 9 Năm 2014)

2. Trường Tiểu Học Song Phú uất hận ngàn đời

Trong dã tâm xâm chiếm Miền Nam tự do, Cộng sản đã phạm biết bao nhiêu tội ác với đồng bào Miền Nam, ngay cả các em học sinh thơ dại cũng là mục tiêu tấn công của bọn chúng.

Cho đến tận hôm nay, người Miền Nam vẫn chưa thể nào quên được những vụ pháo kích bừa bãi, tàn ác vô nhân đạo của Cộng sản nhắm vào hai Trường Tiểu học Song Phú (1973), và Cai Lậy, Định Tường (1974), giết hại hàng chục học sinh vô tội và gây thương tích cho nhiều học sinh khác nữa.

Khi vụ pháo kích Trường Tiểu học Song Phú xảy ra, tập thể sinh viên Khoa học Sài Gòn đã vô cùng phẫn nộ. Lập tức Ban Đại diện Sinh viên lên tiếng cực lực phản kháng hành động tàn ác của Việt Cộng, đồng thời thành lập một phái đoàn sinh viên lên đường xuống Vĩnh Long, để có thể nhìn thấy tận mắt nơi mà Việt Cộng đã gây tội ác, và sau đó, gặp gỡ, chia sẻ nỗi thống khổ mất mát của các phụ huynh học sinh và các thầy cô giáo nhà trường.

Thật vậy, vào một buổi sáng mùa Hè năm 1973, phái đoàn 50 sinh viên Khoa học Sài Gòn và một số phóng viên báo chí Sài Gòn, lẩy xe đò miền Tây, trực chỉ tỉnh Vĩnh Long đi thăm Trường Tiểu học cộng đồng Song Phú thuộc quận Bình Minh, gần Chi khu biệt lập Ba Càng. Chính tại ngôi trường này, nơi vừa mới gánh chịu cảnh tang thương, hàng chục học sinh bé bỏng ngã gục tức tử dưới trận pháo kích của Việt Cộng.

Để cuộc hành trình dài gần 3 giờ đồng hồ ngắn lại và có thêm ý nghĩa, đoàn sinh viên Khoa học đã cùng nhau cất cao tiếng hát lên những bài ca ái quốc hào hùng và những bài ca nguyện cầu hoà bình hãy về trên quê hương, như các bài: Việt Nam Việt Nam, Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ, Chiến Sĩ Ca, Cờ Bay, Vuốt Mặt, Đêm Nguyện Cầu...

Cuối cùng, xe ngừng trước cổng Trường Tiểu học Song Phú, các sinh viên xuống xe tiến vào sân trường. Vì đã được thông báo trước cho nên Thầy Hiệu trưởng và một số phụ huynh học sinh đã hiện diện tiếp đón đoàn. Từng vị đến bắt tay các sinh viên. Trưởng đoàn sinh viên là Phạm Minh Cảnh, cựu Chủ tịch Ban Đại diện

Sinh viên Khoa học, tân Chủ tịch Ban Chấp hành Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, xúc động ngổ lời phân ưu cùng phụ huynh và gia đình 8 em học sinh đã bị đạn pháo của Việt Cộng sát hại trong lúc các em đang xếp hàng vào lớp. Trưởng đoàn không quên xin Thầy Hiệu trưởng chuyển lời thăm hỏi ân cần của tập thể sinh viên Khoa học tới phụ huynh và gia đình các em học sinh bị thương do đạn pháo kích của Việt Cộng và cầu chúc cho các em được mau bình phục và trở lại trường lớp.

Sau đó, Thầy Hiệu trưởng đã hướng dẫn đoàn sinh viên đi tới các lớp học và những nơi còn lưu vết tích cuộc pháo kích.

Các sinh viên vô cùng xúc động quan sát những vết miềng đạn khắp nơi, những vết máu khô của các em học sinh trên tường vôi trắng và tấm bia đặt trong sân trường ghi đầy đủ danh sách 8 em học sinh bị tử thương. Còn cảnh nào đau lòng hơn khi phải chứng kiến một vài phụ huynh ôm lấy tấm bia đề tên con mình và các bạn như ôm riết lấy đứa con mới bị tử thương, rồi khóc vật vã.



*Trường Tiểu học Cai Lậy bị trúng đạn pháo kích của Việt Cộng ngày 09-3-1974.
Nhiều học sinh thơ dại nằm chết giữa sân trường*

Để có chứng cứ hiển nhiên, trưởng đoàn Phạm Minh Cảnh cầm một miềng đạn pháo của Việt Cộng giơ lên trước ống kính của các phóng viên, trên đó ghi rõ Trung Quốc là nơi sản xuất. Đó là bằng

chúng không thể chối cãi bọn Cộng sản Việt Nam làm tay sai cho Tàu Cộng, đem súng đạn của chúng về giết đồng bào mình.

Sau đó, đoàn sinh viên Khoa học đã thành kính làm lễ tưởng niệm các em học sinh bị sát hại; đồng thời, trước tội ác Trời không dung đất không tha của Việt Cộng, đoàn đã cùng các thầy cô và phụ huynh học sinh trưng tám biểu ngữ lên án tội ác giết Việt Cộng sát hại các học sinh thơ ngây, vô tội.

Cuộc thăm viếng của đoàn sinh viên Khoa học chấm dứt vào lúc 1 giờ chiều. Các sinh viên ân cần chào từ giã các thầy cô và các phụ huynh để ra về, nhưng lòng còn vấn vương thăm cảnh cha mẹ mất con, thầy cô mất học trò. Rồi đây Song Phú sẽ trở thành một địa danh uất hận ngàn đời!

Rồi nhìn rộng ra khắp đất nước, đã và còn xảy ra nhiều thảm cảnh khác nữa do tham vọng của Cộng sản Bắc Việt muốn xâm chiếm Miền Nam tự do.

Quả đúng như vậy, chỉ sau Song Phú một thời gian không lâu, Cộng sản lại phạm thêm một tội ác tày Trời tương tự. Đó là vụ chúng pháo đạn cối 82 ly vào sân Trường Tiểu học Cai Lậy, tỉnh Định Tường, lúc 2 giờ 55 chiều ngày 09-3-1974, đúng vào giờ các em học sinh ra chơi, giết hại tổng cộng 32 học sinh và 55 học sinh khác bị thương (Con số 23 học sinh bị tử thương và 43 bị thương của phóng viên báo Hoà Bình trên đây là con số sơ khởi, chưa đầy đủ). Sau biến cố ấy, một tấm bia kẻ tội ác của Việt Cộng được dựng lên trong sân trường, nhưng sau ngày 30-4-1974 tấm bia đã bị bọn Việt Cộng phá huỷ hòng phi tang tội ác của chúng.

Phạm Minh Cảnh

Chủ tịch Ban ĐDSV Khoa Học 1973-74



SV Văn khoa thăm chiến sĩ tiền đồn tại căn cứ Bastogne, Tháng 9-1972 (Phía Tây Huế)



SVHS Sài Gòn đòi Trung Cộng trả lại quần đảo Hoàng Sa và trao trả những chiến sĩ VNCH bị họ bắt giữ



SV Văn khoa trợ giúp trại tị nạn CS Bình Tuy, 1973



SV Văn khoa đi khảo sát đảo Phú Quốc, 1973



Hường Lê & Hoan (giả trai) trong đám cưới cổ truyền, Hội tết Văn khoa 23-01-1974



Múa nón do Ban vũ Văn khoa: Hường, Hạnh, Hoà, Diệp, Oanh, Loan (Hè 1974)



Văn nghệ SV Khoa học, 1974





Picnic SVKH, Đường Sơn Quán, 1974



BÀI 15 - VIẾT CHO LẦN TÁI BẢN

Sách *Mặt Trận Đại Học Thời Việt Nam Cộng Hoà* in lần đầu xong ngày 04-12-2014. Việc phổ biến diễn ra khá thuận lợi và sách đã hết chỉ trong một thời gian ngắn.

I. BẮC MỘT NHỊP CẦU

Để đáp lại sự quan tâm ưu ái của quý thân hữu cũng như của độc giả khắp nơi, nhân dịp tái bản cuốn sách lần thứ nhất, chúng tôi cố gắng sửa chữa những sai sót phát hiện được; đồng thời chúng tôi cũng có bổn phận phải trình bày thêm về một số ý kiến phê bình từ quý độc giả.

1. Trước hết, ở trang 124 ấn bản lần đầu, tấm hình Nguyễn Thị Đoan Trinh là một sự lầm lẫn. Hiện chúng tôi chưa tìm đâu ra hình của tên sát thủ Nguyễn Thị Đoan Trinh. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý độc giả.

2. Một thân hữu chuyển cho chúng tôi những nhận xét khá tích cực về cuốn MTĐHTVNCH từ nhà báo Phạm Quốc Bảo ở Nam California từng hoạt động sinh viên thời 1963-68: *“Sinh hoạt sinh viên Sài Gòn từ năm 1970 trở về sau cả 1975, thì có những chi tiết rất mới mẻ được khai quật ra một cách khá thú vị. Những chi tiết về cá nhân các sinh viên và giáo sư ở Sài Gòn trước và sau 1975 được cung cấp một cách đặc biệt, quá mức thường có thể biết được. Độc đáo nhất là những luận điểm về Phong trào Văn Thân và Cần Vương, thật đáng chú ý, mặc dù chưa chắc được đa số đồng ý”*.

Đồng thời nhà báo cũng thẳng thắn phê bình 5 điểm. Có thể đây cũng là những nhận xét của một số độc giả, cho nên chúng tôi sẽ lần lượt trình bày như sau:

1) Tại sao tiêu đề sách *Mặt Trận Đại Học Thời VNCH* mà “Nội dung các bài viết vượt qua nhiều không gian và thời gian của thời VNCH”

- Ngay trong LỜI MỞ ĐẦU, chúng tôi đã nói rõ: *“Chủ đề Mặt Trận Đại Học cũng là cơ hội thúc đẩy chúng tôi đi tìm những cuộc*

đấu tranh của giới sinh viên thời Nho học và thời Pháp thuộc. Từ đó, cho thấy mối liên hệ, điểm tương đồng và điểm dị biệt giữa những cuộc đấu tranh của các thế hệ sinh viên Việt Nam”. Tuy nhiên, chúng tôi xin tiếp nhận và cảm ơn ý kiến xây dựng này. Trong lần tái bản, chúng tôi phân chia nội dung cuốn sách thành 2 phần rõ rệt: Phần chính là những bài bám sát tiêu đề sách, nghĩa là chỉ đề cập những gì xảy ra trong 2 thời VNCH. Phần phụ là những bài có liên quan tới chủ đề, nhưng nội dung một số bài vượt khỏi không gian và thời gian thời 2 Nền Cộng Hoà để, để nếu muốn, quý độc giả có thể đọc thêm.

2) “Khoảng trống cốt lõi của các sinh hoạt sinh viên Sài Gòn từ 1963-1968 không được liệt kê đủ, một cách tổng quát, chứ đừng nói là vào được chi tiết nữa”

- Cũng trong LỜI MỞ ĐẦU chúng tôi đã nhìn nhận: “*Dù sao đây mới chỉ là một nỗ lực cá nhân, chắc chắn còn thiếu sót nhiều*”. Vậy cho nên, để công luận được biết đúng và đủ về những gì đã xảy ra ở Đại học thời VNCH, chúng tôi kêu gọi các cựu sinh viên hãy lên tiếng đóng góp cho đề tài này thêm phong phú.

Nhân đây, chúng tôi xin trình bày lại: Nhan đề MẶT TRẬN ĐẠI HỌC nhấn mạnh hai chữ mặt trận, tức là muốn xoáy sâu vào cuộc đối đầu giữa Lực lượng Sinh viên Quốc gia và Thành Đoàn Cộng sản. Do đó, chúng tôi không muốn khai thác những hoạt động của các nhóm sinh viên không Cộng sản, nhưng chống đối các chính quyền Quốc gia, hoặc là những hoạt động chỉ nhằm mục tiêu văn hoá, văn nghệ, xã hội... Những hoạt động ấy không nhằm đấu tranh trực diện với Thành Đoàn Cộng sản và vì thế, thiết tưởng, chỉ nhắc sơ qua là đủ (xin đọc phần đầu Bài 1 MẶT TRẬN ĐẠI HỌC).

Kể từ Tháng 4-1967, Hồ Hữu Nhật nắm Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, Thành Đoàn Cộng sản dần dần cài được nhiều cán bộ, chiếm được ban đại diện những Phân khoa lớn và phát động nhiều hoạt động chống phá. Từ đây mở ra thời kì đối đầu gay gắt giữa tập thể sinh viên Quốc gia và Thành Đoàn Cộng sản. Thời kì này có thể chia thành 2 giai đoạn.

Giai đoạn 1966-71: Phía sinh viên Việt Cộng, dưới sự chỉ đạo

của Thành Đoàn Cộng sản nhập cuộc với một lực lượng cán bộ được huấn luyện kỹ lưỡng, có cả lực lượng vũ trang. Đang khi đó, phía sinh viên Quốc gia chỉ nhận được sự yểm trợ yếu ớt của đảng phái hay tôn giáo nào đó. Phía chính quyền có phái một số rất ít cán bộ cấp thấp tham gia, những cán bộ này không đủ thẩm quyền phối hợp với các cơ quan an ninh tình báo, cảnh sát. Nhìn chung, cán cân lực lượng trong giai đoạn này nghiêng về phía Thành Đoàn Cộng sản. Vì thế, mặc dù một số sinh viên Quốc gia dần thân tích cực, đã có hi sinh đồ máu (Ngô Vương Toại, Nguyễn Văn Tấn, Bùi Hồng Sỹ, Trần Lam Giang), nhưng phải nhìn nhận họ đã không thành công.

Giai đoạn 1971-75: Vụ Cộng sản ám sát giết chết Gs. Nguyễn Văn Bông và sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật đã châm ngòi cho Mặt Trận Đại Học bùng nổ ra dữ dội. Chính quyền thật sự ra tay. Ban A 17 được thành lập. Nhờ vậy, cán cân lực lượng nhanh chóng nghiêng về phía sinh viên Quốc gia. **Giai đoạn này mới là đối trọng chính của sách MTĐHTVNCH.**

3) “... tác giả dựa vào những hiểu biết căn bản từ giới hoạt động sinh viên Công giáo thời đó hơn là hoạt động của chung giới sinh viên độc lập (không tôn giáo)”

- Chúng tôi không xử dụng nguồn tin từ nhóm sinh viên Phật giáo, Công giáo hay đảng phái nào để viết. **Chúng tôi có nhiều tin tức. Chúng tôi cũng biết một số hoạt động trong khoảng thời gian 1963-68 của chung giới sinh viên khuynh hướng tôn giáo cũng như độc lập. Tuy nhiên, chúng tôi không khai thác, không đề cao, vì một là: những hoạt động ấy chỉ đánh phá các chính quyền Quốc gia là dữ dội; hai là: nếu những hoạt động của các sinh viên không dính dáng tôn giáo thì cũng dính dáng đảng phái và thường là “yếu” so với bọn sinh viên Việt Cộng. Và lại họ thường mắc bệnh “tác phong lãnh tụ” quá sớm, dễ làm mất cảm tình của tập thể sinh viên và kết quả là không thành công trong các cuộc tranh cử ban đại diện sinh viên.**

Trong khi đó, nhóm Sinh viên Tự Dân (đa số là Công giáo), tuy không đông, hoạt động không lâu (giữa 1964 tới 1965), nhưng có lập trường Quốc gia vững chắc. Họ hoạt động chống lại Lực

lượng Thanh niên, Sinh viên, Học sinh cứu quốc (thuộc Hội đồng Nhân dân cứu quốc) đã bị Việt Cộng xâm nhập và lèo lái nhằm phá rối học đường, gây bất ổn hậu phương. Xưa nay công luận ít nghe biết về họ. Đương nhiên chúng tôi phải nói về họ với lòng trân trọng. Không phải vì nhiều sinh viên trong nhóm là Công giáo mà là vì lập trường Quốc gia sáng ngời; thêm vào đó, nỗ lực dần thân của họ đã đem lại kết quả nhất định.

4) *“...cần cứ vào các tài liệu xuất xứ từ cơ quan tình báo VNCH nhiều hơn là những nguồn tin độc lập, khách quan”*

- Thiên nghĩ, “nguồn tin độc lập” chưa chắc đã “độc lập”, cho nên chưa chắc đã “khách quan”. Nhiệm vụ chính yếu của tình báo là gì? Là thu thập tin tức về đối phương mau nhất, đúng nhất. **Chúng tôi dám khẳng định Ban A 17 thuộc Phủ Đặc uỷ TƯ/TB/VNCH là đơn vị tinh nhuệ, có khả năng biết rõ đối phương và biết cách đánh thắng đối phương. Không có bất cứ tổ chức không Cộng sản nào, không có bất cứ nhóm sinh viên hoạt động Đại học nào trước 1975 có thể thu thập được nhiều tin tức chính xác (“khách quan”) về Thành Đoàn Cộng sản hơn những tin tức mà Ban A 17 đã thu thập được.** Bằng chứng tỏ tường là, chỉ cần chưa tới 6 tháng, Ban A 17 đã yểm trợ cho Lực lượng Sinh viên Quốc gia gạt hái được thắng lợi hoàn toàn trong Mặt Trận Đại học. Nếu không biết rõ địch thì làm sao có thể thắng địch mau chóng và triệt để như vậy?

5) *“Còn đặc biệt những tài liệu sách in trong nước sau 1975 thì rõ ràng thiếu hẳn yếu tố khách quan cần thiết, không nên dựa vào đó”*

- Một số vị cầm bút ở hải ngoại thường cho là vô giá trị bất cứ điều gì Cộng sản nói hay viết ra. Nguyên do có thể là vì cái chiêu “nói dối như Vẹm”, nói dối đẳng cấp thượng hạng ngoại hạng của Cộng sản làm cho các vị yên trí, không đủ kiên nhẫn để gạn lọc cái gì và lúc nào Cộng sản nói dối, lúc nào và cái gì họ nói đúng, nói thật.

Thiên nghĩ, không nên kể ra ở đây tất cả những cơ hội chúng tôi được học biết về Cộng sản VN nói chung, về Thành Đoàn Cộng sản nói riêng. Chỉ tính từ 1970, chúng tôi có 2 năm tùng sự tại

Phòng Nghiên cứu thuộc Trung tâm Thẩm vấn Quốc gia (Ban Q/Phủ ĐUTUTB), thường xuyên tiếp cận hàng ngàn cung từ tù binh Cộng sản về nhiều đề tài; rồi 3 năm đảm trách nghiên cứu Ban A 17, được đọc nhiều báo cáo của đồng đội từ các Phân khoa Đại học và nhiều lần sang F 5 Cảnh Sát Đô thành thẩm vấn các sinh viên Việt Cộng để lấy tài liệu viết cuốn *Bạch Thư Sinh Viên*. Theo tiết lộ từ cấp chỉ huy, Thiếu tướng Nguyễn Khắc Bình sẽ công bố *Bạch Thư Sinh Viên* này để chứng minh chính quyền VNCH chỉ bắt Việt Cộng trong Đại học chứ không động chạm tới sinh viên thuần tuý. Cuộc họp báo không diễn ra vì *Bạch Thư Sinh Viên* hoàn tất vào đúng thời điểm Hiệp định Paris có hiệu lực, các bên trao trả tù binh.

Tất cả những cơ hội đặc biệt ấy đã giúp cho chúng tôi hiểu biết khá nhiều (không phải tất cả) về tổ chức, nhân sự và các hoạt động của Cộng sản Việt Nam nói chung, của Thành Đoàn Cộng sản nói riêng. Vì thế, khi đọc các tài liệu về Thành Đoàn Cộng sản, chúng tôi tin là có thể nhận ra cái gì họ nói đúng, cái gì họ nói sai, cái gì họ bịa đặt hay phóng đại nhằm mục đích tuyên truyền hoặc để đánh lừa dư luận.

II. VỀ CÔNG TÁC BAN A 17

Chúng tôi cũng nhận được một số phản hồi đề nghị nên nói thêm về hoạt động của Ban A 17 thuộc Phủ Đặc uỷ TỰTB. Độc giả muốn biết thêm chi tiết Ban A 17 làm thế nào, dùng chiến thuật nào để đánh thắng Thành Đoàn Cộng sản.

Thú thật, dù muốn, chúng tôi cũng không bao giờ có thể làm thoả mãn được cái yêu cầu này.

1. Về công tác của cá nhân các đồng đội

Mặc dù là chuyện của hơn 40 năm trước, chúng tôi vẫn tuân thủ nguyên tắc: Ai làm người đó biết, người đó tự quyết định nói ra hay không; ngoại trừ những cấp chỉ huy cao nhất, bởi vì các vị ấy là những nhân vật công khai.

2. Về công tác toàn Ban A 17

Trộm nghĩ, có những việc có thể đưa ra công khai, nhưng có những việc dứt khoát phải “Sống để bụng chết mang theo”.

Trong bài *Ban A 17 Đối Đầu Với Thành Đoàn Cộng sản*, chúng tôi chỉ nói vắn tắt Ban A 17 phải thực hiện 2 công tác: Một là phá vỡ hệ thống nhân sự chìm và nổi của Thành Đoàn CS; hai là yểm trợ lực lượng sinh viên Quốc gia giành lại quyền kiểm soát các tổ chức sinh viên công khai hợp pháp.

Nói thì đơn giản, nhưng thực tế không đơn giản. Hãy thử khai triển một chút.

1) Phá vỡ hệ thống chìm và nổi của Thành Đoàn Cộng sản phải đi 2 bước

Bước 1: Phát hiện: - Bằng quan sát thông thường các sinh hoạt báo chí, văn nghệ, triển lãm, diễn thuyết, picnic, cứu trợ, kháng thư, tuyên cáo, biểu tình, bãi khoá ... - Bằng nghiệp vụ theo dõi và phản theo dõi. - Bằng xâm nhập vào tổ chức của Thành Đoàn Cộng sản (tuyệt mật, rất nguy hiểm).

Bước 2: Vô hiệu hoá: - Chuẩn bị dư luận: Viết những bài phóng sự trên nhật báo *Quạt Cường* về hoạt động của các đối tượng sao cho dư luận “có cảm tưởng” bọn này là những cán bộ Thành Đoàn Cộng sản để khi chúng bị bắt, dư luận sẽ không quá ngạc nhiên.

- Khi đã chấm định mục tiêu, lực lượng an ninh mở cuộc hành quân vào giờ giới nghiêm (sau 12 giờ đêm) vây bắt đối tượng đem về F 5 Cảnh sát Đô thành. Ngay sau đó, cán bộ Ban A 17 sang “làm việc” để lấy tin nóng về lí lịch và hoạt động của đương sự, về tổ chức, đường dây và đồng bọn. Xưa nay, các sinh viên Việt Cộng đã thành công nhiều lần do áp dụng công thức “Nhất lí, nhì lì, tam suy, tứ tử” (cãi lí, chịu đòn, giả bệnh, giả chết), dứt khoát không nhận có liên quan gì tới Cộng sản. Nếu trong một thời gian ngắn theo luật định mà cơ quan an ninh không chứng minh được đương sự dính líu tới Cộng sản thì Ủy ban An ninh Đô thành sẽ thả y ra. Song bây giờ khác trước. Cán bộ Thành Đoàn Cộng sản là những sinh viên Đại học, các cán bộ của Ban A 17 cũng có trình độ Đại học cho nên rất thích hợp để thẩm vấn khai thác có kết quả. Điểm mấu chốt là, Ban A 17 đã nắm được tin tức chính xác, cho nên các đương sự không thể giở trò “Nhất lí, nhì lì, tam suy, tứ tử” như

trước được nữa. Trái lại, chẳng những họ phải nhận tội mà còn phải khai báo thêm về đồng bọn. Nhờ khai thác được tin tức chính xác chứng minh các đối tượng là cán bộ Thành Đoàn Cộng sản, những tay tai to mặt lớn “ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản” không còn có thể tranh đấu đòi thả họ ra như vẫn thường xảy ra.

Cũng vì khai thác được tin tức giá trị cao, từ nay lực lượng an ninh không cần chặn bắt các đối tượng lộ liễu ngoài phố như trước mà đột nhập tận hang ổ, có khi ngay tại điểm hẹn ở bãi biển Vũng Tàu, có khi tới tận nhà của đối tượng trong khuôn viên một thánh thất tinh lẻ... Cán bộ Thành Đoàn nào không kịp chạy thoát vào mật khu thì phải lặn cho thật sâu, bởi vì khả năng phát hiện của Ban A 17 bao trùm mọi Phân khoa Đại học.

Xem qua như thế, để đối đầu với Thành Đoàn Cộng sản, các tổ chức sinh viên thuần túy không bao giờ có thể thành công, nếu các cơ quan an ninh chính quyền không ra tay và nếu các cơ quan này không dễ dàng phối hợp được với nhau.

2) *Giành lại các ban đại diện sinh viên*

Trong điều kiện bình thường, tất cả mọi sinh viên đều có thể mừng tượng ra phải làm những gì nếu muốn ra tranh cử ban đại diện ở một Phân khoa.

Trường hợp tại các Phân khoa Đại học trước 1975 rõ ràng là không bình thường, vì nơi đây đang diễn ra một mặt trận gay go giữa Thành Đoàn Cộng sản và Lực lượng Sinh viên Quốc gia. Hai bên kèn cựa nhau bằng những đòn cân não, và Cộng sản không ngần ngại dùng cả bạo lực nữa. Vì thế, muốn giành lấy một ban đại diện sinh viên, vừa phải làm những việc bình thường vừa phải xử dụng những đòn phép có tính nghiệp vụ. Đại khái như:

Thành lập liên danh tranh cử chính và liên danh đệm.

Làm sao để loại một liên danh đối thủ, nếu có, bằng cách làm cho liên danh ấy lâm vào tình trạng bất hợp lệ theo luật bầu cử?

Làm sao để có nhiều sinh viên bỏ phiếu?

Làm sao để có đủ đa số phiếu?

Thắng bại là ở đây. Ba câu hỏi “Làm sao” này coi bộ đơn giản và rất bình thường, nhưng lại không tiện trả lời, bởi vì những chi tiết cụ thể có liên quan tới nghiệp vụ.

Trong công tác, nếu có giáo sư hoặc viên chức nhà trường nào gây trở ngại thì Ban A 17 sẽ can thiệp. Xin đan cử một vài thí dụ.

Ban A 17 nhận được báo cáo ông Tổng Thư kí trường Luật là Nguyễn Thượng Kiên gây nhiều khó khăn cho ban đại diện sinh viên phe Quốc gia. Lập tức ông này chứng kiến những sự việc sau đây: 1- Quảng cáo bán nhà của ông với giá rẻ trên nhiều tờ báo, rồi ông sẽ liên tục nhận được điện thoại hỏi mua nhà. 2- Mới 6 giờ sáng, tự nhiên hãng rút hầm cầu gỗ cửa đòi rút hầm cầu nhà ông; đồng thời, hãng chuyển nhà (moving) cũng gõ cửa đòi di chuyển đồ đạc nhà ông. Tất cả những sự việc kể trên không hề do ông yêu cầu mà có ai đó đã làm ra tất cả. Sau khi bị quấy rầy đến phát điên lên thì ông mới vỡ lẽ ra. Ông không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải biết điều, phải hợp tác mới được yên thân.

Tương tự, tự nhiên vào chiều nào đó, có mấy vị khách quý gõ cửa nhà Gs. Lý Chánh Trung ở Làng Đại học Thủ Đức. Họ đến để dự tiệc theo thiệp mời. Chủ nhà Lý Chánh Trung vô cùng bối rối và phải xin lỗi xối xả, bởi vì ông đâu có tổ chức tiệc.

Còn Gs. Trần Kim Thạch bên Khoa học (con của Đại sứ Việt Cộng Trần Kim Bảng) phải bẽ mặt bởi vì tự nhiên trên báo đăng lời chúc mừng Gs. Trần Kim Thạch sắp làm lễ thành hôn với cô nữ sinh viên xinh đẹp tên XXXX. Là các giáo sư, quý ông ấy không cần lâu lác gì cũng hiểu ra lí do tại sao.

Chúng tôi từng nhận được lệnh lập hồ sơ bắt giữ 3 giáo sư Đại học khuynh tả, thiên Cộng. Nhưng sau đó, chỉ có một mình Gs. Châu Tâm Luân bị tạm giam một thời gian ngắn. Theo tiết lộ của cấp chỉ huy thì ông Tổng trưởng Văn hoá Giáo dục Ngô Khắc Tĩnh đã ngăn cản vì cho rằng việc bắt giữ các giáo sư lập tức bị truyền thông phản chiến khai thác, sẽ tác hại lớn về mặt chính trị! (1)

Trên đây là vài thí dụ cho thấy người Quốc gia sử dụng đòn phép tương đối nhẹ nhàng, chưa vội dùng tới vũ lực.

Về những nhân vật đã giúp đỡ công tác A 17, làm sao chúng tôi dám kể ra những giáo sư nào, những nhân viên nhà trường nào, những nghệ sĩ nào, những sinh viên phe Cộng nào đã hợp tác với Ban A 17... Thế mới nói, có những chuyện phải “Sống để bụng chết mang theo” là vậy. Độc giả muốn biết nhiều, nhưng phải “tri

túc... hà thời túc”, không thể làm khác được.

Khi đã đắc cử, ban đại diện sinh viên bắt tay vào việc ngay:

Tổ chức lễ ra mắt. Thảo chương trình. Đồng đội Ban A 17 từ các Phân khoa kéo về, mỗi người mỗi việc: thuê rạp hát, mời quan khách, mời nghệ sĩ, mua bông tặng nghệ sĩ, ban nhạc, âm thanh, ánh sáng, cử người viết diễn văn, MC, khánh tiết, tiếp tân, an ninh, phân công người kéo màn sân khấu!...

Phục hồi sinh hoạt sinh viên: học vụ, văn nghệ, thể thao, báo chí, du ngoạn, du khảo, thăm chiến sĩ tiền đồn, trợ giúp chương trình khẩn hoang lập ấp, đồng bào tị nạn Cộng sản, lên án Hà Nội làm ngơ việc Trung Cộng đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa, phản kháng Việt Cộng pháo kích bờ bãi vào trường học giết hại trẻ thơ...

Trước mắt mọi người, ban đại diện sinh viên là do các sinh viên thuần túy phụ trách; nhưng bên trong, Ban A 17 phải chủ động tất cả, không thể có sơ hở để một cán bộ Thành Đoàn Cộng sản nào len lỏi vào. Ngoài ra, bên Cảnh sát đặc biệt cũng phái tới mỗi Phân khoa vài chục thiếu úy mới tốt nghiệp Học viện Cảnh sát Quốc gia. Họ cũng là sinh viên, nhưng nhận nhiệm vụ trợ giúp công tác sinh viên cũng như bảo vệ an ninh cho ban đại diện. Từ cuối năm 1971, đặc công Cộng sản không dám thực hiện một vụ khủng bố nào trong khuôn viên các Phân khoa nữa, bởi vì mạng lưới an ninh sẵn sàng can thiệp. Đảng khác, nếu biết động thành Cộng sản muốn tiếp tục gây đổ máu trong khuôn viên Đại học thì họ cũng phải nhớ rằng, một số cán bộ Thành Đoàn Cộng sản, tức các đồng chí của họ, đang nằm trong tay lực lượng an ninh của chính quyền Quốc gia.

III. LỜI CẢM Ạ

Sách MTĐHTVNCH đã được quý độc giả chào đón nồng nhiệt và được các thân hữu giúp đỡ phổ biến mau chóng.

Đầu tiên là tại San Jose, thân hữu Nguyễn Hữu Tâm (Chủ tịch BDD Sinh viên Văn khoa SG 1973-74) cùng các đồng đội Ban A 17 của chúng tôi đã tổ chức một buổi “Trao sách thân hữu” trong vòng thân mật vào ngày 14-12-2014 với sự hiện diện của Thiếu

tướng Nguyễn Khắc Bình, các cựu đồng nghiệp Số 3, một số sĩ quan CSQG, các cựu sinh viên thuộc các Phân khoa của Đại học Sài Gòn, nhà văn Song Nhị, nhà báo Lê Văn Hải... Ngay hôm sau, kí giả Lê Bình viết bài tường thuật buổi trao sách này trên báo Calitoday (baocalitoday.com, Dec 15, 2014).

Tiếp theo, ngày 22-01-2015, nhà báo Hoàng Lan Chi thực hiện bài điểm sách *Mặt Trận Đại Học* (hoanglanchi.com, Jan 22, 2015) trên báo Bút Tre và một số diễn đàn.

Tại Dallas, ngày 07-02-2015, hai thân hữu Trần Mạnh Trác và Nguyễn Sỹ Đẩu cùng nhóm sinh viên Thụ Nhân Đại học Đà Lạt, đã có nhã ý tổ chức buổi giới thiệu sách MTTVNCH, kết hợp với buổi họp mặt tất niên.

Tại một số thành phố lớn, các thân hữu của chúng tôi đã nhiệt tình giúp phân phối sách, như: - Ở Portland: Bửu Uy (Chủ tịch Tổng hội SVSG 1972-73) - Ở Seattle: Nguyễn Thế Viên (cựu Chủ tịch Liên đoàn SVCG Đại học Sài Gòn 1971-72) - Ở San Jose: Biện Thị Thanh Liêm (BĐD Sinh viên Văn khoa SG 1973-74) và Lưu Trường Thọ (phụ trách Hội đồng hương Bạc Liêu) - Ở Nam Cali: Phạm Minh Cảnh (Chủ tịch Tổng hội SVSG 1973-75) - Ở Houston: Gs. Nguyễn Trần Quý (bình luận gia), ông Nguyễn Văn Trang (chủ trương Nội San Số 3) - Ở Dallas: Gs. Trần Văn Huyền, Lý Bửu Lâm (Trưởng tràng Kiến trúc SG 1969-72, Chủ tịch Tổng hội SVSG 1970-71, Khiếu Hữu Đồng (Chủ tịch BĐD Sinh viên Khoa học SG 1974-75).

Mới đây, ngày 22-5-2015, Gs. Nguyễn Văn Lục từ Canada cũng đưa lên dcvonline.net loạt bài *Về Cuốn Mặt Trận Đại Học của Bạch Diện Thư Sinh*. Sau đó, ngày 06-6-2015, kí giả Hồng Phúc phỏng vấn Gs. Nguyễn Văn Lục về cuốn sách MTTHTVNCH trên đài phát thanh Việt Nam Oklahoma City.

Cảm kích trước mối thịnh tình quý báu của TT Nguyễn Khắc Bình, các nhà báo, đồng đội Ban A 17, các thân hữu và của quý độc giả, chúng tôi xin tất cả quý vị nhận nơi đây lòng biết ơn chân thành của chúng tôi.

Hè 2015

Chú thích:

(1) Gs. Châu Tâm Luân dạy ở Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp Sài Gòn và Đại học Kinh thương Minh Đức. Sau Tết Mậu Thân 1968, ông và Lm. Nguyễn Ngọc Lan đã vào mật khu gặp Trần Bạch Đằng, một lãnh đạo cao cấp của Việt Cộng (Gs. Lý Chánh Trung gặp Huỳnh Tấn Phát). Đêm ngày 28-4-1975, Tổng thống vừa nhận chức Dương Văn Minh đã cử Gs. Châu Tâm Luân cùng với Ls. Trần Ngọc Liễng và Lm. Chân Tín vào Trại Davis báo cho phái đoàn Việt Cộng biết ông Minh không chống cự và xin dừng pháo kích Sài Gòn. Gs. Luân theo chủ nghĩa cách mạng cực đoan, sắt máu. Cán bộ kế ước của chúng tôi báo cáo, Gs. Luân đã tuyên bố trước các sinh viên Đại học Kinh Thương Minh Đức: “Cuộc cách mạng nào cũng phải đổ máu!”. Sau 30-4-1975, “cách mạng” thành công, chẳng những họ không cần ông nữa mà còn nghi ngờ ông là CIA. Lúc đó, ông mới sáng mắt ra và hết ảo tưởng. Thế là, ông tìm mọi cách để trốn chạy. Ông vượt biên tới 6 lần mới thoát khỏi “thiên đường” Cộng sản.



Buổi trao sách thân hữu tại San Jose ngày 14-12-2014



MC Phạm Diệu Hương



MC Biện Thị Thanh Liêm



Trưởng Ban tổ chức Nguyễn Hữu Tâm giới thiệu sách MTĐHTVNCH



Thiếu tướng Nguyễn Khắc Bình khen ngợi "thành tích thân kỷ" của Ban A 17



Ban tổ chức và thân hữu chụp hình kỷ niệm với TT Nguyễn Khắc Bình

Giới thiệu sách Mật Trận Đại Học Thời VNCH nhân buổi họp mặt tất niên của các cựu sinh viên Thụ Nhân Đại học Đà Lạt tại Dallas ngày 07-02-2015



Ban Tổ chức Trần Mạnh Trác và Nguyễn Sĩ Đẩu chào mừng thân hữu



Tác giả Bạch Điện Thư Sinh giới thiệu sách MTĐHTVNCH



Hình ảnh thân hữu buổi giới thiệu sách MẬT TRẬN ĐẠI HỌC THỜI VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Các cựu sinh viên Thụ Nhân Đại học Đà Lạt



PHỤ BẢN 1 - SƠ LƯỢC CÁI HỌC NHÀ NHO

I. VIỆC HỌC THỜI BẮC THUỘC

Từ *đại học* và *tiểu học* có từ thời nhà Hạ bên Tàu (2205-1766 trước Công nguyên). Nhà Hạ lập nhà *đông tự* làm *đại học*, nhà *tây tự* làm *tiểu học*. Sang nhà Ân (Thương Ân 1776 - 1122 trước Công nguyên) thì lập nhà *hữu học* làm *đại học*, nhà *tả học* làm *tiểu học*. Nhưng những trường này mới chỉ là chỗ học bản, học văn nghệ và để nuôi người già.



Tới nhà Chu (1122-256 trước Công nguyên), *đại học* mới dùng làm nơi để con vua, con quan và những con em xuất sắc của thường dân tới học. *Đại học* dạy Lễ, Nhạc, Thi, Thư và tuyển học sinh hạng tuổi 15 tới 20. Chốn dân gian thì có nhà *tiểu học*, gọi là *tự* hay *tường*, dạy lễ phép kính trên nhường dưới, cách ứng xử ở đời; lấy học sinh hạng tuổi từ 8 tới 14.

Năm 111 trước Tây lịch (-111), Hán Vũ Đế sai Lộ Bác Đức đánh lấy nước Nam Việt, cải là Giao Chỉ Bộ và chia ra làm 9 quận. Nước ta bị Tàu đô hộ từ đây.

Tàu đô hộ nước ta cả ngàn năm (-111 tới 938), đương nhiên họ thi hành chính sách đồng hoá dân ta. Trong đó có việc du nhập Hán

học vào nước ta. Mặc dầu vậy, cái học ấy vẫn bị hạn chế và kì thị. Những nhân tài xuất sắc muốn tiến thân cử nghiệp phải “du học” bên Tàu, thi cử cũng ở bên Tàu (thi Mậu tài hoặc Hiếu liêm), nhưng không được làm quan bên Tàu, chỉ được làm quan bản xứ mà thôi. Chẳng hạn như Lí Tiên làm Thứ sử Giao Chỉ cuối đời Đông Hán (184-189). Còn Lí Cầm đã phải rủ 5, 6 người đồng hương ra phục xuống sân điện mà kêu cầu, vua Hán mới cho một người Giao Chỉ đỗ Mậu tài đi làm Huyện lệnh ở Hạ Dương và một người đỗ Hiếu liêm làm Huyện lệnh ở Lục Hợp. Về sau Lí Cầm làm đến quan Tư lệ hiệu úy. Hay như Trương Trọng cũng người Giao Chỉ làm Thái thú Kim Thành. (1)

Đến đời nhà Đường bên Tàu, có Khương Thần Dực người Giao Châu làm Thứ sử Châu Ái (Thanh Hoá). Ông này có 2 người cháu đậu Tiến sĩ là Khương Công Phục và Khương Công Phụ, đều làm quan thời nhà Đường vào năm 783. (2)

II. VIỆC HỌC THỜI ĐỘC LẬP

Chiến thắng quân Nam Hán lẫy lừng của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng năm 938 đem lại độc lập chủ quyền cho nước ta, mở ra vận hội cho các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần... sau này.

Quân Tàu về nước sau hơn một ngàn năm đô hộ nước ta, nhưng họ đã để lại ảnh hưởng văn hoá rất sâu xa và lâu dài. Trong đó phải kể tới Nho, Lão và Phật Giáo, đặc biệt là Nho giáo cùng cách tổ chức đào tạo và tuyển chọn nhân tài theo lối cử nghiệp.

1. Thời Ngô, Đinh và Tiền Lê

Thời này ngắn ngủi, nền độc lập còn mới mẻ, các chính quyền bận rộn củng cố quyền hành cho nên chưa có điều kiện thiết lập việc học.

2. Thời nhà Lý

Sau khi định đô tại Thăng Long, nước nhà yên bình, nhà Lý đưa ra kế hoạch đào tạo lớp Nho học và phỏng theo lối khoa cử thời Tuy, Đường bên Tàu.

Năm 1070, thiết lập một văn miếu thờ Đức Khổng Tử và 72

Tiên Hiền.

Năm Ất Mão 1075, đời Lí Nhân Tông, cho mở khoa thi đầu tiên ở nước ta, gọi là khoa thi Tam Trường để chọn những người “minh kinh bác học”. Thí sinh đỗ thủ khoa kì thi đầu tiên ấy là Lê Văn Thịnh. Thủ khoa Lê Văn Thịnh trở thành thái sư, rồi lập công lớn trong mặt trận ngoại giao với nhà Tống bên Tàu, bảo vệ đất đai và chủ quyền lãnh thổ cho nước Đại Việt. Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, sau này Lê Văn Thịnh phạm tội mưu phản, nhưng được nhà vua xét công nghiệp và ban ân xá cho đi an trí. (3)

Năm sau, 1076, vua cho lập Quốc tử giám, có thể coi đây là trường công lập đầu tiên ở nước ta.

Năm 1086, lập Viện hàn lâm tiên khởi.

Triều nhà Lí còn mở được 5 khoa thi nữa, vào các năm 1086, 1152, 1165, 1185, 1195.

3. Thời nhà Trần

Thi cử thời nhà Trần có canh tân chút ít. Năm 1232, vua Trần Thái Tông cho mở kì thi Thái học sinh và đặt ra Tam Giáp: Đệ Nhất, Đệ Nhị và Đệ Tam Giáp.

Đến năm 1247 lại đặt thêm Tam Khôi, tức là lấy 3 người đầu đầu trong hạng Đệ Nhất Giáp gọi là Trạng nguyên (trùm đầu), Bảng nhãn (mắt bảng) và Thám hoa (thăm hoa), chưa có Tiến sĩ. Mãi tới năm 1374, vua Trần Duệ Tông mới cho mở khoa thi Tiến sĩ, lấy hơn 50 người, ban áo mũ vinh quy. Từ đó, học vị Thái học sinh lần đầu tiên đổi thành học vị Tiến sĩ ở nước ta.

Năm 1396, vua Trần Thuận Tông mở khoa thi Hương để lấy Cử nhân. Muốn đỗ Cử nhân, thí sinh phải trúng 4 Trường:

Trường Thứ Nhất: Thi ám tả

Trường Thứ Hai: Thi kinh nghĩa, thi phú

Trường Thứ Ba: Thi chiếu, chế, biểu

Trường Thứ Tư: Thi văn sách

4. Thời nhà Hồ

Từ thời nhà Hồ, có thêm phần chữ Nôm trong khoa thi Tiến sĩ.

Riêng thời Hồ Quý Li (1400) cải tổ thể lệ thi Tứ Trường: bái

bỏ thi ám tả; Nhất Trường làm bài kinh nghĩa; Nhị Trường làm bài thi phú; Tam Trường làm chiếu, chế, biểu; Tứ Trường làm bài văn sách. Năm trước thi Hương, năm sau thi Hội, sau đó, vào thi một bài văn nữa để định cao thấp. Đời Hồ Hán Thương (1401-1407) đặt ra thêm một kì thi toán pháp và thí sinh đỗ kì thi Hội lại được gọi là Thái học sinh.

5. Thời nhà Lê (hậu Lê)

Nhà Lê đưa Nho học lên vị trí quan trọng đặc biệt. Vua Lê Thái Tổ (1428-1433) mở Quốc tử giám, tuyển con cháu nhà quan và con em thường dân học giỏi vào học. Mở nhà học và cử thầy dạy tại các phủ, các lộ. Bắt các quan tứ phẩm trở xuống phải thi Minh Kinh Khoa. Quan văn thi Kinh sử, quan võ thi Vũ kinh.

Thể lệ thi Hương thời Lê gồm 4 Trường. Thí sinh đậu cả 4 Trường gọi là Cử nhân. Đậu 3 Trường gọi là Tú tài.

Đậu thi Hương, năm sau thi Hội lấy Tiến sĩ xuất thân, rồi vào thi Đình do chính nhà vua ra đề thi.

Từ 1466, vua Lê Thánh Tông (1460-1497) đặt lệ xướng danh. Người đậu Tiến sĩ được vua ban áo mũ, đãi ăn yến và cho vinh quy bái tổ. Nhà vua còn mở Nhà Thái học: Phía trước xây văn miếu, phía sau là Nhà Thái học có phòng ốc làm kí túc xá cho sinh viên. Có kho bí thư chứa sách, như thư viện thời nay. Nhà Lê cũng đặt ra lệ ban cho vị tân khoa Tiến sĩ hàm từ chánh tòng bát phẩm tới chánh tòng lục phẩm.

6. Thời Nam Bắc Triều

Nhà Mạc (1527-1592) vẫn mở khoa thi ở Đông đô Thăng Long.

Trong Tây đô Thanh Hoá, mãi năm 1580, vua Lê mới mở lại thi Hội nhưng phép thi còn sơ sài. Chúa Trịnh Tạc phải quy định lại phép thi Hội vào năm 1664, phép thi Hương vào năm 1678.

Trường thi mở rất nhiều nơi, như ở Thanh Hoá, Nghệ An, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Tuy nhiên, thi cử thời này không còn nghiêm minh như thời Hồng Đức (Lê Thánh Tông) nữa, thí sinh

nào nộp khoản tiền “Minh Kinh” (Thời Vua Dụ Tông) hay tiền “Thông Kinh” (thời vua Hiến Tông) đều được dự thi. Đến nỗi phát sinh tệ nạn tranh nhau vào trường thi, thi cử gian lận, hối lộ quan trường. Thành ra một cái “chợ thi”.

Ở phương Nam, năm 1674, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) mở khoa thi Chính Đò và Hoa Văn. Thi Chính Đò có 3 Kỳ: Kỳ Đệ Nhất thi tứ lục, Kỳ Đệ Nhị thi thơ phú, Kỳ Đệ Tam thi văn sách. Đạu hạng nhất gọi là Giám sinh được bổ làm tri phủ, tri huyện; hạng nhì gọi là Sinh đồ, bổ làm huấn đạo; hạng ba cũng gọi Sinh đồ, bổ làm lễ sinh hoặc nhiều học. Thi Hoa Văn trong 3 ngày, mỗi ngày làm một bài thơ. Thi đạu được bổ làm việc ở Tam Ti.

Năm 1695, chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) mở khoa thi Văn Chức và Tam Ti trong phủ chúa. Thi Văn Chức gồm có thi tứ lục, thi phú, văn sách. Thi Tam Ti dành cho ngành võ.

Thời chúa Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) định lại phép thi: đạu Đệ Nhất kì gọi là Nhiều học, được miễn sai dịch 5 năm, đạu Đệ Nhị kì và Đệ Tam kì được miễn sai dịch suốt đời, đạu Đệ Tứ kì gọi là Hương Cống, được bổ làm tri phủ, tri huyện.

7. Thời Tây Sơn

Sử dụng chữ Nôm trong việc cai trị và cả trong thi cử. Đây là một thay đổi mới mẻ nhưng lại làm phật lòng những đầu óc thủ cựu.

8. Thời nhà Nguyễn

Ngay từ thời vua Thế Tổ Gia Long đã quan tâm việc học. Tại các doanh, trấn có văn miếu thờ Đức Khổng Tử. Tại Kinh đô Huế lập Quốc tử giám và cho mở thi Hương tuyển nhân tài. Vua Thánh Tổ Minh Mệnh lại càng trọng việc học hành. Nhà vua quan niệm “Đạo trị nước thì trước hết cần phải gây lấy nhân tài”. Vì thế, nhà vua rất yêu dùng những người có văn học, cho các Hương Cống vào làm hành tẩu trong lục bộ để học tập việc chính trị, mở Quốc tử giám ở Kinh đô và cho các giám sinh được hưởng tiền trợ cấp mà ăn học. Có Bộ Lễ lo việc học cho cả nước. Cấp tỉnh có quan đốc học, phủ có giáo thụ, huyện và châu có quan huấn đạo coi sóc

trường công lập ở địa phương.

Sĩ tử thuở xưa bắt buộc phải thuộc những sách Tứ Thư (Luận Ngữ, Đại Học, Trung Dung, Mạnh Tử), Ngũ Kinh (Xuân Thu, Thi, Thư, Lễ, Dịch; có cả Nhạc, nhưng ít khi được kể ra) và những lời chú giải của các bậc tiên Nho trong những sách ấy. Sĩ tử còn phải học thêm mấy bộ sử Tàu. Rồi phải luyện tập thành thạo các môn trường thi như kinh nghĩa, tứ lục, thi phú, văn sách, và những quy định trường thi (tức là trường quy: chẳng hạn như phải tránh phạm húy...). (4)

Học sinh gọi là khoá sinh. Nếu đã từng đi thi thì gọi là thí sinh hoặc thầy khoá.

Hàng năm, quan đốc học ở các tỉnh tổ chức sát hạch, học sinh qua được kì sát hạch cấp tỉnh mới được đi thi Hương.

Thể lệ thi cử phỏng theo nhà Lê. Thường cứ 3 năm triều đình mở thi Hương một lần tại các tỉnh lớn như Hà Nội, Nam Định, Thanh Hoá, Nghệ An, Thừa Thiên, Bình Định, Gia Định.

Thí sinh đỗ đầu kì thi Hương gọi là Giải nguyên. Đỗ Tứ Trường gọi là Cử nhân (ông Cử, Hương Cống). Đỗ Tam Trường gọi là Tú tài (ông Tú, thầy Tú, thầy Đồ, thời nhà Lê gọi là Sinh Đồ). Đậu Nhị Trường gọi là Nhị Trường. Chỉ đậu Nhất Trường kể như không có học vị.

Đời vua Thế Tổ Gia Long mới chỉ có thi Hương, nay mở thêm thi Hội (1822). Đỗ Cử nhân xong thì năm sau trả Kinh để thi Hội. Đôi khi có ngoại lệ: sĩ tử đậu Tú tài nhưng nổi tiếng giỏi giang cũng có thể được dự thi Hội.

Đậu cao kì thi Hội thì được vào sân vua thi Đình (Điện Thi). Ai đỗ thấp (vớt) chỉ được ghi tên vào bảng phụ, gọi là Phó Bảng (Quan Bảng).

Thời Nhà Nguyễn, đậu khoá thi Đình, tức Tiến sĩ, được xếp hạng như sau:

Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cập Đệ, Đệ Nhất Danh: Trạng Nguyên

Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cập Đệ, Đệ Nhị Danh: Bảng Nhãn

Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cập Đệ, Đệ Tam Danh: Thám Hoa

Đệ Nhị Giáp Tiến Sĩ Xuất Thân: Hoàng Giáp

Đệ Tam Giáp Đồng Tiến Sĩ Xuất Thân: Tiến Sĩ (Quan Nghè)

Nhà Nguyễn có lệ “Tứ bất lập” để tránh những kẻ có ý đồ khuynh loát quyền hành nhà vua. Đó là không lập hoàng hậu khi còn sống, không lập tể tướng, không lập thái tử, và không lập Trạng Nguyên trong kì thi Đình.

Coi như cái học nhà Nho chấm dứt vào thời vua Khải Định (1916-1925). Kì thi Hương cuối cùng tổ chức năm 1918 ở Nghệ An và Bình Định. Và kì thi Hội cuối cùng tổ chức năm 1919 tại Kinh đô Huế.

III. VÀI NHẬN XÉT

1. Về tổ chức

Nước ta bị Tàu đô hộ quá lâu, cho nên không tránh khỏi sự lệ thuộc văn hoá, trong đó có việc học. Ta đã phỏng theo việc học bên Tàu cả về hình thức, tức là tổ chức, cũng như về nội dung, tức là phẩm chất. Mãi tới cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20, việc học ở nước ta mới thay đổi theo tân học Tây phương.

Riêng về trường Quốc tử giám thành lập năm 1076, có một số tác giả cho đó là trường Đại học đầu tiên ở nước ta. Thiển nghĩ, đó chỉ là một trường “công lập” đầu tiên mà thôi, bởi vì nếu đồng ý với nhau rằng trường Đại học là nơi dạy các kiến thức bậc cao đẳng, thì Quốc tử giám năm 1076 chưa hẳn là một trường Đại học vì trường ấy đã thu nhận học sinh thuộc đủ mọi trình độ, từ sơ học trở lên tới cao đẳng. Ts. Nguyễn Thị Chân Quỳnh đã ghi nhận: *“Những sắc lệnh thời Lê, Nguyễn, cho thấy học trò quốc tử giám chia ra ba hạng: Hạ xá sinh cho những người sơ học còn chưa biết cách chấm câu, Trung xá sinh đã biết làm văn bài, có thể đi thi Hương, thi Hội và Thượng xá sinh dành cho những người có trình độ cao nhất, như Hương cống (tức Cử Nhân) hay Giám sinh chuẩn bị thi Hội”* (Nguyễn Thị Chân Quỳnh. Quốc Tử Giám. Vietsciences).

2. Về phẩm chất

Phải công nhận cái học nhà Nho đào tạo được một giai cấp trí thức biết trọng đạo lí, đạo làm người “nhơn giả, nhân dã”, biết bôn

phận với vua với nước, với cha mẹ, vợ con và tình nghĩa bạn bè làng xóm, nghĩa là cái đạo “tam cương ngũ thường”.

Tuy nhiên, ngoại trừ một số ít những vị khoa bảng xuất sắc, tài cao đức trọng, nói chung, cái học theo lối cử nghiệp nhà Nho chỉ cốt đào tạo nên những ông quan, không tạo ra được cho nước nhà tầng lớp trí thức thiên về sáng kiến, có óc thực dụng, sẵn sàng tiếp thu những cái hay, những cái mới mẻ từ các nền văn hoá khác với nền văn hoá Trung Hoa.

Chính vua Minh Mệnh, (1791-1840, lên ngôi năm 1820) đã phê phán: “*Lâu nay khoa cử làm cho người ta sai lầm. Trẫm nghĩ văn chương vốn không có quy củ nhất định, mà nay những văn cử nghiệp chỉ câu nệ cái hủ sáo, khoe khoang lẫn với nhau, biệt lập mỗi nhà một lối, nhân phẩm cao hay thấp do tự do, khoa trường lấy hay bỏ cũng do tự do. Học như thế thì trách nào mà nhân tài chẳng mỗi ngày một kém đi. Song tập tục đã quen rồi, khó đổi ngay được, về sau nên dần dần đổi lại*” (Trần Trọng Kim. Việt Nam Sử Lược. Trung Tâm Học Liệu, 1971. Bản điện tử do Nhóm Sách Việt. Trang 180. Motgoctroi.com).

Tiếc rằng Vua Minh Mệnh là nhà cầm quyền tối cao, khi nhận ra cái học cũ đã hỏng rồi mà không tự mình quyết tâm lãnh đạo cuộc canh tân giáo dục, lại đổ thừa cho “tập tục” và bán cái trách nhiệm hệ trọng ấy cho đời sau?

Một số nhà văn hoá đầu thế kỉ 20, tinh thông cả cựu học lẫn tân học, đã nhận xét ra sao về cái học thuở xưa ở nước ta?

Trong cuốn Việt Nam Văn Hoá Sử Cương, học giả Đào Duy Anh viết: “*Nhưng phần đông những nhà nho có tiếng ở đời ấy chỉ là những người giỏi từ chương, khéo dùng lời văn bóng bẩy mà lập lại những tư tưởng của Chu Trình chứ không có biệt sáng được điều gì cả. Có tiếng về lý học như Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585, đậu Trạng nguyên đời Mạc Đăng Doanh) mà cũng không có sở kiến gì đặc sắc về học thuật, chẳng qua cũng chỉ là một người đệ tử trung tín của Tống Nho thôi*” (Đào Duy Anh. Việt Nam Văn Hoá Sử Cương. NXB Bốn Phương. Trang 238).

Trong Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim còn phê phán lối khoa cử cũ nặng nề hơn nữa: “*Ấy là dùng hư văn mà xét tài thực*

dụng, đem sự hoa mỹ mà làm mực thước đo tài kinh luân. Bởi vậy ai hay kinh nghĩa đã nghĩ mình hơn người, ai tài thi phú đã tưởng mình đã giỏi nghề trị nước. Việc đòi thì tối tăm mờ mịt mà lại tự phụ và kiêu căng, cho thiên hạ như rom rác, coi mình như thần thánh” (Trần Trọng Kim. Sđd. Trang 200).

Mùa Thu 2010

Chú thích:

1. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư. Soạn giả Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1697. Dịch: Viện Khoa Học Xã Hội Hà Nội VN 1985-1992. NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1993. Ấn bản điện tử 2001. Quyển III. Trang 25.

2. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư. Sđd. Quyển V. Trang 44 và 45.

3. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư. Sđd. Quyển III. Trang 114. Thực ra vụ này vẫn còn là một nghi án.

4. Kinh Nghĩa: Kinh: nghĩa đen là sách. Sách đây là Tứ Thư và Ngũ Kinh. Kinh Nghĩa là một bài văn giải thích ý nghĩa một câu trích trong Tứ Thư và Ngũ Kinh.

Văn sách: Sách nghĩa là mưu hoạch. Văn sách là một bài văn làm để trả lời những câu hỏi của đầu bài để chứng tỏ kiến thức và mưu hoạch của mình. Văn sách là một thể văn không có vần, thường thì có đối, nhưng viết thành văn xuôi cũng được.

Chiếu, chế, biểu: Chiếu là lời của vua ban bố hiệu lệnh cho thần dân. Chế là lời của vua phong thưởng cho công thần. Biểu là bài văn của thần dân dâng lên vua, để chúc mừng (hạ biểu) hoặc tạ ơn (tạ biểu) hoặc bày tỏ điều gì. Chiếu, chế, biểu, làm theo lối tứ lục. Ban đầu, 3 lối ấy làm theo văn xuôi gọi là cổ thể. Từ đời Đường, mới làm theo lối tứ lục (cũng gọi là cận thể, nghĩa là gần đây). Tứ lục (bốn sáu) là một lối biến văn, mỗi câu thường chia làm hai đoạn: một đoạn 4 chữ, một đoạn 6 chữ. Ngoài ra, còn có tấu cũng có nghĩa như bài biểu tức là thể văn bày tỏ dâng lên vua; Hạ chỉ: tức là bản văn của vua ban xuống khi chỉ dụ cho quần thần hoặc dân.

PHỤ BẢN 2 - PHONG TRÀO VĂN THÂN

I. DẪN NHẬP

1. Có Phong trào sinh viên tranh đấu thời Nho học không?

Trong giảng khoá Văn chương Quốc âm về tác phẩm *Bích Câu Kỳ Ngộ* tại Văn khoa Đại học Sài Gòn những năm 1960, Gs. Nguyễn Khắc Hoạch khả kính đã gọi chàng Nho sinh Tú Uyên của phường Bích Câu là “sinh viên”. Theo chân vị giáo sư uyên bác và tài hoa năm xưa, trong bài này, chúng tôi cũng coi tầng lớp Nho sinh thuở xưa là các sinh viên theo cách gọi thời tân học.

Từ đó đặt ra câu hỏi: Thời Nho học gần hai ngàn năm thuở xưa ở nước ta, có cái gọi là phong trào sinh viên tranh đấu không?

Xin thưa ngay là CÓ!

Khởi đầu, đã phát hiện được một hình thức tranh đấu nhẹ nhàng của 2 vị tiên phong ưu tú nước Việt là Lí Cầm và Lí Tiến vào thế kỉ thứ 2, cuối thời Đông Hán. Song có lẽ vì cái đạo trung quân thời Nho học quá khắt khe, khiến cho suốt 17 thế kỉ tiếp theo, không còn thấy một cuộc đấu tranh nào xảy ra trong giới Nho sinh. Tuy nhiên, với cái nhìn thông thoáng, cũng ghi nhận được một số rất ít kẻ sĩ dám có hành động tranh đấu riêng lẻ cho một lí tưởng. Nổi bật là trường hợp các kẻ sĩ khoa bảng như Tiến sĩ Chu Văn An (1292-1370) với “Thất Trảm Sớ”, Trạng nguyên Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) với “Sớ Hạch Tội 18 Tên Lộng Thần” và Á khoa Cao Bá Quát (1809-1854) với cuộc nổi dậy ở Mĩ Lương.

Riêng lẻ thì không thể gọi là phong trào được.

Thế rồi vào giữa thế kỉ 19, đột nhiên đã nổ ra một phong trào tranh đấu đúng nghĩa và dữ dội chưa từng thấy của giới Nho sinh Việt Nam. Đó là Phong trào Văn Thân mà chúng tôi coi là một phong trào sinh viên tranh đấu đầu tiên, dữ dội nhất và đổ máu nhiều nhất, chẳng những ở nước ta mà còn trên toàn thế giới nữa.

2. Ý nghĩa, mục tiêu, cao trào

Phong trào Văn Thân là phong trào quần chúng đấu tranh do các Nho sĩ lãnh đạo.

Mục tiêu của Phong trào là “Bình Tây, Sát Tả” để cứu nước.

Phong trào Văn Thân kéo dài khoảng 22 năm với 3 đợt bùng nổ lớn.

Đợt đầu tiên khởi phát vào năm 1864 với cuộc bãi thi của sĩ tử kì thi Hương tại các trường thi Hà Nội, Nam Định, Nghệ An và cuộc tham gia binh biến của các sĩ tử tại Kinh thành Huế để phản đối triều đình nhà Nguyễn kí Hiệp ước năm Nhâm Tuất (1862), nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam phần cho Pháp.

Mười hai năm sau, do bất bình về việc triều đình nhà Nguyễn kí hàng ước Giáp Tuất 1874, Phong trào Văn Thân lại nổ ra dữ dội tại Nghệ, Tĩnh do ông Tú Trần Tấn và học trò của ông là ông Tú Đặng Như Mai lãnh đạo.

Đợt thứ ba xảy ra vào các năm 1885 và 1886. Sau khi vua Hàm Nghi ban Dụ Cần Vương, khai mở Phong trào Cần Vương khắp nơi, thì Phong trào Văn Thân nương theo chính nghĩa của Phong trào Cần Vương lại bùng phát dữ dội một lần nữa, trước khi lụi tàn.

3. Văn Thân là những ai

Văn có nghĩa là chữ, là người có học thức (Nho học). *Thân* là giải thất lưng bằng tơ của các viên chức xưa, bao gồm cả các thư lại, thân hào, và các viên chức về hưu. Theo nghĩa rộng, Văn Thân là tất cả những ai có Nho học, từ vua quan cho tới dân. Theo nghĩa hẹp dùng cho Phong trào Văn Thân ở nước ta vào khoảng giữa thế kỉ 19 thì Văn Thân là các *sĩ tử*, các *nhân sĩ* hay *thân sĩ*. Họ là dân sự, có Nho học. Họ là giới trung gian giữa quan quyền với dân. Chỉ có họ mới đọc và hiểu được các lệnh lạc, các niêm yết chốn công đường viết bằng chữ Nho và truyền dịch lại cho dân. Họ không là quan, nhưng có vị trí cao hơn dân và được dân kính trọng và nghe theo.

Sĩ tử là những khoá sinh theo đường cử nghiệp. Khoá sinh đã từng đi thi mà chưa đậu đạt gì thì gọi là *thí sinh* hay *thầy khoá*. Đậu Nhất Trường kể như chưa có tên gọi. Đậu Nhị Trường có thể gọi là Nhị Trường. Đậu Tam Trường mới được gọi là Tú tài. Dù đậu Tú tài, việc học vẫn còn dở dang, chưa được kể là đã xong nợ đèn sách, chưa đủ điều kiện để ra làm quan. Dân chúng gọi các thí sinh

đậu Tú tài là *ông Tú* hay *thầy đồ*. Các *ông Tú* này là thành phần lãnh đạo chính yếu của Phong trào Văn Thân.

Nhân sĩ hay *thân sĩ* là những vị khoa bảng không chịu ra làm quan hoặc đã làm quan nhưng từ giã quan trường.

4. So sánh với Phong trào Cần Vương

Khoảng giữa thế kỉ 19, thực dân Pháp bắt đầu dùng vũ lực đánh chiếm đất nước ta rồi thiết lập một hệ thống thuộc địa để cai trị và khai thác tài nguyên. Dân Việt Nam đã đứng lên chống lại quân Pháp xâm lược. Có thể gom các nỗ lực chống ngoại xâm ở nước ta trong giai đoạn này vào hai phong trào lớn: Phong trào Văn Thân và Phong trào Cần Vương.

Cần vương có nghĩa là giúp vua. Vua đây là vua Hàm Nghi.

Phong trào Cần Vương ra đời năm 1885, sau Phong trào Văn Thân khoảng 20 năm.

Đêm 04 rạng sáng 05-7-1885, Phụ chính Đại thần Tôn Thất Thuyết, thủ lĩnh phe chủ chiến trong triều đình, ra lệnh đồng loạt tấn công quân Pháp ở Trấn Bình Đài, Tòa Khâm sứ, và Đồn Mang Cá tại Huế. Cuộc tấn công thất bại, ông Thuyết đưa vua Hàm Nghi xuất thành, chạy về chiến khu Tân Sở ở Quảng Trị. Tại đây, ngày 13-7-1885, nhà vua ban Dụ Cần Vương. Do đó, trên danh nghĩa, vua Hàm Nghi là thủ lĩnh đầu tiên của Phong trào Cần Vương.

Hưởng ứng Dụ Cần Vương, hàng chục cuộc khởi nghĩa chống Pháp đã nổ ra ở miền Trung và miền Bắc.

Miền Bắc với Nguyễn Thiện Thuật ở Bãi Sậy (Hưng Yên 1885-1889, Đại Nam Thực Lục nói ông “nhận trát của quan nhà Thanh” để đánh Pháp), “Con Hùm Xám Yên Thế” Hoàng Hoa Thám (1892-1913)...

Miền Trung, nổi bật với Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh (1885-1895), Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Hà Văn Mao ở Thanh Hoá (1885-1886)...

Tại miền Nam, khi Dụ Cần Vương ban ra, thực dân Pháp đã kiểm soát chặt chẽ khắp miền Lục Tỉnh, cho nên ít có cuộc khởi nghĩa nào đáng kể nổ ra được.

Đêm 02-11-1888, do sự phản bội của Trương Quang Ngọc, vua

Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt và bị đày sang Algérie. Từ đó, Phong trào Cần Vương yếu dần.



Vua Hàm Nghi bị quân Pháp bắt tại Quảng Bình (Tranh vẽ. Nguồn: bellindochine)

Vua Hàm Nghi là linh hồn của Phong trào Cần Vương. Không còn vua Hàm Nghi, Phong trào mất ý nghĩa chính thống, nhưng Phong trào Cần Vương có chính nghĩa và “Bình Tây” nhiều mà “Sát Tà” ít, cho nên vẫn tiếp tục hoạt động được một thời gian. Phong trào Cần Vương chỉ chấm dứt ở miền Trung với cái chết của Phan Đình Phùng năm 1895, và ở miền Bắc với cái chết của Hoàng Hoa Thám năm 1913.

Sở dĩ Phong trào Cần Vương thất bại là vì các cuộc khởi nghĩa mang tính cục bộ và địa phương, chưa liên kết với nhau thành một lực lượng có hệ thống quy mô toàn quốc. Vũ khí, quân nhu, quân dụng của mỗi cuộc khởi nghĩa còn thô sơ, thiếu thốn, thua sút quá xa so với quân Pháp.

Chính trị đối nội thất bại: Lòng người li tán, loạn lạc khắp nơi; thêm vào đó, từ triều đình xuống tới hàng quan lại địa phương cũng như đa số các sĩ phu, đã thất sách trong việc đối xử tàn ác và giết hại những người theo đạo Gia Tô. Chính sách đối với các sắc dân thiểu số cũng sai lầm, khiến cho một số sắc dân thiểu số ngả theo Pháp và ngăn chặn con đường tiếp liệu vũ khí từ phương Bắc.

Chính sách đối ngoại cũng phạm sai lầm lớn vì hầu như chỉ biết cầu viện quân Tàu. Vào thời điểm đó, Tàu cũng hèn yếu, đã không cứu nổi mình thì còn cứu được ai. Hơn nữa, nước Tàu muôn đời nuôi mộng thôn tính nước ta, cho nên dù đang bị liệt cường xâu xé, họ vẫn không ngừng nuôi mộng bá quyền. Một bằng chứng rõ ràng là vào năm 1882, vừa khi thành Hà Nội thất thủ, triều đình Huế đã kêu cứu Bắc Kinh, họ liền đem quân vào chiếm lấy các tỉnh phía Bắc Sông Hồng của ta. (Xem Nguyễn Xuân Thọ. Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp Ở Việt Nam (1858-1897), 1995. Từ trang 272 đến 292).

II. TẠI SAO VĂN THÂN BÌNH TÂY SÁT TẢ

1. Vì dị ứng do khác biệt văn hoá

Nền văn hoá của người Việt hay là cách nghĩ và lối sống của người Việt đã thành nền nếp hàng ngàn năm, đột nhiên phải va chạm với một hệ tư tưởng và nếp sống xa lạ, tức đạo Gia Tô, do các giáo sĩ Tây phương mang tới.

Các nhà truyền giáo đã mang tới một đạo giáo mới lạ về giáo thuyết, kinh sách, cơ cấu tổ chức, nghi lễ phụng tự, nghi lễ phong tục (tang chế, cưới hỏi...), các thứ cấm kỵ.

Số tín hữu Gia Tô lúc đầu tuy còn ít ỏi, nhưng khi theo đạo mới, họ tuân giữ nghiêm ngặt các điều được dạy bảo. Họ từ bỏ một số phong tục, tập quán cũ; rồi dần dần trở thành những nhóm nhỏ, thành những làng đạo sống khép kín, tự cô lập giữa đa số đồng bào mình. Hậu quả là họ phải hứng chịu phản ứng nghi ngờ, đố kỵ của đa số đồng bào. Lễ đương nhiên, giới Văn Thân là thành phần phản kháng đầu tiên, bởi vì họ là những người hiểu biết và ý thức hơn trong xã hội.

2. Vì hận thù do các vụ việc liên quan tới tín ngưỡng

Đây là lí do đặc biệt nghiêm trọng. Có thể kể ra một số vụ việc như sau:

Một là, thái độ quá nhiệt tình “đi chinh phục các linh hồn” của các giáo sĩ đã làm cho người bản xứ cảm thấy như đang bị xâm

lãng, bị tấn công, bị “thực dân”.

Hai là, có sự dị biệt rất lớn giữa đôi bên trong quan niệm về tín ngưỡng thờ cúng ông bà, tổ tiên. Người theo đạo mới, chỉ giữ đạo hiểu theo tinh thần của Điều răn thứ 4 “Thảo kính cha mẹ” trong 10 Điều răn, mà không thờ cúng ông bà như một tín ngưỡng. Đối với lương dân, không thờ cúng ông bà là một tội không thể tha thứ và đáng gọi là loài “cầm thú”!

Ba là, trong sách vở cũng như kinh đọc do các giáo sĩ soạn ra cho giáo dân, có những chỗ kém hiểu biết và bất kính đối với các tín ngưỡng và tôn giáo vốn đã hiện diện từ lâu đời ở Việt Nam. Sự bất kính thấy rất rõ trong Chương “Ngày Thứ Bốn: Những Đạo Vạy” trong cuốn *Phép Giảng Tám Ngày* của Alexandre de Rhodes (Dunglac.org).

Thái độ bất kính này trái ngược hẳn với tinh thần Huấn thị của Bộ Truyền giáo Rôma. Thật vậy, chỉ sau đó 8 năm, năm 1659, khi cử 2 giám mục tiên khởi người Pháp tới Việt Nam, Bộ Truyền giáo đã ra Huấn thị rất rõ ràng cho các nhà truyền giáo là phải tôn trọng văn hoá địa phương. Huấn Thị viết:

“Các vị đừng có tìm cách, đừng có tìm lý lẽ để thuyết phục các dân tộc thay đổi nghi thức của họ, tập tục và phong hoá của họ, trừ ra những gì rõ ràng là trái ngược với tôn giáo và luân lý (...). Đừng đem đến cho các dân tộc ấy xír sớ của các vị, mà chỉ đem đến đức tin, một đức tin không từ chối cũng không làm thương tổn các nghi thức, các tập tục của bất cứ một dân tộc nào, miễn là tất cả đó không có gì là xấu (...). Đừng bao giờ đem so sánh tập tục của các dân tộc đó với tập tục của các nước Châu Âu. Trái lại, các vị hãy làm quen với những tập tục đó...” (Vương Đình Chử. Truyền giáo ở Viễn Đông. Từ chế độ bảo trợ sang chế độ đại diện tông toà. Trích Huấn thị của Bộ Truyền giáo gửi cho 2 vị giám mục tông toà tiên khởi. Tnttt.free.fr/archive/dinhchuvuong.html).

3. Do ảnh hưởng việc bách hại đạo Gia Tô của các vua chúa

Các vua chúa quan quyền, nhất là thời Minh Mệnh và Tự Đức, đã ra sắc tiễu trừ “tả đạo” (Gia Tô giáo) để bảo vệ “chính đạo” (Nho đạo). Các Văn Thân là đệ tử Nho gia, đương nhiên hầu như

tất cả đều ủng hộ việc cấm đạo. Văn Thân là dân giả, nhưng vì có học, họ trở thành gạch nối giữa chính quyền và dân. Dân quê rất tôn trọng các Văn Thân, cho nên khi Văn Thân nổi lên bách hại đạo Gia Tô, họ mau chóng lôi kéo được đông đảo dân quê theo họ, tạo thành một phong trào quần chúng rộng lớn.

4. Lí do ái quốc

Trong bài *Kể Sĩ*, Nguyễn Công Trứ đã minh định vị trí và nhiệm vụ của giới sĩ. Về vị trí: Sĩ đứng đầu trong 4 hạng dân (*“Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên”*). Về nhiệm vụ: Khi còn là thường dân, kẻ sĩ phải bàn bần bạc điều hơn lẽ phải để giáo dục dân (*“Phù thế giáo một vài câu thanh nghị”*). Đến khi hữu sự, phải vì chính đạo mà ngăn chống gian tà, bất chính; đẩy lui sóng dữ để che chở các dòng sông (*“Cầm chính đạo để tịch tà cự bí, Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên”*).

Ý thức như thế, cho nên khi thực dân Pháp thực sự mở những cuộc đánh chiếm nước ta thì Văn Thân là kẻ đầu tiên căm thù giặc Pháp. Khi phát hiện có vài giáo sĩ người Pháp và một số ít giáo dân dính líu tới thực dân Pháp, như giọt nước làm tràn li, Văn Thân trút hết oán thù lên các giáo sĩ và giáo dân, kết tội họ là nguồn gốc mọi tai họa cho đất nước. Họ yêu cầu nhà vua phải tiêu diệt tất cả các giáo sĩ và giáo dân trước, sau đó mới đánh đuổi giặc Pháp để khôi phục sự vẹn toàn chủ quyền cho đất nước. Và khi nhà vua không làm theo ý họ, lại kí những thoả ước nhượng bộ đất đai và cho phép tự do giảng đạo thì họ tự động tổ chức thành lực lượng dân chúng đông đảo, với chủ trương “Bình Tây Sát Tả”, kéo nhau đi chém giết, đốt phá các làng đạo.

5. Vì nào trạng nhất “Tàu nhì ta”

Nói chung, lòng tôn sùng Nho học và cách tuyển chọn nhân tài theo lối khoa cử từ chương thuở xưa đã tạo nên lớp sĩ phu sùng thượng nước Tàu, tự che mắt mình, khiến không còn đủ sáng suốt để tiếp nhận bất cứ cách nghĩ, cách làm nào khác người Tàu. Nước Tàu là nhất, là mẫu mực; ngoài ra là man di, mọi rợ và phải lên án, phải loại trừ.

Đó cũng là một trong những lí do khiến cho giới Văn Thân miệt thị Đạo Gia Tô là “tà đạo” và người Tây phương là “bach quý”, dẫn đưa tới chủ trương cực đoan và thất sách khi muốn thể hiện lòng ái quốc.

6. Vì sự mất địa vị lãnh đạo tinh thần và nghề nghiệp sinh sống

Đọc thơ Nôm của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Tú Xương... người ta hình dung ra được cảnh nghèo khổ thê thảm của các Nho sinh theo con đường cử nghiệp khi chưa đỗ đạt hoặc hoạn lộ không được hanh thông.

“Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch... Áo vải thô nặng trĩch, lạnh làm mên, nức làm gối, bốn mùa thay đổi bấy nhiêu ...” (Bài *Hàn Nho Phong Vị Phú* của Nguyễn Công Trứ, 1778-1858).

Song dù nghèo khổ đến đâu, giới Nho sĩ vẫn hãnh diện về vị trí hàng đầu mà xã hội vẫn dành cho họ: *“Trúc hữu ngũ, sĩ cư kì liệt. Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên”* (Bài *Kẻ Sĩ* của Nguyễn Công Trứ). Đồng thời các ông vẫn phải giữ trọn đạo “Cương Thường” với phong thái an nhiên, ung dung và ứng xử cho xứng là bậc mô phạm giữa xóm làng.

Trong cảnh túng thiếu ấy, các Nho sinh đành phải kiếm kế mưu sinh bằng cách “mài chữ” ra mà sống; tức là làm các nghề có liên quan tới chữ nghĩa, như làm thầy đồ dạy học, viết đối liễn hoặc làm thầy lang bốc thuốc, chữa bệnh. Nói chung, tuy không phải chân lấm tay bùn, nhưng nghề làm thầy đồ, thầy lang, thầy địa lí, thầy bói, thầy tướng, thầy số, thầy viết đối liễn..., cao lắm cũng chỉ đủ nuôi bản thân của thầy, mọi việc khác cùng chuyện gia đình con cái, thầy đặt hết lên vai bà thầy hay bà đồ: *“Quanh năm buôn bán ở mom song. Nuôi đủ đàn con với một chồng”* (Bài *Khen Vợ* của Tú Xương).

Nhưng tất cả đang bắt đầu thay đổi. Người Tây phương và các giáo sĩ truyền giáo đã đến nước ta mang theo nhiều cái mới: đạo mới, tư tưởng mới, nếp sống mới, và những cái mới khác nữa, như: khoa học, y học, vũ khí...

Những cái mới này, nhất là khi thực dân Pháp bắt đầu thiết lập guồng máy cai trị mới, bắt đầu làm lung lay toàn thể xã hội nước

ta vốn yên ả đã hàng ngàn năm, bao gồm cả vị trí và nghề nghiệp của giới Nho sĩ: “*Nào có ra gì cái chữ Nho. Ông nghề ông công cũng nằm co. Sao bằng đi học làm thầy phán. Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò*” (Bài *Cái Chữ Nho* của Tú Xương).

Vừa bị mất nôi com vừa bị sang đoạt vị trí danh giá, đã góp thêm vào các lí do khiến giới Nho sĩ Văn Thân thù ghét cả “Tây” lẫn “Tả”.

Những lí do trên đây là nguyên nhân chính yếu, đã từ từ nung nấu lòng hận thù trong giới Nho sĩ đối với đạo Gia Tô trong một thời gian lâu dài. Lòng thù hận ấy tích lũy thành một lò thuốc súng, chỉ cần có một mồi lửa là phát nổ. Đúng vậy, kể từ năm 1862, mỗi lần quân Pháp gây hấn là mỗi lần châm mồi lửa cho lò thuốc súng hận thù trong lòng giới Văn Thân phát nổ dữ dội.

III. HÀNH ĐỘNG CỦA VĂN THÂN

1. Phong trào Văn Thân từ năm 1864 tới 1874

a. Nguyên nhân gần: Hiệp Ước 1862

Năm Nhâm Tuất 1862, triều đình Huế kí hiệp ước nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ cho Pháp. Khoản đầu tiên trong 12 điều khoản của Hiệp ước 1862 nói “*Nước Nam phải để cho giáo sĩ nước Pháp và nước Ý Pha Nho được tự do giảng đạo và để dân gian được tự do theo đạo*” (Trần Trọng Kim. Việt Nam Sử Lược. Bản điện tử. Tr. 204).

Hiệp ước 1862 làm cho giới Văn Thân phẫn nộ. Họ cho là vua Tự Đức không còn xứng đáng làm vua trăm họ vì nhà vua đã hèn yếu với giặc và không tiếp tục tiêu diệt bọn giáo dân Gia Tô. Văn Thân kết tội Gia Tô giáo là nguyên cớ gây ra giặc ngoại xâm và giáo dân đã tiếp tay cho giặc Pháp. Vậy muốn đánh Pháp, phải diệt nội thù trước; nội thù là các giáo dân.

Và giới Văn Thân chỉ còn đợi dịp thuận lợi để biến căm thù thành hành động cụ thể.

b. Hành động của Văn Thân và sĩ tử tại các trường thi Hà Nội, Nam Định, Nghệ An năm 1864

Dịp thuận lợi đó chính là kì thi Hương năm Giáp Tý 1864 tổ

chức tại các trường thi Hà Nội, Nam Định, Nghệ An và Thừa Thiên. Đây là lúc các sĩ tử khắp nơi quy tụ về, rất dễ dàng cho những tay chủ chốt vận động và tổ chức. Thế là lần đầu tiên trong lịch sử, các sĩ tử đã nhất trí tham gia một cuộc biểu tình tranh đấu. Họ đồng lòng bãi thi, không chịu vào trường thi.

Vì thí sinh bãi thi cho nên ngày đầu kì thi tại các trường đã phải hoãn lại tới ngày hôm sau. Nhiều thí sinh bỏ hẳn kì thi.

Về việc này, sử gia Phạm Văn Sơn viết trong *Việt Sử Tân Biên* như sau: “*Một việc đã xảy ra và chưa từng có từ trước đến giờ là thái độ của các khoá sinh thi Hương ở các trường Thừa Thiên, Nghệ An, Hà Nội và Nam Định. Họ đã biểu tình để tỏ lòng bất mãn đối với Hoà ước 1862 mấy lần khiến triều đình phải dùng quân đội đến đàn áp mới yên. Ngay ở Kinh Thành nhiều quan lại và tôn thất cũng ra mặt phản kháng và muốn lật nhào ngai vàng của vua Dục Tông (Tự Đức) hầu mở một lối thoát cho thời cuộc nước nhà...*” (Phạm Văn Sơn. *Việt Sử Tân Biên*. Quyển 5, Tập thượng. Sài Gòn, 1965. Trang 153).

Cuộc biểu tình bãi thi của các sĩ tử năm 1864 nhằm mục đích chính trị và có tổ chức quy mô, cho nên có thể nói đây là cuộc sinh viên tranh đấu đúng nghĩa đầu tiên nổ ra ở nước ta.

c. Hành động của Văn Thân ở Kinh đô Huế năm 1864

Riêng tại Kinh đô Huế, tình hình kì thi Hương năm Giáp tí 1864 trở nên rất phức tạp và nghiêm trọng, bởi vì gần 4 ngàn sĩ tử (trường Thừa Thiên thi chung với trường Bình Định) chẳng những ra mặt phản kháng chính sách đối ngoại của vua và triều đình, họ còn bị lôi kéo tham dự vào một âm mưu chính trị lớn nhằm lật đổ nhà vua, sát hại đại thần và tiêu diệt các làng đạo.

Khởi đầu, một sĩ phu Bình Định tên là Nguyễn Văn Viên dâng sớ lên vua Tự Đức, nội dung có những điểm chính như sau: Đại thần Phan Thanh Giản và phái đoàn đã kí Hiệp ước 1862 với Pháp là điên rồ, ngu xuẩn và phản bội; đạo Gia Tô là nguyên cớ gây nên giặc ngoại xâm và là nguyên nhân của mọi đau khổ cho người dân trong nước.

Tác giả đề xuất: Muốn trừ hoạ cho dân cho nước thì phải giết

hết thừa sai và giáo dân. Để làm được việc này, thỉnh cầu nhà vua chấp thuận và cấp vũ khí cho các sĩ phu. Nếu nhà vua không chấp thuận, các sĩ tử sẽ bỏ trường thi vì bây giờ thơ phú không còn ích chi mà phải hành động!

Vua Tự Đức không chấp thuận thỉnh cầu của các sĩ phu. Vì thế, được sự ủng hộ của các sĩ tử và quan chức chủ chiến, nhóm sĩ phu cầm đầu đã tự đưa ra một kế hoạch hành động như sau: Trước hết, hành quyết ngay Đại thần Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành và các quan thuộc phe chủ hoà. Sau đó, đi diệt các làng đạo quanh Kinh thành và tại các tỉnh miền Trung cũng như miền Bắc. Cuối cùng là tấn công quân Pháp ở miền Nam để lấy lại 3 tỉnh đã mất. Họ đặt vua Tự Đức vào tình huống phải chọn, một là ủng hộ kế hoạch nói trên, hai là bị phế bỏ. Nếu nhà vua không ủng hộ họ, họ sẽ tôn người em chú bác của vua là Hồng Tập lên thay. Vì thế, còn gọi vụ này là Vụ Án Hồng Tập 1864.

Trước khi ra tay, Trương Văn Chất chiêu mộ các sĩ tử dự kì thi Hương năm Giáp Tý 1864 và cả những thành phần bất hảo để thành lập ra một lực lượng vũ trang, chia làm 4 đạo quân.

Chiến dịch khởi sự vào đêm ngày 02 tháng Bảy (03-8-1864). Đạo quân đầu tiên nhập thành tìm diệt Đại thần Phan Thanh Giản và các quan chủ hoà. Sau đó, bắn đại bác làm hiệu. Khi thấy hiệu lệnh, ba đạo quân khác sẽ tấn công các làng đạo Kim Luông, An Vân, An Truyền và An Hoà.

Không ngờ, vì sự canh gác trong thành quá nghiêm ngặt, đạo quân nhập thành không thể thực hiện nổi kế hoạch, đành phải rút lui. Do đó, 3 đạo quân bên ngoài không nghe thấy tiếng đại bác bắn báo hiệu từ trong thành, cho nên đã không dám tấn công các làng đạo.

Thế là toàn bộ kế hoạch bị bại lộ, nhóm chủ chốt bị bắt giao cho Tôn nhân phủ và đình thần xét xử. Riêng các sĩ tử thì được lệnh phải vào trường thi, nếu không có giấy phép, cấm không được tự tiện ra vào. (1)

Tổng kết tôn thất trong vụ âm mưu của Văn Thân ở Kinh thành Huế 1864, tuy các thừa sai và giáo dân chưa phải chịu thiệt hại về sinh mạng, nhưng đã bị vu cáo, bị tra xét và sách nhiễu gây nên sợ

hãi ở khắp nơi. Cuối cùng thì họ đã được nhà vua minh oan và công nhận là “*giữ đúng luật nước*” (Xem Ts. Đào Trung Hiệu. Giáo Hội Việt Nam Thời Cận Đại. Trích từ Patrick J.N.Tuck: Thờ sai Công Giáo Pháp 1857-1819, UBĐKCGVN 1989 trang 181-188/ French Catholic Missionaries and the Politics of Imperialism in Vietnam, 1857-1914. Liverpool Historical Studies, 1.1 Liverpool University Press, Liverpool).

d. Hành động của Văn Thân sau biến cố 1864

Biến cố 1864 đã qua, nhưng tham vọng của thực dân Pháp không dừng lại, cho nên giáo dân sẽ phải chịu nhiều đau khổ tới cùng.

Thật vậy, tháng 6-1867, Pháp chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, biến “Lục Tỉnh Nam Kỳ” thành thuộc địa của Pháp. Sự việc này lại khơi dậy căm thù trong lòng giới sĩ phu nhắm vào thực dân Pháp và các giáo dân.

Ngay năm sau, 1868, tại Quảng Nam và Nghệ An, các quan làm nơ cho Văn Thân truy nã và đốt phá các họ đạo.

Tại Ninh Bình và Nam Định, viện cớ đề phòng quân Pháp đánh ra Bắc, các Văn Thân lập ra một đội quân lưu động đặt dưới quyền chỉ huy của Phạm Văn Nghị, một vị quan hồi hưu, thường gọi là Hoàng Giáp Tam Đẳng vì ông là người xã Tam Đẳng và đậu Hoàng giáp Tiến sĩ. Hoàng giáp Phạm Văn Nghị có uy tín vì ông là thầy của nhiều ông Tú tài, Cử nhân và các quan lại. Ngày 14-1-1868, họ vu cho giáo dân tội phản nghịch và tội đánh độc lương dân, rồi đốt phá nhiều họ đạo, khiến cho hàng ngàn giáo dân phải chạy về nhà chung, tức trụ sở chung của giáo phận, để mong được giám mục che chở. (2)

Tình hình ở các vùng này quá căng thẳng khiến cho triều đình phải can thiệp. Và năm 1869, vua Tự Đức ra 2 sắc lệnh cho phép giáo dân trở về làng, cấm lương dân không được sách nhiễu họ.

2. Phong Trào Văn Thân năm 1874

a. Nguyên nhân gần: Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất

Súy phủ Sài Gòn là Đô đốc Dupré vốn nuôi mộng can thiệp vào miền Bắc nước ta bằng vũ lực, ông ta chỉ chờ cơ hội thuận tiện.

Và cơ hội đó đã tới. Đó là “Sự kiện Jean Dupuis”. Năm 1873, nhân việc tên lái buôn Jean Dupuis tự tiện đi lại buôn bán trên sông Hồng và có thái độ ngang ngược và thách thức, gây nên tình hình căng thẳng đến nỗi triều đình Huế phải yêu cầu Suý phủ Pháp ở Sài Gòn can thiệp. Lợi dụng cơ hội này, Thống đốc Dupré cử Hải quân Đại úy Francis Garnier đem quân ra Bắc.

Đang khi các quan chức phía Việt Nam nỗ lực điều đình để tìm ra một giải pháp khả thi thì F. Garnier cố tình gây hấn, rồi bất thành linh đánh chiếm thành Hà Nội ngày 20-11-1873.

Sau khi hạ thành Hà Nội, F. Garnier ra lệnh đánh chiếm Hưng Yên, Phủ Lý, Hải Dương, Ninh Bình và Nam Định.

Thấy nguy, triều đình Huế cử ngay một phái đoàn ra Hà Nội.

Hạ Thành Hà Nội lần này là tham vọng của Đô đốc Dupré, Suý phủ Sài Gòn, chứ không phải của chính phủ Pháp. Vì thế, Dupré sợ F. Garnier đi quá trớn, cho nên ông cũng cử Hải quân Đại úy Philastre cùng với đại diện triều đình Huế là Phó sứ Nguyễn Văn Tường, lúc đó đang ở Sài Gòn (Chánh sứ Lê Tuấn bị bệnh, không đi được) lên đường ra Huế để trấn an nhà vua và xin ký kết một hiệp ước hữu nghị.

Tại Huế, nghe tin Garnier đang có những hành động phiêu lưu, Philastre quyết định ra Hà Nội ngay. Nhưng vừa tới cửa sông Hồng (Cửa Cấm), Philastre đã nghe tin Francis Garnier bị quân Cờ Đen giết chết. Tin này làm cho Philastre nổi giận, nhưng Phó sứ Nguyễn Văn Tường đã khôn khéo thuyết phục được ông ta thuận cho lệnh rút quân ra khỏi các tỉnh đã chiếm và trả lại thành Hà Nội.

Năm sau, Việt – Pháp kí Hoà ước Giáp Tuất 1874, gồm 22 khoản. Có những khoản quan trọng như: Việt Nam nhượng đất 6 tỉnh miền Nam cho Pháp (V); Pháp nắm trọn việc ngoại giao (III). Cho tự do giảng đạo và tự do theo đạo (IX)...

Đó là lí do làm cho tức nước vỡ bờ. Văn Thân nhiều nơi ở miền Bắc liền ra tay, nhưng quy mô hơn cả là Phong trào Văn Thân Nghệ Tĩnh do thầy trò ông Tú Tân lãnh đạo.

b. Hành động của giới Văn Thân ở miền Bắc

Đầu năm 1874, vì biết quan Tổng đốc Nam Định dâng sớ về

Kính xin được giết hết giáo dân, nay thấy Philastre ấn định ngày rút hết quân Pháp về Nam, Gm. Puginier sợ Văn Thân trút hết con phần nộ lên các làng đạo, cho nên ông đã xin Philastre nán lại để bảo vệ cho các giáo dân. Philastre không chấp thuận, một mực thi hành lệnh rút quân.

Đã có sẵn ác cảm đối với tập thể giáo dân, nay thấy Gm. Puginier thỉnh cầu quân Pháp nán lại, các Văn Thân càng giận dữ. Cho nên hẳn thấy quân Pháp rút tới đâu, quân Văn Thân liền ra tay tàn sát, đốt phá các làng đạo tới đó. (3)

Riêng Giáo phận Đông Đàng Ngoài (vùng Hải Phòng, thường gọi là Địa Phận Dòng, tức Dòng Đa Minh, Manila) bị thiệt hại ít hơn, vì vị giám mục cai quản dứt khoát từ chối mọi dính líu tới chính sự và các hành động quân sự của Pháp. Ông đã khôn ngoan tuân thủ nghiêm ngặt Huấn thị năm 1659 của Tòa Thánh, cố gắng tránh dính líu vào chuyện chính trị bản xứ.

Thật vậy, ngay từ năm 1659, khi cử 2 vị giám mục tiên khởi người Pháp tới Việt Nam, Bộ Truyền Giáo đã ra Huấn Thị rõ ràng cho các vị như sau: *“Các vị hãy xa lánh những việc chính trị... Các vị đừng đảm nhiệm việc quản lý các phận vụ dân sự. Nếu người ta có năn nỉ xin các vị thì các vị hãy nhớ rằng đó là điều mà Thánh Bộ đã tuyệt đối và nghiêm khắc cấm, trong tương lai vẫn cấm”* (Vương Đình Chử. Truyền giáo ở Viễn Đông. Từ chế độ bảo trợ sang chế độ đại diện tong tòa. Trích Huấn thị của Bộ Truyền giáo gửi cho 2 vị giám mục tông tòa tiên khởi. tntt.free.fr/archive/dinhchuvuong.html).

c. Phong trào Văn Thân Nghệ Tĩnh 1874 do Trần Tấn lãnh đạo

Trần Tấn (1822?-1874): Người làng Chi Nê, nay là xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương. Ông Tấn đỗ Tú tài và được bổ làm Bang biện Thanh Chương nên thường gọi là Tú Tấn hoặc Cố Bang.

Năm 1873, Pháp chiếm Hà Nội và một số tỉnh miền Bắc, Tú Tấn cùng học trò là Đặng Như Mai, tức Tú Mai, đòi Tổng đốc Nghệ An là Tôn Thất Triệt họp các Văn Thân lại để bàn việc chống Pháp. Nhóm sĩ phu này bầu ông Tú Tấn và Tú Mai làm thủ lãnh. Họ bắt đầu chiêu mộ quân sĩ và chuẩn bị vũ khí, chờ thời cơ thuận

lợi để hành động.

Năm sau, triều đình Huế kí Hiệp ước Giáp Tuất 1874. Bản Hiệp ước này thực chất là một hàng ước cho nên đã làm cho giới sĩ phu hết sức phẫn nộ. Lập tức, ông Tú Tấn cùng Tú Mai, Đội Lựu (Trần Quang Cán), Trần Quang Hoán, Trương Quan Phủ, Tú Khanh (Nguyễn Huy Điền) bắt đầu hành động. Để kêu gọi dân chúng, các ông thảo ra hịch *Bình Tây Sát Tả* và *Bài Ca Kêu Gọi Khởi Nghĩa*.

Bài hịch *Bình Tây Sát Tả* kết án tín đồ Gia Tô nặng nề. Gs. Lê Hữu Mục dịch thuật và nhận xét: *"Chúng đầu độc chúng ta để biến nước ta thành một nước Thiên Chúa giáo; chúng xem các ông cha bà mẹ của giống nòi chúng ta như heo chó. Chúng làm nhục đạo đức Khổng giáo".* Cuối cùng, bài hịch được chấm dứt bằng những lời lẽ hùng hồn kêu gọi các nhân sĩ đứng lên hành động để tiêu diệt hết giáo dân và giáo sĩ, không trừ một ai, và như thế mới là anh hùng, thấy điều bất nghĩa phải chống trả kịch liệt. Có một điều mâu thuẫn đến hoạt kê là trong bài hịch được nhan đề là *Bình Tây Sát Tả*, nhưng suốt cả bài không thấy có một chữ động đến bọn thực dân xâm lăng; toàn bài đề cập đến một hành động duy nhất là mạ lỵ tàn bạo người Công giáo và hô hào tàn sát tiêu diệt họ. Căn cứ vào nội dung của bài hịch, tôi xoá bỏ chữ bình tây và tôi chỉ gọi bài văn này là *Hịch sát tả*". (Gs. Lê Hữu Mục. Cự Sáu Đối Diện Với Văn Thân. dunglac.info).

Bài Ca Kêu Gọi Khởi Nghĩa cũng sôi máu căm thù và sát máu: *"Vì thẳng tả, giận thẳng Tây. Tuốt gươm chém sạch trận này mới nghe"* (Câu 21, 22).

Các thủ lĩnh sát cánh với ông Tú Tấn, ngoài học trò Đặng Như Mai (Tú Mai), còn có các thân nhân của ông như em rể Đặng Quang Vinh (Tú Vinh), con là Trần Hường (có tác giả nói Hường là em của Tú Tấn), cháu họ Trần Dục và các "đồng chí" khác như Đậu Như Vành, Tổng Thức, Bang Bốn, Bùi Danh Thiềm, Bùi Danh Mậu, Nguyễn Sắc Toàn, Đinh Bạt Duật, Nho Năm, Đội Lựu (tức Trần Quang Cán), Tú Thiệu, Tú Khanh (tức Nguyễn Huy Điền), Tú Ngông (tức Đậu Bá Nghinh), Tú Bầm (tức Nguyễn Mậu Bầm), Tú Uyển (tức Nguyễn Duật), Tú Đức (tức Lê Mẫn Đức), Nho Đắc, Nho Phở, bà Tú Ý (tức Nguyễn Thị Quyên, vợ của Tú

Trần Văn Ý và là con gái út của Uy Viễn Tướng Công Nguyễn Công Trứ)...(4)

Chỉ trong mấy ngày, nhóm Trần Tấn lôi kéo được hàng ngàn nông dân và hàng ngàn dân miền núi Quảng Bình.

Sau khi làm lễ tế cờ ở Rú Đài, ông Tú Tấn đánh chiếm các huyện Anh Sơn, Thanh Chương, Nam Đàn, rồi tấn công thành Vinh (Nghệ An), nhưng không hạ nổi thành. Chỉ riêng trận đánh ở huyện Nam Đàn ngày 15-5-1874, quân Văn Thân đã bắt được 21 vị chỉ huy của quân triều đình. Do thua trận, quan Bô chánh Phạm Hy Lăng và quan Án sát Nguyễn Đơn bị triều đình phạt đánh roi trọng.

Đang khi đó, Tú Mai đánh các huyện Diễn Châu, Quỳnh Lưu, rồi Các huyện Hương Sơn, Đức Thọ.

Tính đến tháng 7-1874, quân Văn Thân làm chủ hết các phủ huyện Nghệ An, trừ ra thủ phủ là thành Vinh là chưa chiếm được. Trên đà thắng lợi, Văn Thân xua quân tấn chiếm tỉnh lỵ Hà Tĩnh, giết chết quan đầu tỉnh. Họ toan tính bắt tay với quân Văn Thân các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên...

Chủ trương “Bình Tây, Sát Tả”, nhưng cho đến giờ phút này, quân Văn Thân của ông Tú Tấn chưa hề đánh một thắng Tây nào, nhưng đã đánh quân của triều đình, đã chiếm các phủ huyện của triều đình, và nhất là đã ra tay tàn sát giáo dân cực kì dã man.

Khí thế tiến công vũ bão của quân Văn Thân làm cho cả triều đình lẫn thực dân Pháp lo ngại. Vua Tự Đức phải gửi 500 quân Cẩm vệ và nhiều đạo quân khác ra tăng cường cho Nghệ An. Triều đình cũng yêu cầu Hải quân Pháp trợ giúp.

Đến tháng 8-1874, trước lực lượng mạnh hơn hẳn của quân triều đình, thầy trò ông Tú Tấn phải rút về vùng rừng núi, phía Tây Nghệ Tĩnh. Chạy theo ông còn có các tay chỉ huy Văn Thân khác như: Đặng Như Mai, Trần Quang Cán, Nguyễn Vĩnh Khánh, Trương Quang Thủ, Nguyễn Huy Điền...

Tháng 9-1874, Tú Tấn lại phải chạy sang Cam Môn, nay thuộc tỉnh Khăm Muộn, Lào. Tại đây, ông ngã bệnh và qua đời. Con ông là Trần Hường lên nắm quyền chỉ huy, nhưng chỉ ít lâu sau, Hường bị tổng lí xã Hữu Bằng (nay là Sơn Bằng, huyện Hương Sơn) bắt

và nộp cho Pháp.

Riêng nhóm quân Văn Thân do Tú Mai chỉ huy lên chiếm phủ Quỳnh làm căn cứ, nhưng Tú Mai cũng bị nội gián bắt nộp cho triều đình. Trần Hương và Tú Mai bị xử chém bêu đầu tại thành Vinh (Nghệ An).

Phong trào Văn Thân do ông Tú Trần Tấn lãnh đạo tan rã vào cuối năm 1874.

d. Tồn thất của Giáo phận Vinh (Địa phận Nam Bắc Việt) do Phong trào Văn Thân Nghệ Tĩnh 1874

Theo tài liệu nhà đạo

Trong cuốn *Việt Nam Giáo Sử*, tác giả Phan Phát Huồn ghi nhận: “*Thật vậy, đã có 4.500 bổn đạo phải giết và 300 họ đạo phải phá huỷ. Bổn đạo phải hư hại hơn 6 triệu phật lảng*” (Phan Phát Huồn. *Việt Nam Giáo Sử*, Quyển I. Trang 521, 522).

Theo tài liệu bên ngoài nhà đạo

Cho tới tận ngày nay là thời Cộng sản, thế mà hậu duệ của Phong trào Văn Thân Nghệ An vẫn nhìn nhận trên Diễn Đàn Thanh Chương Nghệ An như sau: “*Với phong trào này, "bình Tây" đâu chưa thấy mà "sát tá" thì hăng hái quá. Có lẽ vì vậy mà ngày nay, để tránh xung đột của hai bên lương giáo mà người ta không đề cập đến (!?) phong trào (1874) này và trong sách giáo khoa về lịch sử cận đại không hề được đề cập*” (tcnao.net tức Thanh Chương Nghệ An Online).

Trong cuốn *Tục Ngữ Ca Dao Dân Ca Việt Nam* rất nổi tiếng của Vũ Ngọc Phan còn ghi lại một bài vè, kể rất rõ ràng về việc các Văn Thân Nghệ Tĩnh 1874 đã ra tay tàn sát giáo dân một cách tàn ác, bất kể già trẻ, đàn bà, con nít:

*Bước sang năm Tuất,
Văn Thân nổi lên,
Gông cùm đặt ra,
Chiêu cờ sát tá...
Là huyện Thanh Tiên...
Tú Trân nổi lên...
Gọi bằng Bang Cố...*

*Đội Dục, Thừa Tô...
Là tiền hậu quân...
Mông ba tháng bảy,
Xã Đoài, Thuần Ngãi,
Kéo ra chợ Sĩ,
Thanh Dạ, Thọ Kỳ.
Truyền tất cả dân,
Đâu là tả đạo,
Không kỳ già lão,
Con trẻ, đàn bà,
Lấy làm thảm thiết,
Kẻ thì trôi sông,
Máu chảy đầy đồng*

(Vũ Ngọc Phan. Tục Ngữ Ca Dao Dân Ca Việt Nam. NXB Văn Học, 2006. Trang 442).

Phong Trào Văn Thân tại Nghệ Tĩnh năm 1874 tan rã, nhưng trên phạm vi toàn quốc, Phong trào Văn Thân chưa tắt hẳn, vẫn còn âm ỉ khắp nơi và chờ cơ hội sẽ lại bùng phát.

3. Phong trào Văn Thân từ năm 1885 tới 1888

a. Nguyên nhân gần: Hoà ước Patenôtre, Dụ Cần Vương

Trong lúc dầu sôi lửa bỏng, triều đình Huế vụng về đi câu cứu Tàu. Nhân cơ hội Việt Nam cầu cứu, quân Tàu đã kéo sang chiếm giữ các tỉnh phía Bắc sông Hồng. Quân VN tưởng là có thể cậy thế quân Tàu nên bắt đầu tấn công quân Pháp, nhưng đánh đâu thua đó. Người Pháp tức giận về thái độ này nên đã đuổi lãnh sự Việt Nam ở Sài Gòn về Huế và chuẩn bị tăng cường quân lực đối phó với tình hình mới.

Tình hình đang rối mù như thế thì vua Tự Đức qua đời ngày 19-7-1883 (Quý Mùi).

Sau khi Vua Tự Đức qua đời, triều đình rơi vào hoạ “Tứ nguyệt tam vương” (tức là trong 4 tháng có tới 3 vua: Dục Đức làm vua 3 ngày, Hiệp Hoà 4 tháng, Kiến Phúc 6 tháng). Mọi việc đều do 2 viên Phụ chính Đại thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chuyên quyền, thao túng.

Lợi dụng tình thế bất ổn của Việt Nam, ngày 20-8-1883, Toàn quyền Harmand và Thiếu tướng Courbet tấn công cửa Thuận An, bắt triều đình kí Hoà ước Quý Mùi ngày 25-8-1883, còn gọi là Hoà ước Harmand, gồm 27 khoản. Theo đó, nhà Nguyễn phải chấp nhận quyền bảo hộ của Pháp ở nước ta. Sau đó, quân Pháp mở chiến dịch đánh đuổi quân Tàu ra khỏi các tỉnh phía Bắc sông Hồng, đưa tới Hoà ước Fournier kí kết giữa Tàu và Pháp tại Thiên Tân ngày 18-4-1884 (đây chỉ là hoà ước sơ bộ). Tàu công nhận Việt Nam là thuộc địa của Pháp.

Để củng cố sự độc quyền thống trị ở nước ta, chính phủ Pháp ra lệnh cho Patenôtre tới Huế để dàn dựng ra một hoà ước mới, sửa lại Hoà ước Harmand năm 1883. Đó là Hoà ước Giáp Thân, 06-6-1884. Đại diện nhà Nguyễn là các ông Phạm Thân Duật, Tôn Thất Phan, Nguyễn Văn Tường; phía Pháp là Jules Patenôtre. Hoà ước gồm 19 khoản, gần giống Hoà ước 1883. Kí xong, Patenôtre bắt nấu chảy ấn phong vương của hoàng đế Tàu, coi như từ nay Việt Nam không còn lệ thuộc gì vào nước Tàu nữa.

Cũng năm 1884, Hàm Nghi được đưa lên làm vua, nhưng chỉ có hư vị, người Pháp đã nắm mọi quyền hành ở nước ta.

Vì thái độ hống hách quá đáng của người Pháp, đêm 05-7-1885, Phụ chánh Đại thần Tôn Thất Thuyết ra lệnh tấn công toà khâm sứ và các cứ điểm của Pháp ở Huế, nhưng bị thất bại. Tôn Thất Thuyết vội đưa vua Hàm Nghi bôn tẩu ra chiến khu Tân Sở ở Quảng Trị. Từ chiến khu, ông nhân danh nhà vua ban Dụ Cần Vương. Hưởng ứng Dụ Cần Vương, một phong trào kháng Pháp mới nổ ra khắp nơi ở miền Bắc và miền Trung. Đó là Phong trào Cần Vương.

Nương theo khí thế của Phong trào Cần Vương, Phong trào Văn Thân lại bùng lên dữ dội.

b. Hành động của Văn Thân trước khi vua Hàm Nghi ban bố Dụ Cần Vương

Ngay khi kí xong Hoà ước Harmand 1883, quân Pháp bắt đầu đánh đuổi quân Tàu ở Bắc kì, thì số phận giáo dân lại bị đe dọa. Các địa phận ở phía Đông do các giáo sĩ Dòng Đa Minh cai quản

ít bị tổn thất hơn vì các giám mục và linh mục đã công khai dứt khoát không can dự vào chính sự và bạo lực. Đang khi đó, trong những vùng khác do các giáo sĩ Pháp phụ trách, giáo dân hứng chịu một cơn bách hại khủng khiếp. (5)

c. Hành động của Văn Thân từ khi có Dụ Cần Vương 1885

Ngày 13-7-1885, Dụ Cần Vương ban ra. Núp dưới chính nghĩa Cần Vương, các sĩ phu hăm hở dấy lên Phong trào Văn Thân cực kì dữ dội, khiến cho trong 2 năm 1885 và 1886, giáo dân từ Thanh Hoá vào tới Phú Yên phải chịu cảnh máu chảy đầu rơi, nhà tan cửa nát thảm khốc chưa từng có trong lịch sử. Chỉ nơi nào liệu chết chống trả tự vệ thì may ra thoát nạn hoặc ít bị tổn hại, chẳng hạn như Phúc Nhạc (Ninh Bình), Bảo Nham và Xuân Kiều (Vinh), Trung Nghĩa (Hà Tĩnh), Hướng Phương (Quảng Bình), An Ninh và Di Loan (Quảng Trị), Trà Kiệu (Quảng Nam). Không may, đa số lại là những nơi không kịp hoặc không có khả năng tổ chức chiến đấu tự vệ thì bị quân Văn Thân tàn sát dã man, bắt kẻ nam phụ lão ấu. (6)

Một tác giả có quan điểm thù ghét đạo Gia Tô là Nguyễn Xuân Thọ cũng xác nhận việc Văn Thân tiếp tục tàn sát giáo dân trong thời kì sau dụ Cần Vương: *“Cuộc khởi nghĩa “Văn Thân” ngày càng mở rộng quy mô, việc khủng bố người công giáo tiếp tục.”* (Nguyễn Xuân Thọ. Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam 1858-1897. Trang 404).

d. Chứng từ

Chứng từ 1: Theo *“Các Báo Cáo Thường Niên của Các Vị Giám Mục Giáo Phận Huế gửi Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris từ 1872 -1940”* thì năm cao điểm 1885, giáo dân ở 2 tỉnh Thừa Thiên và Quảng Bình chịu ít đau khổ hơn giáo dân ở tỉnh Quảng Trị. Tại Quảng Trị, tất cả các họ đạo đều bị tiêu diệt. Giáo dân bị giết bằng nhiều cách: thiêu sống, chặt tay chân, đâm chém, chết đói, thiêu sống... Theo các báo cáo thì tổng số giáo dân Quảng Trị bị tàn sát là 8.585: Giáo hạt Đất Đỏ: 1.666 người, Bái Trờì: 2.013, Dinh Cát: 4.642, Thanh Hương: 264.

Tất cả các nhà thờ, viện cô nhi, các trường học đều đã bị cướp

phá và thiêu rụi. (*Các Báo Cáo Thường Niên của Các Vị Giám Mục Giáo Phận Huế gửi Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris từ 1872 -1940*. Lê Thiện Sĩ sưu tập. Lm. Stanislaô Nguyễn Đức Vệ. tonggiaophanhue.net).

Chứng từ 2: Trong bài kí của hậu duệ Xứ Trà Câu, một họ đạo nằm ở phía Nam Tỉnh Quảng Ngãi, tác giả kể về tai hoạ mà tổ tiên của ông đã phải gánh chịu thời Văn Thân như sau: “...*Theo sử liệu và chuyện kể của cha ông, xứ đạo Trà Câu nguyên thuỷ hình thành trước thời Văn Thân và cũng đã phải chịu cơn bách hại khủng khiếp của phong trào Sát Tả này. Tại vùng đất Trà Câu cũ, ngày xưa vẫn lưu dấu hai mộ tử đạo: một mộ dài như một đường hào và một mộ tròn như cái giếng. Một số đồng tín hữu Trà Câu đã bị chôn sống dưới cái hào dài và cái giếng sâu này. Trong khi một số đồng khác bị lừa xuống sông Thoá gần "Bến Đò Móc" (bến sông ngăn đôi hai xã Phổ Văn và Phổ Quang thuộc huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi), đến một vực sâu gọi là vực Ô Rô. Tại nơi đây, giáo dân bị cột trong các giỏ chiên (như giỏ nhốt gà) kết với các hòn đá nặng và bị xô xuống đoạn sông sâu này cho chết chìm. Chính do biến cố này mà dân cư tại đây cho đến bây giờ vẫn gọi đoạn sông này là 'Vực Đạo'". (Lm. Giuse Trương Đình Hiền. Cảm nhận ngày Bốn Mạng cộng đoàn Trà Câu, sau 47 năm con về giỗ Mẹ. vietcatholic.net ngày 8/21/2012).*

IV. MỘT SỐ NHẬN XÉT

1. Nếu coi các sĩ tử thời Nho học giống như là các sinh viên đang theo học bậc cao đẳng thời đại ngày nay, thì có thể nói, Phong trào Văn Thân ở nước ta vào nửa sau thế kỉ 19 là phong trào sinh viên tranh đấu chính trị đúng nghĩa đầu tiên ở nước ta và so với các phong trào sinh viên tranh đấu trên toàn thế giới thì đây cũng là phong trào sớm sủa nhất, kéo dài nhất, bạo lực nhất và cũng gây nên chết chóc nhiều nhất cho đồng bào vô tội.

2. Vua quan cũng như các Văn Thân và nhiều vị thủ lĩnh Cần Vương đều thuộc giới Nho học. Hiểu theo nghĩa rộng, họ là các Văn Thân và đương nhiên họ đều thù ghét quân Pháp và đạo Gia Tô. Tuy nhiên, vì ở thế chính quyền, vua và các quan phải tự chế

hành động trong khuôn khổ luật pháp, nhất là phải tuân thủ những hiệp ước đã kí với Pháp. Các Văn Thân là dân giả; họ không vương mắc “vòng cương toả”, không có địa vị và quyền lợi phải giữ gìn. Vì thế mỗi khi thấy nhà vua kí một nhượng ước với Pháp, họ liền tỏ ra bất bình, không còn kính trọng, tin tưởng và tuân lệnh nhà vua nữa. Họ không đếm xỉa tới những gì triều đình kí với Pháp. Và vì chưa đủ khả năng đánh Pháp thì họ trút hết căm thù lên giáo dân.

3. Chính những hành động tàn sát dã man của Văn Thân đã đẩy giáo dân chạy về phía kẻ có thể cứu mạng họ.

4. Vì quá thù hận khiến cho các ông Văn Thân vừa mắt sáng suốt vừa độc ác hơn cả người Cộng sản. Người Cộng sản ra tay không hề khoan nhượng, nhưng thường khi họ còn biết phân biệt ai mới là thành phần nguy hiểm cần tiêu diệt. Gs. Trần Văn Giàu, một đảng viên Cộng sản kì cựu, đã nhận định về Phong trào Văn Thân Nghệ Tĩnh năm 1874 như sau: *"Không thể chối cãi rằng phong trào 1874 ở Nghệ Tĩnh là phong trào yêu nước, do Văn-thân yêu nước khởi xướng. Nhưng cũng không thể chối cãi rằng các nhà Văn-thân yêu nước đã làm những điều rất sai chính trị khi họ xem việc 'sát Tả' là điều kiện thứ nhất của việc 'bình Tây', không biết phân biệt giáo dân bình thường và những giáo sĩ làm tay sai cho giặc Pháp. Họ vơ đũa cả nắm, và vô tình họ đẩy tất cả những người đạo đồ Thiên Chúa qua một bên, bên giặc Pháp. Họ đặt nhiệm vụ 'gìn giữ văn minh Nho giáo' cho cuộc vận động, như thế là bó hẹp quá, là hạn chế quá cái ý nghĩa của cuộc vận động, ý nghĩa đó là cứu nước Việt-nam, chứ nào chỉ bảo vệ riêng một đạo nào, bất kỳ Nho giáo, hay Phật giáo, hay Lão giáo. 'Bình Tây' thì chắc mọi người dân đồng ý, còn 'sát Tả' thì vị tất người dân thường đã nhất trí bằng lòng; các nhà Văn-thân khởi nghĩa vô hình trung đã tự cô lập mình, càng dễ bị triều đình đánh dẹp."* (Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt-nam, tập I, Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 369. Dẫn bởi Gs. Lê Hữu Mục trong bài “Cụ Sáu Đối Diện Với Văn Thân”. dunglac.info).

5. Đến khoảng giữa thế kỉ 19 rồi mà giới Văn Thân nước ta vẫn không giao thiệp với thế giới và chỉ biết một thứ tương quan “quốc

tế” theo chiều dọc: trên ta là “thiên triều”, tức là nước Tàu, dưới ta là các “em út” Miên, Lào. Các Văn Thân mù tịt về mỗi bang giao quốc tế theo chiều ngang, các quốc gia coi nhau ngang hàng, được quy định trong Công ước bang giao quốc tế mà các nước Tây Phương đã kí với nhau tại Vienna năm 1815 và tại Aix-la-Chapelle năm 1818. Cho nên khi người Pháp đã kí với triều đình nhà Nguyễn những hoà ước mà thấy giới Văn Thân bắt xét các điều khoản đã kí, lại kéo nhau đi tàn sát các làng đạo, nhất là giết hại các giáo sĩ Pháp là công dân của họ, rồi lại thấy triều đình kêu gọi quân Tàu và các loại giặc khách Cờ Vàng, Cờ Trắng, Cờ Đen vào để chống lại quân Pháp, khiến họ có thêm lí do cho những hành động quân sự. Về điểm này, Gs. Tôn Thất Thiện nhận xét: *“Có thể nói rằng lúc đất nước đang phải đối đầu với một loạt vấn đề mới thì cả nước như con cóc ngồi dưới đáy giếng khuôn mẫu Khổng giáo Trung Hoa”* (Tôn Thất Thiện. Các Vua Nhà Nguyễn, Giới Văn Thân Và Sự Bại Vong Của Việt Nam. Dunglac.info).

6. Câu hỏi chính yếu thường được nêu lên và cũng là câu hỏi gây tranh luận gay gắt, đó là: Nước mất tại ai? Giới Văn Thân thế kỉ 19 và các ông Văn Thân thời hiện đại cho rằng hễ đã là tín đồ Thiên Chúa giáo thì không có cái gì tốt cả; đã không có cái gì tốt mà lại có rất nhiều tội, nhất là tội phản quốc, cho nên đáng phải bị loại trừ hoặc là phải bị giết chết hết.

Đang khi đó, Gs. Yoshiharu Tsuboi, cũng lấy Tiên sĩ tại Pháp, lại có ý kiến khác. Theo ông, có tới 4 nhóm người phải chịu trách nhiệm trong việc Pháp đánh chiếm Việt Nam: Một là triều đình Paris; hai là các viên chức ngoại giao và quân sự Pháp hoạt động ở Việt Nam, nhất là các sĩ quan Hải quân nuôi mộng làm thống đốc, toàn quyền...; ba là các giáo sĩ muốn truyền đạo; bốn là các thương nhân phiêu lưu muốn lợi nhuận. Theo các tài liệu lịch sử, nhóm người thứ hai - các viên chức ngoại giao và quân sự Pháp - là nhóm thủ phạm chính (Xem Yoshiharu Tsuboi, *l'Empire Vietnamien face à la France et à la Chine 1847-1885*, Paris (bản dịch tiếng Việt: *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885*, Hội Sử Học Việt Nam, Hà Nội 1992).

Câu trả lời của Gs. Y. Tsuboi đầy đủ hơn. Lịch sử cho thấy:

những nước lớn và đông dân hơn Việt Nam nhiều cũng đã không thoát khỏi nạn thực dân Âu Châu. Nước Tàu bị “liệt cường xâm xé”. Ấn Độ bị Anh cai trị (có câu: “Mặt trời không bao giờ lặn trên Đế Quốc Anh”). Indonesia bị khống chế bởi nước Hoà Lan bé xiu... Trường hợp những nước này, chắc chắn không cần có các giáo sĩ Pháp tiếp tay mà bọn thực dân vẫn áp đặt được quyền thống trị. Đang khi đó, Thái Lan tuy nhỏ và yếu, nhưng vì đã khôn khéo mở cửa cho tất cả mọi nước vào làm ăn buôn bán, cho nên tránh được hoạ mất nước; còn Nhật Bản thì Minh Trị Thiên Hoàng sáng suốt và cương quyết nghe theo đề nghị của những nhà ái quốc tân học, vội vàng canh tân xứ sở. Nhờ thế mà Nhật Bản không bị xâm lăng, ngược lại còn trở nên hùng mạnh mau chóng, đến nỗi họ có khả năng đánh bại Hạm đội Bắc Hải của Nga Hoàng tại Eo Đồi Mã năm 1905.

Mất nước là tại người Pháp, nhưng mà cũng tại ta. Phía Việt Nam, có thể kể ra 4 nhóm thủ phạm chính: Một là các vua; hai là các quan lớn triều đình và giới quan lại địa phương; ba là giới Văn Thân và bốn là các thân hào làng xã. Nhóm thứ hai nắm rất nhiều quyền hành và họ là cản trở lớn nhất trong các nỗ lực canh tân đất nước, dẫn tới tình trạng suy yếu, khiến không đủ lực để bảo vệ được đất nước trước tham vọng của thực dân Pháp. Nhóm thứ ba là các Văn Thân; họ phủ nhận quyền lãnh đạo của nhà vua, tự ý thành lập lực lượng vũ trang đi chém giết, đốt phá các làng đạo, nhất là việc sát hại các giáo sĩ Tây Phương khiến cho quân Pháp lấy cớ bên ta vi phạm hiệp ước để can thiệp quân sự và khi thấy có thể thắng lợi quá dễ dàng, họ lấn tới luôn.

Tóm lại, vào các thế kỉ 18, 19, trước cao trào các nước Âu châu đi chiếm thuộc địa, do họ có nền kĩ nghệ, thương mại, quân sự... tân tiến vượt bậc, thì những nước, dù to và đông dân, mà cứ tiếp tục duy trì hệ thống cai trị mục nát, triều đình tối tăm, hủ lậu và sợ mất địa vị, quan lại tham ô, xã hội loạn lạc và dân tình đói khổ thì không mất nước mới là lạ. Thực dân đế quốc thời đại nào cũng biết cách tìm ra lí do để xâm lăng, để thoả mãn tham vọng của chúng. Lịch sử là một sự lặp lại. Ngày nay, Cộng sản Hà Nội cũng đang đưa nước ta lâm vào tình cảnh bi đát giống như tình

cảnh nước ta hồi giữa thế kỉ 19.

Các ông Văn Thân cũ cũng như mới cứ phóng đại quá đáng trách nhiệm làm mất nước của những cuộc vận động, những bức thư viết bởi một số rất ít giáo sĩ Pháp có óc thực dân như: Huc, Chamison, Libois, Gm. Pellerin, Gm. Puginier... Mặc dù, phải nhìn nhận rằng: hành động dính líu tới thực dân của mấy ông giáo sĩ Pháp ấy vừa trái với Huấn thị của Bộ Truyền giáo, vừa để lại tiếng xấu cho Giáo hội Công giáo Việt Nam. Nhưng thực ra, những thứ đó chẳng là gì so với tham vọng và quyền lợi vật chất của thực dân Pháp. Khi người Pháp muốn thì họ đánh chiếm. Lí do tôn giáo chỉ là cái cớ mà phía Việt Nam đã vụng về tạo ra cho họ. Không có cớ này thì họ cũng kiếm ra cớ khác. Khi cần thì họ sử dụng lí do tôn giáo. Xong việc rồi thì các viên chức cũng như các tướng tá Pháp không ngần ngại nói xấu các giáo sĩ và giáo dân.

Căn cứ vào cuốn *L'expansion coloniale de la France, étude économique, politique et géographie sur les établissements français d'outre-mer* (Paris 1886), Gs. Nguyễn Văn Trung viết: “Còn về tôn giáo, ông (Lanessan) đã cho chúng ta thấy rõ ý định của người Pháp trong chính sách ưu đãi Đạo Thiên Chúa giáo không phải vì mục đích tôn giáo nhưng vì mục đích chính trị. Nhưng không phải vì chống chính sách ưu đãi Thiên chúa giáo mà ông gạt bỏ mọi ý định lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị. Vấn đề là lợi dụng làm sao mà không hại đến chính trị, và cũng không xét có hại cho đạo hay không”. Trong chú thích, Gs. Trung nói rõ thêm: “Tìm hiểu chính sách lợi dụng tôn giáo của người Pháp, chúng có là tại sao người Pháp và nước Pháp thời đi thực dân là một nước chống Thiên Chúa giáo, bài bác giáo sĩ (antiréligieux, anticlérical) trực xuất hàng ngàn tu sĩ, nhưng khi sang Việt Nam thì lại rất là ưu đãi Công giáo, và cử cả một hạm đội đến để bênh vực một thừa sai bị bạc đãi” (Nguyễn Văn Trung. Chủ Nghĩa Thực Dân Pháp Ở Việt Nam Thực Chất Và Huyền Thoại. Nam Sơn, Sài Gòn. 1963. Trang 119).

7. Các ông Văn Thân thế kỉ 19 cũng như các ông Văn Thân thời hiện đại vì quá hận thù người theo đạo Gia Tô cho nên không bình tĩnh và không công bằng trong xét xử. Chẳng hạn như các ông

tổ cáo giáo dân tiếp tay cho Pháp, đi lính cho Tây mà không thấy tỉ lệ giáo dân đi lính cho Tây hay làm “công chức” cho Tây, từ thế kỉ 19 cho tới thời Đế Nhất Cộng Hoà, không bao giờ vượt trội so với tỉ lệ người bên lương, hay Phật tử. Hãy lấy một thí dụ: Trong cuốn *Việt Nam Giáo Sử*. Quyển 1, trang 519 và 520, tác giả Phan Phát Huồn đã dẫn sách *Vie de Mgr Puginier* (P. 225) nói rằng, sau khi hạ thành Hà Nội ngày 20-11-1873, F. Garnier “*đi mộ ở các tỉnh được 14.000 thân binh trong số đó có 2.000 Công giáo...*”. Tỉ lệ là 1/7. Cứ 1 giáo dân đi lính cho Tây thì 6 người lính khác là ai, theo đạo gì?

8. Sử sách xưa nay thường cho là giới Văn Thân yêu nước còn vua Tự Đức và triều đình thì hèn yếu vì đã lần lượt kí những hoà ước nhục nhã, nhượng bộ kẻ thù.

Phải công nhận giới Văn Thân có lòng ái quốc, thấy nước nhà bị quân Pháp xâm lăng, họ đã đứng lên chống lại kẻ thù. Tuy nhiên, trước kẻ địch có khả năng hơn hẳn về vũ khí tân tiến, giới Văn Thân chỉ có nhiệt tình mà không có sự hiểu biết và đánh giá đúng đắn về tình hình thế giới, về đất nước và về thực lực của mình. Đang khi đó, lại phạm phải sai lầm nghiêm trọng là thay vì tìm kế sách đoàn kết toàn dân thì giới Văn Thân lại phát động tấn công các làng đạo và sát hại một cách tàn ác thường dân vô tội theo đạo Gia Tô, bất kể già trẻ lớn bé. Tuy lấy khẩu hiệu “Bình Tây Sát Tả”, Văn Thân đã không đánh được thằng Tây nào, nhưng “Sát Tả” thì hết sức dữ dội. Đó là một sai lầm tai hại đưa tới máu và nước mắt cho một thành phần dân tộc, làm phân hoá và suy giảm nội lực quốc gia trước nguy cơ xâm lược của thực dân Pháp. Văn Thân yêu nước nhưng hành động không sáng suốt như thế, chẳng những không cứu được nước, mà còn góp một phần làm cho mau mất nước vào tay kẻ thù. Ông “Vua cách mạng” Lênin nói: Nhiệt tình cách mạng + ngu dốt = phá hoại.

Quan đại thần và cũng là nhà ngoại giao chuyên nghiệp hàng đầu Phan Thanh Giản đã phải than thở:

*Từ ngày đi sứ tới Tây kinh,
Thấy việc Âu châu phải giết mình.
Kêu tình đồng bào mau kịp bước,*

Hết lời nảm nỉ chẳng ai tin!

Thời đó, đâu phải chỉ có một mình cụ Phan Thanh Giản chủ trương canh tân mà còn khá nhiều những nhà tân học khác nữa, như các ông Nguyễn Trường Tộ, Bùi Viện, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Lộ Trạch, Đinh Văn Điền..., hoặc các linh mục như: Đặng Đức Tuấn, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Ngọc Tuyên, Nguyễn Hữu Thơ, Đoàn Trinh Hoan, Trần Ngọc Vịnh, Lê Văn Huân...(Xem Nghiêm Đức Thảo và Hoàng Đình Hiếu. Những Chiến Sĩ Cần Vương Cô Đơn. dunglac.info)

Thế cho nên sử gia Trần Trọng Kim đã gọi vụ nổi dậy năm 1874 của thầy trò Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ An là “Văn Thân Nổi Loạn ở Nghệ Tĩnh” và phê bình như sau: “*Nước ta mà không chịu khai hoá ra như các nước khác là cũng bởi bọn sĩ phu cứ giữ thói cũ, không chịu theo thời thế mà thay đổi. Nay sự suy nhược của mình đã sờ sờ ra đấy, thế mà không chịu mở mắt ra mà nhìn, lại vì sự tức giận một lúc mà làm việc nông nổi càn rỡ, để cho thiệt hại thêm, như thế thì cái tội trạng của bọn sĩ phu đối với nước nhà chẳng to lắm ru*” (Trần Trọng Kim. Việt Nam Sử Lược. Sđd. Bản điện tử. Trang 215. Motgoctroi.com).

9. Có một số tác giả tiếc xót vì Phong trào Văn Thân đã không thành công. Theo các tác giả này, nếu Phong trào Văn Thân thành công thì vận nước đã đổi thay theo chiều hướng cách mạng tiến bộ. Chúng tôi không tán đồng quan điểm này. Bởi vì, như trên đã chứng minh, Văn Thân tuy có lòng ái quốc, nhưng ái quốc một cách mù quáng, thiên cận. Đối nội thì không khôn ngoan đoàn kết mọi tầng lớp. Đối ngoại thì không mở lòng để chấp nhận học hỏi những tiến bộ khoa học kỹ thuật của Tây phương, nhất là chưa đủ khả năng để tiếp thu những tư tưởng tự do dân chủ Tây phương. Giả như Phong trào Văn Thân thành công thì họ vẫn đi theo con đường quân chủ chuyên chế và vẫn thần phục nước Tàu, nhất là về mặt tư tưởng, văn hoá. Tuyệt nhiên không hề thấy giới Văn Thân thế kỉ 19 tỏ ra dấu hiệu tiến bộ, hay là muốn đi theo tân học gì cả.

10. Ngày nay, sang thế kỉ 21 rồi, thế mà ngòi bút của các ông Văn Thân thời đại vẫn tiếp tục gùn ngụt ngọn lửa căm thù và giả điếc làm ngơ trước những ý kiến xây dựng của những nhà nghiên

cứu chuyên nghiệp. Một trong những ý kiến đó là ý kiến của sử gia Trần Gia Phụng (không phải là tín đồ Thiên Chúa giáo) sau đây: “*Tuy nhiên cần phải chú ý là không phải toàn thể giáo sĩ, hay toàn thể tín đồ Thiên Chúa giáo người Việt, đều hợp tác với Pháp. Cũng cần phải chú ý thêm rằng trong hàng ngũ những người hợp tác với Pháp, không phải hoàn toàn chỉ là những người theo đạo Thiên Chúa... Cần phải chú ý tới tất cả các khía cạnh trên, để nhấn mạnh đến một điều là những người hợp tác với Pháp, hay những người phản bội quốc gia dân tộc, hoàn toàn là những hành vi cá nhân của người đó, chứ không phải vì người đó theo một tôn giáo nào. Người Việt Nam cần tách bạch điều này để tránh bị lợi dụng, kích động, rồi đi đến chia rẽ, phân hoá, chỉ có lợi cho những thế lực phi quốc gia dân tộc*”. (Trần Gia Phụng. Bước Đầu Truyền Giáo Tại Việt Nam. Tuyển tập Gia đình Thánh Tự 1957 – 2007. Trang 131-133).

11. Sau hết, Phong trào Văn Thân chỉ lo sát hại người theo đạo Gia Tô một cách bừa bãi và tàn ác, cho nên đã làm mất uy tín của Phong trào Cần Vương rất nhiều. Vì thế, không bao lâu sau, Phong trào Văn Thân đã bị Phong trào Cần Vương loại ra khỏi công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của toàn dân.

Tháng 6-2013

Chú thích:

1. Tham khảo Phạm Văn Sơn. *Sử*, trang 150, 154, 155. *Coi thêm: Phan Phát Huôn. Việt Nam Giáo Sử. Quyển 1. In lần 2. Trang 508 và Mark W. McLeod. Triều đình Huế và Chủ trương bài Thiên Chúa Giáo 1862-1868. Ngô Bắc dịch. www.Gio-o.com).*

2. Xem thêm Lm. Vũ Thành. *Dòng Máu Anh Hùng. Phần V: Những cuộc bách đạo thế kỷ 19. Chương 8: Những Vụ Thảm sát Người Công Giáo Do Văn Thân Khởi Xướng. dunglac.info. Đọc thêm Trịnh Việt Yên. Máu Tử Đạo Trên Đất Việt Nam, USA, 1987. Trang 58 và Phan Phát Huôn. Việt Nam Giáo Sử. Quyển I. In lần 2. Trang 515.*

3. Xem thêm Phan Phát Huôn. *Việt Nam Giáo Sử. Quyển I. In lần thứ 2. Trang 521.*

4. Trong dân gian xứ Nghệ, vẫn truyền tụng những bài về kể lại cuộc nổi dậy và bách hại đạo của các Văn Thân một cách sống động:

Văn Thân xứ Nghệ dụng tình âm mưu
Tú Trần, Tú Đặng thì đầu
Tú Vinh, nho Thiệu cùng nhau ăn thề
Đầu năm Giáp Tuất kéo cờ
"Bình Tây Sát Tả" chữ đề không sai
Phen này sống mái một hai
Nghệ An, Hà Tĩnh ai ai nức lòng
Nho Đắc thì ở phủ Bùng
Truyền cho nho Phổ cũng đồng nhất tâm
Tướng là hồi phục nước Nam.
Nỏ hay nhà Nguyễn đa đoan hại nòi
Truyền cho đại tướng Hồ Oa
Kéo quân dư vạn, khâm sai tiểu trừ.
Nho Năm, nho Hương đôi chàng
Tú Mai, đội Lữ là làng văn thân.
Cố bang, cố ở đạ cân.
Lòng giời chẳng giúp chẳng mản nên chi.
Kéo lên chợ Rạng một khi.
Ba vạn chống nốc, cố thì sang Giăng.
Đòn đây tà đạo mấy thằng,
Dem ra ta chặt thủ quăng xuống rào.
Sao mà chẳng chợ giáo mác siêu đao hai hàng?
Gửi tờ nho Hương, cố Bang
Để ta sát tả gươm sang bên đời.
Sát tả mới được vài ba nơi
Xỏ kỳ Truông Ná đổ người về đông
Sát tả mới được vừa xong.
Kéo ngang qua cửa cực lòng văn thân.
Cực lòng cố chạy công văn
Kéo xuôi ta đánh bắt thằng tác vi
Quân thời ta chém quách đi
Lựa một thằng tướng đem về đây tau

*Đem về được mấy ni lâu
Đem ra ta chặt, chuộc đầu chẳng cho
Tưởng hồ hai huyện ra trò.
Cổ đặt cai đội, cổ cho thông hành
Nam Đường mới lấy phủ Anh
Thanh Chương lấy huyện cho thành công chi
Cổ sai một tiếng ra hai
Kéo ra phủ Diễn thật tài anh linh
Trống đánh cờ mờ đập đình
Ta chợ phủ Diễn ta kinh không vào
Phủ Diễn công kín thành cao.
Nạp súng ta bắn cho trào thành ra...
(Tcnao.net (vietnc))*

5. Xem thêm Lm. Vũ Thành. *Dòng Máu Anh Hùng*. Sđd.

6. Xem thêm Ts. Trịnh Việt yên. *Máu Tử Đạo Trên Đất Việt*. USA, 1987. Trang 62-64.



*Nhà cải cách vĩ đại của
Nhật Bản Fukuzawa
Yukichi (1835-1901)*



*Nhà cải cách Nguyễn Trường
Tộ ở Việt Nam (1830-1871) đã
phải ôm mộng xuống tuyến đài*

PHỤ BẢN 3 - SINH HOẠT CHÍNH TRỊ CỦA TỔNG HỘI SINH VIÊN ĐÔNG DƯƠNG THỜI ĐẦU NHỮNG NĂM 1940

I. VÀI HÀNG VỀ ĐẠI HỌC ĐÔNG DƯƠNG HÀ NỘI (Université Indochinoise)

Đại học Đông Dương Hà Nội là trường Đại học theo tân học đầu tiên ở nước ta, được thành lập bởi Nghị định số 1514a của Toàn quyền Đông Dương Paul Beau, kí ngày 16-5-1906. Đại học Đông Dương là một tập hợp của 5 trường cao đẳng. Một số trường đã thành lập trước đó, một số vừa mới mở. Đó là các trường: Trường Cao đẳng Luật và Hành chính, Trường Cao đẳng Khoa học (Toán, Vật lí, Hoá học và Sinh vật), Trường Cao đẳng Y khoa, Trường Cao đẳng Xây dựng và Trường Cao đẳng Văn chương (Ngôn ngữ và Văn học cổ Đông phương, Lịch sử và Địa lí các nước Viễn Đông, Pháp, Lịch sử Triết học và Nghệ thuật).

Cơ sở trường Đại học khánh thành ngày 10-11-1907. Lễ khai giảng được tổ chức vào cuối tháng 11-1907. Tổng số sinh viên là 193, hầu hết là người Việt, 94 sinh viên mới, 62 sinh viên dự thính và 37 sinh viên năm thứ nhất của Trường Cao đẳng Y khoa. Đa số các giáo sư là công chức hoặc là viên chức của các cơ quan nghiên cứu khác, cho nên các lớp không dạy trong giờ hành chính mà dạy vào các buổi tối, từ 17 đến 22 giờ.

Năm học đầu tiên kết thúc ngày 15-6-1908; rồi tự nhiên thấy đóng cửa, không có một lời giải thích từ phía nhà trường lẫn chính quyền thuộc địa.

Dư luận cho rằng trường phải đóng cửa vì một số lí do khách quan như thiếu ngân sách và hầu hết các sinh viên thời đó chưa được chuẩn bị kiến thức và tiếng Pháp đầy đủ ở bậc Trung học, cho nên rất khó theo học ở bậc Đại học. Một số sinh viên mới tốt nghiệp Cao đẳng Tiểu học cũng được nhập học. Vì lẽ đó, cuối năm học đầu tiên, chỉ có 41 trên tổng số 193 sinh viên đạt đủ điểm để lên lớp.

Về sau, người ta tìm ra các lí do chính yếu khiến Trường Đại học Đông Dương bị đóng cửa. Đó là vì phe thực dân bảo thủ bên Pháp chống đối chính sách cải cách giáo dục nói chung, Trường Đại học Đông Dương nói riêng, của Toàn quyền Paul Beau. Họ cho đó là “một sai lầm tày trời”. Một lí do khác cũng khá quan trọng, đó là Trường Đại học Đông Dương xuất hiện vào đúng thời điểm những phong trào yêu nước mới của người Việt Nam phát triển mạnh mẽ, như Phong trào Đông Du, Phong trào Đông Kinh nghĩa thực và Phong trào Duy Tân; rồi Phong trào Nông dân Quảng Nam và một số tỉnh miền Trung đòi “xin râu, hoãn thuế” từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1908. Thế là, khi phe thực dân bảo thủ thắng thế ở bên Pháp, Toàn quyền Paul Beau bị bãi chức ngày 25-6-1908. Toàn quyền mới là Klobukowski đã âm thầm bóp chết Đại học Đông Dương vừa chào đời và thẳng tay đàn áp các phong trào yêu nước kiêu mới của người Việt Nam.

Sau Thé Chiến lần thứ nhất, cựu Toàn quyền Albert Sarraut lại được bổ nhiệm làm Toàn quyền Đông Dương lần thứ hai (A. Sarraut làm Toàn quyền lần thứ nhất 1911-1914). Tiếp nối cuộc cải cách giáo dục của Toàn quyền Paul Beau, ông quyết định tiến hành cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai ở Đông Dương. Ngày 21-12-1917, Toàn quyền Albert Sarraut ký nghị định ban hành Học chính tổng quy (Règlement général de l'Instruction publique); theo đó, nền giáo dục ở Việt Nam được chia làm 3 cấp, đồng thời tái xác định cơ cấu tổ chức và các nguyên tắc hoạt động của Đại học Đông Dương.

Như thế, sau 9 năm, trường Đại học duy nhất ở Đông Dương lại được hồi sinh và mở cửa liên tục cho tới năm 1945.

Với thời gian, Trường Đại học Đông Dương phát triển thêm các khoa, thêm giáo sư và sinh viên; nhất là từ năm 1925, khi nhiều học sinh đậu Tú tài có đủ điều kiện để lên Đại học.

Tuy nhiên, vào thời kì suy thoái kinh tế toàn thế giới 1929-1933, Trường Đại học Đông Dương Hà Nội cũng bị ảnh hưởng, phải tạm thời đóng cửa một số khoa, chỉ còn lại Y, Luật và Hành chính.

Niên khoá 1943-44: Tổng số sinh viên Đại học Đông Dương

Hà Nội là 1222.

Sau biến cố tháng 8-1945, Trường Đại học Đông Dương Hà Nội đổi tên thành Đại học Quốc gia Việt Nam.

Khi người Pháp trở lại, họ lại đổi tên thành Viện Đại học Hà Nội, Viện trưởng là một giáo sư người Pháp; đồng thời, theo yêu cầu của người miền Nam, Viện mở ra chi nhánh ở Sài Gòn do viên Phó Viện trưởng người Việt phụ trách.

Sau Hiệp định Genève chia đôi đất nước năm 1954, phần lớn Viện Đại học Hà Nội di vào Sài Gòn lấy tên là Viện Đại học Quốc gia Việt Nam. Đến năm 1957, đổi thành Viện Đại học Sài Gòn. Sau biến cố 30-4-1975, Viện đổi thành Trường Đại học Tổng hợp Thành phố HCM vào năm 1977.

Ở miền Bắc, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội được thành lập vào năm 1956, đến năm 1993, đổi thành Đại học Quốc gia Hà Nội.

II. ĐÔNG DƯƠNG HỌC XÁ VÀ TỔNG HỘI SINH VIÊN

1. Đông Dương Học xá

Đông Dương Học xá do Toàn quyền Decoux xây dựng vào năm 1941 dành cho sinh viên toàn cõi Đông Dương thuộc Pháp, tức là 3 kì Bắc, Trung, Nam, Miên và Lào. Người Pháp nắm quyền quản trị học xá. Vì học xá nằm ở khu Phố Huế, sinh viên phải đi xe điện để vào trường tại trung tâm Thành Phố Hà Nội.

Số sinh viên được nhận vào học xá có giới hạn cho nên sinh viên khắp nơi tranh nhau nộp đơn để được cứu xét. Những sinh viên chưa được nhận vào học xá, phải chung nhau thuê phòng trọ ngoài phố.

Đến nay, Ls. Lâm Lễ Trinh còn nhớ tên một số sinh viên đã may mắn được nhận vào học xá đồng thời với ông như em ông là Lâm Trọng Thức (Y), Trần Công Dung (Dược), Xuân Diệu, Huy Cận (Canh nông)... Đương khi đó, một số sinh viên, cũng từ miền Nam ra, nhưng không được nhận vào học xá, phải thuê phòng ngoài phố, như Lưu Hữu Phước (Nha), Trần Văn Khê (PCB: Lí, Hoá, Sinh), Mai Văn Bộ (PCB), Nguyễn Thành Nguyên (Luật),

Huỳnh Văn Tiêng (Luật)... Nhóm từ miền Trung ra Hà Nội học có những sinh viên xuất sắc, như Lê Bá Hoan, Lê Bá Toại, Nguyễn Văn Chiến, Ngô Thúc Lanh, Ngô Điền, Hoàng Đình Phu... Lớp sinh viên đàn anh đã ra học tại Hà Nội từ trước thì có Nguyễn Tôn Hoàn, Nguyễn Lưu Viên, Nguyễn Tấn Gi Trọng, Trần Vỹ, Phạm Biểu Tâm, Trần Trung Dung, Trần Chánh Thành, Nguyễn Hữu Châu... Sau năm 1954, nhiều người trong số những sinh viên Đại học Đông Dương Hà Nội này sẽ trở thành những nhân vật có tên tuổi.

Học xá mở cửa được hơn 3 năm thì Nhật đảo chính Pháp vào ngày 09-3-1945. Theo cựu sinh viên Trần Đỗ Cung, tác giả *Hồi ức Hà Nội 1945*, thì quá nửa đêm hôm ấy, sinh viên Bùi Diễm cùng con gái cụ Trần Trọng Kim là Anita Kim và sinh viên người Nhật tên là Yamaguchi đến học xá báo tin cuộc chính biến đã thành công và yêu cầu cô lập các sinh viên người Pháp. Sinh viên vợ lấy bất cứ cái gì làm vũ khí rồi bắt các sinh viên người Pháp và ban quản trị nhốt vào biệt thự của Bác sĩ Giám đốc Henri Rivoalen để chờ xe quân đội Nhật đến chở đi. Sáng hôm sau, viên Đại tá Nhật tên là Kudo tới yêu cầu các sinh viên bầu ra ban quản trị mới. Sinh viên Trần Đỗ Cung được các bạn bầu làm Quản đốc thay Bs. Rivoalen (Trần Đỗ Cung sau này là Trung tá Không quân VNCH), sinh viên Lê Văn Thuấn làm Tổng Thư kí thay Lafont (Lê Văn Thuấn sau này là bác sĩ trưởng ở Cần Thơ), và sinh viên Phạm Phú Khai làm quản lí (Phạm Phú Khai sau này là Đô trưởng Sài Gòn).

2. Tổng Hội Sinh Viên Đông Dương

Đồng thời với Đông Dương Học Xá, Tổng hội Sinh viên Đông Dương (Association générale des Étudiants Indochinois, viết tắt là A.G.E.I.) cũng được thành lập vào năm 1941.

Tổng Hội trưởng là sinh viên Dương Đức Hiền. Sau này, sinh viên Hiền ngả theo Việt Minh và thoát li lên chiến khu Việt Bắc. Kế nhiệm là sinh viên Phan Thanh Hoà. Phan Thanh Hoà và em gái là sinh viên Phan Thị Bình là hậu duệ Đại thần Phan Thanh Giản. Trưởng ban âm nhạc là sinh viên Nguyễn Tôn Hoàn (Y Dục). Trưởng ban biên tập tuần san sinh viên “Le Monôme” là

sinh viên Mai Văn Bộ...

III. SINH HOẠT CỦA TỔNG HỘI SINH VIÊN ĐÔNG DƯƠNG

1. Sơ lược tình hình chính trị

Tổng hội Sinh viên Đông Dương ra đời trong bối cảnh tình hình thế giới biến chuyển mạnh mẽ do cuộc Đệ nhị thế chiến đã bùng nổ bên Âu châu vào năm 1939, ban đầu là giữa Anh, Pháp và Đức Quốc Xã. Pháp phải đầu hàng Đức quá mau chóng vào ngày 22-6-1940.

Tình hình bên Đông Á thì từ 1937, quân Nhật đã đánh vào Trung Hoa, chiếm đóng Mãn Châu và các tỉnh duyên hải nước Tàu. Khi Đại chiến 2 bùng nổ, Nhật tham gia khối Trục: Đức - Ý - Nhật. Năm 1940, Nhật đưa quân tiến xuống các nước Đông Nam Á, vốn là thuộc địa của Anh, Pháp, Hoà Lan, trong đó có Việt Nam.

Sau khi Pháp kí thoả ước với Nhật ngày 08-10-1941, Nhật tiến hành chèn ép Pháp tại Việt Nam.

Người Nhật cũng bắt đầu vận động chính trị với chiêu bài “Một nền thịnh vượng chung cho Đại Đông Á”.

Ngày 07-12-1941, Nhật bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng của Hoa Kỳ.

Đây là thời cơ cho các đảng phái ở Việt Nam bắt đầu lộ diện.

Vào năm 1944, các đảng phái Quốc gia cùng mang tên Đại Việt đã liên kết với nhau thành Đại Việt Quốc Gia Liên Minh. Liên minh gồm có Đại Việt Quốc Xã (tức Đại Việt Quốc Gia Xã Hội Đảng do Nguyễn Xuân Tiếu và Trần Trọng Kim lập năm 1936), Đại Việt Duy Dân (Lý Đông A lập năm 1943), Đại Việt Dân Chính (Nguyễn Tường Tam lập năm 1940). Chủ trương của Liên Minh là bắt tay với Nhật để chống Pháp. Liên Minh này cũng bắt tay với Tân Việt Nam Quốc Dân Đảng do Nguỵ Trọng lãnh đạo.

Thế nhưng, sau khi Nhật đảo chánh Pháp ngày 09-3-1945, người Nhật không dùng Đại Việt Quốc Gia Liên Minh, họ lại muốn duy trì chế độ quân chủ với vua Bảo Đại và mời cụ Trần Trọng Kim thành lập chính phủ. Ngày 11-3-1945, vua Bảo Đại ra chiếu

bãi bỏ Hoà ước Patenôtre nhận quyền bảo hộ của Pháp mà nhà Nguyễn đã phải kí với Pháp năm 1884, tuyên bố Việt Nam độc lập. Ngày 17-4-1945, chính phủ Trần Trọng Kim ra đời. Chính phủ Trần Trọng Kim được coi là chính phủ của những chuyên gia giỏi và đã thực hiện được một số cải cách, nhưng tầm hoạt động chỉ thu hẹp ở trung ương, chưa có khả năng tổ chức chính quyền tại các địa phương.

Đang khi đó, các đảng phái Quốc gia có vẻ lúng túng; hơn nữa, bên ngoài là liên kết với nhau nhưng bên trong lại không thực sự đoàn kết.

Phía Việt Minh Cộng sản thì khác, họ hoạt động hết sức tích cực và có sách lược. Một đảng Việt Minh lập các chiến khu trên vùng Việt Bắc để làm hậu cứ vững chắc, một đảng họ ra sức tuyên truyền nhân vật Nguyễn Ái Quốc như một lãnh tụ huyền thoại.

Lúc này cục diện chiến sự cho thấy rõ Nhật sắp thua ở Đông Á châu. Ngày 06-8-1945, Mĩ thả quả bom nguyên tử đầu tiên xuống Hiroshima và ngày 09-8-1945, thả quả thứ hai xuống Nagasaki. Thấy Nhật chắc chắn thua trận, ngày 09-8-1945, Liên Xô vội vàng tuyên chiến với Nhật và xua quân tấn công Nhật ở Mãn Châu. Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh ngày 15-8-1945.

Chớp thời cơ quân Đồng Minh thắng trận chưa kịp vào Việt Nam, Việt Minh nhanh tay cướp lấy chính quyền. Ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa Việt Nam (tổ chức trá hình của Việt Minh Cộng sản) ra lệnh tổng khởi nghĩa. Từ 13 tới 15-8-1945, Đảng Cộng sản cũng mở Đại hội Đảng ở Tân Trào, Tuyên Quang. Ngày 16 và 17-8-1945: Tổng bộ Việt Minh tổ chức Đại hội Quốc dân cũng tại Tân Trào. Đại hội bầu Hồ Chí Minh, tức Nguyễn Ái Quốc, làm Chủ tịch Ủy ban Dân tộc Giải phóng.

Từ khi có lệnh tổng khởi nghĩa, tại một số địa phương, lực lượng Việt Minh đã tự động nổi dậy cướp chính quyền.

Riêng 3 thành phố lớn thì Việt Minh cướp chính quyền ở Hà Nội ngày 19-8-1945, ở Huế ngày 23-8-1945, ở Sài Gòn ngày 25-8-1945. Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng cùng với Ủy ban Dân tộc Giải phóng về Hà Nội. Đại Việt Quốc Gia Liên Minh tan rã và lần lượt bị Việt Minh truy nã, ám hại.

Việt Minh cướp chính quyền thì chính phủ Trần Trọng Kim từ chức ngày 23-8-1945 sau gần 5 tháng thành lập. Tình hình chính trị rất căng thẳng ở Hà Nội. Việt Minh tổ chức nhiều cuộc mít tinh ra kiến nghị đòi vua Bảo Đại thoái vị.

Trước tình hình mới, vua Bảo Đại chấp nhận thoái vị ngày 25-8-1945. Một tuần sau, ngày 02-9-1945, Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

Đầu tháng 9, hai trăm ngàn quân Tàu (quân của Tưởng Giới Thạch) kéo sang Bắc Việt để giải giới quân Nhật. Các sinh viên rất thất vọng khi chứng kiến lãnh tụ Nguyễn Hải Thần của Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh (Việt Cách), Vũ Hồng Khanh của Việt Nam Quốc Dân Đảng (Việt Quốc) theo quân Tàu trở về nước.

Đang khi đó, tại miền Nam, Tướng Leclerc đem quân Pháp vào theo chân quân Anh.

Trong khoảng thời gian này, ở Hà Nội, Việt Cách, Việt Quốc, cùng với các đảng Đại Việt, Duy Dân công khai chống phá Việt Minh.

Trước áp lực bên ngoài của quân Anh, Pháp, Tàu và bên trong là của các đảng phái không Cộng sản, Hồ Chí Minh đã giờ nhiều chiêu xảo quyết.

Trước hết, Hồ Chí Minh giờ chiêu hoán chuyển vị trí. Ông yêu cầu Bảo Đại ra nắm chính quyền, còn ông ta sẽ làm cố vấn. Ban đầu Bảo Đại từ chối, nhưng vì Hồ Chí Minh năn nỉ, Bảo Đại chấp nhận và yêu cầu Hồ Chí Minh đưa ra danh sách các nhân vật có thể tham gia chính phủ. Hồ Chí Minh hứa sẽ chuyển danh sách sang ngay, nhưng thực tế Hồ Chí Minh chỉ hứa suông vì ông ta đang giờ chiêu thứ hai (Theo Nguyễn Khắc Ngữ. Lịch sử Các Đảng phái Việt Nam. Tủ sách Nghiên Cứu Sử Địa, 1989. Trang 44).

Tiếp theo là việc thành lập một chính phủ liên hiệp hầu hoá giải sức chống phá của các đảng phái đối lập. Hồ Chí Minh phát động Tuần Lễ Vàng để có vàng mà lo lót với viên tướng Tàu là Lư Hán. Lư Hán bị mua chuộc cho nên đã ép các đảng phái Quốc Gia phải ngồi chung với Việt Minh trong một chính phủ liên hiệp (24-02-1946), gồm có Việt Minh, Việt Cách (Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch, Bò Xuân Luật nắm Bộ Canh nông, Trương Đình Chi

nắm Bộ Xã hội và Y tế), Việt Quốc (với Nguyễn Tường Tam nắm Bộ Ngoại giao và Nguyễn Tường Long nắm Bộ Kinh tế. Nguyễn Tường Tam sáng lập Đảng Đại Việt Dân Chính. Năm 1941, quân Nhật vào Việt Nam, họ lũng bắt ông và các đồng chí. Ông chạy sang Quảng Tây nhưng bị chính quyền bên đó bắt vì nghi ông làm gián điệp cho Nhật. Sau được Việt Nam Quốc Dân Đảng bảo lãnh ra, ông đem Đại Việt Dân Chính sáp nhập vào Việt Nam Quốc Dân Đảng).

Ngày 26-02-1946, Tàu kí hiệp ước với Pháp, công nhận quân Pháp vào thế cho quân Tàu chiếm đóng ở Đông Dương với tư cách quân Đồng Minh. Vì thế, ngày 06-3-1946, chính phủ liên hiệp do Hồ Chí Minh lãnh đạo cũng buộc phải kí hiệp định sơ bộ đồng ý cho Pháp kéo quân từ miền Nam ra qua vĩ tuyến 16 để giải giới quân Nhật thay cho quân Tàu. Quân Tàu lục tục triệt thoái. Các đảng Việt Quốc, Việt Cách... mất chỗ dựa và lần lượt bị Việt Minh thanh toán và tàn sát dã man, một số lãnh tụ các đảng phái chạy thoát sang Tàu. Các đảng Đại Việt Quốc Dân Đảng và Đại Việt Duy Dân cũng bị Việt Minh tiêu diệt.

Trong năm 1946, nhiều cuộc đàm phán Pháp - Việt Minh diễn ra, nhưng không đạt được kết quả. Sự hoà hoãn hai bên không kéo dài được lâu. Ngày 18-12-1946, Pháp đưa tối hậu thư đòi nắm toàn quyền tại Hà Nội. Ngày 19-12-1946, Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quốc kháng chiến và chiến tranh bùng nổ.

2. Sinh hoạt văn hoá, chính trị từ 1941 tới 1942

Nói chung, trong mấy năm đầu, các sinh viên thuộc Tổng hội Sinh viên Đông Dương vẫn còn sống thân thiện với nhau, vẫn chịu khó học hành và đặc biệt hơn cả là, mặc dù chịu ảnh hưởng nền văn hoá giáo dục Pháp, nhưng nhiều sinh viên thời 1940 có tinh thần yêu nước rất cao. Họ luôn ưu tư cho tiền đồ dân tộc, và mong sao đất nước thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp, khôi phục nền độc lập và dân Việt được sống tự do, hạnh phúc như bao dân tộc khác trên thế giới.

Khi nghe tin tức chiến sự bất lợi về phía Pháp và tin Pháp phải đầu hàng Đức quá mau chóng vào ngày 22-6-1940, tinh thần tập

thể sinh viên Đại học Đông Dương giao động mạnh. Sinh viên tin rằng chế độ thực dân Pháp đang tới hồi cáo chung. Họ không còn sợ sệt khi bàn tán chuyện chính trị như trước. Sau khi Pháp kí thoả ước với Nhật ngày 08-10-1941, Nhật bắt đầu chèn ép Pháp tại Việt Nam. Qua bao năm bị thực dân Pháp áp chế, đến nay sinh viên cũng như đồng bào Việt Nam cảm thấy hả dạ được chứng kiến nhãn tiền sự lép vế nhục nhã của người Pháp trước thế lực mạnh mẽ và kỉ luật của quân đội Nhật Bản. Ngày 07-12-1941, Nhật bắt ngờ tấn công Trân Châu Cảng của Hoa Kỳ, càng làm cho tập thể sinh viên Việt Nam cảm thấy phấn chấn và thúc đẩy họ đem nhiệt tình ái quốc thể hiện qua những sinh hoạt văn hoá, văn nghệ đặc sắc có tính lịch sử, biến tập thể sinh viên Hà Nội thành trung tâm tinh thần ái quốc của cả nước.

Tình hình thế giới biến chuyển biến dữ dội tác động mạnh tới tình hình Việt Nam. Sinh viên nhận ra Việt Nam đang ở khúc quanh của lịch sử. Họ chuyện tai nhau những tin đồn về các tổ chức bí mật đang chuẩn bị xuất hiện để tranh đấu đánh đuổi thực dân Pháp. Mặc dù biết mật thám Pháp đang theo dõi, nhiều sinh viên vẫn gằn như công khai chọn lựa cho mình một đảng phái, Việt Minh, Đại Việt hoặc Việt Nam Quốc Dân Đảng... Tuy nhiên vào thời điểm 1941– 42, nếu có ai ngã theo đảng phái nào thì vẫn còn thân thiện với nhau vì có cùng mẫu số chung là tình yêu nước, chưa trở nên thù địch như mấy năm sau này.

Tuần san của Tổng hội Sinh viên: Le Monôme

Tờ tuần san chính thức của Tổng hội Sinh viên Đông Dương là tờ *Le Monôme*, còn có tên là *Tự Trị*, do sinh viên Mai Văn Bộ làm trưởng ban biên tập, với sự cộng tác của các sinh viên Nguyễn Sỹ Quốc, Phạm Văn Hải, Lê Khánh Cận, Nguyễn Xuân Sanh, với tranh biếm hoạ của Phạm Văn Hải... Tờ tuần san thường viết những bài đề cao lòng yêu nước bằng tiếng Pháp.

Việc phổ biến tờ tuần san trong điều kiện thời ấy là một vấn đề. Theo cựu sinh viên Trần Đỗ Cung, các sinh viên Trần Đỗ Cung, Nguyễn Kèn (tức Thế Lâm, một tướng của Cộng sản), Lê Văn Giảng (sau là bí thư của Hồ Chí Minh) đã từng phải đạp xe chở báo đi phổ biến từ Phủ Lý xuống tới Thanh Hoá, Nghệ An... Đến

năm 1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp thì người Nhật (Đại tá Kudo) lấy lại quyền quản trị học xá và trực xuất tờ tuần san của sinh viên. May có một nhà hảo tâm cho các sinh viên mượn biệt thự đối diện Hồ Thiên Quang để làm trụ sở. Nhà bếp của học xá vẫn bí mật cung cấp thực phẩm cho các sinh viên làm báo. Đáp ứng tình hình mới, tờ tuần san đổi chủ đề từ tự trị sang độc lập, nội dung bài vở gay gắt hơn, cho nên đổi tên báo là *Gió Mới*. Chưa bao lâu thì có tin Nhật ruồng bắt, sinh viên phải đạp xe di chuyển vào làng Quỳnh Lôi. Ở đó, các sinh viên làm báo được phu nhân Gs. Hoàng Xuân Hãn cho tá túc ở chuồng heo đã bỏ phế, nằm trong vườn sau nhà, để làm “trụ sở” tạm thời. Tuy đã phải di tản, vậy mà vẫn có một cô bé bò qua cổng tranh cung cấp thực phẩm cho các sinh viên làm báo.

Sinh hoạt ca, kịch

Từ đầu thập niên 1940, sinh viên Đại học Đông Dương Hà Nội đã có sáng kiến thể hiện nhiệt tình ái quốc bằng các hình thức sinh hoạt văn hoá, xã hội, kịch nghệ và gây được tác động tâm lí rất lớn. Đặc biệt là sinh viên đã sáng tác những bài hát yêu nước với nhạc điệu hùng tráng, ca từ dạt dào niềm tự hào về các tiền nhân anh hùng. Loại hình sinh hoạt này rất mới, là công trình sáng tạo có tính cách lịch sử của những sinh viên vừa có tài vừa đầy nhiệt tình yêu nước, cho nên đã có sức lôi cuốn, hấp dẫn và mau chóng phổ biến khắp nơi, làm thức tỉnh lòng ái quốc trong tâm khảm người dân Việt.

Khởi đầu, vào những ngày cuối tuần hay ngày lễ nghỉ, một nhóm khoảng 15, 16 nam nữ sinh viên rủ nhau đi thăm viếng những di tích lịch sử như Đền Hùng, Cổ Loa, Đền Hai Bà Trưng, đền thờ các vua nhà Lí ở Bắc Ninh, sông Bạch Đằng, Vạn Kiếp, Chi Lăng, di tích Lam Sơn, lăng Nguyễn Kim, chùa Bách Môn, chùa Hương, lò gốm Bát Tràng..., rồi tổ chức cắm trại và tập cho nhau hát những bài ca yêu nước.

Sinh hoạt tích cực và đều đặn nhất là các sinh viên Nguyễn Tôn Hoàn, Nguyễn Tú Vinh, Nguyễn Văn Thiêm, Hồ Văn Huê, Lưu Hữu Phước, Trần Văn Khê, Phan Thanh Hoà, Huỳnh Văn Tiêng, Mai Văn Bộ... Nhóm sinh viên này là những người đầu tiên hát và

phổ biến những bài hát yêu nước lòng danh do Lưu Hữu Phước sáng tác như: *Người Xưa Đâu Tá*, *Bạch Đằng Giang*, *Ái Chi Lăng*, *Sinh Viên Hành Khúc*, *Hội Nghị Diên Hồng*, *Hát Giang Trường Hận (Hồn Tử Sĩ)*, *Xếp Bút Nghiên...* Theo Ls. Lâm Lễ Trinh trong bài *Ký Ức Về Lưu Hữu Phước, Trần Văn Khê và Tổng Hội Sinh Viên Đông Dương*, thì nhân một cuộc picnic ở chùa Trầm, Hà Đông, nhóm khám phá ra 2 giọng hát xuất sắc của Phan Thị Bình và Nguyễn Thị Thiều. Cả hai là sinh viên nội trú Trường Nữ Hộ Sinh (École des Sage-femmes). Trưởng Ban Âm nhạc Nguyễn Tôn Hoàn đã mời hai sinh viên Thiều và Bình gia nhập Đoàn Văn nghệ Sinh viên. Sau đó ít lâu, chính hai nữ sinh viên miền Nam này đã hát bài *Sinh Viên Hành Khúc* của Lưu Hữu Phước trước công chúng ngay giữa khuôn viên Trường Đại học Đông Dương và trên sân khấu Nhà hát lớn Hà Nội.

Tổng hội Sinh viên là tổ chức công khai, cho nên đã có thể tổ chức các buổi diễn thuyết tại các rạp hát ở Hà Nội về các đề tài lịch sử, ái quốc, văn chương... nhằm cổ vũ học sinh, thanh niên về nguồn, phụng sự xã hội, yêu nước, chống thực dân Pháp; những buổi hoà tấu dương cầm, vĩ cầm với các nhạc sĩ Đỗ Thế Phiệt, Nguyễn Trọng Thường; các cuộc triển lãm hội hoạ với hoạ sĩ Diệp Minh Châu, Nguyễn Văn Sáng... thu hút rất đông khách thưởng ngoạn, nhất là giới trẻ.

Nhằm gây quỹ cứu trợ bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện thuộc Trường Y, Dược, Tổng hội Sinh viên tổ chức một trình diễn ca nhạc vào ngày Chủ nhật 15-3-1942 tại Grand Amphithéâtre trong khu Đại học, do Giám đốc Nha Học chánh Đông Dương chủ toạ. Buổi trình diễn văn nghệ thành công tốt đẹp. Mùa hè năm đó, Tổng hội Sinh viên lại tổ chức lễ tốt nghiệp cho sinh viên tại Nhà hát lớn Hà Nội, có Toàn quyền Đông Dương Decoux và các viên chức Pháp tới dự. Khai mạc buổi lễ, ban nhạc Hải quân Pháp cử bài quốc ca Pháp *La Marseillaise*; tiếp theo ngay là bài *Sinh Viên Hành Khúc* (La Marche des Étudiants) của Lưu Hữu Phước, nhạc điệu hùng hồn thôi thúc, quan khách Việt Pháp vẫn đứng nghiêm chỉnh như đang làm lễ chào quốc kì. Sau Hà Nội, những buổi trình diễn tương tự cũng được tổ chức ở Nhà hát lớn Sài Gòn (sau này là toà

nhà Quốc hội VNCH) đã thu hút đông đảo quần chúng, thúc giục lòng yêu nước trong lòng mọi người.

Tráng Đoàn Lam Sơn

Ngoài các sinh hoạt văn hoá, nhiều sinh viên thuộc Tổng hội Sinh viên Đông Dương còn tham gia vào sinh hoạt Hướng Đạo của Tráng Đoàn Lam Sơn do Tráng Trưởng Hoàng Đạo Thuý phụ trách. Vì Hoàng Đạo Thuý ngả theo Việt Minh cho nên đã lôi kéo được một số sinh viên theo Việt Minh. Lúc đó, Hướng Đạo cũng thường tổ chức đi cắm trại và tham gia các công tác xã hội.

3. Sinh hoạt văn hoá, chính trị từ 1943 tới 1944

Tập thể sinh viên phân ra hai khuynh hướng chính trị đối nghịch

Càng tới hồi kết thúc Đại chiến thế giới 2, cục diện chính trường Việt Nam càng biến chuyển dữ dội. Các thế lực cũng như các đảng phái chính trị tích cực hoạt động hầu nắm bắt lấy thời cơ.

Người Cộng sản cũng hoạt động mạnh và len lỏi vào các tổ chức khác.

Các đảng phái chính trị đã xuất hiện thì các hoạt động yêu nước của sinh viên cũng thoát ra khỏi những cái vỏ an toàn trá hình như hội thể thao, hội du ngoạn di tích cổ, hội ái hữu...

Trước đây, sinh viên đã lập ra Đảng Tân Dân Chủ (Đương Đức Hiền, Thanh Nghị) thu hút đông đảo sinh viên. Lúc ấy, tập thể sinh viên còn thân thiện với nhau, chưa chia rẽ, chưa thù hằn nhau, mặc dù có khác nhau về chính kiến. Nhưng vì giới sinh viên là thành phần ưu tú cho nên các thế lực chính trị tìm cách lôi kéo, kết nạp họ vào tổ chức của mình. Theo cựu sinh viên Bùi Diễm, tác giả cuốn *Gọng Kim Lịch Sử*, thì sau một một thời gian, nhiều sinh viên đã chọn lấy một hướng đi riêng, người theo Việt Minh, người theo Đại Việt, người theo Việt Nam Quốc Dân Đảng... Đâu đâu cũng bàn tán chuyện chính trị. Thực ra trong khoảng thời gian này, các sinh viên chưa đủ kinh nghiệm cũng như chưa hiểu biết đầy đủ về các đảng phái. Đảng nào cũng nói là tranh đấu giành độc lập cho nước nhà. Đối với sinh viên, như thế là đủ, vì tất cả đều sôi sục lòng yêu nước. Rất nhiều trường hợp, chỉ vì bạn bè rủ rê mà gia

nhập đảng này hay đảng kia, thậm chí không chắc có sinh viên nào biết rõ Cộng sản đã nắm trọn quyền kiểm soát tổ chức Việt Minh (Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội).

Sự thể là, càng về sau, tập thể sinh viên càng quy về hai phía đối nghịch nhau. Đảng Tân Dân Chủ của sinh viên chia ra 2 phe: phe Quốc gia và phe Cộng sản, tức Việt Minh.

Những sinh viên ngả theo Việt Minh như: Dương Đức Hiền (Tổng trưởng Bộ Thanh niên trong chính phủ liên hiệp đầu tiên), Đinh Gia Trinh, Phan Mỹ, Đỗ Xuân Soạn, Trần Bửu Kiếm, Huỳnh Văn Tiêng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước, Phạm Thành Vinh, Nguyễn Việt Nam, Trần Văn Khê (Y), Nguyễn Tấn Gi Trọng (Y), Trương Cao Phước (Y), Huỳnh Bá Nhung (Y), Nguyễn Kèn (Thủy Lâm, sau là Tướng Thế Lâm), Lê Văn Giảng, Diệp Minh Châu (Cao Đẳng Mĩ Thuật), Lê Thiệu Huy (Toán), Phạm Thành Chính (Luật, tức Trung tướng Phạm Hồng Sơn lừng danh trong trận đánh đoàn quân Lepage-Charton và mặt trận Nam Lào), Lê Đình Luận (trưởng nam Bs. Lê Đình Thám, tử trận ở Nam Trung Bộ), Nguyễn Thế Lương (Khoa học, tức Tướng Cao Pha, chỉ huy Quân báo)...

Các sinh viên hoạt động chính trị, nhưng không theo Việt Minh, như: Cao Xuân Vỹ, Nguyễn Tôn Hoàn (Bộ trưởng, Phó Thủ tướng VNCH) và vợ là Phan Thị Bình (Phụ khoa), Hà Thúc Ký (Bộ trưởng), Nguyễn Tường Bách, Võ Sum (Hải quân Đại tá VNCH), Từ Bộ Cam (Đại tá Không quân VNCH), Trần Đỗ Cung (Trung tá Không quân VNCH), Nguyễn Trung Trinh, Bùi Diễm (Bộ trưởng, Đại sứ), Nguyễn Tấn Hồng, Phạm Xuân Chiểu (Y khoa, Trung tướng VNCH), Nguyễn Sỹ Quốc, Phạm Văn Hải, Lê Khánh Cận, Nguyễn Xuân Sanh...

Hoạt động chính trị của nhóm sinh viên miền Nam

Nhóm sinh viên từ miền Nam ra học Đại học Đông Dương Hà Nội hoạt động rất tích cực trong giai đoạn đất nước chuyển mình 1941-1945.

Mùa Hè 1942, đã có một số sinh viên trở về Sài Gòn và liên kết với các học sinh để tổ chức các buổi diễn thuyết về chủ đề “*Cách mạng quốc gia*”, hô hào “*Trở về với chân giá trị của dân tộc*”. Họ còn tổ chức diễn các vở kịch phê phán xã hội ở Nhà hát

thành phố.

Cuối năm 1942, Tổng hội Sinh viên Đông Dương cử vào Nam một nhóm khoảng 100 sinh viên để tham dự Hội chợ Sài Gòn. Nhóm sinh viên này liên kết với các học sinh Sài Gòn để tổ chức các buổi sinh hoạt văn hoá, văn nghệ mang nội dung ái quốc. Sau buổi trình diễn văn nghệ tại Nhà hát Thành phố, bài đồng ca *Tiếng Gọi Sinh Viên* của Lưu Hữu Phước cất lên, gây hào khí sôi nổi “chưa từng thấy”. Diễn giả sinh viên Nguyễn Ngọc Minh được hoan hô về đề tài “*Trận Bạch Đằng*”, “*Hung Đạo Vương Đại Phá Quân Nguyên*”; cuộc triển lãm về “*Nguồn gốc dân tộc Việt*” của sinh viên Vương Quang Lễ cũng thu hút được rất đông khách thưởng lãm.

Mùa Hè năm 1943, sinh viên lại về Sài Gòn để tổ chức diễn kịch, diễn thuyết. Sinh viên Đặng Ngọc Tốt diễn thuyết đề tài “*Con đường mới của thanh niên*”, còn Huỳnh Văn Tiêng là tác giả của 3 vở kịch lịch sử “*Đêm Lam Sơn*”, “*Nợ Mê Linh*” và “*Hội Nghị Diên Hồng*” được dân Sài Gòn hoan nghênh nhiệt liệt.

Theo chủ trương của Tổng hội Sinh viên Đông Dương, các trại hè được tổ chức ở Bắc, Trung, Nam: Trại Khương Hạ, Tương Mai ở miền Bắc; trại Bằng Trì ở vùng Lam Sơn, Thanh Hoá.

Ở miền Nam, trại tổ chức vào năm 1943 tại suối Lò Ô, Thủ Đức, thu hút được 200 sinh viên, học sinh. Trại Thanh Niên suối Lò Ô do sinh viên tổ chức cho nên đã gây được sự chú ý đặc biệt của dư luận và báo chí, nhưng vẫn chưa có thể tạo nên được một cao trào thanh niên có sức mạnh chính trị.

Mùa đông năm 1944, bắt đầu có phong trào thoát li đi kháng chiến, Huỳnh Mai Lưu (tức Huỳnh Văn Tiêng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước) sáng tác bài *Xếp Bút Nghiên*, hô hào sinh viên bỏ học đi kháng chiến; sau đó là các bài *Mau Về Nam và Gieo Ánh Sáng*.

Đến cuối năm 1944 đầu 1945 xảy ra nạn đói chết hàng triệu người ở miền Bắc. Trường Đại học đóng cửa ba tháng. Tổng hội Sinh viên Đông Dương tích cực tham gia phong trào cứu đói. Mỗi buổi sáng, các sinh viên là tráng sinh Hướng đạo mặc đồng phục Hướng đạo, cứ hai người một, đẩy một xe đi lượm xác chết những người chết đói và phụ giúp việc chôn cất.

Một số sinh viên gốc miền Nam, phần vì nghe lời kêu gọi “*Xếp Bút Nghiên*” đi kháng chiến, phần vì gặp thời buổi đói kém, không còn nhận được tiếp tế từ gia đình, cho nên đã rủ nhau trở về Nam bằng xe đạp vì đường xe lửa bị phi cơ Đồng minh oanh tạc đứt quãng nhiều khúc.

Về tới miền Nam, một số sinh viên đi theo kháng chiến chống Pháp, như Nguyễn Lưu Viên, Nguyễn Tôn Hoàn, Nguyễn Tú Vinh, Lê Văn Tài... Các sinh viên Đặng Ngọc Tốt, Huỳnh Bá Nhung, Ngô Tấn Nhơn lập ra chi nhánh Tân Dân Chủ Miền Nam, đầu nhận thêm Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Văn Hiếu, Mã Thị Chu, Nguyễn Thị Bình.

Sau này, Nguyễn Lưu Viên thoát về thành qua ngã Khu An Toàn Phát Diệm, Ninh Bình (Bacaytruc.com ngày 18-02-2013). Ban biên tập tờ *Thanh Niên* của nhóm này gồm có Mai Văn Bộ, Huỳnh Tấn Phát, Huỳnh Văn Tiêng, Nguyễn Hải Trùng.

Sinh viên Đặng Ngọc Tốt thành lập ban tuyên truyền đi từ Sài Gòn về các tỉnh để kể chuyện lịch sử và hát nhạc Lưu Hữu Phước để khích động lòng ái quốc. Sinh viên Trần Văn Khê đứng đầu nhóm kịch, gồm có Huỳnh Văn Tiêng, Hồ Thông Minh, Phan Văn Chúc và một số diễn viên trẻ. Họ đã dàn dựng một chương trình ca nhạc kịch, trình diễn tại Nhà hát lớn Sài Gòn và ở quán nhảy Aristo. Ban kịch cũng đi lưu diễn ở các tỉnh miền Tây Nam bộ trong vòng 5, 6 tháng và đã thu được một số tiền để mua gạo gửi ra miền Bắc cứu đói.

4. Sinh hoạt văn hoá, chính trị của sinh viên từ 1945 tới 1946

Tháng 3-1945, thực dân Pháp bị quân Nhật đảo chính. Không còn sợ mật thám Pháp rình rập, Tổng hội Sinh viên Đông Dương quyết định tổ chức nhiều hình thức hoạt động công khai.

Trước hết, các sinh viên hăng hái tham gia vào Phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hoá nhằm xoá nạn mù chữ. Hội Truyền bá Quốc ngữ ra đời năm 1938, do cụ Nguyễn Văn Tố làm hội trưởng. Tuy đã cho phép hoạt động nhưng chính quyền thực dân Pháp vẫn theo dõi sinh hoạt của hội rất sát. Vì thế, vừa khi thực dân Pháp bị quân Nhật đảo chính, Hội Truyền bá Quốc ngữ phát

triển mạnh thành Phong trào bình dân học vụ và bỏ túc văn hoá.

Sang đầu tháng Tư, sinh viên mở chợ phiên sinh viên tại khuôn viên Toà đốc lí Hà Nội.

Lễ Hai Bà Trưng năm đó mở đầu rầm rộ với đoàn phụ nữ Hà thành đi diễu hành trên các phố, rồi kéo về Nhà hát lớn Hà Nội để khai mạc đại hội, có diễu văn và ca vũ nhạc kịch.

Vài ngày sau, lại tổ chức lễ Giỗ Tổ Hùng Vương rất long trọng. Các sinh viên Kiến trúc phụ trách dựng lễ đài lớn trong khuôn viên Đại học xá; ban tài chánh đi quyên tiền; ban tiếp tân kêu gọi đồng bào tới dự lễ cho thật đông. Theo tác giả Bùi Diễm trong cuốn *Gọng Kim Lịch Sử* thì “hầu như tất cả dân chúng thành phố Hà Nội đến dự lễ”. Để tỏ lòng kính nhớ tổ tiên, mỗi gia đình đem tới một chiếc bánh chưng đặt dưới chân lễ đài. Dân chúng tới đông đến nỗi số bánh chưng dâng cúng “được chất lên cao như núi”. Nhiều đại diện các giới lên phát biểu về ý nghĩa và tinh thần dân tộc bất khuất. Sau mỗi bài phát biểu, dân chúng cùng hô “Việt Nam Muôn Năm” và đồng ca bài *Hùng Vương* của Thẩm Oánh:

Bốn nghìn năm văn hiến

Nước Nam khang cường

Là nhờ công đức người xưa

Nay cháu con Tiên Rồng

Sắt son một lòng

Cất cao lời thề

Nguyện khói hương say

Ý thức được nỗi tủi nhục của một dân tộc bị ngoại bang thống trị quá lâu dài, đến hôm nay người dân Việt mới được tự do tung hô tổ quốc Việt Nam, cho nên già trẻ lớn bé đều nghẹn ngào, nhiều người không cầm được nước mắt. Hôm nay mới thật sự là ngày của người Việt Nam. Sau buổi lễ, mọi người đổ xô ra đường tuần hành trên các đường phố, giơ cao khẩu hiệu “Việt Nam Độc Lập, Việt Nam Độc Lập”.

Ra về, ai cũng cảm thấy hả hê, sung sướng vì vừa được cảm nghiệm những giờ phút linh thiêng của hồn thiêng sông núi.

Mấy tháng kế tiếp, Việt Minh đánh giá cục diện chiến tranh ở thế giới đang đến hồi kết thúc cho nên họ ráo riết chuẩn bị lực

lượng vũ trang và đẩy mạnh chiến tranh tuyên truyền, kết hợp với những vụ thanh toán sát máu những phần tử đối kháng để chuẩn bị khi thời cơ tới, sẽ nổi dậy cướp chính quyền.

Như đã tường thuật trên đây, vào gần giữa tháng 8-1945, Hoa Kỳ thả 2 quả bom nguyên tử xuống đất Nhật và Liên Xô vội vàng tuyên chiến với Nhật thì Việt Minh cũng ra lệnh tổng khởi nghĩa. Rồi ngày 19-8-1945, họ cướp chính quyền tại Hà Nội và sau đó là Huế và Sài Gòn. Nhiều địa phương cũng đã tự động cướp chính quyền.

Riêng tại Sài Gòn vào thời điểm đó, tổ chức Thanh niên Tiền phong nổi bật lên là một tổ chức có sức mạnh thật sự, quy tụ được hàng vạn thanh niên. Thanh niên Tiền phong do Bs. Phạm Ngọc Thạch cùng một số đồng chí khởi xướng. Tham gia Hội đồng Quản trị tổ chức này còn có các Gs. Lê Văn Huân, Ks. Kha Vạn Cân, Bs. Nguyễn Văn Thủ, Ls. Thái Văn Lung, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, sinh viên Huỳnh Văn Tiêng... Các sinh viên Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước, Trần Bửu Kiếm cũng hoạt động tích cực trong tổ chức này. Thanh niên Tiền phong là lực lượng xung kích lớn đã tích cực giúp Việt Minh cướp chính quyền tại Sài Gòn vào ngày 25-8-1945. Sau biến cố cướp chính quyền, tổ chức Thanh niên Tiền phong dần dần tan rã.

Ngày 02-9-1945, Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Trong thành phần chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh lãnh đạo, có Dương Đức Hiền, cựu Tổng hội trưởng Tổng hội Sinh viên Đông Dương. Hồ Chí Minh xuất hiện thì vua Bảo Đại không thể tại vị. Việt Minh dùng nhiều thủ đoạn áp lực nhà vua thoái vị. Do ảnh hưởng của phe sinh viên theo Việt Minh như Dương Đức Hiền, Phan Mỹ..., Tổng hội Sinh viên cũng gửi điện văn vào Huế yêu cầu vua Bảo Đại thoái vị.

Sau khi nắm được chính quyền, Việt Minh tìm cách thuyết phục mọi tổ chức gia nhập Việt Minh. Theo cựu sinh viên Bùi Diễm, Việt Minh rất chú ý tới tập thể sinh viên và cố lấy lòng giới này. Khoảng đầu tháng 10, ông Hồ và Võ Nguyên Giáp đều tới Đông Dương học xá để tiếp xúc với sinh viên. Ông Giáp tới trước. Ông kể cho sinh viên nghe chuyện những năm tháng ở chiến khu

để chuẩn bị cho “Cách Mạng Tháng 8” như thế nào. Ông Giáp có khiếu kể chuyện rất hấp dẫn. Hơn một tuần sau, đích thân ông Hồ tới học xá. Đa số sinh viên lúc ấy không theo Việt Minh. Một số sinh viên đã tham gia các đảng phái khác; họ chống đối Việt Minh ra mặt. Thậm chí có sinh viên còn giở trò nghịch ngợm, biết ông Hồ đang đi thăm các phòng, một anh trần như nhộng chạy từ phòng tắm ra, gặp ông Hồ, anh ta giả vờ giật chiếc khăn nhỏ che thân mình. Ông Hồ nhanh trí nói: “Các chú thì lúc nào cũng đùa nghịch được!” rồi ông thản nhiên bắt tay thăm hỏi mọi người.

Khoảng tháng 11-1945, Đảng Đại Việt mở khoá huấn luyện tại Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn ở Chapa gần biên giới tỉnh Vân Nam. Khóa huấn luyện quy tụ gần 200 học viên. Trong đó có nhiều sinh viên Đại học Đông Dương. Ba bốn tháng sau, Việt Minh mở đợt đàn áp khủng bố các đảng phái Quốc gia từ Nam ra Bắc. Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn đã bị Việt Minh tấn công và tàn sát. Các sinh viên gia nhập Đảng Đại Việt bị sát hại trong đợt này như Đặng Vũ Chúc, Quán Trọng Ứng, Đỗ Ngọc Phúc, Nguyễn Ngọc Trác (học Luật, anh trai của Tổng Giám đốc Việt tân xã VNCH Nguyễn Ngọc Linh), hai anh em Đặng Văn Bút và Đặng Văn Nghiên (con Bs. Đặng Văn Dư), Trần Kế Tạo (học Luật, con Thượng thư Trần Thanh Đạt), ba anh em Đỗ Quang Hiến, Đỗ Quang Lung, Đỗ Quang Vỹ (học Canh nông, con Tri phủ Đỗ Quang Giai, Nghị sĩ VNCH), sinh viên Nguyễn Đình Tú (thời VNCH làm kí giả báo Chính Luận, bị chém vào lưng vát xuống sông, may mắn thoát chết), Lê Hữu Hoài (Y khoa, trốn thoát về nhà bán bánh mì độ nhật), Nguyễn Xuân Chiêu (Y khoa, Trung tướng QLVNCH) và một số chạy thoát sang Tàu, phải đầu quân cho tướng Tàu Cộng là Lâm Bru. Năm 1949, sau khi Trung Cộng chiến thắng ở Hoa Lục, các sinh viên này mới trở về và được Thủ hiến Nguyễn Hữu Trí cho gia nhập Bảo chính đoàn.

Từ đầu những năm 1940, Việt Minh có nội thù là các đảng phái người Việt Nam và ngoại thù là 3 lực lượng lớn: Pháp, Nhật và Tàu. Sang năm 1946, coi như Việt Minh đã thanh toán xong các đảng phái người Việt, còn quân Nhật đã bị giải giới, quân Tàu thì đã về nước, Việt Minh chỉ còn lo đối phó với quân Pháp. Tuy ngày

06-3-1946, Việt Minh và Pháp đã kí hiệp định sơ bộ với nhau, nhưng Pháp đang lăm le tái chiếm Hà Nội và khống chế toàn thể Bắc Việt, còn Việt Minh cũng ráo riết chuẩn bị kháng chiến.

Trong tình hình ấy, để chuẩn bị kháng chiến, Việt Minh thành lập ra các Đội tự vệ cứu quốc. Tại Đông Dương học xá, cũng thành lập ra một Đại đội sinh viên chiến đấu, trang bị súng trường mousqueton, ban đêm thay nhau đi canh gác một số vị trí, ban ngày thì luyện tập quân sự. Khi chiến sự giữa Pháp và Việt Minh nổ ra ngày 19-12-1946, dân chúng Hà Nội tản cư thì Đại đội sinh viên chiến đấu cũng rút khỏi Hà Nội, tới làng Cự Đà bên bờ sông Nhuệ thì tản mác mỗi người mỗi nơi.

5. Tổng hội Sinh viên Đông Dương bỏ phiếu không chấp nhận Việt Minh Cộng sản

Trong âm mưu muốn lôi kéo Tổng hội Sinh viên Đông Dương về với mình, Việt Minh đã cử những tay lợi khẩu, như Trần Văn Giàu, Phan Mỹ, Nguyễn Ngọc Minh, tới để thuyết phục sinh viên.

Trước khi biểu quyết, các sinh viên đã tranh luận sôi nổi, có khi nặng lời và ẩu đả về việc có nên đổi tên Tổng hội Sinh viên Đông Dương thành Tổng hội Sinh viên cứu quốc hay không. Kết quả, đa số sinh viên không đồng ý gia nhập Việt Minh, tức là không chấp thuận nối cái đuôi “Cứu quốc” vào tên Tổng hội Sinh viên như tất cả các tổ chức khác của Việt Minh lúc bấy giờ.

Thất bại trong cuộc biểu quyết, Việt Minh đưa ra 2 quyết định:

Một là ra lệnh thanh toán sinh viên Phan Thanh Hoà, Tổng hội trưởng Tổng hội Sinh viên Đông Dương. Vào một đêm tối trời năm 1946, Việt Minh cử người vào Đông Dương học xá để bắt cóc sinh viên Phan Thanh Hoà mang đi thủ tiêu. Lí do vì Phan Thanh Hoà tuyên bố Tổng hội Sinh viên đứng ngoài các đảng phái và công khai chống hai anh em Phan Anh, Phan Mỹ là người của Cộng sản gửi tới lôi kéo Tổng hội Sinh viên đi theo Việt Minh. Sau này, thời chiến tranh Quốc - Cộng, CSVN sẽ lặp lại trò giết người này để trả thù sự thất bại và răn đe tập thể sinh viên trong vụ ám sát sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật tại Đại học Luật khoa Sài Gòn vào năm 1971. Lí do là vì sinh viên Lê Khắc Sinh Nhật đã thắng các cán bộ Thành

Đoàn Cộng sản trong cuộc bầu cử Ban Đại diện Sinh viên Luật khoa và Tổng hội Sinh viên Sài Gòn.

Hai là chính Trường Chinh, kí tắt là TC, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, đã viết bức thư “*Mấy lời tâm huyết cùng các bạn sinh viên*”, phổ biến trên báo Sự Thật, số 4, ra ngày 15-12-1945, mục đích là để cổ thuyết phục và chiêu dụ sinh viên đi theo Việt Minh (Xem nguyên văn bức thư của Trường Chinh ở phần Chú thích cuối bài).

IV. MỘT SỐ NHẬN XÉT

1. Thế hệ các sinh viên Đại học Đông Dương Hà Nội khoảng đầu những năm 1940 là thế hệ được đào luyện từ hệ thống giáo dục Pháp cho nên họ chịu ảnh hưởng văn minh, văn hoá Pháp sâu sắc.

Đa số sinh viên thời đó xuất thân từ những gia đình khá giả cho nên mới có điều kiện ăn học lên cao. Những sinh viên con nhà giàu này chỉ muốn sống an phận thủ thường, lo “giật” lấy mảnh bằng để sau này có chút địa vị trong xã hội (do thực dân Pháp cai trị), và đó cũng là nguyện vọng của cha mẹ và gia đình họ.

Tuy nhiên, vẫn có một số khá đông sinh viên biết đặt dân tộc và đất nước lên trên những lợi lộc vật chất và công danh, sự nghiệp bản thân. Do đã lĩnh hội được tư tưởng khai phóng và tinh thần cách mạng Pháp, họ hiểu biết về các quyền lợi căn bản của người dân, như các quyền bình đẳng, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do đi lại. Họ hiểu như thế nào là chế độ thực dân, là áp bức bóc lột, là độc lập, tự do, dân chủ và họ đã đem những kiến thức mới mẻ ấy để nâng nhiệt tình yêu nước của chính mình lên một bước trưởng thành mới. Sau đó, họ dùng báo chí, ca, kịch để khơi dậy lòng ái quốc và thúc giục đồng bào đứng lên chống lại thực dân Pháp, giành lại độc lập cho nước nhà.

2. Các sinh viên trong Tổng hội Sinh viên Đông Dương thời đó chưa quy tụ lại thành một phong trào sinh viên tranh đấu có tổ chức chặt chẽ, cũng chưa tranh đấu quyết liệt nhắm vào các mục tiêu cụ thể như các phong trào sinh viên tranh đấu sau này ở Miền Nam từ 1963 tới 1971. Nhưng xuất phát từ nhiệt tình yêu nước và mới chỉ phát huy hình thức ca kịch mà thôi, các sinh viên thời ấy

đã tạo nên được những kì tích có tính cách lịch sử.

Một điều khá lí thú là những sinh viên hoạt động văn hoá, văn nghệ hăng say nhất trong thời điểm ấy lại là nhóm các sinh viên từ miền Nam ra học tại Hà Nội, như Lưu Hữu Phước, Nguyễn Tôn Hoàn, Mai Văn Bộ, Huỳnh Văn Tiểng, Trần Văn Khê, Phan Thanh Hoà, Đặng Ngọc Tốt, Nguyễn Thành Nguyên, Nguyễn Mỹ Ca, Phan Thị Bình, Nguyễn Thị Thiều...

3. Âm nhạc là bộ môn nghệ thuật có sức sức lôi cuốn hấp dẫn và dễ phổ biến xa rộng tới mọi tầng lớp nhân dân. Chỉ một mình sinh viên Lưu Hữu Phước đã có thể sáng tác ra nhiều bài hát ái quốc vượt thời gian, như *Tiếng Gọi Sinh Viên*, *Người Xưa Đâu Tá*, *Bạch Đằng Giang* (lời của Mai Văn Bộ), *Ái Chi Lăng* (lời của Mai Văn Bộ), *Hội Nghị Diên Hồng*, *Hát Giang Trường Hận* (*Hồn Tử Sĩ*), *Xếp Bút Nghiên*... Đây là những bài hát có tính cách lịch sử, đã làm bừng sống dậy tình yêu quê hương đất nước. Những bài hát này được đồng bào khắp nơi, từ Nam chí Bắc, hưởng ứng nhiệt liệt bởi vì tâm tình của những bài hát phản ánh đúng tâm tình yêu nước của mọi người dân Việt.

Những bài hát ái quốc này, chẳng những được mọi người Việt Nam thời tiền chiến (trước 1945, 1946) hoan nghênh mà còn được thưởng thức và phổ biến rộng rãi ở khắp Miền Nam tự do sau ngày chia đôi đất nước năm 1954. Cho tới tận ngày nay, những bài hát ấy vẫn còn được người Việt hải ngoại yêu mến đặc biệt.

Lí do khiến các tác phẩm tiền chiến của các tác giả trên được dân Miền Nam tự do trân trọng và thưởng thức là vì đó là những sáng tác có giá trị nghệ thuật cao; hơn nữa, khi sáng tác các tác phẩm trên đây, tất cả các tác giả ấy chưa biết Đảng, chưa theo Đảng, chưa trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản. Và vì thế các tác phẩm ấy không có tính Đảng, không nhằm phục vụ Đảng. Lúc đó, các tác giả được tự do sáng tác theo cảm hứng tự nhiên, trung thực và đầy tính nhân bản.

Trước hết, bài *Sinh Viên Hành Khúc* là bài hát có lịch sử rất đặc biệt. Các chính phủ Quốc gia đã chọn bài này làm bài quốc ca với tên gọi là *Tiếng Gọi Công Dân*. Ngày nay, bài *Tiếng Gọi Công Dân* vẫn còn là bài quốc ca của các cộng đồng người Việt tại hải

ngoại. (Chúng tôi sẽ có riêng một bài viết về bài hát danh tiếng này).

Bài Hồn Tử Sĩ ai oán được người Miền Nam tự do và người Việt hải ngoại tấu lên trang trọng trong mọi buổi lễ chính thức, để mặc niệm các anh hùng, tử sĩ vì quốc vong thân.

Bài Hội Nghị Diên Hồng thường xuyên được trình diễn thành nhạc cảnh tại các trường học, trên các sân khấu lớn nhỏ ở Miền Nam tự do ngày xưa và tại hải ngoại ngày nay... Bài này có giá trị giáo dục mọi người dân Việt Nam hãy noi gương tiền nhân mà đoàn kết một lòng mỗi khi đất nước gặp cơn nguy biến trước hiểm hoạ ngoại xâm.

4. Gặp thời buổi thế giới đại loạn, cục diện Việt nam cũng đi vào khúc quanh quan trọng. Đảng Cộng sản và các đảng phái Quốc gia xuất hiện. Chỉ trong một thời gian ngắn “so găng”, Đảng Cộng sản, tức Việt Minh, đã tiêu diệt được tất cả các đảng phái khác. Các đảng phái bị thất bại vì nhiều lí do. Nếu có dịp đọc Chương 8, Những Vấn Đề Của Chính Đảng Việt Nam trong cuốn *Lịch Sử Các Đảng Phái Việt Nam* của Gs. Nguyễn Khắc Ngữ (Tủ sách Sử Địa, 1989. Trang 119-142), chúng ta sẽ thấy tác giả căn cứ vào nhận định của các lãnh tụ đảng phái như cụ Vũ Huy Chân, cụ Nguyễn Văn Lược và của Gs. Trần Tuấn Nhậm, rồi phê phán các đảng phái như sau:

Thiếu lãnh tụ đủ tài, đức.

Đường lối lãnh đạo “sai lầm, mù quáng” vì chỉ biết “dựa vào các thế lực ngoại bang”.

Không có lí thuyết hoặc có lí thuyết nhưng lí thuyết bất cập hoặc lỗi thời cho nên không có phương hướng chỉ đạo đúng đắn chiến lược hành động.

Cán bộ điều khiển của các đảng phái thường hay có thói “quan liêu” và tác phong “lãnh tụ”. Các cán bộ cấp địa phương và cấp thừa hành thì vừa thiếu vừa không được huấn luyện chu đáo.

Các đảng phái không nắm được quần chúng bởi vì họ chỉ biết lo cho đảng của mình, không đóng góp gì cho xã hội vì cho rằng đó là việc của chính quyền.

Vì tất cả những khiếm khuyết kể trên cho nên dân chúng, nói

chung, thường cho rằng đảng phái “là xôi thịt, bê bối, bắt lạt..., không có ích lợi gì cho công cuộc xây dựng đất nước”.

Đúng vậy, quan sát tình hình chính trị xáo trộn triền miên ở Miền Nam từ cuối thời Đệ Nhất Cộng Hoà trở về sau, người ta thấy các lãnh tụ một số đảng phái thường cho mình là “duy ngã độc tôn”, chỉ có mình mới xứng đáng nắm quyền lãnh đạo quốc gia. Từ đó phát sinh tâm lí “trâu buộc ghét trâu ăn”, nhưng tệ hại nhất là “không được ăn thì đập đổ”. Đảng phái không có đủ khả năng tranh quyền bằng phương thức chính trị, theo quy định của Hiến pháp có sẵn như ở các nước văn minh, thì họ tìm mọi cách để lật đổ chính quyền Quốc gia hợp pháp đương nhiệm bằng những cuộc đảo chính quân sự, thậm chí còn sẵn sàng giết chết vị lãnh đạo do dân bầu lên. Chính quyền đổ rồi, cờ đến tay thì mấy lãnh tụ đảng phái không biết phát làm sao... Số các đảng phái chủ trương làm chính trị theo kiểu “bạo loạn” ấy, có xứng đáng được gọi là đảng phái Quốc gia như thường thấy trong sách báo xưa nay không? Thiển nghĩ, thay vì gọi họ là đảng phái Quốc gia thì chỉ nên gọi là đảng phái không Cộng sản mà thôi.

Thực chất các đảng phái không Cộng sản có những điểm yếu kém như thế cho nên đã bị Đảng Cộng sản tiêu diệt mau chóng. Đau đốn thay, có nhiều sinh viên ưu tú, đầy nhiệt huyết, đã dám từ bỏ tất cả để đi theo các đảng này cũng và đã bị Việt Minh Cộng sản giết hại thê thảm.

Riêng Đảng Cộng sản Việt Nam do Cộng sản quốc tế chỉ đạo cho nên họ có thể quốc tế, có sách lược, lãnh tụ Hồ Chí Minh nhiều quỷ kế và sẵn sàng dùng bất cứ phương tiện nào để đạt mục đích, cán bộ được huấn luyện và kỉ luật sắt máu...

Một thành phần sinh viên ưu tú thuộc Tổng hội Sinh viên Đông Dương thời đó có nhiệt tình yêu nước, nhưng chưa đủ kinh nghiệm để khám phá ra thực chất Việt Minh là Cộng sản, cho nên đã bị Việt Minh Cộng sản thuyết phục và chiêu dụ bằng các khẩu hiệu tốt đẹp như: “yêu nước phải cứu nước”, “chỉ có Việt Minh mới có khả năng cứu nước”, “chống thực dân Pháp, giành độc lập cho tổ quốc”, “kháng chiến cứu quốc”... Song, sau hơn một nửa thế kỉ

nhìn lại, chúng ta thấy rõ ràng, tất cả những sinh viên thời đó đi theo Việt Minh Cộng sản đều đã bị họ lợi dụng nhất thời rồi đào thải không thương tiếc, ngoại trừ một số sinh viên tốt nghiệp trở thành những bác sĩ Y khoa tài giỏi được trọng dụng trong lãnh vực chuyên môn, như các Gs. Tôn Thất Tùng, Gs. Đặng Văn Chung... Lí do đơn giản là vì đa số các sinh viên thuộc thành phần trí thức, tiểu tư sản hoặc địa chủ. Trong lãnh vực chính trị, trường hợp cựu sinh viên Mai Văn Bộ leo lên được vị trí đại sứ là hết sức hoạn hiếm.

Đang khi đó, tại Miền Nam, không kể đến các cựu sinh viên ra trường trước năm 1940, như Bs. Phan Huy Quát (Thủ tướng), Trần Trung Dung (Bộ trưởng)..., đường “hoạn lộ” của các cựu sinh viên thuộc Tổng hội Sinh viên Đông Dương tại Hà Nội xem ra rất thênh thang, như Bs. Nguyễn Tôn Hoàn (Phó Thủ tướng), Bs. Nguyễn Lưu Viên (Phó Thủ tướng), Gs. Vũ Quốc Thông (Bộ trưởng), Ls. Trần Chánh Thành (Bộ trưởng), Bs. Trần Vỹ (Bộ Trưởng), Ls. Lâm Lễ Trinh (Bộ trưởng), Bùi Diễm (Bộ trưởng, Đại sứ), Cao Xuân Vỹ (Tổng Giám đốc tổ chức Thanh niên Cộng hoà thời Đế Nhất Cộng Hoà), Gs. Vũ Quốc Thúc (Thống đốc Ngân hàng Quốc gia), Phạm Xuân Chiêu (Trung tướng, Đại sứ)...

Ước mong những điều trình bày trên đây giúp đôi chút tài liệu để các thế hệ mai sau “ôn cố nhi tri tân”.

Tháng 10-2013

Chú thích:

Nguyên văn bức thư của Trường Chinh gửi các sinh viên Đại học Đông Dương như sau:

Mấy lời tâm huyết cùng các bạn sinh viên

Hà Nội, ngày 12-12-1945

Các bạn,

Luôn hai kỳ các bạn họp để bàn: có nên ở trong Việt Minh hay ra ngoài Việt Minh.

Các bạn đã tranh luận nhiều, hơi nhiều một chút, trong khi các chiến sĩ cứu quốc – mà phần lớn là chiến sĩ Việt Minh, nghĩa là có cả một số sinh viên cứu quốc nữa – đang xông pha trong lửa đạn

để ngăn cản quân thù.

Trong buổi họp hôm 9-12-1945 mới đây, các bạn đã chia làm hai phe: phe tán thành đứng trong Việt Minh, phe chủ trương ra khỏi hàng ngũ Việt Minh. Lúc biểu quyết phe sau trội hơn phe trước 8 phiếu. Cuộc đấu phiếu này đã bóc trần một nhược điểm của sinh viên ta: trong khi toàn dân đoàn kết để kháng chiến kiến quốc thì sinh viên lại chia rẽ, chia rẽ về thái độ chính trị.

Ở trong Việt Minh hay ra ngoài Việt Minh, cố nhiên đó là việc riêng của các bạn. Song lấy tư cách vừa là một người công dân, vừa là một cựu sinh viên, tôi tự xét cần phải phát biểu một vài ý kiến về việc làm của các bạn, vì các bạn há không phải là tinh hoa của đất nước, là các phần tử anh tuấn trong dân tộc? Chủ trương hành động của các bạn đúng, quốc dân tự lấy làm vinh. Chủ trương hành động của quý vị sai, quốc dân không thể không hổ thẹn.

Sau cuộc Cách mạng tháng Tám, các bạn đã quyết nghị lấy danh nghĩa **TỔNG HỘI SINH VIÊN CỨU QUỐC** gia nhập Việt Minh.

Đúng lắm! Trong bao năm nô lệ, muốn yêu nước không được yêu, muốn cứu nước không được cứu. Ngày nay rồi được xiềng xích, các bạn mạnh bước lên đài chính trị, quyết làm tròn **SỨ MẠNG CỦA KẸ SĨ VIỆT NAM**; các bạn quyết kẻ vai sát cánh với các đoàn thể trong Việt Minh. Suốt mấy năm nay đã vào sinh ra tử để giành độc lập cho Tổ quốc.

Điều quyết nghị ấy của các bạn thích hợp lắm. Ai dám bảo sinh viên Việt Nam là hèn dốt? Thực ra không phải bây giờ sinh viên Việt Nam mới tham gia công cuộc cứu nước. Từ năm 1924-25 đến nay, gia đình sinh viên Việt Nam chúng ta, thường có người hiến thân cho nước, hoặc đã hy sinh, hoặc đang chiến đấu. Điều quyết định của các bạn chỉ chứng tỏ thêm các bạn luôn luôn trung thành với tập truyền yêu nước của sinh viên Việt Nam mà thôi.

Ngày nay nhân những khó khăn về ngoại giao và nội trị của nước nhà, một bọn nhát gan và khiêu khích đặt giữa các bạn vấn đề nên đứng trong Việt Minh hay ra ngoài Việt Minh. Trong khi Việt Minh đang cùng Chính phủ lâm thời lãnh đạo cuộc chiến đấu vĩ đại chống thực dân Pháp xâm lược mà đặt ra vấn đề ấy! Còn gì

xúc phạm đến tinh thần của sinh viên hơn nữa? Song những kẻ khiêu khích cứ nói, nói hết như giọng thực dân Pháp trước đây vậy. Họ bảo sinh viên chỉ nên học và “yêu nước” thôi; sinh viên nên đứng trung lập, không nên tham gia chính trị đảng phái. Họ phỉnh lòng tự ái của sinh viên và bảo cho các sinh viên “không nên để cho đảng phái nào lợi dụng”. Họ kháy tính tự cao, tự đại của sinh viên mà nhủ sinh viên nên “đứng trên các đảng phái” để hoà giải mọi sự phân tranh, v.v.... Đến nỗi họ đưa ra những luận điểm đê hèn và gian dối, ví dụ: từ ngày giành được chính quyền, Việt Minh đã hất hủi sinh viên, không để sinh viên có một địa vị xứng đáng; Việt Minh là Cộng sản, những Ủy ban Nhân dân do Việt Minh lãnh đạo đang tịch thu tài sản của nhà giàu (vì họ biết phần đông sinh viên là con nhà khá giả). Họ lừa phỉnh, khinh miệt sinh viên ta đến thế là cùng! Họ nói nhiều nữa và chính họ đã la ó một cách khiếm nhã trong các buổi họp của các bạn gần đây. Chính họ là cái loa của nhóm “Việt Nam”, một nhóm chuyên môn chia rẽ trong sinh viên đó.

Không, không! Hỡi các bạn sinh viên yêu quý! Tôi tin rằng các bạn không để cho họ khiêu khích, cũng không thể tự hờn mình. Tôi tin rằng các bạn các bạn đủ trí thông minh mà nhận chân thời cuộc, đủ lòng kiên quyết vượt mọi gian nan, dặng thẳng tiến trên con đường cứu nước.

Đúng thế, lúc nào nước đang gặp nạn. Sinh viên đi học không để cứu nước thì để làm gì? Hãy trông: nhi đồng, phụ nữ, học sinh, thầy thợ v.v... còn biết hăm hở cứu nước. Sao sinh viên lại có thể nói: chỉ biết học, không biết yêu nước? Sinh viên yêu nước nhưng không cứu nước có được không? Không thể được. Nước đang bị xâm lược, yêu nước mà không cứu nước là yêu nước ngoài miệng. Sinh viên đứng trung lập có được không? Cũng không. Vận nước đang chênh vênh; trung lập là trốn tránh trách nhiệm, là hèn nhát. Từ trung lập đến phản bội, chỉ một bước mà thôi. Sinh viên không muốn cho ai lợi dụng. Được lắm. Sinh viên gia nhập Việt Minh là tự mình “lợi dụng” tài năng của mình trong công việc cứu nước; sinh viên ra ngoài Việt Minh là bắt đầu bị bọn khiêu khích chuyên nghề lợi dụng rồi.

Sinh viên đứng trung gian dàn xếp sự xung đột đảng phái. Nếu được thế còn gì hay bằng? Nhưng sinh viên hãy tự dàn xếp trong hàng ngũ mình trước đã. Sinh viên không nên bắt chước: “con ruồi của cái xe ngựa” trong thơ ngụ ngôn La Phông-ten. Sinh viên cũng như các giới khác trong nhân dân, không thể làm một việc mà lúc này chỉ có Quốc hội và sự thành tâm của chính đảng mới làm nổi. Và chẳng tại sao cứ đứng ra ngoài Việt Minh, mới dàn xếp sự xích mích đảng phái được? Muốn mau “dàn xếp” chỉ có một cách là đứng trong Việt Minh mà đập lại bọn chia rẽ kia.

Hỡi các bạn sinh viên! Hai nẻo đường – mà chỉ có hai nẻo đường – đã mở ra trước mắt các bạn: cứu quốc và phản quốc. Trong hai đường ấy các bạn phải chọn lấy một. Phản quốc ư? Quyết không! Cứu quốc ư? Nhất định thế. Đã cứu quốc, phải chọn bạn đồng hành, phải tìm vây cánh, vì không một giới nào có thể riêng mình làm tròn được nhiệm vụ cứu nước. Có bạn đáp: Phải, chúng tôi sẽ tìm bạn đồng hành ấy không cứ phải là Việt Minh. Các bạn tự do chọn. Song có điều chắc chắn là trên con đường cứu quốc, ở nước ta hiện nay, ngoài Việt Minh ra, các bạn không thể tìm được một người bạn đồng hành trung thành, khoẻ mạnh và can đảm thứ hai nữa.

Tóm lại, theo ý kiến của tôi, các bạn sinh viên nên và cần đứng trong mặt trận Việt Minh. “TỔNG HỘI SINH VIÊN CỨU QUỐC”, cái tên ấy ta nên giữ như một vật báu chừng nào nước vẫn chưa hoàn toàn độc lập. Bạn nào tự nhận chưa xứng đáng là người cứu quốc thì gắng trở thành người cứu quốc. Bạn nào trong giờ phút nghiêm trọng này còn do dự, hoài nghi, không dám đi vào con đường cứu quốc, xin hãy tạm rút lui. Ta giữ làm sao được họ? Trong cơn bão táp, những lá vàng nhất định phải lià cành!... Song ta không thể vì sự hoang mang, hèn nhát hay thiếu thành thực của một số người mà bỏ tên cứu quốc. Ta cũng không thể lià bỏ Việt Minh, trong khi một bọn người tự nhận là “cách mạng” hoà nhịp với thực dân Pháp công kích Việt Minh. “Khi vui thì vỗ tay vào”, đó quyết không phải là thái độ của sinh viên chúng ta.

Trong buổi hội họp 9-12-1945, cuộc biểu quyết của các bạn chưa được hợp lệ. Chủ nhật tới đây, các bạn lại biểu quyết lại. Tôi

đề nghị các bạn sinh viên có mặt tại Hà Nội đi họp tất cả để ném thêm quả tạ vào đĩa cân.

Danh dự các bạn sẽ được định đoạt trong buổi họp tới và quốc dân sẽ căn cứ vào thái độ của các bạn mà xét các bạn.

Mong các bạn đừng phụ lòng ái mộ của đồng bào.

Chào quyết tâm. T.C.

(“Mấy lời tâm huyết cùng các bạn sinh viên”, Văn kiện Đảng 1945– 1954, Lưu hành nội bộ. Đảng Cộng sản Việt Nam – Ban chấp hành Trung ương, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội – 1978, (từ trang 149 đến trang 154).

Tham khảo:

- Trần Đỗ Cung, Hà Nội 1945 (Hồi ức). Baovecovang2012.word-press.com
- Lâm Lễ Trinh. Mạn đàm với Bs. Nguyễn Lưu Viên: Từ Hà Nội La Celle-Saint Cloud đến những ngày VNCH hấp hối. 01.8.2001.
- Lâm Lễ Trinh. Vài ký ức về Lưu Hữu Phước, Trần Văn Khê và Tổng hội SVVN. Tuần báo Vietnam Weekly News. Issue # 952. July 27, 2007.
- Bùi Diễm. Gọng Kim Lịch Sử. Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai. 2000.
- Trần Văn Giàu. Lược sử Thành phố Sài Gòn từ khi Pháp xâm chiếm (1859) đến tháng Tư năm 1975. Địa Chí Văn Hoá TPHCM. Tập I: Lịch sử. NXB TPHCM, 1998.
- Trần Thị Phương Hoa. Đại học Đông Dương, sự đoạn tuyệt với quá khứ. Vanhoanghean.com.vn.
- Gs. Phạm Cao Dương. Chương trình PGVN Thống Nhất, Văn phòng Viện Hoá đạo II, Đài SBTN, thứ Bảy ngày 29-10-2011.
- Nguyễn Khắc Ngữ. Lịch sử Các Đảng phái Việt nam. Tủ Sách Nghiên Cứu Sử Địa, 1989.
- Hoà Giang Đỗ Hữu Nghiêm. Đại Học Việt Nam Thời Khai Sinh.<http://tntt.free.fr.archive/huunghiemDo.html>
- Nguyễn Quang Duy. Sinh Viên Hà Nội 1945: biểu quyết dời bỏ hàng ngũ Việt Minh, 2008 talawas.

PHỤ BẢN 4 - TẠI SAO QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ LÀ MỘT BÀI HÁT CỦA MỘT ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN?



Nhạc sĩ Lê Hữu
Phước

Đọc báo mạng, chúng ta thường bắt gặp một số phản hồi từ các độc giả trẻ trong nước thắc mắc tại sao Việt Nam Cộng Hoà và các cộng đồng người Việt Quốc gia hải ngoại lại lấy một bài hát của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, một đảng viên Cộng sản, để làm bài quốc ca?

Để góp phần giải toả phần nào thắc mắc của các bạn trẻ trong nước, trước hết, nên tìm về lai lịch khá đặc biệt của bài hát danh tiếng này.

I. BỐI CẢNH

Nửa đầu thế kỉ 20, cả Đông Dương thuộc Pháp (Việt-Miên-Lào) chỉ có một trường Đại học mang tên Đại học Đông Dương (Université de L'Indochine) tại Hà Nội. Hồi những năm 1940, có khoảng trên 800 sinh viên theo học ở đây, phân nửa là sinh viên Việt Nam, còn lại là các sinh viên Miên, Lào, Pháp và có cả một ít sinh viên Tàu và vài nước Đông Nam Á nữa.

Thời đó, chỉ có con nhà khá giả mới có tiền học lên Đại học, nhất là phải đi học xa nhà. Nói chung, hầu hết các sinh viên này chỉ lo “giật” lấy mảnh bằng để sau này có địa vị, có tiền bạc theo nguyện vọng của cha mẹ và gia đình họ.

Tuy nhiên, vẫn có một số sinh viên biết đặt dân tộc và đất nước lên trên những lợi lộc vật chất và công danh, sự nghiệp bản thân. Họ đã lĩnh hội được tư tưởng khai phóng và tinh thần cách mạng Pháp. Họ hiểu biết về các quyền lợi căn bản của người dân, như các quyền bình đẳng, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do đi lại..., và hiểu như thế nào là chế độ thực dân, là áp bức bóc lột, là độc lập, tự do, dân chủ. Vì thế, họ đã đem những kiến thức mới mẻ ấy để nâng nhiệt tình yêu nước của chính mình lên một bước trưởng thành mới; sau đó, họ dùng báo chí, ca, kịch để khơi dậy lòng ái

quốc và thúc giục đồng bào đứng lên chống lại thực dân Pháp, giành lại độc lập cho nước nhà.

Một điều đáng chú ý là những sinh viên hoạt động văn hoá, văn nghệ hăng say và đều đặn nhất trong thời điểm ấy là nhóm sinh viên từ miền Nam ra học tại Hà Nội, như Lưu Hữu Phước, Nguyễn Tôn Hoàn, Mai Văn Bộ, Huỳnh Văn Tiểng, Trần Văn Khê, Phan Thanh Hoà, Đặng Ngọc Tốt, Nguyễn Thành Nguyên, Nguyễn Tú Vinh, Nguyễn Văn Thiêm, Hồ Văn Huê, Nguyễn Mỹ Ca, Phan Thị Bình, Nguyễn Thị Thiều...

Xuất sắc nhất trong số các sinh viên hoạt động văn nghệ thời đó là sinh viên Lưu Hữu Phước. Sinh viên Lưu Hữu Phước đã sáng tác ra nhiều bài hát ái quốc vượt thời gian, như *Tiếng Gọi Sinh Viên*, *Người Xưa Đâu Tá*, *Bạch Đằng Giang* (lời của Mai Văn Bộ), *Ái Chi Lăng* (lời của Mai Văn Bộ), *Hội Nghị Diên Hồng*, *Hát Giang Trường Hận (Hồn Tử Sĩ)*, *Xếp Bút Nghiên*...

Đây là những bài hát có tính cách lịch sử, đã làm bùng sống dậy tình yêu quê hương đất nước.

II. BÀI SINH VIÊN HÀNH KHÚC

Bài *Sinh Viên Hành Khúc* (La Marche des Étudiants) là bài hát có lịch sử rất đặc biệt. Bài được sáng tác năm 1939, nhạc của Lưu Hữu Phước, lời tiếng Pháp của Lưu Hữu Phước và Mai Văn Bộ và được chọn là bài hát của Câu lạc bộ Học sinh Petrus Ký (chưa tìm thấy lời tiếng Pháp đầu tiên này).

Từ khi ra đời, phần nhạc của bài hát không thay đổi, nhưng phần lời sẽ lần lượt được sửa chữa bởi tác giả, bởi các bạn sinh viên và sau này còn được sửa chữa coi như mới hẳn theo mục tiêu và chính kiến khác nhau của các tập thể chọn lựa bài hát này. Bài hát cũng sẽ mang các tên khác nhau: *Sinh Viên Hành Khúc*, *Tiếng Gọi Sinh Viên*, *Thanh Niên Hành Khúc*, *Tiếng Gọi Thanh Niên*, *Quốc Dân Hành Khúc*, *Tiếng Gọi Công Dân*.

Trước hết, theo Ts. Trần Quang Hải và báo Chuông Việt thì nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đã đặt lời tiếng Việt đầu tiên cho bài hát trước 1940, hồi còn là học sinh ở Sài Gòn với câu mở đầu: "Này anh em ơi ! Chúng ta kết đoàn hùng tráng. Đồng lòng cùng nhau,

ta đi kiếm nguồn tươi sáng..." Khi ra học ở Đại học Đông Dương, Hà Nội, khoảng 1940-1941, ông lại sửa chữa đôi chút với lời mới như sau: "*Nào anh em ơi ! Tiến lên đến ngày giải phóng. Đồng lòng cùng nhau, ta đi sá gì thân sống...*" và đặt tên cho bài hát là "*Sanh Viên Hành Khúc*" (Nguyễn Vĩnh Tráng. Lời mới cho bài hát "Tiếng gọi thanh niên" dẫn theo DT Pho Rum của Đặc Trưng, năm 2000, với tài liệu lấy ở "Âm Nhạc Việt Nam" của Trần Quang Hải, 1989, và báo Chuông Việt 1966. Chimviet, free.fr.).

Từ chỗ ít người biết đến, bài hát đã được một nhóm sinh viên đem ra hát công khai trong những buổi đi cắm trại hoặc đi viếng những địa danh lịch sử. Và vì phần lời bằng tiếng Việt lúc đầu còn "thô kệch", lại bị Sở mật thám Pháp làm khó dễ do nội dung thôi thúc sinh viên đứng lên đấu tranh giải phóng đất nước, cho nên các bạn sinh viên đã phải sửa lại lời cho trôi chảy hơn cũng như phải "đấu tranh" với cơ quan kiểm duyệt để bài hát trở thành hợp pháp, và sau đó được Tổng hội Sinh viên Đông Dương (Association Générale des Étudiants Indochinois, viết tắt A.G.E.I.) chọn làm bài hát chính thức với danh xưng là "*Sinh Viên Hành Khúc*" hay "*Tiếng Gọi Sinh Viên*", mở đầu bằng: "*Này Sinh Viên ơi ! Đứng lên đáp lời sông núi. Đồng lòng cùng đi, đi đi mở đường khai lối...*"

Việc các sinh viên thuộc Tổng hội Sinh viên Đông Dương phân công nhau soạn ra phần lời mới cho bài *Sinh Viên Hành Khúc* được Gs. Nguyễn Ngọc Huy thuật lại với khá nhiều chi tiết. Theo ông, chiều ngày 15-3-1942, Tổng hội Sinh viên tổ chức tại đại giảng đường của viện Đại học một buổi ca hát để lấy tiền giúp các bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện được dùng làm nơi thực tập cho các sinh viên Khoa Y Dược. Nhân dịp này, Tổng hội Sinh viên muốn tung ra một bài hát đặc biệt để làm bài hát chính thức của Tổng hội. Trưởng ban âm nhạc của Tổng hội lúc đó là sinh viên Nguyễn Tôn Hoàn nhận thấy nhạc điệu bài *La Marche des Étudiants* của sinh viên Lưu Hữu Phước "có tánh cách kích động tinh thần tranh đấu hơn hết" nên đã chọn để làm phần nhạc cho bài hát chính thức của Tổng hội Sinh viên, lấy tên là *Sinh Viên Hành Khúc* và giao cho một uỷ ban soạn phần lời cho bản nhạc này. Uỷ ban gồm có các sinh viên Đặng Ngọc Tốt, Mai Văn Bộ, Huỳnh Văn Tiêng,

Nguyễn Thành Nguyên, Phan Thanh Hoà, Hoàng Xuân Nhị. (Gs. Nguyễn Ngọc Huy. Quốc Kỳ và Quốc Ca Việt Nam. TTXVA. Xem thêm bài Ký Ức Về Lưu Hữu Phước, Trần Văn Khê và Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam của Ls. Lâm Lễ Trinh. Vietnam Weekly News, Số 952, 27-7-2007).

Sinh Viên Hành Khúc

I

Này sinh viên ơi! Đứng lên đáp lời sông núi!
Đồng lòng cùng đi, đi, mở đường khai lối
Vì non sông nước xưa, truyền muôn năm chớ quên,
Nào anh em Bắc Nam! Cùng nhau ta kết đoàn!
Hồn thanh xuân như gương trong sáng,
Đừng tiếc máu nóng, tài xin ráng!
Thời khó, thế khó, khó làm yếu ta,
Dầu muôn chông gai vững lòng chi sá
Đường mới kíp phóng mắt nhìn xa bốn phương,
Tung cánh hồn thiếu niên ai đó can trường.

Điệp khúc

Sinh viên ơi! Ta quyết đi đến cùng!
Sinh viên ơi! Ta thề đem hết lòng!
Tiến lên đồng tiến! Vẻ vang đời sống!
Chớ quên rằng ta là giống Lạc Hồng!

II

Này sinh viên ơi! Dấu xưa vết còn chưa xoá!
Hùng cường trời Nam, ghi trên bảng vàng bia đá!
Lùa quân Chiêm nát tan, thành công Nam tiến luôn,
Bình bao phen Tống Nguyên, từng ca câu khai hoàn
Hồ Tây tranh phong oai son phấn,
Lừng tiếng Sát Thát Trần Quốc Tuấn
Mài kiếm cứu nước nhớ người núi Lam,
Trừ Thanh, Quang Trung giết hàng bao đám
Nòi giống có khí phách từ xưa chớ quên,
Mong đến ngày vẻ vang, ta thấp hương nguyện.

Điệp khúc

III

*Này sinh viên ơi! Muốn đi đến ngày tươi sáng,
Hành trình còn xa, chúng ta phải cùng nhau gắng!
Ngày xưa ai biết đem tài cao cho núi sông,
Ngày nay ta cũng đem lòng son cho giống dòng
Là sinh viên vun cây văn hoá,
Từ trước sẵn có nhiều hoa lá
Đời mới kiến thiết đáp lòng những ai
Hằng mong ta ra vũng cầm tay lái
Bền chí quyết cố gắng làm cho khắp nơi
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời!*

Điệp khúc

Phần lời tiếng Việt chỉ thích hợp với các sinh viên Việt Nam, do đó, để toàn thể sinh viên Đại học Đông Dương, gồm cả Pháp, Miên, Lào, có thể hát chung một bài hát, uỷ ban soạn lời đã viết thêm phần lời bằng tiếng Pháp và lấy lại tên cũ là *La Marche des Étudiants*.

La Marche des Étudiants

*Étudiants! Du sol l'appel tenace
Pressant et fort, retentit dans l'espace
Des côtes d'Annam aux ruines d'Angkor,
À travers les monts, du sud jusqu'au nord,
Une voix monte ravie:
Servir la chère Patrie!
Toujours sans reproche et sans peur
Pour rendre l'avenir meilleur.
La joie, la ferveur, la jeunesse
Sont pleines de fermes promesses.*

Điệp khúc

*Te servir, chère Indochine,
Avec cœur et discipline,
C'est notre but, c'est notre loi
Et rien n'ébranle notre foi!*

Sau buổi trình diễn ca nhạc chiều ngày 15-3-1942 thành công

mỹ mãn, bài *Sinh Viên Hành Khúc* được công nhận là bài hát chính thức của Tổng hội Sinh viên Đại Học Đông Dương. Từ đó, các sinh viên trong ban âm nhạc tiếp tục phổ biến bài hát này cho công chúng Hà Thành trong những buổi trình diễn tại rạp Olympia, qua tiếng hát xuất sắc của hai sinh viên Phan Thị Bình và Nguyễn Thị Thiều. Hai sinh viên này cũng từ miền Nam ra Hà Nội học Ngành Nữ hộ sinh (École des Sage-femmes) tại Bệnh viện René Robin.

Nhân ngày giỗ Tổ Hùng Vương năm 1942, bài *Sinh Viên Hành Khúc* lại được các sinh viên Đại học Đông Dương ca lên hùng tráng ngay dưới chân Núi Nghĩa Lĩnh (Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ), nơi toạ lạc Đền Hùng.

Sau Hà Nội, các sinh viên đã đưa bài *Sinh Viên Hành Khúc* trở lại Miền Nam để trình diễn tại Nhà hát lớn Sài Gòn và được công chúng hoan nghênh nhiệt liệt.

Sau buổi trình diễn ca nhạc tại đại giảng đường trường đại học ngày 15-3-1942, mùa hè năm đó, Tổng hội Sinh viên tổ chức lễ mãn khoá cho các sinh viên tốt nghiệp tại Nhà hát lớn Hà Nội, có Toàn quyền Đông Dương Decoux (Le Gouverneur Général de l'Indochine) và nhiều viên chức người Pháp đến dự. Khi lễ khai mạc bắt đầu, tất cả mọi người đứng lên nghiêm chỉnh, ban nhạc Hải quân Pháp (Orchestre de la Marine) thổi bài quốc ca Pháp *La Marseillaise*. Tiếp ngay sau đó, ban nhạc cử bài La Marche des Étudiants. Nhạc tấu hùng tráng, lời cuốn, hợp hồn, khiến viên toàn quyền Pháp và toàn thể cử tọa vẫn đứng nghiêm như đang chào quốc kì của một quốc gia. Nghi lễ khai mạc trang trọng chấm dứt, chương trình văn nghệ mới bắt đầu.

Bs. Nguyễn Lưu Viên, cựu sinh viên Đại học Đông Dương, cũng kể về một buổi lễ diễn ra tương tự vào ngày 03-3-1945, chỉ có 6 ngày trước khi chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam bị quân Nhật đảo chính ngày 09-3-1945 (Bs. Nguyễn Lưu Viên. Những Kỷ Niệm Với Bài Quốc Ca Của VNCH. Tập San Y Sĩ tháng 4-2008).

Đến năm 1945, tổ chức Thanh niên Tiền phong ra đời ở miền Nam, họ cũng chọn bài này làm bài hát chính thức của tổ chức và đổi tên là *Thanh Niên Hành Khúc* hay *Tiếng Gọi Thanh Niên*.

Khi bài hát mang tên *Thanh Niên Hành Khúc* thì thay 2 chữ

“sinh viên” bằng 2 chữ “thanh niên” mà thôi.

Sau khi vua Bảo Đại thoái vị ngày 30-8-1945, Hồ Chí Minh cho đưa cựu hoàng ra Hà Nội và phong cho ông chức cố vấn đề cầm chân. Ngày 16-3-1946, ông Hồ “cho” cựu hoàng tham gia phái đoàn nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà sang Trùng Khánh. Sau đó, cựu hoàng đi Côn Minh, rồi tới Hồng Kông. Năm 1947, Pháp bắt đầu muốn dùng con bài Bảo Đại và nhiều buổi tiếp xúc, nhiều cuộc vận động chính trị diễn ra bận rộn suốt năm 1947. Trong một cuộc hội nghị tại Hồng Kông do cựu hoàng Bảo Đại triệu tập, có sự tham dự của một số nhân sĩ và đại diện các tôn giáo, các đảng phái, Bs. Nguyễn Tôn Hoàn đã đề nghị hội nghị lấy bài *Thanh Niên Hành Khúc* của Lưu Hữu Phước làm bài quốc ca của Quốc gia Việt Nam và đổi tên thành *Quốc Dân Hành Khúc* hay *Tiếng Gọi Công Dân*. Hội nghị chấp thuận. Do đó, khi chính phủ Nguyễn Văn Xuân ra đời tại Sài Gòn vào ngày 02-6-1948 thì bài *Tiếng Gọi Công Dân* nghiêm nhiên trở thành bài quốc ca.

Đến thời Đệ Nhất Cộng Hoà, Quốc hội Lập hiến Việt Nam Cộng Hoà khai mạc vào tháng 3-1956. Một trong những nhiệm vụ của Quốc hội Lập hiến là chọn quốc kì và quốc ca. Các nhạc sĩ đã tham dự cuộc thi tuyển quốc ca: Phạm Duy với bài *Chào Mừng Việt Nam*, Hùng Lô với 2 bài *Nhân Dân Cách Mạng Việt Nam* và *Việt Nam Minh Châu Trời Đông*, Ngô Duy Linh với bài *Một Trời Sao*, Ngọc Bích và Thanh Nam với bài *Suy Tôn Ngô Tổng Thống* (xin xem Biển Nhớ. Quốc Ca VNCH ra đời như thế nào. Dactrung.com).

Mặc dù bài *Minh Châu Trời Đông* của nhạc sĩ Hùng Lô được coi là sáng giá hơn và đã từng được Quốc Dân Đảng dùng làm đảng ca từ năm 1945, nhưng cuối cùng Quốc hội Lập hiến lại chọn bài quốc ca mà chính phủ Nguyễn Văn Xuân (và cả chính phủ Nguyễn Văn Tâm) đã chọn trước đó, rồi ra lệnh cho nhân viên Đài phát thanh Sài Gòn giữ nguyên phần nhạc, nhưng phải sửa lại lời ca cho phù hợp với giai đoạn mới và vận hội mới của đất nước, cũng lấy tên là *Tiếng Gọi Công Dân*.

Quốc Ca Việt Nam Cộng Hoà

NÀY CÔNG DÂN ƠI QUỐC GIA ĐẾN NGÀY GIẢI PHÓNG,
ĐỒNG LÒNG CÙNG ĐI HY SINH TIẾT GÌ THÂN SÓNG, VÌ TƯƠNG LAI QUỐC
DÂN, CÙNG XÔNG PHA KHÓI TÊN, LÀM SAO CHO NÚI SÔNG TỪ NAY LUÔN VỮNG
BỀN DÙ CHO PHƠI THÂY PHỐI TRÊN GROM GIÁO, THÙ NƯỚC LẮY
MÀU ĐÀO ĐEM BÁO. NƠI GIỒNG LÚC BIẾN PHẢI CẦN GIẢI NGUY, NGƯỜI CÔNG DÂN
LUÔN VỮNG BỀN TÂM TRÍ, HÙNG TRÁNG QUYẾT CHIẾN ĐẤU LÂM CHO KHẮP NƠI VANG TIẾNG NGƯỜI NƯỚC
NAM CHO ĐẾN MUÔN ĐỜI. CÔNG DÂN ƠI! MAU HIỆN THÂN DƯỚI
CỜ, CÔNG DÂN ƠI! MAU LÂM CHO CỐI BỜ, THOÁT CÓN TÀN
PHÁ, VÌ VANG NƠI GIỒNG XỨNG DANH NGHỊN NĂM GIỒNG GIỒNG LẠC HỒNG.

Tiếng Gọi Công Dân

Này Công Dân ơi! Quốc Gia đến ngày giải phóng
Đồng lòng cùng đi hy sinh tiết gì thân sống
Vì tương lai Quốc Dân, cùng xông pha khói tên,
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.
Dù cho phơi thây trên grom giáo,
Thù nước, lấy máu đào đem báo.
Nơi giồng lúc biến phải cần giải nguy,

*Người Công Dân luôn vững bền tâm trí.
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời!
Công Dân ơi! Mau hiến thân dưới cờ!
Công Dân ơi! Mau làm cho cõi bờ
Thoát cơn tàn phá, vẻ vang nòi giống
Xứng danh nghìn năm giòng giống Lạc Hồng!*

Đó là bài quốc ca của cả hai nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hoà.

Ngày 30-4-1975, Việt Nam Cộng Hoà sụp đổ, người ta lấy lại tên cũ cũng như phần lời của bài *Tiếng Gọi Thanh Niên* như thời Thanh niên Tiền phong 1945.

III. TẠI SAO QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ LẠI LÀ MỘT BÀI HÁT CỦA NHẠC SĨ LƯU HỮU PHƯỚC, MỘT ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN?

Chẳng riêng gì giới trẻ ngày nay, mà cả những người dân Miền Bắc, nhất là các đảng viên Cộng sản đều không thể hiểu nổi, tại sao Miền Nam tự do có thiếu gì nhạc sĩ tài ba, thiếu gì bài hát hay với đầy đủ ý nghĩa, mà lại lấy ngay một bài hát của anh Cộng sản Lưu Hữu Phước để làm quốc ca?

Chính nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, từ năm 1949, đã viết thư kịch liệt phản đối mạnh mẽ về việc này và sau đó, trong thời chiến tranh Nam Bắc, từ Hà Nội, Lưu Hữu Phước từng lên Đài Tiếng Nói Việt Nam (Hà Nội) liên tục bác bỏ, giễu cợt và cả mắng nhiếc về việc bài hát *Sinh Viên Hành Khúc* của ông “*vấn cứ bị người bên kia chiến tuyến sử dụng vào một mục đích khác!*”.

Thiên nga, có thể luận giải vấn nạn này như sau:

Một: Lí do đầu tiên khiến cho bài *Sinh Viên Hành Khúc* (Tiếng Gọi Sinh Viên, Thanh Niên Hành Khúc, Tiếng Gọi Thanh Niên) của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước được Quốc hội Lập hiến VNCH chọn làm bài quốc ca chính là vì giá trị nổi bật của bài hát đó.

Những ai đã biết bài quốc ca Pháp *La Marseillaise*, sẽ thấy bài *Sinh Viên Hành Khúc* mang hơi hướng của bài quốc ca Pháp. Điều đó là tự nhiên, bởi vì, thời đó, người Pháp đã ở nước ta xấp xỉ 80

năm, ảnh hưởng văn minh, văn hoá Pháp phổ biến khắp nơi, nhất là đối với giới trẻ theo Tây học như Lưu Hữu Phước và các bạn đồng trang lứa của ông. Bài *La Marseillaise* được coi là mẫu mực của loại “Hành Khúc Âu Châu” và là bài hát đầu tiên trong thể loại này ở Âu Châu. Vì thế, cũng như bài *La Marseillaise*, nhạc điệu bài *Sinh Viên Hành Khúc* sáng tác theo thể loại hành khúc mạnh mẽ, dồn dập; còn lời thì réo gọi, thôi thúc, nhất là Điệp khúc uy lực như một quân lệnh thét gọi tiến lên, hiến thân diệt thù, cứu nước.

Hai: Bất cứ tác phẩm văn nghệ hoặc công trình nghiên cứu nào đã công khai xuất bản đều nhắm vào sự hưởng dụng của mọi người. Như thế, mặc nhiên tác phẩm ấy thuộc về quần chúng và quần chúng có quyền sử dụng, miễn là không tìm cách kinh doanh kiếm lợi một cách trái phép hoặc chủ ý đạo văn, vi phạm tác quyền của tác giả. Từ đó suy luận, Quốc hội Lập hiến VNCH chọn bài nhạc của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước để làm quốc ca là một vinh dự lớn cho ông, bởi vì bài hát của ông đã được sử dụng nhằm mục đích chung cao cả, tốt đẹp, thúc giục lòng yêu nước, yêu đồng bào một cách vô vị lợi và luôn luôn nói rõ Lưu Hữu Phước là tác giả chứ không phải là bất cứ ai khác.

Về luận giải này đã có 2 tiền lệ nổi tiếng, một tại Việt Nam, một tại Pháp:

Tiền lệ tại Việt Nam: Tác giả Xuân Ba viết trên mạng kể về một kỉ niệm “hằn trong tâm trí” với nhạc sĩ Văn Cao vào năm 1991 như sau: “*Cũng chợt nhớ lần đầu chuyện trưa đó, khi chúng tôi gạn rằng, về nhạc và lời của Tiến Quân Ca (quốc ca của Cộng sản VN) nếu giờ cho biên tập lại, nhạc sĩ sẽ thêm bớt ở đoạn nào? Ông cười, lắc đầu: Ngay trong cái đêm tình cờ lần đầu được nghe Tiến Quân Ca trong một ngõ vắng, tôi có nhận ra được vài chỗ nhịp điệu còn chưa hoàn chỉnh nhưng bài hát đã in ra rồi, bài hát đã phổ biến và không còn là của riêng tôi nữa...*” (Xuân Ba. Sửa Lời Quốc Ca. tienphong.vn).

Tiền lệ tại Pháp: Trong bài *Quốc Kỳ và Quốc Ca Việt Nam*, Gs. Nguyễn Ngọc Huy thuật lại lai lịch bài *La Marseillaise*, tức là bài quốc ca của nước Pháp. Tác giả bài quốc ca nước Pháp là viên

sĩ quan bảo hoàng Rouget de Lisle. Ông sáng tác bài này vào năm 1792 dưới thời vua Louis XVI. Năm sau, 1793, nhà vua bị Cách mạng Pháp xử tử và Rouget de Lisle cũng bị bắt vì tội theo phe bảo hoàng và cũng đã bị lên án tử hình. May mắn có ông Lazare Carnot là uỷ viên quốc phòng của Hội đồng Cách mạng muốn cứu mạng Rouget, vì cả hai cùng xuất thân từ một binh chủng. Ông Lazare đề nghị Rouget tuyên thệ trung thành với Cách mạng, nhưng Rouget cự tuyệt, thà chết chứ dứt khoát không phủ nhận lí tưởng bảo hoàng của mình. Cuối cùng Rouget de Lisle thoát chết chỉ vì chính phủ cách mạng của tay đại khủng bố Robespierre bị lật đổ trước khi bản án tử hình Rouget de Lisle kịp thi hành. Sau năm 1793 ấy, Rouget de Lisle tiếp tục chống Cách mạng, nhưng chính quyền Cách mạng Pháp vẫn dùng bài *La Marseillaise* của Rouget de Lisle và đến năm 1795 thì chính thức quyết định lấy bài này làm bài quốc ca của nước Pháp.

Ba: Người Cộng sản chủ trương điều tra lí lịch tam đại triệt để, đồng thời trừ ếm đối thủ tới đời con đời cháu. Trái lại, người Quốc gia không vợ đũa cả nắm, công tội phân minh.

Thơ tiền chiến của Thế Lữ vẫn được giảng dạy và lưu truyền ở Miền Nam trước 1975 cùng với những tập *Điêu Tàn* (1937) của Chế Lan Viên; *Thơ Thơ* (1938) của Xuân Diệu; *Tiếng Thu* (1939) của Lưu Trọng Lư; *Lửa Thiêng* (1940) của Huy Cận; *Cô Hái Mơ* (1939), *Chân Quê* (1940) và *Lỡ Bước Sang Ngang* (1940) của Nguyễn Bính...

Các nhà văn ở lại Miền Bắc có tác phẩm xuất bản thời tiền chiến vẫn được dân chúng Miền Nam tự do dành cho một chỗ đứng xứng đáng trên văn đàn, như Nguyễn Hồng với *Bỉ Vỡ* (1937); Nam Cao với *Chí Phèo* (1941); Tô Hoài với *Dế Mèn Phiêu Lưu Kí* (1941) và *O Chuột* (1942) hay Nguyễn Tuân với *Vang Bóng Một Thời* (1940) và *Chiếc Lư Đồng Mắt Cua* (1941)...

Riêng về loại nhạc tiền chiến của các tác giả ở lại Miền Bắc lại càng được dân chúng Miền Nam yêu mến đặc biệt, như Văn Cao với *Buồn Tàn Thu* (1939), *Thiên Thai* (1941), *Bến Xuân* (1942), *Trương Chi* (1943); Hoàng Quý với *Cô Láng Giếng* (1942-43); rồi Tô Vũ với *Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa* (1947); Nguyễn

Văn Tý với *Dư Âm* hoặc Canh Thân với *Cô Hàng Cà Phê*, *Khúc Ca Mùa Hè*, *Anh Còn Cây Đàn...*

Một trong những lí do chính khiến các tác phẩm tiền chiến của các tác giả trên được dân Miền Nam tự do trân trọng và thưởng thức là vì khi sáng tác các tác phẩm trên đây, tất cả các tác giả ấy chưa biết Đảng, chưa theo Đảng, chưa trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản. Và vì thế các tác phẩm ấy không có tính Đảng, không nhằm phục vụ Đảng. Lúc đó, các tác giả được tự do sáng tác theo cảm hứng tự nhiên, trung thực và đầy tính nhân bản.

Một khi các tác giả ấy đi vào tổ chức Đảng và bắt đầu bị chỉ đạo sáng tác để phục vụ chính trị, phục vụ tuyên truyền, sáng tác “để chào mừng”..., thì tác phẩm không còn tính khai phóng, không còn khả năng làm tròn sứ mệnh soi đường của một nghệ sĩ chân chính. Tất cả mọi sinh hoạt văn học nghệ thuật đều nằm trong tay Đảng theo kiểu “bảy trăm tờ báo trên toàn quốc chỉ có một Ban Biên Tập” như hiện nay. Dân Miền Nam tự do rất bén nặng. Từ khi các tác giả tiền chiến sáng tác theo lệnh Đảng, dân Miền Nam không thềm biết tới những tác phẩm “văn nghệ” của các tác giả ấy nữa.

Trường hợp nhạc sĩ Lưu Hữu Phước cũng giống như vậy.

Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước khi sáng tác những bài ca ái quốc, ông còn là một sinh viên yêu nước thuần túy, chưa theo Cộng sản. Do đó, những bài hát ấy chưa có tính Đảng.

Thật vậy, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước sinh năm 1921. Năm 1940, sau khi đậu Tú tài tại Sài Gòn, ông ra Hà Nội học Đại học Đông Dương, ngành Y Dược. Vào thời điểm đó, Lưu Hữu Phước là một sinh viên trẻ mới 19 tuổi, có tài sáng tác các ca khúc, một thành viên trong nhóm sinh viên thuộc Đại học Đông Dương Hà Nội đầy nhiệt tình yêu nước và tích cực trong các sinh hoạt văn hoá văn nghệ vào những năm đầu thập niên 1940.

Mãi mấy năm sau, khi Đảng Cộng sản cướp được chính quyền, Lưu Hữu Phước mới tham gia Đảng Tân Dân Chủ cùng với một số sinh viên đồng trang lứa. Trong kế hoạch lôi kéo hàng ngũ sinh viên trẻ về với mình, Cộng sản dùng chiến thuật tuyên truyền, mua chuộc, thúc ép và cả khủng bố. Điển hình là vào năm 1946, Việt

Minh Cộng sản đã cho người vào Đông Dương học xá để bắt cóc sinh viên Phan Thanh Hoà, Tổng hội trưởng Tổng hội Sinh viên, đem đi thủ tiêu. Lí do là Phan Thanh Hoà “*công khai chống sự giả của Hồ Chí Minh là hai anh em Phan Anh, Phan Mỹ đến dự Tổng Hội Sinh Viên nhập vào Mặt Trận Việt Minh. Hoà tuyên bố Tổng Hội đứng ngoài đảng phái*” (Ls. Lâm Lễ Trinh. Bđd.). Chiến thuật vừa lôi kéo mềm mỏng vừa bạo lực, sắt máu của Việt Minh Cộng sản đã khiến cho một số khá đông thành viên Đảng Tân Dân Chủ ngã theo họ, trong đó có sinh viên Lưu Hữu Phước và một nhóm bạn sinh viên người miền Nam khác.

Về việc này, Gs. Nguyễn Ngọc Huy đã nhận xét: “*Lưu Hữu Phước thuộc thành phần đảng viên Tân dân chủ bị lôi kéo vào Đảng CS. Anh ta không đủ khí phách để chống lại việc đó và bị loại ra khỏi trường chánh trị như Đặng Ngọc Tốt, cũng không đủ tinh thần sắt máu để được CSVN tin dùng như Huỳnh Tấn Phát, Huỳnh Văn Tiêng, Trần Hữu Kiêm. Mặt khác, anh ta không có một khả năng đặc biệt về chánh trị mà CSVN có thể khai thác được như Mai Văn Bộ. Trước sau, Lưu Hữu Phước chỉ là một nhạc sĩ. Do đó, CSVN đã dùng anh ta như một văn công, sản xuất nhạc theo lệnh Đảng và lên tiếng về các vấn đề khác những khi Đảng thấy cần. Nói tóm lại, Lưu Hữu Phước đã sáng tác bản nhạc Quốc dân hành khúc hay Tiếng gọi công dân lúc còn là một sinh viên có tinh thần Quốc gia. Ngày nay, anh ta là một văn công của CSVN và mọi lời phát biểu của anh ta chỉ là do Đảng CSVN mớm cho*” (Gs. Nguyễn Ngọc Huy. Bđd.).

IV. VÀI NHẬN XÉT

Ba luận giải trên đây cho thấy Quốc hội Lập hiến VNCH đã chọn bài *Sinh Viên Hành Khúc* của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước để làm bài quốc ca vì đó là một bài hát xuất sắc, đã được phổ biến rộng rãi, công khai và được dân chúng từ Bắc tới Nam đón nhận nhiệt liệt vì bài hát phản ánh tình yêu nước và ý chí chống giặc ngoại xâm của người dân Việt.

Xét về quan điểm chính trị, khi chọn bài này, Quốc hội Lập hiến VNCH đã phân biệt rõ ràng có 2 Lưu Hữu Phước, một Lưu

Hữu Phước trước khi theo Đảng Cộng sản và một Lưu Hữu Phước sau khi theo Đảng.

Trước khi theo Đảng, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước là một nhạc sĩ trẻ, yêu nước thuần túy, trong sáng và ông đã sáng tác ra những ca khúc ái quốc bằng cảm hứng tự phát trong tự do tuyệt đối.

Sau khi theo Đảng, ông phải sáng tác theo lệnh Đảng, nhằm mục đích tuyên truyền, không còn được tự do sáng tác như trước. Ông trở thành một “văn công”, không còn là một nghệ sĩ nữa. Đến ngay cả việc ông lên Đài phát thanh Tiếng Nói Việt Nam (Hà Nội) để bác bỏ, giễu cợt và cả mắng nhiếc về việc bài hát *Sinh Viên Hành Khúc* của ông “*vẫn cứ bị người bên kia chiến tuyến sử dụng vào một mục đích khác!*” cũng không chắc do ông tự nguyện hay là do lệnh bắt phải làm như vậy. Bởi vì sau này người ta được biết cấp cao như chủ tịch nhà nước Tôn Đức Thắng đã phải thú nhận “*Đ.m. tao cũng sợ nó, mày biểu tao còn dám nói cái gì?*” (Nguyễn Văn Trấn. *Viết Cho Mẹ Và Cho Quốc Hội*. Bản in ở Tp. HCM. Trang 303), hoặc “lùng danh thiên hạ” như Đại tướng Võ Nguyên Giáp thế mà vào năm 1983 còn bị Lê Duẩn và Lê Đức Thọ hạ nhục bằng cách bắt đi làm Chủ nhiệm Ủy ban sinh đẻ có kế hoạch, hưởng chi cỡ nhạc sĩ Lưu Hữu Phước thì “sức mảy” mà dám chống lệnh Đảng.

Xin nêu một bằng chứng khác về thân phận “văn công” của đảng viên Lưu Hữu Phước: Trong bài *Lịch Sử Quốc Kỳ và Quốc Ca VNCH* do NDL (tác giả kí tắt là NDL) tổng hợp, đã trích lời của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước nói về bài *Sinh Viên Hành Khúc* như sau: “*Bài hát bí mật của chúng tôi được anh em sinh viên lấy làm bài hát công khai. Anh em làm lại lời ca, và sau nhiều lần sửa đi sửa lại và đấu tranh với Sở kiểm duyệt, phong trào sinh viên đã có bài hát của mình tức là bài Tiếng gọi sinh viên, khi phong trào lan rộng, bài hát được nhân dân tự động đổi là Tiếng gọi thanh niên*” (Dẫn theo bài *Lịch Sử Quốc Kỳ và Quốc Ca VNCH* do NDL tổng hợp. hoiquanphidung.com).

Chỉ có hơn ba hàng chữ mà nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đã đề lộ nhiều điều:

Một là dường như nhạc sĩ sợ bóng sợ gió chi đó, cho nên ông

không nhìn nhận bài *Sinh Viên Hành Khúc* đã được ông sáng tác năm 1939, hồi còn học Trung học Petrus Ký ở Sài Gòn với lời bằng tiếng Pháp của ông và bạn ông là Mai Văn Bộ.

Hai là ông không dám nói đúng tên Tổng hội Sinh viên Đông Dương mà lại nói “phong trào sinh viên”, trong khi chính Tổng hội Sinh viên Đông Dương thời đó đã chọn bài hát của ông, sau khi đã sửa phần lời, để làm bài hát của Tổng hội Sinh viên và đem ra trình diễn nhiều lần trước các viên chức lớn Pháp, Việt và công chúng. Ông cũng không nhắc tới Phong trào Thanh niên Tiền phong là phong trào đã dùng *Bài Tiếng Gọi Sinh Viên* làm bài ca chính thức vào năm 1945 với tên gọi là *Tiếng Gọi Thanh Niên*.

Ba là ông không dám nhắc tới tên những sinh viên đã góp công làm cho bài hát của ông được vang danh khắp nơi, như nhóm sinh viên đã viết lời tiếng Việt cũng như tiếng Pháp cho bài hát; rồi những người đã chọn, đã giới thiệu bài hát của ông, như sinh viên Phan Thanh Hoà (Tổng hội trưởng Tổng hội Sinh viên), sinh viên Nguyễn Tôn Hoàn (Trưởng ban âm nhạc của Tổng hội), hay là hai nữ sinh viên Nguyễn Thị Thiều (sau này kết hôn với Bs. Nguyễn Tú Vinh) và Phan Thị Bình (sau này là phu nhân của Bs. Nguyễn Tôn Hoàn). Hai Chị Bình và Thiều là hai ca sĩ sinh viên đầu tiên hát xuất sắc bài *Tiếng Gọi Sinh Viên* trước công chúng tại Hà Nội.

Bốn là ông không đả động gì tới vinh dự lớn lao vì bài hát của ông đã được các chính phủ Quốc gia trọng vọng, giữ nguyên phần nhạc và viết lại phần lời ca cho thích hợp với tình hình mới, rồi lấy làm bài quốc ca.

Tóm lại, ông phủ nhận tất cả những tổ chức, những nhân vật, những buổi lễ, những buổi trình diễn có dính dáng tới người Pháp hoặc là những người bên phía Quốc gia đã trọng vọng và làm vinh danh bài nhạc của ông.

Tuy nhận xét như thế, nhưng chúng ta cũng có chút hồ nghi. Hoặc giả, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đã nhớ hết, đã muốn nói tới tất cả những chi tiết kể trên, nhưng lời phát biểu của ông đã bị cơ quan kiểm duyệt của Đảng cắt xén mất đi hoặc sửa chữa tùy tiện những chi tiết “nhạy cảm”. Việc này rất có khả năng xảy ra, vì trong chế độ Cộng sản độc tài, mọi ấn phẩm văn hoá, văn nghệ, hồi kí... đều

bị kiểm duyệt về chính trị hết sức gắt gao, nhất là những gì và những ai liên quan tới phía Quốc gia.

Một nhận xét khác, quyết định chọn bài *Sinh Viên Hành Khúc* của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước của Quốc hội Lập hiến VNCH còn là một công nhận, một tán thưởng cao quý dành cho lớp thanh niên, sinh viên Việt Nam yêu nước chân chính, mà nhạc sĩ Lưu Hữu Phước là đại diện thời ấy, thời mà Việt Minh Cộng sản chưa cướp được chính quyền từ tay chính phủ Trần Trọng Kim ngày 19-8-1945.

Sau hết, quyết định ấy, một trật, cũng phủ nhận cái gọi là cuộc Cách Mạng Tháng Tám như Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn thường rêu rao. Quả thực, Việt Minh Cộng sản mới chỉ thành công trong việc cướp chính quyền chứ họ chưa bao giờ thành công trong một cuộc cách mạng đúng nghĩa. Bởi vì sau khi cướp được chính quyền, Đảng Cộng sản và những người đi theo họ, trong đó có nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, đã không theo đuổi một cuộc cách mạng dân tộc mà lại tự nguyện làm chư hầu cho Liên Xô và Tàu Cộng, để bằng mọi giá, quyết dùng dân tộc Việt Nam để làm cuộc cách mạng vô sản. Đến nay thì rõ ràng cuộc cách mạng vô sản ở nước ta đã hoàn toàn thất bại mọi mặt, chỉ trừ chuyên chính vô sản, dối trá và bạo lực là còn nguyên như bản chất cố hữu của những con người Cộng sản và họ hiện nguyên hình là một nhóm lợi ích độc quyền mà thôi.

Cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, văn minh, khai phóng chỉ thành công rực rỡ ở Miền Nam với thể chế Cộng Hoà trong một thời gian ngắn ngủi 20 năm, và đã phải tạm chấm dứt vào ngày 30-4-1975. Đến nay, cuộc cách mạng ấy còn ở trước mắt, nó nằm trong tay toàn dân, nhất là giới trí thức, những nhà tranh đấu dân chủ và ở trong tay thế hệ trẻ Việt Nam.

Tháng 11-2013

PHỤ BẢN 5 - GS. NGHIÊM THẨM VỊ GIÁO SƯ ANH HÙNG, NHÀ KHOA HỌC CHÂN CHÍNH



GS Nghiêm Thẩm

Sau ngày 30-4-1975, nhiều giáo sư các Đại học Miền Nam bị loại ra khỏi trường. Một số giáo sư tìm cách vượt biên, một số bất hợp tác thẳng thừng, một số chấp nhận hợp tác, hợp tác miễn cưỡng hay hợp tác tự nguyện. Có một sự thật phũ phàng là, hợp tác tự nguyện hay hợp tác miễn cưỡng, các vị giáo sư ấy đều bị kì thị và không được tin dùng. Thêm một sự thật khác nữa, đó là các vị ấy thường xuyên nhận được lệnh phải viết lách hoặc thực hiện những công trình “khoa học” nhằm phục vụ nhu cầu chính trị. Trong cuốn *Bên Thắng Cuộc* của Huy Đức vừa mới được phổ biến, có đoạn trích lời phát biểu của Huỳnh Kim Báu, Tổng thư kí Hội Trí thức yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận sự thật ấy: “*Những năm ấy, các trí thức Sài Gòn vẫn nhận được điện thoại từ Văn phòng Thành uỷ hỏi xem: ‘Có công trình khoa học chào mừng 3-2 hay 19-5 không?’*. Những Giáo sư như Phạm Biểu Tâm, Lê Văn Thới thì mắng ngay: ‘*Không có thứ khoa học nào gọi là khoa học chào mừng cả*’. Nhưng một số người khác thì có, người thì làm ra chất tẩy rửa ‘*pentonic*’, người chứng minh ‘*ăn mấy ký khoai mì bỏ bằng một ký thịt bò*’, người thì ‘*ăn bo bo nhiều dinh dưỡng hơn cả gạo*’. Nhưng ngay cả những ‘*nỗ lực*’ đó cũng không giúp kiến tạo được lòng tin” (Huy Đức. *Bên Thắng Cuộc*. Cuốn I, Phần I: Miền Nam, Chương VI: Vượt Biên. Bodoilambao.wordpress.com).

Trong số những giáo sư Đại học ở lại và hợp tác miễn cưỡng, đã nổi bật lên một vị giáo sư anh hùng, dám đem mạng sống của mình để bảo vệ danh dự của một nhà giáo, một nhà khoa học chân chính. Vị giáo sư đó là Giáo sư Nghiêm Thẩm, Giám đốc Viện Bảo tàng Sài Gòn, Giáo sư Đại học Văn khoa Sài Gòn và cũng là giáo sư của hầu hết các Đại học công tư ở Miền Nam hồi đó.

I. THÂN THỂ

Gs. Nghiêm Thẩm sinh năm 1920, tại huyện Đông Anh, tỉnh Vĩnh Yên (nay thuộc Hà Nội); là con thứ 5 của cụ Nghiêm Hoàn Luyện, người làng Hoà Xá, phủ Ứng Hoà, Hà Nội.

Dòng tộc Gs. Nghiêm Thẩm, lớp trước, có nhiều người xuất thân khoa bảng, quan lại. Thế hệ sau, ở Miền Bắc, có người là thứ trưởng, đại sứ, doanh gia; ở Miền Nam, người anh thứ ba của Gs. Nghiêm Thẩm là Gs. Nghiêm Đăng, nguyên Phó Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chính và anh thứ 4 là Nghiêm Mỹ, Đại sứ Việt Nam Cộng Hoà ở Malaysia, Jordan và New Zealand. (Xin xem bài phát biểu của ông Nghiêm Kiến Nam trong buổi lễ kỉ niệm ngày huy 90 năm của cụ Bằng Mai Lâm Nghiêm Châu Tuệ tổ chức ngày 18-9-2011. Nghiemchungtam.wordpress.com).

Sau khi tốt nghiệp Trung học ở Hà Nội, ông được gửi sang Pháp, học Trường École du Louvre, Paris, môn Bảo Tàng học (de Muséologie).

Năm 1956, ông về nước. Từ đó, ông lần lượt đảm trách nhiều công tác văn hoá giáo dục: Phục vụ tại Viện Khảo cổ Sài Gòn, đặc trách khai quật di tích lịch sử Óc Eo (Ba Thê, An Giang); hướng dẫn các đoàn đi nhiều nơi ở Miền Nam để khai quật những di chỉ khảo cổ.

Năm 1961, được bầu làm thành viên Hội đồng Điều khiển Khoá 10 Hội Tiền sử Viễn Đông (Far Eastern Prehistory Association FEPA). Cũng trong năm này, ông được mời làm giáo sư Nhân chủng học tại Đại học Văn khoa Sài Gòn và Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định.

Năm 1964, làm giám đốc Viện Khảo cổ Sài Gòn và giáo sư tại Đại học Vạn Hạnh vừa mới thành lập; đồng thời, được mời làm cố vấn xây dựng chùa Vĩnh Nghiêm.

Năm 1966, được mời giảng dạy tại Trường Đại học Chiến tranh Chánh trị Đà Lạt.

Năm 1968, quản thủ Viện Bảo tàng Quốc gia Sài Gòn.

Năm 1969, uỷ viên Uỷ ban Khoa học Nhân văn của Hội đồng Quốc gia Khảo cứu Khoa học Việt Nam Cộng Hoà.

Sau 30-4-1975, Gs. Nghiêm Thẩm ở lại và tiếp tục được coi là nhân viên giảng huấn như trước. (Chúng tôi chưa biết Gs. Nghiêm Thẩm “được” dạy môn gì).

Năm 1979, Gs. Nghiêm Thẩm bị giết chết một cách tàn ác tại nhà riêng, số 29/27 Nam Kỳ Khởi Nghĩa (tên cũ là đường Công Lý), phường 8, quận 3, Tp. HCM.

II. ĐÒI TU

Có 3 vị phụ nữ đã chính thức đi qua cuộc đời Gs. Nghiêm Thẩm:

Hồi còn học bên Pháp, ông sống chung với bà Gerda Meta Nielsen, một nghệ sĩ phong cầm người Đan Mạch. Ông bà có với nhau 1 con gái tên là Đan Tuyết Thẩm Nghiêm, sinh năm 1956, tên đầy đủ là Ester Bondo Đan Tuyết Thẩm Nghiêm.

Đi du học về, ông thành hôn với Ds. Đỗ Thị Thuần Bích. Bà là giáo sư dạy tại Trường Đại học Dược khoa Sài Gòn. Gs. Thuần Bích sinh 2 con trai, Nghiêm Thẩm Đan Nghị và Nghiêm Thẩm Đan Đại. Năm 1977, bà Thuần Bích đưa 2 con đi vượt biên và định cư tại Hoa Kỳ. Bà đã qua đời tại Sacramento, CA vào năm 2010.

Sau khi bà Thuần Bích vượt biên được một thời gian, Gs. Nghiêm Thẩm sống chung với bà Ngô Thị Dung (có một cựu sinh viên nói bà Dung họ Lý). Bà Dung giảng dạy tiếng Nhật tại Đại học Tổng hợp Thành phố HCM (Đại học Văn khoa cũ) sau ngày 30-4-1975.

III. PHONG CÁCH

Gs. Nghiêm Thẩm là một trí thức thứ thiệt, có cuộc sống giản dị, thanh bạch. Phong thái ông an nhiên, tự tại; nét mặt thường tươi vui, hiền lành. Ông cười bằng miệng và cả bằng mắt. Chiếc tẩu hút thuốc “pipe” coi như là vật tùy thân của ông. Gs. Đỗ Khánh Hoan, Trưởng Ban Anh văn Đại học Văn khoa Sài Gòn trước 30-4-1975, đồng nghiệp lâu năm của Gs. Nghiêm Thẩm, nhận xét về Gs. Nghiêm thẩm như sau: *“Theo chỗ tôi biết, Gs. Thẩm hiền lành, không gây thù chuốc oán với ai, không ganh đua kèn cựa với ai, coi mọi thứ như nợ pa!”* (Email của Gs. Đỗ Khánh Hoan ngày 02-

02-2013).

Mức lương một giáo sư Đại học ở Miền Nam thời ấy đâu đến nổi nào, song suốt bao năm, ông rong ruổi khắp mọi con đường Sài Gòn chỉ với một cái xe đạp, đằng sau ràng chiếc cặp samsonite đựng tài liệu giảng dạy. Bọn đạo chích đã từng chiều cổ chiếc samsonite này của ông nhiều lần! Những thứ đó làm nên dáng dấp và phong cách độc đáo rất dễ mến của Gs. Nghiêm Thẩm.

Có lẽ của cải vật chất quý giá nhất của ông là căn nhà do chính phủ thời Đệ Nhất Cộng Hoà cấp cho. Gia đình ông đã sống tại đây trên 20 năm và cũng chính tại nơi đây, ông đã bị thẩm sát.

Cuộc sống Gs. Nghiêm Thẩm tuy thanh bạch về của cải vật chất, song trong căn nhà ông, chất chứa cả một kho tàng văn hoá vô giá. Thật vậy, chỉ cần phát mại một pho tượng đồng đen hay một chiếc búa khảo cổ không thôi, ông đã có thể kiếm được một món tiền khá lớn, đấy là chưa kể đến tủ sách hiếm quý của ông. Còn nhớ, khi tôi được Gs. Nghiêm Thẩm nhận đỡ đầu luận văn Cao học, ông đã đưa tôi lên lầu thăm kệ sách của ông kê chung quanh phòng ngủ. Ông hãnh diện bảo tủ sách của ông có những cuốn hiện ở cả Miền Nam không đâu có. Liên tục trong nhiều năm, Giáo sư đã chi tiêu một khoản tiền khá lớn để thuê người đóng bìa cứng cho những cuốn sách hiếm quý mà ông sưu tầm được. Đương nhiên những cuốn sách này là vô giá trong thị trường văn hoá, chữ nghĩa.

IV. NHỮNG CÔNG TRÌNH KHẢO CỨU

Gs. Nghiêm Thẩm để lại nhiều công trình nghiên cứu nhân chủng và khảo cổ quý báu cho đời sau (theo Wikipedia):

1. "Tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam", Quê Hương bộ 2 tập I, tháng 4-1962, tr.108-123. (tài liệu tham-khảo đã được Pierre Bernard Lafont nhắc lại trong "Contributions à l'étude des structures sociales des Chams du Việt-nam", Bulletins de l'Ecole française d' Extreme-Orient, No 1/volume 52, p. 157 – p 171, 1964).

2. "Sơ lược về các kho tàng chứa bảo vật của các vua Chăm", "Việt Nam Khảo Cổ Tập San, số 1, 1960, Saigon. Tham khảo bổ

túc cùng tác giả Văn Hoá Nguyệt San, số 56, trang 1359-1366, 1960 và Văn Hoá Nguyệt San, số 57, trang 1567-1575, 1960 "Đi thăm kho tàng các vua Chăm".

3. "Esquisse d'une étude sur les interdits chez les Vietnamiens" (tiếng Pháp), Ministère de la culture et de l'éducation la République du Vietnam, 1965, 240 trang. Tủ sách Viện Khảo Cổ (trích đoạn: "le nom d'une personne fait partie intégrante de son individu. On doit ménager ces noms individuels comme si l'on a affaire avec la substance précieuse et sacrée qu'est l'âme (tr.74)" [tham khảo bổ túc "Interdits concernant les noms impérieux sous le règne des Nguyễn" Tạ Quang Phát, Tập san Khảo Cổ 4, Saigon, 1966, pp 52–84].

4. "Tương quan giữa Sử Địa và Nhân chủng học", Tập San Sử Địa cuốn 1, th.1, 2, 3, 1966.

5. "Công trình sư Trần Văn Học", Tạp chí Văn Hoá, số 61, 1962.

6. "Tìm hiểu đồng bào Thượng" Tạp chí Quê Hương, số 31, giêng/1962, tr 130-150. Bản dịch tiếng Anh của Voth Donald E. "Seeking to understand the highlanders: the two tribal kingdoms of the vietnamese Court in the past, king of Fire (Po Tau Pui) and King of Water (Po Tau Ea)". South-East Asia. An international quarterly, vol.1, pp 335–363, 1971. Tham khảo bổ túc tư liệu của ông Adhémar Leclère "Compte-rendus des séances de l'Académie des Inscriptions et Belles Lettres 3903, vol 47, issue 4, pp 369-378. Bị vong lục của Công sứ Pháp tại Cao miên, Adhémar Leclère, phúc trình Hiến chương về việc sáng lập một Đại thọ lâm Phật giáo "veah" (Vihara), ở Sâmbok (tỉnh Kratie), mà quốc vương Cao Miên Sauriyopor, gọi là "ngọ môn"(threa nokor) trong đó có nhắc đến các "Vua Lửa" (Hoả xá) & "Vua nước" (Thuỷ xá) mà hai vương quốc Cao miên và Ai lao phải triều cống cứ ba năm một lần (kèm theo danh sách dài các loại cống vật), ngoài ra còn cam kết sẽ bảo lãnh chu toàn việc hậu sự cho các tiểu vương Hoả xá và Thuỷ xá nếu một trong hai vị này băng hà. Vihara (đại tông lâm) Sâmbok, khoảng 10 kms bắc Kratie (Kracheh), hay, Wat Phnom Sâmbok, dựa theo hiến chương này được sáng lập vào năm 1601.

Bản phúc trình của Công sứ Leclère được in bởi nhà Alphonse Picard & fils, libraires des archives nationales et de la Société de l'École des Chartes, 82 rue Bonaparte, Paris 6.

7. "Kĩ thuật Bảo tàng học và giáo dục căn bản", 96 trang, UNESCO, Saigon, 1959 (dịch).

8. "Persistence culturelle du substrat indonésien chez les Vietnamiens" (Sự tồn tại của bản chất Indonésien trong nền văn hoá Việt Nam) ngày 11 tháng 9 năm 1961.

9. Tờ trình về việc đi xem công tác xây cất hai ngôi đền tại Kalong và tại Sopmadronhay, để chứa bảo vật của các vua Chăm, và ghé thăm các Tháp Po Dam, tháp Phổ Hải (Pajai), còn gọi Tháp Po Sah Inur trên Đồi Bà Nài và đền thờ vua Po Nrop (đồng tác giả với Lưu Quý Tân).

10. Phúc trình việc đi tiếp nhận những tảng đá chạm tại trường tiểu học Tam Hiệp, quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường. (chú giải: v/v những tảng đá chạm, yêu cầu bạn đọc nên tham khảo bổ túc ở Louis Malleret, "II. Pierres gravées et Cachets de divers pays du Sud-Est de l'Asie, trường Viễn Đông Bác Cổ, B.E.F.E.O, vol 51, issue 51-1, pp 99–116, 1963).

11. R.Y. Lefebvre D'Argencé, Les céramiques à base chocolatée aumusée Louis Finot de l'École française d'Extrême-Orient à Hanoi.

V. CÁI CHẾT ANH HÙNG CỦA MỘT NHÀ GIÁO, MỘT NHÀ KHOA HỌC CHÂN CHÍNH

Gs. Đỗ Khánh Hoan cho biết: Gs. Nghiêm Thẩm chỉ miệt mài nghiên cứu và giảng dạy, không bao giờ dính dáng chuyện chính trị (qua cuộc tiếp xúc điện thoại với Gs. Đỗ Khánh Hoan ngày 08 và 09- 01- 2013).

Ai cũng nghĩ, sau 30-4-1975, một người luôn luôn xa tránh chính trị như Gs. Nghiêm Thẩm, sẽ được sống an thân dưới chế độ mới. Đáng tiếc, điều đó đã sai. Bởi vì, dưới chế độ Cộng sản, tất cả đều phải phục vụ chính trị, đều phải phục vụ tuyên truyền. Chống chế độ, đương nhiên sẽ bị chế độ tiêu diệt. Không chống

ché độ, nhưng không chịu làm tay sai cho chế độ, cũng bị chế độ nghiền nát.

Đó là trường hợp Gs. Nghiêm Thẩm.

Hồi tưởng, khoảng gần cuối tháng 4-1975, vì có việc phải vào gặp ông Chấn tại văn phòng Đại học Văn khoa Sài Gòn; khi đi ra ngang cửa Câu lạc bộ Văn khoa, tôi gặp Gs. Nghiêm Thẩm. Ông vẫn xách chiếc samsonite như mọi khi, nhưng khuôn mặt ra chiều rất đăm chiêu. Tôi chào ông và hỏi ông tình hình rồi sẽ ra sao. Giáo sư bảo: “Hết rồi. Sài Gòn sẽ như Nam Vang” (Nam Vang thất thủ ngày 17-4-1975). Ông còn nói như tiên tri: “Đại sứ Mĩ Martin (Graham Martin) sẽ cuốn cờ, leo lên máy bay trực thăng mà đào thoát y như Đại sứ Mĩ Dean (John Gunther Dean) ở Nam Vang”. Tôi hỏi tiếp: “Thầy có đi không”. Ông buồn buồn bảo: “Tôi không đi. Tôi già rồi, đi làm gì”. Đó là lần cuối cùng tôi gặp Gs. Nghiêm Thẩm.

Năm 1988, đi tù cải tạo về, nghe tin Gs. Nghiêm Thẩm đã bị sát hại, tôi rủ anh Nguyễn Văn Vịnh tới thăm Gs. Toan Ánh và cũng để hỏi về cái chết của Gs. Nghiêm Thẩm. (anh Nguyễn Văn Vịnh là giáo sư Trung học, cũng đi tù cải tạo vì tội “chống đối nhà trường XHCN”).

Theo lời Gs. Toan Ánh kể cho hai chúng tôi thì Gs. Nghiêm Thẩm vẫn thường hay lên nhà ông chơi. Rồi, một sáng, Gs. Nghiêm Thẩm từ nhà Gs. Toan Ánh đạp xe về nhà, khi bước lên lưng chừng cầu thang, Giáo sư đã bị một tên hung thủ dùng cái búa khảo cổ của ông đập vào đầu ông tới chết. Một điều đáng ngạc nhiên là, không biết căn cứ vào đâu, Gs. Toan Ánh nghi ngờ nguyên do vụ án mạng là vì tình.

Khi sang tới Hoa Kỳ, tôi tình cờ được đọc cuốn “*Rồng Xanh Ngục Đỏ*” (Hội Hữu xuất bản tại Hoa Kỳ, 1986) của Lm. Vũ Đình Trác, trong đó có nói về cái chết của Gs. Nghiêm Thẩm. (2)

Lm. Vũ Đình Trác và Gs. Nghiêm Thẩm quen nhau và trở thành đôi bạn thân từ năm 1978. Giống như hầu hết các giáo sư Đại học còn ở lại, hại vị cùng gia nhập các nhóm nghiên cứu văn hoá thành lập sau 30-4-1975. Vì say mê khảo cổ, cho nên khi nghe Lm. Vũ Đình Trác nói ông có cuốn *Bách Việt Tiên Hiền Chí*, trích

ra từ *Đại Bộ Dã Sử Trung Hoa Lĩnh Nam Di Thư*, ngay lập tức, Gs. Nghiêm Thắm tìm tới làm quen với Lm. Vũ Đình Trác. Rồi từ chỗ trao đổi sách cổ và tài liệu cổ, hai vị trở thành đôi bạn tri kỉ, tâm giao.

Lần đầu tới thăm Gs. Nghiêm Thắm, Lm. Vũ Đình Trác ngạc nhiên được biết thêm Gs. Nghiêm Thắm đang sống chung với bà Dung. Lm. Vũ Đình Trác quen biết bà Dung hồi cả hai còn học bên Nhật. Gs. Nghiêm Thắm nói ông và bà Dung đã làm hôn thú để làm đơn xin đi đoàn tụ với ba má bà đang sống ở Canada.

Trong thời đại “đồ đều cáng” sau 30-4-1975, dưới những cơn mưa bom tạt đạn của những ông kẻ văn hoá, việc sở hữu những đồ cổ và sách cổ quý giá cũng trở thành một mối lo hại thân cho các khổ chủ. Vì thế, Gs. Nghiêm Thắm phải dặn dò Lm. Vũ Đình Trác: *“Linh mục phải giữ bí mật những tài liệu cổ này, kẻo tụi nó đánh hơi được thì phiền to; chiếc búa khảo cổ của tôi, tụi nó cũng đã biết rồi, mà cứ nay đưa này, mai đưa khác đến hỏi thăm và đòi xem”* (Vũ Đình Trác. Sđd. Trang 253).

Còn bà Dung thì thổ lộ: *“Anh Thắm là một nhà khoa học thuần tuý, nên anh thiếu sự đưa đẩy uyển chuyển, khi giao tiếp với công an cán bộ”*. Bà cũng nói thật *“Anh Thắm quý cha lắm, mới tiết lộ những bí mật của anh như thế”* (Vũ Đình Trác. Sđd. Trang 253).

Thêm vào đó, sau khi chiếm trọn Miền Nam, với khí thế thắng lợi ngút trời, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ bộc lộ tham vọng muốn làm bá chủ toàn vùng Đông Nam Á. Trên thực tế, vào thời điểm đó, CSVN đã chiếm đóng Lào, rồi Campuchia, và đang chuẩn bị “giải phóng” Thái Lan. Để thực hiện âm mưu, họ tích cực chuẩn bị mọi mặt. Trong kế hoạch chuẩn bị, họ toan tính lợi dụng chất xám của trí thức để đánh mặt trận tâm lí, khơi dậy ý chí quật cường và lòng kiêu hãnh dân tộc. Đây là điểm khởi đầu cho tai hoạ sắp đổ ập xuống cuộc đời của một trí thức thứ thiệt như Gs. Nghiêm Thắm.

Đúng như vậy. Gs. Nghiêm Thắm đã tâm sự với Lm. Vũ Đình Trác chuyện Tổng Bí thư Đảng CSVN Lê Duẩn, với sự tháp tùng của Nguyễn Tuân, đã vào Nam và cho mời Gs. Nghiêm Thắm tới khách sạn Majestic mà đãi đằng, khen ngợi, rồi “đưa đơn đặt hàng” cho ông.

Cuối bữa tiệc thịnh soạn, Lê Duẩn nói với Gs. Nghiêm Thẩm: “Anh Nghiêm Thẩm, chắc anh biết: cả thế giới đang coi Việt Nam mình như ‘đỉnh cao trí tuệ loài người’ mà anh cũng được vinh dự ấy. Việt Nam chúng ta phải làm chủ miền Đông Nam Á này. Mọi yếu tố làm chủ hầu như đã đầy đủ, chỉ còn thiếu một điều...”

Từ trước tới nay, mấy thằng chép sử ‘nhãi ranh’ vẫn cho rằng: nguồn gốc các sắc tộc miền Đông Nam Á Châu này là Mã Lai hay Indonesien. Đại Nga xô mới tìm được ít dấu vết chứng tỏ rằng Việt Nam chúng mình mới là thủy tổ. Chúng ta đang làm lại lịch sử Đông Nam Á Châu. Khoa nhân chủng học và khảo cổ của ta lúc này đang phát đạt vô biên, nên anh phải nắm lấy cơ hội này, với uy tín sẵn có của anh, anh phải viết một bài lớn, thẩm định lại: Dân Việt Nam là thủy tổ các dân tộc Đông Nam Á Châu. Như thế mới đúng ý nghĩa của ‘Đỉnh cao trí tuệ loài người’ và mới xứng đáng tài năng hiếm có của anh.

Tôi im lặng một phút... trả lời hần: ‘Uy tín của tôi lúc này là nói đúng và nói thật. Theo các tài liệu khoa học hiển nhiên, nhất là khoa khảo cổ học và nhân chủng học quá rõ ràng, tôi không thể viết thế khác được. Viết như đồng chí nói là phản khoa học’.

Hần mỉm cười, bảo tôi: ‘Anh nói thế tức là còn đang ở trong vòng gò bó của sách vở, của óc đế quốc, của hủ lậu, chứ không theo sự quan một tí nào cả’.

Tôi cảm thấy tức đầy ruột... nên tôi hơi bạo lời: ‘Nếu tôi viết như thế, thì các nhà khảo cổ và nhân chủng học trên thế giới sẽ cho tôi và cả chế độ tôi phục vụ là con chó chết. Tôi không bao giờ làm chuyện sa đoạ ấy’.

Lê Duẩn vẫn không lộ vẻ tức giận. Hần hỏi tôi vẫn tất: ‘Anh nhất định không làm chuyện đó?’

Tôi bỗng tìm được một danh từ xưng hô, trả lời hần: ‘Tôi không thể đáp ứng yêu cầu của đàn anh trong việc này’.

Lê Duẩn ném cho tôi một cái nhìn có vẻ dữ tợn với câu nói cộc lốc: ‘Anh nhất định thế... Mong anh đổi ý’.

Tôi cũng nhìn thẳng vào mặt hần, trả lời cương quyết: ‘Tôi không bao giờ đổi ý’.

Hần đi ra, không nói thêm nữa lời.

Tôi coi đó như một biến cố đổ vỡ trong đời tôi, dưới chế độ khốn nạn này. Nhưng tôi thà tan vỡ cả tâm thân với cả chế độ này, còn hơn đổ vỡ cho đất nước tôi, cho chí hướng và danh dự học thức của tôi” (Vũ Đình Trác. Sđd. Trang 254, 255, 256).

Sau lần gặp Lê Duẩn, Gs. Nghiêm Thâm sống thập thò, lo âu, chờ đợi một điều gì đó không hay xảy ra cho ông. Nhưng rất bất ngờ, Giáo sư lại được mời đi họp một lần nữa. Người mời lần này là Bộ trưởng Bộ Thông tin Văn hoá CSVN (Nguyễn Văn Hiếu?). Tháp tùng viên bộ trưởng, còn có Gs. Phạm Huy Thông, Viện trưởng Viện Khảo cổ Hà Nội và vài viên bộ trưởng khác. Nơi hội họp là khách sạn Hữu Nghị. Thời gian họp kéo dài ba bốn ngày. Đưa rước bằng xe Mercedes. Ăn uống sang trọng. Mục đích được cho biết là chuẩn bị tham dự đại hội khảo cổ sắp diễn ra ở Moscow. Họ yêu cầu Gs. Nghiêm Thâm đóng góp tài liệu và kiến thức; họ nói úp mở có thể sẽ mời Giáo sư tham gia phái đoàn.

Đáp lại, Gs. Nghiêm Thâm dứt khoát không chấp nhận đưa ra quan điểm nào khác, ngoài sự tôn trọng tính khách quan của những tài liệu khảo cổ và Giáo sư cũng ngỏ ý xin được miễn tháp tùng phái đoàn đi Moscow, viện cớ “*tôi có nhiều ý kiến đối nghịch, sẽ bất lợi cho Đại hội*” (Vũ Đình Trác. Sđd. Trang 256).

Trước thái độ cương quyết của Gs. Nghiêm Thâm, viên bộ trưởng nói: “*Cái đó tùy anh*” và “*Anh chưa đủ thành thực*”.

Gs. Nghiêm Thâm nói với Lm. Vũ Đình Trác: “*Tôi nghe câu đó như một bản án kết tội; từ đó, tôi bắt đầu chán sống. Bà NTD bảo tôi: thái độ như vậy không hay. Coi chừng tội nó cho mình là phản chế độ, là bất hợp tác. Anh nên mềm dẻo với tội nó thì hơn*” (Vũ Đình Trác. Sđd. Trang 257).

Chuyện Gs. Nghiêm Thâm bị bọn Cộng sản làm phiền cũng được Gs. Đỗ Khánh Hoan xác nhận qua email ông gửi cho tôi ngày 02-02- 2013 như sau: “... *Nhiều lần gặp nhau anh (tức Gs. Nghiêm Thâm) chỉ nói: Bọn nó muốn 'toucher' moa nhưng moa không thích, dính vào tội nó bần người và khó chịu lắm. Hoạ chứ không phải phúc đâu, Hoan! Moa chỉ mong nó bảo nhau đến nhận chìa khoá cơ sở là moa bai bai!*”

Vào thời điểm đầu này, Gs. Nghiêm Thâm rất bi quan, chán

nản; thậm chí có lần ông còn thổ lộ với Lm. Vũ Đình Trác là ông muốn vào đạo Chúa, mong nắp bóng từ bi của Ngài và được Ngài an ủi, phù trì.

Nỗi chết chóc càng ngày càng ám ảnh tâm trạng Gs. Nghiêm Thẩm.

Tuy rất thông cảm tâm trạng u uẩn của bạn, nhưng Lm. Vũ Đình Trác không biết làm gì để giúp bạn. Rồi vì phải đi Cần Thơ giảng dạy lớp Đông y, linh mục buồn bã chia tay Gs. Nghiêm Thẩm, ông nói với Giáo sư: *“Số phận chúng mình dưới chế độ Cộng sản chỉ có thế”*.

Sau mấy tuần đi dạy ở miền Tây, Lm. Vũ Đình Trác trở lại Sài Gòn và tới thăm LTN (chúng tôi đoán LTN là Gs. Lê Tôn Nghiêm, cựu linh mục, giáo sư Triết học. Hai ông là bạn đồng hương và đồng môn ở Miền Bắc từ trước 1954). LTN cho Lm. Vũ Đình Trác biết tin Gs. Nghiêm Thẩm đã bị sát hại cách đó 2 tuần.

Theo sự tường thuật của Lm. Vũ Đình Trác thì vụ sát hại Gs. Nghiêm Thẩm xảy ra vào lúc 11 sáng. Thủ phạm là 2 tên lạ mặt. Chúng xông cửa vào nhà và móc súng ra, uy hiếp Gs. Nghiêm Thẩm phải giao ra chiếc búa khảo cổ của ông. Khi lấy được chiếc búa khảo cổ, một tên dùng chính chiếc búa khảo cổ đập 3 búa lên đầu Giáo sư, rồi chúng tẩu thoát cùng với chiếc búa cướp được. Gs. Nghiêm Thẩm nằm chết trên vũng máu. Lúc xảy ra án mạng, bà Dung không có ở nhà, chỉ có cô cháu lén nhìn trộm thấy mọi diễn biến.

Cô cháu vội đi tìm bà Dung. Công an tới lập biên bản và niêm phong tủ sách của Giáo sư.

Bà Dung lo việc mai táng cho Gs. Nghiêm Thẩm. Có một ít đồng nghiệp tiến đưa Giáo sư ra nghĩa trang.

Sau lễ an táng, một số giáo sư thân hữu đã ngồi lại với nhau để hỏi tường về Gs. Nghiêm Thẩm. Linh mục Vũ Đình Trác kể lại: *“Anh LTN và NTN mời anh em nâng ly rượu, chiêu hồn Nghiêm Thẩm về, để chứng kiến mối hận ngàn trùng của anh chị em trí thức Việt Nam dưới bàn tay đẫm máu của Cộng sản. Anh NTN đại diện anh chị em ngâm lên mấy vần thơ thâm niệm:*

*Nghiêm Thắm! Nghiêm Thắm!
Anh là đỉnh cao của hoa gấm Giang sơn,
Anh ra đi mang nặng những oán hờn.
Có khôn thiêng, xin hãy về chứng giám
Vạn lòng thành, vạn niềm tin tưởng niệm
Của anh em trí thức dưới trời Nam.
Nguyện làm gió quét sạch lũ sài lang,
Nguyện làm mưa cho quê hương mát mẻ,
Nguyện làm nắng cho rực màu đất mẹ,
Nguyện làm trăng gieo rắc ánh thanh bình”.*
(Vũ Đình Trác. Sđd. Trang 258, 259).

VI. VÀI NHẬN XÉT

1. Về thời điểm xảy ra án mạng

Wikipedia và vietgle.vn đều chỉ nói vắn tắt Gs. Nghiêm Thắm bị cướp giết chết tại tư gia vào năm 1982.

Thiên nghi, thời điểm 1982 không chính xác. Xin nêu 3 bằng chứng:

Một là, Gs. Đỗ Khánh Hoan cho chúng tôi biết ông đã nghe tin Gs. Nghiêm Thắm bị sát hại trước khi ông vượt biên vào tháng 12-1979. Vụ vụ thảm sát Gs. Nghiêm Thắm không thể nào xảy ra sau ngày Gs. Đỗ Khánh Hoan vượt biên được (qua cuộc điện thoại của tôi với Gs. Đỗ Khánh Hoan vào ngày 08 và 09- 01- 2013).

Hai là, trong hồi kí “*Rồng Xanh Ngục Đỏ*”, Lm. Vũ Đình Trác nói ông chia tay Gs. Nghiêm Thắm vào đầu tháng 11-1979 để đi Cần Thơ giảng dạy lớp Đông y. Khi ông trở về Sài Gòn thì Gs. Nghiêm Thắm đã bị sát hại cách đó 2 tuần. Năm sau, Lm. Vũ Đình Trác vượt biên vào tháng 5-1980.

Ba là, theo ông Nghiêm Trung trong Sontrung’s Blog, thì Gs. Nghiêm Thắm qua đời vào ngày 26-7-1979.

Như thế, mặc dù còn có ý kiến khác nhau về ngày và tháng Gs. Nghiêm Thắm gặp kiếp nạn, nhưng với 3 bằng chứng trên đây, chúng tôi chắc chắn Gs. Nghiêm Thắm đã bị sát hại vào năm 1979 chứ không phải là năm 1982.

2. Về thủ phạm và cách gây án

Gs. Toan Ánh và Lm. Vũ Đình Trác đều nói Gs. Nghiêm Thẩm bị hung thủ đập vào đầu đến chết bằng cái búa khảo cổ quý giá của ông. Nhưng Gs. Toan Ánh lại nghi sát thủ là một tay gian phu, cho nên chắc hung thủ chỉ có một tên mới hợp lí. Đang khi đó, theo Lm. Vũ Đình Trác thì hung thủ là 2 tên lạ mặt.

Mặc dù chúng tôi biết rõ Gs. Toan Ánh vốn là bạn thân giao của Gs. Nghiêm Thẩm, nhưng không hiểu ông căn cứ vào đâu để nêu lên nghi vấn một tên gian phu đã gây nên cái chết của Gs. Nghiêm Thẩm. Trộm nghĩ, nghi vấn này có vẻ nghịch thường, bởi vì bất cứ tên gian phu nào cũng như bất cứ người nào muốn cảm sùng lên đầu người phối ngẫu của mình, tối thiểu, đều phải tính toán cẩn thận giờ giấc sinh hoạt của nạn nhân và phải chọn thời điểm và nơi hành sự cho an toàn, kín đáo.

Nếu vụ án Gs. Nghiêm Thẩm là do một tên gian phu thì quả là y quá ngang nhiên và quá táo bạo, cho nên mới dám vi phạm những điều cấm kị sơ đẳng của một kẻ gian. Thiển nghĩ, cái nghi vấn của Gs. Toan Ánh sẽ mãi mãi chỉ là một nghi vấn có tính cách “tiêu cực”, trừ khi những người trong cuộc còn tại thế chịu lên tiếng.

Cũng không loại bỏ cái nghi vấn của Gs. Toan Ánh là do bị ảnh hưởng bởi thủ đoạn đánh lạc dư luận của những kẻ phạm án. Biết đâu chúng đã thi hành âm mưu bắn một mũi tên mà giết được 2 con chim: tức là chúng giết Gs. Nghiêm Thẩm rồi cho Công an lập ra một biên bản gian trá, trong đó dàn dựng thủ phạm sát nhân là một tên gian phu. Làm thế, chúng vừa làm mất danh dự vừa bịt miệng vị phụ nữ, là người không có mặt ở nhà lúc xảy ra án mạng.

Chắc nhiều người còn nhớ CSVN đã bắt Tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ đêm 05-10-2010 với tang vật tội “mua dâm” là “hai bao cao su (condoms)” khều ra được từ sọt rác phòng khách sạn của ông. Thế rồi CSVN lại phò phép tội mua dâm thành ra tội “tuyên truyền chống phá nhà nước XHCN!”

3. Về nguyên do tại sao Gs. Nghiêm Thẩm bị thẩm sát

Có nhiều bằng chứng cho một nghi vấn khác hợp lí hơn: Chính

bọn lãnh đạo chớp bu CSVN ra lệnh giết Gs. Nghiêm Thẩm vì ông là một trí thức bất hợp tác, không chịu khuất phục làm công cụ tuyên truyền cho chúng.

Đọc cuốn hồi kí *Rồng Xanh Ngục Đỏ* dài 379 trang của Lm. Vũ Đình Trác, chúng tôi thấy có vài chỗ tác giả đã làm lẫn hoặc là cả tin. Chẳng hạn như ở trang 209, có lẽ ông muốn kể chuyện vượt biên tới Thái Lan của Gs. Châu Tâm Luân, nhưng lại viết lầm là Gs. Lý Chánh Trung. Sự thật thì Gs. Lý Chánh Trung không hề vượt biên; ông vẫn ở Việt Nam.

Hay là ở các trang 262 - 275, Lm. Vũ Đình Trác thuật lại một cách tin tưởng những chuyện phép lạ do tên “đại bịp” Hồ Ngọc Ánh (Hồ Ngọc Anh) “đạo diễn” cho Đức Mẹ Maria “thi hành” ở Trung tâm Fatima, Bình Triệu, vào năm 1975 (Xin đọc thêm bài Sự Thật Về Ông Hồ Ngọc Anh dài 7 trang trên Nguyệt san Trái Tim Đức Mẹ, Số 194, Tháng 02-1994). Thực ra, không phải chỉ một mình Lm. Vũ Đình Trác tin vào vụ “phép lạ Hồ Ngọc Anh” mà còn có vài giáo sĩ vị vọng khác nữa cũng tin như vậy!

Mặc dù có vài điều đáng tiếc ấy, song không thể phủ nhận toàn bộ giá trị cuốn hồi kí *Rồng Xanh Ngục Đỏ* được. Đọc cuốn hồi kí này, chúng ta sẽ có cái nhìn sống động tổng quát về tình hình suy sụp của xã hội Miền Nam sau ngày 30-4-1975, nhất là tình cảnh bi đát của giới trí thức và giáo sư Đại học. Đúng là cái cảnh “sĩ khí rụt rè gà phải cáo”!

Riêng phần tường thuật diễn tiến các tình tiết dẫn đưa tới cái chết của Gs. Nghiêm Thẩm, chúng tôi thấy có lớp lang và hữu lí.

Thứ nhất

Bất cứ ai quan tâm tới lịch sử cận đại Việt Nam cũng đều biết rõ tường rằng, trong quá trình đấu tranh cướp chính quyền ở cả hai miền đất nước, bọn lãnh đạo chớp bu CSVN đã thủ tiêu nhiều nhà đối lập danh tiếng, nhiều đồng chí dày công nghiệp của họ, cho nên việc họ tiêu diệt một trí thức bất hợp tác như Gs. Nghiêm Thẩm chỉ là chuyện nhỏ, chuyện thường tình!

Đối với bọn Cộng sản, không theo chúng cũng bị chúng coi là kẻ thù cần phải tiêu diệt. Thế mà Gs. Nghiêm Thẩm đã dám không tuân theo lệnh của Lê Duẩn là kẻ có quyền lực vô biên vào thời đó.

Hậu quả tất nhiên là Gs. Nghiêm Thẩm phải chết.

Thứ hai

Đề thi hành lệnh hành quyết của các lãnh tụ CS, bọn tay sai sát nhân có trăm phương nghìn kế để giết người: Bắt đi “cải tạo” nơi rừng thiêng nước độc không có ngày về, mật báo cho đối phương để mượn tay đối phương tiêu diệt đối thủ, dùng thuốc độc, cho xe cán chết, dàn dựng một vụ chết vì lạc đạn hoặc là một vụ cướp của giết người...

Xem xét vụ sát hại Gs. Nghiêm Thẩm, bắt buộc người quan sát phải nghi ngờ ngay đây là một vụ thanh toán kẻ bất hợp tác về chính trị, được dàn dựng như là một vụ giết người cướp của.

Nghi vấn này căn cứ trên lập luận như sau: Kẻ trộm cướp thường chỉ nhắm vào những con mồi có tiền của; đang khi Gs. Nghiêm Thẩm không phải là người có tiền của. Bọn hung thủ sát hại Gs. Nghiêm Thẩm và chỉ lấy được chiếc một búa khảo cổ. Thử hỏi làm sao những tên trộm cướp bình thường lại biết Gs. Nghiêm Thẩm sở hữu chiếc búa khảo cổ và nếu chỉ để lấy chiếc búa ấy, có đáng để chúng phải giết một mạng người không? Suy ra, chỉ có những kẻ chủ mưu, những kẻ ra lệnh giết người thuộc giới cầm quyền chính trị văn hoá cao cấp mới biết Gs. Nghiêm Thẩm có đồ cổ và sách vở hiếm quý. Cướp của trong trường hợp này là thứ yếu, tiêu diệt đối tượng bất hợp tác chính trị mới là chủ đích. Thêm vào đó, ngay sau khi Gs. Nghiêm Thẩm bị sát hại, Công an tới lập biên bản và “tức khắc niêm phong tủ sách” của ông (Vũ Đình Trác. Sđd. Trang 258). Bọn cướp của giết người bình thường không biết giá trị của sách vở.

Thứ ba

Gs. Đỗ Khánh Hoan cho biết, ban giám hiệu nhà trường Cộng sản rất thích màu mè. Theo lệ, mỗi khi một giáo sư hay nhân viên trường học nào có cha mẹ vợ con qua đời, nhà trường đều cử đại diện đi phúng điếu. Riêng trường hợp Gs. Nghiêm Thẩm bị sát hại, nhà trường phản ứng rất khác lạ. Gs. Đỗ Khánh Hoan chỉ được nghe tin về cái chết của Gs. Nghiêm Thẩm chứ không được nhà trường thông báo chính thức và nhà trường cũng không cử phái đoàn đi thăm viếng hoặc phúng điếu. Gs. Nghiêm Thẩm là giáo sư

kì cụ của nhà trường. Bà Dung sống chung có hôn thú với Gs. Nghiêm Thẩm, cũng là giảng viên tiếng Nhật của nhà trường. Vậy tại sao nhà trường lại đối xử phân biệt tệ hại và vô tình đến như vậy? Câu trả lời chỉ có thể vì đây là vụ án chính trị mà thôi.

Từ câu trả lời trên, người ta có thể hiểu được tại sao vài tài liệu trên mạng lại “nguy tạo” nguyên do và thời điểm về cái chết của Gs. Nghiêm Thẩm. Họ nói Gs. Nghiêm Thẩm bị cướp giết tại tư gia năm 1982. Phải chăng họ muốn tung hoả mù, muốn đánh lạc hướng dư luận?

Thứ tư

Hoạt cảnh sát hại Gs. Nghiêm Thẩm diễn ra trước con mắt nhìn lén của cô cháu gái, lúc đó có mặt ở nhà.

Thứ năm

Cứ sự thường, nếu đây là vụ án hình sự thuần tuý thì, ít nhiều gì, Công an, báo chí và toà án cũng đã làm việc. Nhưng đây là vụ án mạng có tính chính trị mà thủ phạm là bọn Cộng sản, rồi chính bọn họ lập biên bản và điều tra thì chẳng khác chi một kẻ vừa đá banh vừa thổi còi, cho nên vụ án giết Gs. Nghiêm Thẩm ngay giữa thành phố lớn nhất của một nước đã bị cho chìm xuống, và dư luận không mấy ai hay, không mấy ai biết.

Vụ Gs. Nghiêm Thẩm bị sát hại chưa bao giờ được điều tra nghiêm chỉnh và khách quan, cũng như chưa bao giờ được một toà án xứng đáng xét xử công khai với đầy đủ thủ tục tố tụng, cho nên theo luật, không ai có thẩm quyền đưa ra lời buộc tội có giá trị pháp lí ở đây và vụ việc vẫn còn là một nghi án. Thế nhưng, trên đời này có nhiều vụ việc, mặc dù chưa được công nhận là có giá trị pháp lí (de jure), nhưng đã có giá trị trên thực tế rồi (de facto).

Trong thời cận đại và thời hiện đại, cha chú chúng tôi và chính chúng tôi là những chứng nhân sống, là nạn nhân thật sự của các thủ đoạn cướp chính quyền và các đòn phép kềm kẹp tàn độc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cho nên chúng tôi không lạ gì những thủ đoạn thâm hiểm, những tội ác tày trời của bọn Cộng sản Việt Nam. Vụ sát hại Gs. Nghiêm Thẩm chưa có bản án pháp lí, nhưng trong tâm trí chúng tôi, với những bằng chứng và những suy luận trên đây, thiết tưởng đã đủ lí do để chúng tôi đi từ nghi vấn đến kết

luận rằng Gs. Nghiêm Thâm đã bị bọn chóp bu Cộng sản Việt Nam ra lệnh sát hại một cách tàn ác, vì ông đã cương quyết bất hợp tác, không chịu bẻ cong ngòi bút làm công cụ tuyên truyền cho chúng.

Oan khuất thay! Đau đớn thay!

VII. VINH DANH GS. NGHIÊM THÂM

Mặc dù chưa được thụ án nghiêm chỉnh và dư luận không mấy ai hay, không mấy ai biết vụ Gs. Nghiêm Thâm bị sát hại, nhưng chúng tôi là môn sinh của Gs. Nghiêm Thâm, chúng tôi biết và chúng tôi muốn danh tính và cái chết tức tưởi của vị giáo sư anh hùng được đời sau biết tới.

Hiện nay, bọn CSVN làm ra rất nhiều luật lệ, nhưng chúng xài có một thứ luật, đó là luật rừng. Cho nên không mong gì chúng giở lại hồ sơ vụ án Gs. Nghiêm Thâm. Nếu có ai khiếu kiện thì kết quả cũng chỉ là “con kiến mà kiện củ khoai” mà thôi. Song, chúng tôi tin rằng CSVN không có thể thống trị đất nước này mãi được. Sẽ có một ngày đất nước thoát khỏi gông cùm Cộng sản. Chắc chắn lúc đó, công lí sẽ được trả lại cho Gs. Nghiêm Thâm một cách sòng phẳng.

Trong hoàn cảnh hiện nay, môn sinh chúng tôi có thể làm ngay một việc là vinh danh Gs. Nghiêm Thâm như một trí thức anh hùng, một nhà giáo, một nhà khoa học chân chính.

Bất kể bọn Cộng sản đã dàn dựng vụ sát hại Gs. Nghiêm Thâm như thế nào, và rồi giải thích ra sao, Gs. Nghiêm Thâm vẫn đã là anh hùng rồi. Gs. Nghiêm Thâm là anh hùng ngay từ khi ông dứt khoát không tuân lệnh của Tổng Bí thư Đảng CSVN Lê Duẩn, của viên Bộ trưởng Bộ Thông tin Văn hoá CSVN để phải bẻ cong ngòi bút mà viết bài phục vụ chính trị. Gs. Nghiêm Thâm đã không chịu khuất phục trước cường quyền, sẵn sàng chấp nhận tất cả, ngay cả cái chết để bảo vệ danh dự một trí thức, bảo vệ sự thực khách quan của khoa học.

Gs. Nghiêm Thâm xứng đáng là một Chu Văn An, là một Nguyễn Bình Khiêm thời đại ngày nay.

Cuối cùng, chúng tôi xin mượn những câu thơ bất khuất của kẻ sĩ Phùng Quán để kính viếng hồn Gs. Nghiêm Thâm.

*Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
(Lời Mẹ Dặn)*

**Như nén hương kính cẩn tưởng niệm Gs. Nghiêm Thẩm, vị giáo sư bảo trợ luận văn Cao học của chúng tôi.*

02-02-2013.

Chú thích:

1. Gs. Toan Ánh (1916-2009: Tên thật là Nguyễn Văn Toán. Sinh tại Thị Cầu, Bắc Ninh.

Công chức cao cấp Bộ Thông tin, phó Chủ tịch Hội đồng Văn hoá Giáo dục VNCH và là Giảng sư Đại học Vạn Hạnh và Đại học Huế.

Ông là nhà biên khảo tiếng tăm, là tác giả của trên 120 cuốn sách, hầu hết là những cuốn khảo luận về phong tục tập quán giá trị, như: *Nếp Cũ* (11 cuốn), *Việt Nam Chí Lược* (5 cuốn), *Tín Ngưỡng Việt Nam*, *Hội Hè Đình Đám*, *Cầm Ca*, v.v....

Gs. Toan Ánh là một học giả luôn luôn nâng đỡ, khuyến khích hậu sinh học tập. Năm 1971, dù không phải là học trò của ông, chúng tôi cũng đã mấy lần được hầu chuyện Giáo sư. Tôi được Gs. Nghiêm Thẩm nhận đỡ đầu cho tiểu luận Cao học, một phần là nhờ lời giới thiệu của Gs. Toan Ánh.

Hiện ở trong nước, NXB Trẻ đã kí hợp đồng 10 năm (2004-2015) để được độc quyền xuất bản Toan Ánh Toàn tập, gồm 124 tác phẩm đã từng xuất bản và chưa xuất bản của ông. Có một điểm cần lưu ý là tất cả những sách vở đã xuất bản thời VNCH nay được in lại ở trong nước đều bị đục bỏ, sửa chữa những chỗ đụng chạm tới Cộng sản VN hoặc là sẽ có những ghi chú cuối trang theo quan điểm của người Cộng sản.

2. *Lm. Vũ Đình Trác (1927-2003) 1927: Sinh tại Trung Lao, Nam Định.*

1954: *Thụ phong linh mục.*

1960: *Cử nhân Văn chương Việt Hán, Đh. Văn khoa Sài Gòn.*

1963-68: *Hiệu trưởng Trung học Minh Viễn, Chợ Lớn.*

1968-71: *Du học Đài Loan, đậu Thạc sĩ Triết tại Đại học Fujen (Phụ Nhân), Đài Bắc.*

1971-74: *Đậu Tiến sĩ Triết tại Đh. Sophia, Tokyo, Nhật Bản.*

1974: *Về nước, dạy học.*

Ông viết nhiều sách, như: Triết Lý Cháp Sinh Nguyễn Công Trứ, Triết Lý Nhân Bản Nguyễn Du, Một Trăm Cây Thuốc Vạn Linh, Việt Nam Trong Quỹ Đạo Thế Giới, Rừng Xanh Ngục Đỏ, Công Giáo Việt Nam Trong Truyền Thống Văn Hoá Dân Tộc...

Sau 30-4-1975, ông cùng các nữ tu chế thuốc Nam và chữa bệnh chui, nhưng rất mất tay. Để khỏi phiền phức, ông viết đơn xin nghỉ dạy Đại học. Có lúc được mời mở lớp dạy châm cứu và thuốc dân tộc tại Trung tâm tinh tâm Betania, Chí Hoà. Ông còn đi mở lớp ở Cần Thơ, Long Xuyên, Đà Lạt, Dốc Mơ. Sau đó, xin mở Phòng Đông y tại bệnh viện Saint Paul (nay là Bv. Điện Biên Phủ) cho đến sau Tết 1980.

Tháng 5-1980: Vượt biên sang Hoa Kỳ.

2003: Qua đời tại Nam California.



Các thanh niên, sinh viên Công giáo trước toà Cộng sản ở Nghệ An, Tháng 9-2012

PHỤ BẢN 6 - CÁCH VIẾT I VÀ Y TRONG SÁCH NÀY

Sau khi sách MTĐHTVNCH ra mắt lần đầu, một số độc giả muốn chúng tôi giải thích về cách viết **I** và **Y** trong cuốn sách. Để đáp ứng yêu cầu đó, chúng tôi xin trình bày vắn tắt như sau.

Trên sách báo, thường thấy viết **I** sau các phụ âm *B, D, Đ, G, N, R, S, X*; sau *H, L, M, T, V*, có khi viết **I**, có khi viết **Y**. Thí dụ: *Hí hoáy, ngựa hí*, nhưng *hy hữu, hy sinh*; *lí ti, lí nhí*, nhưng *ly kỳ, lý trí, ly dị*; *lông mì, bánh mì, mí mắt*, nhưng *Mỹ Châu, mỹ nữ, mỹ vị*; *tí hí, tí mỉ*, nhưng *ty tiên, tỳ nữ, tỳ vị, tỳ thí* và viết cả *vĩ lẫn vỹ*...

Có tài liệu giải thích viết như thế là theo nguyên tắc: Những từ thuần Nôm viết **I**, những từ Hán Việt viết **Y**. Nguyên tắc này vừa thêm phức tạp vừa không giải quyết được vấn đề. Nếu theo nguyên tắc này thì tại sao những từ Hán Việt sau đây lại viết *kỳ dị, ly dị, lý trí, mỹ vị* hay *tỳ vị* mà không viết *kỳ dị, ly dị, lý trí, mỹ vị* hay *tỳ vị*?

Đó là tình trạng chính tả bất nhất và gây tranh cãi của hai chữ **I** và **Y**.

Trong ý hướng tiến tới việc thống nhất chính tả tiếng Việt, chúng tôi chủ trương viết **I** khi âm /i/ là nguyên âm hay là phần âm chính của âm tiết, không phân biệt từ đó là thuần Nôm hay Hán Việt. Thí dụ: *Bí, di, gì, hí, kì, lí, mỉ, ni, rí, sĩ, tị, vì, xí...*, nhưng ai đã viết tên riêng của mình cách nào, chúng tôi sẽ giữ nguyên. Thí dụ: Nguyễn Cao Kỳ, Lý Bửu Lâm, Lý Chánh Trung...

Riêng trường hợp khi chữ **I** đứng một mình, chúng tôi theo ý nhiều nhà ngữ học, tạm thời chấp nhận cả hai cách viết **I** hoặc **Y**. Thí dụ: *Âm i, âm ã*, nhưng có thể viết *y tế, y thị, ý kiến, ý lại*.

Xin nói thêm, chúng tôi viết **UY** chứ không viết **UI** những chữ phát ra âm /uy/. Thí dụ: *Quy, quý, quýt...*, chứ không viết *qui, qui, quít...*, nhưng ai đã viết tên riêng của mình cách nào, chúng tôi sẽ giữ nguyên. Thí dụ: Lý Quý Chung...

Đó cũng là cách viết của một số vị có công trình nghiên cứu về Ngữ học Việt Nam, như Ts. Nguyễn Đình Hoà (Giáo sư Ngôn ngữ

và Văn minh Văn hoá VN tại VN và HK, Khoa trưởng Đh. Văn khoa Sài Gòn (1957), đồng sáng lập Viện Việt Học, 2000, HK), Bs. Trần Ngọc Ninh (Giáo sư Đh. Y khoa Sài Gòn, Đh. Vạn Hạnh, Tổng trưởng Văn hoá Xã hội đặc trách giáo dục VNCH (1967), nguyên Viện trưởng Viện Việt Học, HK), học giả Nguyễn Hiến Lê (#120 tác phẩm, Giải thưởng Văn chương Toàn quốc, 1966).

Cách nay không lâu, Gs. Đoàn Xuân Kiên (Luân Đôn) cũng nêu lên quan điểm rõ ràng về vấn đề này. Sau khi điếm qua các sách báo, các bộ từ điển và những cuộc tranh luận từ thế kỉ 17 tới nay, Gs. Đoàn Xuân Kiên đã đúc kết thành *nguyên tắc 5 điếm* về cách viết chính tả hai chữ **I** và **Y** như sau:

Viết Y trong những trường hợp sau đây:

- 1) khi tổ âm /iê/ ở đầu một tiếng. Ví dụ: *yên, yêu, yét*.
- 2) trong các tổ âm chúm môi /ui/ và /uiê/ (viết là *uy, uyê, uya*).
Ví dụ: *uy, chuyện, khuya, nguy, tuy*.
- 3) ở sau âm ngắn của **a** (trong chính tả hiện nay cũng viết bằng đồ vị /a/ và âm ngắn của **ơ** (tức là đồ vị /â/).
Ví dụ: *cay, dày, đây, mây*.

Viết I trong những trường hợp sau đây:

- 4) khi âm /i/ là nguyên âm, hay là phần âm chính của âm tiết.
Ví dụ: *i, bí, chim, hí, kìm, lì, lính, sĩ, tị, vì, vinh*.
- 5) Khi âm /i/ là âm cuối, đứng sau phần âm chính ở thể thường, để khép âm tiết. Ví dụ: *ngùi, đôi, người, củi, trai*.

(Đoàn Xuân Kiên. *Nói Thêm Về Chữ I và Y Trong Chính Tả Tiếng Việt*. Định Hướng 32, tr. 45, 46. Mùa Thu 2002, Hoa Kỳ).

Chính tả hai chữ **I** và **Y** thuộc phạm vi môn Ngữ học Việt Nam. Môn học nào cũng có những nguyên tắc riêng. Giá trị của một nguyên tắc ngữ học căn cứ vào mức độ chính xác, hợp lí và những lợi ích mà nó mang lại chứ không dựa trên bất cứ quan điểm chính trị hay tôn giáo nào cả.

Trên thực tế, nhiều người chủ trương bảo lưu thói quen “đã viết (**I** và **Y**) như thế từ hồi học Mẫu giáo”. Có lẽ các nhà nghiên cứu Ngữ học cũng thông cảm phần nào với lối suy nghĩ của số đông này, song đã là nhà khoa học thì các vị ấy thường không bị lệ thuộc vào thói quen hay phong tục tập quán.

MẶT TRẬN ĐẠI HỌC
THỜI VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Tác giả: Bạch Diện Thư Sinh
Tủ sách Hoàng Sa xuất bản
In lần đầu tháng 12-2014
Báo Thăng Mỗ San Jose tái bản tháng 3-2016
Kỹ thuật: Ngô Bảo Quốc
USA

Liên lạc: hoangsa4000@gmail.com